

CÔNG TY TNHH TỬ BẾP BLOOM

-----&-----

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

CỦA CƠ SỞ

**“NHÀ MÁY CÔNG TY TNHH TỬ BẾP
BLOOM, SẢN XUẤT TỦ PHÒNG TẮM
380.000 BỘ/NĂM; SẢN XUẤT LINH PHỤ
KIỆN TỦ PHÒNG TẮM 42.000 SẢN
PHẨM/NĂM; SẢN XUẤT TỦ BẾP 1.520.000
BỘ/NĂM; SẢN XUẤT LINH PHỤ KIỆN TỦ
BẾP 170.000 SẢN PHẨM/NĂM”**

**ĐỊA ĐIỂM: LÔ H3, ĐƯỜNG Đ4, KHU CÔNG NGHIỆP MINH HƯNG III,
PHƯỜNG MINH HƯNG, THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI**

ĐỒNG NAI, NĂM 2026

CÔNG TY TNHH TỬ BẾP BLOOM

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

CỦA CƠ SỞ

**“NHÀ MÁY CÔNG TY TNHH TỬ BẾP
BLOOM, SẢN XUẤT TỦ PHÒNG TẮM
380.000 BỘ/NĂM; SẢN XUẤT LINH PHỤ
KIỆN TỦ PHÒNG TẮM 42.000 SẢN
PHẨM/NĂM; SẢN XUẤT TỦ BẾP 1.520.000
BỘ/NĂM; SẢN XUẤT LINH PHỤ KIỆN TỦ
BẾP 170.000 SẢN PHẨM/NĂM”**

ĐỊA ĐIỂM: LÔ H3, ĐƯỜNG Đ4, KHU CÔNG NGHIỆP MINH HƯNG III,
PHƯỜNG MINH HƯNG, THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI



FANG, JIANQIANG
TỔNG GIÁM ĐỐC

ĐỒNG NAI, NĂM 2026

MỤC LỤC

MỤC LỤC	i
DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT.....	iv
DANH MỤC CÁC BẢNG	v
DANH MỤC CÁC HÌNH.....	vi
CHƯƠNG I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ	1
1.1. Tên chủ cơ sở:.....	1
1.2. Tên cơ sở.....	1
1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở	2
1.3.1. Công suất hoạt động của cơ sở	2
1.3.2. Công nghệ hoạt động của cơ sở	3
1.3.3. Sản phẩm của cơ sở	24
1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở	25
1.4.1. Nguyên liệu, hóa chất sử dụng của cơ sở	25
1.4.2. Nhu cầu và nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở	24
1.5. Đối với cơ sở có sử dụng phế liệu nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất phải nêu rõ: điều kiện kho, bãi lưu giữ phế liệu nhập khẩu; hệ thống thiết bị tái chế; phương án xử lý tạp chất; phương án tái xuất phế liệu.....	26
1.6. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở	27
CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH,.....	30
KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG.....	30
2.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường, khoảng cách an toàn về môi trường theo quy định.....	30
2.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường	30
CHƯƠNG III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	34
3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải	34
3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa.....	34
3.1.2. Thu gom, thoát nước thải.....	36
3.1.3. Xử lý nước thải	39
3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải	47
3.2.1. Biện pháp giảm thiểu bụi khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở.....	47
Mô hình phát tán khí thải của dự án	79
3.2.2. Yêu cầu đối với các hệ thống xử lý bụi, khí thải	87
3.3. Công trình, biện pháp lưu giữ chất thải rắn thông thường.....	90
3.3.1. Biện pháp lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường	

.....	90
3.3.2. Chủng loại, khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh.....	91
3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ chất thải nguy hại.....	92
3.4.1. Biện pháp lưu giữ chất thải nguy hại	92
3.4.2. Công trình lưu giữ chất thải nguy hại	93
3.4.3. Chủng loại, khối lượng chất thải nguy hại phát sinh	94
3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.....	95
3.5.1. Giảm thiểu tiếng ồn, độ rung từ hoạt động máy móc, thiết bị	95
3.5.2. Giảm thiểu tiếng ồn, độ rung từ các phương tiện lưu thông ra vào nhà máy.....	95
3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải	96
3.6.1. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải đối với nước thải.....	96
3.6.2. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải đối với khí thải.....	99
3.6.3. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố kho chứa chất thải	100
3.6.4. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải khác.....	101
3.7. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường	106
3.8. Các nội dung thay đổi so với giấy phép môi trường đã được cấp.....	106
CHƯƠNG IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	107
4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải	107
4.1.1. Nguồn phát sinh nước thải:	107
4.1.2. Dòng nước thải xả	107
4.1.3. Lưu lượng xả nước thải tối đa	107
4.1.4. Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải	107
4.1.5. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải: ..	108
4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải	108
4.2.1. Nguồn phát sinh khí thải:	108
4.2.2. Dòng khí thải, lưu lượng, vị trí, phương thức xả khí thải	110
4.2.3. Phương thức xả thải: liên tục (24 giờ).....	114
4.2.5. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải.....	114
4.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung (nếu có):.....	114
4.4. Quản lý chất thải rắn	115
4.4.1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:	115
4.4.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:.....	117
CHƯƠNG V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	119
5.1. Thông tin chung về tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường	119
5.2. Kết quả thu gom, xử lý chất thải	120
5.3. Kết quả nhập khẩu và sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất.....	121
5.7. Kết quả kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường đối với cơ sở.....	121

CHƯƠNG VI. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	121
6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải	122
6.1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm	122
6.1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải	122
6.2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật	123
6.2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ	123
6.2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải	124
6.2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở	124
6.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm	125
CHƯƠNG VII. NỘI DUNG THUYẾT MINH DỰ ÁN ĐẦU TƯ ĐÁP ỨNG TIÊU CHÍ MÔI TRƯỜNG ĐỂ ĐƯỢC XÁC NHẬN DỰ ÁN ĐẦU TƯ THUỘC DANH MỤC PHÂN LOẠI XANH	126
CHƯƠNG VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ	127

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

BXD	:	Bộ Xây dựng
BYT	:	Bộ Y tế
BOD	:	Nhu cầu oxy sinh hóa
COD	:	Nhu cầu oxy hóa học
CP	:	Cổ phần
CTNH	:	Chất thải nguy hại
CTR	:	Chất thải rắn
ĐTM	:	Đánh giá tác động môi trường
GPMT	:	Giấy phép môi trường
HTXL	:	Hệ thống xử lý
KPH	:	Không phát hiện
KCN	:	Khu công nghiệp
L	:	Chiều dài
NT	:	Nước thải
PCCC	:	Phòng cháy chữa cháy
SS	:	Chất rắn lơ lửng
TNHH	:	Trách nhiệm hữu hạn

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1. 1. Danh mục sản phẩm và công suất sản phẩm	2
Bảng 1. 2. Danh mục máy móc, thiết bị chính sản xuất của cơ sở	13
Bảng 1.3. Sản phẩm đầu ra của cơ sở	24
Bảng 1.4. Danh mục và định mức nguyên liệu của Nhà máy	25
Bảng 1.5. Danh mục và định mức hóa chất của Nhà máy	26
Bảng 1. 6. Nhu cầu dùng điện hiện hữu của nhà máy	24
Bảng 1. 7. Tổng hợp nhu cầu sử dụng điện của cơ sở	25
Bảng 1. 8. Nhu cầu sử dụng nước của Nhà máy:.....	26
Bảng 1. 9. Nhu cầu lao động tại cơ sở	27
Bảng 1.10. Diện tích các hạng mục công trình của cơ sở.....	27
Bảng 3. 1. Bảng thống kê khối lượng hệ thống thoát nước mưa	34
Bảng 3. 2. Bảng thống kê lượng nước thải phát sinh của cơ sở	36
Bảng 3. 3. Thông số kích thước bể tự hoại	41
Bảng 3.4. Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý nước thải	44
Bảng 3.5. Hóa chất dùng cho hệ thống xử lý nước thải.....	45
Bảng 3. 6. Bảng tổng hợp công trình xử lý bụi, khí thải tại cơ sở.....	48
Bảng 3. 7. Thông số kỹ thuật của hệ thống thu hồi bụi bằng cyclone	59
Bảng 3. 8. Thông số kỹ thuật của hệ thống thu hồi bụi bằng cyclone	63
Bảng 3. 9. Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý khí thải chuyên sơn UV, AC	66
Bảng 3. 10. Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý khí thải phun sơn màng nước	72
Bảng 3. 11. Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý khí thải phun sơn sửa màu	76
Bảng 3. 12. Tải lượng các chất ô nhiễm (g/ngày).....	85
Bảng 3. 13. Lượng nhiên liệu cần cung cấp cho hoạt động giao thông.....	86
Bảng 3. 14. Hệ số ô nhiễm do khí thải từ hoạt động giao thông	86
Bảng 3. 15. Tải lượng ô nhiễm không khí do các phương tiện giao thông tại nhà máy	86
Bảng 3. 16. Tải lượng các chất ô nhiễm (g/ngày).....	88
Bảng 3. 17. Lượng nhiên liệu cần cung cấp cho hoạt động giao thông.....	88
Bảng 3. 18. Hệ số ô nhiễm do khí thải từ hoạt động giao thông	89
Bảng 3. 19. Tải lượng ô nhiễm không khí do các phương tiện giao thông tại nhà máy	89
Bảng 3.20. Khối lượng chất thải sinh hoạt	92
Bảng 3.21. Khối lượng chất thải công nghiệp thông thường.....	92
Bảng 3.22. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở.....	94
Bảng 3. 20. Loại sự cố và biện pháp khắc phục sự cố hệ thống xử lý nước thải	97
Bảng 3.24. Một số sự cố thường gặp và một số biện pháp khắc phục	99
Bảng 6. 1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải	122
Bảng 6.2. Vị trí lấy mẫu.....	123
Bảng 6.3. Kế hoạch đo đạc, lấy và phân tích mẫu chất thải	123
Bảng 6.4. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm	125

DANH MỤC CÁC HÌNH

Hình 1. 1. Quy trình sản xuất sản xuất tủ bếp, tủ phòng tắm.....	3
Hình 1. 2. Dây chuyền sơn UV tự động.....	6
Hình 1. 3. Quy trình sản xuất phụ kiện tủ	8
Hình 1. 4. Hình ảnh sản phẩm của Cơ sở.....	25
Hình 1. 5. Hình ảnh hiện trạng nhà máy	29
Hình 3. 1. Sơ đồ hệ thống thu gom nước mưa chảy tràn của Cơ sở	35
Hình 3. 2. Hình ảnh vị trí thoát nước mưa tại cơ sở.....	35
Hình 3.3. Sơ đồ công nghệ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt, công suất 70 m ³ /ngày.đêm	42
Hình 3. 4. Quy trình công nghệ hệ thống xử lý bụi gỗ bằng Cyclone	57

CHƯƠNG I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1.1. Tên chủ cơ sở:

- Tên chủ cơ sở: CÔNG TY TNHH TỬ BẾP BLOOM
- Địa chỉ trụ sở chính: Lô H3, đường Đ4, khu công nghiệp Minh Hưng III, phường Minh Hưng, thành phố Đồng Nai.
- Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở: Ông Fang, Jianqiang
- + Chức vụ: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
- + Ngày sinh: 27/04/1977 Quốc tịch: Trung Quốc
- + Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Hộ chiếu nước ngoài
- + Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: EQ6133142; Ngày cấp: 28/11/2025 tại Tổng lãnh sự quán Trung Quốc tại TP Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: 0819808798.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên với mã số doanh nghiệp 3801275876, đăng ký lần đầu ngày 21/07/2022, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 19/05/2026 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở tài chính thành phố Đồng Nai cấp.
- Giấy chứng nhận đầu tư do Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế Thành phố Đồng Nai cấp số 8775073713, chứng nhận lần đầu ngày 19/07/2022, chứng nhận điều chỉnh lần thứ hai ngày 23/07/2026

1.2. Tên cơ sở

“Nhà máy Công ty TNHH Tử Bếp Bloom, sản xuất tủ phòng tắm 380.000 bộ/năm; sản xuất linh phụ kiện tủ phòng tắm 42.000 sản phẩm/năm; sản xuất tủ bếp 1.520.000 bộ/năm; sản xuất linh phụ kiện tủ bếp 170.000 sản phẩm/năm”.

- **Địa điểm cơ sở:** Lô H3, đường Đ4, khu công nghiệp Minh Hưng III, phường Minh Hưng, thành phố Đồng Nai.

- Quy mô của cơ sở theo quy định của pháp luật về đầu tư, đầu tư công: Dự án nhóm B (Tổng vốn: 350.700.000.000 đồng (ba trăm năm mươi tỷ bảy trăm triệu đồng)).

- Yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường: cơ sở không thuộc dự án có yếu tố nhạy cảm về môi trường quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/1/2025 và khoản 2 Điều 5 Nghị định 48/2026/NĐ-CP ngày 29/1/2026.

- Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: sản xuất tủ phòng tắm; sản xuất linh phụ kiện tủ phòng tắm; sản xuất tủ bếp; sản xuất linh phụ kiện tủ bếp.

- Phân nhóm dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường: thuộc nhóm III Phụ lục V Nghị định 05/2025/NĐ-CP.

- Công ty đã thực hiện đóng phạt theo quyết định số 623/QĐ-XPHC ngày 23/06/2026 về hành vi chưa có giấy phép môi trường theo quy định tại điểm b khoản 2 điều 42 Luật bảo vệ môi trường năm 2020

Việc lập hồ sơ xin cấp Giấy phép môi trường của cơ sở nhằm đảm bảo đúng theo quy định tại Khoản 1, 2 Điều 39 và Điểm a, Khoản 3, Điều 41 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 có hiệu lực ngày 01/01/2022. Công ty tiến hành lập hồ sơ xin giấy phép môi trường nộp về Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế Thành phố Đồng Nai

Mẫu báo cáo được thực hiện theo mẫu số 22d của Thông tư số 09/2026/TT-BTNMT ngày 29/01/2026 Thông tư Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 và Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16 tháng 6 năm 2025

1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở

1.3.1. Công suất hoạt động của cơ sở

Bảng 1. 1. Danh mục sản phẩm và công suất sản phẩm

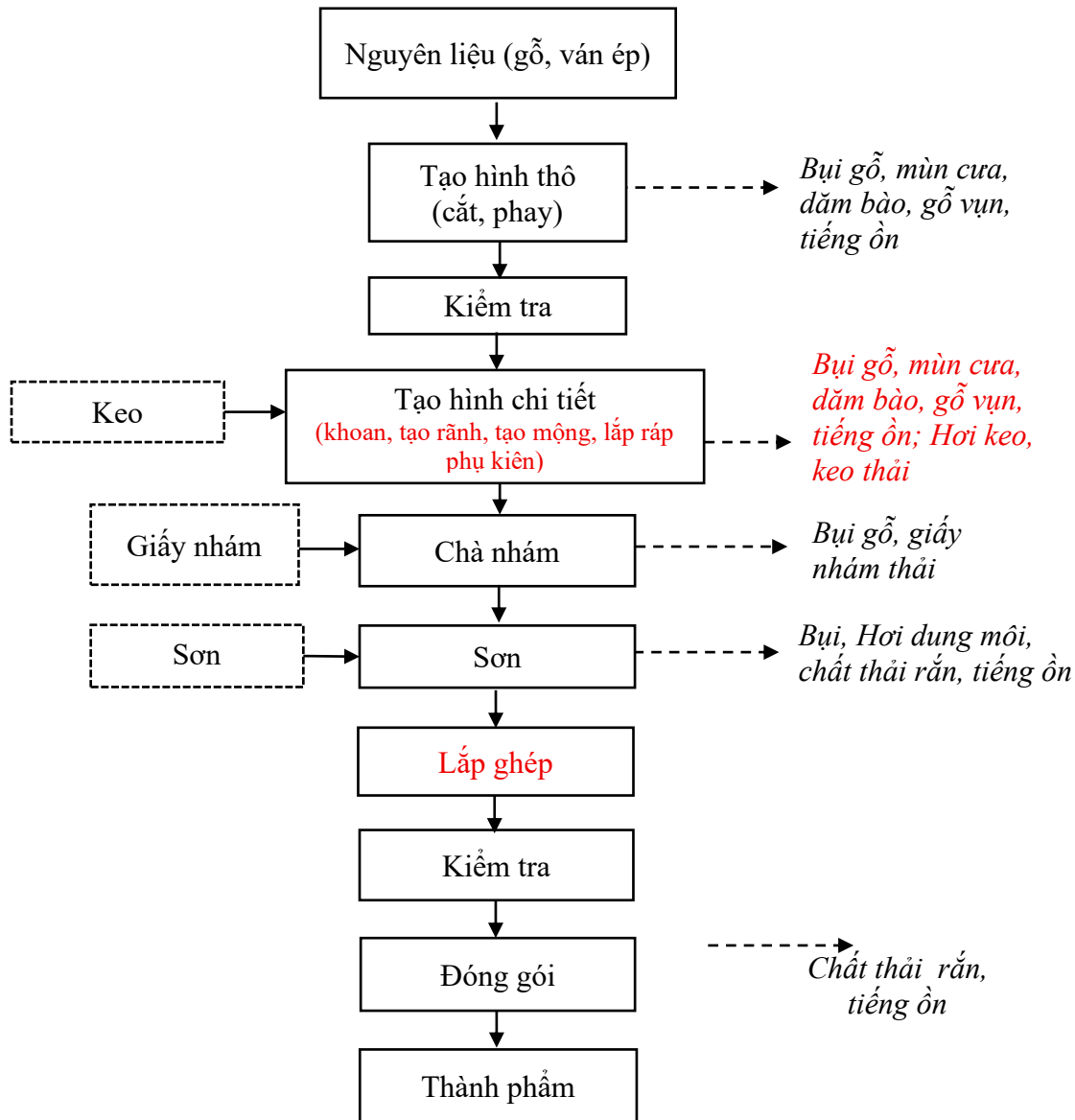
TT	Sản phẩm	Đơn vị	Công suất	
			Năm 2025	Cấp GPMT
1	Tủ phòng tắm	Bộ/năm	266.000	380.000
2	Linh phụ kiện của tủ phòng tắm	Sản phẩm/năm	29.400	42.000
3	Tủ bếp	Bộ/năm	1.064.000	1.520.000
4	Linh phụ kiện tủ bếp	Sản phẩm/năm	119.000	170.000

(Nguồn: Công ty TNHH Tủ Bếp Bloom)

1.3.2. Công nghệ hoạt động của cơ sở

(1) Quy trình sản xuất tủ bếp, tủ phòng tắm

Để sản xuất được tủ bếp, tủ phòng tắm cần gia công các chi tiết bán thành phẩm gỗ (như cửa, khung trước, ngăn kéo, khung cửa, khung tủ...) có kích thước phù hợp sau đó lắp ráp lại thành sản phẩm hoàn thiện. Quy trình sản xuất các chi tiết tương đối giống nhau vì vậy quy trình sản xuất tủ bếp, tủ phòng tắm được trình bày như sau:



Hình 1. 1. Quy trình sản xuất sản xuất tủ bếp, tủ phòng tắm

Thuyết minh quy trình sản xuất

Nguyên liệu đầu vào: Nguyên liệu chính phục vụ cho sản xuất là gỗ phôi và ván ép thành phẩm mua từ các công ty gỗ trong và ngoài nước. Gỗ phôi là gỗ đã

được xẻ thành tấm và qua xử lý hấp sấy của các công ty ngành gỗ gia công theo tiêu chuẩn riêng đối với từng loại sản phẩm.

Tạo hình thô:

Phương pháp thực hiện: sử dụng máy cắt tự động, máy phay để định hình cơ bản hình dáng các chi tiết của sản phẩm theo các kích thước yêu cầu của đơn đặt hàng, làm nhẵn bề mặt trước khi qua công đoạn định hình chi tiết và chà nhám.

Các vật liệu ra vào máy gia công bằng phương pháp thủ công. Các công đoạn gia công tại các máy cắt, máy phay sẽ phát sinh bụi gỗ, mùn cưa, dăm bào, gỗ vụn, tiếng ồn.

Các chi tiết sau khi được tạo hình sẽ được kiểm tra và đối chiếu với bản vẽ thiết kế. Nếu đạt theo yêu cầu thiết kế thì sẽ được đưa qua công đoạn tạo hình chi tiết, nếu không đạt sẽ tiến hành chỉnh sửa. Nếu lỗi lớn và không thể chỉnh sửa thì chi tiết đó sẽ được chuyển qua máy cắt để loại bỏ phần bị lỗi, phần còn lại sẽ đưa vào tái sử dụng cho các công đoạn khác với kích thước phù hợp

Tại mỗi máy gia công có bố trí các ruột gà, đường ống để thu gom bụi dẫn về hệ thống thu gom xử lý bụi bằng Cyclone.

Tạo hình chi tiết:

Phương pháp thực hiện: sử dụng máy khoan, máy tạo rãnh, máy làm mộng để làm mộng, khoan lỗ, tạo rãnh cho sản phẩm. Trong các công đoạn này sẽ phát sinh bụi gỗ, mùn cưa, dăm bào, gỗ vụn, tiếng ồn.

Các vật liệu ra vào máy gia công bằng phương pháp thủ công.

Mục đích công đoạn: nhằm ghép gỗ thành các các bán thành phẩm gỗ (như cửa, khung trước, ngăn kéo, khung cửa, khung tủ...) có kích thước phù hợp với sản phẩm thiết kế.

Nguyên liệu: gỗ phơi, ván (sau khi đã gia công tạo hình và phun sơn), keo

Keo sử dụng cho quá trình ghép gỗ là keo sữa.

Phương pháp thực hiện tại công đoạn lắp ráp:

Các thanh gỗ sẽ được công nhân xếp thành dãy dài sát nhau lên băng chuyền, đưa vào máy để quét keo tự động (keo được công nhân nạp thủ công vào máy), Sau đó đưa vào máy ép cao tầng để keo kết dính các thanh gỗ lại với nhau.

Nguyên lý làm khô keo của máy ép cao tần: sử dụng điện năng để tạo ra sóng cao tần. Sóng cao tần từ mặt bàn sẽ đi qua khe hở chứa keo, không khí giữa các thanh gỗ. Lúc này, sóng cao tần sẽ làm các phân tử dẫn điện trong keo (nước, không khí...) giữa các thanh gỗ chuyển động với tốc độ cực nhanh, xoay vòng liên tục tạo lực ma sát, va chạm giữa các phân tử với tốc độ cao, từ đó sản sinh ra nhiệt. Nhiệt này đủ để làm chết keo toàn bộ thanh gỗ, làm cho các thanh gỗ dính chặt lại với nhau.

Các chi tiết sau khi được tạo hình, lắp ráp, kiểm tra và đối chiếu với bản vẽ thiết kế. Nếu đạt theo yêu cầu thiết kế thì sẽ được đưa qua công đoạn chà nhám, nếu không đạt sẽ tiến hành chỉnh sửa.

Tại mỗi máy gia công có bố trí các ruột gà, đường ống để thu gom bụi dẫn về hệ thống thu gom xử lý bụi bằng Cyclone.

Công đoạn chà nhám:

Phương pháp thực hiện: sử dụng máy chà nhám để làm nhẵn, láng bóng bề mặt gỗ. Công đoạn này có phát sinh bụi gỗ, tiếng ồn. Khu vực này có bố trí các ruột gà, đường ống để thu gom bụi dẫn về hệ thống thu gom xử lý bụi bằng Cyclone.

Sơn: Cơ sở sử dụng 02 công nghệ sơn là: sơn UV bằng dây chuyền và Sơn AC

🚦 Công nghệ sơn UV bằng dây chuyền:

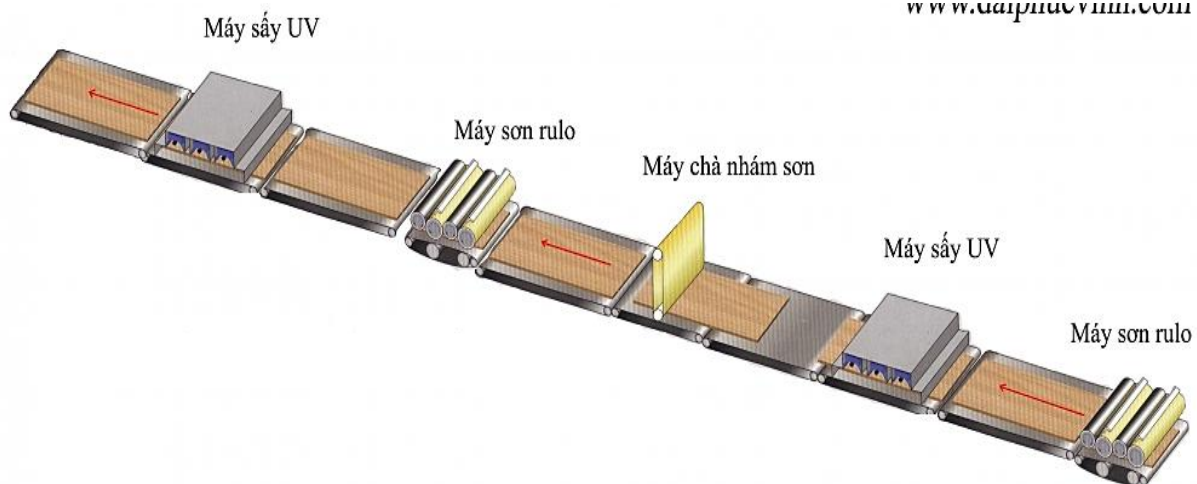
Đây là công nghệ sơn mới và hiện đại, sơn sử dụng là loại sơn UV, sơn dạng sệt và không sử dụng dung môi pha sơn nên giảm đáng kể được các chất ô nhiễm phát sinh (đặc biệt là hơi dung môi) cho công đoạn sơn này.

Phương pháp thực hiện: Quá trình sơn UV được thực hiện nhờ các trục lăn, các sản phẩm có bề mặt phẳng sẽ được đưa lên băng tải đưa qua máy hút bụi loại bỏ bụi trên các bề mặt, sau đó vào máy phun sơn UV sẽ sơn, con lăn đảo ngược kép sẽ phủ một lớp sơn mỏng và vừa đủ để phủ kín bề mặt sản phẩm và thu hồi sơn dư. Các chi tiết sau đó được đưa qua hầm sấy để làm khô sơn, công nghệ sấy là dùng các đèn UV chiếu lên bề mặt vừa sơn để làm khô sơn. Dưới tác dụng của tia UV, sản phẩm sẽ được làm khô nhanh chóng trong khoảng thời gian từ 2-3s.

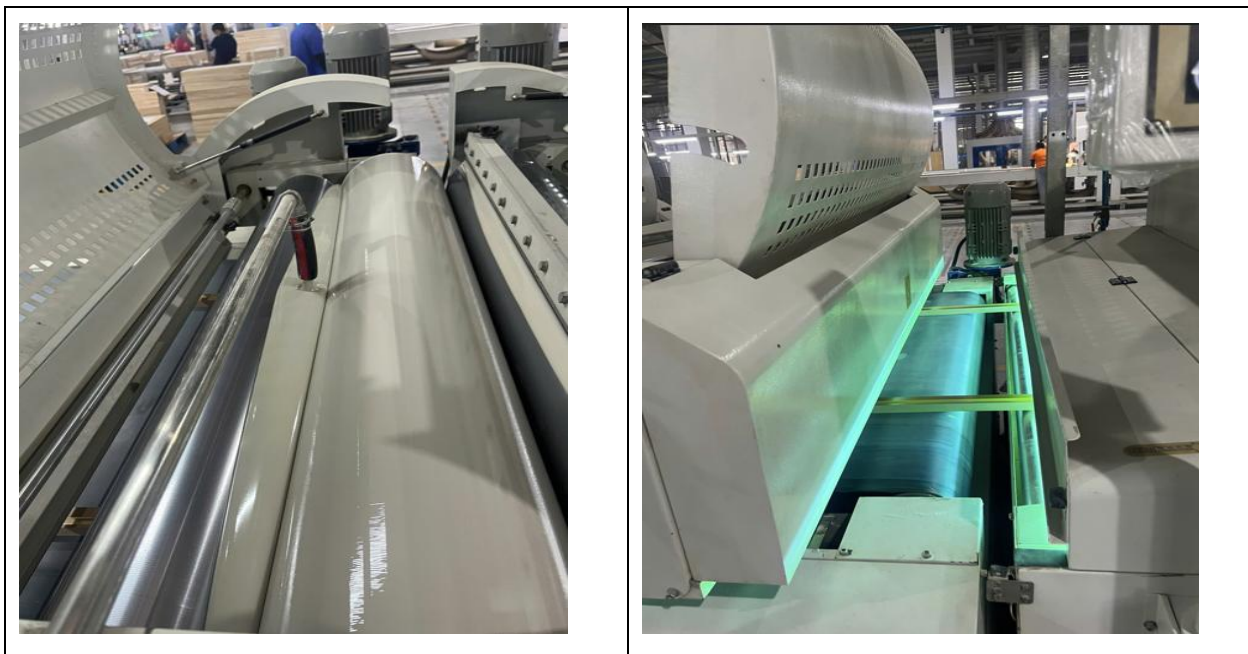
Cụ thể quá trình sơn UV được thực hiện qua các bước: hút bụi → sơn lót → sấy → sơn lót → chà nhám → hút bụi → sơn bóng → sấy → thành phẩm.

- Nhu cầu sơn UV chiếm khoảng 40% tổng lượng vật liệu cần sơn, được thực hiện đối với các chi tiết dạng tấm, bề mặt phẳng, không lồi lõm như bề mặt tủ, ít góc cạnh.

- Ưu điểm: Với công nghệ sơn này sẽ không làm phát sinh bụi sơn thừa, giảm đáng kể lượng sơn bị thất thoát, tiết kiệm lượng sơn sử dụng so với công nghệ phun sơn truyền thống (dùng súng sơn để phun sơn lên bề mặt sản phẩm).



Hình 1. 2. Dây chuyền sơn UV tự động



✚ Công nghệ phun sơn bằng súng sơn AC

Nhu cầu sơn AC sử dụng chiếm khoảng 60% tổng lượng vật liệu cần sơn, thực hiện đối với các chi tiết dạng khung, có nhiều góc cạnh,.....

Pha sơn: sử dụng dạng sơn AC thành phẩm đã được pha sẵn để phù hợp với hoạt động của súng phun sơn.

Phương pháp thực hiện: các chi tiết sẽ được treo trên các móc treo của hệ thống thiết bị dẫn truyền (vị trí từ móc treo đến mặt đất khoảng 1,3-1,5m, ngang tầm tay của công nhân để thuận tiện cho việc phun sơn). Thiết bị dẫn truyền sẽ được điều chỉnh vận tốc đủ nhỏ (0,1-0,2 m/s), đưa vật liệu chạy ngang qua buồng phun sơn và công nhân sẽ sử dụng súng phun sơn để phun xịt lên các bề mặt của vật cần sơn. Quá trình phun sơn được thực hiện trong buồng phun sơn, trong đó một số buồng được trang bị hệ thống màng nước để thu gom bụi sơn phát sinh

Các chi tiết sau khi sơn vẫn đặt trên dây chuyền chạy vòng quanh trong phòng sấy để sấy khô sơn và được kiểm tra bằng mắt thường, tại các vị trí sơn chưa đạt được sơn dặm thủ công bằng cọ quét. Các chi tiết sau khi được sơn sẽ được đưa qua công đoạn kiểm tra. Nếu màu sơn không đạt sẽ được đưa trở lại công đoạn trước để chà nhám, loại bỏ lớp sơn cũ và tiến hành sơn phủ lại.

Công nghệ phun sơn AC tự động

Pha sơn: Sử dụng sơn nước tiến hành pha sơn đạt theo yêu cầu chất lượng sản phẩm.

Các chi tiết sẽ được đưa vào buồng sơn tự động, thông qua hệ thống máy phun sơn tự động tiến hành phun trên bề mặt sản phẩm. Sau khi sơn xong tiến hành qua dây chuyền sấy khô để làm khô sản phẩm.

Nếu kết quả không đạt tiến hành chà nhám để loại bỏ sơn cũ và tiến hành sơn phủ lại.

Công đoạn lắp ghép:

Sản phẩm đạt yêu cầu sẽ được đưa qua công đoạn lắp ráp các bộ phận rời khác, một số chi tiết nhỏ cần gắn ốc vít thì sẽ tiến hành gắn.

Quá trình lắp ráp sẽ gắn thêm các phụ kiện, linh kiện gọi chung là ngũ kim như ốc vít, gắn bản lề... thành bộ bàn, ghế hoàn chỉnh. Trong quá trình lắp ráp có sử dụng keo sữa để chắm vào các chỗ bị hở mộng không chắc chắn.

Các chi tiết được lắp ráp bằng phương pháp thủ công.

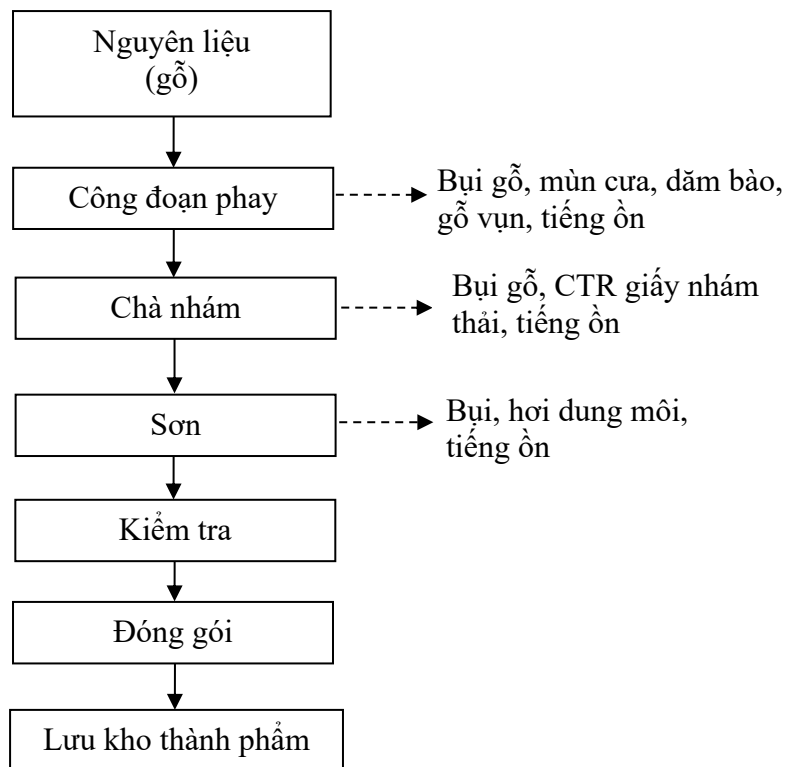
Công đoạn kiểm tra:

Các chi tiết sau khi được tạo hình, bao phủ giấy sẽ được kiểm tra và đối chiếu với bản vẽ thiết kế. Nếu đạt theo yêu cầu thiết kế thì sẽ được đưa qua công đoạn lắp ráp, nếu không đạt sẽ tiến hành chỉnh sửa.

Đóng gói và lưu kho:

Các chi tiết sau khi lắp ráp, kiểm tra thử để đảm bảo sản phẩm có thể lắp ráp được tại nơi bán hàng. Sau đó, các chi tiết sẽ được tháo rời, đóng gói thành phẩm, công đoạn này có phát sinh bao bì đóng gói hỏng. Sản phẩm sẽ được lưu kho thành phẩm và xuất bán cho khách hàng.

(2) Quy trình sản xuất phụ kiện tủ bếp, tủ phòng tắm (giá tủ bếp có kính, hông tủ bếp, thanh trang trí tủ bếp, khung cửa tủ bếp, nẹp chân tủ bếp, gương phòng tắm, hông tủ lạnh, lưng tủ bếp, thanh chỉ, nẹp chân tủ bếp, thanh ống đèn, nẹp trang trí tủ bếp...)



Hình 1. 3. Quy trình sản xuất phụ kiện tủ

Thuyết minh quy trình:

Nguyên liệu

Nguyên liệu chính phục vụ cho sản xuất là gỗ phôi thành phẩm mua từ các công ty gỗ trong và ngoài nước. Gỗ phôi là gỗ đã được xẻ thành tấm và qua xử lý hấp sấy của các công ty ngành gỗ gia công theo tiêu chuẩn riêng của dự án đối với từng loại sản phẩm.

Công đoạn phay

Tại đây các gỗ được tiến hành phay định hình tạo hình và tạo các hình hoa văn, các góc uốn lượn theo quy cách thành phẩm.

Công đoạn chà nhám:

Để bề mặt gỗ được nhẵn, láng bóng và dễ bắt sơn, các chi tiết gỗ sẽ được đưa qua công đoạn chà nhám bằng các máy chà nhám tự động, độ nhẵn chưa đạt được chà lại bằng máy chà nhám cầm tay.

Khu vực chà nhám bằng máy cầm tay có lắp đặt hệ thống thu gom xử lý bụi bằng túi vải.

Sơn: Khu vực chuyển sơn UV được bố trí tại xưởng 1 và xưởng 2. Công nghệ sơn như sau:

Công nghệ sơn UV bằng dây chuyền tự động

Đây là công nghệ sơn mới và hiện đại, sơn sử dụng là loại sơn UV, sơn dạng sệt và không sử dụng dung môi pha sơn nên giảm đáng kể được các chất ô nhiễm phát sinh (đặc biệt là hơi dung môi) cho công đoạn sơn này.

Phương pháp thực hiện: Quá trình sơn UV được thực hiện nhờ các trục lăn, các sản phẩm có bề mặt phẳng sẽ được đưa lên băng tải đưa qua máy hút bụi loại bỏ bụi trên các bề mặt, 1 bộ pittong sẽ quét ánh sáng sơn tự động, con lăn đảo ngược kíp sẽ phủ một lớp sơn mỏng và vừa đủ để phủ kín bề mặt sản phẩm và thu hồi sơn dư. Các chi tiết sau đó được đưa qua hầm sấy để làm khô sơn, công nghệ sấy là dùng các đèn UV chiếu lên bề mặt vừa sơn để làm khô sơn. Dưới tác dụng của tia UV, sản phẩm sẽ được làm khô nhanh chóng trong khoảng thời gian từ 2-3s.

Cụ thể quá trình sơn UV được thực hiện qua các bước: hút bụi → sơn → sấy → chà nhám → hút bụi → sơn bóng → sấy → bán thành phẩm.

Nhu cầu sơn UV chiếm khoảng 10% tổng lượng vật liệu cần sơn, được thực hiện đối với các chi tiết dạng tấm, bề mặt phẳng, không lồi lõm như bề mặt tủ, ít góc cạnh.

Ưu điểm: Với công nghệ sơn này sẽ không làm phát sinh bụi sơn thừa, giảm đáng kể lượng sơn bị thất thoát, tiết kiệm lượng sơn sử dụng so với công nghệ phun sơn truyền thống (dùng súng sơn để phun sơn lên bề mặt sản phẩm).

Công nghệ phun sơn hệ thống phun sơn tự động

Nhu cầu sơn AC sử dụng đối với dự án: Chiếm khoảng 90% tổng lượng vật liệu cần sơn, thực hiện đối với các chi tiết dạng khung, có nhiều góc cạnh,.....

Pha sơn: dự án sử dụng dạng sơn AC thành phẩm đã được pha sẵn để phù hợp với hoạt động của súng phun sơn.

Phương pháp thực hiện: các chi tiết sẽ được đưa lên băng tải đưa qua máy phủ

bụi làm sạch các bề mặt, sau đó chuyển vào máy phun sơn tự động AC phủ một lớp sơn mỏng và vừa đủ để phủ kín bề mặt sản phẩm. Các chi tiết sau khi sơn theo băng tải trực lăn dẫn qua máy sấy để làm khô sơn.

Kiểm tra: Sau khi phun sơn các thành phẩm được kiểm tra theo độ chính xác về màu sắc và thẩm mỹ của từng sản phẩm. Sau đó chuyển sang khâu đóng gói.

Đóng gói: Sản phẩm được đóng gói cẩn thận bằng túi ni long hoặc thùng carton, bảo vệ kỹ càng.

Lưu kho thành phẩm: Các thành phẩm sau khi đóng gói sẽ được lưu kho và xuất bán cho khách hàng

Bảng 1. 2. Danh mục máy móc, thiết bị chính sản xuất của cơ sở

TT	Thiết bị/máy móc	Số lượng (cái)		Công suất (kW)	Năm sản xuất	Xuất xứ	Tình trạng
		Hiện hữu	Cấp GPMT				
I	Máy móc, thiết bị tại xưởng 1						
1	Máy CNC	2	2	35,5kW	2022	Trung Quốc	Đang sử dụng
2	Máy tubi	4	4	7,5kW	2022	Trung Quốc	Đang sử dụng
3	Máy chạy rãnh(bộ)	1	1	40,25kW	2022	Trung Quốc	Đang sử dụng
4	Máy cắt nhiều cạnh	2	2	27kW	2022	Trung Quốc	Đang sử dụng
5	Máy chà nhám	1	1	33kW	2022	Trung Quốc	Đang sử dụng
6	Máy cưa	2	2	4kW	2022	Trung Quốc	Đang sử dụng
7	Máy sơn cạnh(UV)	2	2	89kW	2022	Trung Quốc	Đang sử dụng
8	Máy bào hai mặt	1	1	22,87kW	2022	Trung Quốc	Đang sử dụng
9	Máy sửa cạnh	1	1	13,3kW	2022	Trung Quốc	Đang sử dụng
10	Máy chà tạo vân	1	1	49kW	2022	Trung Quốc	Đang sử dụng
11	Máy bào bốn mặt	5	5	60kW	2022	Trung Quốc	Đang sử dụng
12	Máy cắt tự động	2	2	4kW	2022	Trung Quốc	Đang sử dụng
13	Máy cưa	2	2	3kW	2022	Trung Quốc	Đang sử dụng
14	Máy cắt hai đầu	2	2	75kW	2022	Trung Quốc	Đang sử dụng
15	Máy tubi	2	2	11kW	2022	Trung Quốc	Đang sử dụng
16	Máy đánh mòng	3	3	21,88kW	2022	Trung Quốc	Đang sử dụng
17	Máy chà nhám	1	1	3kW	2022	Trung Quốc	Đang sử dụng
18	Máy lắp ráp khung cửa	6	6	1,5kW	2022	Trung Quốc	Đang sử dụng

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

19	Máy ép khung gỗ	2	2	5kW	2022	Trung Quốc	Đang sử dụng
20	Máy lắp ráp khung tay	4	4	1.5 - 2kW	2022	Trung Quốc	Đang sử dụng
21	Máy lắp ráp khung tự động	3	3	2kW	2022	Trung Quốc	Đang sử dụng
22	Máy khoan	10	10	2,6kW; 4,4kW; 3,3kW; 6,6kW; 5,5kW	2022	Trung Quốc	Đang sử dụng
23	Máy đánh mòng	3	3	7,5 kW ; 13,8 kW ; 13,5 kW	2022	Trung Quốc	Đang sử dụng
24	Máy chà nhám	2	2	25 kW	2022	Trung Quốc	Đang sử dụng
25	Máy ruto	3	3	3-3,8 kW	2022	Trung Quốc	Đang sử dụng
26	Máy tubi	2	2	4- 5,5 kW	2022	Trung Quốc	Đang sử dụng
27	Máy đánh rãnh	1	1	10,8 kW	2022	Trung Quốc	Đang sử dụng
28	Máy CNC	3	3	17 kW	2022	Trung Quốc	Đang sử dụng
29	Máy cưa	4	4	3-28,5kW	2022	Trung Quốc	Đang sử dụng
30	Máy cắt	2	2	4,4-75 kW	2022	Trung Quốc	Đang sử dụng
31	Máy bào	4	4	60-65kW	2022	Trung Quốc	Đang sử dụng
32	Máy sơn cạnh	1	1	26kW	2022	Trung Quốc	Đang sử dụng
33	Máy ép	6	6	5,2kW	2022	Trung Quốc	Đang sử dụng
34	Máy in logo	1	1	-	2022	Trung Quốc	Đang sử dụng
35	Máy lật ván	1	1	3kW	2022	Trung Quốc	Đang sử dụng
36	Chuyên sơn UV	14	14	24,65 kW; 34,6 kW; 36,6 kW; 37,4kW	2022	Trung Quốc	Đang sử dụng
37	Máy cuộn	12	12	42,5kW	2022	Trung Quốc	Đang sử dụng

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

38	Máy chà nhám	7	7	26kW	2022	Trung Quốc	Đang sử dụng
39	Máy tải liệu	4	4	1,5kW	2022	Trung Quốc	Đang sử dụng
II	Máy móc, thiết bị tại xưởng 2						
1	Máy UV	8	8	24,65kW; 36,6 kW	2022	Trung Quốc	Đang sử dụng
2	Máy cuộn	11	11	12.5kW	2022	Trung Quốc	Đang sử dụng
3	Máy chà nhám	9	9	26kW	2022	Trung Quốc	Đang sử dụng
4	Máy cưa	22	22	3-5,5kW	2022	Trung Quốc	Đang sử dụng
5	Máy ruto	2	2	3kW	2022	Trung Quốc	Đang sử dụng
6	Máy cắt góc	3	3	4,4kW	2022	Trung Quốc	Đang sử dụng
7	Máy khoan	10	10	4,4 kW; 5,5 kW; 5,9 kW; 7,7 kW; 10,4kW; 59,5 kW	2022	Trung Quốc	Đang sử dụng
8	Máy dán biên	3	3	5,7 kW; 20,8kW	2022	Trung Quốc	Đang sử dụng
9	Máy đục lỗ	2	2	-	2022	Trung Quốc	Đang sử dụng
10	Máy tubi	2	2	3-7,5kW	2022	Trung Quốc	Đang sử dụng
11	Máy chạy rãnh	3	3	5,5kW	2022	Trung Quốc	Đang sử dụng
12	Máy ép lạnh	3	3	4kW	2022	Trung Quốc	Đang sử dụng
13	Máy CNC	2	2	35,5kW	2022	Trung Quốc	Đang sử dụng
14	Máy tải liệu	2	2	3kW	2022	Trung Quốc	Đang sử dụng
15	Máy chà nhám	1	1	26kW	2022	Trung Quốc	Đang sử dụng
16	Máy dán cạnh	1	1	20,85kw	2026	Trung Quốc	Đang sử dụng

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

17	Máy phun keo	1	1	-	2026	Trung Quốc	Đang sử dụng
III	Máy móc, thiết bị tại xưởng 3						
1	Chuyên phun sơn tự động UV	1	1	-	2022	Trung Quốc	Đang sử dụng
2	Hệ thống phun sơn tự động AC	3	3	-	2022	Trung Quốc	Đang sử dụng
3	Máy cuộn	3	3	21,9kW	2022	Trung Quốc	Đang sử dụng
4	Máy sấy	3	3	75kW	2022	Trung Quốc	Đang sử dụng
5	Buồng phun sơn màng nước	12	12	-	2022	Trung Quốc	Đang sử dụng
6	Hệ thống chuyên treo	2	2	-	2022	Trung Quốc	Đang sử dụng
7	Máy chà nhám tự động	3	3	21,9kW	2022	Trung Quốc	Đang sử dụng
8	Máy chà nhám tay	4	4	-	2022	Trung Quốc	Đang sử dụng
IV	Thiết bị phụ trợ						
1	Máy nén khí	9	9	-	2022	Trung Quốc	Đang sử dụng
2	Máy biến áp	3	3	-	2022	Việt Nam	Đang sử dụng
3	Bàn đóng gói	6	6	-	2022	Trung Quốc	Đang sử dụng
4	Xe nâng	7	7	-	2022	Việt Nam	Đang sử dụng

(Nguồn: Công ty TNHH Tủ Bếp Bloom)

1.3.3. Sản phẩm của cơ sở

Bảng 1.3. Sản phẩm đầu ra của cơ sở

Stt	Tên sản phẩm	Đơn vị	Công suất
1	Tủ phòng tắm	Bộ/năm	380.000
2	Linh phụ kiện của tủ phòng tắm	Sản phẩm/năm	42.000
3	Tủ bếp	Bộ/năm	1.520.000
4	Linh phụ kiện tủ bếp	Sản phẩm/năm	170.000

(Nguồn: Công ty TNHH Tủ Bếp Bloom)



Sản phẩm tủ bếp, tủ nhà tắm



Sản phẩm linh phụ kiện tủ bếp, tủ phòng tắm

Hình 1. 4. Hình ảnh sản phẩm của Cơ sở

1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở

1.4.1. Nguyên liệu, hóa chất sử dụng của cơ sở

Danh mục nguyên liệu, nhiên, sử dụng cho hoạt động sản xuất của cơ sở được trình bày trong bảng sau:

Bảng 1.4. Danh mục và định mức nguyên liệu của Nhà máy

TT	Nguyên nhiên liệu	Đơn vị tính	Khối lượng		Xuất xứ
			Hiện nay (trong vòng 1 năm)	Xin cấp GPMT	
I	Nguyên liệu				
1	Gỗ xẻ bạch dương	Tấn/năm	305,34	436,2	Việt Nam
2	Gỗ đoạn	Tấn/năm	71,34	102	Việt Nam
3	Gỗ cao su	Tấn/năm	3.850,65	5.500	Việt Nam
4	Ván ép	Tấn/năm	14.940,26	21.343,4	Việt Nam
5	Ván ép MDF Board	Tấn/năm	2.341,57	3.345,1	Việt Nam
	Tổng cộng	Tấn/năm	21.509,16	30.726,7	
II	Nguyên liệu lắp ráp				
6	Giấy nhám	Tấn/năm	1.142,37	1.632	Việt Nam
7	Bản lề	Tấn/năm	1.587,39	2.268	Việt Nam
8	Thanh trượt	Tấn/năm	17.040,02	24.324,3	Việt Nam
9	Góc	Tấn/năm	2,06	2,94	Việt Nam
10	Đinh	Tấn/năm	7,54	10,77	Việt Nam
11	Ốc vít	Tấn/năm	16,9	24,14	Việt Nam

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

TT	Nguyên nhiên liệu	Đơn vị tính	Khối lượng		Xuất xứ
			Hiện nay (trong vòng 1 năm)	Xin cấp GPMT	
12	Nút chống va chạm trong suốt	Tấn/năm	1,27	1,81	Việt Nam
13	Chốt đỡ ván tầng	Tấn/năm	17,94	25,63	Việt Nam
14	Dải cạnh PVC	Tấn/năm	21,63	30,9	Việt Nam
15	Kệ góc bằng nhựa	Tấn/năm	1,4	2	Việt Nam
16	Thủy tinh poly	Tấn/năm	53,05	75,8	Việt Nam
17	Nút đệm trong	Tấn/năm	0,957	1,37	Việt Nam
	Tổng cộng	Tấn/năm	19.892,53	28.399,66	
II	Bao bì đóng gói				
18	Túi ni long	Tấn/năm	2,4	3,43	Việt Nam
19	Màng PE	Tấn/năm	41,523	59,32	Việt Nam
20	Thùng giấy	Tấn/năm	2.642,07	3.774,4	Việt Nam
	Tổng cộng	Tấn/năm	2.685,993	3.837,15	
III	Nhiên liệu				
21	Dầu DO	lít/năm	26.200	37.430	Việt Nam
22	Dầu mỡ bôi trơn máy móc	lít/năm	435	624,43	Việt Nam
	Tổng cộng	lít/năm	26.635	38.054	

(Nguồn: Công ty TNHH Tủ Bếp Bloom)

Khối lượng hóa chất sử dụng cho quá trình hoạt động sản xuất của cơ sở được thể hiện cụ thể dưới bảng dưới đây:

Bảng 1.5. Danh mục và định mức hóa chất của Nhà máy

TT	Tên hóa chất sử dụng	Thành phần, tính chất	Khối lượng (tấn/năm)		Xuất xứ
			Hiện nay (trong vòng 1 năm)	Xin cấp GPMT	
1	Sơn lót UV	- Thành phần: Oxybis (metyl-2,1-etandiyl) diacrylat (DPGDA) (20-30%), 1-Hydroxycyclohexyl phenyl xeton (3-5%), Etyl (2,4,6-trimetylbenzoyl) phenylphosphinat (1-3%), Chất oligomer acrylate (30-40%), Titanium Dioxide (20-40%)	188,79	269,7	Việt Nam

TT	Tên hóa chất sử dụng	Thành phần, tính chất	Khối lượng (tấn/năm)		Xuất xứ
			Hiện nay (trong vòng 1 năm)	Xin cấp GPMT	
		- Trạng thái: chất lỏng màu trắng. - Điểm chớp cháy: 25°C - Điểm sôi: >35°C - Không tan trong nước - Sản phẩm phân hủy: Carbon dioxide, carbon monoxide			
2	Sơn màu UV	- Thành phần: Oxybis (metyl-2,1-etandiyl) diacrylat (DPGDA) (20-30%), 1-Hydroxycyclohexyl phenyl xeton (3-5%), Etyl (2,4,6-trimetylbenzoyl) phenylphosphinat (1-3%), Chất oligomer acrylate (30-40%), Titanium Dioxide (20-40%) - Trạng thái: chất lỏng màu trắng. - Điểm chớp cháy: > 93 - Tỷ trọng: 1,5 (+ 0,05) - Không tan trong nước - Sản phẩm phân hủy: các oxit cacbon (CO, CO₂)	8,08	11,54	Việt Nam
3	Sơn phủ UV	- Thành phần: TPGDA, TMPTA, acrylic oligomers - Trạng thái: chất lỏng màu trắng. - Điểm chớp cháy: 93°C - Mật độ tương đối: 1,5 – 1,6 g/cm³ - Không tan trong nước - Sử dụng chính: thích hợp sản phẩm gỗ	37,84	54,06	Việt Nam
4	Sơn lót AC	- Thành phần: Nhựa alkyd (30-40%), Xylene (10-20%), N-butyl axetat (5-10%), Rượu N-butyl (5-10%), Nhựa fomanđehit melamine (15-20%), Titanium Dioxide (20-30%) - Trạng thái: chất lỏng màu trắng. - Điểm chớp cháy: 25°C - Điểm sôi: >35°C - Không tan trong nước	163,36	233,37	Việt Nam
5	Sơn màu AC	- Thành phần: Nhựa alkyd (30-50%), Xylene (10-20%), N-butyl axetat, Rượu N-butyl (5-10%), Nhựa	6,7	9,6	Việt Nam

TT	Tên hóa chất sử dụng	Thành phần, tính chất	Khối lượng (tấn/năm)		Xuất xứ
			Hiện nay (trong vòng 1 năm)	Xin cấp GPMT	
		fomandehit melamine (5-10%), nhựa fomandehit melamine (20-30%) - Trạng thái: chất lỏng có màu - Điểm chớp cháy: 25°C - Điểm sôi: >35°C - Không tan trong nước			
6	Sơn phủ AC	- Thành phần: Nhựa alkyd (30-40%), Xylene (10-20%), N-butyl axetat (5-10%), Rượu N-butyl (5-10%), Nhựa fomandehit melamine (15-20%), Titanium Dioxide (20-30%) - Trạng thái: chất lỏng. - Điểm chớp cháy: 25°C - Điểm sôi: >35°C - Không tan trong nước	347,44	496,34	Việt Nam
7	Sơn bóng NC	- Thành phần: Nhựa alkyd (30-40%), Xylene (10-20%), N-butyl axetat (5-10%), Rượu N-butyl (5-10%), Nhựa fomandehit melamine (15-20%), Titanium Dioxide (20-30%) - Trạng thái: chất lỏng. - Điểm chớp cháy: 25°C - Điểm sôi: >35°C - Không tan trong nước	0,27	03,39	Việt Nam
8	Chất làm cứng	Thành phần: N-Butyl acetate - Trạng thái: chất lỏng. - Điểm chớp cháy: 27°C - Điểm sôi: 138°C - Sản phẩm phân hủy: CO, CO ₂ , NO ₂	0,14	0,2	Việt Nam
9	Dung môi pha sơn	- Thành phần: Xylene, N-Butyl acetate, Chất lỏng nhớt - Trạng thái: chất lỏng trong suốt - Điểm chớp cháy: 27°C - Điểm sôi: 138°C. Giới hạn cháy: 1,0-7,4%	148,3	211,81	Việt Nam
10	Keo EVA	- Thành phần: Etylen vinyl Acetate - Nhiệt độ nóng chảy: 180 ⁰ -200 ⁰ C. - Độ tan : không hòa tan	3,2	4,54	Việt Nam

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

TT	Tên hóa chất sử dụng	Thành phần, tính chất	Khối lượng (tấn/năm)		Xuất xứ
			Hiện nay (trong vòng 1 năm)	Xin cấp GPMT	
11	Keo lắp ráp	- Thành phần: Etyl/ vinyl Acetate copolymer - Nhiệt độ nóng chảy: 180 ⁰ -200 ⁰ C. - Độ tan : không hòa tan	4,53	6,47	Việt Nam
	Tổng cộng		908,65	1.301,02	

(Nguồn: Công ty TNHH Tủ Bếp Bloom)

Định mức cân bằng vật chất:

TT	Công đoạn theo QTSX	Nguyên liệu đầu vào		Định mức hao hụt (%)	Sản phẩm (tấn/năm)	Chất thải		Trạng thái tồn tại (rắn, lỏng, khí)
		Tên	Khối lượng (tấn/năm)			Tên	Khối lượng (tấn/năm)	
Nguyên liệu chính								
1	Gia công, cưa cắt, chà nhám, hoàn thiện bề mặt	Gỗ xẻ bạch dương; gỗ đoạn; gỗ cao su; ván ép; ván ép MDF Board	30.726,7	6,9	28.606,56	Mùn cưa, phoi bào, đầu mẩu, gỗ thừa, ván, bụi gỗ và gỗ dán vụn thải; cặn sơn, sơn và véc ni thải; giẻ lau/vải bảo vệ dính thành phần nguy hại; bao bì dính thành phần nguy hại; cặn lắng thải	2.120,14	Rắn, lỏng, bùn
Nguyên liệu lắp ráp								
2	Lắp ráp phụ kiện, kiểm tra, bảo trì thiết bị và HTXL	Giấy nhám; bản lề; thanh trượt; góc; đinh; ốc vít; nút chống va chạm; chốt đỡ ván tầng; dải cạnh PVC; kệ góc bằng nhựa; thủy tinh poly; nút đệm trong	28.399,66	0,02	28.394,16	Chất hấp thụ/vật liệu lọc, túi vải; bùn từ bể tự hoại/HTXLNT; hộp chứa mực in thải; bóng đèn, dầu thải, pin/ắc quy thải; than hoạt tính bão hòa	5,50	Rắn, lỏng, bùn
Bao bì đóng gói								
3	Đóng gói	Túi nilon; màng PE; thùng giấy	3.837,15	0,22	3.828,56	Giấy và bao bì giấy carton thải bỏ; bao bì nhựa thải: màng PE, dây đai nhựa, nút xốp vụn,...	8,59	Rắn
Tổng cộng			62.963,51		60.829,28	Tổng chất thải phát sinh tối đa đã đưa vào cân bằng	2.134,23	Rắn, lỏng, bùn

Tổng cân bằng: $62.963,51 = 60.829,28 + 2.134,23$ (tấn/năm)

1.4.2. Nhu cầu và nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở

a) Nhu cầu và nguồn cung cấp điện

* Nguồn cung cấp điện:

Điện được sử dụng cho các mục đích như sinh hoạt, hoạt động của một số máy móc. Nguồn điện cung cấp cho nhà máy lấy lưới điện quốc gia đi qua Khu công nghiệp Minh Hưng III

Nhu cầu dùng điện gồm:

- + Điện cung cấp cho các nhà quản lý, điều hành toàn nhà máy
- + Điện cung cấp cho máy móc, thiết bị và phục vụ sản xuất

* Nhu cầu tiêu thụ điện:

- Nhu cầu điện tiêu thụ của nhà máy hiện hữu theo hóa đơn sử dụng điện trong vòng 6 tháng gần nhất của cơ sở (theo hóa đơn sử dụng điện) như sau:

Bảng 1. 6. Nhu cầu dùng điện hiện hữu của nhà máy

STT	Tháng	Lưới điện quốc gia (kWh/tháng)
1	Tháng 09/2025	915.500
2	Tháng 10/2025	1.059.100
3	Tháng 11/2025	957.000
4	Tháng 12/2025	887.600
5	Tháng 01/2026	882.000
6	Tháng 02/2026	341.200
7	Tháng 03/2026	947.900
8	Tháng 04/2026	927.600
9	Tháng 05/2026	905.000
Trung bình		863.425

(Nguồn: Công ty TNHH Tủ Bếp Bloom)

Ước tính lượng điện tiêu thụ cho quá trình hoạt động của cơ sở đi vào hoạt động ổn định tối đa công suất thì lượng điện tiêu thụ được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 1. 7. Tổng hợp nhu cầu sử dụng điện của cơ sở

Nội dung	Lượng điện sử dụng (KW/tháng)	
	Hiện nay	Tối đa
Điện sử dụng	863.425	1.000.000

b) Nhu cầu và nguồn cung cấp nước

*** Nguồn cung cấp nước:**

Công ty sử dụng nước cấp do Khu công nghiệp Minh Hưng III phân phối.

Lượng nước sử dụng hiện nay: khoảng 50 m³/ngày.đêm

*** Tính toán nhu cầu sử dụng nước tối đa:**

Nước cấp cho nhà máy hiện tại được sử dụng chủ yếu cho các mục đích sau: nước cấp cho sinh hoạt, sản xuất, tưới cây.

+ *Nước cấp cho mục đích sinh hoạt:* Nước cấp cho nhu cầu vệ sinh cá nhân của công nhân viên trong công ty. Theo Quy chuẩn QCVN 01:2021/BXD của Bộ Xây dựng về Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng (Mục 2.10.2), lượng nước sử dụng là 80 lít/người/ngày đêm. Dự án sử dụng 800 lao động. Như vậy nước cấp cho nhu cầu vệ sinh cá nhân được tính như sau:

$$Q_{sh} = 80 \text{ lít/người} \times 800 \text{ người} = 64 \text{ m}^3/\text{ngày}$$

Công ty không thực hiện nấu ăn cho công nhân viên, chỉ bố trí khu vực bếp nhỏ để phục vụ nấu ăn cho 15 chuyên gia, lượng nước cấp nấu ăn như sau:

$$Q_{na} = 25\text{lít/người} \times 15 \text{ người} = 0,375 \text{ m}^3/\text{ngày}$$

+ *Nước cấp cho hệ thống buồng phun sơn màng nước:*

Công ty sử dụng 12 buồng phun sơn màng nước buồng đơn có 1 bể; buồng đôi có 2 bể), kích thước bể và tổng dung tích hữu ích các bể như sau:

Stt	Kích thước bể	Số lượng	Dung tích hữu ích mỗi bể
1	6 x 1,5 x 0,2 (m)	2	6 x 1,5 x 0,1 = 0,9 m ³
2	5,5 x 1,5 x 0,2 (m)	4	5,5 x 1,5 x 0,1=0,825 m ³
3	5 x 1,5 x 0,2 (m)	6	5 x 1,5 x 0,1=0,75 m ³
	Tổng	12	9,6 m³

Tổng nhu cầu cấp nước cho 12 bể chứa nước là 9,6 m³/ngày, sử dụng tuần hoàn. Hàng ngày nhà máy sẽ cung cấp lượng nước hao hụt vào các bể khoảng 960 lít (10% thể tích bể). Tổng lượng nước hao hụt bổ sung hàng ngày 0,96 m³.

Định kỳ 3 tháng thuê đơn vị có chức năng đến hút phân cặn lắng được chuyển giao như đối với chất thải nguy hại.

+ *Nước tưới cây, tạo ẩm đường bộ*: khoảng 5 m³/ngày

+ *Nước PCCC*: Lượng nước phục vụ cho hoạt động chữa cháy được lưu trữ ở bể nước ngầm có thể tích khoảng 200 m³, lượng nước PCCC không mang tính chất sử dụng thường xuyên.

Tổng nhu cầu sử dụng nước tối đa của cơ sở được trình bày trong bảng sau:

Bảng 1. 8. Nhu cầu sử dụng nước của Nhà máy:

TT	Mục đích	Định mức sử dụng nước	Khối lượng	Lưu lượng cấp nước hiện nay (m ³ /ngày)	Lưu lượng cấp nước tối đa (m ³ /ngày)	Ghi chú
1	Sinh hoạt của công nhân	80 lít/người.ngày	Hiện hữu: 550 người Tối đa: 800 người	44	64	Xả thải 100%
2	Nước nấu ăn (chỉ phục vụ cho chuyên gia)	25 lít/người.ngày	15 người	0,375	0,375	Xả thải 100%
4	Nước cấp cho hệ thống buồng phun sơn màng nước	Bổ sung hao hụt	12 buồng phun sơn	0,96	0,96	Tuần hoàn tái sử dụng, định kỳ 3 tháng thuê đơn vị có chức năng đến hút phân cặn lắng được chuyển giao như đối với chất thải nguy hại
5	Nước tưới cây xanh, sân đường nội bộ	-	-	5	5	Không xả thải
Tổng cộng				50,335	70,335	

(Nguồn: Công ty TNHH Tủ Bếp Bloom)

1.5. Đối với cơ sở có sử dụng phế liệu nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất phải nêu rõ: điều kiện kho, bãi lưu giữ phế liệu nhập khẩu; hệ thống thiết bị tái chế; phương án xử lý tạp chất; phương án tái xuất phế liệu.

Cơ sở không sử dụng phế liệu nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất.

1.6. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở

1.7.1. Nhu cầu sử dụng lao động tại cơ sở

Bảng 1. 9. Nhu cầu lao động tại cơ sở

STT	Nhu cầu lao động	Số lượng hiện nay	Tối đa
1	Lao động nhà máy	550	800
2	Số ca làm việc	1 ca/ngày (ca 8giờ)	1 ca/ngày (ca 8giờ)
3	Số ngày làm việc	312 ngày/năm	312 ngày/năm

1.7.2. Các hạng mục công trình của cơ sở

Cơ sở thực hiện trên khu đất có diện tích 47.150 m² của công ty tại tại Lô H3, Đường Đ4, Khu công nghiệp Minh Hưng III, Phường Minh Hưng, Thành phố Đồng Nai. Các hạng mục công trình hiện hữu của cơ sở cụ thể như sau:

Bảng 1.10. Diện tích các hạng mục công trình của cơ sở

Stt	Các hạng mục	Diện tích xây dựng (m ²)	Tỷ lệ (%)
A	Công trình chính		
1	Nhà xưởng 1 (L x R = 104,9 x 96)	10.070,4	21,36
2	Nhà xưởng 2 (L x R = 104,9 x 96)	10.070,4	21,36
3	Nhà xưởng 3 (L x R = 104,9 x 96)	10.070,4	21,36
B	Công trình phụ trợ		
4	Văn phòng + ký túc xá	390	0,83
5	Nhà bảo vệ (đường Đ4)	20	0,04
6	Nhà bảo vệ (đường Đ6)	9	0,02
7	Nhà vệ sinh CN1	34	0,07
8	Nhà vệ sinh CN2	34	0,07
9	Nhà vệ sinh CN3	34	0,07
10	Trạm điện 1	16	0,03
11	Trạm điện 2	16	0,03
12	Trạm điện 3	16	0,03
13	Khu vực máy nén khí 1	40	0,08
14	Khu vực máy nén khí 2	40	0,08
15	Khu vực máy nén khí 3	40	0,08
16	Bể PCCC	240	-

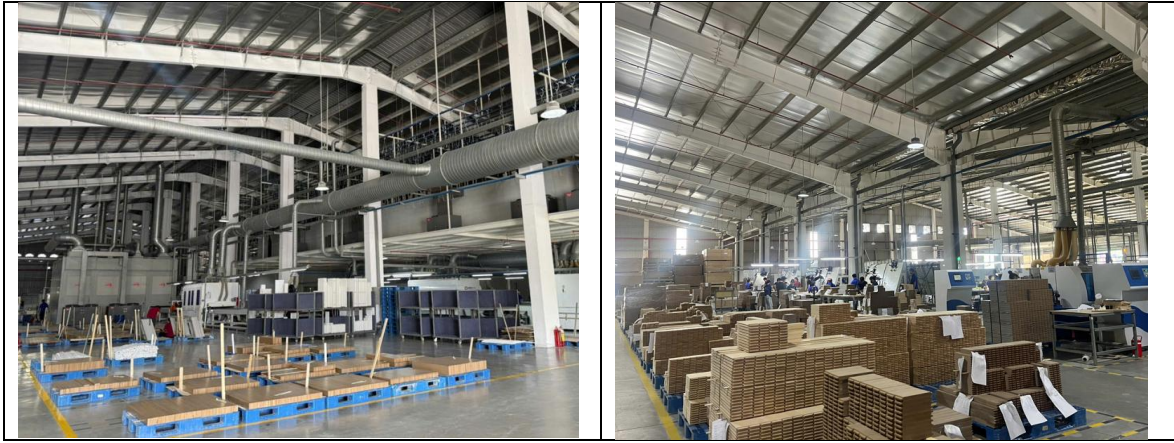
Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

	(xây ngầm L x R x H = 24 x 10 x 3)		
C	Công trình môi trường		
17	Khu lưu trữ chất thải rắn công nghiệp thông thường	88	0,19
18	Khu lưu trữ CTNH	48	0,1
19	Khu lưu trữ chất thải rắn sinh hoạt	4	0,01
20	Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt (S= 80 m ² xây ngầm, diện tích nhà điều hành = 11 m ²)	11	0,02
21	Hệ thống xử lý khí thải	-	-
III	Sân đường nội bộ, cây xanh	15.858,8	33,63
Tổng cộng		47.150	100

(Nguồn: Công ty TNHH Tủ Bếp Bloom)

Một số hình ảnh hiện trạng của nhà máy hiện hữu:





Hình 1. 5. Hình ảnh hiện trạng nhà máy

CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

2.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường, khoảng cách an toàn về môi trường theo quy định

Theo quyết định số 1489/QĐ-TTg ngày 24/11/2023 về việc phê duyệt quy hoạch tỉnh Bình Phước thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Dự án đáp ứng các nội dung của quy hoạch bảo vệ môi trường tỉnh, cụ thể như sau:

- Cơ sở hoạt động trong KCN Minh Hưng III theo hợp đồng thuê số 001/2021/ĐDP-GBV ngày 22/07/2022 giữa Công ty TNHH Tủ Bếp Bloom với Công ty TNHH MTV Đại Đình Phát.

- Cơ sở được Giấy chứng nhận đầu tư do nay là **Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế Thành phố Đồng Nai** cấp số 8775073713, chứng nhận lần đầu ngày 19/07/2022, chứng nhận điều chỉnh lần thứ hai ngày 23/07/2026

- Cơ sở được thực hiện tại KCN Minh Hưng III nằm trong phương án phát triển các khu công nghiệp (kèm theo quyết định số 1489/QĐ-TTg ngày 24/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ).

- KCN Minh Hưng III đã được Bộ nông nghiệp và môi trường cấp Giấy phép môi trường số 175/GPMT-BNNMT ngày 17/06/2026

Ngành nghề của Công ty là sản xuất tủ phòng tắm, sản xuất linh phụ kiện tủ phòng tắm, sản xuất linh phụ kiện tủ bếp phù hợp với lĩnh vực sản xuất giường, tủ, bàn ghế, sản xuất các sản phẩm từ gỗ được thu hút đầu tư vào KCN Minh Hưng III.

Vị trí cơ sở trên lô Lô H3, đường Đ4, khu công nghiệp Minh Hưng III, phường Minh Hưng, Thành phố Đồng Nai, trên khu đất quy hoạch đất công nghiệp, phù hợp với phân khu chức năng của KCN, KCN đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường, khoảng cách an toàn về môi trường theo quy định.

2.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường

Vị trí thực hiện cơ sở là KCN Minh Hưng III, KCN đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; KCN có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt yêu cầu.

Công trình thu gom nước thải của KCN đã xây dựng hoàn chỉnh với tổng công suất 6.000 m³/ngày, gồm module 1 công suất 2.000 m³/ngày.đêm, module 2 công

suất 2.000 m³/ngày.đêm và module 3 công suất 2.000 m³/ngày.đêm của hệ thống xử lý nước thải tập trung để thu gom và xử lý nước thải phát sinh từ các nhà đầu tư thứ cấp, trong đó:

Quy trình xử lý nước thải của module 1, công suất 2.000 m³/ngày đêm như sau:
Nước thải → Song chắn rác thô → Hàm bơm (sử dụng chung 3 mô đun) → Thiết bị tách rác tinh → Bể tách dầu → Bể điều hòa → Bể hiệu chỉnh pH (Bể trung hòa) → Cụm bể keo tụ, tạo bông bậc 01 → Bể lắng hóa lý bậc 01 → Bể anoxic → Bể aerotank → Bể lắng sinh học → Bể trung gian → Bể điều chỉnh pH → Cụm bể keo tụ, tạo bông bậc 02 → Bể lắng hóa lý bậc 02 → Bể khử trùng → Mương quan trắc → Nguồn tiếp nhận nước thải

Quy trình xử lý nước thải của module 2, công suất 2.000 m³/ngày đêm như sau:
Nước thải → Song chắn rác thô → Hàm bơm (sử dụng chung 3 mô đun) → Thiết bị tách rác (sử dụng với mô đun 1) → Bể tách dầu (sử dụng chung với module 1) → Bể điều hòa (sử dụng chung với module 1) → Bể hiệu chỉnh pH - Cụm bể keo tụ, tạo bông bậc 01 → Bể lắng hóa lý bậc 01 → Bể anoxic → Bể aerotank → Bể lắng sinh học → Bể điều chỉnh pH - Cụm bể keo tụ, tạo bông bậc 02 (sử dụng chung với module 1) → Bể lắng hóa lý bậc 02 (sử dụng chung với module 1) → Bể khử trùng (sử dụng chung với module 1) → Mương quan trắc (sử dụng chung mô đun) → Nguồn tiếp nhận

Quy trình xử lý nước thải của module 3, công suất 2.000 m³/ngày đêm như sau:
Nước thải → Song chắn rác thô → Hàm bơm (sử dụng chung 3 mô đun) → Thiết bị tách rác → Bể tách dầu → Bể điều hòa → Bể hiệu chỉnh pH - Cụm bể keo tụ, tạo bông bậc 01 → Bể lắng hóa lý bậc 01 → Bể anoxic → Bể aerotank → Bể lắng sinh học → Bể hiệu chỉnh pH → Cụm bể keo tụ, tạo bông bậc 02 → Bể lắng hóa lý bậc 02 → Bể khử trùng → Mương quan trắc (sử dụng chung 3 mô đun) → Nguồn tiếp nhận

Công suất thiết kế: Công suất 6.000 m³/ngày đêm với lưu lượng trung bình giờ $Q_h = 250 \text{ m}^3/\text{giờ}$, thời gian làm việc 24 giờ/ngày.

Đã xây dựng hồ sơ cố hệ thống xử lý nước thải với dung tích 18.810 m³; kích thước: 57m x 132m x 2,5m. Kết cấu: Hồ đất, lót bạt HDPE

- Khi cơ sở đi vào hoạt động với công suất tối đa, lượng nước thải phát sinh tại cơ sở là khoảng 64,375 m³/ngày.đêm do đó hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Minh Hưng III với công suất 6.000 m³/ngày.đêm đảm bảo xử lý được toàn bộ lượng nước thải phát sinh tại cơ sở.

Tiêu chuẩn nước thải đầu vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Minh Hưng III như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị tiếp nhận của KCN Minh Hưng III
1.	Nhiệt độ	°C	40
2.	pH	-	5,5-9
3.	Màu	Pt/Co	250
4.	BOD5	mg/l	200
5.	COD	mg/l	400
6.	TSS	mg/l	200
7.	As	mg/l	0,1
8.	Hg	mg/l	0,01
9.	Pb	mg/l	0,5
10.	Cd	mg/l	0,1
11.	Crom VI	mg/l	0,005
12.	Crom III	mg/l	0,2
13.	Cu	mg/l	2
14.	Zn	mg/l	3
15.	Ni	mg/l	0,5
16.	Mn	mg/l	1
17.	Fe	mg/l	5
18.	Tổng Xianua	mg/l	0,1
19.	Tổng Phenol	mg/l	0,5
20.	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	10
21.	Sunfua	mg/l	0,5
22.	Florua	mg/l	10
23.	Amoni	mg/l	10
24.	Tổng Nitrơ	mg/l	40
25.	Tổng Phốt pho	mg/l	6
26.	Clorua	mg/l	1.000
27.	Clo dư	mg/l	2

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

28.	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật Clo hữu cơ	mg/l	0,1
29.	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật Phốt pho hữu cơ	mg/l	1
30.	Tổng PCB	mg/l	0,01
31.	Coliform	MPN hoặc CFU/100ml	5.000
32.	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1
33.	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1,0

CHƯƠNG III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa

- Nước mưa sau khi được thu gom được dẫn vào hệ thống thoát nước nội bộ của Công ty sau đó được đầu nối vào hệ thống thoát nước mưa tập trung của KCN Minh Hưng III.

- Hiện tại, Công ty đã thiết kế ống thu gom nước mưa từ mái nhà xưởng. Hệ thống thoát nước mưa được xây dựng dọc hai bên đường giao thông nội bộ, bố trí các hố ga có song chắn rác. Sau khi qua song chắn rác, nước mưa được dẫn trực tiếp ra hệ thống thoát nước mưa chung của KCN Minh Hưng III (01 điểm trên đường N2 - Bản vẽ kèm phần phục lục báo cáo).

- Ngoài ra, Công ty có bố trí công nhân quét dọn, thu gom vệ sinh hàng ngày để hạn chế các chất bẩn có trên mặt bằng Công ty nhằm giảm thiểu ô nhiễm nguồn nước cũng như tạo môi trường sạch sẽ trong Công ty. Đối với lượng chất rắn lắng tại các hố ga như: đất cát, rác,... được định kỳ nạo vét, thu gom, xử lý theo quy định để tránh tắc nghẽn công thoát nước mưa.

- Nước mưa từ mái nhà xưởng và các hạng mục khác chủ yếu sử dụng ống BTCT chịu lực có đường kính D300-D800mm được bố trí xung quanh nhà xưởng, dẫn về hố ga thoát nước mưa chung của nhà máy.

Thống kê khối lượng hệ thống thoát nước mưa:

Bảng 3. 1. Bảng thống kê khối lượng hệ thống thoát nước mưa

Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng
Ống BTCT D300	m	374
Ống BTCT D400	m	106
Ống BTCT D500	m	756
Ống BTCT D600	m	116
Ống BTCT D800	m	246
Hố ga	cái	216
Tổng chiều dài	m	1.393

Đối với lượng nước mưa chảy tràn trên diện tích bề mặt thì được thu gom về các hố ga có song chắn rác. Nước mưa sau khi được thu gom theo hệ thống thoát nước mưa của Công ty đầu nối vào hệ thống thoát nước mưa của KCN Minh Hưng

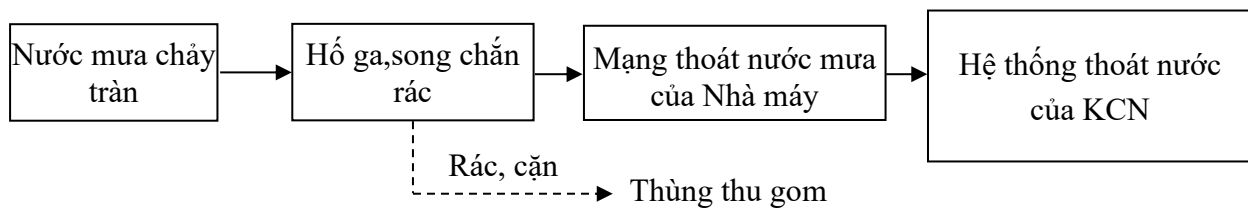
III

Với các tính toán thiết kế thu gom nước mưa mà Công ty đã thực hiện hoàn toàn có khả năng thu gom toàn bộ lượng nước mưa chảy tràn trên toàn bộ Công ty. Từ khi Công ty đi vào hoạt động đến nay, không xảy ra tình trạng ngập úng tại khuôn viên Công ty.

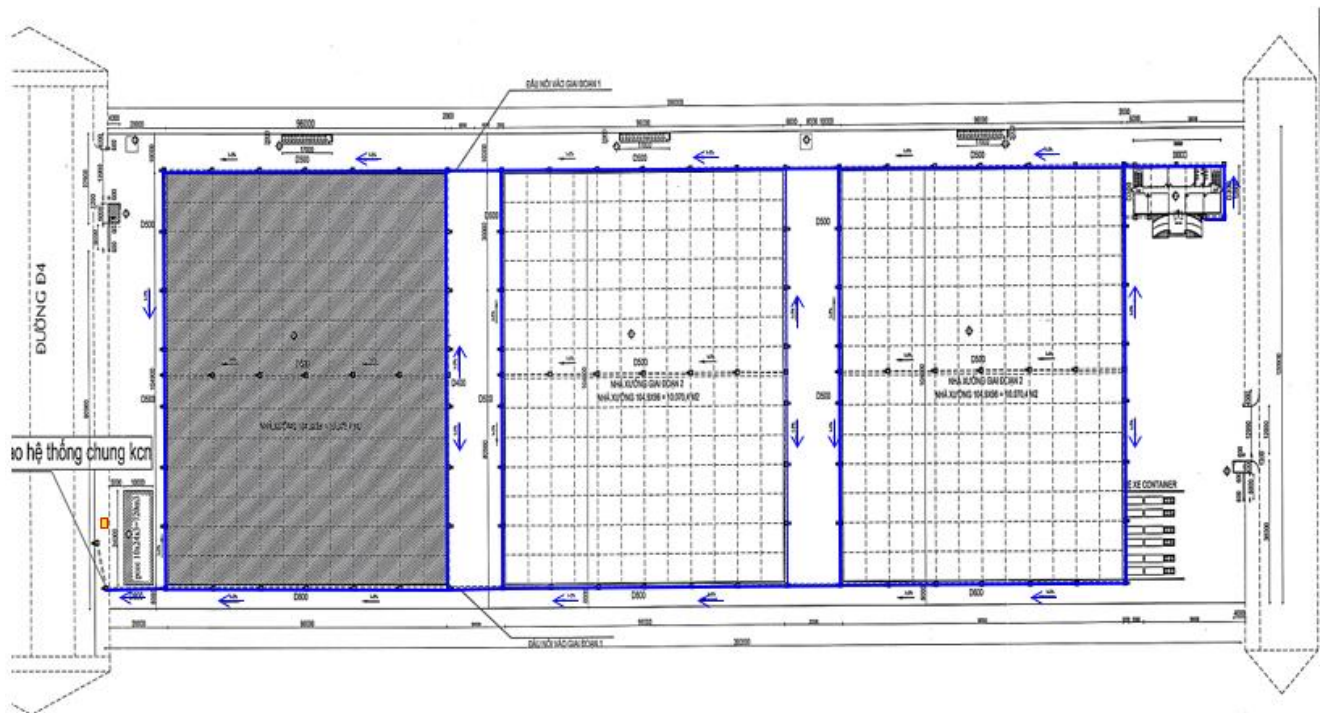
- Tọa độ vị trí thoát nước mưa: 01 vị trí trên đường Đ4, X = 1268916; Y= 375106

- Ngoài ra, Công ty tiếp tục duy trì biện pháp bảo vệ môi trường đã thực hiện trong thời gian qua nhằm đảm bảo giảm thiểu ô nhiễm trong quá trình tiêu thoát nước mưa.

Quy trình như sau:



Hình 3. 1. Sơ đồ hệ thống thu gom nước mưa chảy tràn của Cơ sở



Hình 3. 2. Hình ảnh vị trí thoát nước mưa tại cơ sở

3.1.2. Thu gom, thoát nước thải

Bảng 3. 2. Bảng thống kê lượng nước thải phát sinh của cơ sở

STT	Mục đích sử dụng nước	Lượng nước sử dụng (m ³ /ngày)		Lượng nước xả thải (m ³ /ngày)		Tỷ lệ phát sinh nước thải (%)
		Hiện nay	Khi đạt công suất tối đa	Hiện nay	Khi đạt công suất tối đa	
1	Sinh hoạt của cán bộ công nhân viên	36	64	36	64	Chiếm 100% nước cấp
2	Nước nấu ăn (chỉ phục vụ cho chuyên gia)	0,375	0,375	0,375	0,375	
3	Nước cấp cho hệ thống buồng phun sơn màng nước	0,96	0,96	-	-	Sử dụng tuần hoàn, định kỳ xả cặn thu gom bàn giao chất thải
4	Nước tưới cây + tạo ẩm đường bộ	5	5	Không xả thải		
Tổng cộng		50,335	70,335	36,375	64,375	

3.1.2.1. Công trình thu gom nước thải

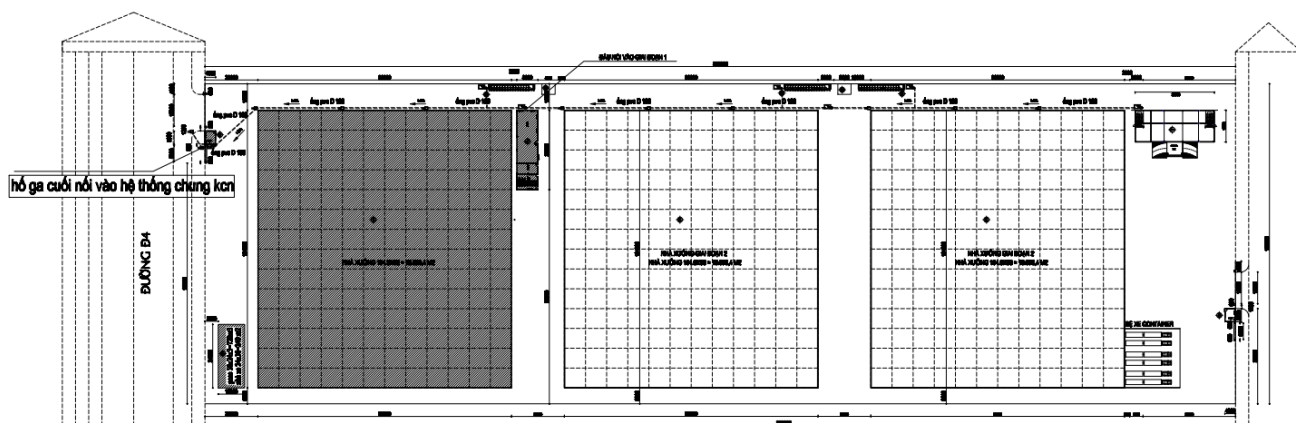
(1) Đối với nước thải sinh hoạt và nhà ăn:

Hiện hữu:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ sinh hoạt của công nhân viên được thu gom bằng ống PVC sau đó dẫn về các bể tự hoại 3 ngăn (bao gồm 05 bể tự hoại tại khu vực nhà xưởng và khu văn phòng), cùng nước rửa tay lavabor được tiếp tục dẫn và nước thải từ bếp ăn cho chuyên gia sẽ được dẫn về bể tách dầu mỡ sau đó vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Minh Hưng III (01 điểm trên đường Đ4)

+ Đường ống PVC Ø 168, i = 3%

Sơ đồ vị trí đầu nối nước thải:



Dự kiến bổ sung thay đổi

Đến nay trong quá trình hoạt động, Công ty muốn kiểm soát tốt hơn chất lượng nước thải phát sinh của cơ sở trước khi đầu nối vào KCN Minh Hưng III. Vì vậy, Công ty sẽ thực hiện xây dựng hệ thống xử lý nước thải để thu gom xử lý toàn bộ nước thải phát sinh của cơ sở để đảm bảo tiêu chuẩn đầu nối nước thải của KCN Minh Hưng III.

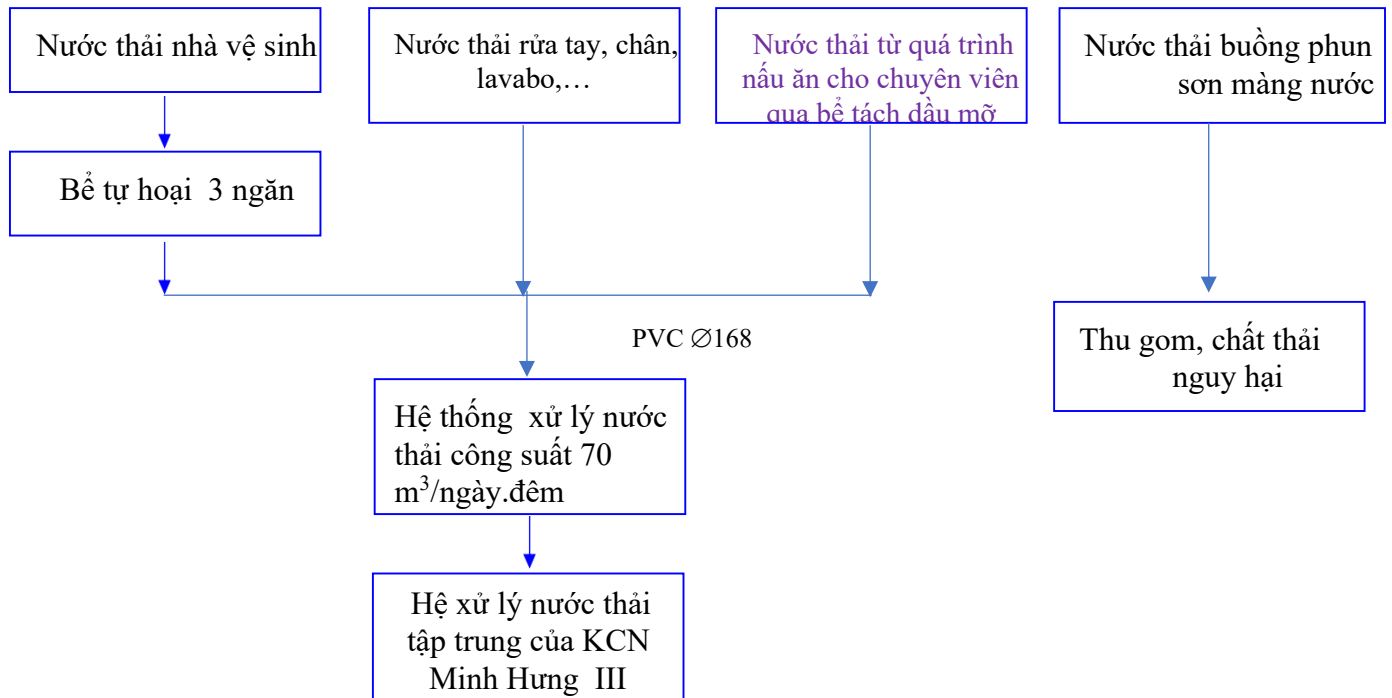
Tổng lưu lượng nước thải tính toán phát sinh tối đa của cơ sở là 64,375 m³/ngày.đêm. Vì vậy, công ty đã phối hợp với đơn vị thiết kế đề xuất quy trình xử lý nước thải sinh hoạt công suất 70 m³/ngày.đêm.

Nước thải sau xử lý được thu gom đầu nối vào 01 điểm đầu nối trên đường Đ4, sau đó dẫn về hệ thống XLNT tập trung của KCN Minh Hưng III

(2) Đối với nước thải sản xuất:

Nước từ buồng phun sơn màng nước được tuần hoàn tái sử dụng và được châm thêm lượng hao hụt do quá trình bốc hơi với lưu lượng 0,96 m³/ngày.đêm. Lượng nước thải được sử dụng tuần hoàn, không thải bỏ ra bên ngoài. Định kỳ 3 tháng thuê đơn vị có chức năng đến hút phân cặn lắng được chuyển giao như đối với chất thải nguy hại.

Sơ đồ thu gom xử lý nước thải tại Công ty được thể hiện như sau:



3.1.2.2. Tác động từ việc phát sinh nước thải của cơ sở đối với hiện trạng thu gom, xử lý nước thải hiện hữu của KCN Minh Hưng III

Cơ sở nằm trong KCN Minh Hưng III đã được hoàn thiện về cơ sở hạ tầng, đường giao thông nội bộ, giao thông đối ngoại; hệ thống thoát nước mưa, nước thải riêng biệt.

Nước thải sinh hoạt phát sinh tại cơ sở được thu gom và xử lý bằng HTXL nước thải cục bộ tại nhà máy công suất 70 m³/ngày đêm trước khi theo đường ống dẫn đầu nối vào HTXL nước thải tập trung công suất 6.000 m³/ngày đêm của KCN Minh Hưng III. Các doanh nghiệp sẽ phải xử lý nước thải đạt theo Tiêu chuẩn đầu nối nước thải của KCN Minh Hưng III sau đó sẽ đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Minh Hưng III để xử lý đạt cột A, QCVN 40:2011/BTNMT trước khi thải ra ngoài môi trường.

3.1.2.3. Khả năng tiếp nhận, xử lý nước thải phát sinh của Minh Hưng III

Tổng lượng nước thải phát sinh tính toán tối đa của cơ sở là 64,375 m³/ngày đêm chủ yếu là nước sinh hoạt sau khi qua HTXL nước thải cục bộ 70 m³/ngày.đêm của nhà máy, đối với nước thải sản xuất sẽ được thu gom và giao cho đơn vị có chức năng thu gom CTNH theo quy định. HTXL nước thải tập trung công suất 6.000 m³/ngày đêm của KCN Minh Hưng III. Do đó, khi cơ sở đi vào vận hành tối đa với lượng nước thải phát sinh lớn nhất thì HTXL nước thải hiện hữu của KCN hoàn toàn có khả năng tiếp nhận lượng nước thải phát sinh thêm.

3.1.2.4. Điểm xả nước thải sau xử lý

- Nước thải sau khi qua hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 70 m³/ngày.đêm được dẫn ra 01 hố ga tập trung trên đường số Đ4 của KCN Minh Hưng III bằng đường ống PVC D168, độ dốc i: 0,3%, sau đó đầu nối về hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung của KCN Minh Hưng III.

- Vị trí đầu nối nước thải nằm trên tuyến thu gom của KCN Minh Hưng III trên đường Đ4. Hố ga được bố trí bên ngoài hàng rào của nhà máy. Vị trí đầu nối nước thải đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo quy định tại điểm a, b, khoản 3, điều 48, Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

- Tọa độ vị trí thoát nước thải: 01 vị trí trên đường Đ4: X = 1268997; Y= 375107.

Sơ đồ tổng thể mạng lưới thu gom, thoát nước thải của cơ sở được đính kèm tại phần phụ lục báo cáo.

3.1.3. Xử lý nước thải

(1) Đối với nước thải sinh hoạt và nhà ăn:

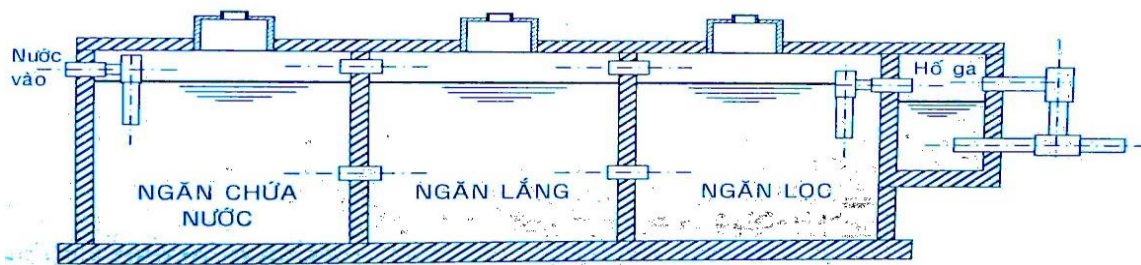
Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh được thu gom bằng đường ống nhựa uPVC; đoạn đầu của hệ thống sử dụng ống Ø 114–200 mm, độ dốc 0,3% đưa về bể tự hoại. Công ty đã bố trí 05 bể tự hoại 03 ngăn để xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt phát sinh. Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 03 ngăn, sau đó cùng với nước thải từ hoạt động rửa tay chân, lavabo của công nhân và nước thải từ nhà ăn của chuyên gia qua bể tách dầu mỡ dẫn về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 70 m³/ngày đêm để xử lý đạt tiêu chuẩn đầu nối vào KCN Minh Hưng III sau đó nước thải sẽ được đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN.

Hiện nay, hệ thống xử lý nước thải này chưa được xây dựng, sau khi hoàn thành thủ tục xin cấp phép môi trường. Công ty sẽ tiến hành xây dựng và vận hành hệ thống theo đúng quy định

*** Bể tự hoại với 3 ngăn:**

Bể tự hoại 3 ngăn xử lý là ngăn chứa nước vào, ngăn lắng, ngăn thiếu khí, ngăn kỵ khí và ngăn lọc. Cặn được giữ lại trong ngăn chứa từ 3 - 6 tháng, dưới ảnh hưởng của hệ vi sinh vật kỵ khí, các chất hữu cơ bị phân hủy, một phần tạo ra các chất khí và một phần tạo thành các chất vô cơ hoà tan. Quá trình lên men chủ yếu diễn ra trong Giai đoạn đầu là lên men axit, các chất khí tạo ra trong quá trình phân giải

CH₄, CO₂, H₂S,... Bùn cặn đã phân hủy trong bể tự hoại được lấy ra định kỳ, mỗi lần lấy phải để lại khoảng 20% lượng cặn đã lên men lại trong bể để làm giống men cho bùn cặn tươi mới lắng, tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình phân hủy cặn. Nước thải được lưu trong ngăn lắng một thời gian dài để đảm bảo hiệu suất lắng cao rồi mới chuyển qua ngăn lọc và thoát ra ngoài ống dẫn, ra hố ga trước khi chảy vào hệ thống thoát nước thải của Công ty. Bể tự hoại đều có ống thông hơi để giải phóng khí từ quá trình phân hủy kỵ khí.



Phân cặn được lưu lại phân hủy kỵ khí trong bể, nước thải từ nhà vệ sinh sau khi xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại sẽ theo hệ thống thoát nước của Nhà máy đầu nối vào HTXLNTTT của KCN.

Để đảm bảo chất lượng nước thải đạt tiêu chuẩn trước khi đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN, Công ty hợp đồng với đơn vị hút hầm cầu thường xuyên tiến hành hút hầm cầu định kỳ.

Đánh giá hiệu quả công trình xử lý nước thải:

Theo tính toán, đánh giá khả năng đáp ứng của bể tự hoại của cơ sở với tổng lượng lao động là 800 người như sau:

Thể tích bể tự hoại được tính như sau:

$$W_{th} = W_n + W_b$$

Thể tích phần nước:

$$W_n = K \times Q$$

Trong đó: $Q = n \times V \times N$

- K: hệ số lưu lượng (thời gian lưu nước trong bể tự hoại tính bằng ngày: 1,2).
- n: số lần đi vệ sinh trung bình của một người trong một ngày (3 lần).
- V: dung tích của bể nước nhà vệ sinh (20 lít).
- N: số người mà bể phục vụ.

Thể tích phần bùn:

$$W_b = \frac{a \times T \times (100\% - W1) \times b \times c \times N}{(100\% - W2) \times 1000} \quad (m^3)$$

Trong đó:

- a – lượng cặn lắng trung bình của 1 người trong 1 ngày, lấy 0,7 – 0,8 lít.
- T – thời gian giữa 2 lần lấy cặn lắng ra khỏi bể (lấy bằng $\frac{1}{2}$ năm = 180 ngày).
- W_1 – độ ẩm của cặn lắng tươi khi vào bể, thường lấy bằng 95%.
- W_2 – độ ẩm của cặn lắng đã lên men, thối rửa khi ra bể, lấy bằng 90%.
- b – hệ số kể đến độ giảm thể tích của cặn lắng, đã lên men thối rửa, lấy bằng 0,70 (giảm 30%).
- c – hệ số việc để lại 1 phần cặn lắng đã lên men trong bể để tăng nhanh quá trình tự hoại, thường lấy bằng 1,1 (để lại 10%).
- N – số người tối đa mà bể phục vụ: 800 người

Thể tích phân nước:

$$W_n = (800 \times 20 \times 3) \times 1,2 / 1.000 = 57,6 \text{ m}^3$$

Thể tích phân bùn:

$$W_b = \frac{0,7 \times 180 \times (100-95) \times 0,7 \times 1,1 \times 800}{(100-90) \times 1.000} = 3,8 \text{ m}^3$$

Thể tích bể tự hoại cần thiết:

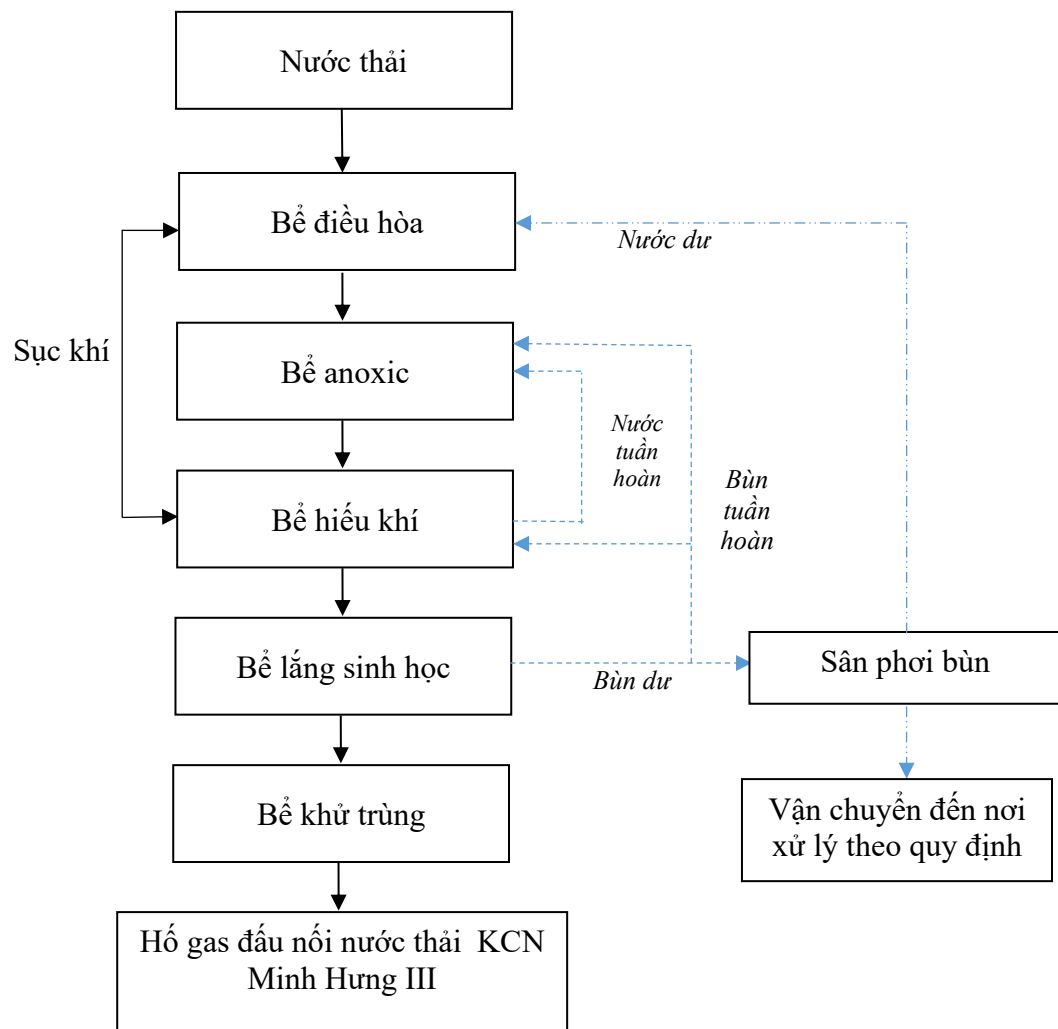
$$W_{th} = W_n + W_b = 57,6 + 3,8 = 61,4 \text{ m}^3$$

Như vậy, cơ sở đã xây dựng 05 bể tự hoại với thể tích mỗi bể là 36 m³ (LxRxH = 6x2x3) tổng thể tích 180 m³, đảm bảo đủ thể tích để xử lý nước thải bồn cầu của cơ sở

Bảng 3. 3. Thông số kích thước bể tự hoại

Stt	Hạng mục	Thể tích bể (m ³)	Số lượng (bể)	Vị trí
1	Bể tự hoại 1	36	01	Nhà vệ sinh tại nhà bảo vệ công đường Đ4
2	Bể tự hoại 2	36	01	Nhà vệ sinh cạnh xưởng 1
3	Bể tự hoại 3	36	01	Nhà vệ sinh cạnh xưởng 2
4	Bể tự hoại 4	36	01	Nhà vệ sinh cạnh xưởng 3
5	Bể tự hoại 5	36	01	Nhà vệ sinh nhà văn phòng
	Tổng cộng	V = 180 m³		

*** Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt, công suất xử lý 70 m³/ngày:**



Hình 3.3. Sơ đồ công nghệ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt, công suất 70 m³/ngày.đêm

❖ Thuyết minh công nghệ:

Nước thải sinh hoạt sau khi được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn, cùng nước thải từ lavabo,... nước thải nhà ăn được thu gom tại hố thu sau đó được bơm chìm bơm nước thải vào bể điều hòa. Bể điều hoà sẽ điều hòa lưu lượng, nồng độ (làm cho nước thải không bị tràn vào giờ cao điểm) và dưới đáy có bố trí hệ thống sục khí thô có tác dụng đảo trộn tránh bị lắng cặn trước khi sang bể xử lý thiếu khí.

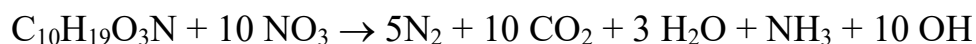
Bể Điều Hòa

Nhằm cân bằng lưu lượng và nồng độ nước thải. Trong bể điều hòa bố trí 02 bơm nước thải nhúng chìm để bơm nước sang bể thiếu khí, bắt đầu quá trình xử lý.

Bể Thiếu khí (Anoxic)

Tại bể Anoxic, diễn ra quá trình khử nitrat, nitrit giải phóng khí Nitơ ra môi trường. Nước thải giàu nitrat, nitrit sẽ được bổ sung vào bể nhờ có dòng tuần hoàn nước từ bể sinh học phía sau, bùn hoạt tính cũng được tuần hoàn từ bể lắng sinh học để bổ sung bùn đầy đủ trong quá trình xử lý nước thải.

Phương trình khử nitrat từ bsCOD (*biodegradable soluble Chemical Oxygen Demand*):



Máy khuấy được lắp đặt trong bể nhằm tạo sự khuấy trộn giữa nước thải và lớp bùn vi sinh, giúp quá trình xử lý diễn ra hiệu quả hơn. Nước thải từ bể Anoxic sẽ tự chảy qua bể sinh học hiếu khí 2.

Bể Hiếu Khí (Aerotank)

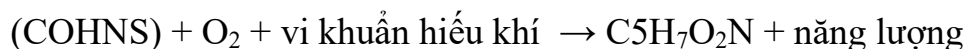
Các quá trình xử lý sinh học diễn ra trong bể Hiếu khí, bao gồm:

Quá trình oxy hóa các hợp chất hữu cơ – BOD, COD

Quá trình oxy hóa (quá trình dị hóa) được thực hiện như sau:

$(COHNS) + O_2 + \text{vi khuẩn hiếu khí} \rightarrow CO_2 + NH_4^+ + \text{sản phẩm khác} + \text{năng lượng} + \text{chất hữu cơ đơn giản.}$

Quá trình tổng hợp (hay đồng hóa)



Việc tuần hoàn trong quá trình xử lý giúp quá trình trở nên tương đối đơn giản và tự động duy trì nồng độ cơ chất của chính quá trình cũng như là một nguồn cung cấp thức ăn mới cho quá trình tăng trưởng của vi sinh vật, giúp phân hủy các chất ô nhiễm.

Sinh khối hoạt tính của bông bùn sinh học gọi là bùn hoạt tính là một dạng của quá trình.

Quá trình nitrate hóa

Trong bể này diễn ra quá trình nitrate hóa với sự tham gia của 2 loại vi khuẩn tự dưỡng theo cơ chế sau:

Bước 1: Ammonia chuyển hóa thành NO₂⁻ với sự có mặt của vi khuẩn Nitrosomonas



Bước 2: NO₂⁻ được chuyển hóa thành NO₃⁻ với sự có mặt của vi khuẩn Nitrobacter



Tổng hợp cả 2 phản ứng trên:



Việc hấp thụ Nito/ Phospho bên trong tế bào vi khuẩn.

Một phần của Nito/ Phospho sẽ giảm đi vì theo bùn dư thải ra ngoài trong quá trình xử lý sinh học. Ngoài ra, để tránh tình trạng hao hụt bùn sinh học tại bể hiếu khí, quá trình bổ sung bùn được thực hiện nhờ quá trình hồi lưu bùn từ bể lắng về bể anoxic.

Bể hiếu khí 2 cũng được bố trí bơm tuần hoàn nhằm hồi lưu nước về lại bể Anoxic, cung cấp nguồn nitrat cho quá trình khử nito.

Nước thải sau bể sinh học hiếu khí 2, sẽ tự chảy qua bể lắng sinh học.

Bể Lắng sinh học

Nước được phân phối ở đáy và thu nước ở bề mặt bể. Quá trình hoạt động của bể là quá trình liên tục, bùn sinh ra trong quá trình lắng một phần sẽ được đưa về bể Aerotank, bùn dư sẽ được xả về bể chứa bùn sinh học, còn phần nước sẽ được đưa vào bể qua ống phân phối trung tâm. Nước sau khi lắng sẽ tràn vào máng răng cưa và tự chảy sang bể điều chỉnh pH trước khi tiến hành quá trình xử lý hóa lý.

Bể khử trùng (bể trung gian)

Nước thải sau bể lắng sẽ được chảy qua Giai đoạn khử trùng trong đường ống. Chlorine, chất oxy hóa mạnh thường được sử dụng rộng rãi trong quá trình khử trùng nước thải. Ngoài mục đích khử trùng, chlorine còn có thể sử dụng để giảm mùi. Hợp chất chlorine sử dụng ở dạng bột calcium hypochloride $[\text{Ca}(\text{OCl})_2]$. Hàm lượng chlorine cần thiết để khử trùng cho nước sau lắng, 3-15mg/l. Hàm lượng chlorine cung cấp vào nước thải ổn định qua bơm định lượng hóa chất.

Nước sau khi đã xử lý đạt tiêu chuẩn đầu nối nước thải của KCN sẽ được đầu nối với hệ thống xử lý nước thải của KCN Minh Hưng III để tiếp tục xử lý.

Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý nước thải như sau:

Bảng 3.4. Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý nước thải

Stt	Hạng mục	Kích thước (m)		
		Dài	Rộng	Cao
1	Bể Điều hòa	5,7	2,5	2.5

2	Bể Thiếu khí	3	2	3,5
3	Bể Hiếu khí	6,5	2	3,5
4	Bể lắng 2	2,5	2,5	3,5
5	Bể Trung gian	2,5	1,5	1,5
6	Bể Chứa bùn	2,5	1,5	1,5

(Nguồn: Công ty TNHH Tủ Bếp Bloom)

❖ **Nhu cầu sử dụng điện cho HTXL nước thải**

- Hệ thống xử lý nước thải, công suất 70 m³/ngày.đêm của Công ty tiêu hao điện năng khoảng 58 kWh/ngày tương đương 1.500 kWh/tháng.

❖ **Hóa chất dùng cho hệ thống xử lý nước thải**

Bảng 3.5. Hóa chất dùng cho hệ thống xử lý nước thải

TT	Tên hóa chất	Đơn vị tính	Khối lượng
1	NaOH	Kg/ngày	7
2	Javen	Kg/ngày	3,5

(Nguồn: Công ty TNHH Tủ Bếp Bloom)

❖ **Quy trình vận hành hệ thống xử lý**

Những yêu cầu khi vận hành:

➤ **Đối với hệ thống điều khiển:**

- Kiểm tra điện áp đầu vào các thiết bị.
- Kiểm tra trạng thái làm việc của các thiết bị trong tủ điều khiển.

➤ **Đối với thiết bị:**

- Vệ sinh lưới lọc và thiết bị tách rác thường xuyên.
- Kiểm tra hiện trạng hệ thống các máy bơm.
- Hệ thống đường ống công nghệ của hệ thống có bị nghẽn hay không.
- Kiểm tra hiện trạng bồn hóa chất, lượng hóa chất trong bồn. (Nếu hết tiến hành pha hóa chất theo hướng dẫn).
- Tất cả các thiết bị, các van trên hệ thống đường ống kỹ thuật phải ở trạng thái sẵn sàng làm việc.
- Đảm bảo tất cả các thiết bị đã được bảo dưỡng định kỳ.

➤ **Công tác vận hành:**

- Hệ thống điều khiển của hệ thống xử lý nước thải được điều khiển ở hai chế độ:
- Chế độ tự động: Hoạt động theo chế độ báo mức nước của các phao trong bể chứa và các bộ đếm thời gian.
- Chế độ điều khiển bằng tay: Nhân viên vận hành sẽ trực tiếp điều khiển các thiết bị.
- Ký hiệu trên mặt tủ điều khiển:

ON,OFF: Đóng mở nguồn cấp cho tủ điều khiển.

AUTO, MAN: Chế độ điều khiển tự động và bằng tay.

Công tắc điều khiển: Bên trái → bằng tay, Trung tâm → tắt, Bên phải → tự động.

Đèn báo: Đèn báo xanh → Thiết bị đang hoạt động, Đèn báo vào → Thiết bị đang bị sự cố.

Đèn của thiết bị nào trên tủ báo sáng → thiết bị đó đang hoạt động.

➤ **Cách pha hóa chất và dưỡng chất:**

- Cho nước sạch vào khoảng 2/3 bồn.
- Cho $\frac{1}{2}$ bao NaOH vào bồn.
- Bật motor khuấy trộn.
- Khi nhận thấy hóa chất đã hoàn toàn hòa tan trong nước thì châm thêm nước sạch vào bồn cho đầy.

Khi pha hóa chất, cán bộ vận hành cần lưu ý:

- ❖ Luôn cho nước sạch vào bồn chứa trước, cho hóa chất vào sau với lượng nhỏ đến khi đủ lượng cần thiết để tránh hiện tượng phản ứng đột ngột (sinh nhiệt, bốc hơi, ...) gây ảnh hưởng đến an toàn và sức khỏe của nhân viên vận hành.
- ❖ Khuấy trộn đều đến khi dung dịch đồng nhất mới đưa vào sử dụng.
- ❖ Cần cẩn thận khi tiến hành pha hóa chất, người pha chế phải chú ý đến an toàn kỹ thuật lao động như: phải đeo găng cao su dài tay, kính bảo hộ, khẩu trang, mũ, mang ủng cao su, ... Các trang bị bảo hộ sau khi bị dính hóa chất phải rửa ngay dưới vòi nước mạnh và thay ngay.
- ❖ Khi pha hóa chất phải có ít nhất 02 người để nếu cần có thể hỗ trợ giúp nhau.

Phải chuẩn bị sẵn vòi nước sạch để vệ sinh khi cần.

(2) Đối với nước thải sản xuất:

Nước từ buồng phun sơn màng nước được tuần hoàn tái sử dụng và được châm thêm lượng hao hụt do quá trình bốc hơi với lưu lượng 0,96 m³/ngày.đêm.

Nước từ buồng phun sơn màng nước được thu gom theo mương dẫn (DxRxH= 5x0,5x0,5m) dẫn về bể lắng tập trung (DxRxH= 10x2,1x3m). Bể lắng tập trung được chia thành 04 ngăn. Tại các ngăn của bể, quá trình lắng diễn ra nhằm lắng cặn ra. Cặn sơn lẫn trong nước sẽ được tách thành hai phần riêng biệt: phần bùn lắng phía dưới đáy và phần nước phía trên. Phần nước sau khi lắng được bơm tuần hoàn tái sử dụng cho hệ thống xử lý bụi sơn màng nước.

Định kỳ 3 tháng thuê đơn vị có chức năng đến hút phần cặn lắng được chuyển giao như đối với chất thải nguy hại và sau thời gian lắng nhất định

3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

3.2.1. Biện pháp giảm thiểu bụi khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở

Bảng 3. 6. Bảng tổng hợp công trình xử lý bụi, khí thải tại cơ sở

STT	Ký hiệu	Công trình xử lý chất thải	Công đoạn phát sinh	Quy trình	Số lượng hệ thống	Công suất (m ³ /giờ)	Ghi chú
I	HỆ THỐNG THU GOM, XỬ LÝ BỤI XUỐNG 1						
1	Cụm 1	Hệ thống thu gom, xử lý bụi số 1	Khu vực gia công gỗ (máy cắt, máy cưa, máy tạo rãnh, công đoạn chà nhám của 3 chuyền sơn viên)	Bụi→ chụp hút /ống dẫn → quạt hút → Cyclone → Ống thoát khí thải	1	56.817	Bụi sau xử lý thu gom chung về 1 thùng chứa bụi
2		Hệ thống thu gom, xử lý bụi số 2		Bụi→ chụp hút /ống dẫn → quạt hút → Cyclone → Ống thoát khí thải	1	56.817	
3	Cụm 2	Hệ thống thu gom, xử lý bụi số 3	Khu vực gia công gỗ (máy cắt, máy tạo rãnh, máy bào)	Bụi→ chụp hút /ống dẫn → quạt hút → Cyclone → Ống thoát khí thải	1	56.817	Bụi sau xử lý thu gom chung về 1 thùng chứa bụi
4		Hệ thống thu gom, xử lý bụi số 4		Bụi→ chụp hút /ống dẫn → quạt hút → Cyclone → Ống thoát khí thải	1	56.817	
5	Cụm 3	Hệ thống thu gom, xử lý bụi số 5	Khu vực gia công gỗ (máy cắt, máy bào, máy khoan, máy tạo rãnh, máy đánh mộng, công đoạn chà nhám của 1 chuyền sơn viên)	Bụi→ chụp hút /ống dẫn → quạt hút → Cyclone → Ống thoát khí thải	1	56.817	Bụi sau xử lý thu gom chung về 1 thùng chứa bụi
6		Hệ thống thu gom, xử lý bụi số 6		Bụi→ chụp hút /ống dẫn → quạt hút →	1	56.817	

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

STT	Ký hiệu	Công trình xử lý chất thải	Công đoạn phát sinh	Quy trình	Số lượng hệ thống	Công suất (m ³ /giờ)	Ghi chú
				Cyclone → Ống thoát khí thải			
7	Cụm 4	Hệ thống thu gom, xử lý bụi số 7	Khu vực gia công gỗ (máy cắt, máy khoan, máy tạo rãnh và công đoạn chà nhám 02 chuyên sơn UV1,2)	Bụi→ chụp hút /ống dẫn → quạt hút → Cyclone → Ống thoát khí thải	1	50.533	Bụi sau xử lý thu gom chung về 1 thùng chứa bụi
8		Hệ thống thu gom, xử lý bụi số 8		Bụi→ chụp hút /ống dẫn → quạt hút → Cyclone → Ống thoát khí thải	1	50.533	
9	Cụm 5	Hệ thống thu gom, xử lý bụi số 9	Khu vực máy chà nhám tại chuyên sơn UV1	Bụi → chụp hút /ống dẫn → quạt hút → Lọc bụi túi vải → ống thải	1	50.533	
II	HỆ THỐNG THU GOM, XỬ LÝ BỤI XUỐNG 2						
10	Cụm 6	Hệ thống thu gom, xử lý bụi số 10	Khu vực gia công chi tiết (máy cắt, máy khoan, máy tạo rãnh, máy ép ván, máy nhám)	Bụi→ chụp hút /ống dẫn → quạt hút → Cyclone → Ống thoát khí thải	1	56.817	
11	Cụm 7	Hệ thống thu gom, xử lý bụi số 11	Khu vực gia công chi tiết (máy cắt, máy tạo rãnh, máy khoan, máy đóng viên, công đoạn chà nhám của 4 chuyên sơn cạnh)	Bụi→ chụp hút /ống dẫn → quạt hút → Cyclone → Ống thoát khí thải	1	56.817	Bụi sau xử lý thu gom chung về 1 thùng chứa bụi
12		Hệ thống thu gom, xử lý bụi số 12		Bụi→ chụp hút /ống dẫn → quạt hút → Cyclone → Ống thoát khí thải	1	56.817	

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

STT	Ký hiệu	Công trình xử lý chất thải	Công đoạn phát sinh	Quy trình	Số lượng hệ thống	Công suất (m ³ /giờ)	Ghi chú
13		Hệ thống thu gom, xử lý bụi số 13		Bụi→ chụp hút /ống dẫn → quạt hút → Cyclone → Ống thoát khí thải	1	56.817	
14		Hệ thống thu gom, xử lý bụi số 14		Bụi→ chụp hút /ống dẫn → quạt hút → Cyclone → Ống thoát khí thải	1	56.817	
15	Cụm 8	Hệ thống thu gom, xử lý bụi số 15	Khu vực gia công chi tiết (máy cắt, máy khoan, 05 máy chà nhám+04 máy phay 02 đầu)	Bụi→ chụp hút /ống dẫn → quạt hút → Cyclone → Ống thoát khí thải	1	56.817	Bụi sau xử lý thu gom chung về 1 thùng chứa bụi
16		Hệ thống thu gom, xử lý bụi số 16		Bụi→ chụp hút /ống dẫn → quạt hút → Cyclone → Ống thoát khí thải	1	56.817	
17	Cụm 9	Hệ thống thu gom, xử lý bụi số 17	Khu vực chà nhám (9 máy chà nhám thùng)	Bụi→ chụp hút /ống dẫn → quạt hút → Cyclone → Ống thoát khí thải	1	50.533	Bụi sau xử lý thu gom chung về 1 thùng chứa bụi
18		Hệ thống thu gom, xử lý bụi số 18		Bụi→ chụp hút /ống dẫn → quạt hút → Cyclone → Ống thoát khí thải	1	50.533	
19		Hệ thống thu gom, xử lý bụi số 19		Bụi→ chụp hút /ống dẫn → quạt hút →	1	70.533	

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

STT	Ký hiệu	Công trình xử lý chất thải	Công đoạn phát sinh	Quy trình	Số lượng hệ thống	Công suất (m³/giờ)	Ghi chú
				Cyclone → Ống thoát khí thải			
20	Cụm 10	Hệ thống thu gom, xử lý bụi số 20	Khu vực máy chà nhám tại 02 chuyên sơn UV3	Bụi → chụp hút /ống dẫn → Lọc bụi túi vải → ống thải	1	48.333	3 ống thoát khí thải
				Bụi → chụp hút /ống dẫn → quạt hút → Lọc bụi túi vải → ống thải	1	48.333	
				Bụi → chụp hút /ống dẫn → quạt hút → Lọc bụi túi vải → ống thải	1	48.334	
III	HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI XUỐNG 3						
21	Cụm 11	Hệ thống thu gom, xử lý bụi số 23	Khu vực mài (4 máy chà nhám+1 vệ sinh bụi)	Bụi→ chụp hút /ống dẫn → quạt hút → Cyclone → Ống thoát khí thải	1	56.817	Bụi sau xử lý thu gom chung về 1 thùng chứa bụi
22		Hệ thống thu gom, xử lý bụi số 24		Bụi→ chụp hút /ống dẫn → quạt hút → Cyclone → Ống thoát khí thải	1	56.817	
23	Cụm 12	Hệ thống thu gom, xử lý bụi số 25	Khu vực chà nhám tại buồng phun sơn (03 buồng phun sơn AC và 01	Bụi → chụp hút /ống dẫn → quạt hút → Cyclone → Ống thoát khí thải	1	56.817	Bụi sau xử lý thu gom chung về 1 thùng chứa bụi

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

STT	Ký hiệu	Công trình xử lý chất thải	Công đoạn phát sinh	Quy trình	Số lượng hệ thống	Công suất (m ³ /giờ)	Ghi chú
24		Hệ thống thu gom, xử lý bụi số 26	buồng phun sơn UV+01 máy chà nhám)	Bụi→ chụp hút /ống dẫn → quạt hút → Cyclone → Ống thoát khí thải	1	56.817	
25	Cụm 13	Hệ thống xử lý khí thải chuyên phun sơn UV, buồng phun sơn	Chuyên phun sơn UV (sử màu, 3 buồng phun sơn)	Khí thải→ ống dẫn → → quạt hút → than hoạt tính → ống thải	1	10.000	
26				Khí thải→ ống dẫn → → quạt hút → than hoạt tính → ống thải	1	10.000	
27				Khí thải→ ống dẫn → → quạt hút → than hoạt tính → ống thải	1	10.000	
28	Cụm 14	Hệ thống xử lý khí thải buồng phun sơn AC1	Buồng phun sơn AC1	Khí thải→ ống dẫn → → quạt hút → than hoạt tính → ống thải	1	10.000	
29		Hệ thống xử lý khí thải buồng phun sơn AC2	Buồng phun sơn AC2	Khí thải→ ống dẫn → → quạt hút → than hoạt tính → ống thải	1	10.000	
30		Hệ thống xử lý khí thải buồng phun sơn AC3	Buồng phun sơn AC3	Khí thải→ ống dẫn → → quạt hút → than hoạt tính → ống thải	1	10.000	
31	Cụm 15	Hệ thống xử lý khí thải buồng phun sơn màng nước số 1	Buồng phun sơn màng nước số 1	Khí thải→ màng nước thu hồi bụi sơn → quạt hút → lớp bông dạng	1	10.000	

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

STT	Ký hiệu	Công trình xử lý chất thải	Công đoạn phát sinh	Quy trình	Số lượng hệ thống	Công suất (m ³ /giờ)	Ghi chú
				sợi + than hoạt tính → ống thải			
32		Hệ thống xử lý khí thải buồng phun sơn màng nước số 2	Buồng phun sơn màng nước số 2	Khí thải → màng nước thu hồi bụi sơn → 2 quạt hút → lớp bông dạng sợi + than hoạt tính → 2 ống thải	2	20.000	26 ống thải, mỗi bộ công suất 10.000 m ³ /giờ
33		Hệ thống xử lý khí thải buồng phun sơn màng nước số 3	Buồng phun sơn màng nước số 3	Khí thải → màng nước thu hồi bụi sơn → 4 quạt hút → lớp bông dạng sợi + than hoạt tính → 4 ống thải	4	40.000	
34		Hệ thống xử lý khí thải buồng phun sơn màng nước số 4	Buồng phun sơn màng nước số 4	Khí thải → màng nước thu hồi bụi sơn → 2 quạt hút → lớp bông dạng sợi + than hoạt tính → 2 ống thải	2	20.000	
35		Hệ thống xử lý khí thải buồng phun sơn màng nước số 5	Buồng phun sơn màng nước số 5	Khí thải → màng nước thu hồi bụi sơn → 2 quạt hút → lớp bông dạng sợi + than hoạt tính → 2 ống thải	2	20.000	
36		Hệ thống xử lý khí thải buồng phun sơn màng nước số 6	Buồng phun sơn màng nước số 6	Khí thải → màng nước thu hồi bụi sơn → 2 quạt hút → lớp bông dạng sợi + than hoạt tính → 2 ống thải	2	20.000	

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

STT	Ký hiệu	Công trình xử lý chất thải	Công đoạn phát sinh	Quy trình	Số lượng hệ thống	Công suất (m ³ /giờ)	Ghi chú
37		Hệ thống xử lý khí thải buồng phun sơn màng nước số 7	Buồng phun sơn màng nước số 7	Khí thải → màng nước thu hồi bụi sơn → 2 quạt hút → lớp bông dạng sợi + than hoạt tính → 2 ống thải	2	20.000	
38		Hệ thống xử lý khí thải buồng phun sơn màng nước số 8	Buồng phun sơn màng nước số 8	Khí thải → màng nước thu hồi bụi sơn → 2 quạt hút → lớp bông dạng sợi → bằng than hoạt tính → 2 ống thải	2	20.000	
39		Hệ thống xử lý khí thải buồng phun sơn màng nước số 9	Buồng phun sơn màng nước số 9	Khí thải → màng nước thu hồi bụi sơn → 2 quạt hút → lớp bông dạng sợi + than hoạt tính → 2 ống thải	2	20.000	
40		Hệ thống xử lý khí thải buồng phun sơn màng nước số 10	Buồng phun sơn màng nước số 10	Khí thải → màng nước thu hồi bụi sơn → 4 quạt hút → lớp bông dạng sợi + than hoạt tính → 4 ống thải	4	40.000	
41		Hệ thống xử lý khí thải buồng phun sơn màng nước số 11	Buồng phun sơn màng nước số 11	Khí thải → màng nước thu hồi bụi sơn → 2 quạt hút → lớp bông dạng sợi + than hoạt tính → 2 ống thải	2	20.000	

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

STT	Ký hiệu	Công trình xử lý chất thải	Công đoạn phát sinh	Quy trình	Số lượng hệ thống	Công suất (m ³ /giờ)	Ghi chú
42		Hệ thống xử lý khí thải buồng phun sơn màng nước số 12	Buồng phun sơn màng nước số 12	Khí thải → màng nước thu hồi bụi sơn → quạt hút → lớp bông dạng sợi + than hoạt tính → ống thải	1	10.000	
43	Cụm 16	Hệ thống xử lý khí thải khu vực sửa màu	Phun sơn sửa màu	Khí thải → ống dẫn → than hoạt tính → quạt hút → ống thải	1	10.000	
44				Khí thải → ống dẫn → than hoạt tính → quạt hút → ống thải	1	10.000	
		Tổng				1.774.087	

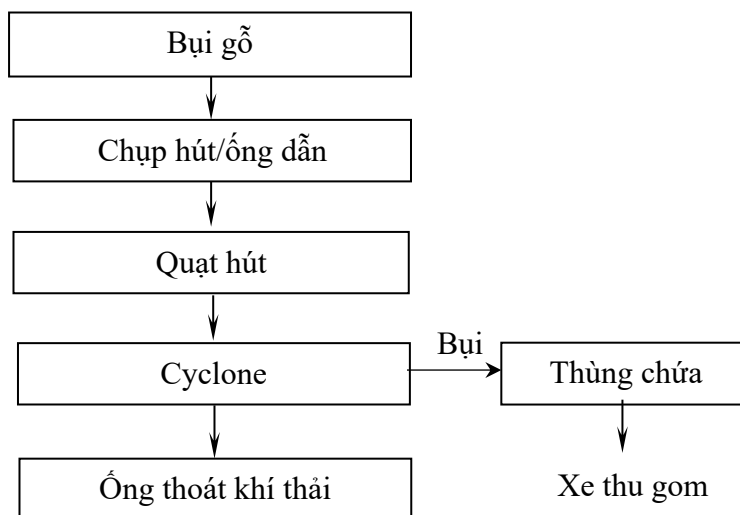
3.2.1.2. Biện pháp giảm thiểu bụi và khí thải từ quá trình sản xuất

(1) Công trình thu gom xử lý bụi gỗ từ các công đoạn sản xuất

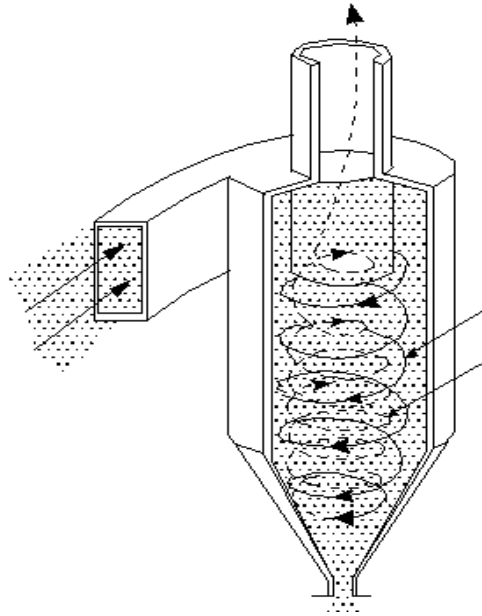
Công nghệ sản xuất của nhà máy là sản xuất các sản phẩm tủ phòng tắm và linh phụ kiện tủ phòng tắm từ gỗ, sản xuất tủ bếp và linh phụ kiện tủ bếp từ gỗ, nên bụi là nguồn gây ô nhiễm quan trọng nhất và phát sinh ở hầu hết các công đoạn sản xuất. Căn cứ quy trình công nghệ sản xuất của công ty được trình bày trong chương 1, bụi sẽ phát sinh ở các công đoạn gia công gỗ gồm: cưa, cắt, phay bào, đánh mộng, đục lỗ, chà nhám với kích thước khác nhau. Các quá trình này phát sinh bụi rất nhiều, bụi phát sinh có kích thước và trọng lượng khác nhau nên không chỉ ảnh hưởng trực tiếp đến công nhân tại khu vực sản xuất mà có khả năng phát tán xa nên còn ảnh hưởng toàn bộ xưởng sản xuất và môi trường xung quanh.

Nhà máy đã lắp đặt các hệ thống thu gom bụi thải từ quá trình gia công gỗ với công suất gồm: từ cụm 1 đến cụm 3 (công suất 56.817 m³/giờ/hệ), từ cụm 4 đến cụm 5 (công suất 50.533 m³/giờ/hệ), từ cụm 6 đến cụm 8 (công suất 56.817 m³/giờ/hệ), cụm 9 (2 hệ công suất 50.533 m³/giờ/hệ và 01 hệ công suất 70.533 m³/giờ), cụm 10 (2 hệ công suất 48.333 m³/giờ/hệ, 1 hệ thống công suất 48.334 m³/giờ), cụm 12 (công suất 56.817 m³/giờ/hệ). Trong đó có cụm 5, cụm 10 sẽ được thu hồi bụi bằng lọc bụi túi vải, các cụm còn lại thu hồi bụi bằng cyclone trước khi phát tán ra môi trường bên ngoài qua ống thải.

✓ Quy trình công nghệ thu hồi xử lý bụi bằng cyclone như sau:



Hình 3. 4. Quy trình công nghệ hệ thống xử lý bụi gỗ bằng Cyclone



Hình 3. 5. Sơ đồ nguyên lý hoạt động của hệ thống lọc bụi cyclone

1) Không khí chứa bụi đi vào cyclone; 2) Quỹ đạo chuyển động của dòng khí chứa bụi; 3) Bụi thu hồi; 4) Quỹ đạo chuyển động của dòng khí sạch; 5) Không khí sạch ra khỏi thiết bị.

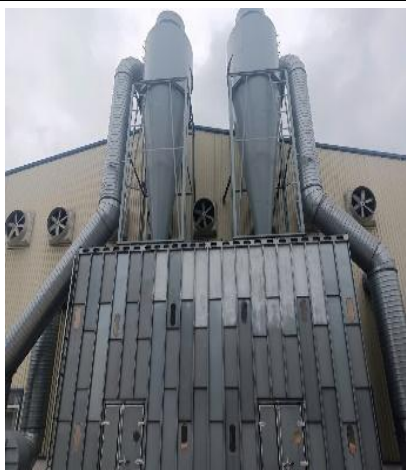
Thuyết minh quy trình công nghệ:

Bụi thải từ quá trình sản xuất được quạt hút đưa vào thiết bị lọc cyclone. Đây là bộ khử bụi xoáy kết hợp lực ly tâm, lực quán tính với trọng lực để tách bụi ra khỏi dòng khí cho rơi xuống đáy.

Không khí mang theo bụi chuyển động thẳng vuông góc vào các miệng hút của cyclone, tại cyclone dòng khí theo đường cong tiếp tuyến với vách ống nhỏ bên trong. Ở gần vách trong áp suất nhỏ còn ở càng xa vách áp suất khí càng lớn, chênh áp này tạo nên chuyển động quay của dòng khí. Do lực ly tâm bụi văng đập vào thành ống và rơi xuống đáy của cyclone.

Toàn bộ lượng bụi sau xử lý qua Cyclone được thu gom chứa tại thùng chứa và chuyển cho đơn vị có chức năng thu gom xử lý. Không khí sạch sau xử lý thoát ra ngoài môi trường bên ngoài qua ống thải của thiết bị Cyclone.

Hình ảnh hệ thống thu gom bụi bằng cyclone hiện hữu tại cơ sở:

		
Cụm 1 xường 1 – 2 hệ thống Cyclone Công suất: 56.817 m ³ /giờ/hệ thống	Cụm 2 xường 1 – 2 hệ thống Cyclone Công suất: 56.817 m ³ /giờ/hệ thống	Cụm 3 xường 1 – 2 hệ thống Cyclone Công suất: 56.817 m ³ /giờ/hệ thống
		
Cụm 4 xường 1 – 2 hệ thống Cyclone Công suất: 50.533 m ³ /giờ/hệ thống	Cụm 6 xường 2 – 1 hệ thống Cyclone Công suất: 56.817 m ³ /giờ	Cụm 7 xường 2 – 4 hệ thống Cyclone Công suất: 56.817 m ³ /giờ/hệ thống
		
Cụm 8 xường 2 – 2 hệ thống Cyclone Công suất: 56.817 m ³ /giờ/hệ thống	Cụm 9 xường 2 – 3 hệ thống Cyclone Công suất: 50.533 m ³ /giờ/2 hệ thống và 70.533 m ³ /giờ	Cụm 11 xường 3 – 2 hệ thống Cyclone Công suất: 56.817 m ³ /giờ/hệ thống



Cụm 12 xường 3 – 2 hệ thống Cyclone
Công suất: 56.817 m³/giờ/hệ thống

a) Thông số của hệ thống xử lý khí thải được thể hiện ở bảng sau:

Bảng 3. 7. Thông số kỹ thuật của hệ thống thu hồi bụi bằng cyclone

STT	Thiết bị	Số lượng	Thông số kỹ thuật
Hệ thống 56.817 m³/giờ/hệ thống			
1	Hệ thống chụp hút về công trung tâm	-	Đường kính đường ống: Ø150, Ø400, Ø300, Ø500, Ø600
2	Quạt hút	13 cái	Công suất: 56.817 m ³ /giờ/cái Motor: 45kW, 380V×50Hz, 3pha
3	Cyclone	13 cái	Chức năng: thu hồi bụi Hiệu suất xử lý: 98% (đối với bụi ≥ 0,02mm)
4	Ống thải	13	Tôn tráng kẽm Ø600
Hệ thống 50.533 m³/giờ/hệ thống			
5	Hệ thống chụp hút về công trung tâm	-	Đường kính đường ống: Ø150, Ø400, Ø300, Ø500, Ø600
6	Quạt hút	5 cái	Công suất: 50.533 m ³ /giờ/cái Motor: 55kW, 380V×50Hz, 3pha
7	Cyclon	5 cái	Chức năng: thu hồi bụi Hiệu suất xử lý: 98% (đối với bụi ≥ 0,02mm)
8	Ống thải	5	Tôn tráng kẽm Ø600
Hệ thống 70.533 m³/giờ			
9	Hệ thống chụp hút về công trung tâm	-	Đường kính đường ống: Ø150, Ø400, Ø300, Ø500, Ø600
10	Quạt hút	1 cái	Công suất: 70.533 m ³ /giờ/cái Motor: 70kW, 380V×50Hz, 3pha

STT	Thiết bị	Số lượng	Thông số kỹ thuật
11	Cyclon	1 cái	Chức năng: thu hồi bụi Hiệu suất xử lý: 98% (đối với bụi $\geq 0,02\text{mm}$)
12	Ống thải	1	Tôn tráng kẽm Ø600

c. Điện năng, hóa chất sử dụng

Hệ thống không sử dụng hóa chất.

Điện năng tiêu thụ: 50.000 kWh/tháng

d. Quy trình vận hành hệ thống xử lý

- Kiểm tra

Trước khi tiến hành cho hệ thống hoạt động cần kiểm tra toàn bộ hệ thống.

- Kiểm tra các thiết bị điện

Kiểm tra công tắc của tất cả các thiết bị đã ở vị trí OFF hoặc ON hay chưa;

- Kiểm tra hệ thống.

Kiểm tra hoạt động của motor và quạt hút

Kiểm tra các van của đường ống thu gom.

- Hoạt động hệ thống

Sau khi tiến hành kiểm tra và chuẩn bị, người vận hành bắt đầu cho hệ thống hoạt động:

+ Bước 1: Nhấn công tắc ON → Tủ điều khiển sẵn sàng.

+ Bước 2: Tiến hành bật/tắt các công tắc theo đúng quy trình xử lý.

+ Bước 3: Khi có sự cố ở máy nào thì tắt máy đó → Tìm nguyên nhân và tiến hành khắc phục, sửa chữa.

+ Bước 4: Khi có sự cố khẩn cấp nhấn nút công tắc khẩn cấp hoặc nhấn nút OFF → Chuyển tất cả công tắc về OFF → Tìm nguyên nhân khắc phục → Sau khi đã khắc phục sự cố thì tiến hành khởi động hệ thống theo các bước 1 và bước 2 như trên.

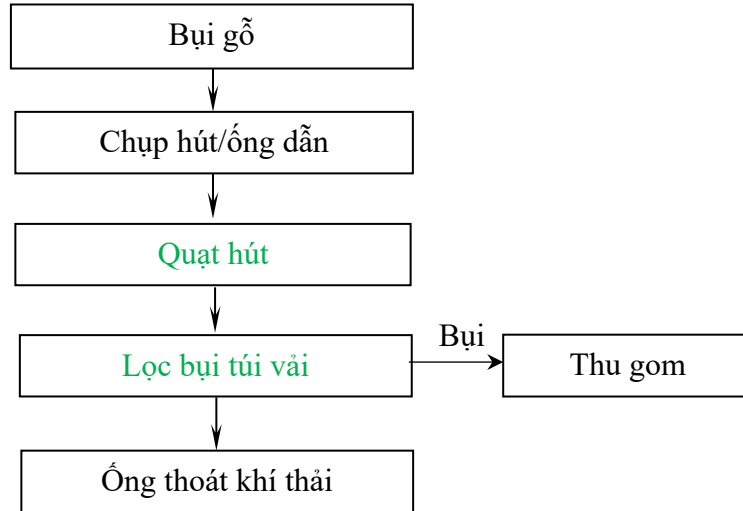
e. Yêu cầu về tiêu chuẩn áp dụng đối với bụi, khí thải sau xử lý

Bụi, khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2024/BTNMT cột B

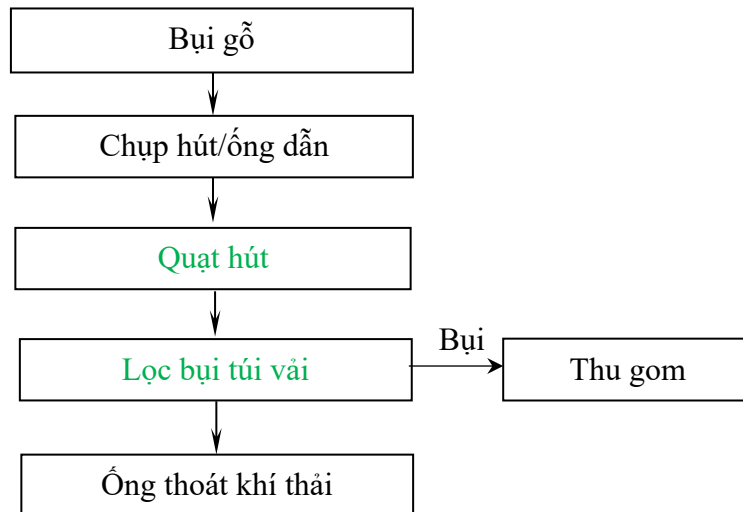
✓ Quy trình công nghệ thu hồi xử lý bụi bằng lọc bụi túi vải như sau:

Nhà máy đã lắp đặt 01 hệ thống thu gom bụi thải tại khu vực máy chà nhám tại chuyên sơn UV1 và 03 hệ thống thu gom tại khu vực chà nhám tại 02 chuyên sơn UV3 qua túi vải trước khi phát tán ra môi trường xung quanh.

Sơ đồ quy trình công nghệ xử lý như sau:



Hình 3. 6. Quy trình công nghệ hệ thống xử lý bụi bằng lọc bụi túi vải tại chuyên sơn UV 1 xưởng 1



Hình 3. 7. Quy trình công nghệ hệ thống xử lý bụi bằng lọc bụi túi vải tại 2 chuyên sơn UV3 xưởng 2

Thuyết minh quy trình:

Tại các máy chà nhám sẽ được lắp đặt từ đường ống ruột gà để hút và đưa bụi vào đường ống dẫn chung. Đường ống ruột gà có đường kính từ 200-400mm.

Từ đường ống ruột gà, bụi sẽ được dẫn vào ống góp được làm bằng thép không

gi, đường kính ống góp từ 200-400mm. Từ lồng góp, bụi sẽ được dẫn về ống chính (đường ống thu gom và đưa về thiết bị xử lý), đường ống chính được làm bằng thép không gỉ, có đường kính từ 200-800mm.

Từ đây bụi được hút qua quạt hút thu về thiết bị lọc bụi túi vải dòng khí được đưa vào phần thân dưới của thân hình trụ rồi theo các ống túi vải đi từ trong ra ngoài để đi vào ống góp khí sạch. Khi bụi đã bám nhiều trên mặt trong làm cho sức cản của chúng tăng cao ảnh hưởng đến năng suất lọc, nhà máy tiến hành hoàn nguyên bằng cách phụt không khí nén kiểu xung lực để không khí đi từ ngoài vào trong ống tay áo. Tác động xung lực của khí nén sẽ làm túi vải bung ra đột ngột và làm lớp bụi bị bong ra, rơi xuống phễu chứa. Khi tiến hành tái sinh vải, một phần bụi lắng được bong ra, nhưng bên trong vải vẫn còn lại một lượng lớn bụi nằm giữa các sợi và xơ và vẫn giữ được hiệu suất lọc cao, vì vậy khi tái sinh vải không nên làm sạch quá mức đối với vải. Bên trong thiết bị có túi vải được bố trí đều trên mặt sàn phân phối khí.

Bụi sau khi gom được chứa tại túi chứa bụi nằm phía dưới thiết bị lọc bụi túi vải. Khi tới đợt gom bụi, túi chứa bụi nằm dưới thiết bị lọc bụi túi vải sẽ được tháo ra và thay túi mới. Xe tải sẽ được phủ bạt để che kín toàn bộ thùng chứa để bụi không phát tán vào không khí trong quá trình thu gom và trên quãng đường vận chuyển. Dòng khí sạch sau lọc sẽ theo ống thải thoát ra ngoài môi trường xung quanh.

Hình ảnh hệ thống thu gom bụi bằng lọc bụi túi vải hiện hữu tại cơ sở:

	
Cụm 5 xưởng 1 – 1 hệ thống lọc bụi túi vải Công suất: 50.533 m ³ /giờ	Cụm 10 xưởng 2 – 2 hệ thống lọc bụi túi vải Công suất: 48.333 m ³ /giờ/hệ thống 1 hệ thống lọc bụi túi vải Công suất: 48.334 m ³ /giờ/hệ thống

a) Thông số của hệ thống xử lý khí thải được thể hiện ở bảng sau:

Bảng 3. 8. Thông số kỹ thuật của hệ thống thu hồi bụi bằng cyclone

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật	Số lượng
I	XUỐNG 1 - Cụm 5 - Khu vực máy chà nhám tại 01 chuyên sơn UV		
1	Quạt hút	Công suất 55kW	1 cái
2	Buồng lọc túi vải	Kích thước (DxRxC): 5,626m x 2,6m x 5,774m	1 cái
3	Túi vải	Đường kính D160, chiều cao 4,2m	216 cái
4	Ống thoát khí thải	Đường kính: D = 900 mm Chiều cao ống thoát khí thải: 9m/ống thải	1 ống
II	XUỐNG 2 - Cụm 10 - Khu vực máy chà nhám tại 02 chuyên sơn UV		
1	Buồng lọc túi vải	Kích thước (DxRxC): 9,412m x 2,6m x 5,774m	1 cái
2	Túi vải	Đường kính D160, chiều cao 4,2m	360 cái
3	Ống thoát khí thải	Đường kính: D = 900 mm Chiều cao ống thoát khí thải: 9m/ống thải	3 ống

c. Điện năng, hóa chất sử dụng

Vật liệu sử dụng: Túi vải (tần suất thay túi: 2-3 năm/lần)

Điện năng tiêu thụ: 10.000 kWh/tháng

d. Quy trình vận hành hệ thống xử lý

- Kiểm tra

Trước khi tiến hành cho hệ thống hoạt động cần kiểm tra toàn bộ hệ thống.

- Kiểm tra các thiết bị điện

Kiểm tra công tắc của tất cả các thiết bị đã ở vị trí OFF hoặc ON hay chưa;

- Kiểm tra hệ thống.

Kiểm tra hoạt động của motor và quạt hút

Kiểm tra các van của đường ống thu gom.

- Hoạt động hệ thống

Sau khi tiến hành kiểm tra và chuẩn bị, người vận hành bắt đầu cho hệ thống hoạt động:

+ Bước 1: Nhấn công tắc ON → Tủ điều khiển sẵn sàng.

+ Bước 2: Tiến hành bật/tắt các công tắc theo đúng quy trình xử lý.

+ Bước 3: Khi có sự cố ở máy nào thì tắt máy đó → Tìm nguyên nhân và tiến hành khắc phục, sửa chữa.

+ Bước 4: Khi có sự cố khẩn cấp nhấn nút công tắc khẩn cấp hoặc nhấn nút OFF → Chuyển tất cả công tắc về OFF → Tìm nguyên nhân khắc phục → Sau khi đã khắc phục sự cố thì tiến hành khởi động hệ thống theo các bước 1 và bước 2 như trên.

e. Yêu cầu về tiêu chuẩn áp dụng đối với bụi, khí thải sau xử lý

Bụi, khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2024/BTNMT cột B

(2) Công trình thu gom xử lý bụi sơn, hơi dung môi từ công đoạn phun sơn

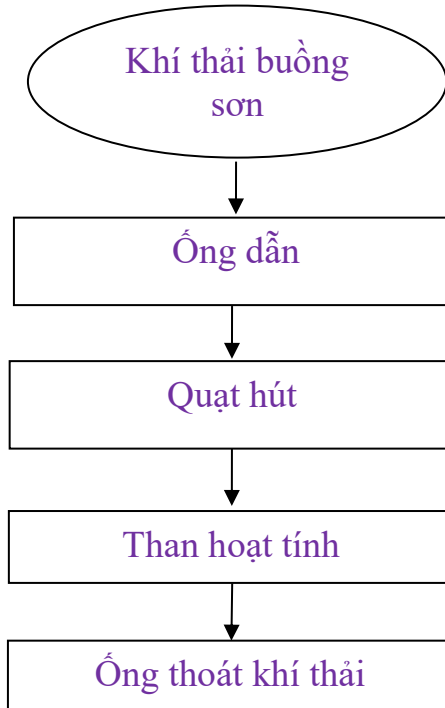
Công nghệ phun sơn cho các sản phẩm đồ gỗ gia dụng của cơ sở gồm công nghệ chuyển phun sơn UV và chuyển sơn AC bằng dây chuyền liên tục và công nghệ phun sơn truyền thống bằng súng phun sơn.

Tác động chính từ hoạt động sơn của cơ sở chính là bụi sơn và hợp chất hữu cơ bay hơi tại buồng phun sơn UV, buồng phun sơn AC (dạng khép kín) và phun sơn truyền thống bằng súng phun sơn (công nghệ này áp dụng cho các chi tiết dạng khung, có nhiều góc cạnh) chiếm 90% tổng khối lượng cần sơn)

🔧 *Biện pháp giảm thiểu bụi sơn, hơi dung môi từ chuyển sơn UV (sửa màu), buồng phun sơn và buồng phun sơn AC*

Nhà máy đã lắp đặt 3 hệ thống xử lý khí thải từ chuyển sơn UV (sửa màu), buồng phun sơn với công suất mỗi quạt hút có lưu lượng 10.000 m³/giờ/hệ thống và 3 hệ thống xử lý khí thải từ buồng phun sơn AC (AC1, AC2, AC3) với công suất mỗi quạt hút có lưu lượng 10.000 m³/giờ/hệ thống, hấp phụ bằng than hoạt tính trước khi phát tán ra môi trường qua ống thoát khí thải.

Sơ đồ quy trình công nghệ xử lý như sau:



Hình 3. 8. Quy trình công nghệ hệ thống xử lý khí thải từ chuyền sơn UV (sửa màu), buồng phun sơn và buồng phun sơn AC xưởng 3

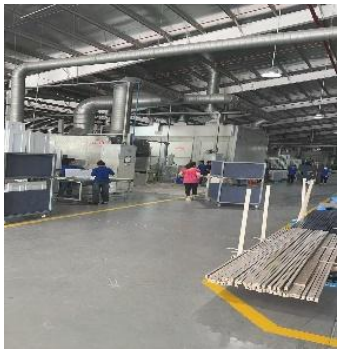
Thuyết minh quy trình:

Khí thải phát sinh từ chuyền sơn được thu gom theo đường ống dẫn. Tại đây các khí ô nhiễm sẽ được quạt hút hút về buồng than hoạt tính. Than hoạt tính là một chất gồm chủ yếu là nguyên tố carbon có cấu trúc thể hiện dạng tổ ong rất đặc trưng. Nhờ cấu trúc này, than hoạt tính có tính hấp phụ rất mạnh.

Sau một thời gian hoạt động các chất ô nhiễm hấp phụ đầy các lỗ rỗng của than hoạt tính, do đó cần thay lượng than hoạt tính này để đảm bảo khả năng hấp phụ của hệ thống. Tần suất thay than: 2 tháng/lần.

Dòng khí sạch sau xử lý sẽ theo quạt hút hút khí thải đến ống thải thoát ra ngoài môi trường xung quanh.

Hình ảnh hệ thống xử lý khí thải chuyền sơn hiện hữu tại cơ sở:

		
Cụm 13 xưởng 3 – 3 hệ thống xử lý khí thải chuyên sơn UV Công suất: 10.000 m³/giờ/hệ thống		
		
Cụm 14 xưởng 3 – 3 hệ thống xử lý khí thải chuyên sơn AC Công suất: 10.000 m³/giờ/hệ thống		

a) Thông số của hệ thống xử lý khí thải được thể hiện ở bảng sau:

Bảng 3. 9. Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý khí thải chuyên sơn UV, AC

STT	Thiết bị	Thông số kỹ thuật	Số lượng
II Buồng phun sơn UV, buồng phun sơn			
1	Thiết bị hấp phụ bằng than hoạt tính	- Hình thức lắp đặt: lắp đặt cục bộ cho mỗi ống xả của buồng sơn - Hình khối chữ nhật, D x R x C = 800 x 800 x 1000 (mm), dày 1mm. - Thể tích: 0,64 m³ - Thể tích chứa than: 0,12 m³ - Chất liệu: thép CT3	3
2	Quạt hút đẩy khí	- Công suất 4kW - Lưu lượng: 10.000 m³/h - Loại động cơ chống cháy nổ, cánh quạt được làm bằng nhôm, vỏ quạt được làm bằng các tấm sắt uốn và hàn	3
3	Ống thải	- Đường kính ống D = 700mm - Chiều cao ống thải: 9m - Vật liệu: thép sơn epoxy	3

STT	Thiết bị	Thông số kỹ thuật	Số lượng
III	Buồng phun sơn tự động AC		
4	Thiết bị hấp phụ bằng than hoạt tính	- Hình thức lắp đặt: lắp đặt cục bộ cho mỗi ống xả của buồng sơn - Hình khối chữ nhật, D x R x C = 800 x 800 x 1000 (mm), dày 1mm. - Thể tích: 0,64 m³ - Thể tích chứa than: 0,12 m³ - Chất liệu: thép CT3	3
5	Quạt hút đẩy khí	- Công suất 4kW - Lưu lượng: 10.000 m³/h - Loại động cơ chống cháy nổ, cánh quạt được làm bằng nhôm, vỏ quạt được làm bằng các tấm sắt uốn và hàn	3
6	Ống thải	- Đường kính ống D = 700mm - Chiều cao ống thải: 9m - Vật liệu: thép sơn epoxy	3

c. Điện năng, hóa chất sử dụng

Vật liệu sử dụng: Than hoạt tính (tần suất thay: 3 tháng/lần)

Điện năng tiêu thụ: 5.000 kWh/tháng

d. Quy trình vận hành hệ thống xử lý

- Kiểm tra

Trước khi tiến hành cho hệ thống hoạt động cần kiểm tra toàn bộ hệ thống.

- Kiểm tra các thiết bị điện

Kiểm tra công tắc của tất cả các thiết bị đã ở vị trí OFF hoặc ON hay chưa;

- Kiểm tra hệ thống.

Kiểm tra hoạt động của motor và quạt hút

Kiểm tra các van của đường ống thu gom.

- Hoạt động hệ thống

Sau khi tiến hành kiểm tra và chuẩn bị, người vận hành bắt đầu cho hệ thống hoạt động:

+ Bước 1: Nhấn công tắc ON → Tủ điều khiển sẵn sàng.

+ Bước 2: Tiến hành bật/tắt các công tắc theo đúng quy trình xử lý.

+ Bước 3: Khi có sự cố ở máy nào thì tắt máy đó → Tìm nguyên nhân và tiến hành khắc phục, sửa chữa.

+ Bước 4: Khi có sự cố khẩn cấp nhấn nút công tắc khẩn cấp hoặc nhấn nút OFF → Chuyển tất cả công tắc về OFF → Tìm nguyên nhân khắc phục → Sau khi đã khắc phục sự cố thì tiến hành khởi động hệ thống theo các bước 1 và bước 2 như trên.

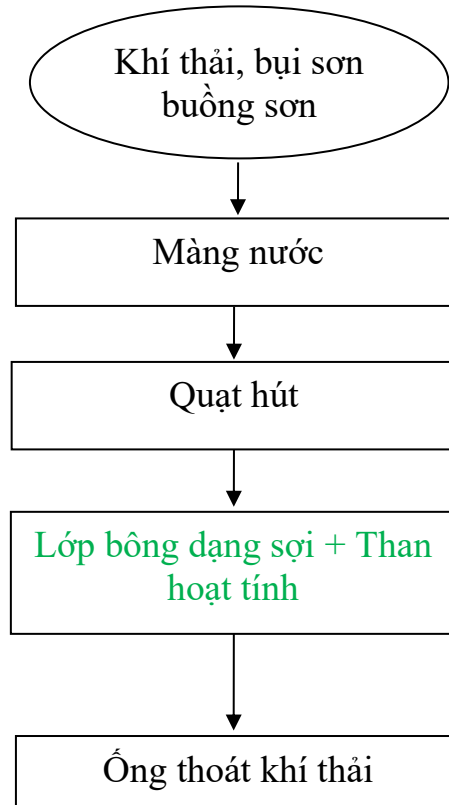
e. Yêu cầu về tiêu chuẩn áp dụng đối với bụi, khí thải sau xử lý

Bụi, khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2024/BTNMT cột B

 *Biện pháp giảm thiểu bụi sơn, hơi dung môi từ buồng phun sơn màng nước*

Để giảm thiểu ô nhiễm do khí thải phát sinh tại các khu vực phun sơn, cơ sở đã lắp đặt hệ thống xử lý bụi sơn bằng màng nước tại các buồng phun sơn.

Sơ đồ quy trình công nghệ xử lý như sau:



Hình 3. 9. Quy trình công nghệ hệ thống xử lý khí thải từ buồng phun sơn màng nước

Thuyết minh quy trình:

Các sản phẩm cần sơn được đưa đến buồng phun sơn màng nước bằng chuyên treo để tiến hành thao tác. Tại mỗi buồng sơn có bố trí hệ thống xử lý bụi sơn bằng màng nước và quạt hút khí, đảm bảo khí thải phát sinh được thu gom, xử lý. Nước từ hệ thống tưới vào máng phân phối nằm bên trên vách chảy tràn (màng nước) qua các ống nối với bơm nước. Khi tràn qua mép máng nước tạo thành màn liên tục để giữ bụi sơn, hơi hợp chất hữu cơ sẽ qua màng nước và được đẩy lên lớp bông dạng sợi để tách các hạt nước nhỏ li ti theo dòng khí trước khi qua thiết bị hấp phụ bằng than hoạt tính, khí sạch sau xử lý thoát ra ngoài bằng ống thoát khí phía trên. Định kỳ thay thế lớp bông dạng sợi và than hoạt tính, các lớp bông dạng sợi và than hoạt tính bão hòa thải được thu gom, xử lý như chất thải nguy hại theo đúng quy định.

- *Nguyên lý hoạt động của hệ thống xử lý bụi sơn và hơi hợp chất hữu cơ của buồng phun sơn màng nước:* Công ty sử dụng biện pháp sơn bằng súng, sơn sau khi ra khỏi vòi xịt sẽ bám lên các thanh gỗ, phần bụi sơn dư thừa phát tán vào không khí sẽ được quạt hút đưa hướng về phía màn nước của hệ thống xử lý. Khi sơn đến màng nước, bụi sơn sẽ bị bám vào màng nước, theo chiều trọng lực trôi xuống đáy bể chứa

đặt ở phía dưới. Phía sau vách màng nước là tổ hợp các vách ngăn và hệ thống vòi phun làm nhiệm vụ phân ly nước khỏi không khí và rửa sạch bụi sơn. Nước tuần hoàn được bơm lại vào máng. Định kỳ 3 tháng thuê đơn vị có chức năng đến thu phân cặn lắng được chuyển giao như đối với chất thải nguy hại

- *Nguyên lý hoạt động của thiết bị hấp phụ bằng than hoạt tính:*

Khí thải sau khi xử lý bằng màng nước có độ ẩm cao sẽ nhanh chóng làm than hoạt tính bão hòa. Vì vậy, dự án sẽ lắp đặt 1 lớp bông dạng sợi để tách các hạt nước nhỏ li ti đi theo dòng khí trước khi đi qua lớp vật liệu than hoạt tính, hơi hữu cơ sẽ được giữ lại trong lớp vật liệu này. Than hoạt tính là một chất gồm chủ yếu là nguyên tố carbon có cấu trúc thể hiện dạng tổ ong rất đặc trưng. Nhờ cấu trúc này, trong 1g than hoạt tính, diện tích bề mặt của tất cả các lỗ rỗng có thể đạt tới $800 - 1.300\text{m}^2/\text{g}$ nên than hoạt tính có tính hấp phụ rất mạnh. Khi dòng khí có lẫn hơi khí độc đi qua than hoạt tính, các hơi khí độc sẽ bị giữ lại trong các lỗ rỗng của than hoạt tính, khí sạch sau xử lý được hút qua quạt ly tâm và thải ra ngoài môi trường qua ống xả.

Lượng than hoạt tính bão hòa sẽ được đóng bao, đưa về nhà kho chứa CTNH và hợp đồng với đơn vị chức năng để xử lý.

Khí thải thoát ra môi trường bằng ống thải

- a) *Thông số của hệ thống xử lý khí thải được thể hiện ở bảng sau:*

❖ **Số lượng thiết bị lắp đặt**

Số lượng buồng phun sơn, cụ thể gồm: Xưởng 3 (Cụm 15) : 12 buồng phun sơn màng nước → Có 26 ống xả

Bảng 3. 10. Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý khí thải phun sơn màng nước

Buồng sơn		Ống thoát khí				Lớp bông sợi và than hoạt tính	Công suất
Ký hiệu	Kích thước buồng sơn	Số ống thoát	Thông số ống thải	Số quạt hút	Thông số quạt hút		
Buồng sơn số 1	DxRx C = 6m x 1,5m x 2,5m Vật liệu inox 304	1 ống thoát khí	Đường kính ống D = 700mm Chiều cao ống thải: 9m Vật liệu: thép sơn epoxy	1 quạt hút	Công suất: 4 kW Lưu lượng: 10.000m ³ /giờ/quạt Vật liệu: cánh inox, vỏ thép	Hình thức lắp đặt: lắp đặt cục bộ cho mỗi ống xả của buồng sơn Hình khối chữ nhật, D x R x C = 800 x 800 x 1000 (mm), dày 1mm. Thể tích: 0,64 m ³	10.000
Buồng sơn số 2	DxRx C = 6m x 1,5m x 2,5m Vật liệu inox 304	2 ống thoát khí	Đường kính ống D = 700mm Chiều cao ống thải: 9m Vật liệu: thép sơn epoxy	2 quạt hút	Công suất: 4 kW Lưu lượng: 10.000m ³ /giờ/quạt Vật liệu: cánh inox, vỏ thép	Hình thức lắp đặt: lắp đặt cục bộ cho mỗi ống xả của buồng sơn Hình khối chữ nhật, D x R x C = 800 x 800 x 1000 (mm), dày 1mm. Thể tích: 0,64 m ³	20.000
Buồng sơn số 3	DxRx C = 6m x 1,5m x 2,5m Vật liệu inox 304	4 ống thoát khí	Đường kính ống D = 700mm Chiều cao ống thải: 9m Vật liệu: thép sơn epoxy	4 quạt hút	Công suất: 4 kW Lưu lượng: 10.000m ³ /giờ/quạt Vật liệu: cánh inox, vỏ thép	Hình thức lắp đặt: lắp đặt cục bộ cho mỗi ống xả của buồng sơn Hình khối chữ nhật, D x R x C = 800 x 800 x 1000 (mm), dày 1mm. Thể tích: 0,64 m ³	40.000
Buồng sơn số 4	DxRx C = 6m x 1,5m x 2,5m Vật liệu inox 304	2 ống thoát khí	Đường kính ống D = 700mm Chiều cao ống thải: 9m Vật liệu: thép sơn epoxy	2 quạt hút	Công suất: 4 kW Lưu lượng: 10.000m ³ /giờ/quạt Vật liệu: cánh inox, vỏ thép	Hình thức lắp đặt: lắp đặt cục bộ cho mỗi ống xả của buồng sơn Hình khối chữ nhật, D x R x C = 800 x 800 x 1000 (mm), dày 1mm. Thể tích: 0,64 m ³	20.000

Buồng sơn		Ống thoát khí				Lớp bông sợi và than hoạt tính	Công suất
Ký hiệu	Kích thước buồng sơn	Số ống thoát	Thông số ống thải	Số quạt hút	Thông số quạt hút		
Buồng sơn số 5	DxRx C = 6m x 1,5m x 2,5m Vật liệu inox 304	2 ống thoát khí	Đường kính ống D = 700mm Chiều cao ống thải: 9m Vật liệu: thép sơn epoxy	2 quạt hút	Công suất: 4 kW Lưu lượng: 10.000m ³ /giờ/quạt Vật liệu: cánh inox, vỏ thép	Hình thức lắp đặt: lắp đặt cục bộ cho mỗi ống xả của buồng sơn Hình khối chữ nhật, D x R x C = 800 x 800 x 1000 (mm), dày 1mm. Thể tích: 0,64 m ³	20.000
Buồng sơn số 6	DxRx C = 6m x 1,5m x 2,5m Vật liệu inox 304	2 ống thoát khí	Đường kính ống D = 700mm Chiều cao ống thải: 9m Vật liệu: thép sơn epoxy	2 quạt hút	Công suất: 4 kW Lưu lượng: 10.000m ³ /giờ/quạt Vật liệu: cánh inox, vỏ thép	Hình thức lắp đặt: lắp đặt cục bộ cho mỗi ống xả của buồng sơn Hình khối chữ nhật, D x R x C = 800 x 800 x 1000 (mm), dày 1mm. Thể tích: 0,64 m ³	20.000
Buồng sơn số 7	DxRx C = 6m x 1,5m x 2,5m Vật liệu inox 304	2 ống thoát khí	Đường kính ống D = 700mm Chiều cao ống thải: 9m Vật liệu: thép sơn epoxy	2 quạt hút	Công suất: 4 kW Lưu lượng: 10.000m ³ /giờ/quạt Vật liệu: cánh inox, vỏ thép	Hình thức lắp đặt: lắp đặt cục bộ cho mỗi ống xả của buồng sơn Hình khối chữ nhật, D x R x C = 800 x 800 x 1000 (mm), dày 1mm. Thể tích: 0,64 m ³	20.000
Buồng sơn số 8	DxRx C = 6m x 1,5m x 2,5m Vật liệu inox 304	2 ống thoát khí	Đường kính ống D = 700mm Chiều cao ống thải: 9m Vật liệu: thép sơn epoxy	2 quạt hút	Công suất: 4 kW Lưu lượng: 10.000m ³ /giờ/quạt Vật liệu: cánh inox, vỏ thép	Hình thức lắp đặt: lắp đặt cục bộ cho mỗi ống xả của buồng sơn Hình khối chữ nhật, D x R x C = 800 x 800 x 1000 (mm), dày 1mm. Thể tích: 0,64 m ³	20.000

Buồng sơn		Ống thoát khí				Lớp bông sợi và than hoạt tính	Công suất
Ký hiệu	Kích thước buồng sơn	Số ống thoát	Thông số ống thải	Số quạt hút	Thông số quạt hút		
Buồng sơn số 9	DxRx C = 6m x 1,5m x 2,5m Vật liệu inox 304	2 ống thoát khí	Đường kính ống D = 700mm Chiều cao ống thải: 9m Vật liệu: thép sơn epoxy	2 quạt hút	Công suất: 4 kW Lưu lượng: 10.000m ³ /giờ/quạt Vật liệu: cánh inox, vỏ thép	Hình thức lắp đặt: lắp đặt cục bộ cho mỗi ống xả của buồng sơn Hình khối chữ nhật, D x R x C = 800 x 800 x 1000 (mm), dày 1mm. Thể tích: 0,64 m ³	20.000
Buồng sơn số 10	DxRx C = 6m x 1,5m x 2,5m Vật liệu inox 304	4 ống thoát khí	Đường kính ống D = 700mm Chiều cao ống thải: 9m Vật liệu: thép sơn epoxy	4 quạt hút	Công suất: 4 kW Lưu lượng: 10.000m ³ /giờ/quạt Vật liệu: cánh inox, vỏ thép	Hình thức lắp đặt: lắp đặt cục bộ cho mỗi ống xả của buồng sơn Hình khối chữ nhật, D x R x C = 800 x 800 x 1000 (mm), dày 1mm. Thể tích: 0,64 m ³	40.000
Buồng sơn số 11	DxRx C = 6m x 1,5m x 2,5m Vật liệu inox 304	2 ống thoát khí	Đường kính ống D = 700mm Chiều cao ống thải: 9m Vật liệu: thép sơn epoxy	2 quạt hút	Công suất: 4 kW Lưu lượng: 10.000m ³ /giờ/quạt Vật liệu: cánh inox, vỏ thép	Hình thức lắp đặt: lắp đặt cục bộ cho mỗi ống xả của buồng sơn Hình khối chữ nhật, D x R x C = 800 x 800 x 1000 (mm), dày 1mm. Thể tích: 0,64 m ³	20.000
Buồng sơn số 12	DxRx C = 6m x 1,5m x 2,5m Vật liệu inox 304	1 ống thoát khí	Đường kính ống D = 700mm Chiều cao ống thải: 9m Vật liệu: thép sơn epoxy	2 quạt hút	Công suất: 4 kW Lưu lượng: 10.000m ³ /giờ/quạt Vật liệu: cánh inox, vỏ thép	Hình thức lắp đặt: lắp đặt cục bộ cho mỗi ống xả của buồng sơn Hình khối chữ nhật, D x R x C = 800 x 800 x 1000 (mm), dày 1mm. Thể tích: 0,64 m ³	10.000

c. Điện năng, hóa chất sử dụng

Vật liệu sử dụng: Than hoạt tính, bông sợi (tần suất thay: 3 tháng/lần)

Điện năng tiêu thụ: 25.000 kWh/tháng

d. Quy trình vận hành hệ thống xử lý

- Kiểm tra

Trước khi tiến hành cho hệ thống hoạt động cần kiểm tra toàn bộ hệ thống.

- Kiểm tra các thiết bị điện

Kiểm tra công tắc của tất cả các thiết bị đã ở vị trí OFF hoặc ON hay chưa;

- Kiểm tra hệ thống.

Kiểm tra hoạt động của motor và quạt hút

Kiểm tra các van của đường ống thu gom.

- Hoạt động hệ thống

Sau khi tiến hành kiểm tra và chuẩn bị, người vận hành bắt đầu cho hệ thống hoạt động:

+ Bước 1: Nhấn công tắc ON → Tủ điều khiển sẵn sàng.

+ Bước 2: Tiến hành bật/tắt các công tắc theo đúng quy trình xử lý.

+ Bước 3: Khi có sự cố ở máy nào thì tắt máy đó → Tìm nguyên nhân và tiến hành khắc phục, sửa chữa.

+ Bước 4: Khi có sự cố khẩn cấp nhấn nút công tắc khẩn cấp hoặc nhấn nút OFF → Chuyển tất cả công tắc về OFF → Tìm nguyên nhân khắc phục → Sau khi đã khắc phục sự cố thì tiến hành khởi động hệ thống theo các bước 1 và bước 2 như trên.

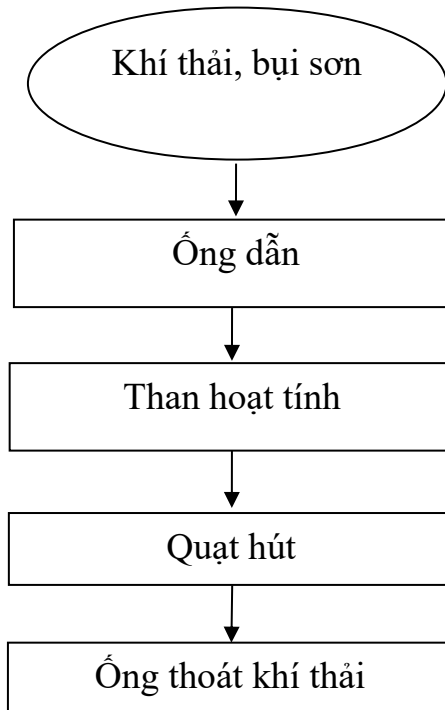
e. Yêu cầu về tiêu chuẩn áp dụng đối với bụi, khí thải sau xử lý

Bụi, khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2024/BTNMT cột B

(4) Công trình xử lý khí thải khu vực sửa màu

Đối với một số sản phẩm sau sơn bị lỗi nhỏ, công ty sẽ tiến hành chuyển qua khu vực sơn sửa để hoàn thiện sản phẩm. Nhà máy đã lắp đặt 2 hệ thống xử lý khí phun sơn sửa màu với công suất mỗi quạt hút có lưu lượng 10.000 m³/giờ/hệ thống, hấp phụ bằng than hoạt tính trước khi phát tán ra môi trường qua ống thoát khí thải.

Sơ đồ quy trình công nghệ xử lý như sau:



Hình 3. 10. Quy trình công nghệ hệ thống xử lý khí thải từ khu phun sơn sửa màu

Thuyết minh quy trình:

Khí thải phát sinh từ khu vực sơn sửa màu được thu gom theo đường ống dẫn vào tháp hấp phụ. Tại đây các khí ô nhiễm sẽ được giữ lại ở lớp vật liệu hấp phụ là than hoạt tính. Than hoạt tính là một chất gồm chủ yếu là nguyên tố carbon có cấu trúc thể hiện dạng tổ ong rất đặc trưng. Nhờ cấu trúc này, than hoạt tính có tính hấp phụ rất mạnh.

Sau một thời gian hoạt động các chất ô nhiễm hấp phụ đầy các lỗ rỗng của than hoạt tính, do đó cần thay lượng than hoạt tính này để đảm bảo khả năng hấp phụ của hệ thống. Tần suất thay than: 3 tháng/lần.

Dòng khí sạch sau xử lý sẽ theo quạt hút đưa ra ống thải thoát ra ngoài môi trường xung quanh.

a) Thông số của hệ thống xử lý khí thải được thể hiện ở bảng sau:

Bảng 3. 11. Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý khí thải phun sơn sửa màu

STT	Thiết bị	Thông số kỹ thuật	Số lượng
1	Thiết bị hấp phụ bằng than hoạt tính	- Hình thức lắp đặt: lắp đặt cục bộ cho mỗi ống xả của buồng sơn - Hình khối chữ nhật, $D \times R \times C = 800 \times 800 \times 1000$ (mm), dày 1mm. - Thể tích: $0,64 \text{ m}^3$ - Thể tích chứa than: $0,12 \text{ m}^3$	2

STT	Thiết bị	Thông số kỹ thuật	Số lượng
		- Chất liệu: thép CT3	
2	Quạt hút đẩy khí	- Công suất 4kW - Lưu lượng: 10.000 m ³ /h - Loại động cơ chống cháy nổ, cánh quạt được làm bằng nhôm, vỏ quạt được làm bằng các tấm sắt uốn và hàn	2
3	Ống thải	- Đường kính ống D = 700mm - Chiều cao ống thải: 9m - Vật liệu: thép sơn epoxy	2

c. Điện năng, hóa chất sử dụng

Vật liệu sử dụng: Than hoạt tính (tần suất thay: 3 tháng/lần)

Điện năng tiêu thụ: 2.000 kWh/tháng

d. Quy trình vận hành hệ thống xử lý

- Kiểm tra

Trước khi tiến hành cho hệ thống hoạt động cần kiểm tra toàn bộ hệ thống.

- Kiểm tra các thiết bị điện

Kiểm tra công tắc của tất cả các thiết bị đã ở vị trí OFF hoặc ON hay chưa;

- Kiểm tra hệ thống.

Kiểm tra hoạt động của motor và quạt hút

Kiểm tra các van của đường ống thu gom.

- Hoạt động hệ thống

Sau khi tiến hành kiểm tra và chuẩn bị, người vận hành bắt đầu cho hệ thống hoạt động:

+ Bước 1: Nhấn công tắc ON → Tủ điều khiển sẵn sàng.

+ Bước 2: Tiến hành bật/tắt các công tắc theo đúng quy trình xử lý.

+ Bước 3: Khi có sự cố ở máy nào thì tắt máy đó → Tìm nguyên nhân và tiến hành khắc phục, sửa chữa.

+ Bước 4: Khi có sự cố khẩn cấp nhấn nút công tắc khẩn cấp hoặc nhấn nút OFF → Chuyển tất cả công tắc về OFF → Tìm nguyên nhân khắc phục → Sau khi đã khắc phục sự cố thì tiến hành khởi động hệ thống theo các bước 1 và bước 2 như trên.

e. Yêu cầu về tiêu chuẩn áp dụng đối với bụi, khí thải sau xử lý

Bụi, khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2024/BTNMT cột B

(5) Mô hình phát tán chất ô nhiễm

Cơ sở có tổng lưu lượng khí thải trên 200.000 m³/giờ, Công ty đã thực hiện mô hình phát tán chất ô nhiễm khí thải.

Nhằm đánh giá mức độ lan truyền khí thải từ hoạt động của nhà máy, chủ cơ sở đã thực hiện mô phỏng mức độ lan truyền ô nhiễm không khí từ hoạt động của nhà máy khi hoạt động ở công suất tối đa. Quy trình mô phỏng mức độ lan truyền ô nhiễm không khí như sau:

- Phần mềm tính toán: Mô hình Meti-lis

Meti- lis được xây dựng bởi Bộ Kinh tế- Thương mại và Công nghiệp Nhật Bản và được phát triển vào năm 2000 dựa trên sự phát triển của mô hình ISC và tiếp thu mô hình Gauss năm 1996. Phiên bản 2.02 của mô hình bị phát hiện những lỗi nghiêm trọng do thiếu hụt file và được sửa chữa trong bản 2.03 ra mắt năm 2006.

Mô hình được phát hành rộng rãi tại Nhật Bản miễn phí. Được sử dụng trong nghiên cứu, giáo dục và quản lý, kiểm soát ô nhiễm khí thải. Chính vì vậy, mô hình được thiết kế đơn giản với đồ họa tiên tiến nhằm dễ dàng sử dụng.

Mô hình này được xây dựng nhằm kiểm soát sự phát thải, dự đoán sự lan truyền khí thải từ nguồn thải ... nhằm giúp chính phủ Nhật Bản kiểm soát, hướng dẫn doanh nghiệp thực hiện việc kiểm soát ô nhiễm. Mô hình này còn được sử dụng cho các báo cáo đánh giá tác động môi trường, báo cáo môi trường chiến lược về chất lượng không khí.

Các thông số đầu vào của mô hình METI-LIS bao gồm:

Loại dữ liệu	Các thông số
Chất ô nhiễm	Tên chất ô nhiễm, khối lượng phân tử, dạng tồn tại (khí/hạt)
Chế độ mô phỏng	Hệ số phát thải theo chế độ mô phỏng (giờ, tháng), ngắn hạn hay dài hạn
Dữ liệu khí tượng	Hướng gió, tốc độ gió, độ ổn định của khí quyển, nhiệt độ môi trường
Bản đồ	Bản đồ khu vực cần mô phỏng
Nguồn điểm	Tọa độ, cao độ, đường kính ống khói, tải lượng phát thải, nhiệt độ khí thải, tốc độ luồng khí thải
Nguồn đường	Tọa độ, hệ số phát thải, độ dài của đường
Vật cản	Các vật cản gió như tòa nhà, cao ốc,...

Thụ thể	Bản đồ khu vực chịu ảnh hưởng tính toán, lưới tính toán tác động, độ cao cụ thể
---------	---

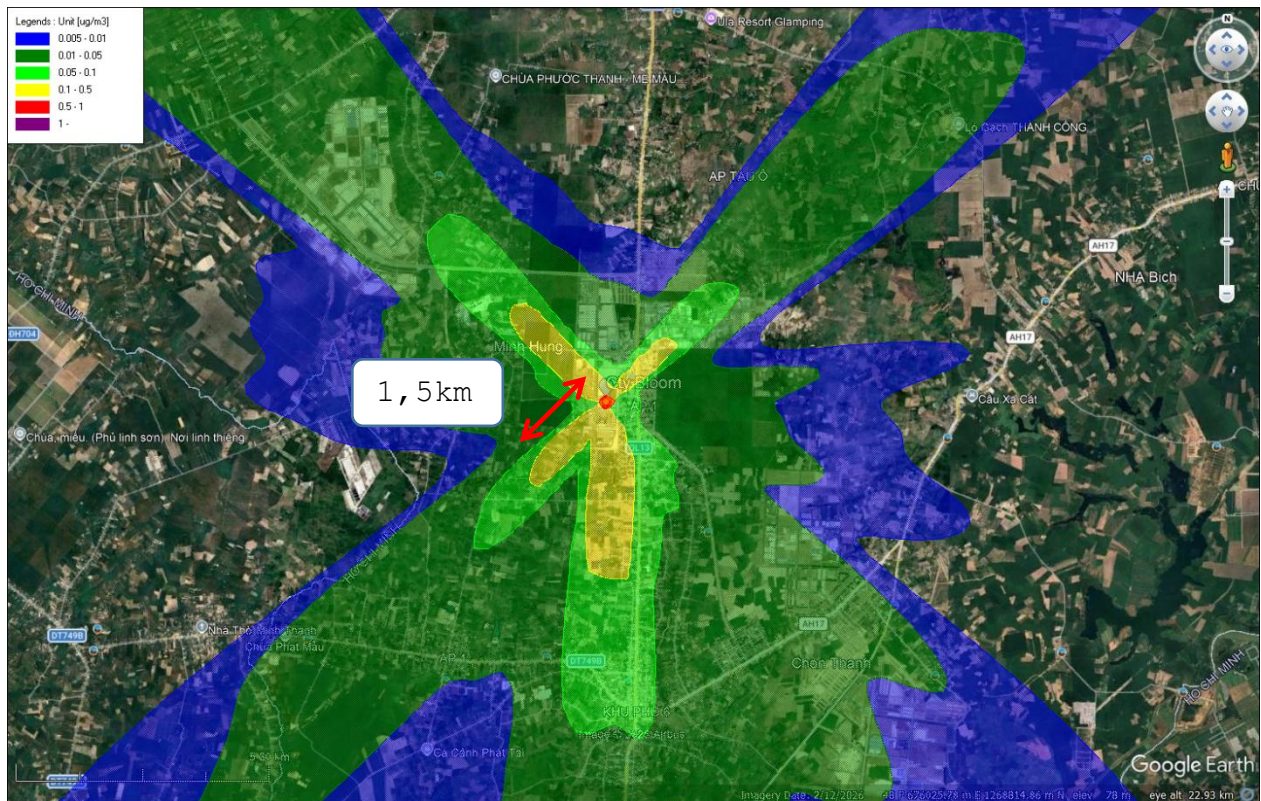
Mô hình phát tán khí thải của dự án

Kết quả tính toán mô hình

V.1. Kết quả tính toán mùa gió Đông Bắc

a. Kết quả lan truyền bụi

Kết quả tính toán mô phỏng ô nhiễm bụi vào mùa gió Đông Bắc tháng 1 được thể hiện ở hình 4.



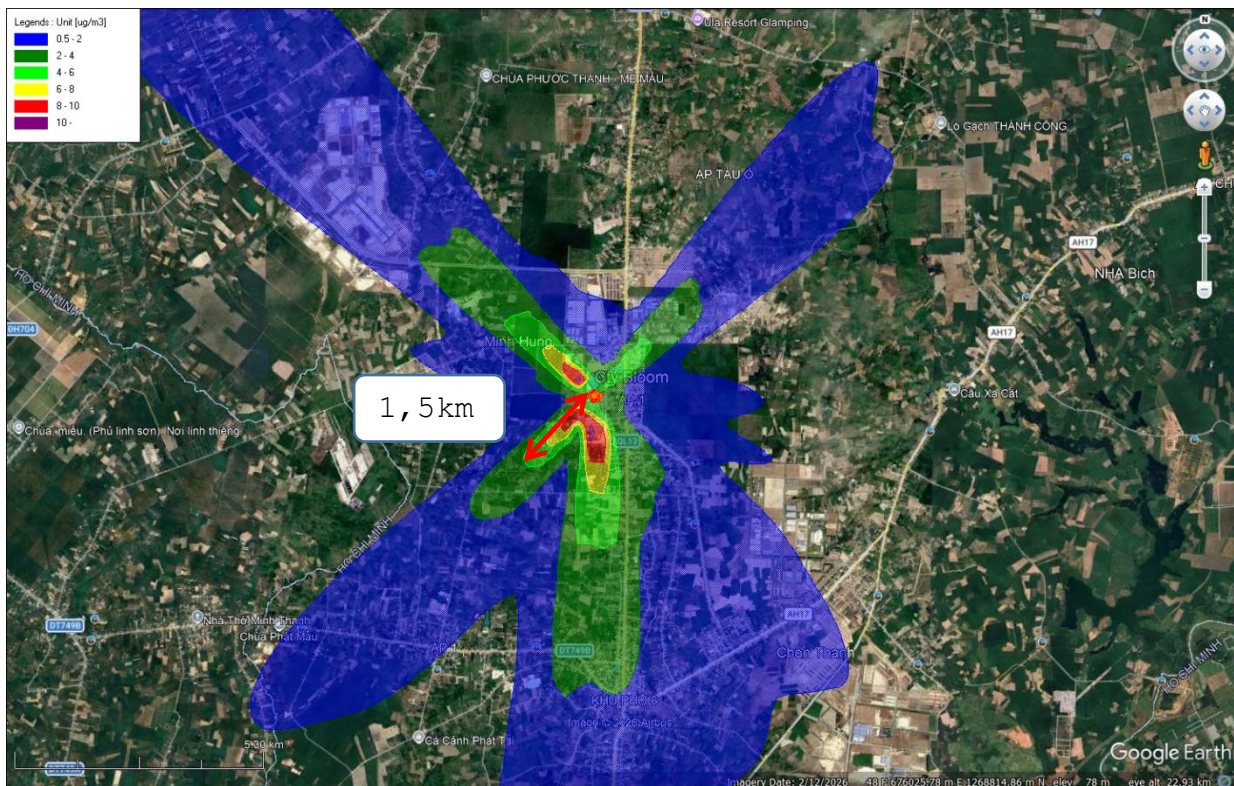
Hình 1: Nồng độ bụi trung bình 1 giờ tháng 1

Nồng độ chất ô nhiễm của bụi cao nhất vào tháng 1 là $0,45 \mu\text{g}/\text{m}^3$ tập trung xung quanh nhà máy với bán kính khoảng 100 - 2500 m, trong đó hướng Nam, Tây Nam và Tây Bắc lan truyền xa hơn do gió có tần suất lớn là hướng Bắc, Đông Bắc, Đông Nam làm khối khí lan truyền về hướng hướng Nam, Tây Nam và Tây Bắc nhiều hơn. Trong tháng 1 thì gió xuất hiện nhiều hướng nên khối khí bị lan truyền theo các hướng như Nam, Tây Nam và Tây Bắc. Trong đó, khối khí lan rộng về hướng Nam, Tây Nam là nhiều nhất do gió hướng Bắc, Đông Bắc có tần suất nhiều nhất. Nồng độ của bụi trung bình khoảng $0,005 - 0,1 \mu\text{g}/\text{m}^3$ lan rộng xung quanh

nhà máy, cách nhà máy khoảng 1- 12 km. Kết quả nồng độ vẫn nằm trong QCVN_05-2023 về chất lượng không khí xung quanh trung bình 1 giờ ($<300\mu\text{g}/\text{m}^3$), thấp hơn QCVN nhiều lần.

b. Kết quả lan truyền Xylen

Kết quả tính toán mô phỏng ô nhiễm Xylen vào mùa gió Đông Bắc tháng 1 được thể hiện ở hình 5.

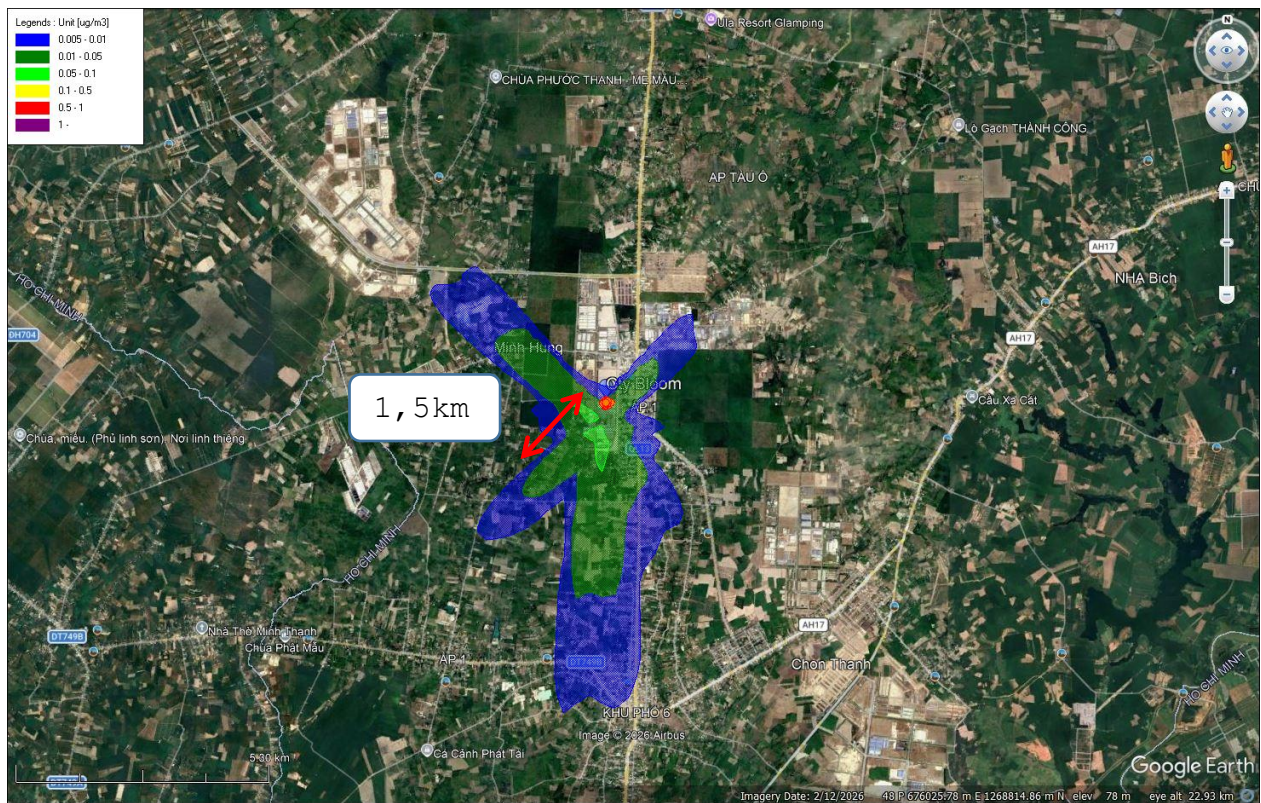


Hình 2: Nồng độ Xylen trung bình 1 giờ tháng 1

Nồng độ chất ô nhiễm của Xylen cao nhất vào tháng 1 là $12\mu\text{g}/\text{m}^3$ tập trung xung quanh nhà máy với bán kính khoảng 500 - 1000 m, chủ yếu hướng Nam, Tây Nam và Tây Bắc do gió có tần suất lớn là hướng Bắc, Đông Bắc và Đông Nam làm khối khí lan truyền về hướng Nam, Tây Nam, Tây Bắc nhiều hơn. Nồng độ của Xylen trung bình khoảng $0,5 - 10\mu\text{g}/\text{m}^3$ lan rộng xung quanh nhà máy. Kết quả nồng độ vẫn nằm trong QCVN_05-2023 về chất lượng không khí xung quanh trung bình 1 giờ ($<1000\mu\text{g}/\text{m}^3$), thấp hơn QCVN rất nhiều lần.

c. Kết quả lan truyền Butylacetate

Kết quả tính toán mô phỏng ô nhiễm Butylacetate vào mùa gió Đông Bắc tháng 1 được thể hiện ở hình 6.



Hình 3: Nồng độ Butylacetate trung bình 1 giờ tháng 1

Nồng độ chất ô nhiễm của Butylacetate cao nhất vào tháng 1 là $0,08 \mu\text{g}/\text{m}^3$ tập trung xung quanh nhà máy với bán kính khoảng 500 - 1000 m, chủ yếu hướng Nam, Tây Nam và Tây Bắc do gió có tần suất lớn là hướng Bắc, Đông Bắc và Đông Nam làm khối khí lan truyền về hướng Nam, Tây Nam, Tây Bắc nhiều hơn. Nồng độ của Butylacetate trung bình khoảng $0,005 - 0,05 \mu\text{g}/\text{m}^3$ lan rộng xung quanh nhà máy.

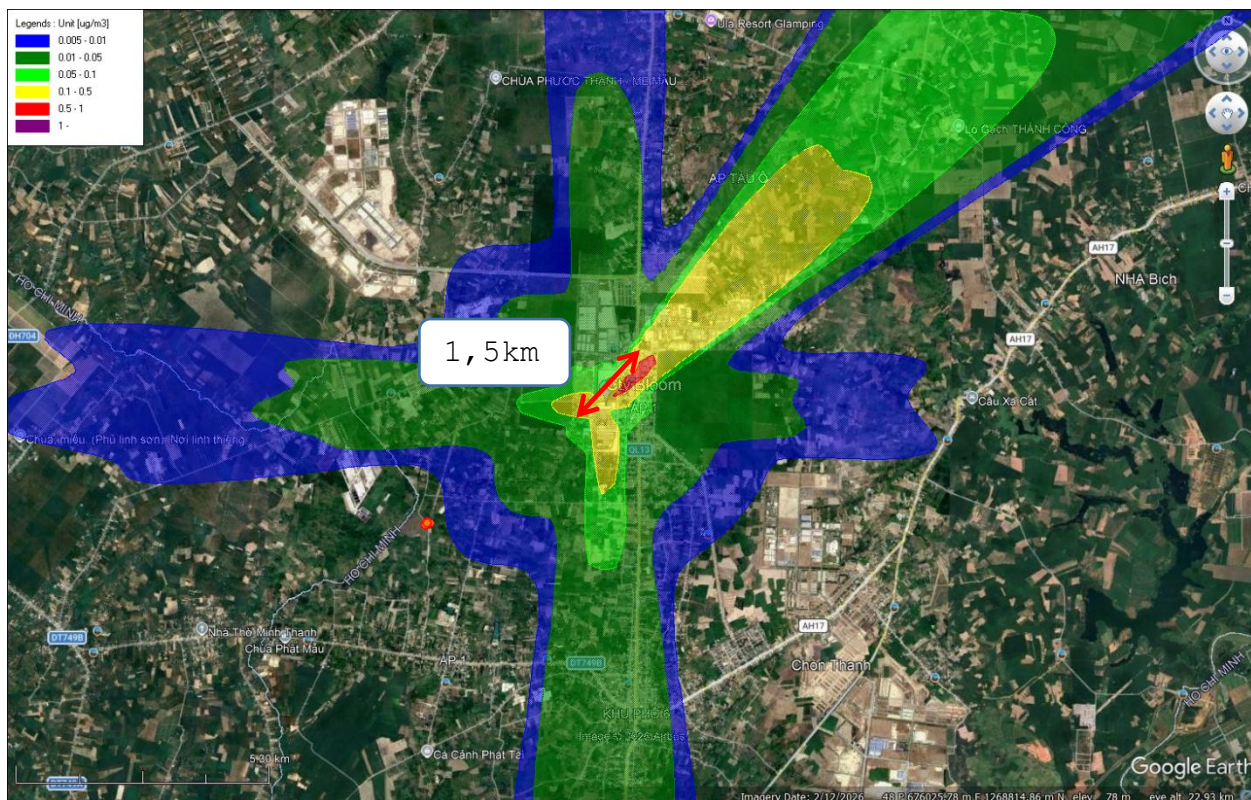
Nhận xét: Kết quả tính toán cho thấy vào mùa gió Đông Bắc, gió chủ yếu thổi theo hướng Bắc, Đông Bắc và Đông Nam có tần suất lớn nhất, đã làm cho các chất ô nhiễm bị ảnh hưởng bởi hướng gió nên chủ yếu nồng độ các chất khuếch tán về phía Nam, Tây Nam, Tây Bắc của nhà máy. Đồng thời lan rộng ảnh hưởng đến những vùng lân cận với bán kính khoảng 1-12 km, khu vực có nồng độ cao là từ ống khói đến khoảng cách khoảng 100 - 2500 m. Kết quả nồng độ vẫn nằm trong QCVN_05-2023 về chất lượng không khí xung quanh trung bình 1 giờ.

V.2. Kết quả tính toán mùa gió Tây Nam

a. Kết quả lan truyền bụi

Kết quả tính toán mô phỏng ô nhiễm bụi vào mùa gió Tây Nam tháng 7 được thể

hiện ở hình 7.

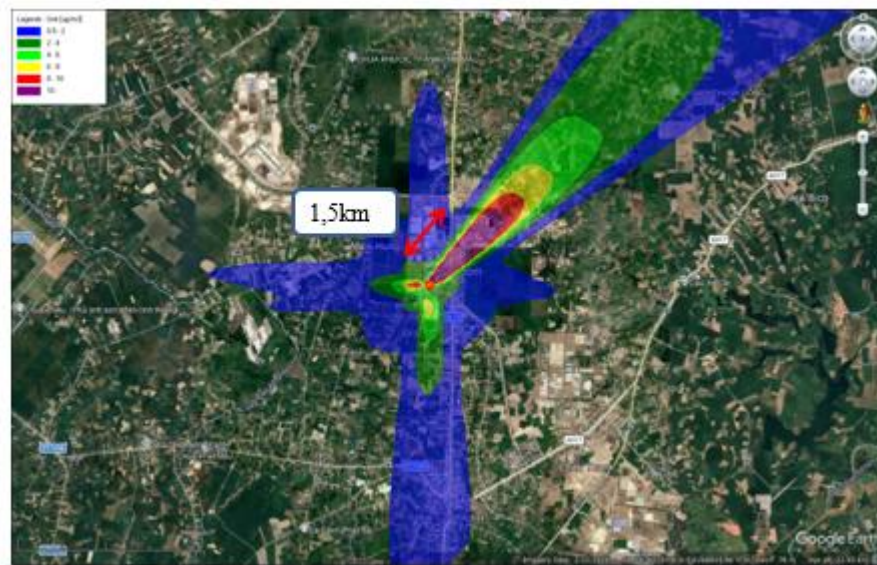


Hình 4: Nồng độ bụi trung bình 1 giờ tháng 7

Nồng độ chất ô nhiễm của bụi cao nhất vào tháng 7 là $0,8 \mu\text{g}/\text{m}^3$ tập trung về phía Đông Bắc, Tây và Nam của các nhà máy cách ống khói khoảng 100 - 1000 m, nồng độ của bụi trung bình khoảng $0,005 - 0,5 \mu\text{g}/\text{m}^3$ lan truyền về phía Đông Bắc, Tây và Nam, cách nhà máy khoảng 1- 15 km. Kết quả nồng độ vẫn nằm trong QCVN_05-2023 về chất lượng không khí xung quanh trung bình 1 giờ ($<300 \mu\text{g}/\text{m}^3$), thấp hơn QCVN.

b. Kết quả lan truyền Xylen

Kết quả tính toán mô phỏng ô nhiễm Xylen vào mùa gió Tây Nam tháng 7 được thể hiện ở hình 8.



Hình 5: Nồng độ Xylen trung bình 1 giờ tháng 7

Nồng độ chất ô nhiễm của Xylen cao nhất vào tháng 7 là $18 \mu\text{g}/\text{m}^3$ tập trung xung quanh nhà máy và về phía Đông Bắc, Nam và Tây của nhà máy cách ống khói khoảng 100 - 2500 m, nồng độ của Xylen trung bình khoảng $0,5 - 10 \mu\text{g}/\text{m}^3$ lan truyền về phía Đông Bắc, Nam và Tây, cách nhà máy khoảng 1- 15 km, chủ yếu lan truyền về phía Đông Bắc do tần suất gió hướng Tây Nam lớn nhất so với các hướng gió khác. Kết quả nồng độ vẫn nằm trong QCVN_05-2023 về chất lượng không khí xung quanh trung bình 1 giờ ($<1000 \mu\text{g}/\text{m}^3$), thấp hơn QCVN rất nhiều lần.

c. Kết quả lan truyền Butylacetate

Kết quả tính toán mô phỏng ô nhiễm Butylacetate vào mùa gió Tây Nam tháng 7 được thể hiện ở hình 9.



Hình 6: Nồng độ Butylacetate trung bình 1 giờ tháng 7

Nồng độ chất ô nhiễm của Butylacetate cao nhất vào tháng 7 là $0,3 \mu\text{g}/\text{m}^3$ tập trung xung quanh nhà máy và về phía Đông Bắc, Nam và Tây của nhà máy cách ống khói khoảng 100 - 500 m, nồng độ của Butylacetate trung bình khoảng $0,005 - 0,1 \mu\text{g}/\text{m}^3$ lan truyền về phía Đông Bắc, Nam và Tây, cách nhà máy khoảng 1- 8 km, chủ yếu lan truyền về phía Đông Bắc do tần suất gió hướng Tây Nam lớn nhất so với các hướng gió khác.

Nhận xét: Theo kết quả tính toán lan truyền nồng độ chất ô nhiễm vào tháng 7 cho thấy các chất chủ yếu khuếch tán xung quanh nhà máy. Đồng thời, nồng độ các chất khí vào mùa này lan truyền hầu như về phía Nam, Bắc và Đông Bắc của nhà máy với khoảng cách tác động của khối khí khoảng 100m đến 15 km, nồng độ của các khí lớn nhất nằm gần các ống khói của nhà máy. Kết quả nồng độ vẫn nằm trong QCVN_05-2023 về chất lượng không khí xung quanh trung bình 1 giờ.

(6) Giảm thiểu hơi keo

Cơ sở sử dụng keo Hotmelt sử dụng tại Công ty keo dạng hạt EVA (Ethylene-vinyl acetate) là keo hệ nước, ít độc hại, máy phun keo tự động, khép kín. Keo mà cơ sở sử dụng là keo thành phẩm được mua từ các nhà cung cấp, không thực hiện pha chế hay phối trộn keo tại nhà xưởng. Do vậy, sẽ không có tác động đáng kể đến sức khỏe của người lao động cũng như chất lượng môi trường.

Tuy nhiên, để hạn chế ảnh hưởng của nguồn ô nhiễm này tới công nhân, công ty đã thực hiện:

- Thiết kế, xây dựng văn phòng, nhà xưởng cao, thoáng mát.
- Lắp đặt hệ thống máy lạnh trong văn phòng, nhà xưởng.
- Thường xuyên vệ sinh sạch sẽ khu vực sản xuất.
- Trang bị khẩu trang và bảo hộ lao động cho nhân viên, đồng thời có kế hoạch kiểm tra việc mang bảo hộ lao động của công nhân khi làm việc, tránh trường hợp có bảo hộ lao động mà không sử dụng.
- Kho bãi, xưởng sản xuất được làm nền bê tông và thường xuyên được vệ sinh, tránh phát sinh bụi trong quá trình hoạt động sản xuất và phát tán bụi ra ngoài môi trường;

- Thường xuyên bảo dưỡng, bảo trì máy móc thiết bị phục vụ sản xuất nhằm giảm thiểu phát sinh mùi, bụi trong quá trình hoạt động;

3.2.1.1. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm bụi và khí thải từ hoạt động của các phương tiện vận chuyển

- Khí thải từ phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu và sản phẩm:

Bụi, khí thải phát sinh từ các phương tiện giao thông vận tải như phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu sử dụng xăng và dầu diesel sẽ thải ra môi trường một lượng khói khí thải chứa CO_x , NO_x , SO_x , C_xH_y ...

Ước tính 1 ngày cơ sở hoạt động có khoảng 05 chuyến xe ra vào phục vụ cho việc vận chuyển nguyên liệu, thành phẩm, xa khách vãng lai. Cơ sở cung cấp sản phẩm và nhập nguyên liệu chủ yếu vận chuyển đường bộ từ các khu vực lân cận, mỗi ngày dự án có quãng đường di chuyển của phương tiện vận chuyển khoảng 100 km (đi và về).

Bảng 3. 12. Tải lượng các chất ô nhiễm (g/ngày)

Stt	Chất ô nhiễm	Hệ số phát thải (g/1.000km)*	Tải lượng (g/ngày)
1	Bụi	0,9	0,45
2	SO₂	4,15S	0,00104
3	NO_x	14,4	7,2
4	CO	2,9	1,45

Tuy nhiên, quá trình thực hiện vận chuyển diễn ra trong ngày, với quãng đường vận chuyển ngắn và lượt vận chuyển ít nên tác động của bụi, khí thải đến môi trường không khí trong quá trình vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm là không đáng kể.

- Khí thải từ phương tiện vận chuyển của công nhân viên:

Hiện tại, tổng số lao động nhà máy hiện hữu là 550 người, khi đạt hoạt động ổn định số lao động làm việc tối đa tại Công ty dự kiến là 800 người. Như vậy, ước tính sẽ có tối đa 800 xe gắn máy và 2 lượt xe ô tô nhỏ (chở cán bộ công nhân viên) ra vào Công ty trong 1 ngày.

Theo báo cáo “Nghiên cứu các biện pháp kiểm soát ô nhiễm không khí giao thông đường bộ tại Tp. Hồ Chí Minh” cho thấy lượng nhiên liệu tiêu thụ trung bình tính chung cho các loại xe gắn máy 2 và 3 bánh là 0,03 lít/km, cho các loại ô tô chạy

xăng là 0,15 lít/km. lượng nhiên liệu cung cấp cho hoạt động giao thông là:

Bảng 3. 13. Lượng nhiên liệu cần cung cấp cho hoạt động giao thông

STT	Loại phương tiện	Số lượt xe (lượt/ngày/km)	Mức tiêu thụ (lít/km)	Tổng nhiên liệu (lít/ngày)
1	Xe gắn máy trên 50cc	800	0,03	3,0
2	Xe tải nhẹ < 3,5 tấn	2	0,15	3

Hệ số ô nhiễm do khí thải phát sinh từ các phương tiện giao thông theo tài liệu đánh giá nhanh của Tổ chức Y tế Thế giới được trình bày trong bảng sau:

Bảng 3. 14. Hệ số ô nhiễm do khí thải từ hoạt động giao thông

STT	Động cơ	Hệ số ô nhiễm (kg/1.000 lít)				
		Bụi	SO ₂	NO ₂	CO	VOC
1	Xe gắn máy trên 50cc	-	20*S	8	525	80
2	Xe tải nhẹ <3,5 tấn (chạy bằng xăng)	3,5	20*S	12	18	2,6

(Nguồn số liệu: Tổ chức Y tế Thế giới (WHO))

Tính toán tải lượng ô nhiễm với quãng đường dài 5 km, kết quả liệt kê tại bảng sau:

Bảng 3. 15. Tải lượng ô nhiễm không khí do các phương tiện giao thông tại nhà máy

STT	Động cơ	Tải lượng ô nhiễm (kg/ngày)				
		Bụi	SO ₂	NO ₂	CO	VOC
1	Xe gắn máy trên 50cc	-	0,00216	1,728	113,4	17,28
2	Xe tải nhẹ <3,5 tấn (chạy bằng xăng)	0,0525	0,00015	0,18	0,27	0,039
	Tổng cộng	0,0525	0,00231	1,908	113,67	17,319

Nguồn gây ô nhiễm này phân bố rải rác và không cố định nên việc không chế, kiểm soát rất khó khăn. Mặt khác, đây là nguồn ô nhiễm không thể tránh khỏi đối với bất kỳ loại hình sản xuất nào. Do vậy, chỉ cần bố trí thời gian hoạt động của các phương tiện vận chuyển hợp lý, tránh hoạt động tập trung, ngoài ra còn có các biện pháp khác như sau:

- Bố trí, sắp xếp thời gian hoạt động của các phương tiện vận chuyển hợp lý, tránh hoạt động tập trung.

- Sử dụng các xe vận chuyển đảm bảo chất lượng đạt tiêu chuẩn quy định của

Cục đăng kiểm về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường để hạn chế khí thải trong quá trình vận chuyển.

- Sử dụng nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh thấp cho các phương tiện vận chuyển.

- Xe vận chuyển luôn được kiểm tra kỹ thuật định kỳ, bảo dưỡng theo đúng quy định, đảm bảo các thông số khí thải của xe đạt yêu cầu về mặt môi trường.

- Hạn chế tốc độ xe trong khu vực cơ sở để giảm lượng bụi trong không khí. Duy trì cây xanh, sân đường nội bộ để tránh bụi phát tán nhiều vào không khí.

- Chọn thời điểm để vận chuyển hợp lý để tránh ùn tắc giao thông, kẹt đường chung với các phương tiện của các công ty, nhà máy khác làm ô nhiễm cục bộ môi trường không khí trong một thời gian.

- Bố trí công nhân thường xuyên vệ sinh, quét dọn, thu gom rác trong khuôn viên nhà máy.

- Xe chạy trong khu vực xung quanh nhà máy phải đúng theo quy định để đảm bảo an toàn giao thông khu vực.

- Phun nước đường giao thông nội bộ, sân bãi (nơi xe cộ hay hoạt động) trong thời gian mùa khô kéo dài.

3.2.1. Yêu cầu đối với các hệ thống xử lý bụi, khí thải

- Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép.

- Chất lượng khí thải trước khi xả thải vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải theo QCVN 19:2024/BTNMT cột B.

- **Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.**

3.2.1.2. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm bụi và khí thải từ hoạt động của các phương tiện vận chuyển

- Khí thải từ phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu và sản phẩm:

Bụi, khí thải phát sinh từ các phương tiện giao thông vận tải như phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu sử dụng xăng và dầu diesel sẽ thải ra môi trường một lượng khói khí thải chứa CO_x, NO_x, SO_x, C_xH_y...

Ước tính 1 ngày cơ sở hoạt động có khoảng 05 chuyến xe ra vào phục vụ cho việc vận chuyển nguyên liệu, thành phẩm, xa khách vắng lai. Cơ sở cung cấp sản phẩm và nhập nguyên liệu chủ yếu vận chuyển đường bộ từ các khu vực lân cận, mỗi ngày dự án có quãng đường di chuyển của phương tiện vận chuyển khoảng 100 km (đi và về).

Bảng 3. 16. Tải lượng các chất ô nhiễm (g/ngày)

Stt	Chất ô nhiễm	Hệ số phát thải (g/1.000km)*	Tải lượng (g/ngày)
1	Bụi	0,9	0,45
2	SO₂	4,15S	0,00104
3	NO_x	14,4	7,2
4	CO	2,9	1,45

Tuy nhiên, quá trình thực hiện vận chuyển diễn ra trong ngày, với quãng đường vận chuyển ngắn và lượt vận chuyển ít nên tác động của bụi, khí thải đến môi trường không khí trong quá trình vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm là không đáng kể.

- Khí thải từ phương tiện vận chuyển của công nhân viên:

Hiện tại, tổng số lao động nhà máy hiện hữu là 550 người, khi đạt hoạt động ổn định số lao động làm việc tối đa tại Công ty dự kiến là 800 người. Như vậy, ước tính sẽ có tối đa 800 xe gắn máy và 2 lượt xe ô tô nhỏ (chở cán bộ công nhân viên) ra vào Công ty trong 1 ngày.

Theo báo cáo “Nghiên cứu các biện pháp kiểm soát ô nhiễm không khí giao thông đường bộ tại Tp. Hồ Chí Minh” cho thấy lượng nhiên liệu tiêu thụ trung bình tính chung cho các loại xe gắn máy 2 và 3 bánh là 0,03 lít/km, cho các loại ô tô chạy xăng là 0,15 lít/km. lượng nhiên liệu cung cấp cho hoạt động giao thông là:

Bảng 3. 17. Lượng nhiên liệu cần cung cấp cho hoạt động giao thông

STT	Loại phương tiện	Số lượt xe (lượt/ngày/km)	Mức tiêu thụ (lít/km)	Tổng nhiên liệu (lít/ngày)
1	Xe gắn máy trên 50cc	800	0,03	3,0
2	Xe tải nhẹ < 3,5 tấn	2	0,15	3

Hệ số ô nhiễm do khí thải phát sinh từ các phương tiện giao thông theo tài liệu đánh giá nhanh của Tổ chức Y tế Thế giới được trình bày trong bảng sau:

Bảng 3. 18. Hệ số ô nhiễm do khí thải từ hoạt động giao thông

STT	Động cơ	Hệ số ô nhiễm (kg/1.000 lít)				
		Bụi	SO ₂	NO ₂	CO	VOC
1	Xe gắn máy trên 50cc	-	20*S	8	525	80
2	Xe tải nhẹ <3,5 tấn (chạy bằng xăng)	3,5	20*S	12	18	2,6

(Nguồn số liệu: Tổ chức Y tế Thế giới (WHO))

Tính toán tải lượng ô nhiễm với quãng đường dài 5 km, kết quả liệt kê tại bảng sau:

Bảng 3. 19. Tải lượng ô nhiễm không khí do các phương tiện giao thông tại nhà máy

STT	Động cơ	Tải lượng ô nhiễm (kg/ngày)				
		Bụi	SO ₂	NO ₂	CO	VOC
1	Xe gắn máy trên 50cc	-	0,00216	1,728	113,4	17,28
2	Xe tải nhẹ <3,5 tấn (chạy bằng xăng)	0,0525	0,00015	0,18	0,27	0,039
	Tổng cộng	0,0525	0,00231	1,908	113,67	17,319

Nguồn gây ô nhiễm này phân bố rải rác và không cố định nên việc khống chế, kiểm soát rất khó khăn. Mặt khác, đây là nguồn ô nhiễm không thể tránh khỏi đối với bất kỳ loại hình sản xuất nào. Do vậy, chỉ cần bố trí thời gian hoạt động của các phương tiện vận chuyển hợp lý, tránh hoạt động tập trung, ngoài ra còn có các biện pháp khác như sau:

- Bố trí, sắp xếp thời gian hoạt động của các phương tiện vận chuyển hợp lý, tránh hoạt động tập trung.
- Sử dụng các xe vận chuyển đảm bảo chất lượng đạt tiêu chuẩn quy định của Cục đăng kiểm về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường để hạn chế khí thải trong quá trình vận chuyển.
- Sử dụng nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh thấp cho các phương tiện vận chuyển.
- Xe vận chuyển luôn được kiểm tra kỹ thuật định kỳ, bảo dưỡng theo đúng quy định, đảm bảo các thông số khí thải của xe đạt yêu cầu về mặt môi trường.
- Hạn chế tốc độ xe trong khu vực cơ sở để giảm lượng bụi trong không khí. Duy trì cây xanh, sân đường nội bộ để tránh bụi phát tán nhiều vào không khí.

- Chọn thời điểm để vận chuyển hợp lý để tránh ùn tắc giao thông, kẹt đường chung với các phương tiện của các công ty, nhà máy khác làm ô nhiễm cục bộ môi trường không khí trong một thời gian.

- Bố trí công nhân thường xuyên vệ sinh, quét dọn, thu gom rác trong khuôn viên nhà máy.

- Xe chạy trong khu vực xung quanh nhà máy phải đúng theo quy định để đảm bảo an toàn giao thông khu vực.

- Phun nước đường giao thông nội bộ, sân bãi (nơi xe cộ hay hoạt động) trong thời gian mùa khô kéo dài.

3.3. Công trình, biện pháp lưu giữ chất thải rắn thông thường

3.3.1. Biện pháp lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường

3.3.2.1. Biện pháp lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

Trong quá trình thu gom, lưu giữ chất thải sinh hoạt Công ty cam kết tuân thủ theo Quyết định số 04/2024/QĐ-UBND ngày 18/01/2024 của UBND Thành phố Đồng Nai về ban hành quy định về quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn Thành phố Đồng Nai, cụ thể:

- Phân loại chất thải rắn sinh hoạt (không bao gồm các loại nhóm chất thải công kênh và nhóm chất thải nguy hại phát sinh trong hoạt động sinh hoạt do các nhóm này chủ yếu chỉ áp cho các hộ gia đình):

- + Nhóm chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế;

- + Nhóm chất thải thực phẩm;

- + Nhóm CTRSH khác.

- Bao bì, thùng, thiết bị lưu chứa CTRSH:

- + Trong từng khu vực nhà máy đều trang bị các loại thùng rác có nắp đậy.

- + Các thùng chứa được lót bên trong bằng túi nylon để tiện thu gom. Chất thải sau khi thu gom sẽ được bảo quản cẩn thận, không để xảy ra tình trạng các thùng chứa chất thải bị phân hủy bởi nước mưa và ánh sáng mặt trời (đặc biệt là đối với một số loại chất thải có khả năng gây ô nhiễm đất, hoặc đối với những chất thải có thành phần dễ hòa tan trong nước hay dễ phân hủy, từ đó làm ô nhiễm nguồn nước mặt và nước ngầm).

Để giảm thiểu tác động do CTR sinh hoạt, Công ty đã áp dụng các biện pháp sau:

- Thu gom chất thải rắn sinh hoạt vào các thùng chứa thích hợp.
- Chất thải rắn sinh hoạt tại công ty được tập kết vào 04 thùng chứa bằng nhựa (02 thùng có dung tích 660 lít, 02 thùng 120 lít) và và định kỳ hằng ngày được giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.
- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

3.3.2.2. Biện pháp lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Bố trí thùng rác tại nhiều điểm khác nhau nhằm thu gom rác thải một cách triệt để.
- Xây nhà 01 nhà kho diện tích 88 m² để chứa rác thải công nghiệp thông thường và rác sinh hoạt có nền gạch, lán xi măng, đảm bảo chống thấm.
- Chất thải sẽ được phân loại tại nguồn để cải thiện khả năng tái chế. Sau đó được thu gom, lưu trữ trong một khu vực chứa riêng biệt.
- CTR không thể tái chế, được lưu giữ riêng trong các thùng chứa loại thích hợp và thuê đơn vị có đủ chức năng đem đi xử lý.
- Áp dụng các quy chế quản lý và thu gom các CTR đối với toàn thể CBCNV. Người làm việc ở ca nào thì có trách nhiệm làm vệ sinh, thu gom rác tại ca trực đó.
- Tuyên truyền giáo dục cho CBCNV các quy định về BVMT.
- Các loại chất thải công nghiệp này sẽ được thu gom vào nhà chứa rác của Công ty TNHH Tủ Bếp Bloom sẽ chuyển giao cho đơn vị có đầy đủ chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng pháp luật.

3.3.2. Chung loại, khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh

Ước tính tổng khối lượng chất thải công nghiệp thông thường và chất thải rắn sinh hoạt của cơ sở phát sinh khi hoạt động công suất tối đa như sau:

Lượng rác thải trung bình lấy bằng 0,5 kg/người.ngày (Theo thông tư số 01/2021/TT-BXD ban hành QCVN 01:2021/BXD quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng ngày 19/05/2021, chọn khối lượng chất thải rắn sinh hoạt trung bình mỗi công nhân thải ra khoảng 0,5kg/người.ngày) thì tổng lượng chất thải sinh hoạt là khoảng:

$$0,5 \text{ kg/người/ngày} \times 800 \text{ người} = 400 \text{ kg/ngày} = 124.800 \text{ kg/năm} = 124,8$$

tấn/năm

Bảng 3.20. Khối lượng chất thải sinh hoạt

TT	Tên chất thải	Khối lượng hiện hữu (tấn/năm)	Khối lượng tối đa (tấn/năm)
1	Chất thải thực phẩm	64,35	93,6
2	Chất thải rắn có khả năng tái chế, tái sử dụng	12,87	18,72
3	Chất thải rắn còn lại	8,58	12,48
Tổng khối lượng dự kiến		85,8	187,2

Bảng 3.21. Khối lượng chất thải công nghiệp thông thường

Stt	Loại chất thải	Mã chất thải	Ký hiệu	Khối lượng (kg/năm)	
				Hiện tại (năm 2025)	Tối đa
1	Giấy và bao bì giấy các tông thải bỏ	18 01 05	TT-R	4.748	6.783
2	Bao bì nhựa (đã chứa chất khi thải ra không phải là CTNH) thải: Màng PE, dây đai nhựa, mút xốp vụn...	18 01 06	TT-R	1.263	1.804
3	Mùn cưa, phoi bào, đầu mẫu, gỗ thừa, ván, bụi gỗ và gỗ dán vụn thải khác với các loại trên	09 01 03	TT-R	249.000	2.048.290
4	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải khác với loại trên: Túi vải	18 02 02	TT	46	66
5	Bùn từ bể tự hoại; Bùn thải từ hệ thống XLNT sinh hoạt công suất 70 m ³ /ngày.đêm	12 06 13	TT	0	2.857
6	Hộp chứa mực in (loại không có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực như mực in văn phòng, sách báo) thải	08 02 08	TT	7,9	11
Tổng cộng				255.065	2.059.811

3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ chất thải nguy hại

3.4.1. Biện pháp lưu giữ chất thải nguy hại

Công ty thực hiện quản lý CTNH phát sinh từ hoạt động của nhà máy theo đúng quy định tại Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 Quy định chi tiết thi hành một số điều của luật bảo vệ môi trường

- Chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình sản xuất được phân loại, bảo quản chất thải nguy hại (CTNH) theo chủng loại trong các bồn chứa, thùng chứa, bao bì chuyên dụng đáp ứng các yêu cầu về an toàn, kỹ thuật, đảm bảo không rò rỉ, rơi vãi hoặc phát tán ra môi trường, có dán nhãn bao gồm các thông tin sau:

- + Tên chất thải nguy hại, mã CTNH theo danh mục CTNH;
 - + Mô tả về nguy cơ do CTNH có thể gây ra (dễ cháy, dễ nổ, dễ bị oxi hóa,...);
 - + Ngày bắt đầu được đóng gói, bảo quản;
 - + Dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa theo TCVN 6707:2009 về “Chất thải nguy hại - dấu hiệu cảnh báo”.
- Phân loại triệt để các loại chất thải, dán nhãn chất thải tại kho chứa.
- Các loại chất thải dạng rắn: được chứa trong thùng chứa riêng và chuyển về lưu trữ trong kho chứa chất thải (khu vực dành cho chất thải nguy hại)
- Các loại chất thải nguy hại có khả năng tràn đổ (dạng bùn, lỏng), công ty bố trí các thùng chứa chuyên dụng có nắp đậy đảm bảo an toàn và dán nhãn cảnh báo đảm bảo không để tràn đổ ra bên ngoài môi trường. Thùng chứa được đặt trong khay chống tràn đổ bằng nhựa để đề phòng trường hợp các chất thải bên trong bị tràn đổ ra bên ngoài hoặc việc rơi vãi chất thải trong quá trình gom chất thải nguy hại vào thùng chứa.

3.4.2. Công trình lưu giữ chất thải nguy hại

Công ty đã bố trí 01 kho lưu giữ chất thải nguy hại với tổng diện tích 48 m².

Kho lưu giữ chất thải nguy hại (CTNH) có tường bao và mái che, nền được gia cố bằng bê tông để chống thấm, có khay chứa và hố thu dầu và hóa chất phòng chống sự cố rò rỉ dầu và hóa chất ra môi trường bên ngoài. Kho có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn, có phân loại từng mã CTNH, có trang bị đầy đủ dụng cụ chứa CTNH được dán nhãn mã chất thải nguy hại, các thùng chứa chất lỏng như thùng phuy chứa dầu thải được đặt vào các khay kín chống rò rỉ hoặc dầu chảy tràn ra ngoài, các chất thải dạng rắn được sắp xếp thành các khu riêng biệt, có thùng phuy chứa cát khô và giẻ khô, thiết bị bình phòng cháy chữa cháy, đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý theo quy định.

Hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom và vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại theo các quy định hiện hành.

Công trình lưu giữ chất thải nguy hại đáp ứng theo hướng dẫn tại điều 36, thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3.4.3. Chứng loại, khối lượng chất thải nguy hại phát sinh

Thống kê chi tiết khối lượng từng loại chất thải phát sinh tại cơ sở cụ thể như sau:

Bảng 3.22. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở

Stt	Tên chất thải	Mã chất thải	Ký hiệu	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)	
					Hiện tại	Tối đa
I	Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát (KS) phát sinh					
1	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại, Bông dạng sợi thải dính thành phần nguy hại từ HTXL khí thải	18 02 01	KS	Rắn	970,8	1.386,86
2	Cặn sơn, sơn và véc ni (loại có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác trong nguyên liệu sản xuất) thải	08 01 01	KS	Rắn/lỏng	5.688	46.722
4	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 01	KS	Rắn	201,6	1.656
5	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH, hoặc chứa áp suất chưa bảo đảm rỗng hoặc có lớp lót rắn nguy hại như amiang) thải	18 01 02	KS	Rắn	1.679,4	13.795
6	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 03	KS	Rắn	38,4	315,45
7	Cặn lắng thải	12 06 05	KS	Bùn	970,8	7.974
Tổng cộng (I)					8.578,2	71.849,31
II	Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên					
8	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	NH	Rắn	18	25,71
9	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải khác	17 02 04	NH	Lỏng	126	180
10	Pin, ắc quy thải	19 06 01	NH	Rắn	14,4	20,57
11	Than hoạt tính bão hòa sau khi hấp phụ hơi hữu cơ	12 01 04	NH	Rắn	1640,4	2.343,43
Tổng cộng (II)					1.798,8	2.569,71
Tổng khối lượng (I+II)					10.377	74.419

Ghi chú:

KS: Chất thải công nghiệp phải kiểm soát cần áp dụng ngưỡng CTNH (hay

ngưỡng nguy hại của chất thải) theo quy định tại QCKTMT về ngưỡng CTNH để phân định là CTNH hoặc CTRCNTT.

NH: Chất thải nguy hại.

- Đối với các mã Chất thải công nghiệp phải kiểm soát theo CTNH hoặc CTRCNTT, Công ty cam kết sẽ thực hiện phân định chất thải hoặc định kỳ thu mẫu trước khi chuyển giao theo chất thải thông thương, đảm bảo kiểm soát, thu gom và xử lý chất thải theo đúng quy định hiện hành. Trường hợp không phân định các chất thải phát sinh được thu gom và chuyển giao dưới dạng chất thải nguy hại.

3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

3.5.1. Giảm thiểu tiếng ồn, độ rung từ hoạt động máy móc, thiết bị

Nguồn phát sinh tiếng ồn chủ yếu từ quá trình xuất – nhập nguyên liệu và sản phẩm; đồng thời tiếng ồn, rung động cũng phát sinh từ quá trình vận hành các loại máy móc công suất lớn như hệ thống máy trộn và hệ thống máy chiết bao.

Chủ cơ sở đã áp dụng các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn phù hợp tại các xưởng sản xuất nhằm bảo đảm sức khỏe công nhân cụ thể như sau:

- Bố trí các máy móc, thiết bị hợp lý, tránh tập trung các thiết bị có khả năng gây ồn trong khu vực hẹp;
- Thiết kế nhà xưởng cao, thông thoáng, tạo môi trường làm việc rộng;
- Tuân thủ các quy định kỹ thuật khi vận hành thiết bị;
- Sử dụng các loại máy móc, thiết bị hiện đại, mới;
- Tiến hành theo dõi, kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ (2-4 tháng/lần) đối với tất cả các máy móc, thiết bị vận hành như: kiểm tra dầu bôi trơn, thay thế những chi tiết hư hỏng,...
- Tự động hóa một số quá trình sản xuất, hạn chế tối đa số lượng lao động làm việc ở những nơi có độ ồn cao,
- Khu vực văn phòng và khu vực sản xuất được tách biệt để hạn chế ảnh hưởng;
- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân làm việc ở các khu vực phát sinh tiếng ồn lớn.

3.5.2. Giảm thiểu tiếng ồn, độ rung từ các phương tiện lưu thông ra vào nhà máy

- Tiếng ồn, rung từ các phương tiện lưu thông ra vào nhà máy chủ yếu tập trung vào giờ cao điểm, biện pháp chống ồn được áp dụng như sau:

- Hạn chế vận chuyển hàng vào ban đêm, giờ tan ca để giảm thiểu tác động do tiếng ồn đến khu vực xung quanh;
- Lắp đặt biển báo, quy định giao thông trong khu vực dân cư và khuôn viên Nhà máy.
- Tiến hành bảo dưỡng định kỳ đối với tất cả các phương tiện vận chuyển, thay thế những bộ phận hư hỏng,...
- Trồng cây xanh trong khuôn viên Nhà máy.
- Thường xuyên nạo vét, khơi thông hệ thống thoát nước, tránh gây ngập úng, ảnh hưởng đến hệ thống thoát nước khu vực.
- Bố trí khu vực để xe hợp lý
- Quy định tốc độ xe ra vào cho nhân viên và khách, vận tốc tối đa 5km/giờ.

❖ Quy chuẩn áp dụng đối với tiếng ồn, độ rung của cơ sở.

Tiếng ồn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn theo và QCVN 26:2025/BTNMT và và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung theo QCVN 27:2025/BNMT, cụ thể như sau:

+ Tiếng ồn:

STT	Khoảng thời gian			Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 18 giờ (dBA)	Từ 18 giờ đến 22 giờ (dBA)	Từ 22 giờ đến 6 giờ (dBA)		
1	70	65	60	-	Khu vực E

+ Độ rung:

STT	Khoảng thời gian		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 22 giờ (dB)	Từ 22 giờ đến 6 giờ (dB)		
1	75	70	-	Khu vực D

3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải

3.6.1. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải đối với nước thải

Công ty dự kiến sẽ lắp đặt HTXL nước thải sinh hoạt công suất 70 m³/ngày.đêm. Các sự cố và biện pháp khắc phục đối với HTXL nước thải như sau:

Bảng 3. 23. Loại sự cố và biện pháp khắc phục sự cố hệ thống xử lý nước thải

STT	Loại sự cố	Nguyên nhân	Cách khắc phục
1	Máy bơm		
+	Máy bơm hoạt động nhưng không lên nước	- Do chưa đóng điện - Do đường ống bị nghẹt - Do động cơ bị cháy - Do nhảy role - Do khí vào buồng bơm hoặc bơm bị tụt nước trong ống hút (bơm trực ngang) - Ngược chiều quay. - Van đóng mở bị nghẹt hoặc hư hỏng. - Đường ống bị tắc nghẽn. - Chưa mở van - Rách màng bơm	- Đóng điện cho bơm - Kiểm tra và thông đường ống - Kiểm tra và quấn lại động cơ - Đo dòng làm việc và hiệu chỉnh lại dòng định mức. - Đuổi khí ra khỏi buồng bơm bằng cách đổ đầy nước, kiểm tra độ kín của lupe ở đầu ống hút. - Đảo lại chiều quay. - Kiểm tra phát hiện và khắc phục lại, nếu hư hỏng phải thay van mới. - Kiểm tra phát hiện chỗ bị nghẹt và khắc phục lại. - Mở van. - Thay màng bơm khác.
+	Có tiếng kêu lạ	- Cánh bơm bị kẹt bởi vật lạ - Bạc đạn hư - Phốt hư, bơm bị vào nước (bơm chìm) - Cánh bơm bị chèn bởi các vật cứng - Bị chèn các vật lạ có kích thước lớn vào buồng bơm, trục vít	- Tháo buồng bơm để lấy vật lạ ra. - Thay bạc đạn - Thay phốt - Thao tác vật bị chèn cứng ra khỏi cánh bơm. - Kiểm tra vệ sinh sạch sẽ.
+	Độ cách điện giảm	- Động cơ bị chạm mát (bơm trực ngang)	- Kiểm tra phát hiện chỗ rò điện và xử lý.
+	Lưu lượng bơm bị giảm	- Bị nghẹt ở cánh bơm, van, đường ống. - Mức nước bị cạn - Nguồn điện cung cấp không đúng - Màng bơm bị đóng cặn	- Kiểm tra khắc phục lại. - Tắc bơm ngay. - Kiểm tra nguồn điện và khắc phục. - Tháo và rửa sạch bằng xà phòng hoặc dung dịch đặc biệt.
2	Bơm định lượng	-	-
+	Không hoạt động	- Van một chiều của đầu hút hoặc đẩy bị kẹt (hở)	- Tháo van ra xúc rửa hết cặn
+	Không lên nước	- Màng bơm bị rách	- Thay màng bơm
3	Động cơ	-	-
+	Không hoạt động	- Do chưa đóng điện - Do động cơ bị cháy. - Do nhảy role	- Đóng điện cho động cơ. - Kiểm tra và quấn lại động cơ - Đo dòng làm việc và hiệu chỉnh lại dòng định mức
+	Có tiếng kêu lạ	- Bạc đạn hư	- Thay bạc đạn
4	Máy thổi khí		
+	Máy làm việc nhưng có tiếng	Điện nguồn mất pha đưa vào motor.	- Kiểm tra và khắc phục lại nguồn điện. - Tháo các vật bị chèn cứng ra khỏi cánh

STT	Loại sự cố	Nguyên nhân	Cách khắc phục
	kêu gầm	Bị chèn các vật cứng vào cánh quạt khí. Vòng bi khô dầu mỡ hoặc vòng bi bị hư.	quạt khí. Châm dầu mỡ cho vòng bi hoặc thay mới.
+	Máy hoạt động nhưng không có khí thoát ra	Ngược chiều quay. Van đóng mở bị nghẹt, hoặc hư hỏng. Đường ống bị tắc nghẽn. Chưa mở van.	Đảo lại chiều quay. Kiểm tra phát hiện và khắc phục lại, nếu hư hỏng phải thay van mới. Kiểm tra phát hiện chỗ bị nghẹt và khắc phục lại. Mở van.
+	Lưu lượng khí bị giảm	Bị tắc nghẽn van, đường ống. Nguồn điện cung cấp không đúng. Bộ phận lọc khí bị tắc nghẽn.	Kiểm tra, khắc phục lại. Kiểm tra nguồn điện và khắc phục. Tháo và rửa sạch bằng xà phòng hoặc dung dịch đặc biệt, làm khô bằng khí nén.
5	Hệ thống xử lý nước thải ngừng hoạt động	- Tất cả các vấn đề.	- Thực hiện kiểm tra, đánh giá để tìm ra nguyên nhân. - Đề xuất giải pháp khắc phục cụ thể đối với từng nguyên nhân có thể xảy ra. Trong trường hợp hệ thống gặp sự cố mà chưa thể khắc phục kịp thời thì toàn bộ nước thải sẽ được bơm hoàn lưu về bể thu gom khi khắc phục xong sẽ tiến hành xử lý theo quy định.
6	Các sự cố về vi sinh dẫn đến nước thải sau xử lý không đạt quy chuẩn	Bùn nổi, lắng kém, bùn có màu lạ, thiếu bùn, nổi bọt trắng, có mùi hôi	- Bổ sung vi sinh mới - Thực hiện nuôi cấy vi sinh theo đúng hướng dẫn của nhà sản xuất. - Điều chỉnh lượng khí cấp từ máy thổi khí.
7	Nước thải đầu ra không đạt tiêu chuẩn quy định	- Máy móc, thiết bị gặp sự cố. - Các điều kiện xử lý và đầu vào không đảm bảo	- Toàn bộ nước thải sẽ được bơm hoàn lưu về bể thu gom khi khắc phục xong sẽ tiến hành xử lý theo quy định.
8	Sự cố về điện	Hệ thống ngưng hoạt động	- Bố trí thiết bị phát điện dự phòng.

Ngoài ra Chủ cơ sở thực hiện các biện pháp sau:

- Hướng dẫn lý thuyết vận hành hệ thống xử lý nước thải.
- Hướng dẫn bảo trì bảo dưỡng thiết bị: cách xử lý các sự cố đơn giản và bảo trì, bảo dưỡng thiết bị.
- Hướng dẫn an toàn vận hành hệ thống xử lý: trong giai đoạn này, những người tham dự khóa huấn luyện sẽ được đào tạo các kiến thức về an toàn khi vận hành hệ thống xử lý nước thải. Đây là một trong những bài học quan trọng không thể thiếu đối với người trực tiếp vận hành hệ thống xử lý nước thải.

- Hướng dẫn thực hành vận hành hệ thống: thực hành các thao tác vận hành hệ thống xử lý nước thải và thực hành xử lý các tình huống sự cố.

Yêu cầu đối với cán bộ vận hành trong trường hợp sự cố thường gặp:

- Phải lập tức báo cáo cấp trên khi có các sự cố xảy ra và tiến hành giải quyết các sự cố. Nếu sự cố không tự khắc phục được tại chỗ thì tìm cách báo cáo cho cấp trên để nhận sự chỉ đạo trực tiếp.

- Nếu đã thực hiện theo chỉ đạo của cấp trên mà chưa thể khắc phục sự cố thì được phép xử lý theo hướng ưu tiên: 1- Bảo đảm an toàn về con người; 2- An toàn tài sản; 3- An toàn công việc.

- Viết báo cáo sự cố và lưu hồ sơ.

3.6.2. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải đối với khí thải

Bảng 3.24. Một số sự cố thường gặp và một số biện pháp khắc phục

Hạng mục	Sự cố	Nguyên nhân	Cách khắc phục
Sự cố về máy móc và thiết bị			
Motor, quạt hút	Phát ra tiếng ồn và độ rung bất thường	- Bạc đạn của các chi tiết chuyển động bị vỡ. - Khô dầu các bạc đạn của các chi tiết chuyển động - Tắc bơm, đường ống... - Chi tiết chuyển động chạm vỏ. - Lỏng bulông neo. - Vật lạ lọt vào.	- Thay bạc đạn mới. - Châm thêm dầu mỡ bôi trơn. - Vệ sinh. - Cân chỉnh lại. - Xiết chặt bulông - Kiểm tra và loại bỏ
	Nóng quá mức	- Bạc đạn của các chi tiết chuyển động bị vỡ. - Khô dầu các bạc đạn của các chi tiết chuyển động - Chi tiết chuyển động chạm vỏ. - Lỏng các đầu cáp nối dây điện. - Quá tải động cơ. - Thông gió/ giải nhiệt động cơ không tốt. - Do chuyển động của khí, chất lỏng hoặc nhiệt phản ứng, va đập thủy lực.	- Thay bạc đạn mới. - Châm thêm dầu mỡ bôi trơn. - Cân chỉnh lại - Kiểm tra và đấu lại. - Giảm tải cho động cơ. - Kiểm tra và khắc phục
	Rò rỉ	- Hông gioăng (gon) làm kính. - Các mối hàn không kín. - Các mối nối bulông không chặt. - Ăn mòn/mài mòn.	- Thay gioăng (gon) mới. - Kiểm tra và sửa chữa. - Xiết chặt - Thay bằng vật liệu ít bị ăn mòn/mài mòn
	Motor quay nhưng không chạy	- Motor bị kẹt/hỏng.	- Kiểm tra và sửa chữa. - Kiểm tra và sửa chữa. - Reset lại.

		- Do phần điện hư hỏng/hoặc không CB, hỏng khởi động từ/role nhiệt, cháy cầu chì... - Role nhiệt này. - Tín hiệu đầu vào như phao, công tắc áp lực, đầu dò hoặc bộ PLC,...	- Kiểm tra và khắc phục.
	Lưu lượng quá thấp/quá cao	- Áp lực thấp/cao. - Do tắt hoặc đóng mở Van không hợp lý	- Hạ/tăng áp lực. - Kiểm tra và khắc phục
	Dây curoa, bạc đạn	- Dây curoa bị đứt - Bạc đạn bị bể	- Thường xuyên kiểm tra dây curoa, và thay mới khi bị đứt, cũ - Kiểm tra bạc đạn và thay mới khi bị hư bể

3.6.3. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố kho chứa chất thải

❖ Sự cố đối với kho chứa thải

- Các nguyên nhân:

+ Thiếu kiểm soát khối lượng và thành phần các chất thải lưu chứa tạm.

+ Lưu trữ tạm chất thải không đúng vị trí quy định.

+ Thiết bị lưu trữ hư hỏng.

+ Thiếu kiểm soát trong quá trình tiếp nhận từ các khâu sản xuất và chuyển giao chất thải cho nhà thầu thu gom, xử lý.

- Phạm vi và mức độ tác động

+ Gây ảnh hưởng trực tiếp đến công nhân vận hành, quá trình sản xuất của Nhà máy.

+ Phát sinh mùi hôi, ứ đọng chất thải gây ô nhiễm trực tiếp đến Nhà máy và các khu vực lân cận.

❖ Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố kho chứa chất thải

- Đã xây dựng nhà kho lưu giữ chất thải có mái che, xung quanh có gờ bao để phòng khi có sự cố đổ vỡ, chất thải tràn ra ngoài gây nguy hiểm hoặc chất thải có thể lẫn vào nước mưa gây ô nhiễm môi trường.

- Nhà kho lưu giữ chất thải được phân chia thành nhiều khu vực lưu giữ khác nhau. Các khu vực này được thiết kế với khoảng cách phù hợp theo quy định lưu giữ chất thải nguy hại, hạn chế khả năng tương tác giữa các loại chất thải và xảy ra sự cố cháy nổ trong nhà kho. Mỗi khu vực lưu giữ được trang bị các biển cảnh báo và

thiết bị PCCC, dụng cụ bảo hộ lao động, các vật liệu ứng phó khắc phục nếu có sự cố xảy ra.

- Đối với việc vận chuyển chất thải nguy hại: chủ đầu tư sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng chuyên thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định. Do đó, đơn vị được thu gom, vận chuyển và xử lý sẽ có các biện pháp đề phòng và kiểm soát sự cố trong quá trình vận chuyển chất thải nguy hại.

Trường hợp xảy ra sự cố:

- Nhanh chóng thông báo và tiến hành khoanh vùng khu vực xảy ra sự cố, hạn chế chất thải lây lan rộng hoặc rò rỉ xuống mương thoát nước mưa.

- Sử dụng các thiết bị/ phương tiện để thu gom chất thải (bơm hút, bồn chứa, giẻ lau...).

- Vệ sinh khu vực sự cố và xử lý các chất thải sau khi ứng phó sự cố (Xử lý như CTNH).

3.6.4. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải khác

a. Phòng ngừa và ứng phó sự cố rò rỉ nguyên nhiên liệu

Cơ sở có sử dụng các loại nguyên nhiên liệu dạng lỏng như dầu máy (bảo trì máy móc), Dầu DO, hóa chất nên khả năng xảy ra sự cố rò rỉ, đổ tràn nguyên nhiên liệu là rất dễ xảy ra. Để phòng chống và ứng cứu sự cố rò rỉ nguyên nhiên liệu tại khu vực Cơ sở, Chủ đầu tư sẽ phối hợp cùng với các cơ quan chức năng PCCC giám sát, kiểm tra nghiêm ngặt các hệ thống kỹ thuật tại kho chứa, lập phương án ứng cứu khi xảy ra sự cố. Đồng thời, Chủ cơ sở sẽ thực hiện các biện pháp phòng ngừa sự cố như sau:

- Lưu trữ nguyên nhiên liệu dạng lỏng với khối lượng ít nhất (đủ dùng);
- Bảo quản nguyên nhiên liệu trong các thiết bị chuyên dụng, các thùng chứa phải đậy kín, đặt nơi khô ráo, thông thoáng;
- Lưu trữ các bình chứa nguyên nhiên liệu tại kho chứa riêng, thông thoáng và có biển báo ghi đầy đủ thông tin;
- Trong khu vực chứa nguyên nhiên liệu dễ cháy, treo biển cấm không được hút thuốc, không mang bật lửa, diêm quẹt, các dụng cụ phát ra lửa;
- Tuân thủ các yêu cầu về đảm bảo an toàn hóa chất của Nhà nước, bảo vệ môi trường phòng chống tràn trong quá trình bảo quản, tồn chứa, vận hành và sử dụng;

- Sử dụng đúng kỹ thuật và tuân thủ các quy tắc an toàn trong sản xuất đối với từng chủng loại nguyên nhiên liệu;

- Vận chuyển bình chứa, thùng chứa đúng cách (di chuyển bình ở tư thế đứng, không lăn tròn, hạn chế rung động mạnh), tuyệt đối không được dùng bình chứa, thùng chứa vào các mục đích khác;

- Thường xuyên kiểm tra định kỳ bình chứa và kho chứa;

- Tuân thủ và thực hiện tốt công tác phòng chống cháy nổ;

- Tổ chức nhân sự cho kế hoạch phòng ngừa và ứng phó sự cố.

b. Phòng ngừa và ứng phó đối với sự cố hóa chất

Để giảm thiểu sự cố rò rỉ hóa chất, thực hiện các biện pháp như trong phần giảm thiểu chất thải rắn. Khi xảy ra sự cố thì phải giải quyết ngay, hạn chế tới mức thấp nhất thiệt hại gây ra.

An toàn trong tiếp xúc với hóa chất sử dụng cho nhà máy dựa trên bảng dữ liệu an toàn hóa chất và tuân thủ theo Nghị định số 68/2005/NĐ-CP, Nghị định 108/2008/NĐ-CP và Quyết định số 136/2004/QĐ-BCN, cụ thể:

- Công ty đã phối hợp cùng các cơ quan chức năng kiểm tra nghiêm ngặt các hệ thống kỹ thuật của các can, thùng phuy đựng hóa chất, phương tiện vận tải và lập phương án ứng cứu sự cố.

- Thường xuyên kiểm tra hoạt động của hệ thống an toàn của kho chứa hóa chất đảm bảo đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn Việt Nam về kỹ thuật, an toàn.

- Thực hiện nghiêm ngặt quy định kỹ thuật, an toàn trong quá trình bốc, xếp hóa chất;

- Kho chứa hóa chất dạng khí là hóa chất rất dễ cháy hơi nếu không được lưu trữ đúng nơi quy định. Do vậy, Công ty đã lưu giữ hóa chất tại khu vực riêng và cách xa khu vực sản xuất của Công ty và các nguồn phát sinh nhiệt, kho chứa nguyên, nhiên liệu, thành phẩm.

- Xe vận chuyển hóa chất là xe chuyên dụng và phải đáp ứng Tiêu chuẩn an toàn, kỹ thuật khi vận chuyển trên đường giao thông;

- Khu vực lưu giữ phải có biển báo

Có dữ liệu an toàn về hóa chất:

+ Tên (tên thương mại và tên thường gọi nếu có)

- + Thành phần hóa chất
- + Tên và địa chỉ người cung cấp hoặc nơi sản xuất
- + Cách sử dụng và lưu giữ hóa chất
- + Những biện pháp sơ cứu, biện pháp phòng chống cháy
- + Thông tin về tính chất vật lý, tính chất hóa học, độc tính
- Khu vực lưu trữ hóa chất phải đảm bảo về nhiệt độ, độ ẩm, độ thoáng khí.
- Nhà kho có lối ra vào phù hợp, có kích cỡ tương xứng để cho phép vận chuyển một cách an toàn.
- Được giữ khô và tránh sự gia tăng nhiệt độ. Được đánh dấu với ký hiệu cảnh báo thích hợp, có bảng hướng dẫn cụ thể tính chất của từng hóa chất, những điều cần tuân thủ khi sắp xếp, vận chuyển, san rót hóa chất.
- Cung cấp cho công nhân bảng hướng dẫn sử dụng hay bảng dữ liệu an toàn hóa chất của nhà cung cấp và mức độ độc hại của hóa chất khi sử dụng (các ký hiệu nguy hiểm thường được biểu diễn bằng màu da cam và đen được giải thích mối nguy hiểm của loại hóa chất đó)
- Đảm bảo hóa chất giao nhận được lưu giữ vào kho đúng vị trí, đảm bảo an toàn và có thể dễ dàng nhìn thấy nhãn.
- Không sử dụng hóa chất đã quá hạn sử dụng.
- Có tủ thuốc để sơ cứu khi xảy ra sự cố, tủ thuốc phải có băng tiệt trùng, băng tam giác, gạc đệm vô trùng cho mắt, kim tây, băng vết thương tiệt trùng, thuốc rửa vết thương.
- Lập phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất theo đúng quy định của nhà nước.
- * Trường hợp sự cố nhỏ:
 - Lập tức thông báo cho đồng nghiệp đang làm việc tại khu vực với mình, Trưởng nhóm ứng phó sự cố.
 - Cách ly khu vực có sự cố và treo biển cảnh báo.
 - Di chuyển những vật liệu dễ cháy khỏi khu vực và khóa tất cả thiết bị điện gần đó.
 - Xem lại thông tin an toàn ứng phó sự cố chảy tràn hóa chất.

- Xem lại thông tin trên Phiếu an toàn hóa chất để đánh giá những nguy hiểm tại khu vực.

- Sử dụng dụng cụ ứng phó sự cố thích hợp.

- Đeo đồ bảo hộ lao động gồm găng tay chống hóa chất, ủng, kính an toàn, tạp dề.

- Xử lý khu vực chảy tràn bằng vật liệu thích hợp. Trung hòa khu vực trước khi lau dọn.

- Sử dụng xẻng để xúc phần hóa chất đã xử lý vào trong thùng nhỏ.

- Xử lý ô nhiễm bề mặt khu vực với xà bông trung tính và nước. Cần thận cời bỏ đồ bảo hộ lao động, thải bỏ những vật không còn sử dụng vào thùng chứa và rửa tay kỹ.

- Dán nhãn chất thải nguy hại lên thùng chứa chất thải và lưu trữ tại phòng chứa chất thải nguy hại.

- Đội ứng phó sự cố tiến hành điều tra nguyên nhân và báo cáo lên Tổng Giám đốc.

- Vệ sinh dụng cụ xử lý hóa chất và cất về vị trí cũ.

* Trường hợp sự cố nghiêm trọng:

- Thông báo và di tản mọi người đứng ở đầu hướng gió.

- Treo biển cảnh báo tại khu vực xảy ra sự cố.

- Nếu có nguy cơ phát sinh cháy, kích động loa báo cháy gần nhất.

- Trường hợp có người bị thương hoặc ô nhiễm, thực hiện các bước sau:

+ Đeo đồ bảo hộ lao động và di chuyển nạn nhân khỏi khu vực đó.

+ Thực hiện sơ cấp cứu cho người bị nạn. Đưa nạn nhân tới phòng y tế hoặc bệnh viện gần nhất. Đem theo Phiếu an toàn hóa chất nếu cần.

+ Sử dụng vòi sen rửa đồ bảo hộ đã sử dụng trong vòng 15 phút.

- Đeo đồ bảo hộ lao động và xử lý hóa chất như trường hợp sự cố nhỏ.

- Đội ứng phó sự cố xem xét tình hình và thông báo nhân viên quay về khu vực làm việc khi thích hợp.

- Đội ứng phó sự cố tiến hành điều tra nguyên nhân và báo cáo lên Tổng Giám đốc. Phòng tránh cháy nổ là việc hết sức cần thiết

c. Phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ

Công tác phòng cháy chữa cháy (PCCC) sẽ được thực hiện nghiêm túc theo đúng Luật PCCC sửa đổi bổ sung năm 2013. Chủ đầu tư sẽ kết hợp với Công an PCCC của KCN để xây dựng các phương án PCCC an toàn cho Công ty và phải được phê duyệt phương án PCCC của cơ quan có thẩm quyền. Hệ thống phòng cháy và chữa cháy được thiết kế theo các tiêu chuẩn TCVN 2622:1995 về “Phòng cháy, chống cháy cho nhà và công trình - yêu cầu cho thiết kế” và TCVN 7336:2003 quy định về các yêu cầu đối với thiết kế, lắp đặt hệ thống chữa cháy tự động bằng nước, bọt (sprinkler).

Hoạt động sản xuất của công ty có sử dụng nhiều dung môi hữu cơ dễ cháy. Do đó để giảm thiểu nguy cơ cháy nổ đối với khu vực lưu trữ hóa chất, dung môi, công ty sẽ thực hiện các biện pháp sau:

- Bố trí khu vực lưu trữ riêng biệt, có mái che, khung thép được gia cố theo yêu cầu và được sơn chống cháy nhằm tăng thời gian chịu lửa của cấu kiện, nền đồ bê tông, mái lợp tôn và thiết kế thông gió phù hợp, thông thoáng cho các loại hóa chất, tránh tình trạng tích tụ lâu dài hơi hóa chất tạo hỗn hợp cháy nổ.

- Các chất lỏng có tính dễ cháy (Dầu DO, dầu nhớt máy) khi tiếp xúc trực tiếp với nguồn lửa nên khu vực lưu trữ được thiết kế chịu được lửa, nhiệt độ cao, không phản ứng hóa học và không thấm chất lỏng. Tường bên ngoài chịu được lửa ít nhất là 30 phút, tất cả các tường đều không thấm nước, bề mặt bên trong của tường trơn nhẵn, sơn chống cháy, có thể rửa một cách dễ dàng và không bắt bụi.

- Bố trí các biển cảnh báo, báo cháy và thiết bị chữa cháy tại chỗ như bình chữa cháy CO₂, bình chữa cháy khô ACB,...

- Hệ thống phòng chống sét được thiết kế theo các công nghệ mới nhằm đạt độ an toàn cao cho các hoạt động của Công ty. Hệ thống chống sét gồm kim thu sét tích cực được lắp đặt tại điểm cao nhất của công trình, hộp kiểm tra điện trở đất và hệ tiếp đất được thiết kế, lắp đặt tuân thủ các tiêu chuẩn kỹ thuật an toàn.

- Ngoài ra, hệ thống phòng cháy chữa cháy được lắp đặt tại tất cả các phòng, khu vực trong toàn dự án. Các thiết bị báo cháy như: tủ điều khiển báo cháy, tủ hiển thị báo cháy, hệ thống đèn thoát hiểm,... Hệ thống chữa cháy gồm bể nước ngầm, bơm nước chữa cháy, hộp chữa cháy, họng tiếp nước chữa cháy, trụ nước chữa cháy ngoài trời, ...

3.7. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

Không có.

3.8. Các nội dung thay đổi so với giấy phép môi trường đã được cấp

Không có.

CHƯƠNG IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

Nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở được thu gom, xử lý cục bộ đạt giới hạn tiếp nhận trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Minh Hưng III, không xả trực tiếp ra môi trường

4.1.1. Nguồn phát sinh nước thải:

4.1.1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên.
- Nguồn số 02: Nước thải từ quá trình nấu ăn cho chuyên gia

4.1.2. Dòng nước thải xả

- Dòng số 1: Nước thải sinh hoạt (nguồn số 1) và nước thải nấu ăn (nguồn số 2) sau khi qua hệ thống xử lý công suất 70 m³/ngày được dẫn ra 01 hố ga tập trung trên đường Đ4 sau đó đầu nối về hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Minh Hưng III.

4.1.3. Lưu lượng xả nước thải tối đa

Lưu lượng đầu nối nước thải lớn nhất: 64,375 m³/ngày đêm

4.1.4. Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải

4.1.4.1. Vị trí đầu nối nước thải:

- Vị trí: 01 điểm tại 01 vị trí hố ga đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của Khu công nghiệp Minh Hưng III.

- Tọa độ vị trí: X = 1268997; Y = 375107 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 107⁰45', múi chiều 3⁰).

4.1.4.2. Phương thức xả thải: Tự chảy (24/24 giờ).

4.1.4.3. Nguồn tiếp nhận nước thải

Nước thải sinh hoạt (nguồn số 1) và nước thải nấu ăn (nguồn số 2) sau khi qua hệ thống xử lý công suất 70 m³/ngày được dẫn ra 01 hố ga tập trung trên đường Đ4 sau đó đầu nối về hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Minh Hưng III.

4.1.5. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải:

Chất lượng nước thải trước khi đầu nối với với hệ thống thu gom nước thải của Khu công nghiệp phải đạt giới hạn tiếp nhận của Khu công nghiệp Minh Hưng III theo thỏa thuận giữa Chủ cơ sở và đơn vị kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Minh Hưng III

4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

4.2.1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn số 01: Bụi phát sinh từ khu vực gia công gỗ (máy cắt, máy cưa, máy tạo rãnh, công đoạn chà nhám của 3 chuyền sơn viên) - Cụm 1 xưởng 1

- Nguồn số 02: Bụi phát sinh từ khu vực gia công gỗ (máy cắt, máy tạo rãnh, máy bào) - Cụm 2 xưởng 1

- Nguồn số 03: Bụi phát sinh từ khu vực gia công gỗ (máy cắt, máy bào, máy khoan, máy tạo rãnh, máy đánh mộng, công đoạn chà nhám của 1 chuyền sơn viên) - Cụm 3 xưởng 1

- Nguồn số 04: Bụi phát sinh từ khu vực gia công gỗ (máy cắt, máy khoan, máy tạo rãnh và công đoạn chà nhám 02 chuyền sơn UV1,2) - Cụm 4 xưởng 1

- Nguồn số 05: Bụi phát sinh từ khu vực máy chà nhám tại chuyền sơn UV1 - Cụm 5 xưởng 1

- Nguồn số 06: Bụi phát sinh từ khu vực gia công chi tiết (máy cắt, máy khoan, máy tạo rãnh, máy ép ván, máy nhám) - Cụm 6 xưởng 2

- Nguồn số 07: Bụi phát sinh từ khu vực gia công chi tiết (máy cắt, máy tạo rãnh, máy khoan, máy đóng viên, công đoạn chà nhám của 4 chuyền sơn cạnh) - Cụm 7 xưởng 2

- Nguồn số 08: Bụi phát sinh từ khu vực gia công chi tiết (máy cắt, máy khoan, 05 máy chà nhám + 04 máy phay 02 đầu) - Cụm 8 xưởng 2
- Nguồn số 09: Bụi phát sinh từ khu vực chà nhám (9 máy chà nhám thùng) - Cụm 9 xưởng 2
- Nguồn số 10: Bụi phát sinh từ khu vực chà nhám tại 02 chuyền sơn UV3 - Cụm 10 xưởng 2
- Nguồn số 11: Bụi phát sinh từ khu vực mài (4 máy chà nhám+1 vệ sinh bụi) - Cụm 11 xưởng 3
- Nguồn số 12: Bụi phát sinh từ khu vực chà nhám tại buồng phun sơn (03 buồng phun sơn AC và 01 buồng phun sơn UV+01 máy chà nhám) - Cụm 12 xưởng 3
- Nguồn số 13: Bụi, khí thải phát sinh từ phun sơn UV, buồng phun sơn – Cụm 13 xưởng 3
- Nguồn số 14: Bụi, khí thải phát sinh từ công đoạn phun sơn AC – Cụm 14 xưởng 3
- Nguồn số 15: Bụi, khí thải phát sinh từ công đoạn phun sơn màng nước – Cụm 15 xưởng 3
- Nguồn số 16: Bụi, khí thải phát sinh từ công đoạn sửa màu – Cụm 16 xưởng 3

4.2.2. Dòng khí thải, lưu lượng, vị trí, phương thức xả khí thải

Stt	Nguồn thải	Dòng thải	Mô tả	Tọa độ					Lưu lượng xả thải lớn nhất
1	Nguồn số 01	Dòng thải số 1 và 2	Tương ứng ống thải số 01 và 02 của HTXL thu gom, xử lý bụi số 1, số 2 - Cụm 1 tại Xưởng 1 (nguồn số 01)	Ống thải số 01	X=	1268768.20	Y=	538781.03	56.817 m ³ /giờ
2				Ống thải số 02	X=	1268765.88	Y=	538781.03	56.817 m ³ /giờ
3	Nguồn số 02	Dòng thải số 3 và 4	Tương ứng ống thải số 03 và 04 của HTXL thu gom, xử lý bụi số 3, số 4 - Cụm 1 tại Xưởng 1 (nguồn số 02)	Ống thải số 03:	X=	1268746.74	Y=	538780.29	56.817 m ³ /giờ
4				Ống thải số 04:	X=	1268744.53	Y=	538780.19	56.817 m ³ /giờ
5	Nguồn số 03	Dòng thải số 5 và 6	Tương ứng ống thải số 05 và 06 của HTXL thu gom, xử lý bụi số 5, số 6 - Cụm 3 tại Xưởng 1 (nguồn số 03)	Ống thải số 05:	X=	1268726.39	Y=	538780.10	56.817 m ³ /giờ
6				Ống thải số 06:	X=	1268724.18	Y=	538780.10	56.817 m ³ /giờ
7	Nguồn số 04	Dòng thải số 7 và 8	Tương ứng ống thải số 07 và 08 và của HTXL thu gom, xử lý bụi số 7, số 8 - Cụm 4 tại Xưởng 1 (nguồn số 04)	Ống thải số 07:	X=	1268713.24	Y=	538878.52	50.533 m ³ /giờ
8				Ống thải số 08:	X=	1268711.03	Y=	538878.53	50.533 m ³ /giờ
9	Nguồn số 05	Dòng thải số 9	Tương ứng ống thải số 9 của HTXL thu gom, xử lý bụi số 9 - Cụm 5 tại Xưởng 1 (nguồn số 05)	Ống thải số 09:	X=	1268691.12	Y=	538878.01	50.533 m ³ /giờ
10	Nguồn số 06	Dòng thải số 10	Tương ứng ống thải số 10 của HTXL thu gom, xử lý bụi số 10 - Cụm 6 tại Xưởng 2 (nguồn số 06)	Ống thải số 10:	X=	1268693.57	Y=	538895.35	56.817 m ³ /giờ
11				Ống thải số 11:	X=	1268711.49	Y=	538895.98	56.817 m ³ /giờ

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

12	Nguồn số 07	Dòng thải số 11, 12, 13 và 14	Tương ứng ống thải số 11, 12, 13 và 14 của HTXL thu gom, xử lý bụi số 11, 12, 13 và 14 Cụm 7 tại Xưởng 2 (nguồn số 07)	Ống thải số 12:	X=	1268713.70	Y=	538895.87	56.817 m ³ /giờ
13				Ống thải số 13:	X=	1268726.20	Y=	538896.18	56.817 m ³ /giờ
14				Ống thải số 14:	X=	1268728.64	Y=	538896.18	56.817 m ³ /giờ
15	Nguồn số 08	Dòng thải số 15 và 16	Tương ứng ống thải số 15 và 16 của HTXL thu gom, xử lý bụi số 15, 16 - Cụm 8 tại Xưởng 2 (nguồn số 08)	Ống thải số 15:	X=	1268741.14	Y=	538896.60	56.817 m ³ /giờ
16				Ống thải số 16:	X=	1268743.46	Y=	538896.71	56.817 m ³ /giờ
17	Nguồn số 09	Dòng thải số 17; 18 và 19	Tương ứng ống thải số 17; 18 và 19 của HTXL thu gom, xử lý bụi số 17, 18 và 19 - Cụm 9 tại Xưởng 2 (nguồn số 09)	Ống thải số 17:	X=	1268764.81	Y=	538897.12	50.533 m ³ /giờ
18				Ống thải số 18:	X=	1268767.24	Y=	538897.11	50.533 m ³ /giờ
19				Ống thải số 19:	X=	1268774.87	Y=	538897.32	70.533 m ³ /giờ
20	Nguồn số 10	Dòng thải số 20; 21 và 22	Tương ứng ống thải số 20; 21 và 22 của HTXL thu gom, xử lý bụi số 20 - Cụm 10 tại Xưởng 2 (nguồn số 10)	Ống thải số 20:	X=	1268795.83	Y=	538936.03	48.333 m ³ /giờ
21				Ống thải số 21:	X=	1268794.06	Y=	538936.03	48.333 m ³ /giờ
22				Ống thải số 22:	X=	1268794.73	Y=	538947.27	48.334 m ³ /giờ
23	Nguồn số 11	Dòng thải số 23 và 24	Tương ứng ống thải số 23 và 24 của HTXL thu gom, xử lý bụi số 23, 24 - Cụm 11 tại Xưởng 3 (nguồn số 11)	Ống thải số 23:	X=	1268791.26	Y=	539084.96	56.817m ³ / giờ
24				Ống thải số 24:	X=	1268791.37	Y=	539087.14	56.817m ³ / giờ
25	Nguồn số 12	Dòng thải số 25 và 26	Tương ứng ống thải số 25 và 26 của HTXL thu gom, xử lý bụi số 25, 26 - Cụm 12 tại Xưởng 3 (nguồn số 12)	Ống thải số 25:	X=	1268762.09	Y=	539111.83	56.817 m ³ / giờ
26				Ống thải số 26:	X=	1268759.88	Y=	539111.83	56.817m ³ / giờ
27	Nguồn số 13	Dòng thải số 27, 28, 29	Tương ứng ống thải số 27, 28, 29 của HTXL khí thải chuyên phun sơn UV, buồng phun sơn – Cụm 13 Xưởng 3 (nguồn số 13)	Ống thải số 27:	X=	1268739.27	Y=	539082.40	10.000 m ³ / giờ
				Ống thải số 28:	X=	1268738.24	Y=	539081.41	10.000 m ³ / giờ
				Ống thải số 29:	X=	1268737.25	Y=	539080.42	10.000 m ³ / giờ

28	Nguồn số 14	Dòng thải số 30, 31, 32	Tương ứng ống thải số 30, 31, 32 của HTXL buồng phun sơn AC1, AC2, AC3 – Cụm 13 Xưởng 3 (nguồn số 14)	Ống thải số 30:	X=	1268739.45	Y=	539050.43	10.000 m ³ / giờ
				Ống thải số 31:	X=	1268755.38	Y=	539051.29	10.000 m ³ giờ
				Ống thải số 32:	X=	1268762.01	Y=	539046.92	10.000 m ³ / giờ
29	Nguồn số 15	Dòng thải số 33 đến 58	Tương ứng ống thải số 33 đến 58 của HTXL buồng phun sơn màng nước số 1 đến 12 – Cụm 15 Xưởng 3 (nguồn số 15)	Ống thải số 33:	X=	1268787.44	Y=	539041.54	10.000 m ³ / giờ
30				Ống thải số 34:	X=	1268786,01	Y=	539044,70	10.000 m ³ / giờ
31				Ống thải số 35:	X=	1268785,90	Y=	539046,23	10.000 m ³ / giờ
32				Ống thải số 36:	X=	1268785,90	Y=	539047,97	10.000 m ³ / giờ
33				Ống thải số 37:	X=	1268787.34	Y=	539051.68	10.000 m ³ / giờ
34				Ống thải số 38:	X=	1268787.34	Y=	539053.54	10.000 m ³ / giờ
35				Ống thải số 39:	X=	1268787.24	Y=	539055.61	10.000 m ³ / giờ
36				Ống thải số 40:	X=	1268787.24	Y=	539058.01	10.000 m ³ / giờ
37				Ống thải số 41:	X=	1268785.58	Y=	539061.51	10.000 m ³ / giờ
38				Ống thải số 42:	X=	1268785.48	Y=	539063.58	10.000 m ³ / giờ
39				Ống thải số 43:	X=	1268786.92	Y=	539067.07	10.000 m ³ / giờ
40				Ống thải số 44:	X=	1268786.92	Y=	539069.03	10.000 m ³ / giờ
41				Ống thải số 45:	X=	1268784.94	Y=	539080.49	10.000 m ³ / giờ
42				Ống thải số 46:	X=	1268784.73	Y=	539082.56	10.000 m ³ / giờ
43				Ống thải số 47:	X=	1268786.17	Y=	539085.83	10.000 m ³ / giờ
44				Ống thải số 48:	X=	1268786.28	Y=	539088.02	10.000 m ³ / giờ
45				Ống thải số 49:	X=	1268774.39	Y=	539041.12	10.000 m ³ / giờ
46				Ống thải số 50:	X=	1268775.83	Y=	539044.72	10.000 m ³ / giờ
47				Ống thải số 51:	X=	1268775.83	Y=	539047.23	10.000 m ³ / giờ

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

48				Ống thải số 52:	X=	1268774.18	Y=	539050.94	10.000 m ³ / giờ
49				Ống thải số 53:	X=	1268774.18	Y=	539052.90	10.000 m ³ / giờ
50				Ống thải số 54:	X=	1268774.07	Y=	539055.08	10.000 m ³ / giờ
51				Ống thải số 55:	X=	1268774.08	Y=	539057.59	10.000 m ³ / giờ
52				Ống thải số 56:	X=	1268775.52	Y=	539061.41	10.000 m ³ / giờ
53				Ống thải số 57:	X=	1268775.52	Y=	539063.59	10.000 m ³ / giờ
54				Ống thải số 58:	X=	1268773.87	Y=	539066.54	10.000 m ³ / giờ
55	Nguồn số 16	Dòng thải số 59, 60	Tương ứng ống thải số 59,60 của HTXL khu vực sửa màu – Cụm 16 Xưởng 3 (nguồn số 16)	Ống thải số 59:	X=	1268771.27	Y=	539063.23	10.000 m ³ /giờ
				Ống thải số 60:	X=	1268772.28	Y=	539062.22	10.000 m ³ /giờ

4.2.3. Phương thức xả thải: liên tục (24 giờ).

4.2.5. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải

Chất lượng khí thải trước khi xả thải vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp theo QCVN 19:2024/BTNMT cột B, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép QCVN 19:2024/BTNMT, cột B	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động liên tục
I	Dòng khí thải số 1 đến 26				
1	Lưu lượng	m ³ /giờ	-	06 tháng/lần	Không thuộc đối tượng
2	Bụi	mg/Nm ³	≤80		
II	Dòng khí thải số 27 đến 59				
1	Lưu lượng	m ³ /giờ	-	06 tháng/lần	
	Bụi	mg/Nm ³	≤40		
2	Xylen	mg/Nm ³	≤80	01 năm/lần	
3	N-Butyl acetate	mg/Nm ³	≤80		

4.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung (nếu có):

4.3.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Từ khu vực gia công gỗ xưởng 1
- Nguồn số 02: Từ khu vực gia công chi tiết xưởng 2
- Nguồn số 03: Từ khu vực sơn UV
- Nguồn số 04: Từ khu vực sơn AC
- Nguồn số 05: Từ khu vực buồng phun sơn màng nước
- Nguồn số 06: Từ khu vực lắp ráp
- Nguồn số 07: Từ khu vực đóng gói
- Nguồn số 08: Từ khu vực hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt

4.3.2. Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung (QCVN

26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BNNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung), cụ thể như sau:

Tiếng ồn: Phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn theo QCVN 26:2025/BNNMT, cụ thể như sau:

STT	Khoảng thời gian			Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 18 giờ (dBA)	Từ 18 giờ đến 22 giờ (dBA)	Từ 22 giờ đến 6 giờ (dBA)		
1	70	65	60	-	Khu vực E

Độ rung: Phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung theo QCVN 27:2025/BNNMT, cụ thể như sau:

STT	Khoảng thời gian		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 22 giờ (dB)	Từ 22 giờ đến 6 giờ (dB)		
1	75	70	-	Khu vực D

4.4. Quản lý chất thải rắn

4.4.1. Chứng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

a. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Ký hiệu	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	NH	Rắn	25,71
2	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải khác	17 02 04	NH	Lỏng	180
3	Pin, ắc quy thải	19 06 01	NH	Rắn	20,57
4	Than hoạt tính bão hòa sau khi hấp phụ hơi hữu cơ	12 01 04	NH	Rắn	2.343,43
Tổng khối lượng dự kiến (kg/năm)					2.569,71

b. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh dự kiến

Stt	Loại chất thải	Mã chất thải	Ký hiệu	Khối lượng (kg/năm)
				Tối đa
1	Giấy và bao bì giấy các tông thải bỏ	18 01 05	TT-R	6.783

Stt	Loại chất thải	Mã chất thải	Ký hiệu	Khối lượng (kg/năm)
				Tối đa
2	Bao bì nhựa (đã chứa chất khi thải ra không phải là CTNH) thải: Màng PE, dây đai nhựa, nút xốp vụn...	18 01 06	TT-R	1.804
3	Mùn cưa, phoi bào, đầu mẫu, gỗ thừa, ván, bụi gỗ và gỗ dán vụn thải khác với các loại trên	09 01 03	TT-R	2.048.290
4	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải khác với loại trên: Túi vải	18 02 02	TT	66
5	Bùn từ bể tự hoại; Bùn thải từ hệ thống XLNT sinh hoạt công suất 70 m ³ /ngày.đêm	12 06 13	TT	2.857
6	Hộp chứa mực in (loại không có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực như mực in văn phòng, sách báo) thải	08 02 08	TT	11
Tổng cộng				2.059.811

c. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh dự kiến

Stt	Tên chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Chất thải thực phẩm	93,6
2	Chất thải rắn có khả năng tái chế, tái sử dụng	18,72
3	Chất thải rắn còn lại	12,48
Tổng khối lượng dự kiến (tấn/năm)		124,8

d. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát phát sinh dự kiến

Stt	Tên chất thải	Mã chất thải	Ký hiệu	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)
1	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại, Bông dạng sợi thải dính thành phần nguy hại từ HTXL khí thải	18 02 01	KS	Rắn	1.386,86
2	Cặn sơn, sơn và véc ni (loại có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác trong nguyên liệu sản xuất) thải	08 01 01	KS	Rắn/lỏng	46.722

3	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 01	KS	Rắn	1.656
4	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH, hoặc chứa áp suất chưa bảo đảm rỗng hoặc có lớp lót rắn nguy hại như amiang) thải	18 01 02	KS	Rắn	13.795
5	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 03	KS	Rắn	315,45
6	Cặn lắng thải	12 06 05	KS	Bùn	7.974
Tổng khối lượng dự kiến (kg/năm)					71.849,31

Ghi chú: Chủ cơ sở có trách nhiệm thực hiện phân định, phân loại chất thải phải kiểm soát theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Thông tư số 09/2026/TT-BTNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường).

4.4.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

4.4.2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

- Thiết bị lưu chứa: thùng, phuy, can có nắp đậy.
- Diện tích kho lưu chứa trong nhà: gồm 01 kho diện tích 48 m².
- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa trong nhà: Kho lưu giữ chất thải nguy hại (CTNH) có tường bao và mái che, nền được gia cố bằng bê tông để chống thấm. Kho có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn, có phân loại từng mã CTNH, có trang bị đầy đủ dụng cụ chứa CTNH được dán nhãn mã chất thải nguy hại, các thùng chứa chất lỏng như thùng phuy chứa dầu thải được đặt vào các khay kín chống rò rỉ hoặc dầu chảy tràn ra ngoài, các chất thải dạng rắn được sắp xếp thành các khu riêng biệt, có thùng phuy chứa cát khô và giẻ khô, thiết bị bình phòng cháy chữa cháy, đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý theo quy định.

4.4.2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Diện tích kho lưu chứa trong nhà: tổng diện tích 88 m².
- + Nhà chứa CTR thông thường diện tích 60 m².
- + Nhà chứa CTR phế liệu diện tích 28 m².

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa trong nhà: mái che bằng tôn, tường bao xung quanh, nền bê tông. Kho có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn.

4.4.2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- Thiết bị lưu chứa: Chất thải rắn sinh hoạt tại công ty được tập kết vào 04 thùng chứa bằng nhựa (02 thùng có dung tích 660 lít, 02 thùng 120 lít) và và định kỳ hằng ngày được giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

Diện tích: 4 m²

CHƯƠNG V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

5.1. Thông tin chung về tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường

a. Kiểm soát và quản lý nước thải

* Nước mưa

- Hệ thống thoát nước mưa của nhà máy đã được tách riêng hoàn toàn với hệ thống thoát nước thải.

- Hiện tại lượng nước mưa chảy tràn trên bề mặt đường giao thông nội bộ, sân, ... Sau đó, toàn bộ lượng nước mưa được thu gom về hố ga có song chắn rác và cống thoát nội bộ bằng BTCT, D400, D500, D800 độ dốc i: 0,3%. Các hố ga sẽ được định kỳ nạo vét, tránh tắc nghẽn để khai thông dòng chảy.

- Nước mưa từ mái tôn công trình sẽ được thu gom vào các ống đứng bằng nhựa sau đó sẽ được xả ra hệ thống cống thoát nước mưa của nhà máy rồi chảy ra hệ thống thoát nước mưa chung của KCN tại 01 vị trí trên đường Đ4.

- Ngoài ra, Công ty có bố trí công nhân quét dọn, thu gom vệ sinh hàng ngày để hạn chế các chất bẩn có trên mặt bằng Công ty nhằm giảm thiểu ô nhiễm nguồn nước cũng như tạo môi trường sạch sẽ trong Công ty. Đối với lượng chất rắn lắng tại các hố ga như: đất cát, rác... được định kỳ nạo vét, thu gom, xử lý theo quy định để tránh tắc nghẽn cống thoát nước mưa.

* Nước thải

- Nước thải từ các nhà vệ sinh sử dụng ống nhựa uPVC đưa về bể tự hoại. Nước sau bể tự hoại sau đó cùng với nước thải từ hoạt động rửa tay chân của công nhân viên và nước nấu ăn cho chuyên viên sau đó đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Minh Hưng III để tiếp tục xử lý tại 01 vị trí trên đường số Đ4.

Nước từ buồng phun sơn màng nước được tuần hoàn tái sử dụng và được châm thêm lượng hao hụt do quá trình bốc hơi với lưu lượng 0,96 m³/ngày.đêm.

Nước từ buồng phun sơn màng nước được thu gom theo mương dẫn (DxRxH= 5x0,5x0,5m) dẫn về bể lắng tập trung (DxRxH= 10x2,1x3m). Bể lắng tập trung được chia thành 04 ngăn. Tại các ngăn của bể, quá trình lắng diễn ra nhằm lắng cặn ra. Cặn sơn lẫn trong nước sẽ được tách thành hai phần riêng biệt: phần bùn lắng phía dưới đáy và phần nước phía trên. Phần nước sau khi lắng được bơm tuần hoàn tái sử dụng cho hệ thống xử lý bụi sơn màng nước.

Định kỳ 3 tháng thuê đơn vị có chức năng đến hút phần cặn lắng được chuyển giao như đối với chất thải nguy hại và sau thời gian lắng nhất định

b. Kiểm soát và quản lý khí thải

- Thiết kế, xây dựng văn phòng, nhà xưởng cao, thoáng mát.
- Đối với các khu vực phát sinh bụi, khí thải từ quá trình sản xuất được thu gom dẫn về các hệ thống xử lý khí thải.
- Lắp đặt hệ thống máy lạnh trong văn phòng, nhà xưởng.
- Thường xuyên vệ sinh sạch sẽ khu vực sản xuất.
- Trang bị khẩu trang và bảo hộ lao động cho nhân viên, đồng thời có kế hoạch kiểm tra việc mang bảo hộ lao động của công nhân khi làm việc, tránh trường hợp có bảo hộ lao động mà không sử dụng.
- Kho bãi, xưởng sản xuất được làm nền bê tông và thường xuyên được vệ sinh, tránh phát sinh bụi trong quá trình hoạt động sản xuất và phát tán bụi ra ngoài môi trường.
- Thường xuyên bảo dưỡng, bảo trì máy móc thiết bị phục vụ sản xuất nhằm giảm thiểu phát sinh mùi, bụi trong quá trình hoạt động.
- Công ty trồng cây xanh có tán, thảm cỏ nhằm tạo khoảng cách ly, chắn bụi, giảm thiểu tiếng ồn từ các hoạt động sản xuất, giao thông vận chuyển và tạo cảnh quan cho nhà máy. Tổng diện tích cây xanh, thảm cỏ theo thiết kế > 20% diện tích tổng thể, giúp điều hòa không khí và cải thiện vi khí hậu khu vực xung quanh.

c. Kiểm soát và quản lý chất thải rắn

Toàn bộ chất thải rắn phát sinh từ nhà máy được thu gom, phân loại triệt để tại nguồn và chuyển giao cho các đơn vị chức năng xử lý.

- Diện tích kho lưu chứa CTNH: diện tích 48 m².
- Diện tích kho lưu chứa chất thải công nghiệp thông thường: tổng diện tích 88 m².
- Đối với chất thải rắn sinh hoạt chứa trong thùng nhựa có nắp đậy, dung tích 20 lít và 120 lít đặt tại các khu vực nhà ăn, nhà vệ sinh, văn phòng làm việc và khu vực đường nội bộ xung quanh nhà máy.
- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý

5.2. Kết quả thu gom, xử lý chất thải

Công ty không thực hiện dịch vụ xử lý chất thải.

5.3. Kết quả nhập khẩu và sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất

Công ty không sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất

5.7. Kết quả kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường đối với cơ sở

Công ty đã thực hiện đóng phí theo quyết định xử phạt số 623/QĐ-XPHC ngày 23/06/2026 về hành vi chưa có giấy phép môi trường theo quy định tại điểm b khoản 2 điều 42 Luật bảo vệ môi trường năm 2020

Hình thức xử phạt hành chính: Phạt tiền với số tiền 320.000.000 đồng (Ba trăm hai mươi triệu đồng)

Khắc phục: Công ty đã tiến hành đóng phạt đính kèm biên lai đóng phạt tại phụ lục của báo cáo

Cơ sở cam kết luôn tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường, kiểm soát, xử lý các nguồn thải phát sinh theo đúng quy định hiện hành

CHƯƠNG VI. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

6.1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

Tại khoản 1 điều 11 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ bổ sung điểm 1 khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022. Đối với hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 70 m³/ngày.đêm, sau xử lý đầu nối với HTXLNT tập trung của KCN Minh Hưng III không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải.

Danh mục chi tiết kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải đã hoàn thành của cơ sở cụ thể như bảng sau:

Bảng 6. 1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải

Stt	Hạng mục	Số lượng ống thải	Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm	
			Bắt đầu	Kết thúc
1	26 Hệ thống thu gom, xử lý bụi từ số 1 đến số 26	26	6 tháng kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm	
2	3 Hệ thống xử lý khí thải chuyên phun sơn UV, buồng phun sơn	3		
3	3 Hệ thống xử lý khí thải buồng phun sơn AC	3		
	26 Hệ thống xử lý khí thải phun sơn màng nước	26		
5	2 Hệ thống xử lý khí thải khu vực sửa màu	2		

6.1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải

6.1.2.1. Hình thức lấy mẫu

Một mẫu tổ hợp được lấy theo phương pháp lấy mẫu liên tục (phương pháp đẳng động lực, đẳng tốc và phương pháp khác theo quy định về kỹ thuật quan trắc môi trường) để đo đạc, phân tích các thông số theo quy định.

6.1.2.2. Kế hoạch lấy mẫu

Vị trí lấy mẫu đối với các công trình xử lý chất thải được trình bày ở bảng bên dưới.

Bảng 6.2. Vị trí lấy mẫu

Stt	Hệ thống	Số vị trí cần lấy mẫu
1	26 Hệ thống thu gom, xử lý bụi từ số 1 đến số 26	26
2	3 Hệ thống xử lý khí thải chuyên phun sơn UV	3
3	3 Hệ thống xử lý khí thải buồng phun sơn AC	3
4	26 Hệ thống xử lý khí thải phun sơn màng nước	26
5	2 Hệ thống xử lý khí thải khu vực sửa màu	2
	Tổng	60

- Kế hoạch đo đạc, lấy và phân tích mẫu chất thải để đánh giá hiệu quả xử lý của công trình, thiết bị xử lý chất thải:

Bảng 6.3. Kế hoạch đo đạc, lấy và phân tích mẫu chất thải

Hạng mục	Vị trí thu mẫu	Thông số giám sát	Thời gian đo đạc	Tần suất lấy mẫu	Tiêu chuẩn so sánh
Trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý					
Khí thải	26 Hệ thống thu gom, xử lý bụi từ số 1 đến số 26	Lưu lượng, bụi	1 ngày/1 lần	3 ngày liên tiếp	QCVN 19:2024/BTN MT, cột B
	3 Hệ thống xử lý khí thải chuyên phun sơn UV, buồng phun sơn	Lưu lượng, bụi, xylen, N-Butyl acetate			
	3 Hệ thống xử lý khí thải buồng phun sơn AC				
	26 Hệ thống xử lý khí thải phun sơn màng nước				
	2 Hệ thống xử lý khí thải khu vực sửa màu				

- Công ty sẽ phối hợp với các tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

6.2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật

6.2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

* Quan trắc nước thải

Căn cứ theo quy định tại khoản 2, Điều 97 của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày

10/01/2022, nước thải của cơ sở đầu nổi về thống xử lý nước thải tập trung của KCN Minh Hưng III do đó của cơ sở không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải.

*** Quan trắc bụi, khí thải công nghiệp**

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép QCVN 19:2024/BTNMT, cột B	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động liên tục
I	Dòng khí thải số 1 đến 26				
1	Lưu lượng	m ³ /giờ	-	06 tháng/lần	Không thuộc đối tượng
2	Bụi	mg/Nm ³	≤80		
II	Dòng khí thải số 27 đến 60				
1	Lưu lượng	m ³ /giờ	-	06 tháng/lần	
2	Bụi	mg/Nm ³	≤40		
3	Xylen	mg/Nm ³	≤80	01 năm/lần	
4	N-Butyl acetate	mg/Nm ³	≤80		

6.2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải

Căn cứ theo quy định tại Điều 97, Điều 98 và phụ lục XXVIII, phụ lục XXIX của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải, khí thải tự động do đó dự án không đề xuất chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải.

6.2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở

❖ Quan trắc môi trường lao động

Thực hiện theo quy định của Bộ Luật lao động và các quy định liên quan.

❖ Quan trắc chất thải rắn

- Kiểm tra giám sát việc thu gom, lưu giữ và hợp đồng với đơn vị có chức năng để xử lý chất thải rắn của cơ sở.

- Thông số quan trắc: khối lượng, chủng loại và hóa đơn, chứng từ giao nhận chất thải.

- Vị trí quan trắc: 01 điểm tại khu vực lưu giữ chất thải rắn của nhà máy.

- Tần suất quan trắc: thường xuyên và liên tục từ khi phát sinh.

- Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 07:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng chất thải nguy hại.

- Văn bản pháp luật thực hiện: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025

của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi bổ sung Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

6.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm

Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm của cơ sở được thể hiện tại bảng 6.4.

Bảng 6.4. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm

Vị trí quan trắc	Thông số quan trắc	Tần suất	Chi phí
Chi phí lấy mẫu	Lưu lượng, bụi, Xylen, N-Butyl acetate	02 lần/năm	100.000.000
Chi phí cho xử lý chất thải	Chất thải rắn sinh hoạt, chất thải công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại	Thường xuyên, liên tục	200.000.000
Chi phí lập báo cáo	-	-	5.000.000
Tổng	-	-	305.000.000

**CHƯƠNG VII. NỘI DUNG THUYẾT MINH DỰ ÁN ĐẦU TƯ ĐÁP ỨNG
TIÊU CHÍ MÔI TRƯỜNG ĐỂ ĐƯỢC XÁC NHẬN DỰ ÁN ĐẦU TƯ
THUỘC DANH MỤC PHÂN LOẠI XANH**

Loại hình sản xuất của cơ sở không thuộc danh mục phân loại xanh.

CHƯƠNG VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

- Chủ cơ sở cam kết tuân thủ đúng các Luật Bảo vệ Môi trường và các quy định của Nhà Nước Việt Nam liên quan đến vấn đề an toàn vệ sinh môi trường;

- Chủ cơ sở sẽ phối hợp với các cơ quan chức năng trong quá trình hoạt động để kịp thời kiểm soát mức độ ô nhiễm nhằm đạt Quy chuẩn môi trường theo quy định và phòng chống sự cố môi trường;

- Chủ cơ sở cam kết thực hiện các biện pháp khống chế ô nhiễm và hạn chế các tác động có hại đã được đưa ra và kiến nghị trong báo cáo xin cấp giấy phép môi trường của nhà máy.

- Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh của nhà máy đảm bảo đạt tiêu chuẩn nước thải đầu vào trạm XLNT tập trung của Minh Hưng III; Tuyệt đối không xả nước thải không đạt quy chuẩn ra môi trường tiếp nhận; công khai, minh bạch các đường ống thu gom, thoát nước thải và đấu nối đúng vị trí.

- Thực hiện các biện pháp khống chế tiếng ồn, độ rung sinh ra trong suốt quá trình hoạt động của cơ sở;

- Tất cả các nguồn phát sinh khí thải trong quá trình hoạt động của Nhà máy sẽ được thu gom, xử lý đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường theo quy định hiện hành (QCVN 19:2024/BTNMT, cột B) trước khi xả thải ra môi trường.

- Cam kết thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, được sửa đổi bổ sung theo Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2025 của Chính phủ.

- Chủ cơ sở sẽ tăng cường công tác đào tạo cán bộ về môi trường nhằm nâng cao năng lực quản lý môi trường trong nhà máy, bảo đảm không phát sinh các vấn đề gây ô nhiễm môi trường;

- Cam kết công khai giấy phép môi trường theo quy định của pháp luật.

**PHỤ LỤC 1. BẢN SAO CÁC VĂN BẢN PHÁP LÝ LIÊN QUAN
ĐẾN DỰ ÁN**

**PHỤ LỤC 1. BẢN SAO CÁC VĂN BẢN PHÁP LÝ LIÊN QUAN ĐẾN
DỰ ÁN**

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN**

Mã số doanh nghiệp: 3801275876

Đăng ký lần đầu: ngày 21 tháng 07 năm 2022

Đăng ký thay đổi lần thứ: 3, ngày 19 tháng 05 năm 2026

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TỦ BẾP BLOOM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BLOOM CABINETRY COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: BLOOM CABINETRY CO., LTD

2. Địa chỉ trụ sở chính

Lô H3, Đường Đ4, Khu Công Nghiệp Minh Hưng III, Phường Minh Hưng, Thành phố Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại: 0819808798

Số Fax:

Thư điện tử: touzi@bloomcabinetry.com

Website:

3. Vốn điều lệ : 116.900.000.000 đồng.

Bằng chữ: Một trăm mười sáu tỷ chín trăm triệu đồng

Tương đương 5.000.000 USD (Năm triệu Đô la Mỹ)

4. Danh sách thành viên góp vốn

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Phần vốn góp (VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với thành viên là cá nhân; Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Quyết định thành lập/giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương đối với tổ chức	Ghi chú
1	ELITE MOUNT INT'L CO., LTD	Seychelles	No.4, Franky Building Providence Industrial Estate, Mahe, Seychelles	109.886.000.000	94,000	217170	

2	FANG, JIANQIANG	Trung Quốc	Lô H3, Đường Đ4, Khu Công Nghiệp Minh Hưng III, Phường Minh Hưng, Thành phố Đồng Nai, Việt Nam	7.014.000.000	6,000	EQ613314 2	
---	-----------------	------------	--	---------------	-------	---------------	--

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ, chữ đệm và tên: FANG, JIANQIANG

Giới tính: *Nam*

Ngày, tháng, năm sinh: 27/04/1977

Quốc tịch: Trung Quốc

Hộ chiếu nước ngoài: EQ6133142

Ngày cấp: 28/11/2025

Nơi cấp: Tổng lãnh sự quán Trung Quốc tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Chức danh: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Địa chỉ liên lạc: *Lô H3, Đường Đ4, Khu Công Nghiệp Minh Hưng III, Phường Minh Hưng, Thành phố Đồng Nai, Việt Nam*

**KT.TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Mã số dự án: 8775073713.

Chứng nhận lần đầu: Ngày 19 tháng 7 năm 2022.

Chứng nhận điều chỉnh lần thứ nhất: Ngày 03 tháng 02 năm 2023.

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 ngày 06 tháng 04 năm 2016;

Căn cứ Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/05/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Quyết định số 2070/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 09/2019/QĐ-UBND ngày 18 tháng 01 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3801275876 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp lần đầu ngày 21/07/2022, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 19/12/2022;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 8775073713 do Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước cấp lần đầu ngày 19 tháng 7 năm 2022;

Căn cứ văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và hồ sơ kèm theo do Công ty TNHH Tủ Bếp Bloom nộp ngày 01/02/2023.

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH BÌNH PHƯỚC

Chứng nhận:

Dự án đầu tư NHÀ MÁY CÔNG TY TNHH TỦ BẾP BLOOM; mã số dự án 8775073713 do Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước cấp lần đầu ngày 19/7/2022; được đăng ký điều chỉnh lần thứ nhất: Điều chỉnh cập nhật thông tin địa điểm thực hiện dự án; tiến độ góp vốn và huy động các nguồn vốn.

Nhà đầu tư:

1. ELITE MOUNT INT'L CO.,LTD; Giấy phép thành lập số 217170 do Cơ quan Đăng ký và Quản lý các doanh nghiệp quốc tế tại Cộng hòa Seychelles cấp ngày 06 tháng 12 năm 2019; địa chỉ trụ sở chính tại No.4, Franky Building, Providence Industrial Estate, Mahe, Seychelles.

Đại diện bởi: Ông Fang JianQiang; chức vụ: Tổng Giám đốc; sinh ngày 27 tháng 4 năm 1977; quốc tịch Trung Quốc; hộ chiếu số E86789057 cấp ngày 19 tháng 9 năm 2016 tại Cục Quản lý Xuất nhập cảnh Trung Quốc; địa chỉ thường trú: No.872, Xisi Road, Dongying District, Dongying City, Shandong Province, Trung Quốc; chỗ ở hiện tại: Lô 1B6, đường CN8 và CN13, Khu công nghiệp Tân Bình, xã Hưng Hòa, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương; số điện thoại: 0359877177; địa chỉ email: bluevalleywood@126.com.

2. Ông Fang JianQiang; sinh ngày 27 tháng 4 năm 1977; quốc tịch Trung Quốc; hộ chiếu số E86789057 cấp ngày 19 tháng 9 năm 2016 tại Cục Quản lý Xuất nhập cảnh Trung Quốc; địa chỉ thường trú: No.872, Xisi Road, Dongying District, Dongying City, Shandong Province, Trung Quốc; chỗ ở hiện tại: Lô 1B6, đường CN8 và CN13, khu công nghiệp Tân Bình, xã Hưng Hòa, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương; địa chỉ email: bluevalleywood@126.com; số điện thoại: 0359877177.

Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư: CÔNG TY TNHH TỬ BẾP BLOOM, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3801275876 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp lần đầu ngày 21/07/2022, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 19/12/2022.

Đăng ký thực hiện dự án đầu tư với nội dung sau:

Điều 1: Nội dung dự án đầu tư

1. Tên dự án đầu tư: NHÀ MÁY CÔNG TY TNHH TỬ BẾP BLOOM

2. Mục tiêu dự án:

STT	Mục tiêu hoạt động	Mã ngành theo VSIC (Mã ngành cấp 4)	Mã ngành CPC (*) (đối với ngành nghề có mã CPC, nếu có)
1	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện. Chi tiết: <i>Sản xuất tủ phòng tắm và linh phụ kiện tủ phòng tắm; sản xuất tủ bếp và linh phụ kiện tủ bếp.</i>	1629	
2	Hoạt động thương mại: Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn (không thành lập cơ sở bán buôn) các hàng không thuộc danh mục cấm, danh mục hạn chế theo quy định của pháp luật. (Mã HS: 4418, 4407, 4412, 4411, 7318, 8302, 3926, 3924)	4690	

3. Quy mô dự án:

- Hoạt động sản xuất: Sản xuất tủ phòng tắm: 380.000 bộ/năm; sản xuất linh phụ kiện tủ phòng tắm: 42.000 sản phẩm/năm; sản xuất tủ bếp 1.520.000 bộ/năm; sản xuất linh phụ kiện tủ bếp 170.000 sản phẩm/năm.

- Hoạt động thương mại: Doanh thu 2.000.000 đô la Mỹ/năm.

- Sản phẩm, dịch vụ cung cấp: Tủ phòng tắm và linh phụ kiện tủ phòng tắm; tủ bếp và linh phụ kiện tủ bếp; hoạt động thương mại.

4. Địa điểm thực hiện dự án: Lô H3, đường Đ4, khu công nghiệp Minh Hưng III, phường Minh Hưng, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước (thuê lại nhà xưởng của Công ty TNHH MTV Đại Đình Phát).

5. Diện tích mặt đất sử dụng: 31.321,2 m².

6. Tổng vốn đầu tư của dự án: 350.700.000.000 VNĐ (ba trăm năm mươi tỷ, bảy trăm triệu đồng) và tương đương 15.000.000 USD (mười lăm triệu đô la Mỹ) (tỷ giá USD/VNĐ = 23.380), trong đó:

- Vốn góp thực hiện dự án là: 116.900.000.000 (một trăm mười sáu tỷ, chín trăm triệu đồng) và tương đương 5.000.000 (năm triệu đô la Mỹ), chiếm 33,33% tổng vốn đầu tư. Giá trị, tỷ lệ, phương thức và tiến độ góp vốn như sau:

STT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn	Tiến độ góp vốn
		VNĐ	Tương đương USD			
01	ELITE MOUNT INT'L CO.,LTD	109.886.000.000	4.700.000	94	Tiền mặt	Trong vòng 12 tháng kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đầu tư
02	FANG JIANQIANG	7.014.000.000	300.000	6		
Tổng cộng		116.900.000.000	5.000.000	100		

- Vốn huy động: 233.800.000.000 VNĐ (hai trăm ba mươi ba tỷ, tám trăm triệu đồng) và tương đương 10.000.000 USD (mười triệu đô la Mỹ).

7. Thời hạn hoạt động của dự án: Đến ngày 30 tháng 7 năm 2029 (theo thời hạn của hợp đồng thuê nhà xưởng).

8. Tiến độ thực hiện dự án đầu tư:

a. Tiến độ góp vốn và huy động các nguồn vốn:

- Vốn góp: Góp đủ trong vòng 12 tháng kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

- Vốn huy động:

+ Quý I/2023: Huy động 46.760.000.000 VNĐ (bốn mươi sáu tỷ, bảy trăm sáu mươi triệu đồng) và tương đương 2.000.000 USD (hai triệu đô la Mỹ).

+ Quý II/2023: Huy động 46.760.000.000 VNĐ (bốn mươi sáu tỷ, bảy trăm sáu mươi triệu đồng) và tương đương 2.000.000 USD (hai triệu đô la Mỹ).

+ Quý III/2023: Huy động 46.760.000.000 VNĐ (bốn mươi sáu tỷ, bảy trăm sáu mươi triệu đồng) và tương đương 2.000.000 USD (hai triệu đô la Mỹ).

+ Quý IV/2023: Huy động 46.760.000.000 VNĐ (bốn mươi sáu tỷ, bảy trăm sáu mươi triệu đồng) và tương đương 2.000.000 USD (hai triệu đô la Mỹ).

+ Quý I/2024: Huy động 46.760.000.000 VNĐ (bốn mươi sáu tỷ, bảy trăm sáu mươi triệu đồng) và tương đương 2.000.000 USD (hai triệu đô la Mỹ).

b. Tiến độ thực hiện các mục tiêu hoạt động chủ yếu của dự án đầu tư:

- Tháng 11/2022: Hoàn thành các thủ tục pháp lý.
- Tháng 01/2023: Lắp đặt máy móc thiết bị.
- Tháng 02/2023: Đi vào hoạt động chính thức.

Điều 2: Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư

1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp:

Được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03/6/2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 32/2013/QH13 ngày 19/6/2013; Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và các quy định hiện hành.

2. Ưu đãi về thuế nhập khẩu:

Được hưởng ưu đãi thuế nhập khẩu theo quy định tại Luật Thuế xuất nhập khẩu số 107/2016/QH13 ngày 06 tháng 4 năm 2016; Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và các quy định hiện hành.

Điều 3: Các quy định đối với nhà đầu tư thực hiện dự án:

1. Nhà đầu tư, tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư phải làm thủ tục đăng ký cấp tài khoản sử dụng trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư theo quy định của pháp luật.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện dự án đầu tư, nhà đầu tư có trách nhiệm:

- Tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam về đầu tư, môi trường, xây dựng, đất đai, lao động, các nội dung quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và quy định của pháp luật có liên quan.

- Thực hiện mở tài khoản vốn đầu tư trực tiếp theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về quản lý ngoại hối để góp vốn thực hiện dự án đầu tư.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, trung thực, chính xác của nội dung hồ sơ nộp để thực hiện thủ tục hành chính tại Cơ quan đăng ký đầu tư.

- Thực hiện nghiêm chế độ báo cáo định kỳ hằng tháng, hằng quý, hằng năm bằng văn bản và thông qua Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư cho Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước và Cục thống kê tỉnh Bình Phước theo quy định của pháp luật.

3. Đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện, nhà đầu tư, tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư phải đáp ứng đủ điều kiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành và bảo đảm đáp ứng đủ điều kiện đó trong suốt quá trình hoạt động đầu tư kinh doanh.

Điều 4: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 8775073713 do Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước cấp lần đầu ngày 19/7/2022.

Điều 5: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này được lập thành 04 (bốn) bản gốc; mỗi nhà đầu tư được cấp 01 bản, 01 bản cấp cho tổ chức kinh tế thực hiện dự án và 01 bản lưu tại Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước và được đăng tải lên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Lưu VT.

TRƯỞNG BAN



Nguyễn Minh Chiến



Số: 623/QĐ-XPHC

Đồng Nai, ngày 23 tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Xử phạt vi phạm hành chính

GIÁM ĐỐC SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Điều 57, Điều 68, Điều 70, Điều 78, Điều 85 Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020 và năm 2025);

Căn cứ Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 68/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 3 năm 2025 và Nghị định số 190/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 189/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Xử lý vi phạm hành chính về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính;

Căn cứ Biên bản vi phạm hành chính số 60/BB-VPHC ngày 26 tháng 5 năm 2026 của Phòng Môi trường; Văn bản số 01/2026-CVGT ngày 29 tháng 5 năm 2026 của Công ty TNHH Tủ bếp Bloom;

Căn cứ Quyết định số 2000/QĐ-SoNNMT ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc giao quyền xử phạt vi phạm hành chính lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

1. Xử phạt vi phạm hành chính đối với tổ chức có tên sau đây:

Tên tổ chức: Công ty TNHH Tủ bếp Bloom.

Địa chỉ trụ sở chính: lô H3, đường Đ4, khu công nghiệp Minh Hưng III, phường Minh Hưng, thành phố Đồng Nai, Việt Nam.

Mã số doanh nghiệp: 3801275876.



Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn Hai thành viên trở lên, ngày cấp: đăng ký lần đầu ngày 21 tháng 7 năm 2022, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 19 tháng 5 năm 2026, nơi cấp: Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Tài chính thành phố Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật: Fang Jianqiang Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Tổng Giám đốc.

2. Đã thực hiện hành vi vi phạm hành chính: không có giấy phép môi trường theo quy định đối với cơ sở thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường theo quy định thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND cấp tỉnh.

Cụ thể: Công ty TNHH Tủ bếp Bloom đang hoạt động sản xuất tại khu công nghiệp Minh Hưng III, phường Minh Hưng, thành phố Đồng Nai từ tháng 4 năm 2023 đến nay thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường (có phát sinh bụi, khí thải xả ra môi trường phải được xử lý với lưu lượng 1.774.087 m³/giờ) theo quy định tại điểm c khoản 1 mục VII phần A Phụ lục IX kèm theo Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân thành phố theo quy định tại khoản 3 Điều 41 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 11 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường nhưng đến nay không có giấy phép môi trường theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 42 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

3. Quy định tại: điểm c khoản 3 Điều 14 Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

4. Các tình tiết tăng nặng: không.

5. Các tình tiết giảm nhẹ: không.

6. Bị áp dụng hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả như sau:

a) Hình thức xử phạt chính: phạt tiền.

Mức phạt: **320.000.000 đồng (bằng chữ: Ba trăm hai mươi triệu đồng).**

b) Hình thức xử phạt bổ sung:

- Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải mà không có giấy phép môi trường của cơ sở trong thời hạn 4,5 tháng đối với hành vi vi phạm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 14 Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 7

năm 2022 của Chính phủ, cụ thể: đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải mà không có giấy phép môi trường của Công ty TNHH Tủ bếp Bloom tại khu công nghiệp Minh Hưng III, phường Minh Hưng, thành phố Đồng Nai trong thời hạn 4,5 tháng kể từ ngày nhận được Quyết định xử phạt này.

c) Biện pháp khắc phục hậu quả:

Không áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc di dời cơ sở đến địa điểm phù hợp với quy hoạch, phân vùng môi trường, khả năng chịu tải của môi trường được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với hành vi vi phạm theo quy định tại điểm d khoản 6 Điều 14 Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Chính phủ. Lý do: Công ty đang hoạt động sản xuất tại lô H3, đường Đ4, khu công nghiệp Minh Hưng III, phường Minh Hưng, thành phố Đồng Nai; ngành nghề đầu tư phù hợp với ngành nghề thu hút đầu tư vào khu công nghiệp Minh Hưng III; Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã cấp Giấy phép môi trường số 175/GPMT-BNNMT ngày 17 tháng 6 năm 2026 cho Công ty Cổ phần Khu công nghiệp cao su Bình Long được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của của Khu công nghiệp Minh Hưng III.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Quyết định này được:

1. Giao cho ông Fang Jianqiang là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Tủ bếp Bloom bị xử phạt có tên tại Điều 1 Quyết định này để chấp hành.

Công ty TNHH Tủ bếp Bloom có tên tại Điều 1 phải nghiêm chỉnh chấp hành quyết định xử phạt này. Nếu quá thời hạn mà Công ty TNHH Tủ bếp Bloom không tự nguyện chấp hành sẽ bị cưỡng chế thi hành theo quy định của pháp luật và cứ mỗi ngày chậm nộp tiền phạt thì tổ chức vi phạm phải nộp thêm 0,05% tính trên tổng số tiền phạt chưa nộp.

a) Công ty TNHH Tủ bếp Bloom bị xử phạt có tên tại Điều 1 phải nộp tiền phạt tại Kho bạc nhà nước khu vực XVII hoặc nộp tiền phạt vào ngân hàng thương mại nơi Kho bạc nhà nước khu vực XVII (Mã kho bạc 1761) mở tài khoản: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai theo thông tin nộp ngân sách nhà nước như sau:

Tài khoản: 7111.2.1135100 (của Sở Nông nghiệp và Môi trường), Mã cơ quan ra quyết định xử phạt: H19-151; Mã chương: 412; Mã nội dung kinh tế (mã tiểu mục): 4261; Địa bàn: thành phố Đồng Nai; Nội dung: nộp ngân sách tiền phạt theo Quyết định xử phạt số/QĐ-XPNC ngày.....của Sở Nông nghiệp và Môi trường, trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được Quyết định này.

Sau khi thực hiện, Công ty TNHH Tủ bếp Bloom có báo cáo kết quả thực hiện Quyết định và kèm chứng từ nộp tiền gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường để theo dõi và Sở Tài chính để quản lý.

b) Công ty TNHH Tủ bếp Bloom có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện hành chính đối với Quyết định này theo quy định của pháp luật.

2. Gửi cho Kho bạc Nhà nước khu vực XVII để thu tiền phạt.

3. Gửi cho Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế để chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan để tổ chức thi hành hình thức xử phạt bổ sung của Quyết định xử phạt hành chính đối với Công ty TNHH Tủ bếp Bloom theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 69 Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường và Công văn số 1040/UBND-KTN ngày 19 tháng 5 năm 2026 của UBND thành phố về việc tổ chức thực hiện tước quyền sử dụng giấy phép môi trường có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn.

4. Gửi cho Phòng Môi trường để chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức thi hành Quyết định xử phạt hành chính đối với Công ty TNHH Tủ bếp Bloom; theo dõi việc chấp hành của Công ty TNHH Tủ bếp Bloom. Trường hợp Công ty TNHH Tủ bếp Bloom không tự nguyện chấp hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính, Phòng Môi trường chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan lập thủ tục liên quan đến việc cưỡng chế thi hành Quyết định xử phạt hành chính đối với Công ty TNHH Tủ bếp Bloom theo đúng quy định pháp luật xử lý vi phạm hành chính hiện hành.

5. Gửi cho UBND phường Minh Hưng để biết và phối hợp thực hiện.

6. Gửi cho Sở Tài chính để biết và phối hợp thực hiện. / *seal*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Giám đốc Sở (để báo cáo);
- Phòng pháp chế (để phối hợp);
- Lưu: VT, MT, T.Hà+Xuân (3b)

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Trần Trọng Toàn

Quyết định đã giao trực tiếp cho là người đại diện của Công ty TNHH Tủ bếp Bloom bị xử phạt vào hồi giờ phút, ngày tháng năm 2026.

NGƯỜI NHẬN QUYẾT ĐỊNH
(Ký, ghi rõ họ và tên)



ỦY NHIỆM CHI (PAYMENT ORDER)

Ngày(Date) 03 tháng (month) 07 năm (year) 2026 ✓

PHẦN DÀNH CHO NGÂN HÀNG
(FOR BANK USE ONLY)

Cá nhân/Đơn vị chuyển tiền(Remitter):

CÔNG TY TNHH TÚ BẾP BLOOM

Tài khoản số (Account No): 0867518377

Tại chi nhánh/PGD (At Branch): Sacombank Chợ Thành

Cá nhân/Đơn vị thụ hưởng (Beneficiary):

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI ✓

Tài khoản số (Account No): 711121135100

Số CMND/HC (ID/PP No):

Ngày cấp(Date):

Nơi cấp (Place):

Điện thoại (Tel):

Tại Ngân hàng (Beneficiary bank):

KHO BẠC NHÀ NƯỚC KHU VỰC XVII

Tỉnh/TP (Province/city):

ĐỒNG NAI

Số tiền bằng số (Amount in figures):

320,000,000 VND ✓

Số tiền bằng chữ (Amount in words):

Ba trăm hai mươi triệu đồng./.

Nội dung/Instruction:

CTY BLOOM NOP NGAN SACH TIEN PHAT MA CO QUAN H19-151
MA CHUONG 412 MA TIEU MUC 4261 THEO QUYET DINH XU PHAT
SO 623/QD-XPNC NGAY 23/06/2026 CUA SO NONG NGHIEP VA
MOI TRUONG

PHÍ NGÂN HÀNG (Bank Charges)

☐ Phí người chuyển tiền chịu (Fee borne by account holder)☐ Phí người thụ hưởng chịu (Fee borne by beneficiary)

CÁ NHÂN/ĐƠN VỊ CHUYỂN TIỀN (REMITTER)		SACOMBANK GHI SỐ NGÀY (SETTLEMENT DATE)	
Kế toán Trưởng/Chief Accountant	Chủ tài khoản/Account holder	CV DVKH/Teller	Trưởng đơn vị/Approved by
 YEHI CHUN YEN		 Nguyễn Thị Chu Trúc	

Zhang Hui Na

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

/ 越南社會主義共和國

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

獨立-自由-幸福

~*~

---o0o---

HỢP ĐỒNG CHO THUÊ NHÀ XƯỞNG & NHÀ VÁN

PHÒNG + KÝ TÚC XÁ

廠房和辦公室+宿舍出租合約

/

Số hợp đồng: 001/2021/ĐDP-GBV

Ngày tháng năm

- Căn cứ Luật Đất đai năm 2013 đã được nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 29/11/2013

跟據越南社會主義共和國國會 2013 年 11 月 29 日第 11 界第 6 次會議通過 2013 年土地法.

- Căn cứ hợp đồng thuê lại đất số : 25/HDTD-KCN ký ngày 10 tháng 05 năm 2016 giữa công ty Cổ phần khu công nghiệp cao su Bình Long và công ty TNHH Một Thành Viên Đại Định Phát.

跟據 2016 年 05 月 10 日明興工業區股份大鼎發責任有限公司簽第: 25/HDTD-KCN 租地合約.

- Căn cứ theo giấy chứng nhận Đăng Ký Kinh Doanh số : 3801123425 của công ty TNHH Một Thành Viên Đại Định Phát do Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư Tỉnh Bình Phước cấp chứng nhận thay đổi lần đầu : ngày 28 tháng 04 năm 2016
跟據大鼎發責任有限公司簽第: 3801123425 號投營業執照由平福各工業區管理局. 初次登記於 2016 年 04 月 28 日

- Căn cứ hợp đồng cho thuê nhà xưởng& nhà văn phòng+ Ký Túc Xá số: 001/2021/ĐDP-GBV ký ngày 22 tháng 07 năm 2022 giữa công ty TNHH Một Thành Viên Đại Đình Phát Và Công Ty TNHH Tủ Bếp Bloom

- 跟據 2022 年 07 月 22 日大鼎发责任有限公司與 Công Ty TNHH Tủ Bếp Bloom 公司簽第:001/2021/ĐDP-GBV 廠 房和办公室+宿舍出租合約.

Hôm nay , ngày 22 tháng 07 năm 2022 , chúng tôi gồm có :

今天. 於 2022 年 07 月 22 日我們以下:

BÊN CHO THUÊ (Sau đây gọi là BÊN A):

Tên (公司名稱) : CÔNG TY TNHH MTV ĐẠI ĐÌNH PHÁT.

Tên viết tắt (公司簡稱) :

Trụ sở (公司地址) : Lô H3, Đường Đ4 , KCN Minh Hưng III, Phường Minh Hưng, Thị Xã Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước.

Số điện thoại (公司電話) : 0913.838.622 Số fax(公司傳真):

Giấy CNĐKKD(營業執照) : 3801123425

Tài khoản tiền đồng (越盾帳戶):1020.1000.2535.443 tại Ngân Hàng VIETINBANK Chi Nhánh Bình Dương.

Tài khoản tiền đồng (越盾帳戶): 6531.0000.750.289 Tại NH BIDV Thủ Dầu Một.

Người đại diện (代表人) : CHÍ ỪNG CẦU

Chức vụ (職務) : Giám Đốc

Quốc tịch (國籍) : Việt Nam

BÊN THUÊ NHÀ XƯỞNG (sau đây gọi là BÊN B)

廠房承租方 (簡稱 B 方)

Tên (公司名稱) : **CÔNG TY TNHH TỬ BẾP BLOOM**

Tên viết tắt (公司簡稱) :

Trụ sở (公司地址) : Lô H3, đường Đ4 , KCN Minh Hưng III, Xã Minh Hưng, Huyện Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước

Số điện thoại (公司電話) :

Số fax(公司傳真) :

Giấy CNĐKKD(營業執照): 3801275876

Tài khoản tiền đồng (越盾帳戶) :

Tài khoản ngoại tệ (外幣帳戶) :

Người đại diện (代表人) : FANG JIAN QIANG

Chức vụ (職務) : Tổng Giám Đốc

Quốc tịch (國籍) : TRUNG QUỐC

Cùng thỏa thuận ký Hợp Đồng cho thuê nhà xưởng & nhà văn phòng + ký túc xá này (sau đây gọi là “ **Hợp Đồng Cho Thuê Nhà Xưởng & Nhà Văn Phòng + Ký Túc Xá**”) với những điều khoản và điều kiện quy định như sau :

共同簽約此份廠房和辦公室+宿舍出租合約 (簡稱 “廠房和辦公室+宿舍出租合約”) 按以規定條款如條件:

ĐIỀU 1 : NỘI DUNG

第一條 : 內容

1.1 Bên B đồng ý thuê nhà xưởng & nhà văn phòng + ký túc xá xây sẵn từ Bên A và Bên A cũng đồng ý cho Bên B thuê Ba nhà xưởng, Một nhà văn phòng + ký túc xá đã được xây dựng với diện tích như sau :

B 方同意承租 **A** 方的三間廠房和辦公室+宿舍、**A** 方也同意給 **B** 方租大鼎發責任有限公司廠房和辦公室+宿舍面積如下:

1.1.1 Ba(03) nhà xưởng tổng diện tích là $10.070,4m \times 3 = 30.211,2m^2$ (Bằng chữ : Ba mươi nghìn, hai trăm mười một phẩy hai mét vuông.)

三間廠房面積 $10.070,4m^2 \times 3 = 30.211,2m^2$ (大寫:叁萬, 貳佰壹拾壹点貳平方米)。

1.1.2 Một nhà văn phòng + Ký túc xá tổng diện tích là $(30 \times 12) \times 3F = 1.080m^2$ (Bằng chữ : Một nghìn không trăm tám mươi mét vuông.)

一栋办公室+宿舍面積 $(30 \times 12) \times 3F = 1.080m^2$ (大寫: 壹仟, 零捌拾平方米)。

1.1.3 Tổng diện tích thuê Nhà Xưởng là : $30.211,2m^2$ (Bằng chữ: Ba mươi nghìn, hai trăm mười một phẩy hai mét vuông.) và Nhà Văn Phòng + Ký túc xá là: $1.080m^2$ (Bằng chữ : Một nghìn không trăm tám mươi mét vuông) được mô tả chi tiết theo như bản vẽ phụ đính -01 với Hợp Đồng cho thuê nhà xưởng & nhà văn phòng + Ký túc xá này . **Đây là diện tích để tính chi phí thuê .** Nhà xưởng & nhà văn phòng + Ký túc xá tọa lạc tại Lô H3, đường Đ4 , KCN Minh Hưng III, Phường Minh Hưng, Thị Xã Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước.

廠房總面積: $30.211,2m^2$ (大寫:叁萬貳佰壹拾壹点貳平方米), 办公室+宿舍總面積 $1.080m^2$ (大寫: 壹仟, 零捌拾平方米)。明細按照廠房和办公室+宿舍出租合約 01-號附件廠房和办公室+宿舍平面圖。此為換算租價面積。廠房和办公室+宿舍位置在平福省,真誠市, 明興坊, 明興 III 工業區, Đ4 路, H3 區。

1.1.4 Nhà xưởng & nhà văn phòng + Ký túc xá đã được xây sẵn bao gồm các hạng mục khác như :

已完善廠房和办公室+宿舍包含以下項目:

- Hệ thống cung cấp nước sạch và trạm hạ thế điện 4500KVA đảm bảo nguồn điện cho Bên B sản xuất ổn định .

- 生活用水系統. 4500KVA 變電站. 確保護 B 方進入穩定生產.
- Hệ thống phòng cháy chữa cháy theo tiêu chuẩn đã được cơ quan tỉnh Bình Phước cấp phép .

已經平福省有關單位認證標準消防系統

- Hệ thống thoát nước mưa và nước thải .

廢水. 雨水. 排放系統

- Hệ thống đường giao thông nội bộ và cây xanh theo như bản vẽ hiện trạng của phụ đính – 01 .

內部道路和綠化系統. 明細按照廠房和辦公室+宿舍出租原則合約 01-號付帶廠房和辦公室+宿舍平面圖.

- 1.2 Mục đích thuê xưởng của Bên B là “Để phục vụ cho việc sản xuất gỗ , và các mặt hàng khác có liên quan theo như đã được ghi nhận trong Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Đầu Tư do cơ quan có thẩm quyền Việt Nam phê duyệt cấp cho bên B, mang tính chất ngành công nghiệp ít ô nhiễm theo phân khu chức năng là đất dành cho công nghiệp ít ô nhiễm của bản quy hoạch chi tiết đã được phê duyệt cho Khu công nghiệp Minh Hưng III”.

B 方租廠房使用目的 “為服務生產木业各種其他有關的產品要按照已得到越南有關單位審權給 B 方頒發投資執照內容. 生產項目要付合明興 III 工業區規劃份區職能為輕污染區”.

- 1.3 Ngày 30 tháng 06 năm 2022 Bên A cần phải bàn giao tất cả các loại giấy tờ liên quan như giấy chứng nhận nghiệm thu nhà xưởng, giấy chứng nhận nghiệm thu phòng cháy chữa cháy, giấy phép môi trường, giấy phép hoàn công , giấy phép kinh doanh...v.v bàn giao lại cho bên B, đảm bảo đầy đủ tất cả các loại giấy tờ hợp pháp, để thuận tiện cho việc xin cấp giấy phép liên quan của công ty.

甲方于 2022 年 6 月 30 日须将房产验收证明、消防验收证明、环保证明、完工证明、营业执照等相关资料交付乙方，确保资料完整，顺利办理公司注册相关手续。

- 1.4 Thời hạn thuê nhà xưởng và văn phòng là 7 năm được tính từ ngày bàn giao Ngày 01 tháng 08 năm 2022 đến ngày 30 tháng 07 năm 2029. (Ngày 01 tháng 07 năm 2022 đến ngày 31 tháng 07 năm 2022 sẽ là thời gian thuê miễn phí)
计移交日起出租车间、办公楼期限为 7 年时间 (2022 年 7 月 1 日—2022 年 7 月 31 日为免租期) 2022 年 8 月 1 日—2029 年 7 月 30 日。

Trong thời gian thực hiện hợp đồng 7(bảy) năm, nếu Bên B tự ý chấm dứt hợp đồng trước thời hạn thì Bên B sẽ mất hoàn toàn số tiền đã cọc 06(Sáu) tháng cho Bên A.

在 07（七）年的合同期内，如乙方單方終止合約，乙方将损失全部 06（六）个月的押金给甲方。

- 1.5 Trong vòng 6 tháng trước khi chấm dứt thời hạn thuê, nếu Bên B muốn tiếp tục thuê, Bên B sẽ thông báo bằng văn bản cho Bên A về việc gia hạn thời hạn thuê, trên tinh thần bình đẳng thì bên thuê được hưởng quyền ưu tiên.

出租期间到期 6 个月之前，若乙方有需求继续租用，将以书面方式通知给甲方延期事宜，在同等条件下，乙方享有优先承租权。

ĐIỀU -2: GIÁ THUÊ

第二條：租價

- 2.1 Giá thuê nhà xưởng:** Tổng giá trị của khoản tiền thuê trả hàng tháng được tính với giá trị tương đương là **2,35 USD** (bằng chữ: Hai phẩy ba mươi năm Đôla Mỹ) cho mỗi tháng nhân cho tổng số mét vuông nhà xưởng đã thuê cụ thể như sau :

廠房租價: 廠房每平方米每月付款價值租金相當於 2,35 美元 (大寫: 貳點叁伍塊美元) X 廠房總面積 .具體如下:

$$2,35 \text{ USD/m} / \text{tháng(月)} \times 30.211,2\text{m}^2 = 70.996,3 \text{ USD/tháng(月)}$$

(Bằng chữ : Bảy mươi nghìn, chín trăm chín mươi sáu phẩy ba ĐôLa Mỹ)

(大寫: 柒萬玖佰玖拾陆元叁角美元)

2.2 Gía thuê nhà văn phòng + Ký túc xá: Tổng giá trị của khoản tiền thuê trả hàng tháng được tính với giá trị tương đương là 4,0 USD (Bằng chữ :Bốn Đôla Mỹ) cho mỗi tháng nhân cho tổng số mét vuông nhà văn phòng + Ký túc xá đã thuê cụ thể như sau:

辦公室+宿舍租價: 辦公室+宿舍每平方米每月付款價值租金相當於 4,0 美元 (大寫: 肆塊美元) X 和辦公室+宿舍總面積 .具體如下:

$$4,0 \text{ USD/m}^2 / \text{tháng(月)} \times 1.080\text{m}^2 = 4.320 \text{ USD/tháng(月)}$$

(Bằng chữ : Bốn nghìn, ba trăm hai mươi ĐôLa Mỹ)

(大寫: 肆仟, 叁佰貳拾美元)

* Thuê giá trị gia tăng 10% 增值稅

$$75.316,3 \text{ USD /tháng(月)} \times 10\% = 7.531,6 \text{ USD/tháng(月)}$$

(Bằng chữ : Bảy nghìn, năm trăm ba mươi một phẩy sáu ĐôLa Mỹ)

(大寫: 柒仟, 伍佰叁拾壹元陆角美元)

2.3 Tổng giá trị giá thuê nhà xưởng & nhà văn phòng + Ký túc xá

廠房總租價 + 辦公室+宿舍租價:

$$75.316,3 \text{ USD /tháng(月)} + 7.531,6 \text{ USD/tháng(月)} = 82.848 \text{ USD/tháng(月)}$$

(Bằng chữ: Tám mươi hai nghìn, tám trăm bốn mươi tám Đôla Mỹ)

(大寫: 捌萬貳仟捌佰肆拾捌美元)

2.4 Năm thứ 4 và năm thứ 7, giá thuê sẽ tăng 10% (Sau mỗi 3 năm giá thuê sẽ tăng thêm 10%).

第四年和第七年、租金增加 10%(每 3 年后, 租金将增加 10%)。

2.5 Phí xử lý nước thải là **0,55USD/m³** (**Không phải năm mươi năm Đôla Mỹ**) cho mỗi mét khối nước thải (đơn giá chưa bao gồm thuế VAT). trên tổng lượng nước thải được tính bằng **75% (Bảy mươi lăm phần trăm)** trên tổng lượng nước sạch cấp cho nhà xưởng & nhà văn phòng + Ký túc xá của Bên B. Bên B đảm bảo nước thải ra phải đạt tiêu chuẩn tối thiểu là loại B theo quy định của luật môi trường Việt Nam. Phí này Bên B sẽ chi trả cho bên chủ đầu tư cơ sở hạ tầng khu công nghiệp Minh Hưng III.

廢水處理費于 **0,55USD/m³** (零點伍伍塊美元) 給予排水之每壹立方米。排水總量將被算於為 **B** 方提供清潔水總量之 **75%** (百分之七十五)。**B** 方要保政排出的廢水要達到越南環保規定標準最少為 **B** 級此費用 **B** 方直接付款給明兴工業區

2.6 **Mỗi năm Phí quản lý Bên A sẽ tự chi trả cho bên chủ đầu tư cơ sở hạ tầng khu công nghiệp Minh Hưng III**

每年管理费 **A** 方直接付款給明兴工業區。

2.7 Tiền điện, nước cấp, viễn thông và xử lý rác thải (rác thải sinh hoạt, công nghiệp) định kỳ sẽ được Bên B tự thanh toán cho các đơn vị có liên quan trong việc cung cấp các dịch vụ này. Đây được xem là dịch vụ khác ngoài giá tiền thuê nhà xưởng & nhà văn phòng + Ký túc xá.

電費, 水費, 電訊工業廢物以及生活垃圾堆積費用, 將由 **B** 方各自為提供該服務有關單位付款, 其款被視為廠房和辦公室+宿舍租價以外的另一種服務。

ĐIỀU - 3: THANH TOÁN

第三條：付款

3.1 Bên B phải trả tiền thuê nhà xưởng & nhà văn phòng + Ký túc xá cho bên A như sau :

B 方要按以下付租廠房和辦公室+宿舍用給 A 方

3.1.1 Tiền đặt cọc : Bên B phải thanh toán tiền đặt cọc cho Bên A như sau :

定金:B 方要按以下付租廠房和辦公室+宿舍定金給 A 方

3.1.2 Trong vòng 08 (tám) ngày kể từ ngày ký hợp đồng chính thức này , Bên B phải thanh toán tiền đặt cọc cho Bên A 03 (Ba) tháng tiền thuê nhà xưởng & nhà văn phòng + Ký túc xá (Không bao gồm thuế giá trị gia tăng) với số tiền là **225.949 USD (Bằng chữ : Hai trăm hai mươi lăm nghìn, chín trăm bốn mươi chín Đôla mỹ).**

Bên A sẽ giao nhà xưởng & nhà văn phòng + Ký túc xá cho Bên B vào Tháng 6 Năm 2022 , Sau khi bàn giao Bên B phải thanh toán tiếp tiền đặt cọc cho Bên A 03 (Ba) tháng tiền thuê nhà xưởng & nhà văn phòng + Ký túc xá (Không bao gồm thuế giá trị gia tăng) với số tiền là **225.949 USD (Bằng chữ : (Hai trăm hai mươi lăm nghìn, chín trăm bốn mươi chín Đôla mỹ).** Tiền đặt cọc này sẽ được Bên A không lãi suất hoàn trả lại cho Bên B khi hết hạn Hợp đồng thuê nhà xưởng & nhà văn phòng + Ký túc xá này.

Trước khi giao xưởng bên B vi phạm hợp đồng bồi thường gấp đôi tiền cọc.

在簽此份廠房和辦公室+宿舍出租正式合約後 08(捌)天內 B 方要付給 A 方 03(叁)個月廠房和辦公室+宿舍定金不含增值稅為 225.949 USD . (大寫: 貳拾貳萬伍仟, 玖佰肆拾玖美元) .

2022 年 6 月 A 方交廠房和辦公室+宿舍給 B 方, B 方要付給 A 方 03(叁)個月廠房和辦公室+宿舍定金不含增值稅為 225.949 USD . (大寫: 貳拾貳萬伍

仟，玖佰肆拾玖美元)。在廠房和办公室+宿舍出租正式合約結束時 A 方會無利息退還此定金給 B 方。

交房前乙方违约赔偿双倍押金

- 3.1.3 Ngày ký hợp đồng chính thức được xem là ngày đến hạn hàng tháng để Bên B thanh toán tiền thuê nhà xưởng & nhà văn phòng + Ký túc xá cho Bên A. Trong vòng 10 (Mười) ngày làm việc kể từ ngày đến hạn, bên B phải chi trả cho Bên A với số tiền thuê hàng tháng(Đã gồm thuế giá trị gia tăng) là **82.848 USD/tháng(月)** (**Bằng chữ:Tám mươi hai nghìn, tám trăm bốn mươi tám Đôla Mỹ**)

簽廠房和办公室+宿舍出租正式合約的時間並成為 B 方每月要付廠房和办公室+宿舍租金給 A 方，10 天内 B 方要付給 A 方每月租金已含稅為 82.848 USD/月 (大寫：捌萬貳仟，捌佰肆拾捌美元)。

- 3.1.4 Mỗi tháng sau khi nhận được hóa đơn đỏ từ bên A, trong vòng mười (10) ngày bên B sẽ chuyển khoản tiền thuê xưởng cho bên A.

乙方于每月收到甲方的红发票之后 10 天内 (十) 将把租金汇款给甲方。

- 3.1.5 Tiền thuê được thanh toán bằng tiền Việt Nam đồng, việc thanh toán sẽ dựa theo tỉ giá chuyển khoản bình quân trong ngày chuyển đổi từ Đô La Mỹ sang Việt Nam đồng.

租金以越南盾付款，美金转换越南盾按当日平均汇率转款价结算。

- 3.1.6 Quá thời hạn thanh toán, Bên B chịu phạt với mức lãi suất cho vay của ngân hàng BIDV (Hiện tại là 10.5%/năm) trên tổng số tiền quá hạn. Nếu quá hạn hơn 15 ngày, Bên A có quyền ngắt các thiết bị điện, nước của Bên B. Nếu vì thế dẫn đến việc bị đơn vị cung cấp ngắt điện nước thì Bên B phải chịu mọi chi phí khôi phục cung cấp điện, nước.

超过还款期限，乙方按逾期总额按 BIDV 银行贷款利率 (目前为 10.5%/年) 处以罚款。逾期超过 15 天的，甲方有权断开乙方的水电设备，如由此导致水电设备故障，乙方应承担恢复水电供应的一切费用..

ĐIỀU- 4: TRÁCH NHIỆM CÁC BÊN

第四條：各方的責任

4.1 Trách nhiệm của Bên A :

A 方的責任：

4.1.1 Bên A cam kết đảm bảo quyền sử dụng nhà xưởng & nhà văn phòng + Ký túc xá hợp pháp và tạo mọi điều kiện để Bên B sử dụng hiệu quả .

甲方承諾保障厂房及办公楼+宿舍的合法使用权，为乙方有效使用创造一切条件。

4.1.2 Cần thiết phải có được những giấy chứng nhận do chính quyền địa phương cấp như : Giấy nghiệm thu về PCCC ,chứng nhận nghiệm thu xưởng và các thủ tục có liên quan khác, để đảm bảo rằng hợp đồng có hiệu lực và duy trì các văn bản có hiệu lực đó, đồng thời cung cấp bản sao cho bên B lưu giữ.

需取得当地政府部门颁发的房产验收证明、消防验收证明等相关资质手续，包含确保本合同有效且持续有效的文件，并提供复印件供乙方保存。

4.1.3 Chịu trách nhiệm kịp thời sửa chữa những hư hỏng,các vết nứt, thấm nước, xuống cấp,hao mòn đối với công trình của nhà xưởng (không bao gồm hư hỏng đèn điện), không được làm chậm trễ đến việc sản xuất bình thường của Bên B, vì nguyên nhân đó tạo nên sự tổn thất sẽ do bên A chịu và Bên B sẽ được khấu trừ trong tiền thuê xưởng tháng kế tiếp phải trả cho bên A.

Bên A trang bị miễn phí nhà vệ sinh, bồn rửa, phòng bảo vệ.

针对车间的建筑损坏、裂痕、渗水、折旧所需的维修以及乙方正常使用的便宜设施等维修（不含电灯的损坏）负责并及时处理，不得耽误乙方正常生产，因此造成的损失由甲方承担，乙方可从次月交房租中扣除。

甲方免费配备双方确认的厕所、洗手池、保安室。

4.1.4 Bên A cung cấp đầy đủ những chứng từ hợp pháp liên quan cho bên B để bên B tiến hành thủ tục xin chấp thuận /xin cấp giấy phép liên quan (bao gồm nhưng

không giới hạn giấy phép đầu tư, giấy phép kinh doanh, báo cáo đánh giá môi trường và công văn chấp thuận cần thiết cho việc sản xuất các loại đồ gỗ gia dụng),

甲方提供给乙方当地管理机关申办投资相关手续及执照的完整资料（包括但不限于办理投资执照、营业执照、环评报告及生产木制品家具需要的的相关批文的资料）。

- 4.1.5 Trong thời gian thực hiện hợp đồng giữa hai bên, bên A không được điều chỉnh đơn giá thuê giữa chừng, chấm dứt hợp đồng, sử dụng bất cứ biện pháp nào (bao gồm nhưng không giới hạn các hành vi tiêu cực..v.v.) dẫn đến việc bên B không thực hiện được theo đúng hợp đồng, và không cung cấp đầy đủ các giấy tờ để làm các thủ tục liên quan, cuối cùng thì hợp đồng của đôi bên sẽ không được thực hiện đúng như ban đầu thì Bên A sẽ phải bồi thường 800.000 USD (Bằng chữ : Tám trăm ngàn Đô La Mỹ) cho bên B và bồi thường toàn bộ các thiệt hại khác mà bên A vi phạm theo quy định của pháp luật.

双方合同履行期间甲方不得中途调整租金、不按合同约定交付厂房、终止合同、以任何措施（包括但不限于消极行为等）导致乙方不能正常履行合同、以及提供不了办理相关手续等完整资料，最终双方合同不能正常履行时，甲方违约依法须赔偿乙方 80 万美金及给乙方造成的所有损失。

4.2 Trách nhiệm của bên B :

B 方的責任:

- 4.2.1 Bên B không được cho bên thứ ba mượn, thuê lại/ chuyển quyền cho thuê lại một phần hoặc toàn bộ nhà xưởng & nhà văn phòng + Ký túc xá mà Bên đã thuê. Bên A có thể kết thúc hợp đồng bất cứ lúc nào mà không cần có sự đồng ý của Bên B.

B 方未經 A 方同意不得私自將廠房和辦公室+宿舍權利全部或一部份出借，轉租，頂讓或其它方式由他人使用。

4.2.2 Nếu Bên B có nhu cầu thay đổi về bố trí mặt bằng thì cần phải được sự chấp thuận của Bên A nhưng không được ảnh hưởng đến kết cấu của nhà xưởng & nhà văn phòng + Ký/túc xá, và sau khi Bên B tự khôi phục lại nguyên trạng khi hoàn trả nhà xưởng & nhà văn phòng + Ký túc xá cho Bên A.

乙方如需变更场地布置，须经甲方同意，但不得影响厂房及办公楼+宿舍的结构，返厂办公楼时恢复原状+ 甲方宿舍。

4.2.3 Bên B không được tàng trữ và sử dụng các loại vật liệu bị cấm hoặc vật liệu nguyên hiểm ảnh hưởng đến an toàn công cộng.

B 方不得供非法使用或存放危險物品影響公共安全。

4.2.4 Bên B cần chú trọng đến việc quản lý và sử dụng, trừ các trường hợp bất khả kháng hoặc do ảnh hưởng của thiên tai, các hư hại do lỗi của Bên B thì Bên B phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho Bên A.

乙方需注意管理和使用，除不可抗力或自然灾害影响，因乙方过错造成的损坏外，乙方必须负责赔偿对甲方造成的损害。

4.2.5 Nếu do Bên B vi phạm hợp đồng làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Bên A thì phải bồi thường các thiệt hại đó cho Bên A. Nếu phát sinh chi phí kiện tụng thì bên thua kiện phải chịu trách nhiệm chi trả.

乙方违约影响甲方利益的，必须赔偿甲方的损失，如产生诉讼费用，由败诉方负责支付。

4.2.6 Sau khi kết thúc hợp đồng, Bên B phải di rời tất cả máy móc thiết bị và các vật dụng của Bên B ra khỏi nhà xưởng & nhà văn phòng + Ký túc xá của Bên A. .

Nếu sau thời gian quy định mà Bên B vẫn không di dời, các vật dụng đó sẽ coi như là phế liệu và Bên A có quyền xử trí.

合同期满后，乙方必须将乙方的所有机器设备及物品搬出厂房及办公楼+甲方宿舍，如超过规定时间乙方仍未搬出，则这些物品将视为废料，甲方有权使用。

4.2.7 Cam kết thuê nhà xưởng & nhà văn phòng + Ký túc xá sử dụng đúng theo quy định pháp luật Việt Nam. Đảm bảo ngành nghề phù hợp với quy hoạch và phát triển của khu công nghiệp, không gây ô nhiễm môi trường xung quanh.

承诺根据越南法律租用工厂和办公楼+宿舍，确保产业适合园区规划发展，不污染周边环境。

4.2.8 Chịu trách nhiệm về sự mất mát và hư hại của nhà xưởng & nhà văn phòng + Ký túc xá

负责厂房及办公楼+宿舍设施的丢失、损坏。

ĐIỀU -5 : CAM KẾT CHUNG

第五條：共同條款

Hợp đồng cho thuê nhà xưởng & nhà văn phòng + Ký túc xá này được lập thành 04 (bốn) bản bằng tiếng Việt và tiếng Hoa. Mỗi bên giữ 02 (hai) bản có giá trị pháp lý như nhau và có giá trị hiệu lực kể từ ngày ký .

Hai bên cam kết thực hiện đúng theo các điều khoản của Hợp Đồng cho thuê nhà xưởng & nhà văn phòng + Ký túc xá này , nếu phát sinh tranh chấp hoặc một bên nào đó vi phạm điều khoản của Hợp Đồng Nguyên Tắc này , hai bên

cùng nhau thương lượng hòa giải , nếu không hòa giải được thì yêu cầu Tòa Án Kinh Tế tỉnh Bình Phước giải quyết theo quy định của pháp luật Việt Nam .

厂房及写字楼租赁合同+本宿舍用越南语和汉语制作成 04（四）本。双方各执一份，具有同等法律价值的 02（两）份，自签字之日起生效。

双方承诺严格遵守本厂房及办公室+宿舍租赁合同的条款，如发生争议或一方违反本原则合同的条款，双方应共同协商和解，如不能，由双方协商请求平福省经济法院根据越南法律规定解决。

BÊN A /



BÊN B



Số: 61/NT-PCCC

Bình Phước, ngày 20 tháng 3 năm 2025

Kính gửi: Công ty TNHH Tủ Bếp Bloom

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Nghị định số 50/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ theo Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy, chữa cháy số 210/TD-PCCC ngày 22/11/2024 của Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (PCCC và CNCH);

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị kiểm tra kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của Công ty TNHH Tủ Bếp Bloom.

Người đại diện theo pháp luật là ông: Fang, Jianqiang Chức vụ: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc.

Căn cứ các Biên bản kiểm tra kết quả nghiệm thu ngày 15/3/2025 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH – Công an tỉnh Bình Phước

Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH – Công an tỉnh Bình Phước chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của công trình Nhà xưởng Công ty TNHH Tủ Bếp Bloom với các nội dung sau:

- Địa điểm xây dựng: Lô H3, Đường Đ4, KCN Minh Hưng III, phường Minh Hưng, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.
- Chủ đầu tư: Công ty TNHH Tủ Bếp Bloom
- Đơn vị thi công xây dựng: Công ty CỔ PHẦN VẬT LIỆU T&N
- Đơn vị tư vấn giám sát xây dựng: Công ty TNHH Tư Vấn Đầu Tư CIC
- Đơn vị thi công PCCC: Công ty TNHH MTV Phương Nam BP

- Đơn vị giám sát PCCC: Chi nhánh Bình Phước - Công ty TNHH Công Nghệ Thành Công TTCO.

Quy mô công trình:

Công trình hiện hữu được cải tạo, điều chỉnh như sau:

- Nhà xưởng chuyển đổi công năng xưởng cho thuê thành xưởng sản xuất nội thất.

- Nhà xưởng 1 xây dựng 01 gác lửng để làm nhà văn phòng kích thước $29,2m \times 15m = 438 m^2$.

- Xây mới các hạng mục phụ trợ

- Giữ nguyên hệ thống sprinkler đối với các khu vực đã lắp đặt, nghiệm thu về PCCC.

- Sơn chống cháy cho kèo thép nhà xưởng 1,2,3 để đảm bảo công trình đạt bậc III chịu lửa, đảm bảo diện tích khoang cháy theo bảng H.9 QCVN 06:2022/BXD và sửa đổi 1:2023 QCVN 06:2022/BXD.

- Lắp đặt đường ống cấp nước chữa cháy bằng sắt tráng kẽm đường kính DN150 giáp tường rào, tạo thành mạng vòng cấp nước từ trạm bơm hiện hữu, từ mạng vòng đường ống DN150 này cấp vào từng xưởng số 1, 2,3 đường ống bằng sắt tráng kẽm DN150 để đảm bảo mỗi cụm chữa cháy sprinkler không lớn hơn 800 đầu phun, đường ống cấp lắp thêm van công tắc dòng chảy kết nối về trung tâm báo cháy hiện hữu của dự án, lắp đặt bể sung 04 trụ cấp nước chữa cháy loại 03 cửa vào mạng vòng DN150 để cấp nước chữa cháy ngoài nhà cho dự án.

- Điều chỉnh, lắp bể sung đầu phun sprinkler, hệ thống báo cháy tự động khu vực đóng trần nhà xưởng 3, xưởng cơ khí, sửa lỗi kín, sửa lỗi hở, các gian phòng chứa rác thải.

- Lắp đặt bể sung hệ thống quạt hút khói gắn mái cho nhà xưởng 1,2,3.

Nội dung được nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy:

- Bố trí công năng có liên quan đến phòng cháy và chữa cháy; giải pháp ngăn cháy, chống cháy lan.

- Lối, đường thoát nạn.

- Hệ thống báo cháy tự động.

- Hệ thống đèn chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn.

- Hệ thống cấp nước chữa cháy trong nhà, ngoài nhà, chữa cháy tự động sprinkler.

- Trang bị phương tiện chữa cháy ban đầu.

Các yêu cầu kèm theo:

- Thực hiện đúng quy trình, quy định về vận hành sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các hệ thống, thiết bị phòng cháy, chữa cháy và hệ thống kỹ thuật có liên quan.
- Duy trì liên tục chế độ hoạt động bình thường của hệ thống, thiết bị phòng cháy chữa cháy và hệ thống kỹ thuật có liên quan đã được lắp đặt theo đúng chức năng trong suốt quá trình sử dụng.
- Chủ đầu tư và các đơn vị có liên quan tập hợp và lưu trữ hồ sơ nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy theo quy định, đồng thời chịu trách nhiệm về tính xác thực, phù hợp của hồ sơ nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy (bao gồm việc xác thực tính pháp lý của các giấy chứng nhận kiểm định phương tiện, thiết bị phòng cháy và chữa cháy đã lắp đặt tại công trình), tính xác thực của việc thi công, lắp đặt hệ thống phòng cháy và chữa cháy, các hệ thống kỹ thuật khác có liên quan về phòng cháy và chữa cháy theo hồ sơ thiết kế đã được duyệt. Việc kiểm tra kết quả nghiệm thu của cơ quan Cảnh sát PCCC và CNCH không thay thế, không làm giảm trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan trong hoạt động đầu tư, xây dựng công trình quy định.
- Thực hiện đầy đủ các điều kiện an toàn về phòng cháy chữa cháy đối với cơ sở trước khi đưa vào hoạt động theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ, đồng thời liên hệ với Công an tỉnh Bình Phước để được hướng dẫn, lập hồ sơ quản lý, theo dõi hoạt động phòng cháy chữa cháy./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, PCCC.

TRƯỞNG PHÒNG



Thượng tá Nguyễn Thọ Bài

Số: 34 /NT- PC07

Bình Phước, ngày 16 tháng 5 năm 2022

Kính gửi: Công ty TNHH MTV Đại Đình Phát.

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Giấy chứng nhận thẩm duyệt về PCCC số 336/TD-PCCC ngày 28/12/2020 của Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH Công an tỉnh Bình Phước.

Căn cứ giấy chứng nhận điều chỉnh thiết kế về PCCC số 289/TD-PCCC&CNCH ngày 06/12/2021 của Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH Công an tỉnh Bình Phước.

Căn cứ Giấy chứng nhận thẩm duyệt về PCCC số 287/TD-PCCC ngày 06/12/2021 của Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH Công an tỉnh Bình Phước.

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị kiểm tra kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của Công ty TNHH MTV Đại Đình Phát.

Người đại diện pháp luật là ông Chí Ứng Cầu; Chức vụ: Giám đốc.

Căn cứ biên bản kiểm tra kết quả nghiệm thu ngày 16/5/2022 của Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH Công an tỉnh Bình Phước.

Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH Công an tỉnh Bình Phước chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của công trình nhà xưởng cho thuê (giai đoạn 1 + giai đoạn 2) với các nội dung sau:

Địa điểm xây dựng: KCN Minh Hưng III, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

Chủ đầu tư: Công ty TNHH MTV Đại Đình Phát.

Đơn vị tư vấn giám sát PCCC: Công ty TNHH thiết bị phòng cháy Anh Thành Phát

Đơn vị thi công hệ thống PCCC: Công ty TNHH TM DV PCCC Đại Trung Nghĩa.

Quy mô công trình:

- Nhà xưởng 1 (giai đoạn 1): có diện tích xây dựng 10.070m², 01 tầng với kết cấu nhà khung thép, mái lợp tôn, nền bê tông, cột chịu lực nhà xưởng bọc bảo vệ xung quanh cốt thép bằng gạch, chiều dày trung bình mỗi lớp gạch là 100mm theo toàn bộ chiều cao từ chân cột đến đỉnh cột nhà xưởng.

- Nhà xưởng 2 (giai đoạn 2): có diện tích xây dựng 10.070m², 01 tầng với kết cấu nhà khung thép, mái lợp tôn, nền bê tông, cột chịu lực nhà xưởng bọc bảo vệ xung quanh cốt thép bằng gạch, chiều dày trung bình mỗi lớp gạch là 100mm theo toàn bộ chiều cao từ chân cột đến đỉnh cột nhà xưởng.

- Nhà xưởng 3 (giai đoạn 2): có diện tích xây dựng 10.070m², 01 tầng với kết cấu nhà khung thép, mái lợp tôn, nền bê tông, cột chịu lực nhà xưởng bọc bảo vệ xung quanh cốt thép bằng gạch, chiều dày trung bình mỗi lớp gạch là 100mm theo toàn bộ chiều cao từ chân cột đến đỉnh cột nhà xưởng.

- Nhà văn phòng (Giai đoạn 2): có diện tích xây dựng 360m², 03 tầng với kết cấu nhà bê tông cốt thép, tường xây gạch.

- Các công trình phụ trợ gồm: nhà bảo vệ, trạm biến áp, nhà vệ sinh, bể nước PCCC...

Nội dung được nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy: Bậc chịu lửa, Khoảng cách ngăn cháy, đường lối thoát nạn, giao thông phục vụ chữa cháy, hệ thống chữa cháy vách tường, hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler, hệ thống báo cháy tự động, đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn.

Các yêu cầu kèm theo:

- Thực hiện đầy đủ các kiến nghị tại Biên bản kiểm tra kết quả nghiệm thu về PCCC lập ngày 16/5/2022.

- Thực hiện đầy đủ các điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

- Thực hiện đúng quy trình, quy định về vận hành sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các hệ thống, thiết bị PCCC và hệ thống kỹ thuật có liên quan;

- Duy trì liên tục chế độ hoạt động bình thường của hệ thống, thiết bị PCCC và hệ thống kỹ thuật có liên quan đã được lắp đặt theo đúng chức năng trong suốt quá trình sử dụng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: PC07 – Đ2.



TRƯỞNG PHÒNG

Thượng tá Nguyễn Thọ Bài

Số 336 /TD-PCCC

GIẤY CHỨNG NHẬN

TD: **002707**

THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

Căn cứ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Điều 7 Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số ngày 03 / 12 / 2020 của: Công ty TNHH MTV Đại Đình Phát.

Người đại diện là Ông/Bà: Chức danh: Giám đốc
PHÒNG CẢNH SÁT PCCC&CNCH - CÔNG AN TỈNH BÌNH PHƯỚC

CHỨNG NHẬN:

Nhà xưởng cho thuê Công ty TNHH MTV Đại Đình Phát.....

Địa điểm xây dựng: KCN Minh Hưng III, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, Bình Phước

Chủ đầu tư/chủ phương tiện: Công ty TNHH MTV Đại Đình Phát

Đơn vị lập dự án/thiết kế: Công ty TNHH tư vấn thiết kế xây dựng Thịnh Việt Phát

Đã được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy các nội dung sau:

Bậc chịu lửa, khoảng cách ngăn cháy, đường lối thoát nạn, giao thông phục vụ chữa cháy, hệ thống chữa cháy vách tường, hệ thống chữa cháy tự động bằng nước Sprinkler, hệ thống báo cháy tự động, hệ thống đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn, hệ thống chống sét đánh thẳng, bình chữa cháy, sơn chống cháy cho cột chịu lực nhà xưởng./.

theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.

Bình Phước, ngày 28 tháng 12 năm 2020

Nơi nhận:

- Chủ đầu tư
- BQL KKT
- Lưu: PC07



Thượng tá Nguyễn Văn Vịnh

DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ ĐÃ ĐƯỢC THẨM DUYỆT

VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

(Kèm theo Giấy chứng nhận thẩm duyệt về Phòng cháy và chữa cháy
số 386-7Đ/PCCC, ngày 28 tháng 12 năm 2020)

STT	TÊN TÀI LIỆU, BẢN VẼ	KÝ HIỆU	GHI CHÚ
1	Bản vẽ tổng thể	TT 01	
2	Bản vẽ kiến trúc	KT 01 đến KT 05	
3	Bản vẽ kết cấu	KC 01 đến KC 05	
4	Bản vẽ hệ thống chữa cháy vách tường kết hợp chữa cháy tự động bằng nước Sprinkler	CC 01 Đến CC 07	
5	Hệ thống báo cháy tự động		
6	Hệ thống đèn chiếu sáng sự cố		
7	Đèn chỉ dẫn thoát nạn (Exit)		
8	Bình chữa cháy các loại		
9	Hệ thống chống sét đánh thẳng		
Quy mô công trình: Nhà xưởng 1: DTXD 10.070,4m ² ; 01 tầng, sử dụng sơn chống cháy 90 phút cho cột chịu lực. Nhà bảo vệ: 20m ² ; 01 tầng Bể nước PCCC: 720m ³ Khối nhà phụ trợ (nhà ăn, nhà rác, nhà vệ sinh) 240m ² * Ghi chú: Các nhà xưởng sử dụng cho thuê phải được Phòng Cảnh sát Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ Công an tỉnh Bình Phước kiểm tra, thẩm duyệt lại trước khi cho thuê để đánh giá lại tính nguy hiểm cháy, công năng sử dụng của công trình phù hợp với các quy định hiện hành.			

Số: 287/TD-PCCC

GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy.

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số.....ngày...01.../12.../2021 của: Công ty TNHH MTV Đại Đình Phát

Người đại diện theo pháp luật là ông/bà:.....Chí Lăng Cầu..... Chức vụ:.....Giám đốc

PHÒNG CẢNH SÁT PCCC VÀ CNCH CÔNG AN TỈNH BÌNH PHƯỚC
CHỨNG NHẬN

.....Tên công trình: Nhà xưởng Công ty TNHH MTV Đại Đình Phát - Giai đoạn 2

Địa điểm xây dựng/chế tạo/hoàn cải:.....Lô H3, đường D4, KCN Minh Hưng, III, xã Minh

Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước

Chủ đầu tư/chủ phương tiện: Công ty TNHH MTV Đại Đình Phát

Đơn vị tư vấn thiết kế:.....Công ty cổ phần tư vấn ACC

Đã được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy các nội dung sau:

Bậc chịu lửa, khoảng cách ngăn cháy, đường lối thoát nạn, giao thông phục vụ chữa cháy, hệ thống cấp nước chữa cháy vách tường, hệ thống chữa cháy tự động bằng nước sprinkler, hệ thống báo cháy tự động, hệ thống chống sét đánh thẳng, trang bị đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn, trang bị bình chữa cháy các loại./

Quy mô dự án/công trình/phương tiện và danh mục các tài liệu, bản vẽ được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy ghi tại trang 2./

Nơi nhận:

- Chủ đầu tư.....;
-
- Lưu PC07.....

Bình Phước, ngày 06 tháng 12 năm 2021



TRƯỞNG PHÒNG

Thượng tá Nguyễn Văn Vĩnh

QUY MÔ CÔNG TRÌNH VÀ DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ ĐÃ ĐƯỢC THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

(Kèm theo Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 287/TĐ-PCCC, ngày 06/12/2021 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH Công an tỉnh Bình Phước)

TT	NỘI DUNG	GHI CHÚ
I	QUY MÔ GIAI ĐOẠN 2	
	- Nhà xưởng 2: DTXD 10.070m²; 01 tầng; - Nhà xưởng 3: DTXD 10.070m²; 01 tầng; - Nhà văn phòng: DTXD 360m²; 03 tầng; - Các hạng mục xây dựng khác: 01 nhà bảo vệ, 03 nhà vệ sinh công nhân, 02 nhà trạm điện.	
II	DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ THIẾT KẾ	
1	Bản vẽ tổng thể: TT-01 đến TT-04	
2	Bản vẽ kiến trúc: KT-01 đến KT-04	
3	Bản vẽ kết cấu: KC-01 đến KC-13	
4	Bản vẽ thiết kế hệ thống PCCC: PC-01 đến PC-13	Đơn vị thiết kế PCCC: Công ty TNHH thương mại dịch vụ phòng cháy chữa cháy Đại Trung Nghĩa
	- Hệ thống chống sét đánh thẳng	
	- Hệ thống cấp nước chữa cháy vách tường	
	- Hệ thống chữa cháy tự động sprinkler	
	- Hệ thống báo cháy tự động	
	- Trang bị đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn, bình chữa cháy các loại	

Lưu ý: Thông tin tại Giấy chứng nhận này chỉ xác nhận bảo đảm các yêu cầu về phòng cháy và chữa cháy, không có giá trị về quyền sử dụng đất và các chỉ tiêu về quy hoạch, xây dựng.

Các nhà xưởng sử dụng cho thuê phải được Phòng Cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ Công an tỉnh Bình Phước kiểm tra, thẩm duyệt lại trước khi cho thuê để đánh giá lại tính nguy hiểm cháy, công năng sử dụng của công trình phù hợp với các quy định hiện hành./.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG

V/V THU GOM VẬN CHUYỂN RÁC THẢI SINH HOẠT

SỐ: 02 /HĐKT.RSH.2026

Đồng Nai, ngày 02 tháng 01 năm 2026

- Căn cứ Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2015 và có hiệu lực kể từ ngày 01/09/2018.

- Căn cứ vào Luật Bảo vệ Môi trường số 55/2014/ QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 23/06/2014 và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2015.

- Căn cứ vào khả năng và nhu cầu của hai bên

Hôm nay, ngày 02 tháng 01 năm 2026, chúng tôi gồm có:

- **Bên A (bên thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt): CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TIẾN DŨNG**

Địa chỉ: Tổ 10, Khu Phố 3A, Phường Minh Hưng, Tỉnh Đồng Nai , Việt Nam

Số điện thoại: 0933.576.504

Mã số thuế: 3801236323

Đại diện ông: **TRẦN TIẾN DŨNG** Chức vụ: Giám đốc

Số tài khoản: 112002866161 - Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (Chi Nhánh Bình Phước - PGD Chơn Thành).

Bên B: : CÔNG TY TNHH TỬ BẾP BLOOM

Địa chỉ: Lô H3, Đường Đ4, Khu công nghiệp Minh Hưng III, Phường Minh Hưng, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Số điện thoại: 0819.808.798 Fax:

Mã số thuế: 3801275876

Đại diện bà: **ZHANG HUINA**; Chức vụ: Phó Tổng Giám Đốc

Số tài khoản:

Điều I: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

Bên B giao cho bên A thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trong công ty tại địa điểm: Lô H3, Đường Đ4, Khu công nghiệp Minh Hưng III, Phường Minh Hưng, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Điều II: ĐƠN GIÁ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

1. Đơn giá thu gom vận chuyển rác thải sinh hoạt là: 15.000.000 đồng/tháng (chưa bao gồm VAT). Bên A sẽ xuất hóa đơn cho bên B vào cuối mỗi tháng.

2.Thời gian thu gom: 03 lần/tuần cụ thể như sau:

- Thu gom vào thứ 3; thứ 5; thứ 7 hàng tuần
- Thu gom rác tại địa chỉ: Công Ty TNHH Tủ Bếp Bloom; Lô H3, Đường Đ4, Khu công nghiệp Minh Hưng III, Phường Minh Hưng, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam ; 03 lần/tuần.

3. Hình thức thanh toán: Bên B thanh toán cho bên A bằng hình thức chuyển khoản hoặc tiền mặt.

4. Loại tiền thanh toán là VNĐ (Việt Nam đồng).

5. Thời hạn thanh toán; bên B sẽ thanh toán cho bên A chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày bên B nhận được hóa đơn.

Thông tin xuất hóa đơn:

CÔNG TY TNHH TỦ BẾP BLOOM

Địa chỉ: : Lô H3, Đường Đ4, Khu công nghiệp Minh Hưng III, Phường Minh Hưng, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Số điện thoại: Fax:

Mã số thuế: 3801275876

Điều III: TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

1. Trách nhiệm của bên A:

- Bố trí thời gian và phương tiện vận chuyển theo yêu cầu của bên B, mỗi lần giao rác thải phải có biên nhận giữa hai bên.
- Đảm bảo thu gom rác thải đúng như Điều I của hợp đồng này.
- Giữ vệ sinh trong suốt quá trình vận chuyển.
- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt của mình theo đúng quy định của pháp luật.

2. Trách nhiệm của bên B:

- Thực hiện đúng theo Điều I của hợp đồng này.
- Bên B phải phân loại rác thải đúng quy định và tập trung vào một nơi theo quy hoạch của bên B.
- Tạo điều kiện khi bên A đến thu gom.

Điều IV: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Nếu bên A phát hiện lẫn rác thải khác trong rác thải sinh hoạt thì bên A có quyền từ chối vận chuyển lô hàng đó và chỉ vận chuyển khi báo cho bên B biết và bên B đã xử lý lô hàng đó theo đúng quy định của luật môi trường.

Hai bên có nghĩa vụ thực hiện đúng các điều khoản đã ký kết trong hợp đồng này. Khi có tranh chấp xảy ra hai bên cùng bàn bạc, giải quyết trên tinh thần hợp tác đôi bên cùng có lợi. Nếu trường hợp hai bên không thể giải quyết được thì đưa ra Tòa án kinh tế của tỉnh Đồng Nai giải quyết, nếu bên nào làm sai thì bên đó phải chịu toàn bộ chi phí của Tòa án và thiệt hại trong thời gian ngưng thu gom.

Điều V: HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG



Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 01 năm 2026 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026, nếu hết hạn hợp đồng hai bên không có mâu thuẫn gì thì có thể gia hạn hợp đồng thêm tháng tiếp theo mà không cần phải làm hợp đồng mới.

Hợp đồng được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản và có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A



Trần Tiến Dũng

ĐẠI DIỆN BÊN B



Zhang HuiNa



Số 编号:1001/2025/HĐKT/ VX- BLOOM

Bình Dương, ngày 02 tháng 01 năm 2025

平阳, 2025 年 01 月 02 日

HỢP ĐỒNG KINH TẾ 经济合同

V/v: Thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải và thu mua phế liệu sau xử lý
V/v: 收集、运输、处理废物和购买废料

- Căn cứ Bộ Luật dân sự số 91/2015/QH13 của Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
根据越南社会主义共和国国会第 91/2015/QH13 号民法典，自 2017 年 1 月 1 日起生效。和实施指南；
- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 của Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2006 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
根据 2006 年 1 月 1 日起生效的越南社会主义共和国国会第 36/2005/QH11 号商业法及其实施文件；
- Căn cứ Luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 của Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2022 và các văn bản hướng dẫn thi hành liên quan đến quản lý chất thải, phế liệu;
根据 2022 年 1 月 1 日起生效的越南社会主义共和国国会第 72/2020/QH14 号环境保护法以及与环境管理相关的指导性文件。废物管理；
- Căn cứ giấy phép xử lý chất thải nguy hại (CTNH) số 1-2-3-4-5-6.033.VX cấp ngày 18/11/2020 của Công ty TNHH SX TM DV Môi Trường Việt Xanh.
根据越青环境生产、贸易和服务有限公司于 2020 年 11 月 18 日颁发的危险废物处理许可证 (HW) No. 1-2-3-4-5-6. 033. VX
- Căn cứ vào nhu cầu và điều kiện của hai bên (Bên A và Bên B).
根据双方（甲方和乙方）的要求和条件。

Chúng tôi, đại diện cho hai bên ký hợp đồng gồm có:

我们代表双方签署合同的人包括:

BÊN A 甲方 : CÔNG TY TNHH TỬ BẾP BLOOM

乙方 : 百隆橱柜有限公司

Địa chỉ : Lô H3, Đường Đ4, Khu Công Nghiệp Minh Hưng III, Phường Minh Hưng, Thị xã Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

地址 : 平福省, 真诚市, 明兴坊, 明兴三工业区, D4 路, H3 区

Điện thoại 電話: 0819 808 798

Mã số thuế 稅號: 3801 275 876

Đại diện 代表人: Bà **ZHANG, HUINA** Chức vụ 職務: Phó tổng giám đốc/副总经理

(Theo Giấy Ủy quyền ngày 08/11/2022 của Tổng Giám đốc CÔNG TY TNHH TỬ BẾP BLOOM)

百隆橱柜有限公司, 总经理授权本 2022 年 11 月 08 日签署。

**BÊN B 乙方 : CÔNG TY TNHH SX – TM – DV MÔI TRƯỜNG VIỆT XANH/ 越青环境生。
产、贸易和服务有限公司。**

Địa chỉ : Lô N1, Đường N8, KCN Nam Tân Uyên, Phường Khánh Bình, Thành phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương

地址: 平阳省, 新渊市, 庆平坊, 南新渊工业区, N8 路, N1 区

Điện thoại 电话: 0274.3653 076 (~77) Fax: 0274.3653 075

Mã số thuế 稅号: 3700 671 231

Tài khoản 账号: 0281 001 385 284 tại Vietcombank - Chi nhánh Bình Dương /银行平阳分行。

Đại diện 代表人 : Ông **PHẠM VĂN PHÒNG** Chức vụ/职务: Phó Tổng Giám đốc/ 副总经理

(Theo Giấy Ủy quyền số 21/2024/UQ-MTVX, ngày 10/12/2024 của Tổng Giám đốc Công ty TNHH SX - TM - DV Môi trường Việt xanh)

根据越青环境生产-贸易-服务有限公司, 总经理授权本 21/2024/UQ-MTVX 号, 2024 年 12 月 10 日签署。

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng thu gom vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại, (“Hợp đồng”) với nội dung như sau:

双方同意签订危险废物收集、运输、处理合同, (“合同”) 的内容如下:

ĐIỀU 1: ĐỐI TƯỢNG HỢP ĐỒNG

第一条: 合同对象

- 1.1** Bên A đồng ý thuê và Bên B đồng ý cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại (CTNH) và thu mua phế liệu sau xử lý phát sinh từ quá trình hoạt động kinh doanh của Bên A tại địa chỉ: Lô H3, Đường Đ4, Khu Công Nghiệp Minh Hưng III, Phường Minh Hưng, Thị xã Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam. Danh mục chất thải được nêu tại điều 3 của Hợp đồng này.

甲方同意租用、乙方同意提供收集、运输和处理甲方业务中产生的危害废物 (CTNH)、普通工业废物和收购废料的服务, 地址为: 平福省, 真诚市, 明兴坊, 明兴三工业区, D4 路, H3 区。废物清单见本合同第三条。

- 1.2** Tình trạng CTNH: Được lưu chứa trong bao bì chuyên dụng theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

危险废物的状态: 根据环境保护法律法规, 储存在专用包装中。

ĐIỀU 2: TRÁCH NHIỆM CỦA HAI BÊN

第二条: 双方的责任

- 2.1** Trách nhiệm của Bên A:/ 甲方的责任

- Bên A có trách nhiệm quản lý CTNH theo quy định pháp luật như tập trung chất thải trong kho chứa có mái che, phân loại, dán nhãn và có biện pháp ứng phó an toàn sự cố khẩn cấp.
 甲方负责按照法律规定对危险废物进行管理，如将废物收集到有盖仓库、分类、标记并采取安全应对紧急事件的措施。
- Khi có nhu cầu thu gom xử lý chất thải thì Bên A chủ động thông báo trước cho Bên B bằng điện thoại, fax ít nhất 2 ngày để Bên B chuẩn bị phương tiện và nhân sự đến thu gom.
 当需要收集和处理废物时，甲方至少提前 2 天主动通过电话或传真通知乙方，以便乙方准备车辆和人员进行收集。
- Khi có phát sinh chất thải dễ cháy nổ, hóa chất có tính nguy hại cao, Bên A phải cảnh báo cho Bên B trước khi thu gom để phòng ngừa và xử lý kịp thời.
 当产生易燃易爆废物或高度危险化学品时，甲方必须在收集前警告乙方，以便及时防范和处理。
- Bố trí nhân viên hướng dẫn, phối hợp giám sát, hỗ trợ xe nâng trong quá trình thu gom chất thải (nếu cần) và cung cấp giấy tờ cần thiết khi ra vào cổng.
 安排工作人员在垃圾收集过程中引导、协调监督、支持叉车（如有必要），并在进出大门时提供必要的证件。
- Bên A kê khai và sử dụng chứng từ CTNH theo quy định pháp luật và chuyển giao cho nhân viên thu gom Bên B sau mỗi lần bàn giao CTNH.
 甲方按照法律规定申报和使用危险废物单证，并在每次危险废物交接后移交给乙方的收集人员。
- Bên A cam kết thanh toán đầy đủ và đúng hạn giá trị thuê xử lý CTNH cho Bên B nêu tại Điều 3 của hợp đồng này.
 甲方承诺按照本合同第三条的规定按时足额向乙方支付危险废物处理租金。

2.2 Trách nhiệm của Bên B: 乙方的责任

- Bên B cung cấp phương tiện, nhân lực để thực hiện thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH theo yêu cầu pháp luật về bảo vệ môi trường.
 乙方按照环境保护法律提供收集、运输和处理危险废物的设施和人力资源
- Bên B tuân thủ các quy định và chịu sự hướng dẫn của Bên A khi vào làm việc tại nhà máy của bên A.
 乙方在甲方工厂工作时，遵守规定并服从甲方的指示。
- Khi chất thải của Bên A giao cho Bên B, nếu có bất kỳ sự cố nào xảy ra (thất thoát, ảnh hưởng đến vệ sinh môi trường) trong quá trình vận chuyển, lưu giữ và xử lý thì Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm.
 当甲方的交废物交给乙方时，如在运输、储存、处理过程中发生任何事故（丢失、影响环境卫生），乙方负全部责任。
- Ký xác nhận và hoàn trả chứng từ CTNH (liên 4) sau khi hoàn thành việc xử lý an toàn chất thải.
 签字确认并退回危险废物完成废物安全处理后的文件。

ĐIỀU 3: GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG – THANH TOÁN

第三条：结账-合同价值

- 3.1 **Số lượng:** được xác định bằng cân (kg) hoặc đếm (cái) tại kho Bên A. Đại diện mỗi bên có đủ thẩm quyền ký xác nhận số lượng thực tế trên biên bản giao nhận đã được hai bên thống nhất theo mẫu.

数量以甲方仓库的重量（公斤）或数量（件）确定，双方代表有权根据表格在双方约定的交货记录上签字确认实际数量。

3.2 **Đơn giá xử lý chất thải/ 废物处理单价**

STT 数字顺序	TÊN CHẤT THẢI 废物名称	ĐVT 单元	MÃ CTNH 危害编码	ĐƠN GIÁ XỬ LÝ (VNĐ/ĐVT)处理单 位价格（越南盾/ 单位）
1.	Cặn sơn thải 废漆渣	Kg 公斤	08 01 01	2.500
2.	Bùn thải lẫn cặn sơn hoặc Vecni 油漆泥和格丽斯	Kg 公斤	08 01 02	2.500
3.	Thùng kim loại đựng sơn 油漆用金属容器	Kg 公斤	18 01 02	2.500
4.	Hộp mực in, photo 碳粉盒, 照片	Kg 公斤	08 02 04	2.500
5.	Bóng đèn huỳnh quang hư hỏng 损坏的荧光灯泡	Kg 公斤	16 01 06	2.500
6.	Thùng đựng dầu nhớt bằng nhựa 塑料油箱	Kg 公斤	18 01 03	2.500
7.	Giẻ lau, bao tay dính dầu nhớt, dính sơn 抹布、带油脂的手套、油漆	Kg 公斤	18 02 01	2.500
8.	Dầu nhớt thải 废润滑油	Kg 公斤	17 02 04	2.500
9.	Pin, ắc quy chì thải 蓄电池、废铅蓄电池	Kg 公斤	19 06 01	2.500
10.	Bông dạng sợi thải dính thành phần nguy hại 含有有害成分的废棉	Kg 公斤	18 02 01	2.500
11.	Than hoạt tính 吸收有机蒸气后的饱和活性炭	Kg 公斤	12 01 04	2.500
12.	Bao bì mềm thải 废弃软包装	Kg 公斤	18 01 01	2.500
13.	Bao bì cứng thải 废弃硬包装	Kg 公斤	18 01 04	2.500
14.	Bùn thải từ HTXL nước thải 污水处理合作社污泥	Kg 公斤	12 06 05	2.500
Đơn giá xử lý chưa bao gồm thuế GTGT/ 处理单价不含增值税				

3.3 Phương thức thanh toán:/ 支付方式

- Căn cứ vào số lượng trên biên bản giao nhận chất thải cần xử lý có chữ ký xác nhận của đại diện hai bên. Bên B phát hành hoá đơn tài chính hợp lệ cho bên A về toàn bộ giá trị xử lý chất thải. Bên A phát hành hóa đơn tài chính cho Bên B về giá trị thu mua phế liệu sau xử lý.
- 根据废物交付记录上的数量进行处理，并由双方代表签字确认。乙方向甲方开具全部废物处理价值的有效财务发票，并由双方代表签字确认。甲方向乙方开具采购金额的财务发票。
- Hình thức thanh toán: Bằng chuyển khoản/ tiền mặt Việt Nam Đồng.
支付方式: 越南盾银行转账/现金。
- Thời hạn thanh toán: trong vòng 7 ngày kể từ ngày nhận được hóa đơn tài chính hợp lệ do Bên A/ Bên B phát hành.
支付期限: 自收到甲方/乙方开具的有效财务发票之日起 7 天内。

ĐIỀU 4: HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG /合同期限

- Hợp đồng này có hiệu lực một (01) năm kể từ ngày ký và tự động thanh lý sau khi hai bên hoàn thành các trách nhiệm của mình.
- 本合同自签订之日起一年内有效，并在双方履行其责任后自动清算。
- Nếu tại thời điểm hợp đồng hết hạn, hai Bên có tranh chấp chưa giải quyết được, hợp đồng được coi như vẫn tiếp tục có hiệu lực để các Bên tham chiếu thực hiện. Khi tranh chấp được giải quyết xong, hợp đồng tự động hết hiệu lực.
- 如果在合同到期时，双方有争议尚未解决完，本合同视为继续有效，供双方参考和执行。争议解决后，合同自动终止。
- Nếu một trong hai bên muốn chấm dứt hợp đồng trước thời hạn, thì phải thông báo bằng văn bản cho bên còn lại trước 30 ngày.

如果任何一方想要提前终止合同，必须提前 30 天以书面形式通知另一方。

ĐIỀU 5: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

第五条: 一般条款

- Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản trong nội dung hợp đồng. Trường hợp xảy ra tranh chấp, hai bên cùng bàn bạc giải quyết trên tinh thần tôn trọng lẫn nhau.
双方承诺遵守合同条款。如有争议，双方将本着相互尊重的精神协商解决。
- Mọi điều khoản khác có liên quan không được qui định cụ thể tại hợp đồng này sẽ được hai bên thực hiện theo qui định của Luật pháp Việt Nam.
本合同中未明确规定的有其他相关条款将由双方根据越南法律的规定执行。
- Hợp đồng này có thể được sửa đổi, bổ sung khi có sự thỏa thuận giữa hai bên và được thể hiện bằng phụ lục hợp đồng. Phụ lục hợp đồng là một bộ phận không tách rời hợp đồng chính và có hiệu lực như hợp đồng chính. Nếu phụ lục bổ sung hợp đồng có những điều khoản trái với điều khoản trong hợp đồng chính thì được coi điều khoản đó trong hợp đồng chính đã được sửa đổi.

经双方同意，本合同可以进行修改和补充，并以合同附件的形式表述。合同附件是主合同不可分割的一部分，与主合同具有同等效力。如果合同附件中含有与主合同条款相抵触的条款，则视为对主合同条款进行了修改。

- Hợp đồng được lập thành bốn (04) bộ, Bên A giữ hai (02) bộ, bên B giữ hai (02) bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

本合同分为四份，双方各保留两份，具有同等法律价值。

ĐẠI DIỆN BÊN A 代表



Zhang Hui Na

ĐẠI DIỆN BÊN B 代表



*PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Phạm Văn Phòng*

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG

THÂN THIÊN 123

亲善 123 环保有限责任公司

- o0o -

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

越南社会主义共和国

Độc Lập_Tự Do_Hạnh Phúc

独立-自由-幸福

- o0o -

Số 编号:2111/2025/HĐKT/TT123-BLOOM

TP.Hồ Chí Minh, 21 tháng 11 năm 2025

胡志明市, 2025 年 11 月 21 日

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

经济合同

V/v: Thu mua phế liệu

主旨: 废料收购

- Căn cứ vào Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 đã được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 24/11/2015 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017;
根据越南社会主义共和国国会于 2015 年 11 月 24 日通过, 自 2017 年 1 月 1 日起生效的第 91/2015/QH13 号《民法典》;
- Căn cứ vào Luật Thương mại số 36/2005/QH11 đã được Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 14/06/2005, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2006;
根据越南社会主义共和国国会于 2005 年 6 月 14 日通过, 自 2006 年 1 月 1 日起生效的第 36/2005/QH11 号《贸易法》;
- Căn cứ vào Luật Bảo Vệ Môi Trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 thông qua và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2022;
根据 2020 年 11 月 17 日通过, 自 2022 年 1 月 1 日起生效的第 72/2020/QH14 号《环境保护法》;
- Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
根据政府于 2022 年 1 月 10 日颁布关于详细规定《环境保护法》若干条款的执行事宜的第 08/2022/NĐ-CP 号议定;
- Căn cứ Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
根据自然资源与环境部于 2022 年 01 月 10 日颁布关于详细规定《环境保护法》若干条款的执行事宜的第 02/2022/TT-BTNMT 号通知;
- Căn cứ vào Điều 1 của Nghị quyết số: 202/2025/QH15 chính thức hoạt động từ ngày 01 tháng 7 năm 2025; Về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh.

- 根据 2025 年 7 月 1 日起正式实施的第 202/2025/QH15 号决议第一条：关于省级行政单位的变更。

- Căn cứ vào khả năng và nhu cầu của hai bên.

根据双方的能力与需求；

Hôm nay, ngày 21 tháng 11 năm 2025, tại văn phòng công ty: **CÔNG TY TNHH TỬ BẾP BLOOM**, đại diện hai bên bao gồm:

今天, 于 2025 年 11 月 21 日, 在 百隆橱柜有限公司, 双方代表人包括:

BÊN A : CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG THÂN THIỆN 123

甲方 : 亲善123环保有限责任公司

Địa chỉ : Thửa đất số 700, tờ bản đồ số 39, Khu phố Khánh Lộc, Phường Tân Hiệp, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

地址 : 越南, 胡志明市, 新协坊, 庆禄区, 第39号地图, 第700号土地。

MST税号 : 3702972731

Điện thoại电话号码 : 0986 180 123

Đại diện : **NGUYỄN XUÂN TÀI**

Chức vụ : Giám Đốc

代表人 : 阮春财先生

职务 : 经理

BÊN B : CÔNG TY TNHH TỬ BẾP BLOOM ✓

乙方 : 百隆橱柜有限公司

Địa chỉ : Lô H3, Đường Đ4, Khu Công Nghiệp Minh Hưng III, Phường Minh Hưng, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam ✓

地址 : 越南, 同奈省, 明兴坊, 明兴三工业区, D4路, H3地段。

MST税号 : 3801275876 ✓

Điện thoại电话号码 : 0819808798 ✓

Đại diện : **ZHANG HUINA** ✓

Chức vụ : Phó tổng Giám Đốc

代表人 : 张慧娜小姐

职务 : 副总经理

Sau khi bàn bạc, hai bên cùng thỏa thuận ký kết hợp đồng với các điều khoản như sau:

经协商, 双方达成一致同意签署本合同, 条款如下:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

第一条: 合同内容

- Bên B đồng ý bán và bên A đồng ý thu mua phế liệu các loại theo danh mục tại điều 2 của hợp đồng này.
乙方同意出售, 甲方同意按照本合同第 2 条的清单收购各类废料。
- Địa điểm giao nhận phế liệu tại công ty: **CÔNG TY TNHH TỬ BẾP BLOOM**; Địa chỉ: Lô H3, Đường Đ4, Khu Công Nghiệp Minh Hưng III, Phường Minh Hưng, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

废料交接地点: 百隆橱柜有限公司; 地址: 越南, 同奈省, 明兴坊, 明兴三工业区, D4路, H3地段。

- Thời gian thu gom: Theo yêu cầu của Bên B.
收集时间: 按照乙方的要求

ĐIỀU 2: ĐƠN GIÁ - PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

第二条: 单价-付款方式

1. Đơn giá 单价:

Bên B đồng ý bán những phế liệu cho bên A được liệt kê trong Bảng dưới đây:
乙方同意按下面的清单向甲方出售各类废料。

STT 序号	DANH MỤC 项目	ĐVT 单位	ĐƠN GIÁ THU MUA 收购单价	GHI CHÚ 备注
1	Dăm bào 木屑	Xe 6 Tấn-6 吨/车	9.000.000 VNĐ	
2	Củi 木块	Xe 6 Tấn-6 吨/车	6.000.000 VNĐ	
3	Sắt 废铁	Kg 公斤	8.000 VNĐ	
4	Phi 废铁桶	Cái 个	120.000 VNĐ	
5	Bịch nilon 废塑料	Kg 公斤	10.000 VNĐ	
6	Giấy 废纸	Kg 公斤	3.000 VNĐ	
7	Thùng sắt nhỏ, thùng Nhựa nhỏ, ... 小油漆桶, 固废。	Cái 个	6.000 VNĐ	
8	Chất thải công nghiệp, 工业垃圾	Kg 公斤		Miễn phí 免费处理

❖ Ghi chú 备注:

- Đơn giá trên đã bao gồm thuế VAT.
以上单价包含增值税。
- Khi giá cả thị trường có biến động lớn, hai bên thống nhất điều chỉnh lại đơn giá này thông qua phụ lục hợp đồng, có sự xác nhận của hai bên. Phụ lục hợp đồng là một phần không thể tách rời của hợp đồng này.

当市场价格波动较大时, 双方同意通过附录合同重新调整单价, 并需要经过双方确认。附录合同为本合同不可分割的一部分。

2. Đặt cọc 押金:

- Vào thời điểm ký hợp đồng, Bên A đặt cọc cho Bên B số tiền là 1.000.000.000 VNĐ (Bằng chữ: Một tỷ Việt Nam đồng). Số tiền đặt cọc này Bên B sẽ hoàn trả lại cho Bên A trong vòng 10 ngày kể từ ngày kết thúc hợp đồng và hai bên không có tranh chấp nào phát sinh.

在签订合同时, 甲方向乙方押金 1.000.000.000 越南盾 (十亿越南盾)。合同到期时, 且双方不存在任何争议, 该金额在合同终止之日起 10 日内乙方把全部押金退还给甲方。

- Trong thời gian hợp đồng, nếu bên B tự ý bán phế liệu ra bên ngoài hoặc tự ý hủy bỏ hợp đồng mà không có sự đồng ý của bên A thì bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho bên A bằng số tiền mà bên A đã đặt cọc. Đồng thời bên B hoàn trả lại toàn bộ tiền cọc cho bên A.

在合同期内, 若乙方擅自将废料出售给第三方或未经甲方同意单方面解除合同, 则乙方须承担责任, 并向甲方赔偿相当于甲方已支付押金金额。并且, 乙方要把全部押金归还给甲方。

- Nếu bên A tự ý hủy hợp đồng thì sẽ mất tiền cọc.

如甲方自动取消合同, 甲方将失去此押金。

3. Phương thức thanh toán 付款方式:

- Sau mỗi đợt thu gom, căn cứ vào khối lượng thực tế được xác định bằng biên bản giao nhận có chữ ký xác nhận bởi đại diện 02 bên.

每次收货后, 根据实际数量以双方代表人签字确认的交接单为准。

- Vào ngày cuối cùng của mỗi tháng, hai bên tiến hành đối chiếu công nợ. Bên A có trách nhiệm thanh toán tiền thu mua cho Bên B vào ngày 10 hàng tháng, nếu trùng ngày nghỉ sẽ chuyển sang ngày hôm sau.

在每月月底, 双方进行对账。甲方有责任每月 10 日向乙方支付货款, 如遇节假日, 则转至隔天。

ĐIỀU 3: TRÁCH NHIỆM CỦA HAI BÊN

第三条: 双方责任

1. Trách nhiệm của Bên A 甲方责任:

- Khảo sát và nắm rõ nội quy của bên B để thực hiện nghiêm túc các nguyên tắc.
调查了解乙方的各项规章制度, 严格执行原则。
- Bên A có trách nhiệm thực hiện việc thu gom theo yêu cầu của bên B để tránh tình trạng ứ đọng kho bãi, bảo đảm các loại phế thải được tái sử dụng theo quy định về bảo vệ môi trường.
甲方负责应乙方要求进行收集, 避免仓库滞留, 并确保各类废物按照环境保护法规进行再使用。
- Sau khi thu gom, bên A phải dọn dẹp sạch sẽ, đảm bảo mỹ quan cho khuôn viên bên B.
收集完之后, 甲方必须清理干净, 保证乙方公司园区的美观。
- Nhân viên bên A khi vào bên trong công ty bên B phải có thái độ đúng mực, tuyệt đối không được có những hành vi vi phạm pháp luật. Nếu phát hiện vi phạm thì bên A phải chịu hình thức xử phạt 10.000.000 VNĐ/lần.
甲方员工进入乙方公司必须有正确的态度, 绝对不做出违法行为。如果发现甲方违规, 则必须对甲方进行处罚 10.000.000 越南盾 / 次。
- Trong quá trình thực hiện nếu bên A không đảm bảo vệ sinh môi trường và an toàn phòng cháy chữa cháy cho bên B tại khu vực kho phế liệu thì bên A phải hoàn toàn chịu trách nhiệm xử lý và bồi thường thiệt hại cho bên B (nếu có)
实施过程中, 如甲方未能确保乙方废品仓库区域内的环境卫生和消防安全, 甲方必须负责处理和赔偿乙方的所有损失 (如有)。

- Nếu có trường hợp ngoài ý muốn liên quan đến nội dung hợp đồng ký kết giữa hai bên như nêu trên, bên B cần sự phối hợp của bên A thì bên B liên hệ với bên A, bên A sắp xếp trong thời gian sớm nhất có mặt tại công ty bên B để cùng nhau bàn bạc giải quyết.
如双方签订合同内容出现问题, 乙方需要甲方配合, 乙方联系甲方, 甲方应尽快安排前往乙方公司, 共同商讨解决。
- Chịu trách nhiệm xử lý tiêu hủy phế liệu đúng và đảm bảo theo quy định về vệ sinh môi trường.
负责按照环境卫生规定妥善处理和销毁废物。
- Thanh toán các khoản chi phí theo đúng Điều 2 của hợp đồng này.
按照本合同第2条支付费用。

2. Trách nhiệm của Bên B 乙方责任:

- Tạo điều kiện thuận lợi cho Bên A ra vào thu gom phế liệu theo hợp đồng này.
按本合同为甲方进出收集废料创造有利条件。
- Cung cấp rõ thời gian cho bên A đến thu gom phế liệu.
为甲方提供明确收集废料的时间。
- Bên B có trách nhiệm tập trung các loại phế liệu vào kho riêng biệt của bên B, để thuận tiện cho Bên A thu nhận phế liệu mà không ảnh hưởng đến sản xuất của bên B.
乙方负责将各类废品收集至乙方独立仓库, 以便甲方收集废品而不影响乙方生产。
- Trong thời gian hiệu lực của hợp đồng, Bên B không được bán vật liệu phế thải với đơn giá đã thỏa thuận trong hợp đồng cho bất kỳ đối tác nào khác nếu Bên A không vi phạm các điều khoản của hợp đồng. Bên B có thể xử lý riêng các vật liệu phế thải khác không được thỏa thuận trong hợp đồng..
在合同有效期内, 甲方在未违反合同条款的情况下, 乙方不能将合同已约定单价的废料出售给任何其他合作伙伴, 合同未约定的其他废料, 乙方可另行处理。

3. Trách nhiệm chung 双方责任:

- Nếu bên nào đơn phương vi phạm hợp đồng thì phải bồi thường thiệt hại cho bên kia và phải chịu sự xử lý theo quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành và phán quyết của Tòa án kinh tế có thẩm quyền.
如果任何一方单方面违反合同, 必须赔偿另一方的损失, 并必须根据越南现行法律和主管经济法院的裁决进行处理。
- Nếu một trong hai bên muốn chấm dứt hợp đồng trước thời hạn thì phải thông báo bằng văn bản trước 30 ngày cho bên kia và được sự đồng ý của đối tác trên tinh thần hợp tác vui vẻ và hoàn thành đầy đủ công nợ tồn đọng (nếu có) trước khi chấm dứt hợp đồng.
任何一方如需提前终止合同, 必须提前 30 天以书面形式通知另一方, 以愉快的合作精神征得合作方的同意, 并在终止合同前完全清偿未偿债务 (如有)。
- Trường hợp hai bên chấm dứt hợp đồng theo thỏa thuận hoặc theo quy định của pháp luật. Các bên phải thực hiện xong việc tất toán hợp đồng thì Bên B mới được quyền ký kết hoặc bán phế liệu cho Bên thứ 3.
双方协议解除本合同或者依法律规定。双方必须完成合同结算后, 乙方才有权根第三方签订或者出售废品给第三方。
- Các Bên cam kết tôn trọng thực hiện nghiêm túc những điều khoản trong Hợp Đồng. Trường hợp có tranh chấp, Các Bên sẽ thương lượng để giải quyết tranh chấp trên tinh thần hữu nghị và hợp lý về mặt thương mại. Một Bên có thể gửi cho Bên kia thông báo bằng văn bản về việc xảy ra tranh chấp ("Thông Báo Tranh Chấp"). Trong vòng bảy (7) ngày làm việc sau khi nhận được Thông Báo Tranh Chấp nêu trên, Các Bên sẽ họp hoặc thảo luận trên điện thoại hoặc video trực tiếp và thương lượng về biện pháp giải quyết cho Tranh Chấp một cách thiện chí. Bất kỳ biện pháp giải quyết nào cho vấn đề đã được

thỏa thuận bằng văn bản cho vụ việc sẽ có giá trị ràng buộc Các Bên. Mỗi Bên sẽ thực hiện các bước cần thiết để thực hiện và làm cho biện pháp giải quyết đó có hiệu lực. Nếu Các Bên không thể đạt được biện pháp giải quyết hữu nghị trong vòng mười bốn (14) ngày làm việc kể từ khi nhận được Thông Báo Tranh Chấp, thì Các Bên đồng ý đưa mọi tranh chấp giữa họ phát sinh từ, liên quan đến, hoặc do hậu quả của Hợp Đồng này hoặc mối quan hệ giữa Các Bên từ Hợp Đồng này mà họ không giải quyết được bằng cách thảo luận hoặc thương lượng một cách thiện chí, ra xét xử tại Toà Án có thẩm quyền.

双方承诺尊重并严格执行合同中的条款。如发生争议，双方将本着友好和商业合理的精神进行协商解决。任何一方可以书面形式发送另一方通知发生（“争议通知”）。在收到上述争议通知后的七（7）个工作日内，双方将通过会议、电话或视频会议进行商量关于以善意方式解决争议的解决方案。任何已达成书面协议的争议解决方案对双方具有约束力。各方将采取必要的步骤来实施并使该解决方案有效。如果双方在收到争议通知后的十四（14）个工作日内未能达成友好解决方案，则双方同意将由此产生、与合同有关或因合同而产生的所有争议提交有管辖权的法院进行裁决。

- Trong thời gian Bên A thu mua phế liệu của bên B, trong trường hợp Bên B bị cơ quan chức năng kiểm tra liên quan đến môi trường. Bên A có trách nhiệm hướng dẫn Bên B các thủ tục liên quan đến môi trường nhằm giảm thiểu việc bên B bị phạt do vi phạm các vấn đề liên quan đến môi trường. Đồng thời, khi bên B bị các cơ quan ban ngành thanh tra liên quan đến môi trường, nếu bị phạt do lỗi của Bên A, thì Bên A sẽ trả toàn bộ chi phí nộp phạt cho nhà nước liên quan đến môi trường.

在甲方向乙方购买废料期间，在乙方被与环境有关的当局检查。甲方负责指导乙方办理与环境相关的手续，为了尽量减少乙方违反环境相关问题的处罚。同时，当乙方接受与环境机构有关检查时，如果因甲方的原因而被罚款，甲方将向与环境相关的国家支付所有罚款。

ĐIỀU 4: THỜI HẠN HỢP ĐỒNG

第四条：合同期间

- Hợp đồng này có thời hạn 1 năm kể từ ngày ký. Từ ngày 21 tháng 11 năm 2025 đến ngày 21 tháng 11 năm 2026.
本合同自签订之日起有效期为 1 年。自 2025 年 11 月 21 日至 2026 年 11 月 21 日止。
- Hai bên phải thống nhất ký biên bản thanh lý hợp đồng bằng văn bản trước ngày hợp đồng này hết hạn 30 ngày. Nếu không hợp đồng sẽ tự động gia hạn, thời hạn tương đương với hợp đồng hiện tại.
双方将在本合同到期 30 天前以书面形式同意签署合同清算。否则合同将自动续签，期限与本合同相同。

ĐIỀU 5: CAM KẾT CHUNG

第五条：集体承诺

- Sau khi ký kết hợp đồng các bên phải bảo đảm an toàn lao động, tránh và phòng ngừa các tổn hại trong quá trình thực hiện hợp đồng.
合同签订后，双方必须确保劳动安全，避免和防止合同履行过程中的损害。
- Hai bên cam kết có đầy đủ giấy tờ hợp pháp theo quy định của pháp luật và tuân thủ tuyệt đối pháp luật Việt Nam, các quy định về môi trường ở địa phương.
双方承诺根据法律规定拥有完整的法律文件，并严格遵守越南法律和当地的环境法规
- Hợp tác trên tinh thần cùng có lợi, thái độ làm việc trung thực, nhã nhặn, lịch sự. Không được có các hoạt động gây ảnh hưởng làm thiệt hại kinh tế lẫn nhau.

本着互惠互利合作精神，诚实、优雅、礼貌的工作态度。不得有给对方造成经济损失的活动。

- Mọi sự sửa đổi, bổ sung các điều khoản trong Hợp Đồng phải được lập thành văn bản có chữ ký xác nhận của cả hai bên. Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng sau khi ký kết sẽ kèm theo hợp đồng chính và có giá trị pháp lý như hợp đồng chính.

Đối với các điều khoản sửa đổi và bổ sung phải được lập thành văn bản có chữ ký xác nhận của cả hai bên. Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng sau khi ký kết sẽ kèm theo hợp đồng chính và có giá trị pháp lý như hợp đồng chính.

- Tích cực góp ý xây dựng, tư vấn về môi trường và tạo điều kiện thuận lợi để hai bên có thể hợp tác lâu dài.

Đề xuất xây dựng, tư vấn về môi trường và tạo điều kiện thuận lợi để hai bên có thể hợp tác lâu dài.

- Hai bên thống nhất không yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

Hai bên thống nhất không yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

- Hai bên cam kết thực hiện đúng nội dung những điều khoản đã ghi trong Hợp Đồng. Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề gì phát sinh hai bên sẽ thông báo cho nhau để cùng bàn bạc, thương lượng giải quyết.

Hai bên cam kết thực hiện đúng nội dung những điều khoản đã ghi trong Hợp Đồng. Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề gì phát sinh hai bên sẽ thông báo cho nhau để cùng bàn bạc, thương lượng giải quyết.

- Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày ký cho tới ngày hai bên hết hợp đồng.

Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày ký cho tới ngày hai bên hết hợp đồng.

- Hợp đồng này bao gồm 05 điều khoản, được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản có giá trị pháp lý như nhau.

Hợp đồng này bao gồm 05 điều khoản, được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A 甲方

(Ký và đóng dấu 签字&盖章)



NGUYỄN XUÂN TÀI

ĐẠI DIỆN BÊN B 乙方

(Ký và đóng dấu 签字&盖章)



ZHANG HUINA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập- Tự Do- Hạnh Phúc

HỢP ĐỒNG XỬ LÝ CHẤT THẢI

Số: 01/2026/XLCT/TP-TBB

- Căn cứ vào Luật Thương Mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 06 năm 2005 và Bộ Luật Dân Sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015 của Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.
- Căn cứ vào Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020.
- Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/11/2020 và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2022.
- Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
- Căn cứ Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường.
- Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
- Căn cứ vào giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600630665-004 của CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI, MÔI TRƯỜNG THIÊN PHƯỚC – CHI NHÁNH TÂY NINH.
- Căn cứ vào nhu cầu và năng lực của hai bên.

Hôm nay, ngày 05 tháng 01 năm 2026 tại Văn phòng Công ty TNHH Tủ Bếp Bloom, chúng tôi gồm:

BÊN A: CÔNG TY TNHH TỦ BẾP BLOOM

Địa chỉ: Lô H3, Đường Đ4, Khu Công Nghiệp Minh Hưng III, Phường Minh Hưng, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Điện thoại: 0819 808 798

Mã số thuế: 3801275876

Do Ông/Bà: **ZHANG, HUINA**

Chức vụ: Phó tổng giám đốc

BÊN B: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI, MÔI TRƯỜNG THIÊN PHƯỚC - CHI NHÁNH TÂY NINH.

Địa chỉ: Ấp 5, xã Truông Mít, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.

Điện thoại: 0988.995.707

Fax:

Tài khoản số: 225566699 - Ngân hàng Techcombank chi nhánh Đồng Nai.

Mã số thuế: 3600630665-004

Đại diện: Ông **NGUYỄN XUÂN VĨNH**

Chức vụ: Giám đốc

Hai bên đã cùng nhau tiến hành bàn bạc và thống nhất ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải với những nội dung như sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

- 1.1.** Theo yêu cầu của Bên A, Bên B đồng ý đảm nhiệm việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại (CTNH), (chất thải này sau đây được gọi là “chất thải”) mà Bên B được phép vận chuyển trong Giấy phép xử lý chất thải nguy hại số 3-4-5-6.037.VX do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp lần 2 ngày 30/12/2021.
- 1.2.** Bên A sẽ giao chất thải cho Bên B tại bãi thu gom chất thải của Bên A (Địa chỉ: Lô H3, Đường Đ4, Khu Công Nghiệp Minh Hưng III, Phường Minh Hưng, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam). Bên B vận chuyển chất thải đến địa điểm Nhà máy xử lý để tiến hành xử lý toàn bộ chất thải theo đúng quy định của Pháp luật.
- 1.3.** Thời gian thu gom: Thu gom các ngày trong tuần buổi sáng từ 7h30-11h30, buổi chiều từ 12h30-16h30 (Trừ ngày lễ và ngày tết).
- 1.4.** Thời hạn hiệu lực của Hợp đồng: Hợp đồng có hiệu lực 1 (một) năm kể từ ngày ký.

ĐIỀU 2: GIÁ CẢ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

2.1. Đơn giá

Đơn giá của từng loại chất thải được thể hiện trong bảng sau:

STT	TÊN CHẤT THẢI	ĐVT	MÃ CTNH	ĐƠN GIÁ XỬ LÝ (VNĐ/ĐVT)
1.	Cặn sơn thải	Kg	08 01 01	2.500
2.	Bùn thải lẫn cặn sơn hoặc Vecni	Kg	08 01 02	2.500
3.	Thùng kim loại đựng sơn	Kg	18 01 02	2.500
4.	Hộp mực in, photo	Kg	08 02 04	2.500
5.	Bóng đèn huỳnh quang hư hỏng	Kg	16 01 06	2.500

6.	Thùng đựng dầu nhớt bằng nhựa	Kg	18 01 03	2.500
7.	Giẻ lau, bao tay dính dầu nhớt, dính sơn	Kg	18 02 01	2.500
8.	Dầu nhớt thải	Kg	17 02 04	2.500
9.	Pin, ắc quy chì thải	Kg	19 06 01	2.500
10.	Bông dạng sợi thải dính thành phần nguy hại	Kg	18 02 01	2.500
11.	Than hoạt tính	Kg	12 01 04	2.500
12.	Bao bì mềm thải	Kg	18 01 01	2.500
13.	Bao bì cứng thải	Kg	18 01 04	2.500
14.	Bùn thải từ HTXL nước thải	Kg	12 06 05	2.500

Ghi chú :

- Đơn giá trên đã bao gồm chi phí thu gom, vận chuyển.
 - Bên A hỗ trợ nâng hàng lên xe.
 - Đơn giá trên chưa bao gồm thuế VAT (theo quy định hiện hành của nhà nước tại thời điểm xuất hóa đơn);
 - Đơn giá trên áp dụng cho các chuyến thu gom tối thiểu khối lượng từ 5000 kg/chuyến.
- 2.2. Đơn giá trên sẽ thay đổi khi có quy định mới liên quan của các cơ quan chính quyền hoặc có sự thoả thuận bằng văn bản trên cơ sở pháp lý giữa hai Bên.

2.3. Hình thức thanh toán:

- Sau khi Bên A nghiệm thu kết quả thu gom vận chuyển, xử lý chất thải mà Bên B đã thực hiện. Bên B phát hành hóa đơn giá trị gia tăng, biên bản xử lý chất thải cho Bên A.
- Hình thức thanh toán: **Chuyển khoản bằng tiền Việt Nam đồng (VNĐ)**
- Thời hạn thanh toán: **Bên A thanh toán chi phí cho Bên B chậm nhất 30 ngày kể từ ngày nhận đầy đủ hóa đơn và chứng từ biên bản kèm theo.**

Khi thanh toán, Bên A vui lòng ghi rõ nội dung thanh toán theo cú pháp:

“Tên công ty+ nội dung thanh toán+ hóa đơn số...tháng....năm...”

- Thông tin nhận hóa đơn điện tử:bloomnhansu@gmail.com

Thông tin tài khoản:

- Chủ tài khoản: **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI, MÔI TRƯỜNG THIÊN PHƯỚC – CHI NHÁNH TÂY NINH.**
 - Số tài khoản: 225566699 – Ngân hàng Techcombank – Chi nhánh Đồng Nai.
- 2.4. Nếu quá thời hạn trên mà Bên A không thanh toán cho Bên B thì:
- Bên A phải chịu phạt với mức lãi suất theo mức lãi suất tín dụng quá hạn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tại thời điểm thanh toán đối với phần giá trị chưa thanh toán.
 - Bên B ngừng thu gom chất thải cho Bên A.

ĐIỀU 3. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

3.1. Trách nhiệm của Bên A:

- Bên A có trách nhiệm cung cấp cho Bên B bản sao của Sổ chủ nguồn thải chất thải nguy hại hợp lệ (hoặc Giấy phép môi trường còn hiệu lực) đã đăng ký với các cơ quan chức năng. Bên A hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về tính pháp lý của các giấy tờ đã nói trên. Nếu có bất kỳ sai sót nào liên quan thì Bên B có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng này.
- Bên A hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp Luật về các loại chất thải giao cho Bên B để xử lý. Chất thải này phải đúng với tên gọi đã nêu ở Mục 2.1.
- Bên A phải bố trí điểm lấy chất thải nguy hại ở vị trí xe ra vào thuận tiện.
- Bên A có trách nhiệm bố trí phương tiện và thiết bị để xếp các thùng chất thải lên phương tiện của Bên B tại địa điểm thu gom (ví dụ: xe nâng).
- Sau khi vận chuyển chất thải, đại diện các Bên phải cùng ký vào Biên bản xác nhận khối lượng chất thải để làm cơ sở thanh toán và thanh lý Hợp đồng sau này.
- Tuân thủ các yêu cầu của Nhà Nước về Luật Môi trường và các văn bản dưới luật khác đối với trách nhiệm của chủ nguồn thải.
- Trong khi Hợp đồng này còn hiệu lực, Bên A không được giao các loại chất thải này cho các đơn vị khác để thu gom, vận chuyển, xử lý hoặc thu mua.
- Chịu trách nhiệm thanh toán cho Bên B đầy đủ và đúng hạn theo quy định tại Điều 2 của Hợp đồng này.

3.2. Trách nhiệm của Bên B:

- Bên B tự chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của hoạt động dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải.
- Bên B không nhận xử lý và không chịu trách nhiệm khi Bên A giao các loại chất thải không đúng với sổ xe và Nhân viên giao nhận có trong Lệnh điều động lấy hàng của Bên B. Bên B không nhận xử lý và không chịu trách nhiệm khi Bên A giao các loại CTNH không có trong Giấy phép xử lý chất thải nguy hại số 3-4-5-6.037.VX do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp lần 2 ngày 30/12/2021.
- Trong quá trình thực hiện việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải, Bên B phải tuyệt đối tuân thủ theo đúng các quy định hiện hành của Pháp luật.
- Cán bộ, nhân viên của Bên B khi ra vào làm việc tại khu vực của Bên A phải chấp hành nội quy nơi làm việc, thực hiện theo đúng hệ thống quản lý an toàn và bảo vệ môi trường của Bên A để đảm bảo trật tự an toàn cho nơi làm việc của Bên A; nhân viên của Bên B phải tuyệt đối chấp hành mọi chỉ dẫn của người đại diện Bên A về việc đi lại, vị trí thu gom chất thải.
- Tất cả các xe vận chuyển chất thải của Bên B phải là xe chuyên dụng để tránh rơi vãi chất độc hại ra môi trường trong quá trình vận chuyển.
- Có trách nhiệm ký vào Biên bản xác nhận khối lượng chất thải để làm cơ sở thanh toán và thanh lý Hợp đồng sau này.

ĐIỀU 4. PHƯƠNG PHÁP GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

Các bên cam kết thực hiện nghiêm túc thỏa thuận tại Hợp đồng này. Mọi tranh chấp phát sinh các bên cùng giải quyết bằng thương lượng trên cơ sở tôn trọng quyền lợi của nhau, trường hợp không thể thương lượng được thì một trong các bên có quyền khởi kiện tại Tòa án nhân dân cấp có thẩm quyền để giải quyết theo luật định.

Mọi thay đổi phát sinh trong thời gian thực hiện Hợp đồng này mà chưa được các bên thỏa thuận thì phải lập thành văn bản dưới hình thức “Phụ lục hợp đồng”. Phụ lục hợp đồng phải được xác nhận, ký tên và đóng dấu hợp pháp, Phụ lục hợp đồng là phần không thể tách rời đối với Hợp đồng này.

ĐIỀU 5. HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký. Trong thời hạn 30 ngày trước khi hợp đồng hết hiệu lực, hai bên thỏa thuận việc gia hạn hợp đồng.

Hợp đồng được lập thành 04 (bốn) bản mỗi bên giữ 02 (hai) bản, các bản đều có giá trị pháp lý như nhau.

Đồng Nai, ngày 05 tháng 01 năm 2026

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B



TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG		CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI 3541/2025/1-2-3-4-5-6.033.VX			270			
1. Chủ CS DVXL CTNH 1: CÔNG TY TNHH SX-TM-DV MÔI TRƯỜNG VIỆT XANH Số Giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.033.VX Địa chỉ văn phòng: Lô N1, Đường N8, KCN Nam Tân Uyên, Phường Khánh Bình, Thành phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương ĐT: 0274.3653.076 Địa chỉ cơ sở/đại lý: Lô N1, Đường N8, KCN Nam Tân Uyên, Phường Khánh Bình, Thành phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương ĐT: 0274.3653.076								
2. Chủ CS DVXL CTNH 2: Số Giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH: Địa chỉ văn phòng: ĐT: Địa chỉ cơ sở: ĐT:								
3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH TỬ BẾP BLOOM Giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH: N/A Địa chỉ văn phòng: Lô H3, Đường Đ4, Khu Công Nghiệp Minh Hưng III, Phường Minh Hưng, Thị xã Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam ĐT: 0819 808 798 Địa chỉ cơ sở: Lô H3, Đường Đ4, Khu Công Nghiệp Minh Hưng III, Phường Minh Hưng, Thị xã Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam ĐT: 0819 808 798								
4. kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)								
Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #	
		Rắn	Lỏng	Bùn				
1	Cặn sơn thải	X			08 01 01	1093	TĐ	
2	Bùn thải lẫn cặn sơn hoặc Vecni			X	08 01 02	110	TĐ	
3	Thùng kim loại đựng sơn	X			18 01 02	222	TĐ	
4	Hộp mực in, photo	X			08 02 04	0	TĐ	
5	Bóng đèn huỳnh quang hư hỏng	X			16 01 06	4	XN, HR	
6	Thùng đựng dầu nhớt bằng nhựa	X			18 01 03	30	TĐ	
7	Giẻ lau, bao tay dính dầu nhớt, dính sơn	X			18 02 01	158	TĐ	
8	Dầu nhớt thải		X		17 02 04	21	TĐ	
9	Pin, ắc quy chì thải	X			19 06 01	2.5	PD	
10	Bông dạng sợi thải dính thành phần nguy hại	X			18 02 01	5.9	TĐ	
11	Than hoạt tính	X			12 01 04	120	HR	
12	Bao bì mềm thải	X			18 01 01	0	TĐ	
13	Bao bì cứng thải	X			18 01 04	0	TĐ	
14	Bùn thải từ HTXL nước thải			X	12 06 05	0	TĐ	
# Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/ lọc/ kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).								
5. Xuất khẩu CTNH (nếu có): Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập: Số hiệu phương tiện: Ngày xuất cảng: Cửa khẩu xuất:								
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4: Số hiệu vận chuyển: 61H.16285								
7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DVXL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Võ Hoài Nam Ký: Ngày: 25/03/2025								
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DVXL CTNH 2: Ký: Ngày:								
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)					8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4			

Bình Phước, ngày 25 tháng 03 năm 2025

Chức danh người ký
(Chữ ký, đóng dấu)



Zhang Hui Na

Bình Dương, ngày 18 tháng 4 năm 2025

Chức danh người ký
(Chữ ký, đóng dấu)



GIÁM ĐỐC KINH DOANH

Nguyễn Trường Giang

@Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□

Ghi chú :

(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG		CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI  /2025/1-2-3-4-5-6.033.VX					
1. Chủ CS DVXL CTNH 1: CÔNG TY TNHH SX-TM-DV MÔI TRƯỜNG VIỆT XANH Số Giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.033.VX							
Địa chỉ văn phòng: Lô N1, Đường N8, KCN Nam Tân Uyên, Phường Khánh Bình, Thành phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương						ĐT: 0274.3653.076	
Địa chỉ cơ sở/dại lý: Lô N1, Đường N8, KCN Nam Tân Uyên, Phường Khánh Bình, Thành phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương						ĐT: 0274.3653.076	
2. Chủ CS DVXL CTNH 2: Số Giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH:							
Địa chỉ văn phòng:						ĐT:.....	
Địa chỉ cơ sở:						ĐT:.....	
3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH TỬ BẾP BLOOM Giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH: N/A							
Địa chỉ văn phòng: Lô H3, Đường Đ4, Khu Công Nghiệp Minh Hưng III, Phường Minh Hưng, Thị xã Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam						ĐT: 0819 808 798	
Địa chỉ cơ sở: Lô H3, Đường Đ4, Khu Công Nghiệp Minh Hưng III, Phường Minh Hưng, Thị xã Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam						ĐT: 0819 808 798	
4. kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Cặn sơn thải	X			08 01 01	1804	TĐ
2	Bùn thải lẫn cặn sơn hoặc Vecni			X	08 01 02	126	TĐ
3	Thùng kim loại đựng sơn	X			18 01 02	382.2	TĐ
4	Hộp mực in, photo	X			08 02 04	2.6	TĐ
5	Bóng đèn huỳnh quang hư hỏng	X			16 01 06	5.3	XN, HR
6	Thùng đựng dầu nhớt bằng nhựa	X			18 01 03	43.8	TĐ
7	Giẻ lau, bao tay dính dầu nhớt, dính sơn	X			18 02 01	273	TĐ
8	Dầu nhớt thải		X		17 02 04	36.8	TĐ
9	Pin, ắc quy chì thải	X			19 06 01	4.2	PD
10	Bông dạng sợi thải dính thành phần nguy hại	X			18 02 01	10.2	TĐ
11	Than hoạt tính	X			12 01 04	479.5	HR
12	Bao bì mềm thải	X			18 01 01	0	TĐ
13	Bao bì cứng thải	X			18 01 04	0	TĐ
14	Bùn thải từ HTXL nước thải			X	12 06 05	0	TĐ
# Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/ lọc/ kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).							
5. Xuất khẩu CTNH (nếu có): Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập:							
Số hiệu phương tiện: Ngày xuất cảng:							
Cửa khẩu xuất:							

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4: Số hiệu vận chuyển: <u>61C-190.81</u>	
7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DVXL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: <u>LÊ XUÂN HOÀNG</u> Ký: <u>[Signature]</u> Ngày: 26/06/2025	
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DVXL CTNH 2: _____ Ký: _____ Ngày: _____	
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5) Bình Phước, ngày 26 tháng 06 năm 2025 Chức danh người ký (Chữ ký, đóng dấu)  <u>[Signature]</u> <u>Thang Hui Na</u>	8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 Bình Dương, ngày <u>7</u> tháng <u>7</u> năm 2025 Chức danh người ký (Chữ ký, đóng dấu)  <u>[Signature]</u> GIÁM ĐỐC KINH DOANH <u>Nguyễn Trường Giang</u>
@Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□ Ghi chú : _____ (ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)	

TỈNH/THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH		CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI 15249/2025/263/GPMT-BNNMT					
1. Chủ CS DVXL CTNH 1: CÔNG TY TNHH SX-TM-DV MÔI TRƯỜNG VIỆT XANH Số Giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH: 263/GPMT-BNNMT							
Địa chỉ văn phòng: Lô N1, đường N8, KCN Nam Tân Uyên, Phường Tân Hiệp, TP Hồ Chí Minh						ĐT: 0274.3653.076	
Địa chỉ cơ sở: Lô N1, đường N8, KCN Nam Tân Uyên, Phường Tân Hiệp, TP Hồ Chí Minh						ĐT: 0274.3653.076	
2. Chủ CS DVXL CTNH 2: Số Giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH:							
Địa chỉ văn phòng:						ĐT:.....	
Địa chỉ cơ sở:						ĐT:.....	
3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH TỬ BẾP BLOOM Giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH: N/A							
Địa chỉ văn phòng: Lô H3, Đường Đ4, Khu Công Nghiệp Minh Hưng III, Phường Minh Hưng, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam						ĐT:0819 808 798	
Địa chỉ cơ sở: Lô H3, Đường Đ4, Khu Công Nghiệp Minh Hưng III, Phường Minh Hưng, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam						ĐT: 0819 808 798	
4. kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Cặn sơn thải	X			08 01 01	1872.4	TĐ
2	Bùn thải lẫn cặn sơn hoặc Vecni			X	08 01 02	128	TĐ
3	Thùng kim loại đựng sơn	X			18 01 02	396.4	TĐ
4	Hộp mực in, photo	X			08 02 04	2.7	TĐ
5	Bóng đèn huỳnh quang hư hỏng	X			16 01 06	5.4	XN, HR
6	Thùng đựng dầu nhớt bằng nhựa	X			18 01 03	45.4	TĐ
7	Giẻ lau, bao tay dính dầu nhớt, dính sơn	X			18 02 01	283.1	TĐ
8	Dầu nhớt thải		X		17 02 04	38.1	TĐ
9	Pin, ắc quy chì thải	X			19 06 01	4.4	PD
10	Bông dạng sợi thải dính thành phần nguy hại	X			18 02 01	10.5	TĐ
11	Than hoạt tính	X			12 01 04	497.3	HR
12	Bao bì mềm thải	X			18 01 01	0	TĐ
13	Bao bì cứng thải	X			18 01 04	0	TĐ
14	Bùn thải từ HTXL nước thải			X	12 06 05	0	TĐ
# Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).							
5. Xuất khẩu CTNH (nếu có): Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập:							
Số hiệu phương tiện: Ngày xuất cảng:							
Cửa khẩu xuất:							
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4: Số hiệu vận chuyển: 61H-162.85							
7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DVXL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: LÊ XUÂN HỒNG Ký: Ngày: 29/09/2025							
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DVXL CTNH 2: Ký: Ngày:							

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Đồng Nai, ngày 29 tháng 09 năm 2025

Chức danh người ký
(Chữ ký, đóng dấu)



Zhang Hui Na

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 10 năm 2025

Chức danh người ký
(Chữ ký, đóng dấu)



GIÁM ĐỐC KINH DOANH
Nguyễn Trường Giang

@Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□

Ghi chú :
(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

TỈNH/THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI 20415 /2025/263/GPMT-BNNMT	
-------------------------------	---	--

1. Chủ CS DVXL CTNH 1: CÔNG TY TNHH SX-TM-DV MÔI TRƯỜNG VIỆT XANH Số Giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH: 263/GPMT-BNNMT	
Địa chỉ văn phòng: Lô N1, đường N8, KCN Nam Tân Uyên, Phường Tân Hiệp, TP Hồ Chí Minh	ĐT: 0274.3653.076
Địa chỉ văn phòng: Lô N1, đường N8, KCN Nam Tân Uyên, Phường Tân Hiệp, TP Hồ Chí Minh	ĐT: 0274.3653.076

2. Chủ CS DVXL CTNH 2:		Số Giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH:
Địa chỉ văn phòng:	ĐT:	
Địa chỉ cơ sở:	ĐT:	

3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH TÚ BẾP BLOOM		Giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH: BLOOM
Địa chỉ văn phòng: Lô H3, Đường Đ4, Khu Công Nghiệp Minh Hưng III, Phường Minh Hưng, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	ĐT: 0819 808 798	
Địa chỉ cơ sở: Lô H3, Đường Đ4, Khu Công Nghiệp Minh Hưng III, Phường Minh Hưng, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	ĐT: 0819 808 798	

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Cặn sơn thải	X			08 01 01	1769.3	TĐ
2	Bùn thải lẫn cặn sơn hoặc Vecni			X	08 01 02	123	TĐ
3	Thùng kim loại đựng sơn	X			18 01 02	375.1	TĐ
4	Hộp mực in, photo	X			08 02 04	2.6	TĐ
5	Bóng đèn huỳnh quang hư hỏng	X			16 01 06	5.2	XN, HR
6	Thùng đựng dầu nhớt bằng nhựa	X			18 01 03	42.9	TĐ
7	Giẻ lau, bao tay dính dầu nhớt, dính sơn	X			18 02 01	267.9	TĐ
8	Dầu nhớt thải		X		17 02 04	36.1	TĐ
9	Pin, ắc quy chì thải	X			19 06 01	4.1	PD
10	Bông dạng sợi thải dính thành phần nguy hại	X			18 02 01	10	TĐ
11	Than hoạt tính	X			12 01 04	470.6	HR
12	Bao bì mềm thải	X			18 01 01	0	TĐ
13	Bao bì cứng thải	X			18 01 04	0	TĐ
14	Bùn thải từ HTXL nước thải			X	12 06 05	187.2	TĐ

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) :	Nước nhập khẩu:	Cửa khẩu nhập:
Số hiệu phương tiện:	Ngày xuất cảng:	
Cửa khẩu xuất:		

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4: Số hiệu vận chuyển: 61 H 16285

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DVXL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Nguyễn Văn Phúc	Ký: [Signature]	Ngày: 27/12/2025
---	---	--

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Đồng Nai, ngày 27 tháng 12 năm 2025

Chức danh người ký

(Chữ ký, đóng dấu)



Zhang Hui Na

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Hồ Chí Minh, ngày 5 tháng 1 năm 2026

Chức danh người ký

(Chữ ký, đóng dấu)



Nguyễn Trường Giang

@Liên số:

1□ - 2□ - 3□ - 4□

Ghi chú :

(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN VẬT LIỆU

Theo quy định GB / T16483, GB / T17519

PHẦN 1 - Nhận dạng sản phẩm và công ty

Mã sản phẩm	: ZK4204X
Mô tả Sản phẩm	: Sơn lót AC Clear
Mục đích sử dụng	: Sơn phủ gỗ
Ngày sửa đổi	: 2 tháng 3 năm 2020
Tên công ty	: CÔNG TY TNHH VẬT LIỆU MỚI ZHANCHEN (VIỆT NAM)
Địa chỉ nhà	: LÔ F6 (KHU B3) ĐƯỜNG D2 & D9, KHU CÔNG NGHIỆP RẠCH GIÁ, AN ĐIEN COMMUNE, THỊ TRẤN BẾN CÁI, TỈNH BÌNH DƯƠNG, VIỆT NAM.
Điện thoại	: 0274 3555 208
Số fax	: 0274 3555 209
Điện thoại khẩn cấp	: 0274 3555 208
Địa chỉ email	: zhanchengroup@gmail.com

PHẦN 2 - Nhận dạng các mối nguy hiểm

Tóm tắt khẩn cấp	: Chất lỏng. Dễ cháy, hỗn hợp hơi và không khí của nó có thể tạo thành hỗn hợp nổ. Có thể gây ra tổn thương phổi nghiêm trọng nếu nuốt phải. Gây dị ứng cho da. Nguy cơ thiết hại nghiêm trọng cho mắt. Gây khó chịu cho hệ hô hấp. Hơi có thể gây ra buồn ngủ và chóng mặt.
Phân loại mối nguy theo GHS	: Theo tiêu chuẩn loạt GB 30000-2013: Quy tắc phân loại và ghi nhãn của hóa chất. Phân loại nguy hiểm như sau: Chất lỏng dễ cháy, Loại 3; Nguy cơ hít thở, Loại 1; Ăn mòn da / Kích ứng, Nhóm 2; Mắt nghiêm túc thiết hại / Kích ứng, Loại 1; Độc tính cơ quan đích cụ thể-phơi nhiễm một lần: Tiêu chí đối với kích ứng đường hô hấp, Nhóm 3; Độc tính cơ quan đích cụ thể-đơn lẻ phơi nhiễm: Tiêu chí về tác dụng gây mê, Nhóm 3; Gây đột biến tế bào gốc, Loại 1.
Yếu tố nhãn	
-Tranh tư vấn hình	: 
-Từ ký hiệu	: Nguy hiểm
-Báo cáo nguy hiểm	: Chất lỏng và hơi dễ cháy. Có thể gây tử vong nếu nuốt phải và đi vào đường hô hấp. Có thể gây kích ứng đường hô hấp. Có thể gây buồn ngủ hoặc chóng mặt.
-Báo cáo nguy cơ bổ sung	: Phơi nhiễm nhiều lần có thể gây ra khô hay nứt da.
Các báo cáo đề phòng	
-Phòng ngừa	: Tránh xa nguồn nhiệt, bề mặt nóng, tia lửa, ngọn lửa trần và các nguồn bắt lửa khác. Không hút thuốc lá. Tránh hít thở bụi / khói / khí / sương mù / hơi / phun.
-Phản ứng	: Nếu trên da (hoặc tóc): Cởi bỏ ngay tất cả quần áo bị nhiễm bẩn. Rửa sạch da với nước / vòi hoa sen. NEU HÍT PHẢI: Chuyển người bệnh đến nơi có không khí trong lành và giữ cảm giác thoải mái cho việc thở. Gọi cho một TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC / bác sĩ nếu bạn cảm thấy không khỏe.



BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN VẬT LIỆU

Theo quy định GB / T16483, GB / T17519

Trong trường hợp cháy: Dùng cát khô, hóa chất khô hoặc bột chống cồn để dập tắt.
-Kho : Lưu trữ ở nơi thông gió tốt. Giữ kín thùng chứa.

PHẦN 3 - Thành phần / thông tin về các thành phần

Chất / Hỗn hợp : Hỗn hợp

Thành phần	CAS không.	Trọng lượng (%)
Nhựa alkyl	63148-69-6	30-50
Xylene	13h30-20-7	10-20
N-butyl axetat	123-86-4	5-10
Rượu N-butyl	71-36-3	5-10
Nhựa fomandehit melamine	9003-08-1	20-30

PHẦN 4 - Các biện pháp sơ cứu

Tiếp xúc với da : Để loại bỏ quần áo bị nhiễm bẩn, cần phải làm sạch bằng nhiều chất tẩy rửa và xà phòng, hoặc lau sạch bằng gạc hoặc vải bông tẩm dầu thực vật.
Tiếp xúc mắt : Trong trường hợp tiếp xúc, hãy xả với nhiều nước trong ít nhất 15 phút. Đổ đầy đủ bằng cách dùng ngón tay tách mí mắt. Nếu kích ứng vẫn còn, hãy gọi cho bác sĩ.
Phơi nhiễm qua đường hô hấp : Nếu hít phải, di chuyển đến nơi có không khí trong lành. Nếu cần, hãy tìm kiếm sự chăm sóc y tế.
Tiếp xúc bằng miệng : Nếu nuốt phải, rửa sạch miệng bằng nước nếu người đó còn tỉnh táo. Gọi cho một bác sĩ.

PHẦN 5 - Các biện pháp chữa cháy

Đặc điểm nguy hiểm : Dễ cháy, hơi nước và không khí của nó có thể tạo thành hỗn hợp nổ và rất dễ cháy và nổ dưới ánh lửa và nhiệt độ cao. Nó có thể phản ứng mạnh với chất oxy hóa đại lý. Nó dễ dàng tạo ra và thu thập tĩnh điện, và có nguy cơ cháy và nổ.
Phương tiện chữa cháy : Bột hóa chất khô, carbon dioxide hoặc bột thích hợp.
Các biện pháp phòng ngừa và chữa cháy : Linh cứu hỏa phải đeo thiết bị thở khép kín, mặc áo chống cháy toàn thân và quần áo chống độc, và dập lửa trong gió trên. Phun nước làm mát, nếu có thể, hãy di chuyển thùng chứa từ khu vực cháy ra chỗ trống. Nếu thùng chứa trong hiện trường cháy đã đổi màu hoặc tạo ra âm thanh từ nơi an toàn thiết bị giảm áp, nó phải được sơ tán ngay lập tức. Chữa cháy bằng nước không hiệu quả.
Ngăn ngừa thảm họa thứ cấp : Loại bỏ nguồn lửa điểm và ngăn rò rỉ vào cống.

Phần 6: Biện pháp báo cáo tai nạn

Quy trình Đề phòng Cá nhân : Thực hiện các biện pháp phòng ngừa thích hợp để giảm thiểu tiếp xúc trực tiếp với da hoặc mắt và



BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN VẬT LIỆU

Theo quy định GB / T16483, GB / T17519

	ngăn ngừa hít phải bụi.
Các biện pháp bảo vệ môi trường	: Ngăn chặn rò rỉ xâm nhập vào nước, cống rãnh, tầng hầm, hoặc không gian hạn chế.
Phương pháp làm sạch	
-Rò rỉ trên đất liền	: Rò rỉ nhỏ, trộn với vật liệu trơ (ví dụ: cát khô, vermiculite) và chuyển đến nơi kín thùng chứa để xử lý. Rò rỉ lớn, xây kè hoặc đào hố để trú ẩn. Bọc bằng xốp để giảm nguy hiểm hơn. Chuyển đến xe bồn hoặc bộ thu gom đặc biệt có bơm chống nổ để thu hồi hoặc vận chuyển đến nơi xử lý chất thải.
-Rò rỉ trong nước	: Nếu không thấy nguy hiểm, có thể tiến hành các biện pháp ngăn chặn sự cố rò rỉ, đầu tràn ngay lập tức phạm vi giới hạn hàng rào, Kéo từ bề mặt, cảnh báo các tàu khác.
Tham khảo Phần 8 để biết thêm thông tin bảo vệ cá nhân.	
Tham khảo Phần 13 để biết các cân nhắc về việc thải bỏ.	

Phần 7: X H lý và bảo quản

Các biện pháp xử lý	: Mặc quần áo bảo hộ thích hợp và găng tay an toàn. Tránh tiếp xúc với mắt, da. Tránh hít phải. Cần thiết phải xả cơ khí. Tránh xa các nguồn đánh lửa, hest và ngọn lửa. Tư ơng kỵ: chất oxy hóa mạnh và thực phẩm. Không hút thuốc khi làm việc Tại thời điểm lấp đầy, tốc độ dòng chảy phải đư ợc kiểm soát và thiết bị nối đất đư ợc sử dụng để ngăn chặn sự tích tụ của tĩnh điện. Tái nhẹ nên đư ợc tái nhẹ để tránh làm hỏng bao bì và thùng chứa. Thùng rỗng có thể vẫn có hại.
Các biện pháp lưu trữ	: Bảo quản trong kho thoáng mát, thông gió. Tránh xa lửa và nhiệt. Giữ cái thùng kín. Nó nên đư ợc bảo quản riêng với các hóa chất oxy hóa và ăn đư ợc, và tránh lưu trữ hỗn hợp. Việc sử dụng hệ thống chiếu sáng chống cháy nổ, các phụ ơng tiện thông gió. Nó là cấm sử dụng các thiết bị, dụng cụ cơ khí để phát sinh tia lửa điện. Các khu vực lưu trữ phải đư ợc trang bị thiết bị xử lý khẩn cấp rò rỉ và vật liệu sơ u tập phù hợp.

PHẦN 8: Kiểm soát phơi nhiễm / bảo vệ cá nhân

Giá trị giới hạn liên hệ

Tên thành phần	Tiêu chuẩn tham chiếu	PC-TWA (mg / m3)	PC-STEL (mg / m3)
Xylene	GBZ 2.1-2019	50	100
N-butyl axetat	GBZ 2.1-2019	200	300
Rư ợu N-butyl	GBZ 2.1-2019	100	/

Kiểm soát kỹ thuật	: Đảm bảo thông gió đầy đủ trên máy trạm. Cung cấp vòi hoa sen và bồn rửa mắt an toàn
--------------------	---



BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN VẬT LIỆU

Theo quy định GB / T16483, GB / T17519

	Trang thiết bị. Sử dụng thiết bị điện / thông gió / chiếu sáng / chống cháy nổ. Cài đặt lối thoát hiểm và khu vực loại trừ rủi ro cần thiết.
Các biện pháp bảo vệ chung	: Tránh tiếp xúc với mắt và da.
Biện pháp vệ sinh	: Rửa tay trước và sau khi làm việc. Sử dụng kem bảo vệ da.
Thiết bị bảo vệ cá nhân	
- Bảo vệ đường hô hấp	: Nên đeo thiết bị bảo vệ hô hấp cầm tay thích hợp trong khi phun ứng dụng, cứu hộ khẩn cấp hoặc sơ tán.
- Bảo vệ tay	: Găng tay chống hóa chất tương thích.
- Bảo vệ mắt	: Kính bảo vệ.
- Bảo vệ da	: Mặc quần áo bảo hộ thích hợp.
Bảo vệ khác	: Không hút thuốc, uống rượu và ăn uống tại nơi làm việc. Rửa kỹ sau khi xử lý.
	Thực hiện khám sức khỏe trước khi làm việc và khám sức khỏe định kỳ.

PHẦN 9 - Các tính chất vật lý và hóa học

Vẻ bề ngoài	: Chất lỏng dính màu vàng nhạt
Điểm chớp cháy (°C)	: 25
Điểm sôi (°C)	: > 35
Điểm bắt lửa (°C)	: 38
Mật độ hơi tương đối (Không khí = 1)	: > 1
Mật độ tương đối (Nước = 1)	: 1,06 (± 0,05)
Giới hạn trên của vụ nổ (V / V)	: 8,25%
Giới hạn dưới của vụ nổ (V / V)	: 0,8%
Độ hòa tan	: Không tan trong nước

PHẦN 10 - Tính ổn định và tính phản ứng

Sự ổn định	: Ổn định trong điều kiện bảo quản và xử lý theo khuyến nghị.
Phản ứng nguy hiểm	: Phản ứng cao hoặc không tương thích với các vật liệu sau: vật liệu oxy hóa, bazơ mạnh hoặc axit.
Tránh các điều kiện tiếp xúc	: Cháy nổ, nhiệt độ cao.
Sản phẩm phân hủy nguy hiểm	: Trong điều kiện bảo quản và sử dụng bình thường, các sản phẩm phân hủy nguy hiểm không nên được sản xuất.

PHẦN 11 - Thông tin độc tính

Dữ liệu độc tính	: Không có sẵn dữ liệu. Nhưng đã có Chỉ thị Chuẩn bị để đánh giá và phân loại chất độc nguy hiểm.
Kích ứng / ăn mòn da	: Gây kích ứng da.
Kích ứng / ăn mòn mắt	: Gây tổn thương mắt nghiêm trọng.
Nhạy cảm da	: Không có dữ liệu.
Nhạy cảm đường hô hấp	: Không có dữ liệu.
Độc tính sinh sản	: Không có dữ liệu.
Độc tính cơ quan đích cụ thể-dơn lẻ	: Có thể gây kích ứng đường hô hấp.



BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN VẬT LIỆU

Theo quy định GB / T16483, GB / T17519

Phơi bày	
Khả năng nguy hiểm	: Có thể gây tử vong nếu nuốt phải và đi vào đường hô hấp.

Phần 12: Thông tin về sinh thái

Độc tính sinh thái	: Không có dữ liệu.
Khả năng phân hủy sinh học	: Không có dữ liệu.
Tính di động trong đất	: Không có dữ liệu.
Ảnh hưởng có hại khác	: Không có dữ liệu.

Phần 13 cảnh nhắc xử lý

Các quy định quốc gia và địa phương cần được tham khảo trước khi xử lý chất thải. Nó không được phép đổ vào cống rãnh hoặc cống rãnh, cũng không được thải bỏ ở những nơi có thể bị ảnh hưởng đến đất hoặc nước ngầm.	
Hóa chất thải	: Được tái chế càng nhiều càng tốt, nếu không thể tái chế thì hãy gửi đến cơ quan được cấp phép công ty quản lý chất thải.
Bao bì bị ô nhiễm	Không thể sử dụng lại nhiều lần hoặc các thùng rỗng chứa đầy sản phẩm này. Nếu chúng ta muốn tái sử dụng và thải bỏ các thùng rỗng bị ô nhiễm, chúng phải được xử lý triệt để làm sạch. Dung dịch làm sạch phải được xử lý vô hại.

PHẦN 14 - Thông tin vận tải

Phù hợp với ADR / IMDG / IATA	
- Không.	: 1263
- Tên vận chuyển thích hợp của LHQ	: SƠ N
- Phân loại Mức nguy của Liên hợp quốc	: 3
- Số EMS	: FE, SC
- Lớp IMO	: 3
- Nhóm gói	: III
- Nhãn mác	: 
Chất ô nhiễm biển (có / không)	: Không
Cách đóng gói	: Trống kim loại mở đường; chai ren, nắp sắt chai thủy tinh, nhựa chai hoặc thùng kim loại (lon) vỏ gỗ thông thường.
Bảo vệ phương tiện giao thông đặc biệt khác	: Phương tiện giao thông đường sắt cần được lắp đặt phù hợp với mức độ nguy hiểm
Đo	hình thức phân phối hàng hóa trong "vận chuyển hàng nguy hiểm của Bộ Đường sắt các quy tắc". Các phương tiện vận chuyển cần được trang bị các loại tư vấn ứng và số lượng thiết bị chữa cháy và thiết bị xử lý sự cố rò rỉ. Nó là tốt nhất để vận chuyển vào buổi sáng và buổi tối trong mùa hè. Không có chất oxy hóa, có thể ăn đường, như vận chuyển hỗn hợp hỗn hợp. Trong quá trình vận chuyển, sự cách nhiệt, mưa và nhiệt độ cao nên bị ngăn cản. Nó nên tránh xa lửa, nhiệt và nhiệt độ cao. Phương tiện ống xả vận chuyển hàng hóa phải được trang bị thiết bị chống cháy,



cấm sử dụng thiết bị và dụng cụ cơ khí để tạo ra tia lửa điện. Phương tiện giao thông đường bộ phải được điều khiển theo đúng tuyến đường quy định, và không ở trong khu dân cư, khu đông dân cư. Nó là nghiêm ngặt cấm sử dụng tàu chở gỗ và xi măng rời.

PHẦN 15 - Thông tin quy định

Thông tin quy định liên quan : -Nguyên tắc chung để chuẩn bị bảng dữ liệu an toàn hóa chất (GB / T16483-2008)
-Hướng dẫn biên soạn bảng dữ liệu an toàn cho các sản phẩm hóa chất (GB / T17519-2013)
-Quy tắc phân loại và ghi nhãn hóa chất (GB 30000-2013)
-Phân loại và đóng gói khi giao hàng nguy hiểm (GB / T15098-2008)
-Giới hạn Phơi nhiễm trong Công việc đối với các Tác nhân Nguy hiểm tại Nơi làm việc: Hóa chất Tác nhân nguy hiểm. (GBZ 2.1-2019)

PHẦN 16 - Thông tin khác

Tài liệu tham khảo : - Quy định vận chuyển theo ADR, IMDG và IATA (UN).
- MSDS từ bên thứ 3 / nhà cung cấp.

Viết tắt và từ viết tắt

-PC-TWA : Nồng độ cho phép-Thời gian trung bình có trọng số. (8 giờ)
-PC-STEL : Nồng độ cho phép-Giới hạn Phơi nhiễm Ngắn hạn. (15 phút)
-ADR : Hiệp định Châu Âu liên quan đến việc vận chuyển quốc tế Hàng hóa Nguy hiểm của Đường.
- IMDG : Bộ luật Hàng hải Quốc tế về Hàng hóa Nguy hiểm.
-KHÔNG LÀ : Hiệp hội Vận tải Hàng không Quốc tế.
-VÀ : Liên Hiệp Quốc.
-GHS : Hệ thống phân loại và ghi nhãn hóa chất được hài hòa trên toàn cầu.
-số không. : Số đăng ký tóm tắt hóa chất.
-EMS không. : Các biện pháp khẩn cấp để vận chuyển hàng nguy hiểm.
- Không. : Số Liên Hợp Quốc về Hàng hóa Nguy hiểm.
-IMO : Tổ chức Hàng hải Quốc tế

Tuyên bố từ chối trách nhiệm

Thông tin được trình bày ở đây dựa trên sự hiểu biết tốt nhất hiện tại của chúng tôi và dữ liệu từ các nguồn bên thứ ba có uy tín. Tài liệu này không phải là hợp đồng cũng không phải một sự đảm bảo. Các điều kiện và cách khách hàng của chúng tôi xử lý, lưu trữ, sử dụng và tiêu hủy các sản phẩm này không do nhà cung cấp kiểm soát. Chúng tôi sẽ không chấp nhận bất kỳ mất mát, hư hỏng hoặc chi phí tư vấn đối do bạn vứt bỏ, bảo quản, sử dụng và loại bỏ các sản phẩm này không đúng cách. MSDS này chỉ có thể được sử dụng cho các sản phẩm được liệt kê trong tiêu đề. Không thể chấp nhận sử dụng MSDS này cho một sản phẩm có chứa vật liệu này hoặc bất kỳ vật liệu nào được liệt kê trong tài liệu.

BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN VẬT LIỆU

Theo quy định GB / T16483, GB / T17519

PHẦN 1 - Nhận dạng sản phẩm và công ty

Mã sản phẩm	: ZK4704X
Mô tả Sản phẩm	: AC Clear topcoat
Mục đích sử dụng	: Sơn phủ gỗ
Ngày sửa đổi	: 2 tháng 3 năm 2020
Tên công ty	: CÔNG TY TNHH VẬT LIỆU MỚI ZHANCHEN (VIỆT NAM)
Địa chỉ nhà	: LÔ F6 (KHU B3) ĐƯỜNG D2 & D9, KHU CÔNG NGHIỆP RẠCH GIÁ, AN ĐIEN COMMUNE, THỊ TRẤN BẾN CÁI, TỈNH BÌNH DƯƠNG, VIỆT NAM.
Điện thoại	: 0274 3555 208
Số fax	: 0274 3555 209
Điện thoại khẩn cấp	: 0274 3555 208
Địa chỉ email	: zhanchengroup@gmail.com

PHẦN 2 - Nhận dạng các mối nguy hiểm

Tóm tắt khẩn cấp : Chất lỏng. Dễ cháy, hỗn hợp hơi và không khí của nó có thể tạo thành hỗn hợp nổ. Có thể gây ra tổn thương phổi nghiêm trọng nếu nuốt phải. Gây dị ứng cho da. Nguy cơ thiết hại nghiêm trọng cho mắt. Gây khó chịu cho hệ hô hấp. Hơi có thể gây ra buồn ngủ và chóng mặt.

Phân loại mối nguy theo GHS : Theo tiêu chuẩn loạt GB 30000-2013: Quy tắc phân loại và ghi nhãn của hóa chất. Phân loại nguy hiểm như sau: Chất lỏng dễ cháy, Loại 3; Nguy cơ hít thở, Loại 1; Ăn mòn da / Kích ứng, Nhóm 2; Mắt nghiêm túc thiết hại / Kích ứng, Loại 1; Độc tính cơ quan đích cụ thể-phơi nhiễm một lần: Tiêu chí đối với kích ứng đường hô hấp, Nhóm 3; Độc tính cơ quan đích cụ thể-dơ n lễ phơi nhiễm: Tiêu chí về tác dụng gây mê, Nhóm 3; Gây đột biến tế bào gốc, Loại 1.

yếu tố nhãn

-Tranh tư ợng hình :



-Từ ký hiệu

: Nguy hiểm

-Báo cáo nguy hiểm

: Chất lỏng và hơi dễ cháy.
Có thể gây tử vong nếu nuốt phải và đi vào đường hô hấp.
Có thể gây kích ứng đường hô hấp.
Có thể gây buồn ngủ hoặc chóng mặt.

-Báo cáo nguy cơ bổ sung

: Phơi nhiễm nhiều lần có thể gây ra khô hay nứt da.

Các báo cáo đề phòng

-Phòng ngừa

: Tránh xa nguồn nhiệt, bề mặt nóng, tia lửa, ngọn lửa trần và các nguồn bắt lửa khác. Không hút thuốc lá. Tránh hít thở bụi / khói / khí / sương mù / hơi / phun.

-Phản ứng

: Nếu trên da (hoặc tóc): Cởi bỏ ngay tất cả quần áo bị nhiễm bẩn. Rửa sạch da với nước / vòi hoa sen.

LIỆU PHẢI: Chuyển người bệnh đến nơi có không khí trong lành và giữ cảm giác thoải mái cho việc thở. Gọi cho một TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC / bác sĩ nếu bạn cảm thấy không khỏe.



BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN VẬT LIỆU

Theo quy định GB / T16483, GB / T17519

Trong trường hợp cháy: Dùng cát khô, hóa chất khô hoặc bột chống cháy để dập tắt.
-Kho : Lưu trữ ở nơi thông gió tốt. Giữ kín thùng chứa.

PHẦN 3 - Thành phần / thông tin về các thành phần

Chất / Hỗn hợp : Hỗn hợp

Thành phần	CAS không.	Trọng lượng (%)
Nhựa alkyl	63148-69-6	30-50
Xylene	13h30-20-7	10-20
N-butyl axetat	123-86-4	5-10
Rượu N-butyl	71-36-3	5-10
Nhựa fomanđehit melamine	9003-08-1	20-30

PHẦN 4 - Các biện pháp sơ cứu

Tiếp xúc với da : Để loại bỏ quần áo bị nhiễm bẩn, cần phải làm sạch bằng nhiều chất tẩy rửa và xà phòng, hoặc lau sạch bằng gạc hoặc vải bông tẩm dầu thực vật.
Tiếp xúc mắt : Trong trường hợp tiếp xúc, hãy xả với nhiều nước trong ít nhất 15 phút. Đổ đầy đủ bằng cách dùng ngón tay tách mí mắt. Nếu kích ứng vẫn còn, hãy gọi cho bác sĩ.
Hít phải qua đường hô hấp : Nếu hít phải, di chuyển đến nơi có không khí trong lành. Nếu cần, hãy tìm kiếm sự chăm sóc y tế.
Tiếp xúc bằng miệng : Nếu nuốt phải, rửa sạch miệng bằng nước nếu người đó còn tỉnh táo. Gọi cho một bác sĩ.

PHẦN 5 - Các biện pháp chữa cháy

Đặc điểm nguy hiểm : Dễ cháy, hơi nước và không khí của nó có thể tạo thành hỗn hợp nổ và rất dễ cháy và nổ dưới ánh lửa và nhiệt độ cao. Nó có thể phản ứng mạnh với chất oxy hóa đại lý. Nó dễ dàng tạo ra và thu thập tĩnh điện, và có nguy cơ cháy và nổ.
Phương tiện chữa cháy : Bột hóa chất khô, carbon dioxide hoặc bột thích hợp.
Các biện pháp phòng ngừa và chữa cháy : Linh cứu hỏa phải đeo thiết bị thở khép kín, mặc áo chống cháy toàn thân và quần áo chống độc, và dập lửa trong gió trên. Phun nước làm mát, nếu có thể, hãy di chuyển thùng chứa từ khu vực cháy ra chỗ trống. Nếu thùng chứa trong hiện trường cháy đã đổi màu hoặc tạo ra âm thanh từ nơi an toàn thiết bị giảm áp, nó phải được sơ tán ngay lập tức. Chữa cháy bằng nước không hiệu quả.
Ngăn ngừa thảm họa thứ cấp : Loại bỏ nguồn lửa điểm và ngăn rò rỉ vào cống.

Phần 6: Biện pháp báo cáo tai nạn

Quy trình Đề phòng Cá nhân : Thực hiện các biện pháp phòng ngừa thích hợp để giảm thiểu tiếp xúc trực tiếp với da hoặc mắt và ngăn ngừa hít phải bụi.



BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN VẬT LIỆU

Theo quy định GB / T16483, GB / T17519

Các biện pháp bảo vệ môi trường	: Ngăn chặn rò rỉ xâm nhập vào nước, cống rãnh, tầng hầm, hoặc không gian hạn chế.
Phương pháp làm sạch	
-Rò rỉ trên đất liền	: Rò rỉ nhỏ, trộn với vật liệu trơ (ví dụ: cát khô, vermiculite) và chuyển đến nơi kín thùng chứa để xử lý. Rò rỉ lớn, xây kè hoặc đào hố để trú ẩn. Bọc bằng xốp để giảm nguy hiểm hơn. Chuyển đến xe bồn hoặc bộ thu gom đặc biệt có bơm chống nổ để thu hồi hoặc vận chuyển đến nơi xử lý chất thải.
-Rò rỉ trong nước	: Nếu không thấy nguy hiểm, có thể tiến hành các biện pháp ngăn chặn sự cố rò rỉ, dầu tràn ngay lập tức phạm vi giới hạn hàng rào, Kéo từ bề mặt, cảnh báo các tàu khác.

Tham khảo Phần 8 để biết thêm thông tin bảo vệ cá nhân.
Tham khảo Phần 13 để biết các cân nhắc về việc thải bỏ.

Phần 7: X H lý và bảo quản

Các biện pháp xử lý	: Mặc quần áo bảo hộ thích hợp và găng tay an toàn. Tránh tiếp xúc với mắt, da. Tránh hít phải. Cần thiết phải xả cơ khí. Tránh xa các nguồn đánh lửa, hest và ngọn lửa. Tư ơng kỵ: chất oxy hóa mạnh và thực phẩm. Không hút thuốc khi làm việc Tại thời điểm lấp đầy, tốc độ dòng chảy phải đư ợc kiểm soát và thiết bị nối đất đư ợc sử dụng để ngăn chặn sự tích tụ của tĩnh điện. Tải nhẹ nên đư ợc tải nhẹ để tránh làm hỏng bao bì và thùng chứa. Thùng rỗng có thể vẫn có hại.
Các biện pháp lưu trữ	: Bảo quản trong kho thoáng mát, thông gió. Tránh xa lửa và nhiệt. Giữ cái thùng kín. Nó nên đư ợc bảo quản riêng với các hóa chất oxy hóa và ăn đư ợc, và tránh lưu trữ hỗn hợp. Việc sử dụng hệ thống chiếu sáng chống cháy nổ, các phư ơng tiện thông gió. Nó là cấm sử dụng các thiết bị, dụng cụ cơ khí để phát sinh tia lửa điện. Các khu vực lưu trữ phải đư ợc trang bị thiết bị xử lý khẩn cấp rò rỉ và vật liệu sử u tập phù hợp.

PHẦN 8: Kiểm soát phơi nhiễm / bảo vệ cá nhân

Giá trị giới hạn liên hệ

Tên thành phần	Tiêu chuẩn tham chiếu	PC-TWA (mg / m3)	PC-STEL (mg / m3)
Xylene	GBZ 2.1-2019	50	100
N-butyl axetat	GBZ 2.1-2019	200	300
Rượu N-butyl	GBZ 2.1-2019	100	/

Kiểm soát kỹ thuật	: Đảm bảo thông gió đầy đủ trên máy trạm. Cung cấp vòi hoa sen và bồn rửa mắt an toàn Trang thiết bị. Sử dụng thiết bị điện / thông gió / chiếu sáng / chống cháy nổ. Cài đặt
--------------------	--



BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN VẬT LIỆU

Theo quy định GB / T16483, GB / T17519

	lối thoát hiểm và khu vực loại trừ rủi ro cần thiết.
Các biện pháp bảo vệ chung	: Tránh tiếp xúc với mắt và da.
Biện pháp vệ sinh	: Rửa tay trước và sau khi làm việc. Sử dụng kem bảo vệ da.
Thiết bị bảo vệ cá nhân	
- Bảo vệ đường hô hấp	: Nên đeo thiết bị bảo vệ hô hấp cầm tay thích hợp trong khi phun ứng dụng, cứu hộ khẩn cấp hoặc sơ tán.
- Bảo vệ tay	: Găng tay chống hóa chất tương thích.
- Bảo vệ mắt	: Kính bảo vệ.
- Bảo vệ da	: Mặc quần áo bảo hộ thích hợp.
Bảo vệ khác	: Không hút thuốc, uống rượu và ăn uống tại nơi làm việc. Rửa kỹ sau khi xử lý.
	Thực hiện khám sức khỏe trước khi làm việc và khám sức khỏe định kỳ.

PHẦN 9 - Các tính chất vật lý và hóa học

Vẻ bề ngoài	: Chất lỏng dính màu vàng nhạt
Điểm chớp cháy (°C)	: 25
Điểm sôi (°C)	: > 35
Điểm bắt lửa (°C)	: 38
Mật độ hơi tương đối (Không khí = 1)	: > 1
Mật độ tương đối (Nước = 1)	: 1,06 (± 0,05)
Giới hạn trên của vụ nổ (V / V)	: 8,25%
Giới hạn dưới của vụ nổ (V / V)	: 0,8%
Độ hòa tan	: Không tan trong nước

PHẦN 10 - Tính ổn định và tính phản ứng

Sự ổn định	: Ổn định trong điều kiện bảo quản và xử lý theo khuyến nghị.
Phản ứng nguy hiểm	: Phản ứng cao hoặc không tương thích với các vật liệu sau: vật liệu oxy hóa, bazơ mạnh hoặc axit.
Tránh các điều kiện tiếp xúc	: cháy nổ, nhiệt độ cao.
Sản phẩm phân hủy nguy hiểm	: Trong điều kiện bảo quản và sử dụng bình thường, các sản phẩm phân hủy nguy hiểm không nên được sản xuất.

PHẦN 11 - Thông tin độc tính

Dữ liệu độc tính	: Không có sẵn dữ liệu. Nhưng đã có Chỉ thị Chuẩn bị để đánh giá và phân loại chất độc nguy hiểm.
Kích ứng / ăn mòn da	: Gây kích ứng da.
Kích ứng / ăn mòn mắt	: Gây tổn thương mắt nghiêm trọng.
Nhạy cảm da	: Không có dữ liệu.
Nhạy cảm đường hô hấp	: Không có dữ liệu.
Độc tính sinh sản	: Không có dữ liệu.
Độc tính cơ quan đích cụ thể-dơ n l e	: Có thể gây kích ứng đường hô hấp.
Phơi bày	



BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN VẬT LIỆU

Theo quy định GB / T16483, GB / T17519

Khát vọng nguy hiểm : Có thể gây tử vong nếu nuốt phải và đi vào đường hô hấp.

Phần 12: Thông tin về sinh thái

Độc tính sinh thái : Không có dữ liệu.
Khả năng phân hủy sinh học : Không có dữ liệu.
Tích di động trong đất : Không có dữ liệu.
Ảnh hưởng có hại khác : Không có dữ liệu.

Phần 13 cân nhắc xử lí

Các quy định quốc gia và địa phương cần được tham khảo trước khi xử lý chất thải. Nó không được phép đổ vào cống rãnh hoặc cống rãnh, cũng không được thải bỏ ở những nơi có thể bị ảnh hưởng đến đất hoặc nước ngầm.
Hóa chất thải : Được tái chế càng nhiều càng tốt, nếu không thể tái chế thì hãy gửi đến cơ quan được cấp phép công ty quản lý chất thải.
Bao bì bị ô nhiễm Không thể sử dụng lại nhiều lần hoặc các thùng rỗng chứa đầy sản phẩm này. Nếu chúng ta muốn tái sử dụng và thải bỏ các thùng rỗng bị ô nhiễm, chúng phải được xử lý triệt để làm sạch. Dung dịch làm sạch phải được xử lý vô hại.

PHẦN 14 - Thông tin vận tải

Phù hợp với ADR / IMDG / IATA
- Không. : 1263
- Tên vận chuyển thích hợp của LHQ : SƠ N
- Phân loại Mức nguy của Liên hợp quốc : 3
- Số EMS : FE, SC
- Lớp IMO : 3
- Nhóm gói : III
- Nhãn mác :



Chất ô nhiễm biển (có / không) : Không
Cách đóng gói : Trống kim loại mở đường; chai ren, nắp sắt chai thủy tinh, nhựa chai hoặc thùng kim loại (lon) vỏ gỗ thông thư ờng.
Bảo vệ phương tiện giao thông đặc biệt khác : Phương tiện giao thông đường sắt cần được lắp đặt phù hợp với mức độ nguy hiểm hình thức phân phối hàng hóa trong "vận chuyển hàng nguy hiểm của Bộ Đường sắt các quy tắc ". Các phương tiện vận chuyển cần được trang bị các loại tư ờng ứng và số lượng thiết bị chữa cháy và thiết bị xử lý sự cố rò rỉ. Nó là tốt nhất để vận chuyển vào buổi sáng và buổi tối trong mùa hè. Không có chất oxy hóa, có thể ăn được, như vận chuyển hỗn hợp hỗn hợp. Trong quá trình vận chuyển, sự cách nhiệt, mưa và nhiệt độ cao nên bị ngăn cản. Nó nên tránh xa lửa, nhiệt và nhiệt độ cao. Phương tiện ống xả vận chuyển hàng hóa phải được trang bị thiết bị chống cháy, cấm sử dụng thiết bị và dụng cụ cơ khí để tạo ra tia lửa điện. Phương tiện giao thông đường bộ phải được điều khiển theo đúng tuyến đường quy định,

BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN VẬT LIỆU

Theo quy định GB / T16483, GB / T17519

và không ở trong khu dân cư, khu đông dân cư. Nó là nghiêm ngặt
cấm sử dụng tàu chở gỗ và xi măng rời.

PHẦN 15 - Thông tin quy định

Thông tin quy định liên quan : -Nguyên tắc chung để chuẩn bị bảng dữ liệu an toàn hóa chất (GB / T16483-2008)
- Hướng dẫn biên soạn bảng dữ liệu an toàn cho các sản phẩm hóa chất (GB / T 17519-2013)
-Quy tắc phân loại và ghi nhãn hóa chất (GB 30000-2013)
-Phân loại và đóng gói khi giao hàng nguy hiểm (GB / T15098-2008)
-Giới hạn Phơi nhiễm trong Công việc đối với các Tác nhân Nguy hiểm tại Nơi làm việc: Hóa chất Tác nhân nguy hiểm. (GBZ 2.1-2019)

PHẦN 16 - Thông tin khác

Tài liệu tham khảo : - Quy định vận chuyển theo ADR, IMDG và IATA (UN).
- MSDS từ bên thứ 3 / nhà cung cấp.

Viết tắt và từ viết tắt

-PC-TWA : Nồng độ cho phép-Thời gian trung bình có trọng số. (8 giờ)
-PC-STEL : Nồng độ cho phép-Giới hạn Phơi nhiễm Ngắn hạn. (15 phút)
-ADR : Hiệp định Châu Âu liên quan đến việc vận chuyển quốc tế Hàng hóa Nguy hiểm của Đư ờng.
- IMDG : Bộ luật Hàng hải Quốc tế về Hàng hóa Nguy hiểm.
-KHÔNG LÀ : Hiệp hội Vận tải Hàng không Quốc tế.
-VÀ : Liên Hiệp Quốc.
-GHS : Hệ thống phân loại và ghi nhãn hóa chất đư ợc hài hòa trên toàn cầu.
-số không. : Số đăng ký tóm tắt hóa chất.
-EMS không. : Các biện pháp khẩn cấp để vận chuyển hàng nguy hiểm.
- Không. : Số Liên Hợp Quốc về Hàng hóa Nguy hiểm.
-IMO : Tổ chức Hàng hải Quốc tế

Tuyên bố từ chối trách nhiệm

Thông tin đư ợc trình bày ở đây dựa trên sự hiểu biết tốt nhất hiện tại của chúng tôi và dữ liệu từ các nguồn bên thứ ba có uy tín. Tài liệu này không phải là hợp đồng cũng không phải một sự đảm bảo. Các điều kiện và cách khách hàng của chúng tôi xử lý, lưu trữ, sử dụng và tiêu hủy các sản phẩm này không do nhà cung cấp kiểm soát. Chúng tôi sẽ không chấp nhận bất kỳ mất mát, hư hỏng hoặc chi phí tư ơng đối do bạn vứt bỏ, bảo quản, sử dụng và loại bỏ các sản phẩm này không đúng cách. MSDS này chỉ có thể đư ợc sử dụng cho các sản phẩm đư ợc liệt kê trong tiêu đề. Không thể chấp nhận sử dụng MSDS này cho một sản phẩm có chứa vật liệu này hoặc bất kỳ vật liệu nào đư ợc liệt kê trong tài liệu.

BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN VẬT LIỆU

Theo quy định GB / T16483, GB / T17519



PHẦN 1 - Nhận dạng sản phẩm và công ty

Mã sản phẩm : ZU5200X

Mô tả Sản phẩm : UV Clear Topcoat

Mục đích sử dụng : Sơn phủ gỗ

Ngày sửa đổi : 27-02-2020

Tên công ty : CÔNG TY TNHH VẬT LIỆU MỚI ZHANCHEN (VIỆT NAM)

Địa chỉ nhà : LÔ F6 (KHU B3) ĐƯỜNG D2 & D9, KHU CÔNG NGHIỆP RẠCH GIÁ , AN ĐIEN COMMUNE, THỊ TRẤN BẾN CÁ T, TỈNH BÌNH DƯƠNG, VIỆT NAM.

Điện thoại : 0274 3555 208

Số fax : 0274 3555 209

Điện thoại khẩn cấp : 0274 3555 208

Địa chỉ email : zhanchengroup@gmail.com

PHẦN 2 - Nhận dạng các mối nguy hiểm

Mối nguy vật lý / hóa học : Không áp dụng.

Mối nguy hiểm đối với sức khỏe con người : -Có hại khi tiếp xúc với da.

-Dán mắt.

-Có thể gây ra nhạy cảm khi tiếp xúc với da.

PHẦN 3 - Thành phần / thông tin về các thành phần

Chất / Hỗn hợp : Hỗn hợp

Thành phần	CAS không.	Trọng lượng (%)
Oxybis (metyl-2,1-ethandiyl) diacrylat (DPGDA)	57472-68-1	15-25
1,6-Hexanediol diacrylate (HDDA)	13048-33-4	15-25
1-Hydroxycyclohexyl phenyl xeton	947-19-3	3-5
Chất oligomer acrylate	Hỗn hợp	25-65

PHẦN 4 - Các biện pháp sơ cứu

Tiếp xúc với da : Trong trường hợp tiếp xúc, ngay lập tức rửa da bằng xà phòng và nhiều nước. Nếu vẫn còn kích ứng, hãy gọi bác sĩ.

Tiếp xúc mắt : Trong trường hợp tiếp xúc, hãy xả với nhiều nước trong ít nhất 15 phút. Đổ đầy đủ bằng cách dùng ngón tay tách mí mắt. Nếu kích ứng vẫn còn, hãy gọi cho bác sĩ.

Phơi nhiễm qua đường hô hấp : Nếu hít phải, di chuyển đến nơi có không khí trong lành. Nếu cần, hãy tìm kiếm sự chăm sóc y tế.

Tiếp xúc bằng miệng : Nếu nuốt phải, rửa sạch miệng bằng nước nếu người đó còn tỉnh táo. Gọi cho một bác sĩ.

PHẦN 5 - Các biện pháp chữa cháy

BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN VẬT LIỆU

Theo quy định GB / T16483, GB / T17519

Phương tiện chữa cháy	: Bột hóa chất khô, carbon dioxide hoặc bột thích hợp.
Chữa cháy	
-Thiết bị bảo vệ	: Mang thiết bị thở và quần áo bảo hộ khép kín để tránh tiếp xúc với da và mắt.
-Những mối nguy hiểm cụ thể	: Phát ra khói độc hại trong điều kiện cháy.

Phần 6: Biện pháp báo cáo tai nạn

Quy trình Đề phòng Cá nhân	: Thực hiện các biện pháp phòng ngừa thích hợp để giảm thiểu tiếp xúc trực tiếp với da hoặc mắt và ngăn ngừa hít phải bụi.
Phương pháp làm sạch	: Trộn với vật liệu trơ (ví dụ: cát khô, vermiculite) và chuyển vào thùng kín để xử lý thải bỏ. Tránh phát sinh bụi. Thông gió khu vực và rửa sạch vị trí tràn sau khi hoàn tất quá trình thu gom.

Tham khảo Phần 8 để biết thêm thông tin bảo vệ cá nhân.

Tham khảo Phần 13 để biết các cân nhắc về việc thải bỏ.

Phần 7: X H lý và bảo quản

Các biện pháp xử lý	: Mặc quần áo bảo hộ thích hợp và găng tay an toàn. Tránh tiếp xúc với mắt, da. Tránh hít phải. Cần thiết phải xả cơ khí. Tránh xa các nguồn đánh lửa, hest và ngọn lửa. Tư ơng kỵ: chất oxy hóa mạnh và thực phẩm. Không hút thuốc khi làm việc địa điểm.
Các biện pháp lưu trữ	: Bảo quản ở khu vực thoáng mát, thông gió tốt. Tránh xa các nguồn gây cháy, nhiệt và ngọn lửa. Lưu trữ trong bao bì kín. Tư ơng kỵ: chất oxy hóa mạnh và thực phẩm.

PHẦN 8: Kiểm soát phơi nhiễm / bảo vệ cá nhân

Kiểm soát kỹ thuật	: Đảm bảo thông gió đầy đủ trên máy trạm. Cung cấp vòi hoa sen và bồn rửa mắt an toàn Trang thiết bị.
Các biện pháp bảo vệ chung	: Tránh tiếp xúc với mắt và da.
Biện pháp vệ sinh	: Rửa tay trước và sau khi làm việc. Sử dụng kem bảo vệ da.
Thiết bị bảo vệ cá nhân	
- Bảo vệ đường hô hấp	: Nên đeo thiết bị bảo vệ hô hấp cầm tay thích hợp trong khi phun ứng dụng, cứu hộ khẩn cấp hoặc sơ tán.
- Bảo vệ tay	: Găng tay chống hóa chất tư ơng thích.
- Bảo vệ mắt	: Kính bảo vệ.
- Bảo vệ da	: Mặc quần áo bảo hộ thích hợp.
Bảo vệ khác	: Không hút thuốc, uống rượu và ăn uống tại nơi làm việc. Rửa kỹ sau khi xử lý.

PHẦN 9 - Các tính chất vật lý và hóa học

Vẻ bề ngoài	: Chất lỏng dính màu trắng sữa
Mùi	: Không áp dụng



BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN VẬT LIỆU

Theo quy định GB / T16483, GB / T17519

Điểm chớp cháy (°C)	:> 93 (cốc kín)
độ pH	: Không áp dụng
Độ hòa tan	: Không tan trong nước
Tỷ trọng và / hoặc tỷ trọng tương đối (g / ml)	: 1,2 (± 0,05)

PHẦN 10 - Tính ổn định và tính phản ứng

Sự ổn định	: Ổn định trong điều kiện bảo quản và xử lý theo khuyến nghị.
Phản ứng nguy hiểm	: - Phản ứng cao hoặc không tương thích với các vật liệu sau: vật liệu oxy hóa. - Phản ứng hoặc tương kỵ với các vật liệu sau: axit và kiềm. Tránh bị phản ứng hoặc không tương thích với các vật liệu sau: vật liệu khử. - Tiếp xúc với ánh sáng mặt trời có thể làm cho sản phẩm đông cứng trong vòng vài phút.
Sản phẩm phân hủy nguy hiểm	: Các sản phẩm này là các oxit cacbon (CO, CO2).

PHẦN 11 - Thông tin độc tính

Dữ liệu độc tính	: Không có dữ liệu.
Dữ liệu kích ứng	: Dị ứng cho mắt và da.

Phần 12: Thông tin về sinh thái

Độc tính sinh thái	: Không có dữ liệu.
--------------------	---------------------

Phần 13 cân nhắc xử lý

Phương pháp thải bỏ	: Đối với việc tái chế, hãy tham khảo ý kiến của nhà sản xuất hoặc việc thải bỏ phải được thực hiện tuân thủ tất cả các quy định của liên bang, tiểu bang / tỉnh và địa phương. Không thải bỏ qua cống rãnh hoặc vào môi trường tự nhiên.
---------------------	---

PHẦN 14 - Thông tin vận tải

Phù hợp với ADR / IMDG / IATA	
- Số Liên hợp Quốc về mức độ nguy hiểm	: Không có. (sản phẩm là hàng hóa không nguy hiểm)
Hàng hóa (Số UN)	
- Tên vận chuyển của LHQ	: Không áp dụng.
- Phân loại Môi nguy của Liên hợp Quốc	: Không áp dụng. (Không nguy hiểm khi vận chuyển)
Nhãn gói	: Hàng hóa độc hại.
Nhóm gói	: II

Bảo vệ phương tiện giao thông đặc biệt khác	: Không vận chuyển với các chất oxy hóa, vật liệu có tính axit, kiềm mạnh hoặc thực phẩm
Đeo	hóa chất. Xử lý nhẹ nhàng để tránh làm hỏng bao bì và hộp đựng. Ngăn ngừa khỏi ánh nắng trực tiếp, nhiệt hoặc mưa trong quá trình vận chuyển để tránh rò rỉ từ bao bì.



PHẦN 15 - Thông tin quy định

Thông tin quy định liên quan	: -Phân loại và ghi nhãn hóa chất nguy hiểm, chất thư ờng dùng (GB13690-92, phần 6.2) -Nguyên tắc chung để chuẩn bị bảng dữ liệu an toàn hóa chất (GB16483-2008) -Phân loại và đóng gói khi giao hàng nguy hiểm (GB / T15098-2008) -Phân loại và mã hàng nguy hiểm (GB6944-2005) -Quy định về Cục Quản lý An toàn Hóa chất Nguy hiểm Ngày 15 tháng 3 năm 2002 do Hội đồng Nhà nư ớc xuất bản
------------------------------	--

PHẦN 16 - Thông tin khác

Tài liệu tham khảo	: - Quy định vận chuyển theo ADR, IMDG và IATA (UN). - GHS ST / SG / AC.10 / 30 / Rev.7. - SDS từ bên thứ 3 / nhà cung cấp. - Bảng dữ liệu an toàn GB / T 16483-2008 cho các sản phẩm hóa chất - Nội dung và thứ tự của phần - GB / T 17519-2013 Hư ớng dẫn biên soạn bảng dữ liệu an toàn đối với hóa chất Mỹ phẩm - GB 15258-2009 Quy định về việc tạo nhãn an toàn hóa chất - GBZ 2.1 Giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp đối với các tác nhân nguy hiểm tại nơi làm việc
--------------------	---

Tuyên bố từ chối trách nhiệm

Thông tin đư ợc trình bày ở đây dựa trên sự hiểu biết tốt nhất hiện tại của chúng tôi và dữ liệu từ các nguồn bên thứ ba có uy tín. Tài liệu này không phải là hợp đồng cũng không phải một sự đảm bảo. Các điều kiện và cách khách hàng của chúng tôi xử lý, lưu trữ, sử dụng và tiêu hủy các sản phẩm này không do nhà cung cấp kiểm soát. Chúng tôi sẽ không chấp nhận bất kỳ mất mát, hư hỏng hoặc chi phí tư ơng đối do bạn vứt bỏ, bảo quản, sử dụng và loại bỏ các sản phẩm này không đúng cách. SDS này chỉ có thể đư ợc sử dụng cho các sản phẩm đư ợc liệt kê trong tiêu đề. Không thể chấp nhận sử dụng SDS này cho một sản phẩm có chứa chất liệu này hoặc bất kỳ chất liệu nào đư ợc liệt kê trong tài liệu.

Material Safety Data Sheet

Phiếu an toàn hóa chất

Part 1 Chemicals and enterprise logo

Phần 1: Thông tin logo doanh nghiệp và sản phẩm

English name of the chemical Tên hóa chất: UV tinted paint UV MÀU

Enterprise name Tên doanh nghiệp : ZHANCHEN (VIET NAM) NEW MATERIALS COMPANY LIMITED

Address Địa chỉ: LOT F6 (B3 AREA) D2&D9 ROAD, RACH BAP INDUSTRIAL PARK , AN DIEN COMMUNE, BEN CAT TOWN, BINH DUONG PROVINCE, VIET NAM.

E-mail address: zhanchengroup@gmail.com

Tel : 0274 3555 208

Fax : 0274 3555 209

Recommended use: Furniture painting and interior decoration.

Mục đích sử dụng: Sơn nội thất và trang trí nội thất.

Restricted use: used in the food industry.

Hạn chế sử dụng: sử dụng trong ngành công nghiệp thực phẩm..

Part 2 An overview of the risk

Phần 2 Tổng quan về rủi ro

Emergency summary: Chemicals have flammable and explosive properties, swallowing / inhalation / skin contact may be harmful and harmful to aquatic organisms.

Khái lược khẩn cấp: Hóa chất có tính chất dễ cháy và dễ cháy, nuốt / hít phải / tiếp xúc với da có thể có hại và gây hại cho sinh vật dưới nước.

GHS risk categories: Danh mục rủi ro GHS

Flammable liquid -3, acute toxicity - transoral -5, acute toxicity - percutaneous -4, acute toxicity - inhalation of -4, the damage to the water environment - acute 3

Chất lỏng dễ cháy -3, độc tính cấp tính - transoral -5, độc tính cấp tính - qua da -4, độc tính cấp tính - hít phải -4, thiệt hại cho môi trường nước - cấp tính 3

Label elements: Yếu tố nhãn

Pictograph / Biểu tượng: :



Warning word: warning / Từ cảnh báo: cảnh báo

Dangerous information: flammable liquids and vapors; swallowing may be fatal; skin contact may be harmful; inhalation may be harmful; it is harmful to aquatic organisms;

Thông tin nguy hiểm: chất lỏng và hơi dễ cháy, nuốt phải có thể gây tử vong, tiếp xúc với da có thể gây hại, hít phải có thể gây hại, gây hại cho sinh vật dưới nước;

Precaution: if you need a doctor, please carry the product container or label with you, put it in the place where the child can't touch. Please read the label before use.

Lưu ý: Để xa tầm tay trẻ em, nếu cần tư vấn vui lòng mang theo nhãn tem hoặc sản phẩm. Vui lòng đọc kỹ nhãn sản phẩm trước khi sử dụng.

Preventive measures: keep away from heat, sparks, open flame, hot surface, - no smoking. Keep the container closed. The vessel and the receiving equipment are grounded / equipotential connections. The use of explosion-proof electrical appliances, ventilation, lighting and other equipment. Only a tool that does not produce sparks can be used. Measures to prevent electrostatic discharge are taken. Wear protective gloves / wear protective clothing / wear protective cover / wear mask. Avoid release into the environment.

Các biện pháp phòng ngừa: tránh xa nhiệt, tia lửa, ngọn lửa hở, bề mặt nóng, - không hút thuốc, giữ bình chứa đóng kín, bình và thiết bị tiếp nhận được nối đất / thiết bị điện. Các thiết bị bảo hộ khác / mặc quần áo bảo hộ / đeo mặt nạ bảo vệ / đeo mặt nạ. Tránh thải vào môi trường.

Accident response: if the skin (or hair) is stained, take off all the stained clothes immediately. Wash the skin / shower with water, such as inhaling / swallowing, feeling discomfort, calling the detoxification center or the doctor. Foam, dry powder, carbon dioxide and sand are used to extinguish fire in fire.

Phản ứng : Nếu da (hoặc tóc) bị nhuộm màu, hãy cởi bỏ tất cả quần áo màu ngay lập tức Rửa sạch da / vòi sen bằng nước, chẳng hạn như hít phải / nuốt, cảm thấy khó chịu, gọi cho trung tâm chất độc hoặc bác sĩ. , carbon dioxide và cát được sử dụng để dập lửa trong lửa.

Safe storage: stored in a well ventilated place. Keep low temperature.

Lưu trữ an toàn: được lưu trữ ở nơi thông thoáng, giữ nhiệt độ thấp

Discarded disposal: disposal of internal / regional / regional / national / international laws and regulations.

Cách xử lý : xử lý các luật và quy định nội bộ / khu vực / quốc gia / luật và quy định quốc tế.

Physical and chemical hazards: flammable liquids and vapors. The mixture of steam and air can form an explosive mixture, which can cause combustion and explosion in the case of clear fire and high heat. The product can be accumulated by static electricity and may lead to fire.

Mối nguy hại vật lý và hóa học : Hỗn hợp hơi nước và không khí có thể tạo thành hỗn hợp nổ, có thể gây cháy và nổ trong trường hợp hỏa hoạn và nhiệt độ cao. Sản phẩm có thể tích lũy bằng tĩnh điện và có thể dẫn đến Lửa.

Health hazards: long-term inhalation, feeding, and skin contact caused serious health hazards. Eye contact, causing severe stimulation, pain, tears, redness and swelling and visual impairment. Contact with the skin causes stimulation. Repeated exposure to the skin for a long time causes dry skin, crack, pain, itching, edema and blister. Inhalation can cause respiratory irritation and cough and dyspnea. Inhalation of high concentration steam can cause dizziness, dizziness, headache, nausea and ataxia. Continuous inhalation can lead to poor consciousness. Inhalation of high concentration steam has anesthetic effect on the central nervous system, causing headache, dizziness, nausea, vomiting, weakness, ataxia, blurred vision, drowsiness and confusion. Extreme contact can cause respiratory depression, tremor, twitching, loss of consciousness, coma and death. It is harmful to eat, and the fluid entering the lungs can cause severe lung injury and even death. High concentration of exposure can cause genetic damage and may endanger the fetus.

Mối nguy hại cho sức khỏe : Thở kéo dài, ăn, và tiếp xúc với da gây ra các mối nguy hiểm nghiêm trọng về sức khỏe. Tiếp xúc bằng mắt, gây kích thích nghiêm trọng gây đau mắt , chảy nước mắt, đỏ và sưng và suy giảm thị lực, gây kích ứng khi tiếp xúc với da. Tiếp xúc nhiều lần với da trong một thời gian dài sẽ gây ra da khô, nứt, đau, ngứa, phù nề và phỏng rộp da. Hít phải có thể gây kích ứng đường hô hấp, ho và khó thở. Hít phải hơi nước có nồng độ cao có thể gây chóng mặt, chóng mặt, nhức đầu, buồn nôn và mất điều hòa. Thở liên tục có thể dẫn đến nhận thức kém. Hít phải hơi nước có nồng độ cao có tác dụng gây mê trên hệ thống thần kinh trung ương, gây đau đầu, chóng mặt, buồn nôn, nôn, suy nhược, mất điều hòa, mờ mắt, buồn ngủ và lú lẫn. Tiếp xúc quá mức có thể gây suy hô hấp, run, co giật, mất ý thức, hôn mê và tử vong, có hại cho việc ăn, và chất lỏng đi vào phổi có thể gây tổn thương phổi nặng và thậm chí tử vong. Nồng độ phơi nhiễm cao có thể gây tổn thương di truyền và có thể gây nguy hiểm cho bào thai.

Environmental hazards: harmful to aquatic organisms.

Nguy hiểm môi trường: có hại cho sinh vật dưới nước.

Part 3 Composition / composition information

Phần 3 Thông tin về thành phần / thành phần

This product is a mixture Sản phẩm này là hỗn hợp

(harmful) material composition Các thành phần có hại	Concentration Hàm lượng	CAS No.
TPGDA	≤15	42978-66-5
TMPTA	≤10	15625-89-5
Acrylic oligomers	≤40	

Part 4 First aid measures

Phần 4 Các biện pháp sơ cứu

Inhalation

Remove to fresh air. To maintain airway patency. If breathing is difficult, give oxygen. If breathing has stopped, artificial respiration immediately. Doctor.

Hít phải

Chuyển người đó ra nơi thoáng khí với thông gió tốt; Nếu ngừng thở hoặc thở bất thường hãy để cho nhân viên đã được đào tạo tiến hành hô hấp nhân tạo hoặc oxy. Hoặc gọi bác sĩ.

Skin contact

To remove the contaminated clothes, it is necessary to clean up with a large amount of cleaning and soap or with gauze or cotton cloth soaked in vegetable.

Tiếp xúc da :

Cởi bỏ quần áo đã bị dính màu, Rửa sạch da với một số lượng nước sạch lớn hoặc với gạch hoặc vải cotton ngâm trong rau.

Eye contact

A large amount of clean water should be cleaned for at least 15 minutes. If excessive irritation occurs, medical treatment should be taken immediately.

Dính vào mắt :

Rửa mắt thật kỹ với nước ít nhất 15 phút và giữ mí mắt trên; nếu như kích thích quá mức xảy ra thì chữa trị ngay lập tức

Take the wrong medicine Nuốt nhầm:

Do not urge vomiting. Go to a doctor immediately.

Đừng để cho ói mửa. Đi đến bác sĩ ngay lập tức

Part 5 Fire protection measures

Phần 5 các phương pháp phòng cháy chữa cháy

Especially dangerous: flammable, its steam and air can form an explosive mixture, and it is very easy to burn and explode in the light of fire and high heat. It can react strongly with

the oxidizing agent. It is easy to produce and gather static electricity, and there is a danger of burning and explosion. Steam is heavier than air, spreads along the ground and is easily deposited in low-lying areas, and fires will be ignited in the case of fire.

Chú ý :Dễ cháy, hơi nước và không khí của nó có thể tạo thành một hỗn hợp nổ, và nó rất dễ cháy và phát nổ trong ánh sáng của lửa và nhiệt độ cao.Nó có thể phản ứng mạnh mẽ với tác nhân oxy hóa, dễ dàng sản xuất và hút tĩnh điện, và có nguy cơ cháy và nổ.Hơi nước nặng hơn không khí, lan tỏa dọc theo mặt đất và dễ dàng lắng đọng ở những khu vực trũng thấp, và cháy sẽ bốc cháy trong trường hợp hỏa hoạn

Fire extinguishing method and fire extinguishing agent: foggy water, foam, dry powder, carbon dioxide and sand. Avoid the use of direct water.

Phương pháp chữa cháy : nước sương mù, bọt, bột khô, carbon dioxide và cát Tránh sử dụng nước trực tiếp.

Precautions and measures for fire extinguishing: Firefighters must wear self-contained breathing apparatus, wear whole body fireproof and antitoxic clothes, and put out the fire in the upper wind. Water spray cooling containers, if possible, move the container from the fire field to the open space. If the container in the fire field has changed color or produces sound from the safety pressure relief device, it must be evacuated immediately. Water extinguishing is not effective.

Các biện pháp phòng ngừa và cách chữa cháy: Nhân viên cứu hỏa phải mặc thiết bị thở khép kín, toàn thân mặc và quần áo chống cháy chống độc, và đứng phía trên hướng gió để dập lửa.Thùng chứa làm mát phun nước, nếu có thể, di chuyển bình chứa từ trường lửa sang không gian mở.Nếu thùng chứa trong khu chữa cháy đã thay đổi màu sắc hoặc tạo ra âm thanh từ thiết bị giảm áp an toàn, thì phải được sơ tán ngay lập tức

Prevention measures to prevent secondary disasters: eliminating point fire sources and preventing leaks from entering the sewer.

Các biện pháp phòng ngừa để ngăn ngừa hỏa hoạn lần thứ hai: loại bỏ các nguồn cháy điểm và ngăn ngừa rò rỉ xâm nhập vào cống rãnh.

Part 6 Leakage Emergency Treatment

Phần 6 Xử lý khẩn cấp việc rò rỉ

Protection measures, protective equipment and emergency procedures for workers: eliminate all points of fire. The warning zone was delineated in the area affected by the flow of liquid and vapor diffusion, and the unrelated personnel were evacuated from the side wind and the upper wind to the safety zone. It is suggested that the emergency treatment personnel wear positive pressure self-contained breathing apparatus, wear antitoxic, antistatic clothes and wear rubber oil resistant gloves. All equipment should be grounded when used. No contact or leaking is prohibited.

Các biện pháp bảo vệ, trang thiết bị bảo hộ và thủ tục khẩn cấp cho công nhân: Loại bỏ tất cả các điểm cháy. Vùng cảnh báo được mô tả trong khu vực bị ảnh hưởng bởi dòng chảy của sự khuếch tán chất lỏng và hơi và các nhân viên không liên quan đã được sơ tán đến vùng an toàn. Nhân viên cứu hỏa nên mặc thiết bị thở khép kính ở chế độ áp suất dương, mặc quần áo chống độc, chống tĩnh điện và đeo găng tay chịu dầu cao su. Tất cả các thiết bị phải được nối đất khi sử dụng. Không có tiếp xúc hoặc rò rỉ bị cấm.

Environmental protection measures: prevent leaks from entering water, sewer, basement, or confined space.

Các biện pháp bảo vệ môi trường: ngăn chặn rò rỉ xâm nhập vào nước, cống rãnh, tầng hầm hoặc không gian hạn chế.

The collection and removal of chemicals and the disposal materials used: Land leaks: small amounts of leaks are adsorbed or absorbed by sand or other noncombustible materials. It can also be washed with a large amount of water, and the washing water is diluted and put into the wastewater system. The leakage of large amount of construct a barrier pit to contain. Cover with foam to reduce steam disaster. Transfer to a tank or a special collector with an explosion-proof pump to be recovered or transported to a waste disposal site. Water leakage: if there is no danger, action can be taken to stop the leak, immediately spilled oil fence limit range, from surface skimming, warning and other ships. The above leakage disposal proposal is based on the most probable leakage condition of the material. However, all kinds of natural conditions may have a great impact on the scheme adopted. Therefore, we should consult with local experts. Note: the local regulations may provide or limit the plans taken.

Thu gom và loại bỏ hóa chất và vật liệu thải: Rò rỉ đất: một lượng nhỏ rò rỉ được hấp thụ hoặc hấp thụ bởi cát hoặc vật liệu không cháy khác. Rửa sạch với một lượng lớn nước, và nước rửa được pha loãng và thải ra ngoài hệ thống nước thải. xây dựng một rào chắn để chứa số lượng rò rỉ lớn đó. Dung bột giảm bớt hơi nước tràn ra. Chuyển sang một bể hoặc thiết lập một máy bơm chống cháy nổ để chuyển đến một hồ thải khác

Rò rỉ nước: nếu không có nguy hiểm, có thể thực hiện biện pháp ngăn chặn sự rò rỉ trong giới hạn phạm vi tràn lan dầu, từ bề mặt lướt sóng, cảnh báo và những tàu khác. Đề xuất xử lý hiện tượng rò rỉ trên đây dựa trên tình huống rò rỉ có khả năng nhất của nguyên vật liệu .Tuy nhiên, tất cả các loại điều kiện tự nhiên có thể có ảnh hưởng rất lớn đến phương án kế hoạch áp dụng đó.Vì vậy, chúng ta nên tham khảo ý kiến với các chuyên gia địa phương. Lưu ý: các quy định của địa phương có thể cung cấp hoặc giới hạn các kế hoạch đã thực hiện.

Part 7 Operation disposal and storage

Phần 7 Xử lý và lưu trữ

Operation attention: closed operation, strengthen ventilation. The operator must undergo special training and strictly abide by the operating rules. It is recommended that operators wear self-priming filter respirators (semi masks), wear chemical safety glasses, wear poison proof clothes and wear rubber gloves. Stay away from fire, heat, and smoking in the workplace. The use of explosion-proof ventilation systems and equipment. Prevent steam from leaking into the air of the workplace. Avoid contact with eyes and skin, avoid inhaling smoke, steam or spray, avoid feeding, and rinse thoroughly after operation. Avoid contact with oxidants. At the time of filling, the flow rate should be controlled and the grounding device is used to prevent the accumulation of static electricity. Light load should be loaded lightly to prevent the damage of packaging and container. Equipped with the corresponding variety and quantity of fire equipment and leakage emergency treatment equipment. The empty container may remain harmful.

Thao tác chú ý : thao tác đóng chặt cửa, tăng cường thông thoáng.Nhân viên thao tác phải qua lớp đào tạo đặc biệt và tuân thủ nghiêm ngặt về quy tắc thao tác.đề nghị nhân viên thao tác trang bị mặt nạ lọc khí, đeo kính bảo hộ an toàn hóa chất,quần áo chống độc và găng tay cao su. Tránh xa lửa, nóng và hút thuốc tại nơi làm việc.Sử dụng thiết bị và hệ thống thông gió chống cháy nổ. Ngăn chặn hơi nước rò rỉ vào nơi làm việc. Tránh tiếp xúc với mắt và da, tránh hít phải khói, hơi nước hoặc phun, tránh ăn tại chỗ có

hóa chất , và rửa kỹ sau khi thao tác .tránh tiếp xúc với chất oxy hóa.khi điện, tốc độ dòng chảy phải được kiểm soát và thiết bị nối đất được sử dụng để ngăn chặn sự tích tụ tĩnh điện. Đặt nhẹ đóng gói nhẹ, tránh làm vỡ dụng cụ đóng gói và thùng đóng gói. Trang bị số lượng thiết bị phòng cháy đa dạng tương ứng và thiết bị xử lý khẩn cấp rò rỉ. Dụng cụ rỗng vẫn có hại.

Store in a cool, ventilated storeroom. Stay away from fire and heat. The temperature should not exceed 37 degrees, keep the container sealed. It should be stored separately with oxidant and edible chemicals, and avoid mixed storage. The use of explosion-proof lighting, ventilation facilities. It is forbidden to use mechanical equipment and tools that easily generate sparks. The storage area should be equipped with leakage emergency treatment equipment and suitable collection materials.

Lưu trữ trong một kho mát, thoáng mát, tránh xa lửa và nhiệt.Nhiệt độ không được vượt quá 37 độ, giữ kín hộp chứa. Nó nên được lưu trữ riêng biệt với các hóa chất oxy hóa và ăn được, và tránh lưu trữ hỗn hợp.Sử dụng đèn chống cháy nổ, thiết bị thông gió.Cấm sử dụng thiết bị và công cụ dễ dàng tạo ra tia lửa.Khu vực lưu trữ phải được trang bị thiết bị xử lý khẩn cấp việc rò rỉ và vật liệu thu gom phù hợp.

Part 8 Contact control / individual protection

Phần 8 Kiểm soát tiếp xúc / bảo vệ cá nhân

Provide adequate ventilation, Local ventilation and good overall ventilation should be adopted to achieve this.

Respirator protection: wear a filter type mask (half mask) when the concentration of the air exceeds the standard. When emergency. When emergency situations are saved or evacuated, the air respirator should be worn.

Eye protection: wear chemical safety protective glasses.

Skin and body protection: wear anti poison osmosis.

Hand protection: wear rubber oil resistant gloves.

Other protection: the workplace is prohibited from smoking, eating and drinking water. After the work, the shower is changed. Exercise pre - and regular physical examination.

Cung cấp thông gió đầy đủ, thông gió cục bộ và thông gió tổng thể tốt nên được thông qua để đạt được điều này.

Bảo vệ mặt : đeo mặt nạ loại lọc (mặt nạ nửa mặt) khi nồng độ của không khí vượt quá tiêu chuẩn. Khi khẩn cấp. Khi các tình huống khẩn cấp được lưu hoặc sơ tán, nên đeo mặt nạ chống độc.

Bảo vệ mắt: đeo kính bảo vệ an toàn hóa chất.

Bảo vệ da và cơ thể: mặc quần áo chống độc.

Bảo vệ tay: đeo găng tay cao su chịu dầu.

Bảo vệ khác: nơi làm việc bị cấm hút thuốc, ăn và uống nước. Sau khi làm việc, vòi hoa sen phải được thay đổi. Tập thể dục trước - và kiểm tra sức khỏe thường xuyên.

Part 9 Ninth parts of physical and chemical properties

Phần 9 Tính chất vật lý và hóa học

Flash point Điểm sáng: 93°C

Ignition point Điểm đánh lửa: Không dữ liệu

Boiling point Điểm sôi: Không dữ liệu

Relative density Mật độ tương đối: 1.5-1.6/ cm³

Appearance and character Tính chất : Coloured liquid Chất lỏng màu

Relative vapor density Tỷ trọng hơi tương đối: Không dữ liệu

The upper limit of explosion Giới hạn cháy nổ trên (V/V): Không dữ liệu

Lower limit of explosion Giới hạn cháy nổ dưới (V/V): Không dữ liệu

Solubility: Doesn't dissolve in water.

Độ hòa tan: Không hòa tan trong nước.

Main uses: suitable for good coatings.

Sử dụng chính: Thích hợp sản phẩm gỗ

Part 10 Stability and reactivity

Phần 10 Tính ổn định và tính phản ứng

Stability: stability under normal conditions

Tính ổn định: Ổn định trong điều kiện bình thường

Prohibition: strong oxidizer, Strong base or strong acid

Cấm: chất oxy hóa mạnh, bazơ mạnh hoặc axit mạnh

Avoid contact conditions: open fire, high heat.

Tránh các điều kiện tiếp xúc: lửa mở, nhiệt độ cao.

Decomposition products: carbon dioxide, carbon monoxide

Sản phẩm phân hủy: carbon dioxide, carbon monoxide

Part 11 Toxicology information

Phần 11 Thông tin về độc tính học

Acute toxicity: Can cause the skin to prick, corrode.

Slow toxicity: no date

Irritation: can cause skin redness and swelling.

Carcinogenicity: no date

Nhiễm độc cấp tính có thể khiến da bị châm chích, ăn mòn.

Độc tính chậm: không

Kích ứng da có thể gây đỏ da và sưng.

Chất gây ung thư : không

Part 12 The ecological data

Phần 12 Dữ liệu sinh thái

Ecotoxicity:

1. When released into the soil it can seep into the ground
2. When released into the water, COD will rise
3. It is not released into the atmosphere because of its low volatility

Other harmful effects of the environment: No

Độc tính sinh thái

1. Khi được thả vào đất, nó có thể thấm xuống đất
2. Khi được thả vào nước, COD sẽ tăng
3. Nó không được phát hành vào khí quyển vì tính biến động thấp của nó

Các tác hại khác của môi trường: Không

Part 13 Discarded disposal

Phần 13 Xử lý vật thải

The national and local regulations should be referred to before the disposal of waste

Waste chemicals: to be recycled as much as possible and to be disposed of by incineration if it can not be recycled

Vui lòng tham khảo quy định nhà nước trước khi xử lý chất thải

Sản phẩm hóa hóa thải : tận dụng việc thu gom tái chế xử lý, nếu không xử lý được thì xử lý tiêu hủy

The product shall not be discarded in the way of discharge to the sewer.

Sản phẩm sẽ không được thải bỏ bằng cách xả ra cống rãnh.

Contaminated packaging: no reuse can be repeated or empty containers filled with this product. If we want to reuse and dispose of contaminated empty containers, they should be thoroughly cleaned. Until the absence of this product, the cleaning solution should be treated innocuous

Bao bì bị ô nhiễm: không tái sử dụng có thể được lắp đi lắp lại hoặc container rỗng đầy với sản phẩm này. Nếu chúng ta muốn tái sử dụng và vứt bỏ các thùng chứa rỗng bị ô nhiễm, chúng phải được rửa kỹ. Cho đến khi không có sản phẩm này, dung dịch làm sạch cần được xử lý vô hại

Bao bì bị ô nhiễm : không được sử dụng tái sử dụng hoặc sản phẩm rỗng để đựng

Part 14 Transport information

Phần 14 Thông tin vận chuyển

Dangerous goods number of the United Nations (UN): 3469

Số hàng nguy hiểm của Liên Hiệp Quốc (UN): 3469

United Nations Transport Name: Coating

Tên giao thông Liên Hợp Quốc: Coating

United Nations classification of risk: third types of flammable liquids

Phân loại rủi ro của Liên Hiệp Quốc: loại chất lỏng dễ cháy thứ ba

Packing category: III

Loại đóng gói: III



Packaging sign: flammable liquid or _____

Dấu hiệu đóng gói: chất lỏng dễ cháy hoặc

Packing method: small open drums; threaded bottles, iron cover mouth glass bottles, plastic bottles or metal barrels (cans) ordinary wooden case.

Phương pháp đóng gói: trống mở nhỏ; chai ren, nắp đậy chai thủy tinh bằng miệng sắt, chai nhựa hoặc thùng kim loại (lon) bằng gỗ thông thường.

Marine pollutants (yes / no): no.

Chất ô nhiễm biển (có / không): không.

Notice of transportation: the railway transportation should be installed in strict accordance with the dangerous goods distribution form in the railway ministry's "dangerous goods transportation rules". Transportation vehicles should be equipped with the corresponding variety and quantity of fire-fighting equipment and leakage emergency treatment equipment. It's better to transport sooner or later in summer. With no oxidant, edible chemicals, such as mixed mixed transport. In transit, insolation, rain, and high temperature should be prevented. It should stay away from fire, heat and high temperature. The vehicle exhaust pipe that carries the goods must be equipped with a fire resistance device, which prohibits the use of mechanical equipment and tools that easily generate sparks. Road transportation should be driven in accordance with the prescribed route, and do not stay in residential areas and densely populated areas. Railway transportation to prohibit running. It is strictly prohibited to use wooden and cement ships in bulk.

Thông báo về giao thông vận tải: vận tải đường sắt nên được cài đặt theo đúng hình thức phân phối hàng nguy hiểm trong "quy tắc vận chuyển hàng nguy hiểm" của giao thông đường sắt. Phương tiện vận chuyển nên trang bị một số lớn lượng thiết bị chữa cháy và thiết bị xử lý khẩn cấp rò rỉ tương ứng, tốt nhất là vận chuyển vào buổi sáng hoặc tối trong mùa hè. Không có chất oxy hóa, hóa chất ăn được, vận chuyển hỗn hợp v.v. Trong quá trình vận chuyển nên tránh nắng, tránh mưa và nhiệt độ cao. Ống xả của xe chở hàng phải được trang bị thiết bị chống cháy, cấm sử dụng các thiết bị cơ khí và công cụ dễ dàng tạo ra tia lửa. Xe vận chuyển phải đi theo tuyến đường quy định, không được dừng đỗ tại khu dân cư và khu tập trung đông dân.

Part 15 The legal information

Phần 15 Thông tin pháp lý

Regulatory information: GB30000.29-2013 GB 30000.7-2013 chemical classification and label specification seventh part: flammable liquid.

Thông tin quy định: GB30000.29-2013 GB 30000.7-2013 phân loại hóa học và đặc điểm kỹ thuật nhãn phần thứ bảy: chất lỏng dễ cháy.

Hazardous chemicals list": included in the 2015 edition, the material is divided into synthetic resin, containing flammable solvent paint, auxiliary materials, paint and other products [closed cup flash point is less than or equal to 60 DEG C].

Danh sách hóa chất nguy hiểm ": bao gồm trong ấn bản năm 2015, vật liệu được chia thành nhựa tổng hợp, chứa sơn dung môi dễ cháy, vật liệu phụ trợ, sơn và các sản phẩm khác [điểm đóng cốc flash nhỏ hơn hoặc bằng 60 DEG C].

The list of dangerous goods (GB 12268-2012): the substance is divided into third types of flammable liquids.

Danh sách các hàng hóa nguy hiểm (GB 12268-2012): chất được chia thành các loại chất lỏng dễ cháy thứ ba.

Part 16 The other information

Phần 16 Các thông tin khác

Latest revision date: March 12, 2016

Ngày sửa đổi mới nhất: ngày 12 tháng 3 năm 2016

Modification instructions: the SDS is compiled according to the guidelines for the preparation of chemical safety technical manuals (GB/T17519-2013) and the chemical classification and labeling standard (GB3000-2013).

Hướng dẫn sửa đổi: SDS được biên soạn theo các hướng dẫn cho việc chuẩn bị hướng dẫn kỹ thuật an toàn hóa chất (GB / T17519-2013) và phân loại hóa học và tiêu chuẩn ghi nhãn (GB3000-2013).

Abbreviations: Các từ viết tắt

MAC: the concentration of the toxic chemical substances that should not be exceeded at the working place, within a working day, and at any time.

MAC: nồng độ của các chất hóa học độc hại không nên vượt quá tại nơi làm việc, trong một ngày làm việc, và bất cứ lúc nào.

PC-TWA: mean permissible contact concentration of 8h working days and 40H working weeks defined by time as weight

PC-TWA: có nghĩa là nồng độ tiếp xúc cho phép trong 8 giờ làm việc và 40H tuần làm việc được xác định theo thời gian là trọng lượng

PC-STEL: refers to the concentration of short time (15min) contact in compliance with the PC-TWA premise

PC-STEL: đề cập đến nồng độ tiếp xúc trong thời gian ngắn (15 phút) phù hợp với tiền đề PC-TWA

TLV-C: the limit that can not be exceeded instantaneously. It is specifically prescribed for certain substances, such as irritant gases, or substances that have an acute effect.

TLV-C: giới hạn không thể vượt quá ngay lập tức. Nó được quy định cụ thể cho một số chất, chẳng hạn như khí gây kích thích, hoặc các chất có tác dụng cấp tính.

TLV-TWA: the average concentration of time is 8 hours per day or 40 hours per week.

TLV-TWA: nồng độ trung bình của thời gian là 8 giờ mỗi ngày hoặc 40 giờ mỗi tuần.

TLV-STEL: it is to allow the workers to contact the maximum concentration of 15min in continuous contact with the TLV-TWA. This concentration is not more than 4 times per working day and at least 60min at two contact intervals. It is a supplement to TLV-TWA.

TLV-STEL: nó cho phép người lao động liên hệ với nồng độ tối đa 15 phút liên lạc liên tục với TLV-TWA. Nồng độ này không quá 4 lần trong một ngày làm việc và ít nhất 60 phút ở hai khoảng thời gian tiếp xúc. Nó là một bổ sung cho TLV-TWA ..

IARC: it refers to the International Institute for cancer research

IARC: nó đề cập đến Viện nghiên cứu ung thư quốc tế

RTECS: it refers to the chemical substance toxicity database of the National Institute of occupational safety and health

RTECS: nó đề cập đến cơ sở dữ liệu độc tính chất hóa học của Viện an toàn và sức khỏe nghề nghiệp quốc gia

HSDB: it refers to the hazardous material database of the National Medical Library of the United States

HSDB: nó đề cập đến cơ sở dữ liệu vật liệu nguy hiểm của Thư viện Y khoa Quốc gia Hoa Kỳ

ACGIH: the American Government Conference on Industrial Hygienists

ACGIH: Hội nghị Chính phủ Mỹ về các nhà vệ sinh công nghiệp

BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN VẬT LIỆU

Theo quy định GB / T16483, GB / T17519



PHẦN 1 - Nhận dạng sản phẩm và công ty

Mã sản phẩm	: ZU6200X
Mô tả Sản phẩm	: Bột trét UV Clear
Mục đích sử dụng	: Sơn phủ gỗ
Ngày sửa đổi	: 27-02-2020
Tên công ty	: CÔNG TY TNHH VẬT LIỆU MỚI ZHANCHEN (VIỆT NAM)
Địa chỉ nhà	: LÔ F6 (KHU B3) ĐƯỜNG D2 & D9, KHU CÔNG NGHIỆP RẠCH GIÁ, AN ĐIEN COMMUNE, THỊ TRẤN BẾN CÁ T, TỈNH BÌNH DƯƠNG, VIỆT NAM.
Điện thoại	: 0274 3555 208
Số fax	: 0274 3555 209
Điện thoại khẩn cấp	: 0274 3555 208
Địa chỉ email	: zhanchengroup@gmail.com

PHẦN 2 - Nhận dạng các mối nguy hiểm

Mối nguy vật lý / hóa học	: Không áp dụng.
Mối nguy hiểm đối với sức khỏe con người	: -Có hại khi tiếp xúc với da. -Dán mắt. -Có thể gây ra nhạy cảm khi tiếp xúc với da.

PHẦN 3 - Thành phần / thông tin về các thành phần

Chất / Hỗn hợp	: Hỗn hợp
----------------	-----------

Thành phần	CAS không.	Trọng lượng (%)
Poly (oxy-1,2-ethandiyl), a-hydro-w - [(1-oxo-2-prope n-1-yl) oxy] -, ether với 2-ethyl-2- (hydroxymetyl) -1,3-propanediol (3: 1) E03-TMPTA	28961-43-5	≤ 10
2,4,6-trimetylbenzoyldiphenyl photphin oxit	75980-60-8	1-3
Chất oligomer Epoxy acrylate	55818-57-0	30-50

PHẦN 4 - Các biện pháp sơ cứu

Tiếp xúc với da	: Trong trường hợp tiếp xúc, ngay lập tức rửa da bằng xà phòng và nhiều nước. Nếu vẫn còn kích ứng, hãy gọi bác sĩ.
Tiếp xúc mắt	: Trong trường hợp tiếp xúc, hãy xả với nhiều nước trong ít nhất 15 phút. đó bùng đầy đủ bằng cách dùng ngón tay tách mí mắt. Nếu kích ứng vẫn còn, hãy gọi cho bác sĩ.
Phơi nhiễm qua đường hô hấp	: Nếu hít phải, di chuyển đến nơi có không khí trong lành. Nếu cần, hãy tìm kiếm sự chăm sóc y tế.



Tiếp xúc bằng miệng	: Nếu nuốt phải, rửa sạch miệng bằng nước nếu người đó còn tỉnh táo. Gọi cho một bác sĩ.

PHẦN 5 - Các biện pháp chữa cháy

Phương tiện chữa cháy	: Bột hóa chất khô, carbon dioxide hoặc bột thích hợp.
Chữa cháy	
-Thiết bị bảo vệ	: Mang thiết bị thở và quần áo bảo hộ khép kín để tránh tiếp xúc với da và mắt.
-Những mối nguy hiểm cụ thể	: Phát ra khói độc hại trong điều kiện cháy.

Phần 6: Biện pháp báo cáo tai nạn

Quy trình Đề phòng Cá nhân	: Thực hiện các biện pháp phòng ngừa thích hợp để giảm thiểu tiếp xúc trực tiếp với da hoặc mắt và ngăn ngừa hít phải bụi.
Phương pháp làm sạch	: Trộn với vật liệu trơ (ví dụ: cát khô, vermiculite) và chuyển vào thùng kín để sự thải bỏ. Tránh phát sinh bụi. Thông gió khu vực và rửa sạch vị trí trần sau khi hoàn tất quá trình thu gom.
Tham khảo Phần 8 để biết thêm thông tin bảo vệ cá nhân.	
Tham khảo Phần 13 để biết các cân nhắc về việc thải bỏ.	

Phần 7: X H lý và bảo quản

Các biện pháp xử lý	: Mặc quần áo bảo hộ thích hợp và găng tay an toàn. Tránh tiếp xúc với mắt, da. Tránh hít phải. Cần thiết phải xả cơ khí. Tránh xa các nguồn đánh lửa, hest và ngọn lửa. Tương kỵ: chất oxy hóa mạnh và thực phẩm. Không hút thuốc khi làm việc Địa điểm.
Các biện pháp lưu trữ	: Bảo quản ở khu vực thoáng mát, thông gió tốt. Tránh xa các nguồn gây cháy, nhiệt và ngọn lửa. Lưu trữ trong bao bì kín. Tương kỵ: chất oxy hóa mạnh và thực phẩm.

PHẦN 8: Kiểm soát phơi nhiễm / bảo vệ cá nhân

Kiểm soát kỹ thuật	: Đảm bảo thông gió đầy đủ trên máy trạm. Cung cấp vòi hoa sen và bồn rửa mắt an toàn Trang thiết bị.
Các biện pháp bảo vệ chung	: Tránh tiếp xúc với mắt và da.
Biện pháp vệ sinh	: Rửa tay trước và sau khi làm việc. Sử dụng kem bảo vệ da.
Thiết bị bảo vệ cá nhân	
- Bảo vệ đường hô hấp	: Nên đeo thiết bị bảo vệ hô hấp cảm tay thích hợp trong khi phun ứng dụng, cứu hộ khẩn cấp hoặc sơ tán.
- Bảo vệ tay	: Găng tay chống hóa chất tương thích.
- Bảo vệ mắt	: Kính bảo vệ.
- Bảo vệ da	: Mặc quần áo bảo hộ thích hợp.
Bảo vệ khác	: Không hút thuốc, uống rượu và ăn uống tại nơi làm việc. Rửa kỹ sau khi xử lý.



BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN VẬT LIỆU

Theo quy định GB / T16483, GB / T17519

PHẦN 9 - Các tính chất vật lý và hóa học

Vẻ bề ngoài	: Chất lỏng dính màu trắng sữa
Mùi	: Không áp dụng
Điểm chớp cháy (°C)	:> 93 (cốc kín)
Độ pH	: Không áp dụng
Độ hòa tan	: Không tan trong nước
Tỷ trọng và / hoặc tỷ trọng tương đối (g / ml)	: 1,4 (± 0,05)

PHẦN 10 - Tính ổn định và tính phản ứng

Sự ổn định	: Ổn định trong điều kiện bảo quản và xử lý theo khuyến nghị.
Phản ứng nguy hiểm	: - Phản ứng cao hoặc không tương thích với các vật liệu sau: vật liệu oxy hóa. - Phản ứng hoặc tương kỵ với các vật liệu sau: axit và kiềm. Tránh bị phản ứng hoặc không tương thích với các vật liệu sau: vật liệu khử. - Tiếp xúc với ánh sáng mặt trời có thể làm cho sản phẩm đông cứng trong vòng vài phút.
Sản phẩm phân hủy nguy hiểm	: Các sản phẩm này là các oxit cacbon (CO, CO2).

PHẦN 11 - Thông tin độc tính

Dữ liệu độc tính	: Không có dữ liệu.
Dữ liệu kích ứng	: Dị ứng cho mắt và da.

Phần 12: Thông tin về sinh thái

Độc tính sinh thái	: Không có dữ liệu.
--------------------	---------------------

Phần 13 cân nhắc xử lí

Phương pháp thải bỏ	: Đối với việc tái chế, hãy tham khảo ý kiến của nhà sản xuất hoặc việc thải bỏ phải được thực hiện tuân thủ tất cả các quy định của liên bang, tiểu bang / tỉnh và địa phương. Không thải bỏ qua cống rãnh hoặc vào môi trường trước mắt.
---------------------	--

PHẦN 14 - Thông tin vận tải

Phù hợp với ADR / IMDG / IATA	
- Số Liên hợp quốc về mức độ nguy hiểm	: Không có. (sản phẩm là hàng hóa không nguy hiểm)
Hàng hóa (Số UN)	
- Tên vận chuyển của LHQ	: Không áp dụng.
- Phân loại Mức nguy của Liên hợp quốc	: Không áp dụng. (Không nguy hiểm khi vận chuyển)
Nhãn gói	: Hàng hóa độc hại.
Nhóm gói	: II
Bảo vệ phương tiện giao thông đặc biệt khác	: Không vận chuyển với các chất oxy hóa, vật liệu có tính axit, kiềm mạnh hoặc thực phẩm

BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN VẬT LIỆU

Theo quy định GB / T16483, GB / T17519



Đo	hóa chất. Xử lý nhẹ nhàng để tránh làm hỏng bao bì và hộp đựng. Ngăn ngừa khỏi ánh nắng trực tiếp, nhiệt hoặc mưa trong quá trình vận chuyển để tránh rò rỉ từ bao bì.
PHẦN 15 - Thông tin quy định	
Thông tin quy định liên quan	: -Phân loại và ghi nhãn hóa chất nguy hiểm, chất thường dùng (GB13690-92, phần 6.2) -Nguyên tắc chung để chuẩn bị bảng dữ liệu an toàn hóa chất (GB16483-2008) -Phân loại và đóng gói khi giao hàng nguy hiểm (GB / T15098-2008) -Phân loại và mã hàng nguy hiểm (GB6944-2005) -Quy định về Cục Quản lý An toàn Hóa chất Nguy hiểm Ngày 15 tháng 3 năm 2002 do Hội đồng Nhà nước xuất bản
PHẦN 16 - Thông tin khác	
Tài liệu tham khảo	: - Quy định vận chuyển theo ADR, IMDG và IATA (UN). - GHS ST / SG / AC.10 / 30 / Rev.7. - SDS từ bên thứ 3 / nhà cung cấp. - Bảng dữ liệu an toàn GB / T 16483-2008 cho các sản phẩm hóa chất - Nội dung và thứ tự của phần - GB / T 17519-2013 Hướng dẫn biên soạn bảng dữ liệu an toàn đối với hóa chất Mỹ phẩm - GB 15258-2009 Quy định về việc tạo nhãn an toàn hóa chất - GBZ 2.1 Giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp đối với các tác nhân nguy hiểm tại nơi làm việc
Tuyên bố từ chối trách nhiệm Thông tin được trình bày ở đây dựa trên sự hiểu biết tốt nhất hiện tại của chúng tôi và dữ liệu từ các nguồn bên thứ ba có uy tín. Tài liệu này không phải là hợp đồng cũng không phải một sự đảm bảo. Các điều kiện và cách khách hàng của chúng tôi xử lý, lưu trữ, sử dụng và tiêu hủy các sản phẩm này không do nhà cung cấp kiểm soát. Chúng tôi sẽ không chấp nhận bất kỳ mất mát, hư hỏng hoặc chi phí tương đối do bạn vứt bỏ, bảo quản, sử dụng và loại bỏ các sản phẩm này không đúng cách. SDS này chỉ có thể được sử dụng cho các sản phẩm được liệt kê trong tiêu đề. Không thể chấp nhận sử dụng SDS này cho một sản phẩm có chứa chất liệu này hoặc bất kỳ chất liệu nào được liệt kê trong tài liệu.	



THÔNG TIN AN TOÀN HÓA CHẤT

CHẤT CỨNG AC

AC-1001

1.0 THÔNG TIN NHẬN BIẾT SẢN PHẨM, ĐỊA CHỈ VÀ SỐ ĐIỆN THOẠI CỦA CÔNG TY

M Ô T Ả : CHẤT CỨNG AC

Mức độ ngộ độc : 5

Mã sản phẩm của nhà sản xuất: AC-1001

CẢNH BÁO NGUY HIỂM: 3

Số UN: 1307: 1263

LỚP: 3

CUNG CẤP Chat cứng AC cho sản phẩm đồ gỗ

Bao bì nhóm: III

Địa chỉ Công Ty : BRILLIANT INDUSTRY CO.,LTD .

Đường số 1, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

Trường hợp khẩn cấp vui lòng liên hệ: +84-0274-3782591 (tell)

+84-0274-3782594 (fax)

2. THÔNG TIN THUỘC TÍNH CỦA SẢN PHẨM

Tồn tại ở dạng: Chất lỏng

Điểm chớp cháy : 27 °C

Điểm sôi : 138 °C

Giới hạn khả năng cháy: 1.0 – 7.4% (Đóng nắp)

Áp suất hơi : 35 mmHg @ 20 °C

Khả năng hòa tan trong nước:

Thuộc tính khác:

Tỷ trọng : 1.0 ± 0.03 @ 25°C

3.0 TÍNH CHẤT VẬT LÝ VÀ HÓA HỌC

TÊN HÓA HỌC	MÃ SỐ	TỶ LỆ	GIỚI HẠN PHƠI NHIỄM TLVTLWA (ACGIH)
Dung môi (N-BA)	123-86-4	20-25%	200ppm
PTSA	6192-52-5	15-20%	
Dung môi (N-Butanol)	71-36-3	25 -30%	100 ppm
Dung môi (Ethanol)	64-17-5	20 -25%	1000 ppm
Dung môi (PMA)	148462-57-1	5 -10%	75 ppm

4.0 THÔNG TIN NGUY HIỂM

Phân loại: Chất lỏng độc hại và dễ cháy.

- Đường mắt : Khi tiếp xúc trực tiếp với mắt sẽ có triệu chứng mắt đỏ, sưng, tiếp xúc lượng lớn có thể gây tổn thương nặng cho mắt, dẫn đến mù mắt

- Đường thở : Khi tiếp xúc trực tiếp với hóa chất và hít thở 1 lượng lớn có thể có các triệu chứng sau về đường hô hấp : thở gấp, buồn nôn, nhức đầu

- Đường da : Khi tiếp xúc với số lượng nhiều hoặc tiếp xúc thường xuyên với hóa chất có thể có các triệu chứng sau về da : da khô, nứt nẻ, đỏ ửng

- Đường tiêu hóa : Khi nuốt phải hóa chất, sẽ có những triệu chứng như thở gấp chóng mặt nhức đầu, trướng bụng

5.0 SƠ CẤP CỨU BAN ĐẦU

NUỐT PHẢI hóa chất: Nếu ngộ độc xảy ra liên hệ với bác sỹ. Không cố gây ói mửa. Cho uống một ly nước. Nếu nôn

Xảy ra, đặt nạn nhân hướng xuống dưới ở mức thấp để tránh nôn ói vào phổi.

Nếu hóa chất văng vào mắt: Rửa liên tục dưới vòi nước sạch trong vòng 15 phút



THÔNG TIN AN TOÀN HÓA CHẤT

CHẤT CỨNG AC

AC-1001

Hóa chất dính vào da: Rửa bằng xà bông và nước sạch. Nếu hóa chất bắn vào quần áo, phải cởi bỏ tất sạch sẽ thay quần áo khác.

Hít phải: Di chuyển người bị nạn ra khỏi vùng ô nhiễm. Nếu bệnh nhân ngưng thở, phải hô hấp nhân tạo. Báo bộ phận y tế hỗ trợ

SỐ CỨU: Trong trường hợp hóa chất văng vào mắt, phải rửa bằng nước sạch trước khi chuyển tới cơ sở y tế

LỜI KHUYÊN CỦA BÁC SỸ: Điều trị theo triệu chứng

6. CÁC BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

TÍNH DỄ CHÁY: Dễ cháy. Tránh để gần nguồn lửa, tia lửa, ngọn lửa và tiếp xúc với các chất oxy hóa. Các thiết bị phải được nối đất. Buồng phun phải được giữ sạch sẽ. Giẻ lau có nhiễm hóa chất có thể tự bốc cháy nếu không được nhúng vào nước

Nguy cơ cháy nổ: Cháy nhỏ: Sử dụng bột, cacbon điôxit hoặc bình chữa bột khô.

Cháy lớn: Sử dụng nước phun, sương mù hoặc bọt.

Hướng dẫn chữa cháy: Dùng vòi rồng xịt các khu vực xung quanh ngăn ngừa cháy lan

Mang quần áo phù hợp bao gồm giày ủng, quần áo, găng tay, mặt nạ.

7. CÁC BIỆN PHÁP GIẢM NHẸ TAI NẠN

XỬ LÝ TRẦN ĐỔ: Mang đầy đủ thiết bị bảo vệ dung cát hoặc đất cho thấm hút rồi quét dọn đổ bỏ nơi qui định, không được xả vào cống thoát nước hoặc nguồn nước

8.0 BẢO QUẢN VÀ XỬ DỤNG

BẢO QUẢN: Thông gió. Tránh tiếp xúc với da và mắt.

BẢO QUẢN VÀ VẬN CHUYỂN: Đóng nắp kín khi không sử dụng. Không được để gần nguồn nhiệt, hoặc tia lửa

Bảo quản ở nơi dưới 35°C. Bảo quản nơi khô ráo và thoáng khí

Đặc biệt nguy hiểm: Tránh để gần nguồn lửa, tia lửa, ngọn lửa và tiếp xúc với các chất oxy hóa. Các thiết bị phải được nối đất. Buồng phun phải được giữ sạch sẽ. Giẻ lau có nhiễm hóa chất có thể tự bốc cháy nếu không được nhúng vào nước

9. KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM VÀ BẢO VỆ CÁ NHÂN

Giới hạn phơi nhiễm: Tham khảo phần 3.

Bảo vệ cá nhân: Tránh để văng vào mắt, tiếp xúc với da, hít phải. Mặc bảo hộ phù hợp

bao gồm quần áo bảo hộ găng tay, khẩu trang và kính an toàn. Nếu có nguy cơ hít phải đeo mặt nạ nửa mặt và tuân thủ các quy định của OSHA về sử dụng mặt nạ, 29 CFR 1910.134.

10.0 TÍNH ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG

Các yếu tố cần tránh: Nhiệt, ngọn lửa, tích điện

Không thích hợp: Tránh các tác nhân oxy hóa mạnh.

Các chất phân hủy: CO, CO₂, và NO₂



THÔNG TIN AN TOÀN HÓA CHẤT

CHẤT CỨNG AC

AC-1001

Trùng độc hại: Không xảy ra hiện tượng tự trùng hợp độc hại

11.0 THÔNG TIN GIỚI HẠN VỀ ĐỘC TỐ

Chemical name	Toxicity Data
Dung môi(N-Butanol)	đối với chuột LD50 = 790 mg/kg đối với thỏ : LD50 3400 mg/kg
Dung môi (N-BA)	đối với chuột LD50 = 3400 mg/kg đối với chuột I LD50 10768mg/kg đối với thỏ LD50 = >17600 mg/kg;
Dung môi(PMA)	đối với chuột >5,000 mg/kg đối với thỏ 19,400mg/k
Dung môi(Ethanol)	đối với chuột LD50 6200 mg/kg đối với thỏ LD50 19,999mg/k
PTSA	đối với chuột LD50 2570 mg/kg

Nuốt phải : Có thể gây khó chịu cho miệng, cổ họng và đường tiêu hóa. Có thể gây buồn nôn và nôn. Liều Lớn

có thể gây bất tỉnh.

Mắt: kích ứng thích mắt.

Da: Có thể gây kích ứng khô da .

HÍT PHẢI: Có hại khi hít phải. Kích ứng với đường hô hấp. hít phải có thể gây nhức đầu và chóng mặt. Hít phải trong thời gian dài có thể gây buồn nôn, nôn mửa và bất tỉnh sau đó.

Bệnh mãn tính: Tiếp xúc da kéo dài hoặc lặp lại có thể gây viêm da.

Ảnh hưởng nội tạng: Da, mắt, hệ hô hấp, phổi, thận, gan và hệ thần kinh trung ương.

12.0 THÔNG TIN HỆ SINH THÁI

Phân hủy và tích tụ : Không thấm nước

Khả năng phân hủy sinh học: Chậm phân hủy sinh học

Aquatic Toxicity: Độc hại đến sinh vật biển

13.0 THÔNG TIN VỀ XẢ THẢI

Xử lý chất thải độc hại theo luật môi trường , Quy chế 1989 và các quy định tại địa phương . Không xả thải chất độc hại ra môi trường vào nguồn nước

14.0 THÔNG TIN VẬN CHUYỂN

Sản phẩm có thể được lưu trữ trong thùng / thùng thép và vận chuyển bằng đường bộ và các hình thức vận chuyển khác. Tham khảo Phần 1.

15.0 QUY ĐỊNH BẮT BUỘC

Cảnh báo



THÔNG TIN AN TOÀN HÓA CHẤT

CHẤT CỨNG AC

AC-1001

R10	Dễ cháy
R20/21/22	Có hại khi hít phải, tiếp xúc với da và nuốt phải
R36/38	Dị ứng cho mắt và da
Thông tin an toàn	
S24/25	Tránh tiếp xúc với da và mắt
S26	Trong trường hợp bị hóa chất văng vào mắt, rửa dưới vòi nước sạch, tìm lời khuyên từ nhân viên y tế
S36/37	Hãy mặc đồ bảo hộ và đeo găng phù hợp
S51	Chỉ sử dụng ở khu vực thông gió tốt
S62	Nếu nuốt phải không gây nôn mửa: tìm tư vấn y tế ngay

Những giới hạn trong môi trường làm việc:

Tuân thủ các qui định chế độ làm việc đối với phụ nữ đang mang thai, bà mẹ đang cho con bú(EC 92/85/EEC).

Tuân thủ qui định chế độ làm việc bảo vệ trẻ em chưa thành niên làm việc trong môi trường độc hại (94/33/EC).

Các qui định khác, Giới hạn và yêu cầu pháp lý

Observe employment restrictions under the law for the protection of young people at work (94/33/EC).

Các qui định khác, Giới hạn và yêu cầu pháp lý

16.0 . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Tài liệu tham khảo

1. Thẻ an toàn hóa chất #0267 IPCS (WHO / FAO / UNEP)
2. An toàn lao động và quản lý sức khỏe Act 1994 (Act 514) And Regulations And Orders
3. Giá trị giới hạn ngưỡng đối với các tính chất hoá học và tính chất vật lý : ACGIH

Liên lạc : Liên hệ Bộ phận Dịch vụ Khách hàng của chúng tôi

Thông tin được cung cấp trên bảng dữ liệu an toàn này phù hợp với mức độ hiểu biết hiện tại cũng như các quy định của quốc gia và của EU. Nếu không có sự chấp thuận bằng văn bản, sản phẩm không được sử dụng cho các mục đích khác với những gì được đề cập trong chương 1. Nó luôn là nghĩa vụ của người sử dụng để thực hiện các biện pháp cần thiết để đáp ứng các yêu cầu theo quy định của địa phương.

Các chi tiết trong bảng dữ liệu an toàn này mô tả các yêu cầu về an toàn của sản phẩm và không được coi là các thuộc tính bảo hành của sản phẩm.



THÔNG TIN AN TOÀN HÓA CHẤT

DUNG MÔI AC

AX-0006

1.0 THÔNG TIN NHẬN BIẾT SẢN PHẨM, ĐỊA CHỈ VÀ SỐ ĐIỆN THOẠI CỦA CÔNG TY

M Ô T Ả : DUNG MÔI AC

Mức độ ngộ độc : 5

Mã sản phẩm của nhà sản xuất :AX-0006

CẢNH BÁO NGUY HIỂM: 3

Số UN: 1307: 1263

LỚP: 3

CUNG CẤP dung môi AC cho sản phẩm đồ gỗ

Bao bì nhóm: III

Địa chỉ Công Ty : BRILLIANT INDUSTRY CO.,LTD .

Đường số 1, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

Trường hợp khẩn cấp vui lòng liên hệ: +84-0274-3782591 (tell)

+84-0274-3782594 (fax)

2. THÔNG TIN THUỘC TÍNH CỦA SẢN PHẨM

Tồn tại ở dạng: Chất lỏng

Điểm chớp cháy : 27 °C

Đi ểm s ôi : 138 °C

Gi ới hạn khả năng cháy: 1.0 – 7.4% (Đóng n ắp)

Áp suất hơi : 35 mmHg @ 20 °C

Kh ả năng hòa tan trong nước: 4 g/L

Thuộc tính khác:

T ỷ tr ọng :0.87 ± 0.03 @ 25°C

3.0 TÍNH CHẤT VẬT LÝ VÀ HÓA HỌC

TÊN HÓA H ỌC	M Ã SỐ	T Ỷ L Ệ	GIỚI HẠN PHƠI NHIỄM TLVTWA (ACGIH)
Dung môi(N-BA)	123-86-4	25-30%	150-200ppm
Dung môi(Xylene)	1330-20-7	25 -30%	100 ppm
Dung môi(PMP)	148462-57-1	5 -10%	75 ppm
Dung môi(A100)	64742-95-6	10 -15%	50 ppm
Dung môi(N-Butanol)	71-36-3	5 -10%	100 ppm

4.0 THÔNG TIN NGUY HIỂM

Phân loại: Chất lỏng độc hại và dễ cháy.

- Đường mắt : Khi tiếp xúc trực tiếp với mắt sẽ có triệu chứng mắt đỏ, sưng, tiếp xúc lượng lớn có thể gây tổn thương nặng cho mắt, dẫn đến mù mắt

- Đường thở : Khi tiếp xúc trực tiếp với hóa chất và hít thở 1 lượng lớn có thể có các triệu chứng sau về đường hô hấp : thở gấp, buồn nôn, nhức đầu

- Đường da : Khi tiếp xúc với số lượng nhiều hoặc tiếp xúc thường xuyên với hóa chất có thể có các triệu chứng sau về da : da khô, nứt nẻ, đỏ ửng

- Đường tiêu hóa : Khi nuốt phải hóa chất, sẽ có những triệu chứng như thở gấp chóng mặt nhức đầu, trướng bụng

5.0 SƠ CẤP CỨU BAN ĐẦU

NUỐT PHẢI hóa chất: Nếu ngộ độc xảy ra liên hệ với bác sỹ. Không cố gây ói mửa. Cho uống một ly nước. Nếu nôn

Xảy ra, đặt nạn nhân hướng xuống dưới ở mức thấp để tránh nôn ói vào phổi.



THÔNG TIN AN TOÀN HÓA CHẤT

DUNG MÔI AC

AX-0006

Nếu hóa chất văng vào mắt: Rửa liên tục dưới vòi nước sạch trong vòng 15 phút

Hóa chất dính vào da: Rửa bằng xà bông và nước sạch. Nếu hóa chất bắn vào quần áo, phải cởi bỏ tất sạch sẽ thay quần áo khác.

Hít phải: Di chuyển người bị nạn ra khỏi vùng ô nhiễm. Nếu bệnh nhân ngưng thở, phải hô hấp nhân tạo. Báo bộ phận y tế hỗ trợ

SỐ CỨU: Trong trường hợp hóa chất văng vào mắt, phải rửa bằng nước sạch trước khi chuyển tới cơ sở y tế

LỜI KHUYÊN CỦA BÁC SỸ: Điều trị theo triệu chứng

6. CÁC BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

TÍNH DỄ CHÁY: Dễ cháy. Tránh để gần nguồn lửa, tia lửa, ngọn lửa và tiếp xúc với các chất oxy hóa. Các thiết bị phải được nối đất. Buồng phun phải được giữ sạch sẽ. Giẻ lau có nhiễm hóa chất có thể tự bốc cháy nếu không được nhúng vào nước

Nguy cơ cháy nổ: Cháy nhỏ: Sử dụng bột, cacbon điôxit hoặc bình chữa bột khô.

Cháy lớn: Sử dụng nước phun, sương mù hoặc bọt.

Hướng dẫn chữa cháy: Dùng vòi rồng xịt các khu vực xung quanh ngăn ngừa cháy lan

Mang quần áo phù hợp bao gồm giày ủng, quần áo, găng tay, mặt nạ.

7. CÁC BIỆN PHÁP GIẢM NHẸ TAI NẠN

XỬ LÝ TRẦN ĐỔ: Mang đầy đủ thiết bị bảo vệ dung cát hoặc đất cho thấm hút rồi quét dọn đổ bỏ nơi qui định, không được xả vào cống thoát nước hoặc nguồn nước

8.0 BẢO QUẢN VÀ XỬ DỤNG

BẢO QUẢN: Thông gió. Tránh tiếp xúc với da và mắt.

BẢO QUẢN VÀ VẬN CHUYỂN: Đóng nắp kín khi không sử dụng. Không được để gần nguồn nhiệt, hoặc tia lửa

Bảo quản ở nơi dưới 35°C. Bảo quản nơi khô ráo và thoáng khí

Đặc biệt nguy hiểm: Tránh để gần nguồn lửa, tia lửa, ngọn lửa và tiếp xúc với các chất oxy hóa. Các thiết bị phải được nối đất. Buồng phun phải được giữ sạch sẽ. Giẻ lau có nhiễm hóa chất có thể tự bốc cháy nếu không được nhúng vào nước

9. KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM VÀ BẢO VỆ CÁ NHÂN

Giới hạn phơi nhiễm: Tham khảo phần 3.

Bảo vệ cá nhân: Tránh để văng vào mắt, tiếp xúc với da, hít phải. Mặc bảo hộ phù hợp

bao gồm quần áo bảo hộ găng tay, khẩu trang và kính an toàn. Nếu có nguy cơ hít phải đeo mặt nạ nửa mặt và tuân thủ các quy định của OSHA về sử dụng mặt nạ, 29 CFR 1910.134.

10.0 TÍNH ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG

Các yếu tố cần tránh: Nhiệt, ngọn lửa, tích điện

Không thích hợp: Tránh các tác nhân oxy hóa mạnh.



THÔNG TIN AN TOÀN HÓA CHẤT

DUNG MÔI AC

AX-0006

Các chất phân hủy: CO, CO₂, và NO₂

Trùng độc hại: Không xảy ra hiện tượng tự trùng hợp độc hại

11.0 THÔNG TIN GIỚI HẠN VỀ ĐỘC TỐ

Chemical name

Toxicity Data

Dung môi(Xylene)

đối với chuột: LD50: 5000 mg/kg

Dung môi(N-Butanol)

đối với thỏ : LD50 LD50: 14.1 g/kg

đối với chuột LD50 = 790 mg/kg

đối với thỏ : LD50 3400 mg/kg

đối với chuột LD50 = 3400 mg/kg

Dung môi(A-100)

đối với thỏ : LD50 > 2000 mg/kg

đối với chuột: LD50 = 2700 mg/kg;

Dung môi (N-BA)

đối với chuột I LD50 10768mg/kg

đối với thỏ LD50 = >17600 mg/kg;

Dung môi(PMP)

đối với chuột: LD50 >12000mg/kg

Nuốt phải : Có thể gây khó chịu cho miệng, cổ họng và đường tiêu hóa. Có thể gây buồn nôn và nôn. Liều Lớn

có thể gây bất tỉnh.

Mắt: kích ứng thích mắt.

Da: Có thể gây kích ứng khô da .

HÍT PHẢI: Có hại khi hít phải. Kích ứng với đường hô hấp. hít phải có thể gây nhức đầu và chóng mặt. Hít phải trong thời gian dài có thể gây buồn nôn, nôn mửa và bất tỉnh sau đó.

Bệnh mãn tính: Tiếp xúc da kéo dài hoặc lặp lại có thể gây viêm da.

Ảnh hưởng nội tạng: Da, mắt, hệ hô hấp, phổi, thận, gan và hệ thần kinh trung ương.

12.0 THÔNG TIN HỆ SINH THÁI

Phân hủy và tích tụ : Không thấm nước

Khả năng phân hủy sinh học: Chậm phân hủy sinh học

Aquatic Toxicity: Độc hại đến sinh vật biển

13.0 THÔNG TIN VỀ XẢ THẢI

Xử lý chất thải độc hại theo luật môi trường , Quy chế 1989 và các quy định tại địa phương

. Không xả thải chất độc hại ra môi trường vào nguồn nước

14.0 THÔNG TIN VẬN CHUYỂN

Sản phẩm có thể được lưu trữ trong thùng / thùng thép và vận chuyển bằng đường bộ và các hình thức vận chuyển khác. Tham khảo

Phần 1.

15.0 QUI ĐỊNH BẮT BUỘC



THÔNG TIN AN TOÀN HÓA CHẤT

DUNG MÔI AC

AX-0006

Cảnh báo

R10

R20/21/22

R36/38

Thông tin an toàn

S24/25

S26

S36/37

S51

S62

Đề cháy

Có hại khi hít phải, tiếp xúc với da và nuốt phải

Dị ứng cho mắt và da

Tránh tiếp xúc với da và mắt

Trong trường hợp bị hóa chất văng vào mắt, rửa dưới vòi nước sạch, tìm lời khuyên từ nhân viên y tế

Hãy mặc đồ bảo hộ và đeo găng phù hợp

Chỉ sử dụng ở khu vực thông gió tốt

Nếu nuốt phải không gây nôn mửa: tìm tư vấn y tế ngay

Những giới hạn trong môi trường làm việc:

Tuân thủ các qui định chế độ làm việc đối với phụ nữ đang mang thai, bà mẹ đang cho con bú(EC 92/85/EEC).

Tuân thủ qui định chế độ làm việc bảo vệ trẻ em chưa thành niên làm việc trong môi trường độc hại (94/33/EC).

Các qui định khác, Giới hạn và yêu cầu pháp lý

Observe employment restrictions under the law for the protection of young people at work (94/33/EC).

Các qui định khác, Giới hạn và yêu cầu pháp lý

16.0 . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Tài li ệu tham khảo

1. Thẻ an toàn hóa chất #0267 IPCS (WHO / FAO / UNEP)

2. An toàn lao động và quản lý sức khỏe Act 1994 (Act 514) And Regulations And Orders

3. Giá trị giới hạn ngưỡng đối với các tính chất hoá học và tính chất vật lý : ACGIH

Liên lạc : Liên hệ Bộ phận Dịch vụ Khách hàng của chúng tôi

Thông tin được cung cấp trên bảng dữ liệu an toàn này phù hợp với mức độ hiểu biết hiện tại cũng như các quy định của quốc gia và của EU. Nếu không có sự chấp thuận bằng văn bản, sản phẩm không được sử dụng cho các mục đích khác với những gì được đề cập trong chương 1. Nó luôn là nghĩa vụ của người sử dụng để thực hiện các biện pháp cần thiết để đáp ứng các yêu cầu theo quy định của địa phương.

Các chi tiết trong bảng dữ liệu an toàn này mô tả các yêu cầu về an toàn của sản phẩm và không được coi là các thuộc tính bảo hành của sản phẩm.

PHỤ LỤC BẢN VẼ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc
oOo

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

CÔNG TRÌNH : Nhà xưởng Công ty TNHH Tủ Bếp Bloom
ĐỊA ĐIỂM : Lô H3, Đường Đ4, KCN Minh Hưng III, phường Minh Hưng, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước
CHỦ ĐẦU TƯ : Công ty TNHH Tủ Bếp Bloom
HẠNG MỤC : Phòng cháy chữa cháy

CHỦ ĐẦU TƯ	ĐƠN VỊ TVGS PCCC	ĐƠN VỊ THI CÔNG PCCC
CÔNG TY TNHH TỦ BẾP BLOOM Digitally signed by CÔNG TY TNHH TỦ BẾP BLOOM DN: C=VN, S=BÌNH PHƯỚC, L=CHƠN THÀNH, CN=CÔNG TY TNHH TỦ BẾP BLOOM, OID.0.9.2342.19200300.100.1 .1=MST:3801275876 Reason: I am the author of this document Location: your signing location here	CHI NHÁNH BÌNH PHƯỚC - CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ THÀNH CÔNG Digitally signed by CHI NHÁNH BÌNH PHƯỚC - CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ THÀNH CÔNG DN: C=VN, L=BÌNH PHƯỚC, CN= CHI NHÁNH BÌNH PHƯỚC - CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ THÀNH CÔNG, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1= MST:0311475020-001 Reason: I am the author of this document Location: Date: 2025.02.26 10:13:40+07'00' Foxit PDF Reader Version: 2024.4.0	 <i>Phạm Ngọc Hùng</i> Người ký: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHƯƠNG NAM BP Thời gian ký: 26.02.2025 07:06:56 +07:00

CÔNG TY TNHH MTV
PHƯƠNG NAM BP



ĐC: T. 7, KP 3 PHƯỜNG TÂN BÌNH,
TP. BÌNH PHƯỚC, TỈNH BÌNH PHƯỚC
MST: 3891272762
ĐT: 0917886519
EMAIL: phuongchung1993022@gmail.com

GIÁM ĐỐC



PHẠM NGỌC HÙNG

CHỦ TRÌ



ĐỖ VĂN THANH

THIẾT KẾ



ĐỖ VĂN THANH

THỂ HIỆN



ĐỖ VĂN THANH

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH
TỪ BẾP BLOOM

CÔNG TRÌNH

CÁI TẠO NHÀ XƯỜNG

Địa chỉ: KCN MINH HƯNG III, PHƯỜNG MINH
HƯNG, THỊ XÃ CHƠN THÀNH, BÌNH PHƯỚC

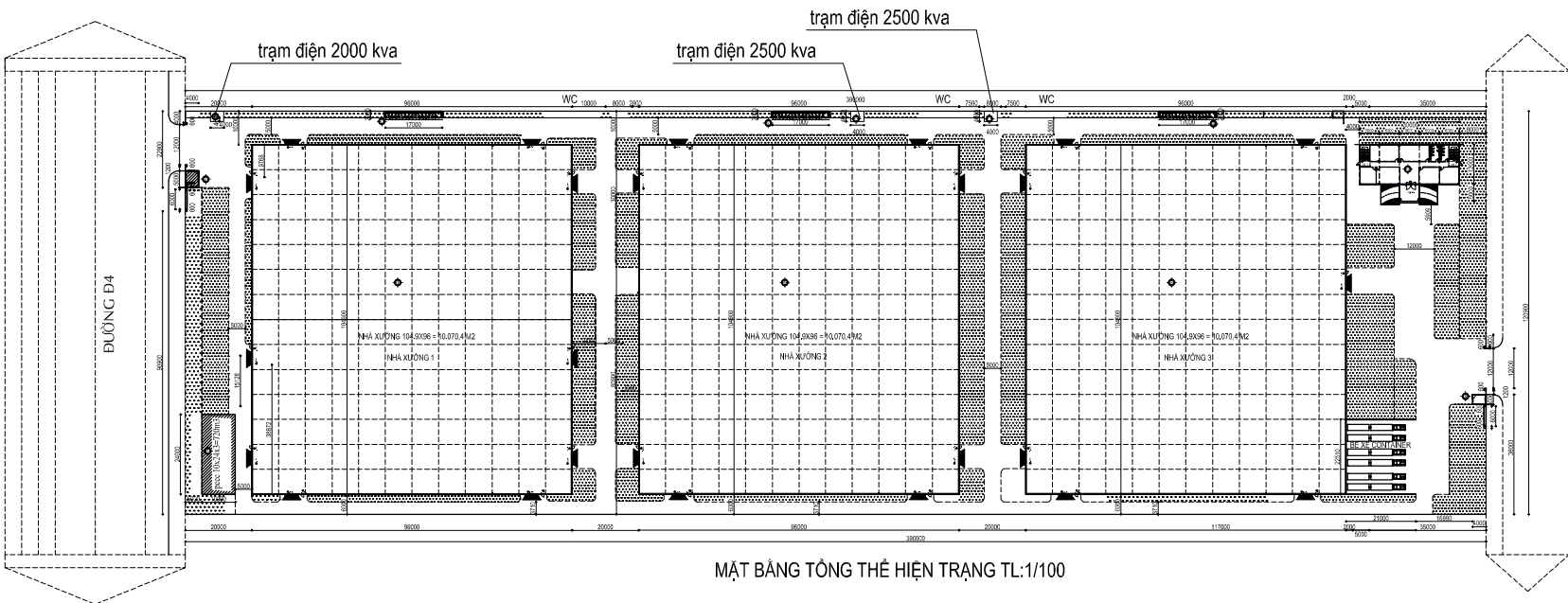
HẠNG MỤC

TỔNG THỂ

TÊN BẢN VẼ

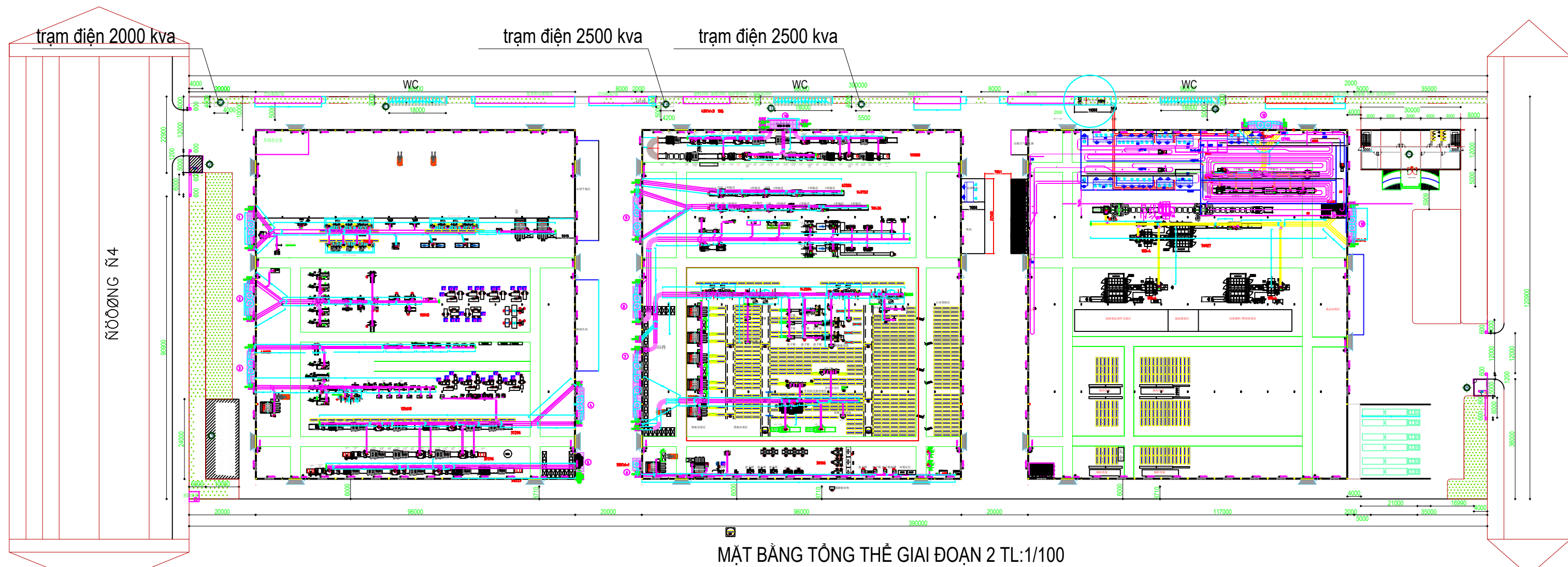
HIỆN TRẠNG

TỈ LỆ BV	1:100	KÝ HIỆU
NGÀY HT:	10/2024	TT 01



MẶT BẰNG TỔNG THỂ HIỆN TRẠNG TL:1/100

BẢNG CHỈ TIÊU KINH TẾ KỸ THUẬT	
STT	LOẠI BÁT
01	DẤT XÂY DỰNG GIẢI ĐOẠN 1
01	01 NHÀ XƯỜNG 1: 104.30x6 + 10.070.4 m2
02	02 NHÀ BẢO VỆ: 8x4+20 m2
03	03 200x24x16x3x720m3
04	DẤT XÂY DỰNG GIẢI ĐOẠN 2
04	04 NHÀ XƯỜNG 2: 104.30x6 + 10.070.4 m2
05	05 NHÀ XƯỜNG 3: 104.30x6 + 10.070.4 m2
06	06 NHÀ PHONG 13 X 30 (180) + 300 M2 (tầng 2, tầng 3: 120x30+380 m2)
07	07 NHÀ BẢO VỆ: 3x3+18 m2
08	08 NHÀ VỆ SINH CN 1: 750x36 m2
09	09 NHÀ VỆ SINH CN 2: 750x36 m2
10	10 NHÀ VỆ SINH CN 3: 750x36 m2
11	11 TRẠM ĐIỆN 1: 45x4+16 m2
12	12 TRẠM ĐIỆN 2: 45x4+16 m2
13	13 GIẢI ĐOẠN 1 + GIẢI ĐOẠN 2
14	14 DẤT GIỎI THỨC SÁI BÀ
15	15 DẤT CỎ VƯỜN
16	16 HỒN CỎ



hố ga cuối nối vào hệ thống chung KCN

ĐƯỜNG Đ4

NHÀ XƯỞNG 104.9X96 = 10.070,4 M2

NHÀ XƯỞNG GIAI ĐOẠN 2
NHÀ XƯỞNG 104.9X96 = 10.070,4 M2

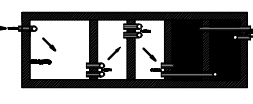
NHÀ XƯỞNG GIAI ĐOẠN 2
NHÀ XƯỞNG 104.9X96 = 10.070,4 M2

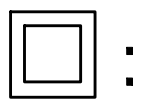
BỆ XE CONTAINER

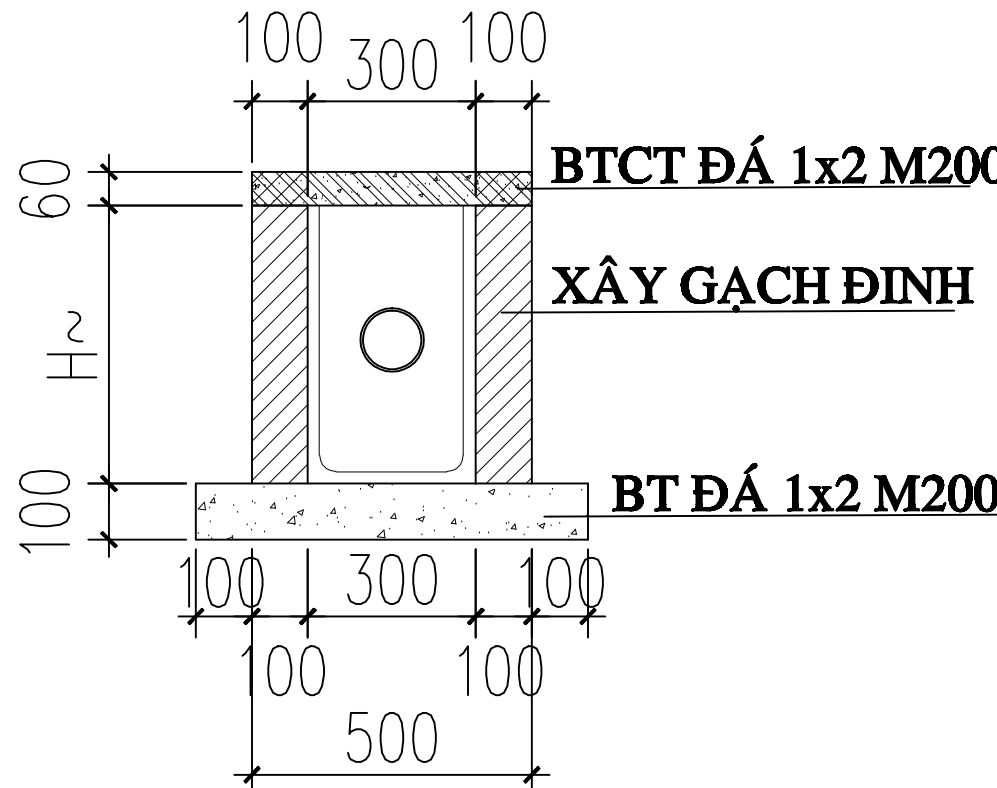
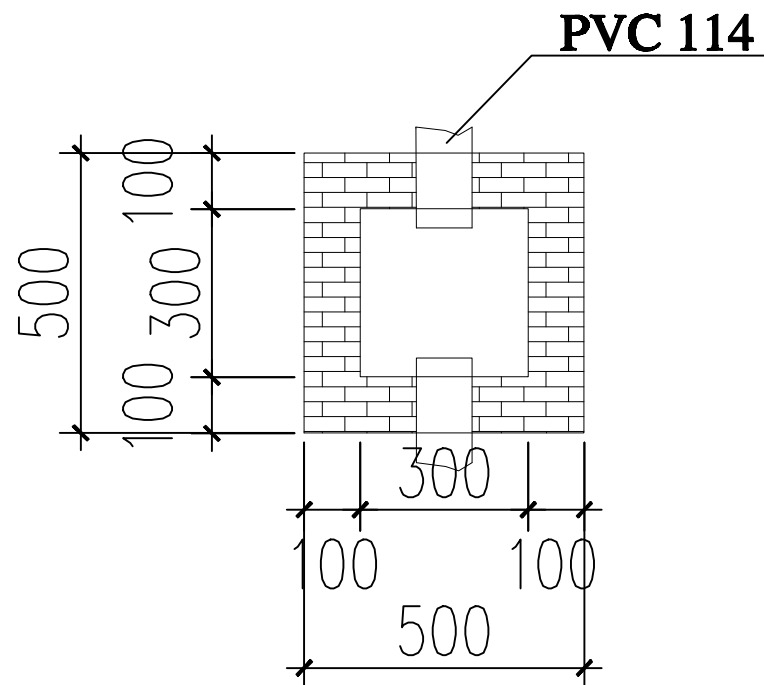
MẶT BẰNG TỔNG THỂ THOÁT NƯỚC THẢI TL:1/100

* KÍ HIỆU:

----- : ĐƯỜNG ỐNG THOÁT NƯỚC UPVC D168

 : HẦM TỰ HOẠI 5 NGĂN

 : HỐ GA CÓ MIỆNG THU NƯỚC THẢI, KT: 500X500

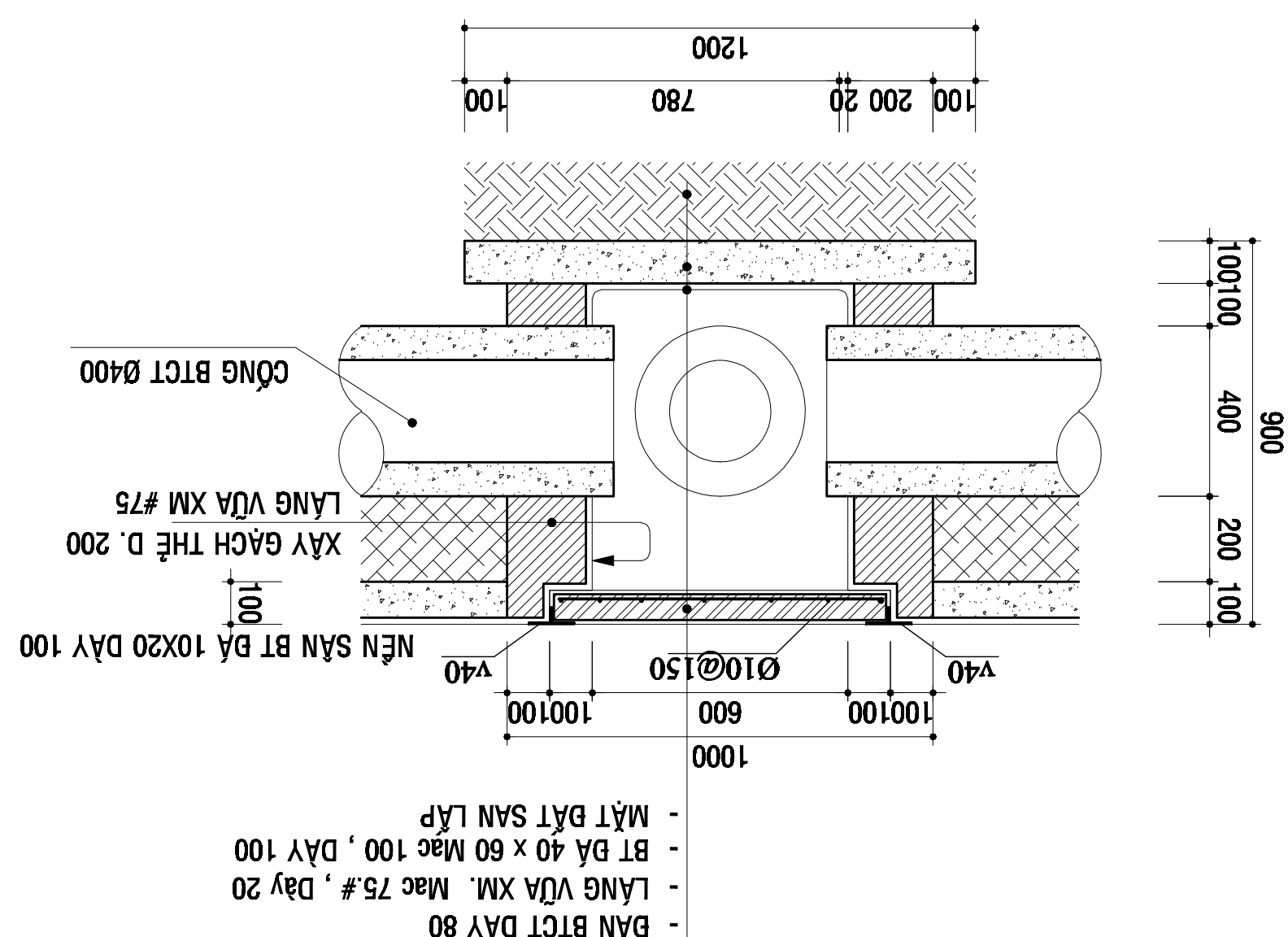
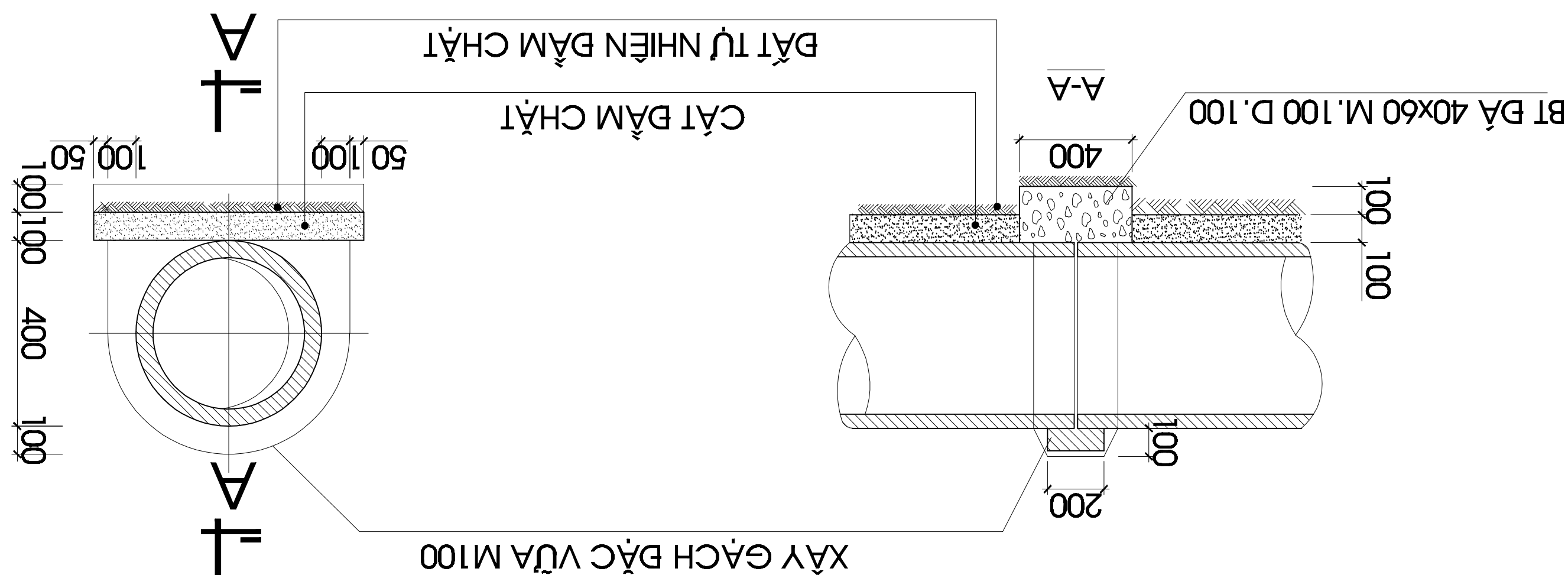


HỐ GA THOÁT NƯỚC THẢI

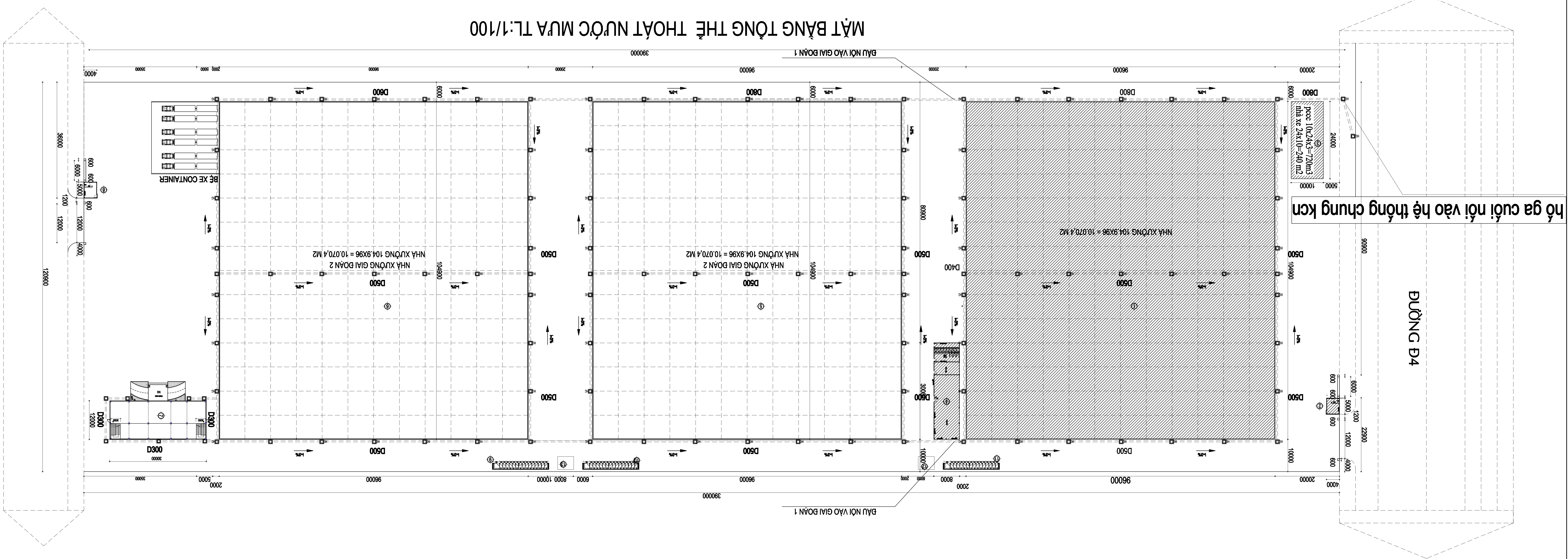
CHỦ ĐẦU TƯ	ĐƠN VỊ THIẾT KẾ	CÔNG TRÌNH : NHÀ XƯỞNG GIAI ĐOẠN 2		BẢN VẼ THIẾT KẾ KỸ THUẬT
CÔNG TY TNHH MTV ĐẠI ĐỈNH PHÁT	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ACC	HẠNG MỤC : TỔNG THỂ		TT : 05
GIÁM ĐỐC	GIÁM ĐỐC	CHỦ TRÌ	THIẾT KẾ	QLKT
CHỈ ỨNG CẦU	VÕ THANH PHONG			KS. VÕ THANH PHONG

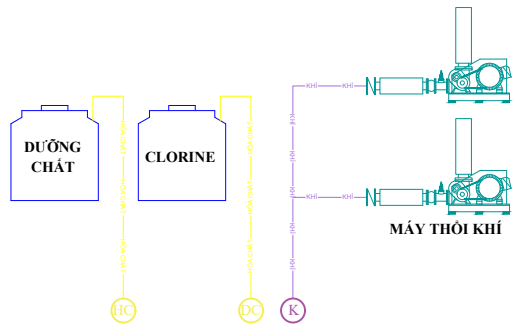
[illegible]

CHI TIẾT NỘI CÔNG THOẠT NƯỚC

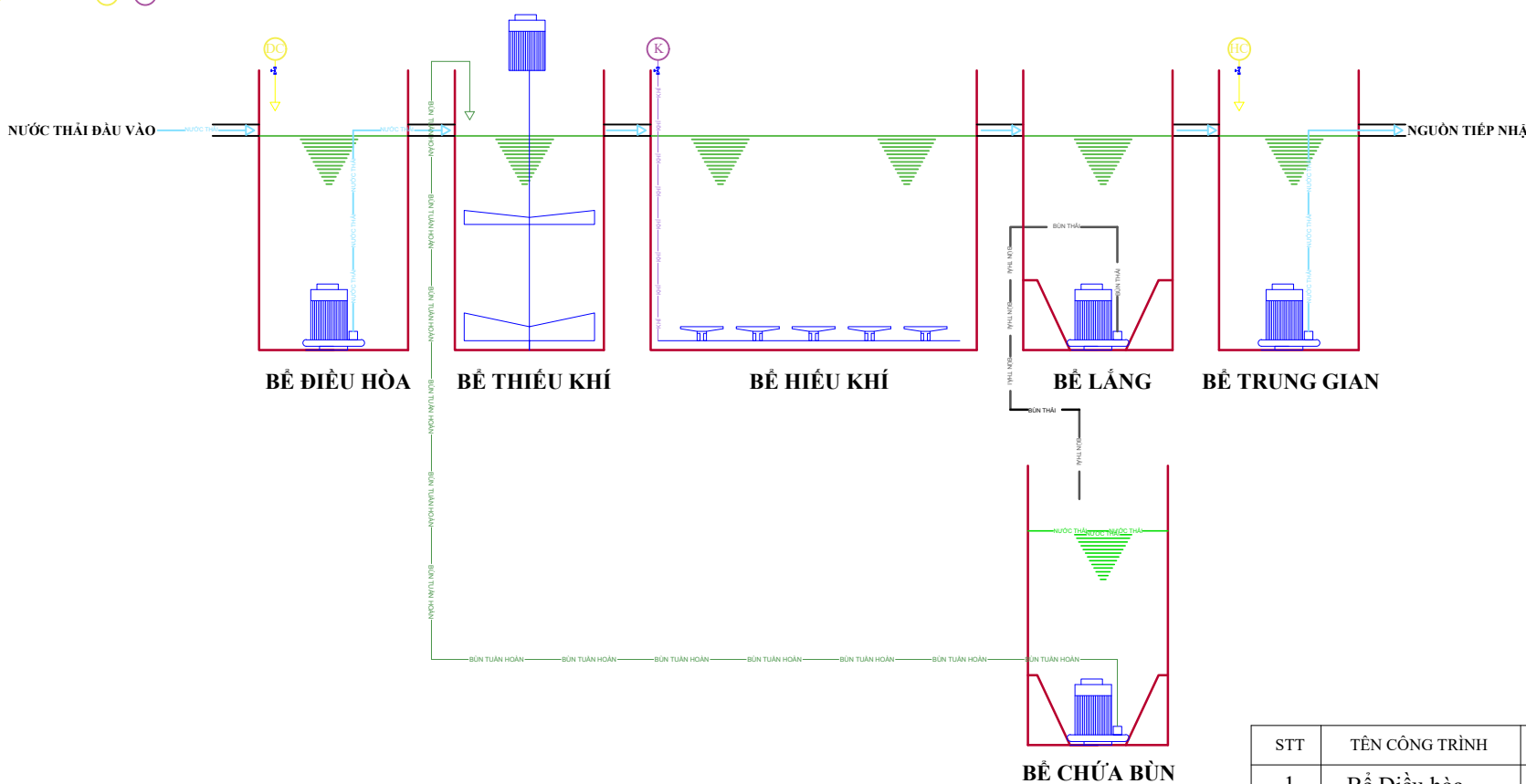


MẶT BẰNG TỔNG THỂ THOÁT NƯỚC MƯA TL:1/100





SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT CÔNG SUẤT 70 MÉT KHỐI NGÀY ĐÊM



STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Ngang (m)	Rộng (m)	Cao (m)
1	Bể Điều hòa	5,7	2,5	2,5
2	Bể Thiểu khí	3	2	3,5
3	Bể Hiếu khí	6,5	2	3,5
4	Bể lắng 2	2,5	2,5	3,5
5	Bể Khử trùng	2,5	1,5	1,5
6	Bể Chứa bùn	2,5	1,5	1,5

Chủ đầu tư/ Investor:

**CÔNG TY TNHH TỬ BẾP
BLOOM**

Thẩm định thiết kế/ Inspecting authority:

Mục đích phát hành/ Issued for:

Ngày/ Date:	Sửa/ Rev.:	Mô tả/ Description:

Mặt bằng chỉ dẫn/ Key plan:

Chú ý/ Notes:

Tư vấn thiết kế/ Consultant:

**CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG
LÊ GIA**

Giám đốc/ Director:

Chủ nhiệm dự án/ Project manager

Chủ trì/ Chief:

Kiểm tra/ Check by:

Thiết kế/ Designed by:

Vẽ/ Drawn by:

Tên dự án/ Project name :

**XÂY DỰNG HỆ THỐNG
XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

Hạng mục/ Item:

**HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT
CÔNG SUẤT 70M3 NGÀY ĐÊM**

Công suất (m³/ngày)/ Capacity (m³/day):

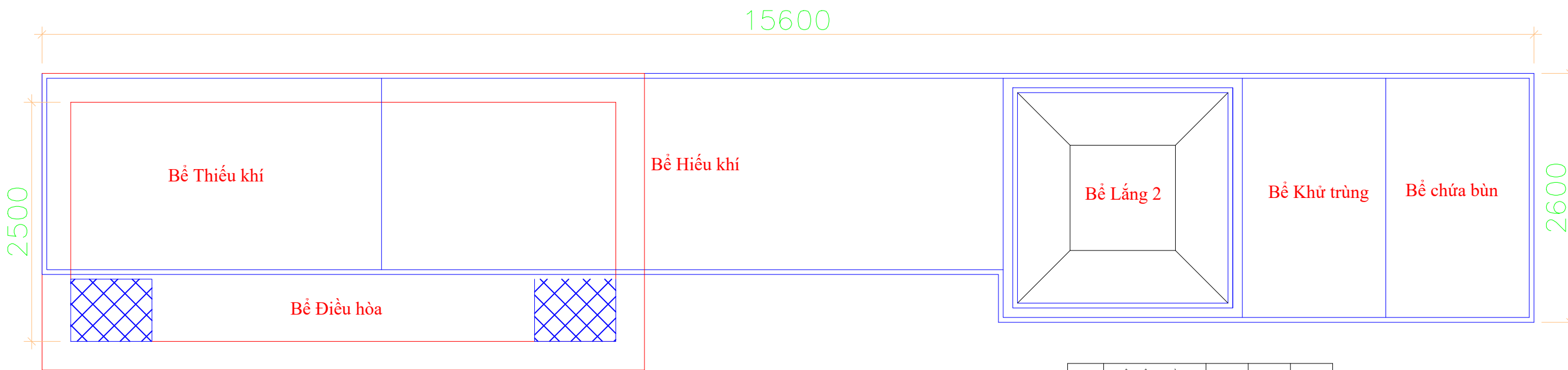
Tên bản vẽ/ Drawing title:

SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ

Tỷ lệ/ Scale:	Kích cỡ/ Size:	Ngày/ Date:
---------------	----------------	-------------

Bản vẽ số/ Drawing no: 01	Tổng/ Total: 07
---------------------------	-----------------

MẶT BẰNG BỐ TRÍ CÔNG NGHỆ



STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Ngang (m)	Rộng (m)	Cao (m)
1	Bể Điều hòa	5,7	2,5	2,5
2	Bể Thiếu khí	3	2	3,5
3	Bể Hiếu khí	6,5	2	3,5
4	Bể lắng 2	2,5	2,5	3,5
5	Bể Khử trùng	2,5	1,5	1,5
6	Bể Chứa bùn	2,5	1,5	1,5

Chủ đầu tư/ Investor:

**CÔNG TY TNHH TỬ BẾP
BLOOM**

Thẩm định thiết kế/ Inspecting authority:

Mục đích phát hành/ Issued for:

Ngày/ Date:	Sửa/ Rev.:	Mô tả/ Description:

Mặt bằng chỉ dẫn/ Key plan:

Chú ý/ Notes:

Tư vấn thiết kế/ Consultant:

**CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG
LÊ GIA**

Giám đốc/ Director:

Chủ nhiệm dự án/ Project manager:

Chủ trì/ Chief:

Kiểm tra/ Check by:

Thiết kế/ Designed by:

Vẽ/ Drawn by:

Tên dự án/ Project name :

**XÂY DỰNG HỆ THỐNG
XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

Hạng mục/ Item:

**HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT
CÔNG SUẤT 70M3 NGÀY ĐÊM**

Công suất (m³/ngày)/ Capacity (m³/day):

Tên bản vẽ/ Drawing title:

MẶT BẰNG CÔNG NGHỆ

Tỷ lệ/ Scale:

Kích cỡ/ Size:

Ngày/ Date:

Bản vẽ số/ Drawing no: 01

Tổng/ Total: 07

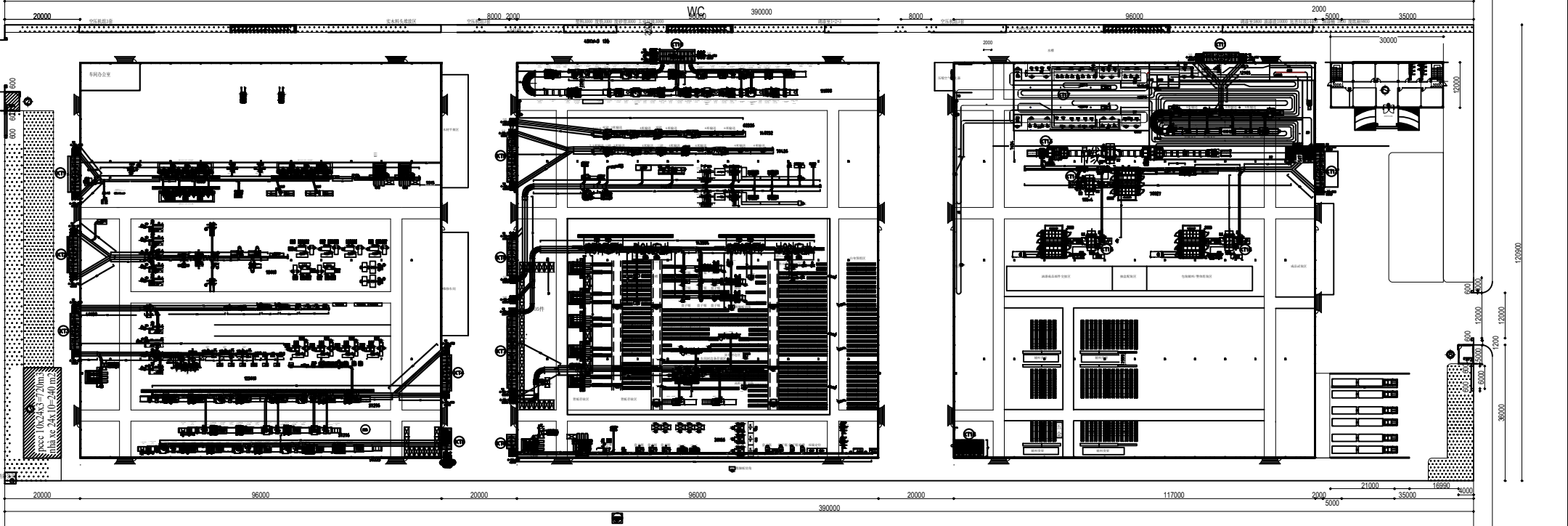
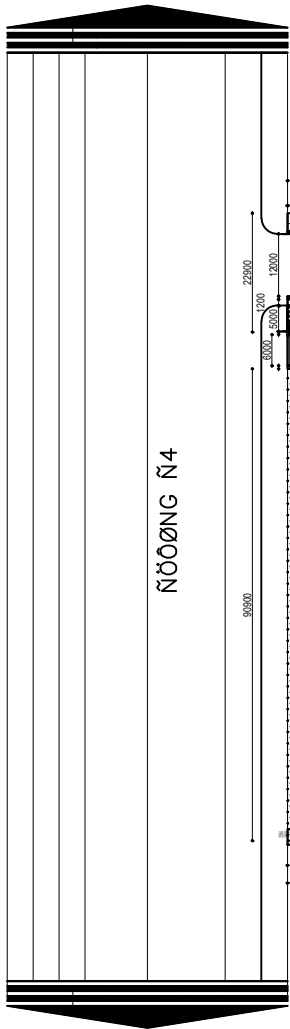
BẢN VẼ THIẾT KẾ HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI

CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH TỬ BẾP BLOOM

Địa chỉ: Lô H3, Đường Đ4, Khu Công Nghiệp Minh Hưng III, Phường Minh Hưng, Thành phố Đồng Nai, Việt Nam

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ, THI CÔNG: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG & XÂY DỰNG VIỆT XANH

Địa chỉ: 37, đường ĐX040, khu 5, P. Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh



MẶT BẰNG THU GOM KHÍ THẢI TOÀN KHU

整个综合体的排放物收集区

STT	KÝ HIỆU 象征	TÊN CHI TIẾT 详细信息名称	Công suất 率 (HP/马力)	Công suất (m3/giờ/小时)	ĐƠN VỊ 单元	SỐ LƯỢNG 数量	Tổng công suất 理能力 (m3/giờ/小时)
01	KT1	Hệ thống xử lý bụi Cum 1 1区除尘处理系统	55kw 55千瓦	56.817	Bộ 集	02	113.634
02	KT2	Hệ thống xử lý bụi Cum 2 2区除尘处理系统	55kw 55千瓦	56.817	Bộ 集	01	113.634
			45kw 55千瓦	56.817	Bộ 集	01	
03	KT3	Hệ thống xử lý bụi Cum 3 2区除尘处理系统	55kw 55千瓦	56.817	Bộ 集	01	113.634
			75kw 75千瓦	56.817	Bộ 集	01	
04	KT4	Hệ thống xử lý bụi Cum 4 4区除尘处理系统	55kw 55千瓦	50.533	Bộ 集	02	101.066
05	KT5	Hệ thống xử lý bụi Cum 5 5区除尘处理系统	55kw 55千瓦	50.533	Bộ 集	01	50.533
06	KT6	Hệ thống xử lý bụi Cum 6 6区除尘处理系统	45kw 45千瓦	56.817	Bộ 集	01	56.817
07	KT7	Hệ thống xử lý bụi Cum 7 7区除尘处理系统	55kw 55千瓦	56.817	Bộ 集	04	227.268
08	KT8	Hệ thống xử lý bụi Cum 8 8区除尘处理系统	55kw 55千瓦	56.817	Bộ 集	02	113.634
09	KT9	Hệ thống xử lý bụi Cum 9 9区除尘处理系统	75kw 75千瓦	70.533	Bộ 集	01	171.559
			55kw 55千瓦	50.533	Bộ 集	01	
			45kw 55千瓦	50.533	Bộ 集	01	
10	KT10	Hệ thống xử lý bụi Cum 10 10区除尘处理系统	45kw 45千瓦	48.333	Bộ 集	03	145.000
11	KT11	Hệ thống xử lý bụi Cum 11 11区除尘处理系统	55kw 55千瓦	56.817	Bộ 集	02	113.634
12	KT12	Hệ thống xử lý bụi Cum 12 12区除尘处理系统	55kw 55千瓦	56.817	Bộ 集	02	113.634

STT	KÝ HIỆU 象征	TÊN CHI TIẾT 详细信息名称	Công suất 率 (HP/马力)	Công suất (m3/giờ/小时)	ĐƠN VỊ 单元	SỐ LƯỢNG 数量	Tổng công suất 理能力 (m3/giờ/小时)
13	KT13	Hệ thống xử lý khí thải 1 chuyên phun sơn UV(sửa màu), 03 buồng phun sơn 1个UV喷漆废气处理系统（修色）03台喷漆房	7.5kw 7.5千瓦	10.000	Bộ 集	03	30.000
14	KT14	Hệ thống xử lý khí thải 1 buồng phun sơn AC1 1个AC1喷漆废气处理系统	7.5kw 7.5千瓦	10.000	Bộ 集	01	10.000
15	KT15	Hệ thống xử lý khí thải 1 buồng phun sơn AC2 1个AC2喷漆废气处理系统	7.5kw 7.5千瓦	10.000	Bộ 集	01	10.000
16	KT16	Hệ thống xử lý khí thải 1 buồng phun sơn AC3 1个AC3喷漆废气处理系统	7.5kw 7.5千瓦	10.000	Bộ 集	01	10.000
17	KT17	Hệ thống xử lý khí thải 12 buồng phun sơn màng nước 12个水帘喷漆房废气处理系统	4kw 4千瓦	10.000	Bộ 集	26	260.000
18	KT18	Hệ thống xử lý khí thải cho khu vực sửa màu 修色区废气处理系统	4kw 4千瓦	10.000	Bộ 集	02	20.000

CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY TNHH
TỬ BẾP BLOOM

Địa chỉ: Lô H3, Đường Đ4, Khu Công Nghiệp Minh
III, Phường Minh Hưng, Thành phố Đồng Nai,

GIÁM ĐỐC:

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG
& XÂY DỰNG VIỆT XANH

Địa chỉ: 37, đường DX040, tổ 23, khu 5
P. Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh

GIÁM ĐỐC:

HOÀNG THỊ HIỆU

QUẢN LÝ KỸ THUẬT:

KS. NGUYỄN HẠNH

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ :

KTS. KIM HOÀNG

THIẾT KẾ - VẼ:

KTS. NGUYỄN ĐOÀN

TÊN CÔNG TRÌNH:

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI

ĐỊA ĐIỂM:

Địa chỉ: Lô H3, Đường Đ4, Khu Công Nghiệp Minh
III, Phường Minh Hưng, Thành phố Đồng Nai,

HẠNG MỤC:

MẶT BẰNG

TÊN BẢN VẼ:

MẶT BẰNG THU GOM
KHÍ THẢI

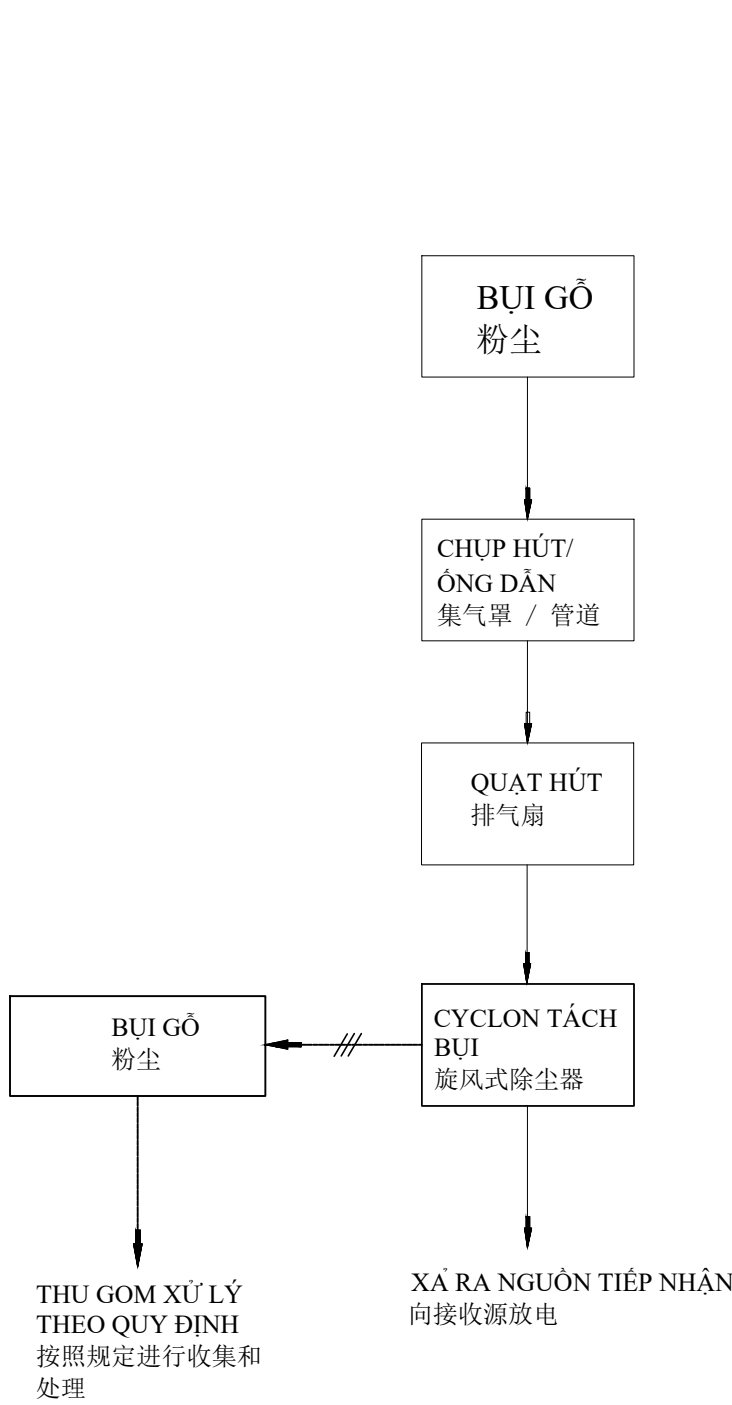
MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH:

THIẾT KẾ SƠ PHÁC ☐ THAM KHẢO ☐
THIẾT KẾ SƠ BỘ ☐ THI CÔNG ☐
XIN PHÉP ☐ HOÀN CÔNG ☒

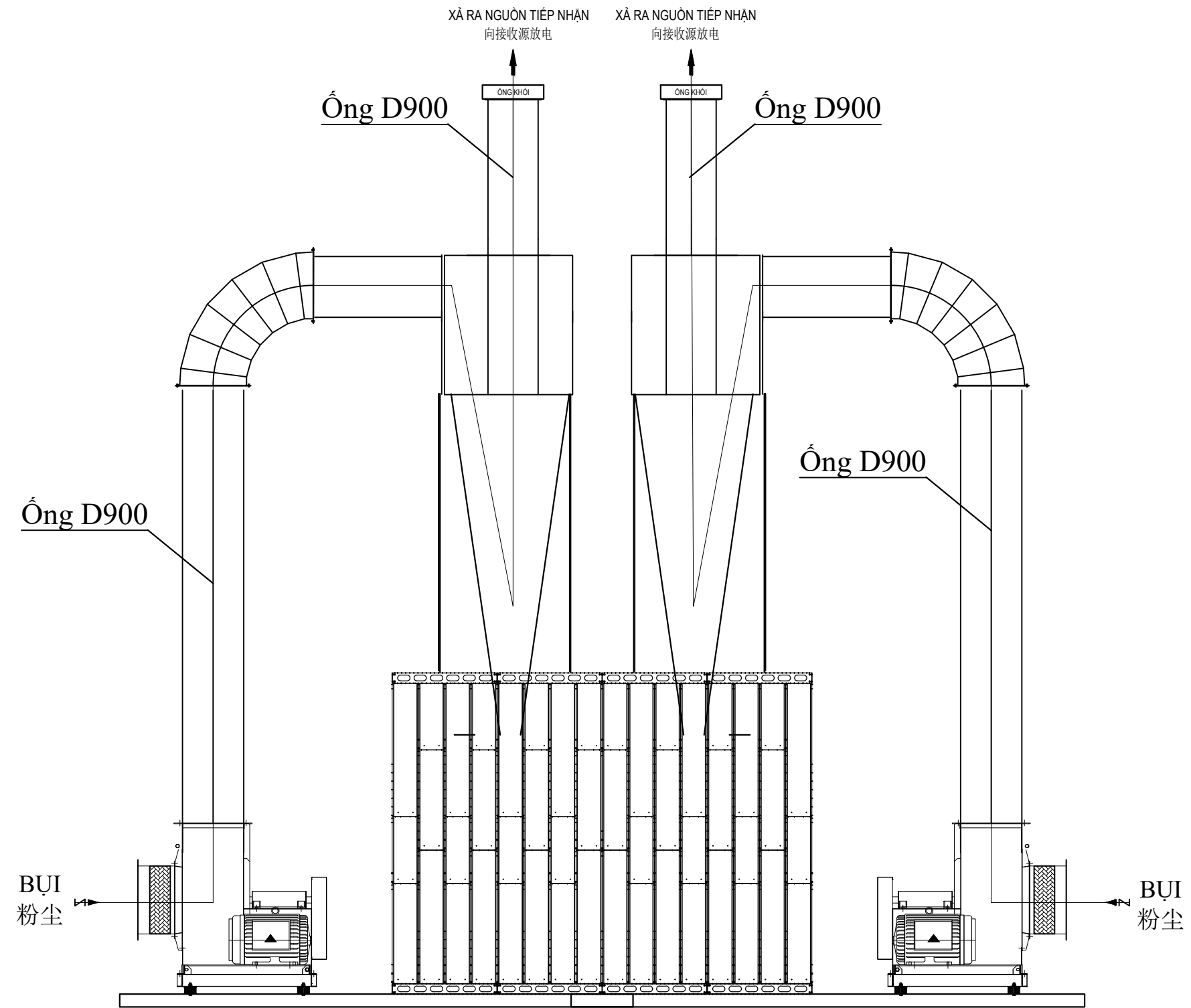
KÝ HIỆU BẢN VẼ:

MÃ SỐ HS	/...../.....	SỐ BẢN VẼ
TỈ LỆ	/	(TK-01) 44
PHÁT HÀNH		

GHI CHÚ:

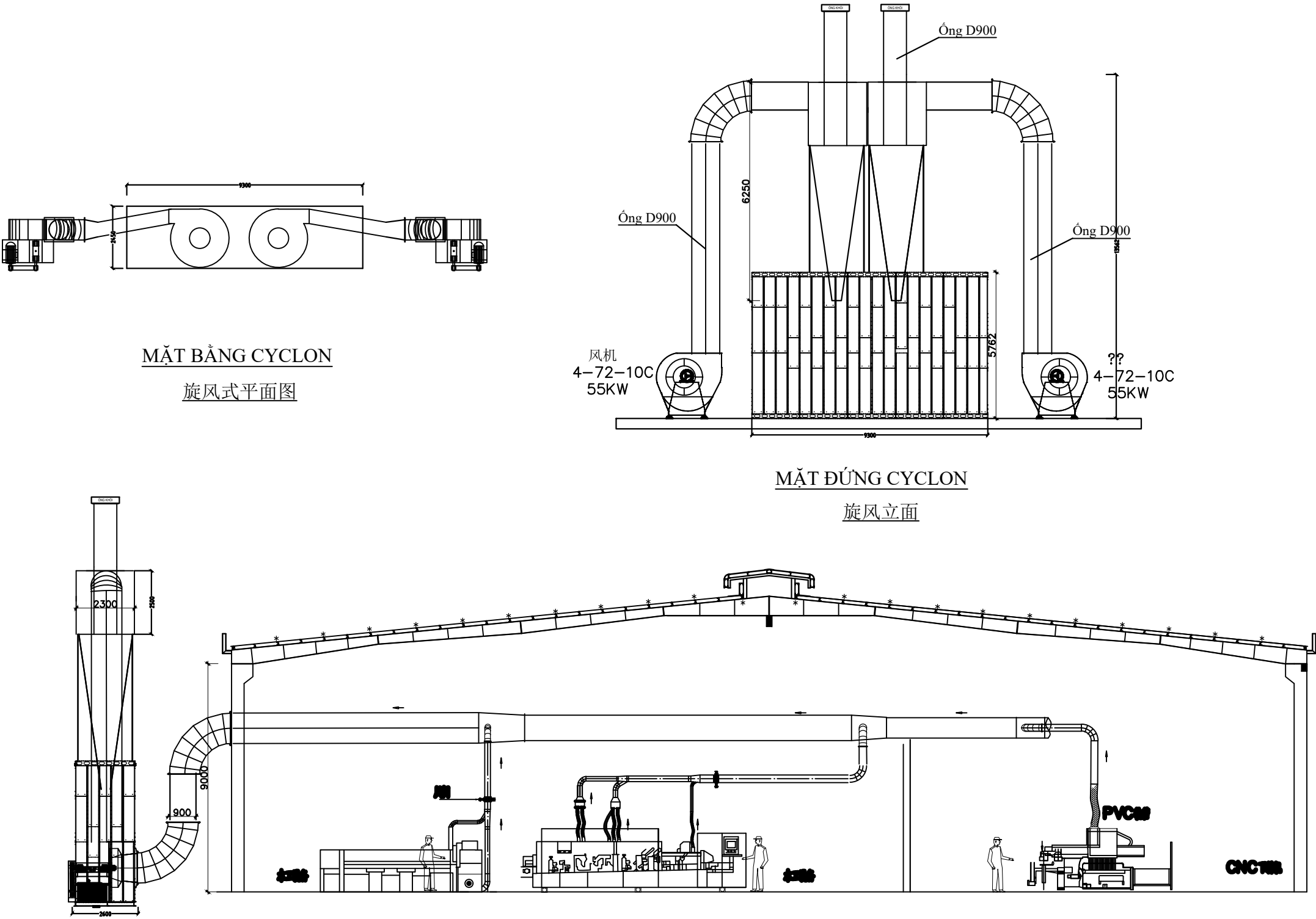


SƠ ĐỒ KHỐI
框图



SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ
技术图

CHỦ ĐẦU TƯ:		
CÔNG TY TNHH TỬ BẾP BLOOM		
Địa chỉ: Lô H3, Đường Đ4, Khu Công Nghiệp Minh III, Phường Minh Hưng, Thành phố Đồng Nai,		
GIÁM ĐỐC:		
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:		
CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG & XÂY DỰNG VIỆT XANH		
Địa chỉ: 37, đường DX040, tổ 23, khu 5 P. Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh		
GIÁM ĐỐC:		
HOÀNG THỊ HIẾU		
QUẢN LÝ KỸ THUẬT:		
KS. NGUYỄN HẠNH		
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ :		
KTS. KIM HOÀNG		
THIẾT KẾ - VẼ:		
KTS. NGUYỄN ĐOÀN		
TÊN CÔNG TRÌNH:		
HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI		
ĐỊA ĐIỂM:		
Địa chỉ: Lô H3, Đường Đ4, Khu Công Nghiệp Minh III, Phường Minh Hưng, Thành phố Đồng Nai,		
HẠNG MỤC:		
CYCLON KT1, KT8, KT11 KT12		
TÊN BẢN VẼ:		
SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ		
MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH:		
THIẾT KẾ SƠ PHÁC ☐ THAM KHẢO ☐		
THIẾT KẾ SƠ BỘ ☐ THI CÔNG ☐		
XIN PHÉP ☐ HOÀN CÔNG ☒		
KÝ HIỆU BẢN VẼ:		
MÃ SỐ HS	/...../.....	SỐ BẢN VẼ
TỈ LỆ	/	(TK-02) 44
PHÁT HÀNH		
GHI CHÚ:		



MẶT BẰNG CYCLON
旋风式平面图

MẶT ĐÚNG CYCLON
旋风立面

MẶT ĐÚNG THU GOM KHÍ THẢI ĐIỀN HÌNH
典型排放收集立面

STT	KÝ HIỆU 象征	TÊN CHI TIẾT 详细信息名称	Công suất功 率 (HP马力)	Công suất能力 (m3/giờ小时)	ĐƠN VỊ 单元	SỐ LƯỢNG 数量	Tổng công suất总处 理能力 (m3/giờ小时)
01	KT1 KT8 KT11 KT12	Hệ thống thu bụi Cyclon 型旋风除尘系统		56.817	Bộ 集	02	113.634
02	KT1 KT8 KT11 KT12	Quạt hút ly tâm 离心式排气扇	55kw 55千瓦	56.817	Bộ 集	02	113.634

CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY TNHH
TỬ BẾP BLOOM

Địa chỉ: Lô H3, Đường Đ4, Khu Công Nghiệp Minh
III, Phường Minh Hưng, Thành phố Đồng Nai,

GIÁM ĐỐC:

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG
& XÂY DỰNG VIỆT XANH

Địa chỉ: 37, đường DX040, tổ 23, khu 5
P. Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh

GIÁM ĐỐC:

HOÀNG THỊ HIẾU

QUẢN LÝ KỸ THUẬT:
KS. NGUYỄN HẠNH

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ :

KTS. KIM HOÀNG

THIẾT KẾ - VẼ:

KTS. NGUYỄN ĐOÀN

TÊN CÔNG TRÌNH:

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI

ĐỊA ĐIỂM:

Địa chỉ: Lô H3, Đường Đ4, Khu Công Nghiệp Minh
III, Phường Minh Hưng, Thành phố Đồng Nai,

HẠNG MỤC:

CYCLON KT1, KT8, KT11
KT12

TÊN BẢN VẼ:

CHI TIẾT CYCLON

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH:

THIẾT KẾ SƠ PHÁC ☐ THAM KHẢO ☐
THIẾT KẾ SƠ BỘ ☐ THI CÔNG ☐
XIN PHÉP ☐ HOÀN CÔNG ☒

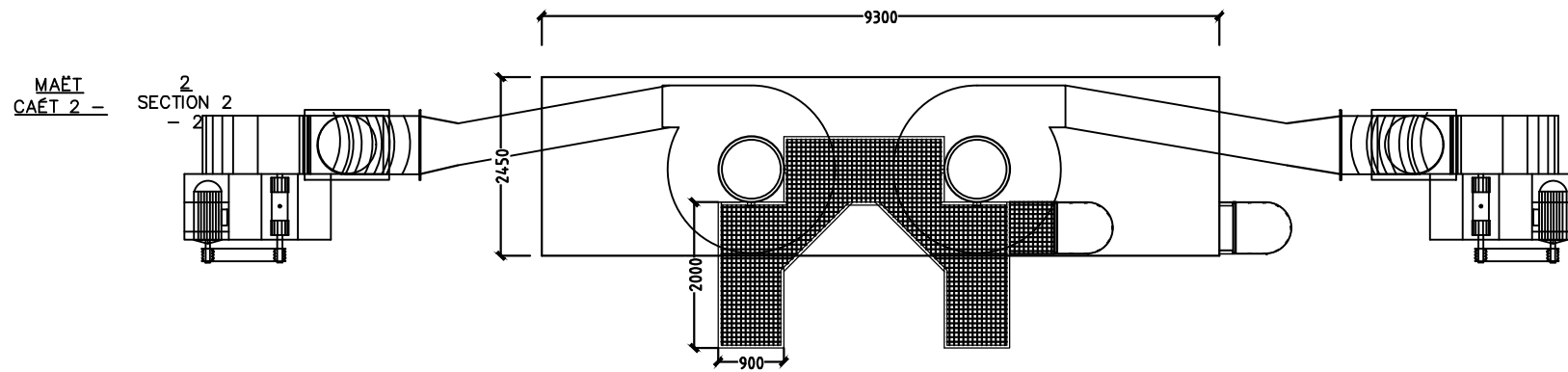
KÝ HIỆU BẢN VẼ:

MÃ SỐ HS SỐ BẢN VẼ

TỈ LỆ /

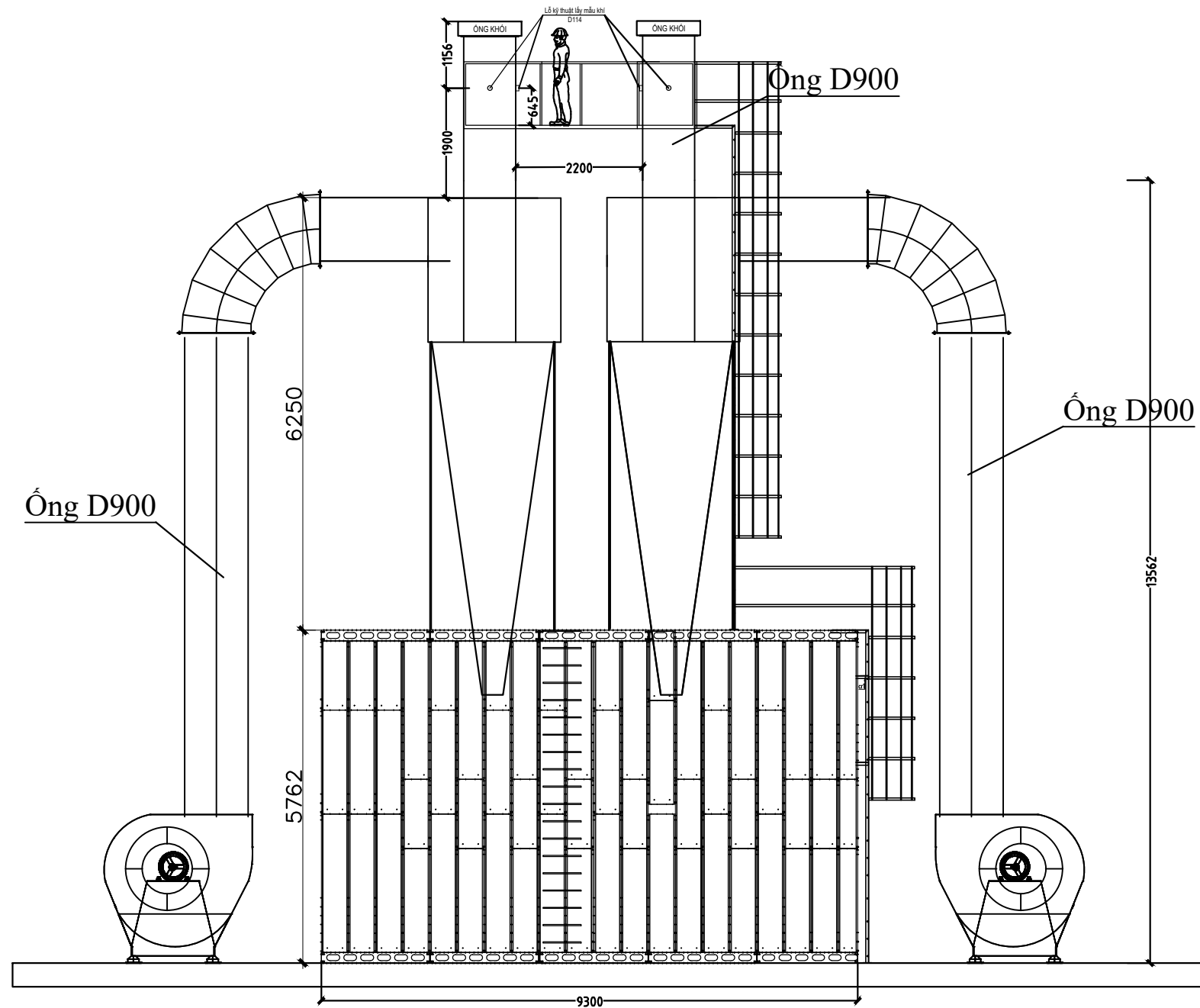
PHÁT HÀNH

GHI CHÚ:



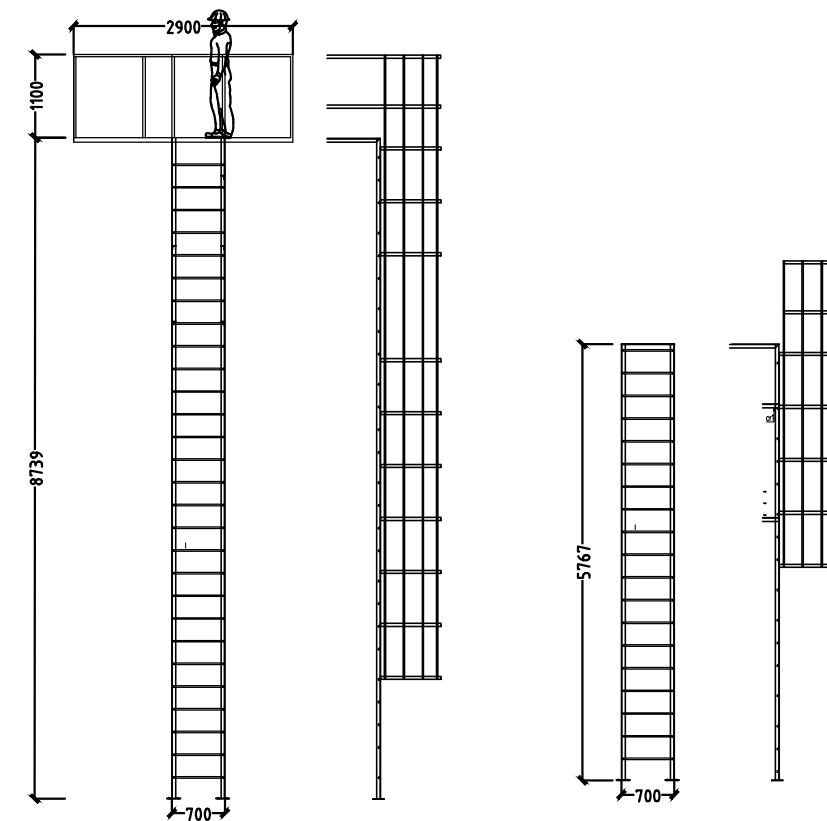
MẶT BẰNG CYCLON

旋风式平面图



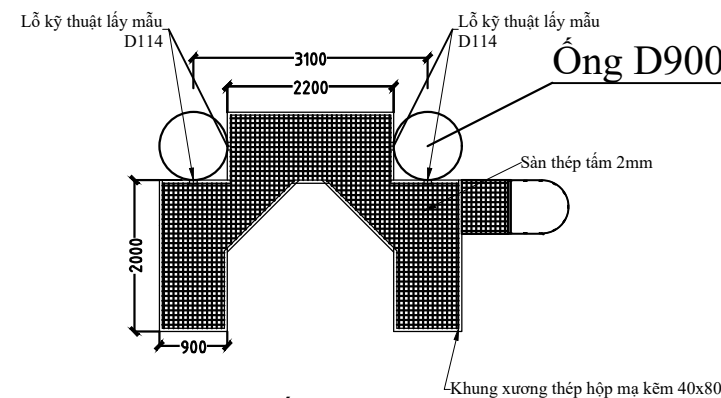
MẶT ĐỨNG CYCLON

旋风立面



Mặt bảng sàn thang kỹ thuật

技术电梯楼层平面图



MẶT ĐỨNG THANG

楼梯立面图

CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY TNHH
TỦ BẾP BLOOM

Địa chỉ: Lô H3, Đường Đ4, Khu Công Nghiệp Minh
III, Phường Minh Hưng, Thành phố Đồng Nai,

GIÁM ĐỐC:

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG
& XÂY DỰNG VIỆT XANH

Địa chỉ: 37, đường DX040, tổ 23, khu 5
P. Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh

GIÁM ĐỐC:

HOÀNG THỊ HIẾU

QUẢN LÝ KỸ THUẬT:
KS. NGUYỄN HẠNH

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ :

KTS. KIM HOÀNG

THIẾT KẾ - VẼ:
KTS. NGUYỄN ĐOÀN

TÊN CÔNG TRÌNH:

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI

ĐỊA ĐIỂM:

Địa chỉ: Lô H3, Đường Đ4, Khu Công Nghiệp Minh
III, Phường Minh Hưng, Thành phố Đồng Nai,

HẠNG MỤC:

CYCLON KT1, KT8, KT11
KT12

TÊN BẢN VẼ:

CHI TIẾT THANG KỸ THUẬT

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH:

THIẾT KẾ SƠ PHÁC ☐ THAM KHẢO ☐
THIẾT KẾ SƠ BỘ ☐ THI CÔNG ☐
XIN PHÉP ☐ HOÀN CÔNG ☒

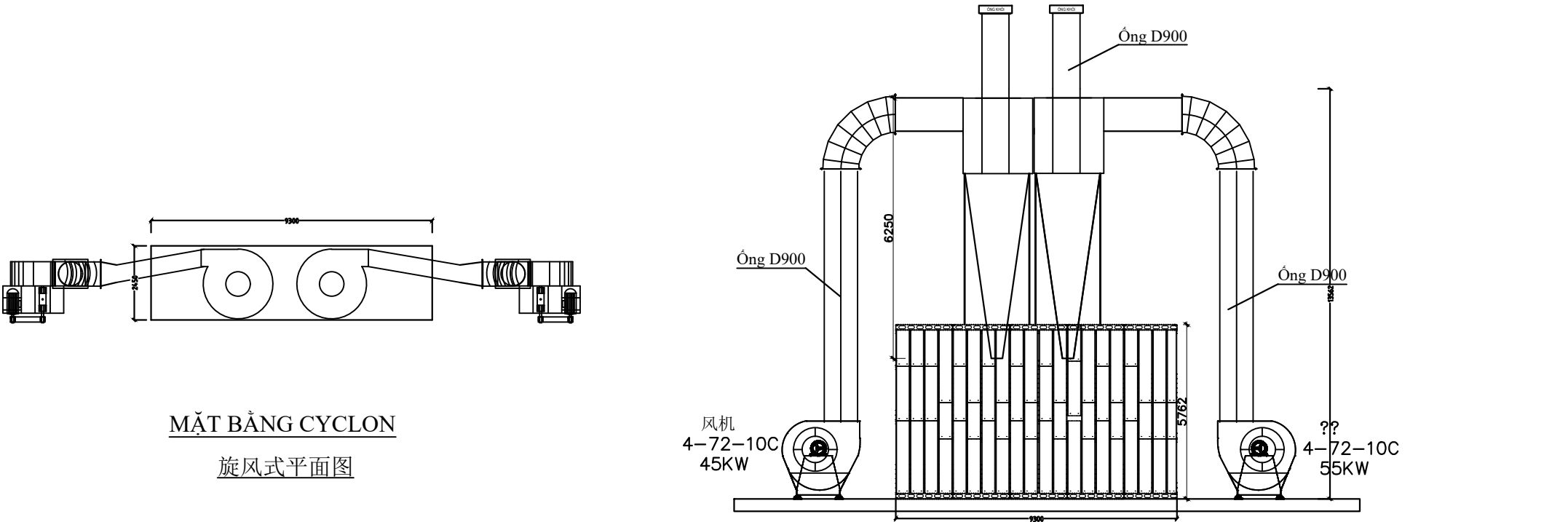
KÝ HIỆU BẢN VẼ:

MÃ SỐ HS: SỐ BẢN VẼ

TỈ LỆ: / (TK-04)

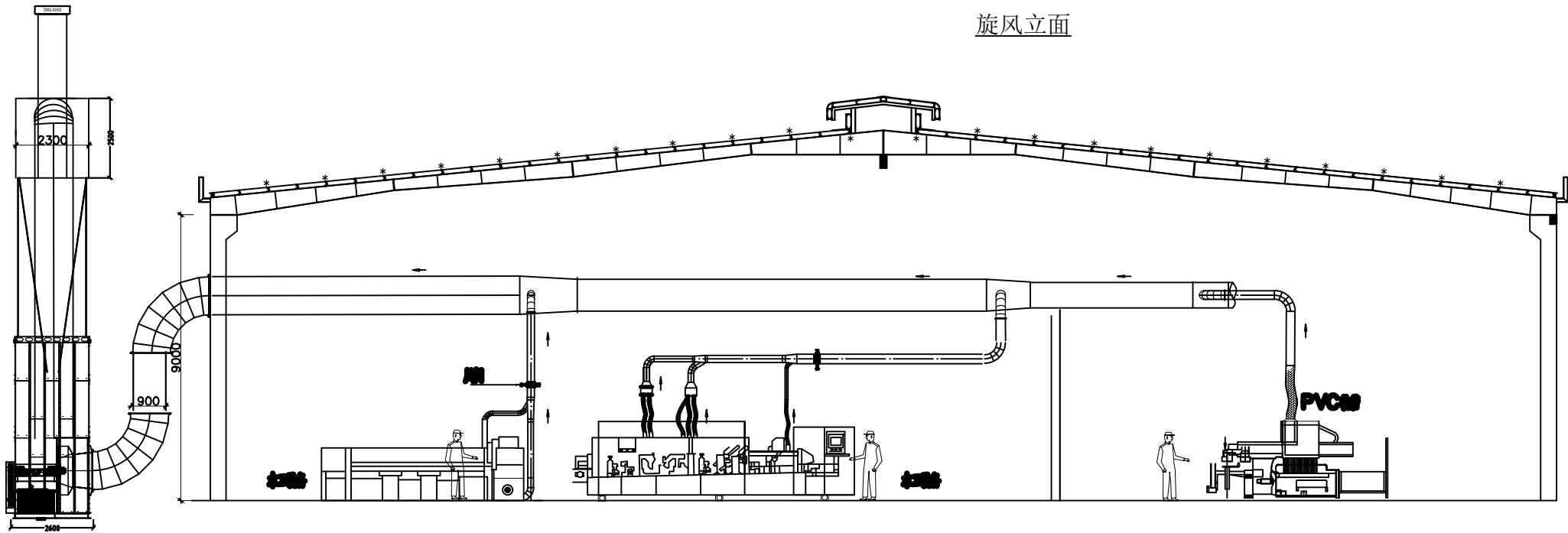
PHÁT HÀNH: (44)

GHI CHÚ:



MẶT BẰNG CYCLON
旋风式平面图

MẶT ĐÚNG CYCLON
旋风立面



MẶT ĐÚNG THU GOM KHÍ THẢI ĐIỂN HÌNH
典型排放收集立面

STT	KÝ HIỆU 象征	TÊN CHI TIẾT 详细信息名称	Công suất功 率 (HP马力)	Công suất能力 (m3/giờ小时)	ĐƠN VỊ 单元	SỐ LƯỢNG 数量	Tổng công suất总处 理能力 (m3/giờ小时)
01	KT2	Hệ thống thu bụi Cyclon 型旋风除尘系统		56.817	Bộ 集	02	113.634
02	KT2	Quạt hút ly tâm 离心式排气扇	55kw 55千瓦	56.817	Bộ 集	01	113.634
03	KT2	Quạt hút ly tâm 离心式排气扇	45kw 45千瓦	56.817	Bộ 集	01	

CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY TNHH
TỬ BẾP BLOOM

Địa chỉ: Lô H3, Đường Đ4, Khu Công Nghiệp Minh
III, Phường Minh Hưng, Thành phố Đồng Nai,

GIÁM ĐỐC:

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG
& XÂY DỰNG VIỆT XANH

Địa chỉ: 37, đường DX040, tổ 23, khu 5
P. Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh

GIÁM ĐỐC:

HOÀNG THỊ HIỆU

QUẢN LÝ KỸ THUẬT:
KS. NGUYỄN HẠNH

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ :

KTS. KIM HOÀNG

THIẾT KẾ - VẼ:

KTS. NGUYỄN ĐOÀN

TÊN CÔNG TRÌNH:

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI

ĐỊA ĐIỂM:

Địa chỉ: Lô H3, Đường Đ4, Khu Công Nghiệp Minh
III, Phường Minh Hưng, Thành phố Đồng Nai,

HẠNG MỤC:

CYCLON KT2

TÊN BẢN VẼ:

CHI TIẾT CYCLON

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH:

THIẾT KẾ SƠ PHÁC ☐ THAM KHẢO ☐
THIẾT KẾ SƠ BỘ ☐ THI CÔNG ☐
XIN PHÉP ☐ HOÀN CÔNG ☒

KÝ HIỆU BẢN VẼ:

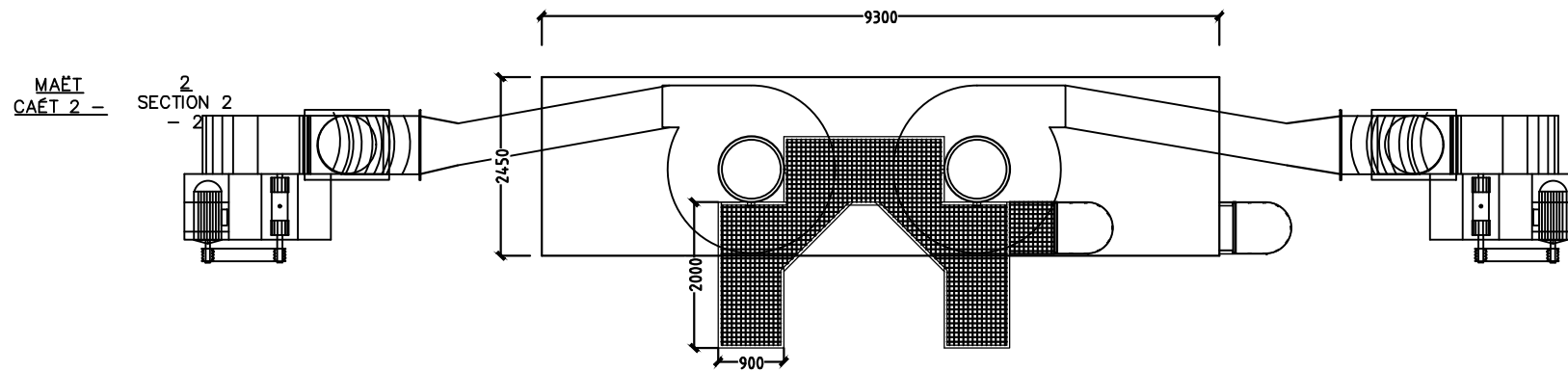
MÃ SỐ HS/...../.....

SỐ BẢN VẼ

TỈ LỆ /

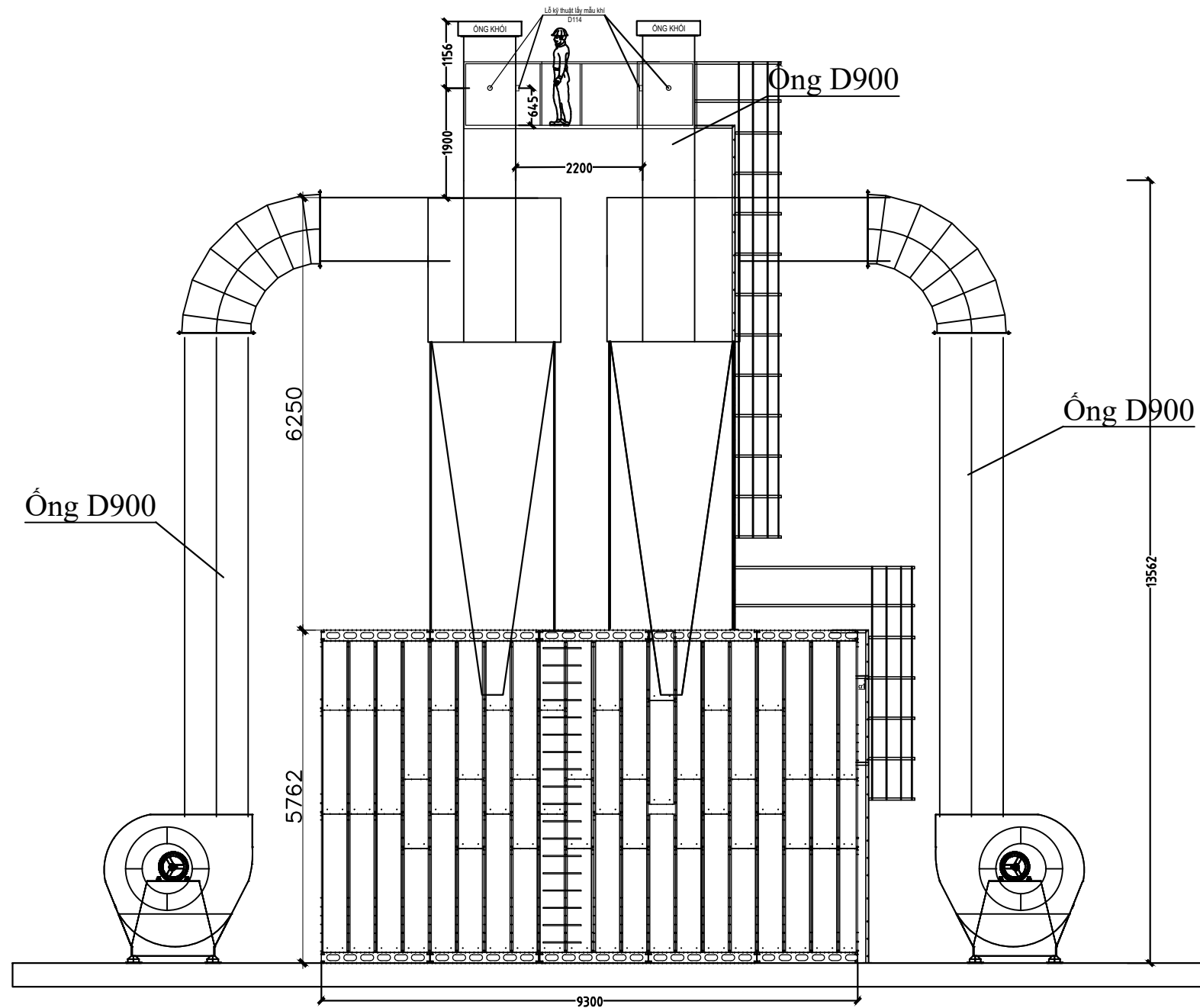
PHÁT HÀNH

GHI CHÚ:



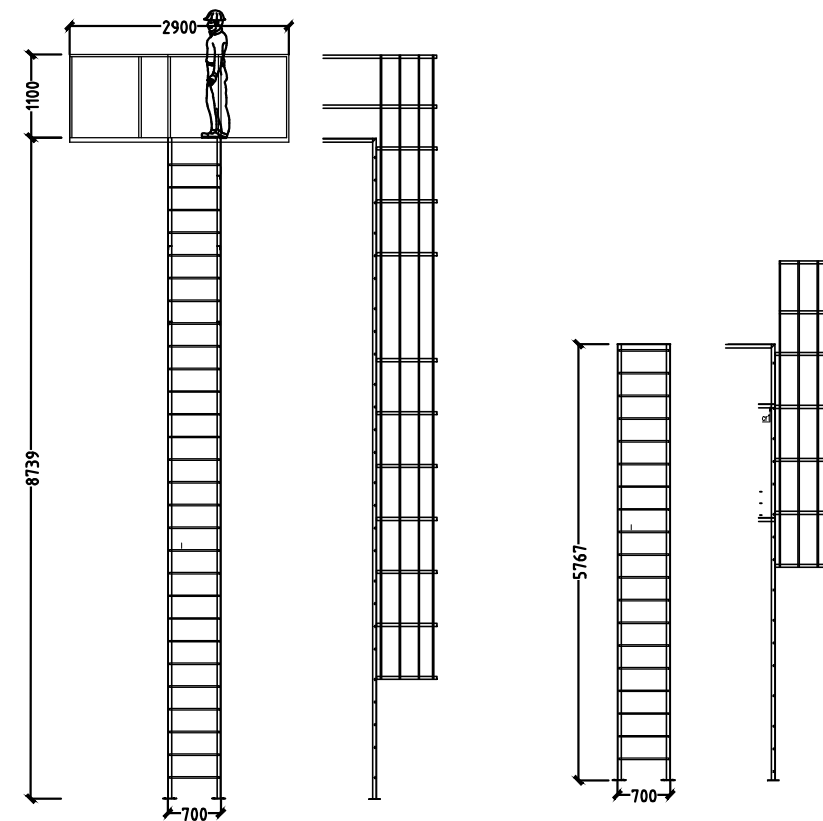
MẶT BẰNG CYCLON

旋风式平面图



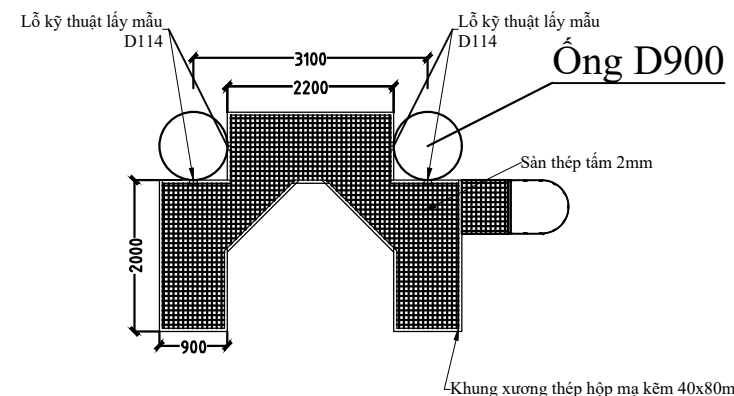
MẶT ĐỨNG CYCLON

旋风立面



Mặt bằng sàn thang kỹ thuật

技术电梯楼层平面图



MẶT ĐỨNG THANG

楼梯立面图

CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY TNHH
TỬ BẾP BLOOM

Địa chỉ: Lô H3, Đường Đ4, Khu Công Nghiệp Minh
III, Phường Minh Hưng, Thành phố Đồng Nai,

GIÁM ĐỐC:

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG
& XÂY DỰNG VIỆT XANH

Địa chỉ: 37, đường DX040, tổ 23, khu 5
P. Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh

GIÁM ĐỐC:

HOÀNG THỊ HIẾU

QUẢN LÝ KỸ THUẬT:

KS. NGUYỄN HẠNH

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ :

KTS. KIM HOÀNG

THIẾT KẾ - VẼ:

KTS. NGUYỄN ĐOÀN

TÊN CÔNG TRÌNH:

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI

ĐỊA ĐIỂM:

Địa chỉ: Lô H3, Đường Đ4, Khu Công Nghiệp Minh
III, Phường Minh Hưng, Thành phố Đồng Nai,

HẠNG MỤC:

CYCLON KT2

TÊN BẢN VẼ:

CHI TIẾT THANG KỸ THUẬT

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH:

THIẾT KẾ SƠ PHÁC ☐ THAM KHẢO ☐
THIẾT KẾ SƠ BỘ ☐ THI CÔNG ☐
XIN PHÉP ☐ HOÀN CÔNG ☒

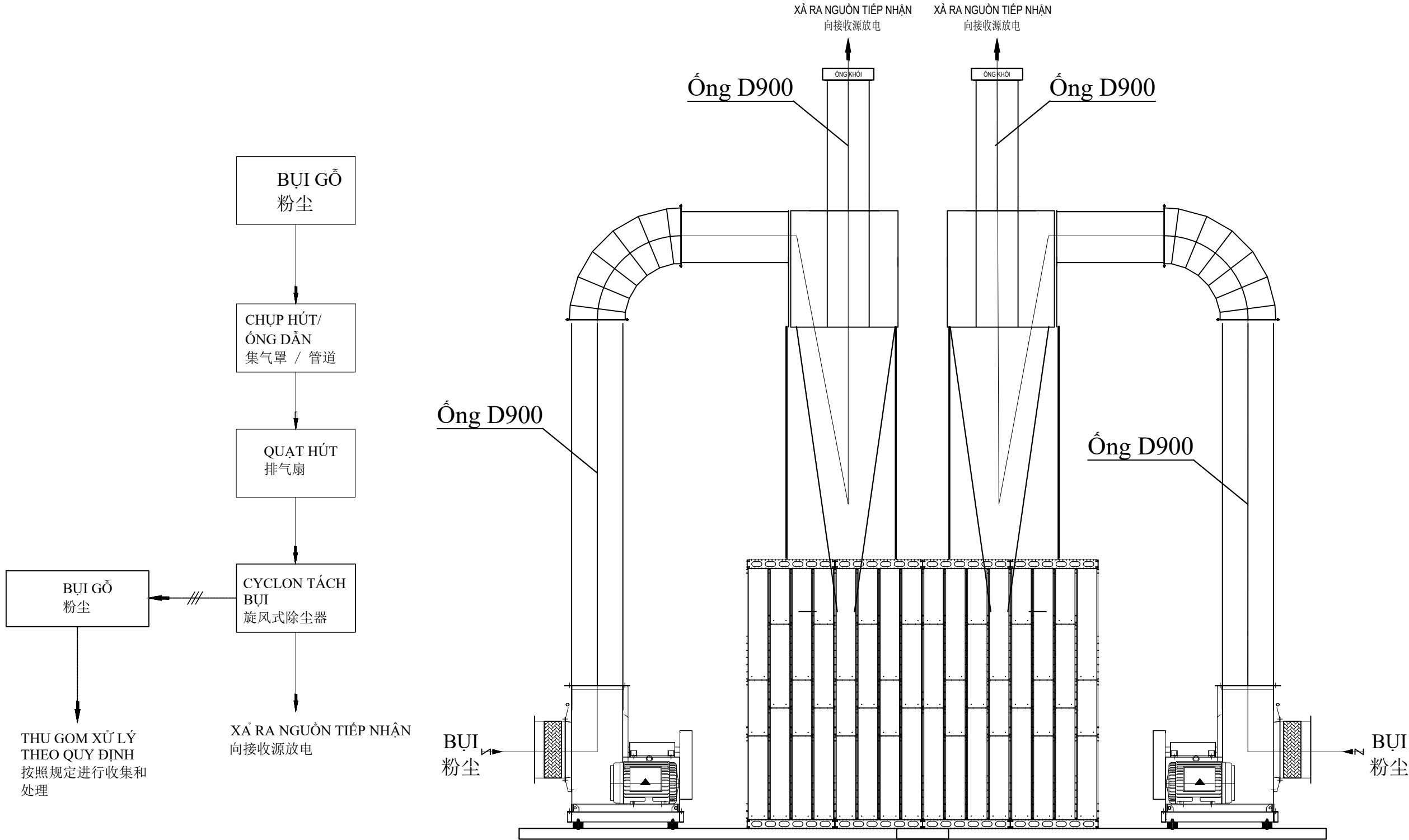
KÝ HIỆU BẢN VẼ:

MÃ SỐ HS: SỐ BẢN VẼ

TỈ LỆ: / (TK:07)

PHÁT HÀNH: (44)

GHI CHÚ:



SƠ ĐỒ KHỐI
框图

SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ
技术图

CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY TNHH
TỬ BẾP BLOOM

Địa chỉ: Lô H3, Đường Đ4, Khu Công Nghiệp Minh
III, Phường Minh Hưng, Thành phố Đồng Nai,

GIÁM ĐỐC:

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG
& XÂY DỰNG VIỆT XANH

Địa chỉ: 37, đường DX040, tổ 23, khu 5
P. Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh

GIÁM ĐỐC:

HOÀNG THỊ HIẾU

QUẢN LÝ KỸ THUẬT:
KS. NGUYỄN HẠNH

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ :

KTS. KIM HOÀNG

THIẾT KẾ - VẼ:

KTS. NGUYỄN ĐOÀN

TÊN CÔNG TRÌNH:

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI

ĐỊA ĐIỂM:

Địa chỉ: Lô H3, Đường Đ4, Khu Công Nghiệp Minh
III, Phường Minh Hưng, Thành phố Đồng Nai,

HẠNG MỤC:

CYCLON KT3

TÊN BẢN VẼ:

SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ

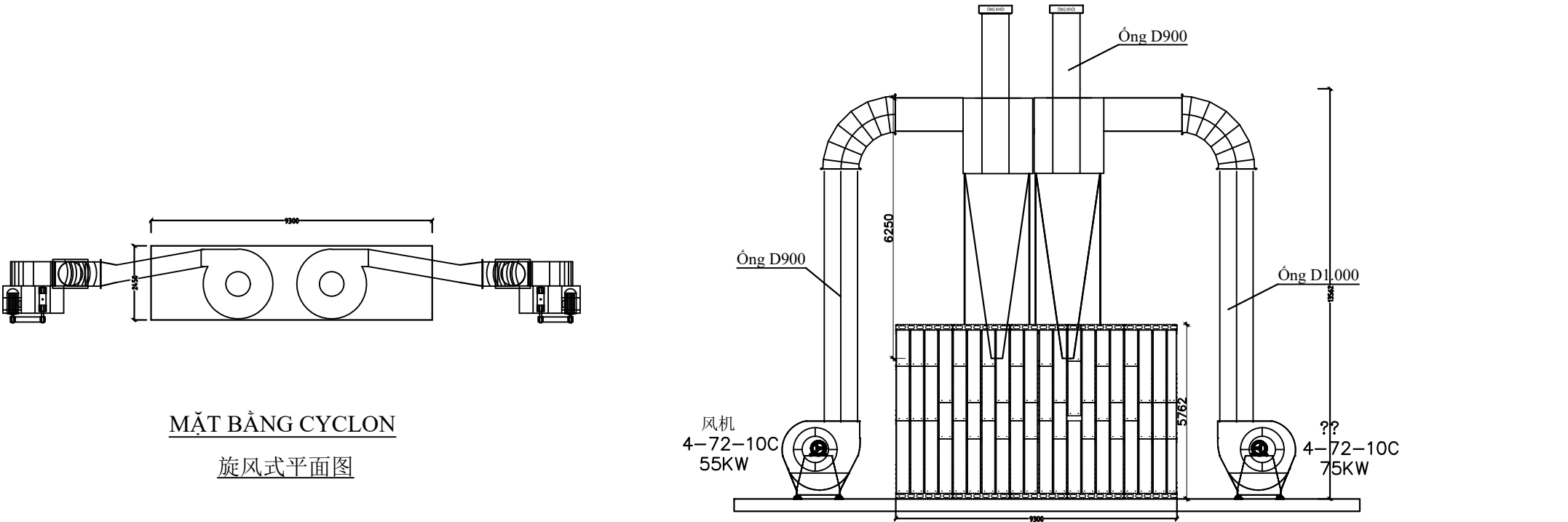
MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH:

THIẾT KẾ SƠ PHÁC ☐ THAM KHẢO ☐
THIẾT KẾ SƠ BỘ ☐ THI CÔNG ☐
XIN PHÉP ☐ HOÀN CÔNG ☒

KÝ HIỆU BẢN VẼ:

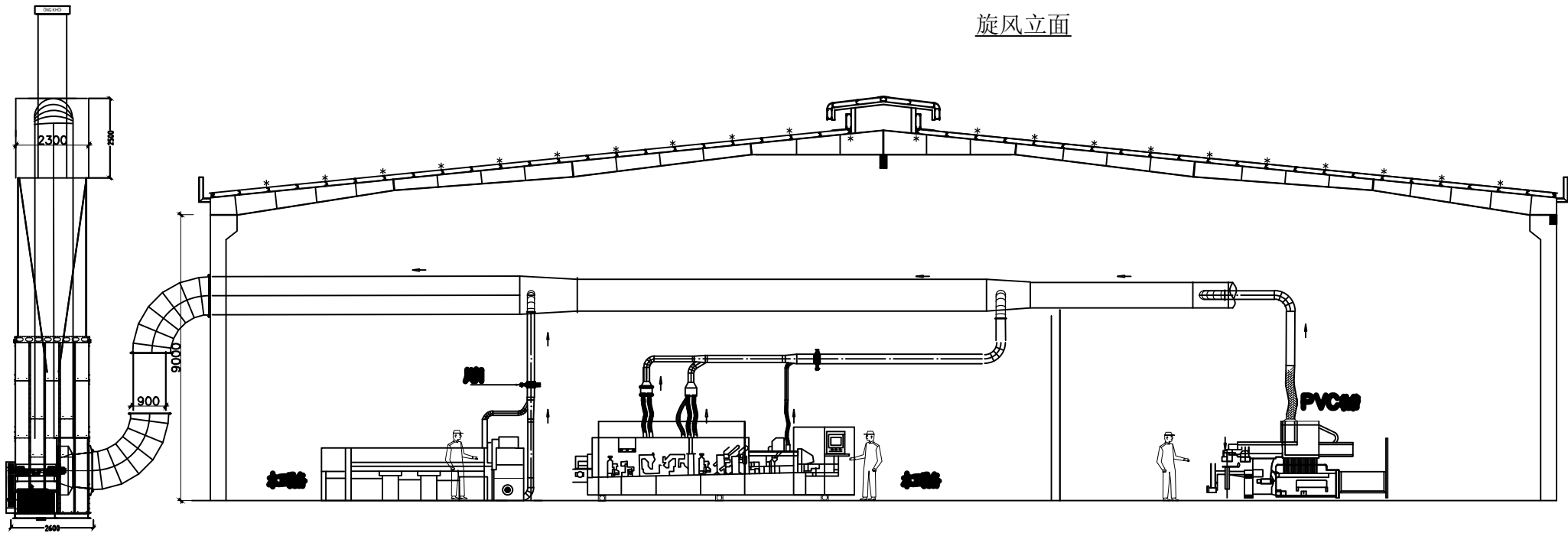
MÃ SỐ HS	/...../.....	SỐ BẢN VẼ
TỈ LỆ	/	(TK:08) 44
PHÁT HÀNH		

GHI CHÚ:



MẶT BẰNG CYCLON
旋风式平面图

MẶT ĐÚNG CYCLON
旋风立面



MẶT ĐÚNG THU GOM KHÍ THẢI ĐIỂN HÌNH
典型排放收集立面

STT	KY HIỆU 象征	TÊN CHI TIẾT 详细信息名称	Công suất功 率 (HP马力)	Công suất能力 (m3/giờ小时)	ĐƠN VỊ 单元	SỐ LƯỢNG 数量	Tổng công suất总处 理能力 (m3/giờ小时)
01	KT3	Hệ thống thu bụi Cyclon 型旋风除尘系统		56.817	Bộ 集	02	113.634
02	KT3	Quạt hút ly tâm 离心式排气扇	55kw 55千瓦	56.817	Bộ 集	01	113.634
03	KT3	Quạt hút ly tâm 离心式排气扇	75kw 75千瓦	56.817	Bộ 集	01	

CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY TNHH
TỬ BẾP BLOOM

Địa chỉ: Lô H3, Đường Đ4, Khu Công Nghiệp Minh
III, Phường Minh Hưng, Thành phố Đồng Nai,

GIÁM ĐỐC:

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG
& XÂY DỰNG VIỆT XANH

Địa chỉ: 37, đường DX040, tổ 23, khu 5
P. Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh

GIÁM ĐỐC:

HOÀNG THỊ HIỆU

QUẢN LÝ KỸ THUẬT:
KS. NGUYỄN HẠNH

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ :

KTS. KIM HOÀNG

THIẾT KẾ - VẼ:

KTS. NGUYỄN ĐOÀN

TÊN CÔNG TRÌNH:

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI

ĐỊA ĐIỂM:

Địa chỉ: Lô H3, Đường Đ4, Khu Công Nghiệp Minh
III, Phường Minh Hưng, Thành phố Đồng Nai,

HẠNG MỤC:

CYCLON KT3

TÊN BẢN VẼ:

CHI TIẾT CYCLON

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH:

THIẾT KẾ SƠ PHÁC ☐ THAM KHẢO ☐
THIẾT KẾ SƠ BỘ ☐ THI CÔNG ☐
XIN PHÉP ☐ HOÀN CÔNG ☒

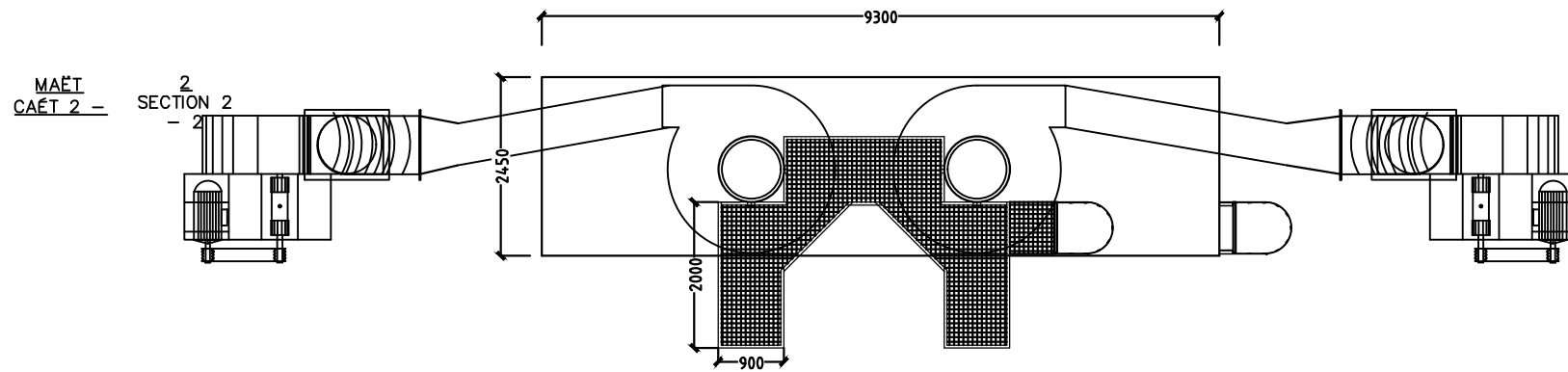
KÝ HIỆU BẢN VẼ:

MÃ SỐ HS/...../..... SỐ BẢN VẼ

TỈ LỆ /

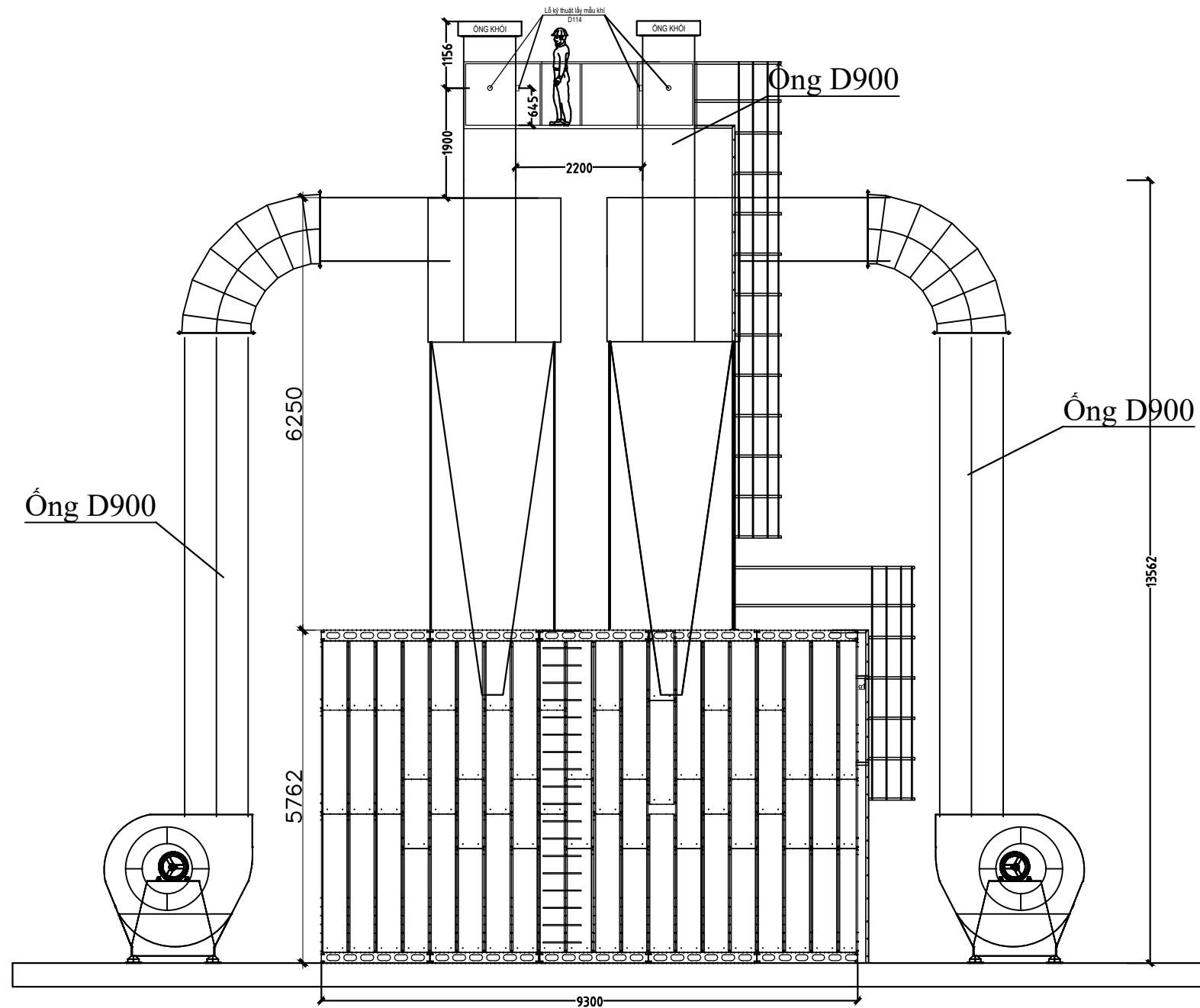
PHÁT HÀNH

GHI CHÚ:



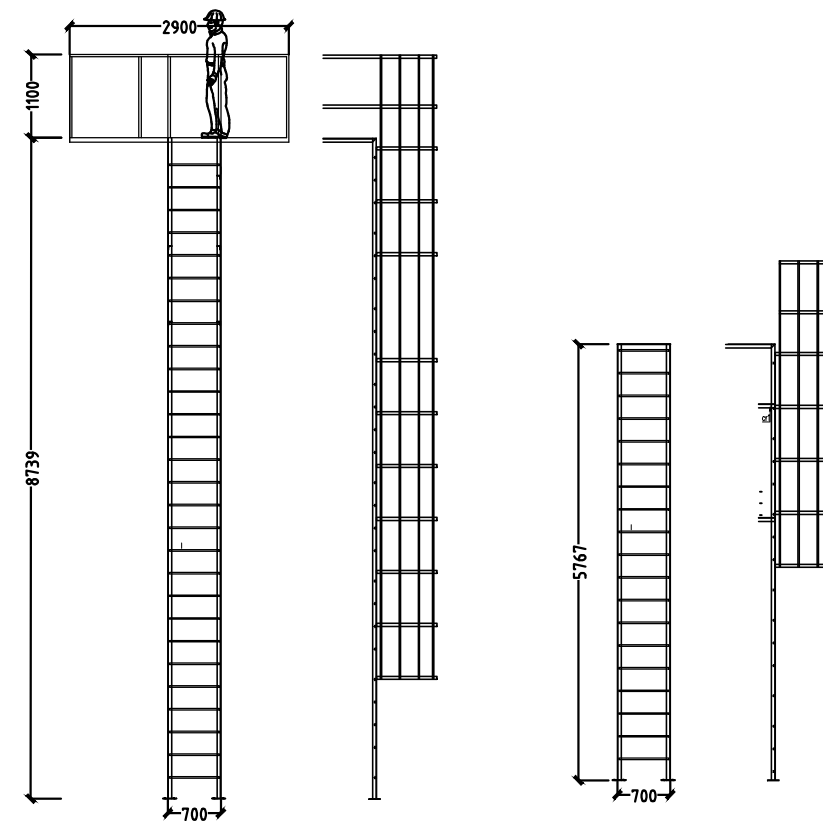
MẶT BẰNG CYCLON

旋风式平面图



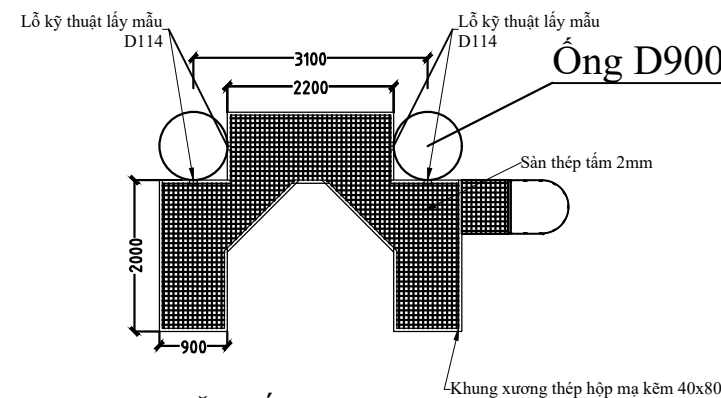
MẶT ĐỨNG CYCLON

旋风立面



Mặt bằng sàn thang kỹ thuật

技术电梯楼层平面图



MẶT ĐỨNG THANG

楼梯立面图

CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY TNHH
TỦ BẾP BLOOM

Địa chỉ: Lô H3, Đường Đ4, Khu Công Nghiệp Minh
III, Phường Minh Hưng, Thành phố Đồng Nai,

GIÁM ĐỐC:

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG
& XÂY DỰNG VIỆT XANH

Địa chỉ: 37, đường DX040, tổ 23, khu 5
P. Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh

GIÁM ĐỐC:

HOÀNG THỊ HIẾU

QUẢN LÝ KỸ THUẬT:

KS. NGUYỄN HẠNH

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ :

KTS. KIM HOÀNG

THIẾT KẾ - VẼ:

KTS. NGUYỄN ĐOÀN

TÊN CÔNG TRÌNH:

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI

ĐỊA ĐIỂM:

Địa chỉ: Lô H3, Đường Đ4, Khu Công Nghiệp Minh
III, Phường Minh Hưng, Thành phố Đồng Nai,

HẠNG MỤC:

CYCLON KT3

TÊN BẢN VẼ:

CHI TIẾT THANG KỸ THUẬT

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH:

THIẾT KẾ SƠ PHÁC ☐ THAM KHẢO ☐
THIẾT KẾ SƠ BỘ ☐ THI CÔNG ☐
XIN PHÉP ☐ HOÀN CÔNG ☒

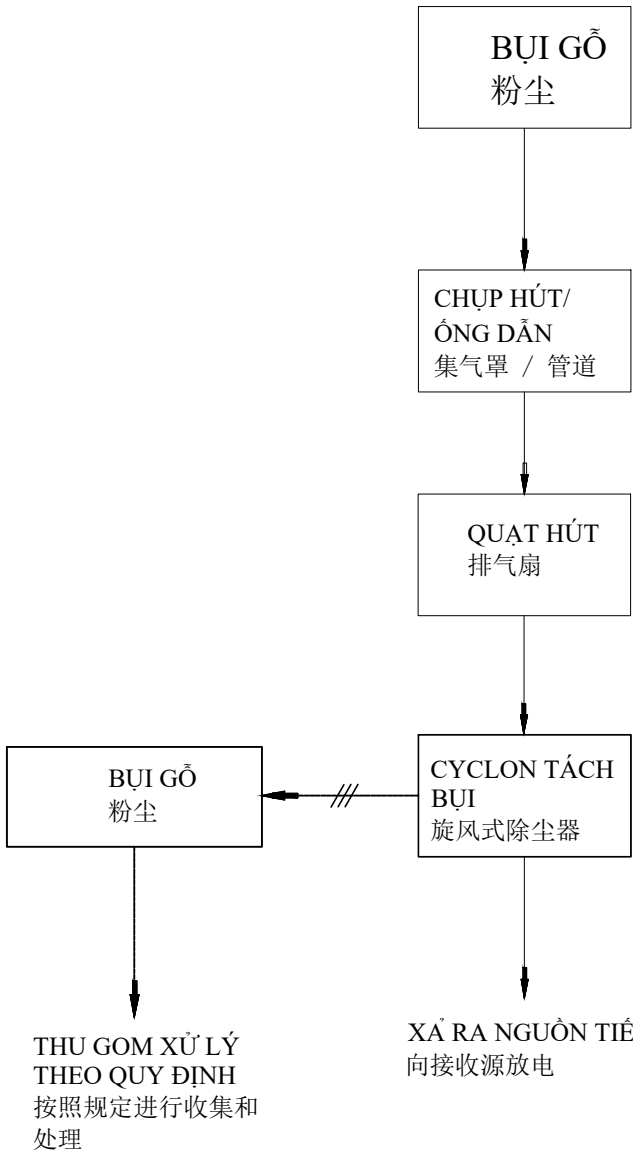
KÝ HIỆU BẢN VẼ:

MÃ SỐ HS: SỐ BẢN VẼ

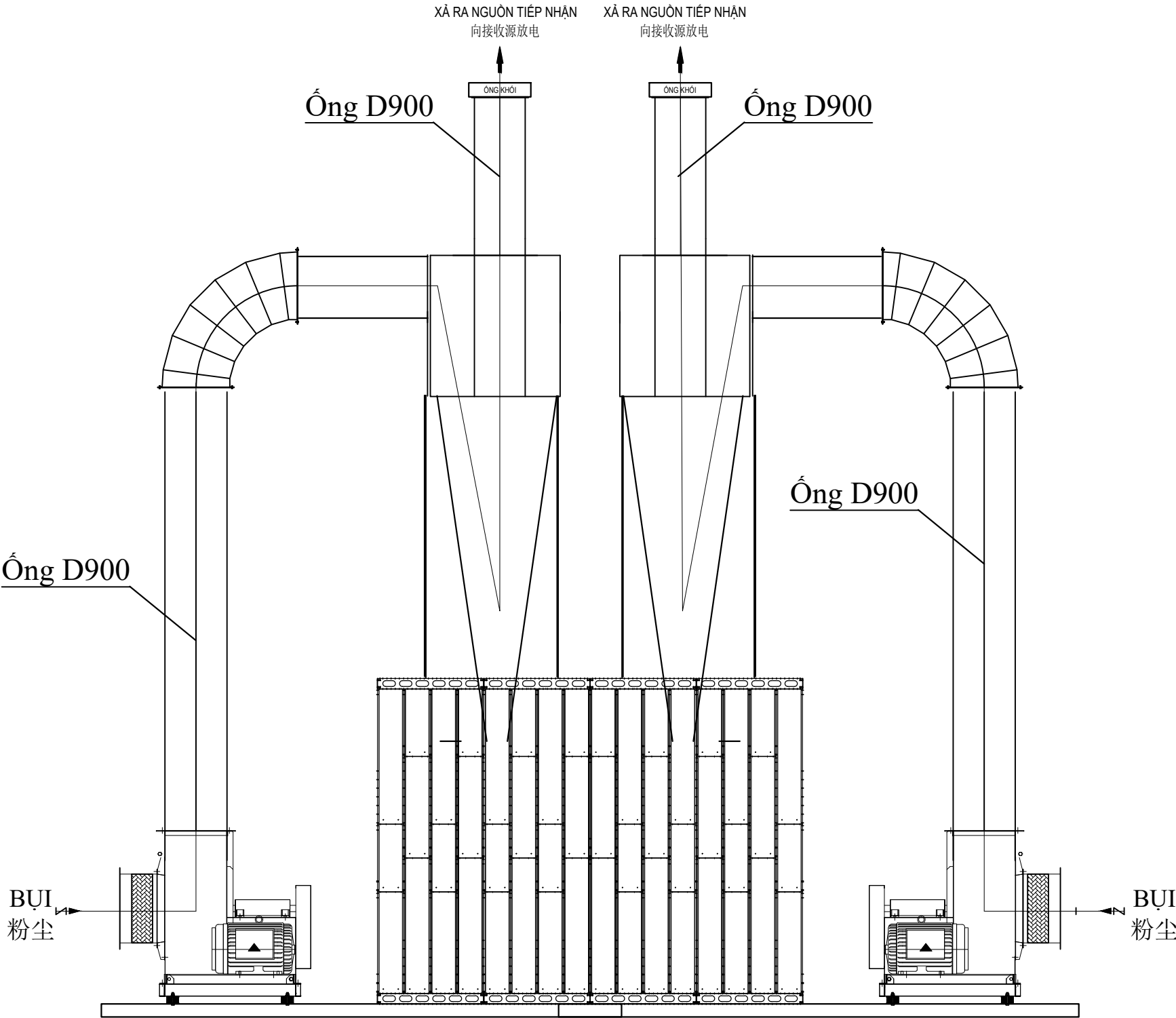
TỈ LỆ: / (TK:10)

PHÁT HÀNH: (44)

GHI CHÚ:



SƠ ĐỒ KHỐI
框图



SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ
技术图

CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY TNHH
TỬ BẾP BLOOM

Địa chỉ: Lô H3, Đường Đ4, Khu Công Nghiệp Minh
III, Phường Minh Hưng, Thành phố Đồng Nai,

GIÁM ĐỐC:

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG
& XÂY DỰNG VIỆT XANH

Địa chỉ: 37, đường DX040, tổ 23, khu 5
P. Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh

GIÁM ĐỐC:

HOÀNG THỊ HIẾU

QUẢN LÝ KỸ THUẬT:

KS. NGUYỄN HẠNH

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ :

KTS. KIM HOÀNG

THIẾT KẾ - VẼ:

KTS. NGUYỄN ĐOÀN

TÊN CÔNG TRÌNH:

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI

ĐỊA ĐIỂM:

Địa chỉ: Lô H3, Đường Đ4, Khu Công Nghiệp Minh
III, Phường Minh Hưng, Thành phố Đồng Nai,

HẠNG MỤC:

CYCLON KT4

TÊN BẢN VẼ:

SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ

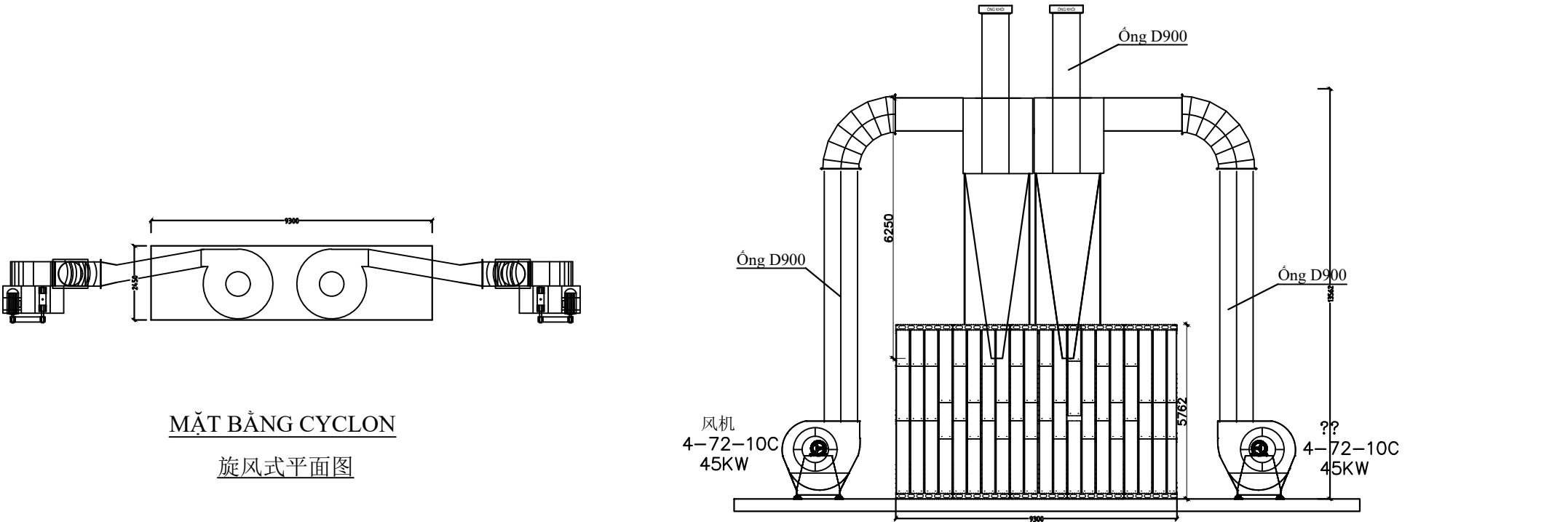
MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH:

THIẾT KẾ SƠ PHÁC ☐ THAM KHẢO ☐
THIẾT KẾ SƠ BỘ ☐ THI CÔNG ☐
XIN PHÉP ☐ HOÀN CÔNG ☒

KÝ HIỆU BẢN VẼ:

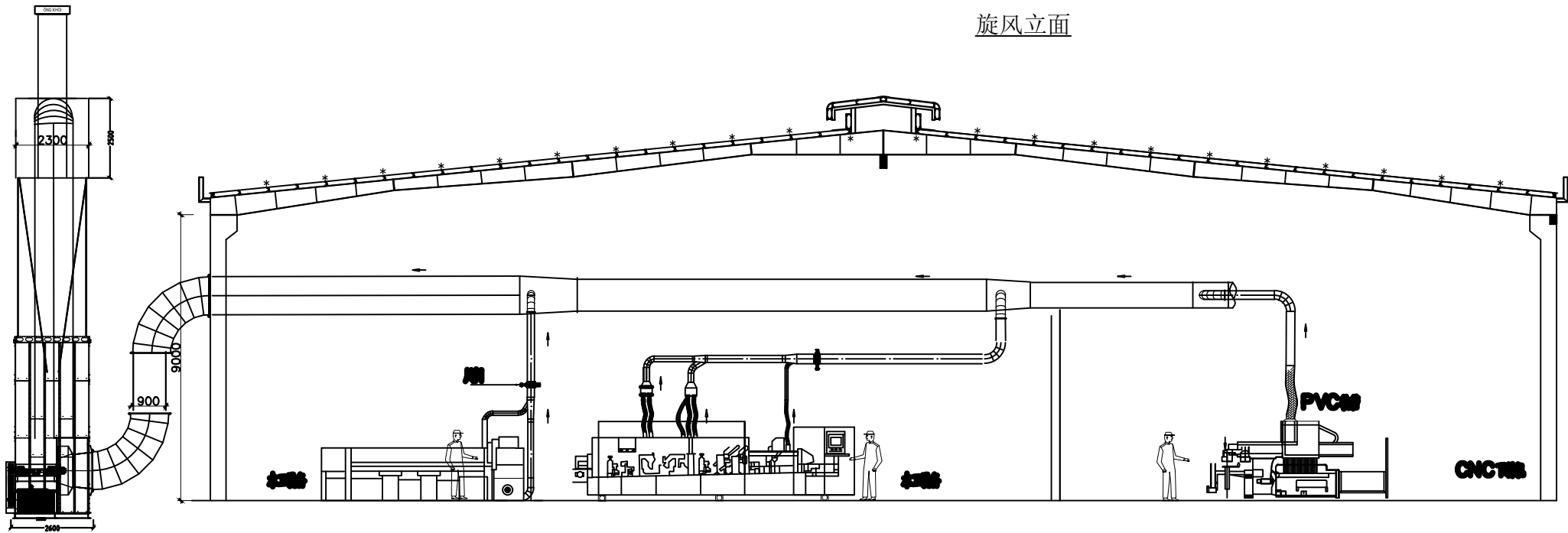
MÃ SỐ HS	/...../.....	SỐ BẢN VẼ
TỈ LỆ	/	(TK:1)
PHÁT HÀNH		44

GHI CHÚ:



MẶT BẰNG CYCLON
旋风式平面图

MẶT ĐÚNG CYCLON
旋风立面



MẶT ĐÚNG THU GOM KHÍ THẢI ĐIỂN HÌNH
典型排放收集立面

STT	KÝ HIỆU 象征	TÊN CHI TIẾT 详细信息名称	Công suất功 率 (HP马力)	Công suất能力 (m3/giờ小时)	ĐƠN VỊ 单元	SỐ LƯỢNG 数量	Tổng công suất总处 理能力 (m3/giờ小时)
01	KT4	Hệ thống thu bụi Cyclon 型旋风除尘系统		50.533	Bộ 集	02	101.066
02	KT4	Quạt hút ly tâm 离心式排气扇	55kw 55千瓦	50.533	Bộ 集	02	101.066

CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY TNHH
TỦ BẾP BLOOM

Địa chỉ: Lô H3, Đường Đ4, Khu Công Nghiệp Minh
III, Phường Minh Hưng, Thành phố Đồng Nai,

GIÁM ĐỐC:

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG
& XÂY DỰNG VIỆT XANH

Địa chỉ: 37, đường DX040, tổ 23, khu 5
P. Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh

GIÁM ĐỐC:

HOÀNG THỊ HIẾU

QUẢN LÝ KỸ THUẬT:
KS. NGUYỄN HẠNH

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ :

KTS. KIM HOÀNG

THIẾT KẾ - VẼ:

KTS. NGUYỄN ĐOÀN

TÊN CÔNG TRÌNH:

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI

ĐỊA ĐIỂM:

Địa chỉ: Lô H3, Đường Đ4, Khu Công Nghiệp Minh
III, Phường Minh Hưng, Thành phố Đồng Nai,

HẠNG MỤC:

CYCLON KT4

TÊN BẢN VẼ:

CHI TIẾT CYCLON

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH:

THIẾT KẾ SƠ PHÁC ☐ THAM KHẢO ☐
THIẾT KẾ SƠ BỘ ☐ THI CÔNG ☐
XIN PHÉP ☐ HOÀN CÔNG ☒

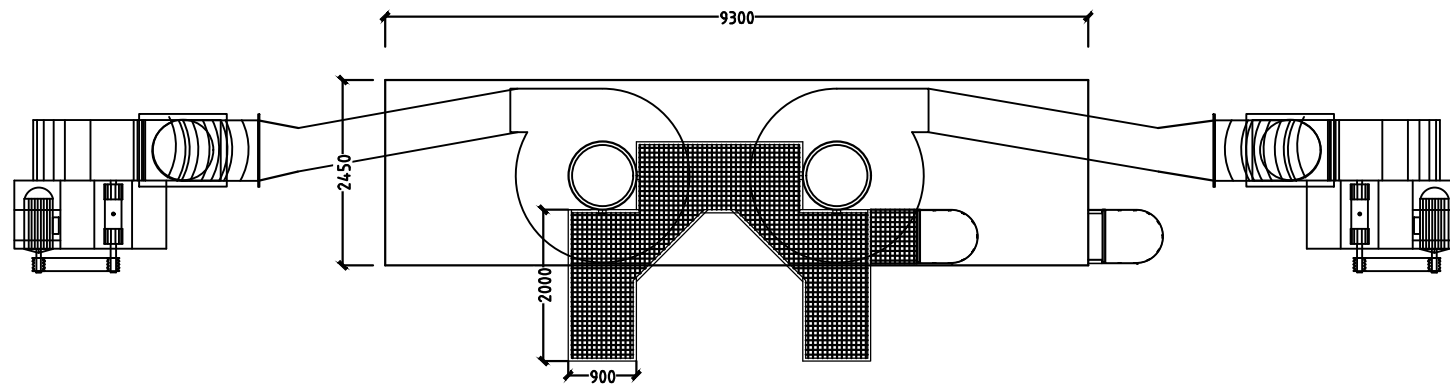
KÝ HIỆU BẢN VẼ:

MÃ SỐ HS/...../..... SỐ BẢN VẼ

TỈ LỆ / (TK:1/2)

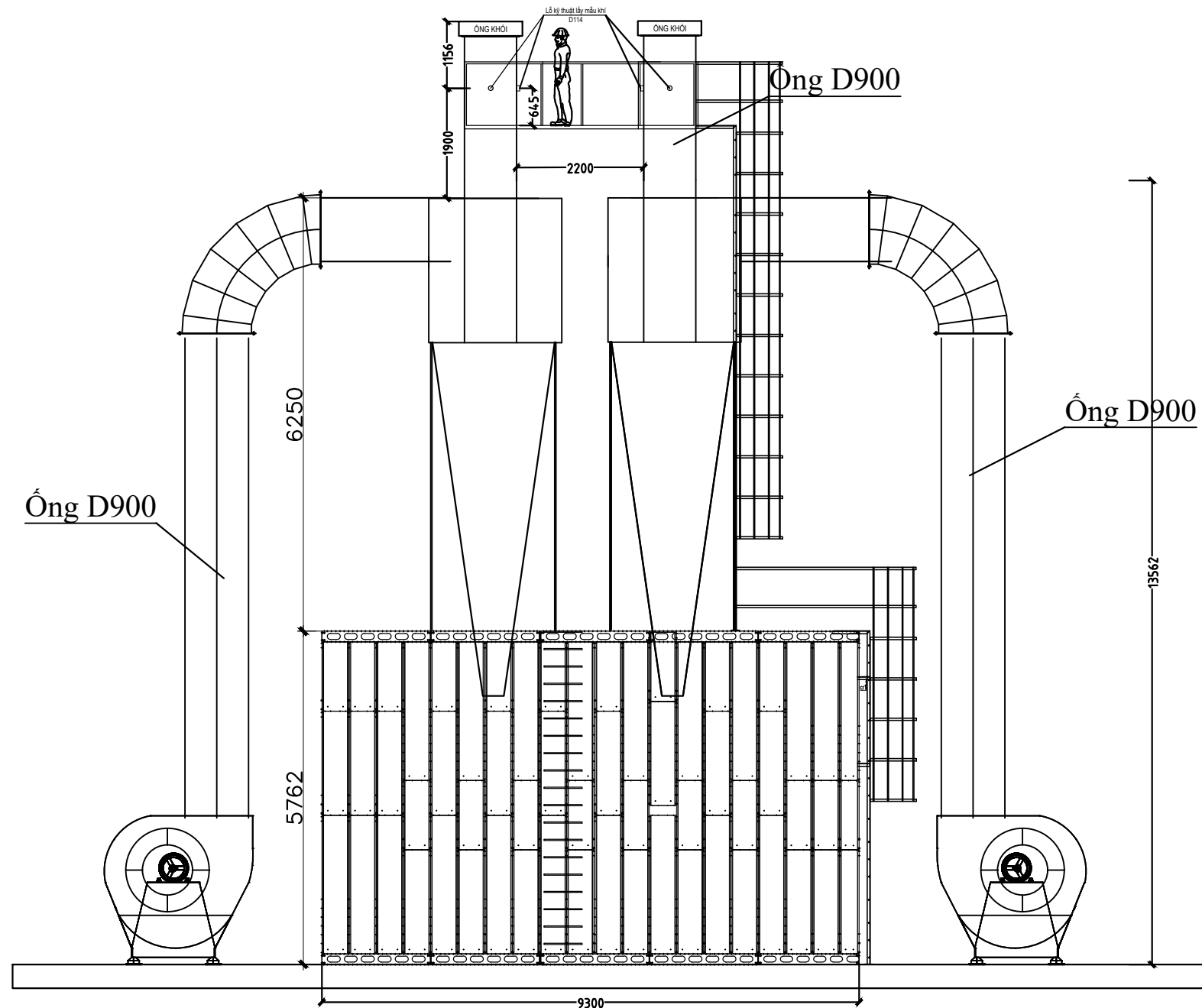
PHÁT HÀNH 44

GHI CHÚ:



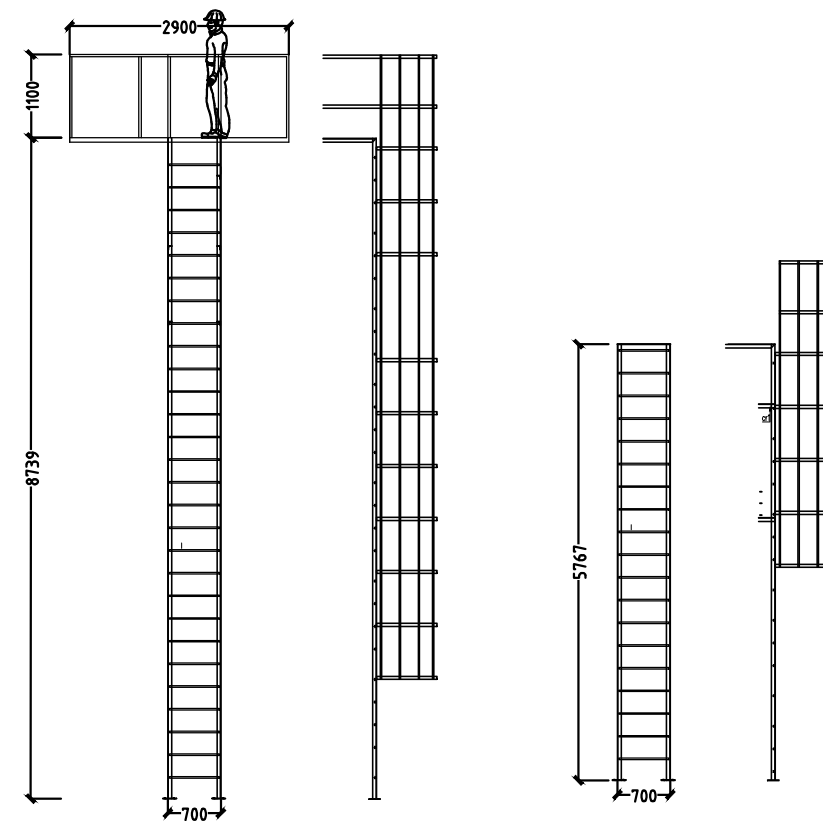
MẶT BẰNG CYCLON

旋风式平面图



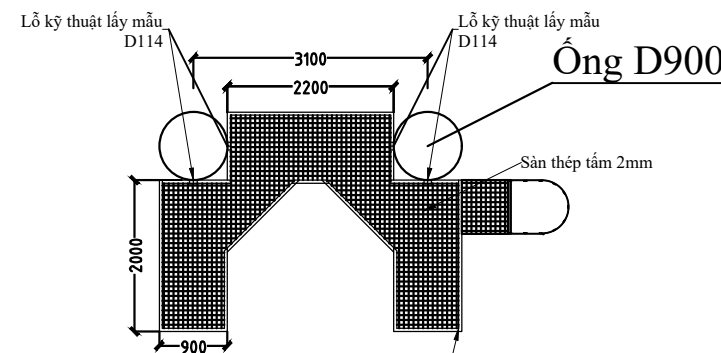
MẶT ĐỨNG CYCLON

旋风立面



Mặt bằng sàn thang kỹ thuật

技术电梯楼层平面图



MẶT ĐỨNG THANG

楼梯立面图

CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY TNHH
TỦ BẾP BLOOM

Địa chỉ: Lô H3, Đường Đ4, Khu Công Nghiệp Minh
III, Phường Minh Hưng, Thành phố Đồng Nai,

GIÁM ĐỐC:

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG
& XÂY DỰNG VIỆT XANH

Địa chỉ: 37, đường DX040, tổ 23, khu 5
P. Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh

GIÁM ĐỐC:

HOÀNG THỊ HIẾU

QUẢN LÝ KỸ THUẬT:

KS. NGUYỄN HẠNH

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ :

KTS. KIM HOÀNG

THIẾT KẾ - VẼ:

KTS. NGUYỄN ĐOÀN

TÊN CÔNG TRÌNH:

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI

ĐỊA ĐIỂM:

Địa chỉ: Lô H3, Đường Đ4, Khu Công Nghiệp Minh
III, Phường Minh Hưng, Thành phố Đồng Nai,

HẠNG MỤC:

CYCLON KT4

TÊN BẢN VẼ:

CHI TIẾT THANG KỸ THUẬT

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH:

THIẾT KẾ SƠ PHÁC ☐ THAM KHẢO ☐
THIẾT KẾ SƠ BỘ ☐ THI CÔNG ☐
XIN PHÉP ☐ HOÀN CÔNG ☒

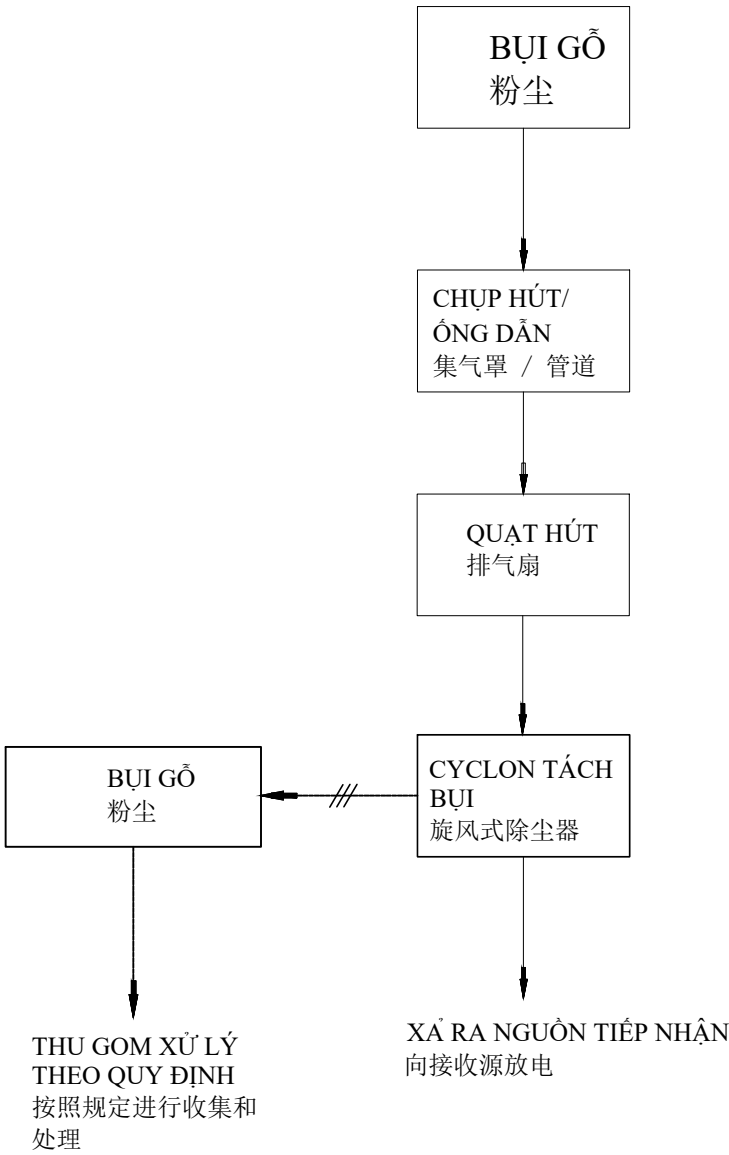
KÝ HIỆU BẢN VẼ:

MÃ SỐ HS: SỐ BẢN VẼ

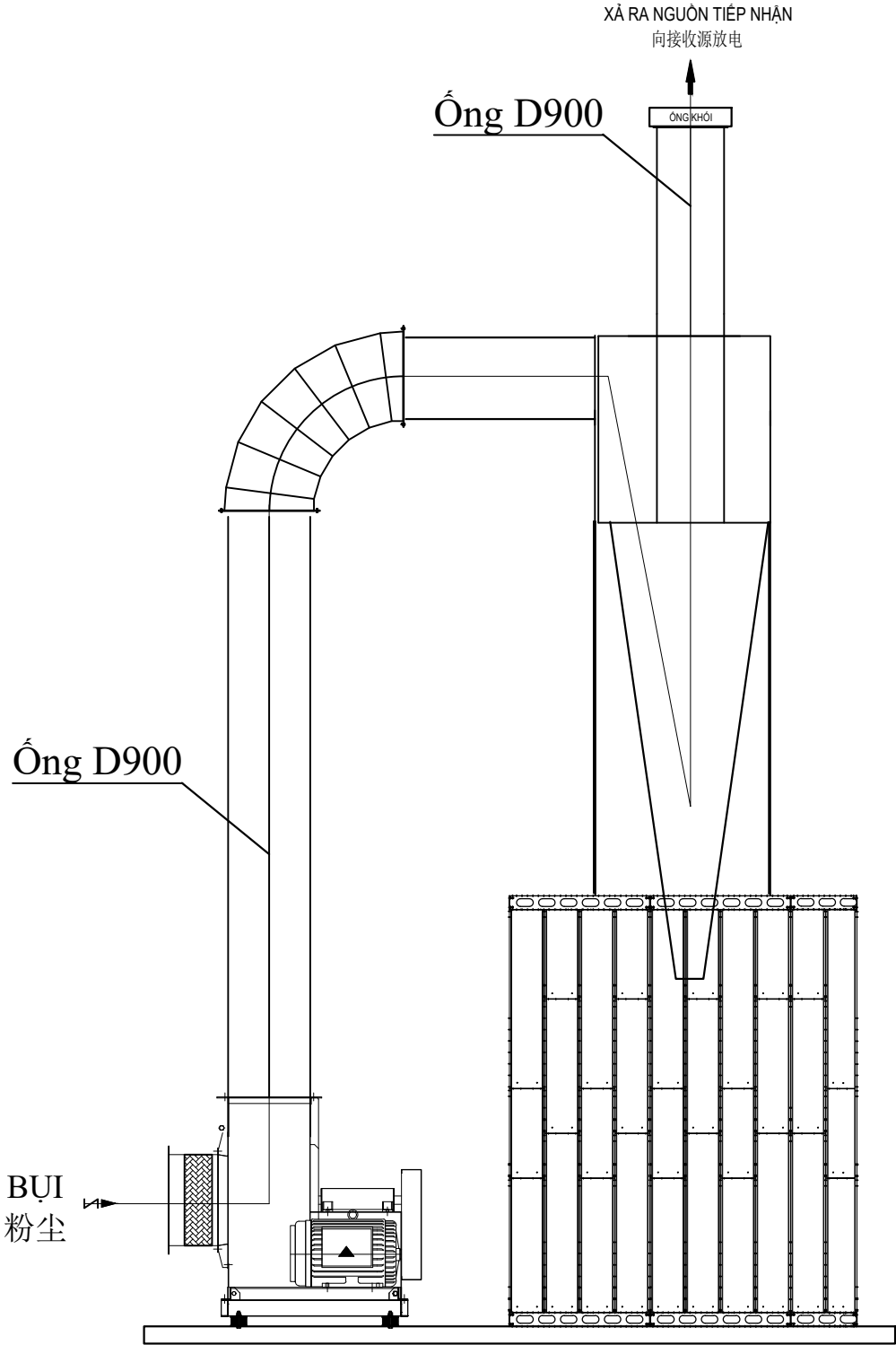
TỈ LỆ: / (TK:13)

PHÁT HÀNH: (44)

GHI CHÚ:

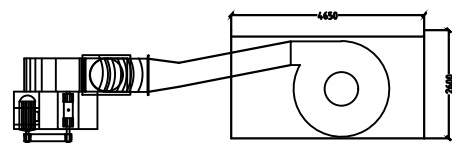


SƠ ĐỒ KHỐI
框图



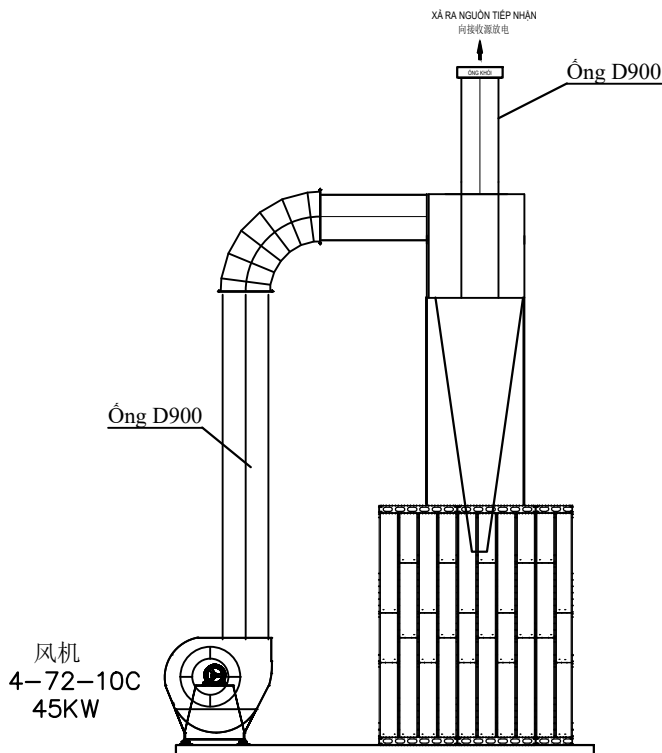
SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ
技术图

CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH TỬ BẾP BLOOM Địa chỉ: Lô H3, Đường Đ4, Khu Công Nghiệp Minh III, Phường Minh Hưng, Thành phố Đồng Nai,		
GIÁM ĐỐC:		
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG & XÂY DỰNG VIỆT XANH Địa chỉ: 37, đường DX040, tổ 23, khu 5 P. Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh		
GIÁM ĐỐC: HOÀNG THỊ HIẾU		
QUẢN LÝ KỸ THUẬT: KS. NGUYỄN HẠNH		
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ : KTS. KIM HOÀNG		
THIẾT KẾ - VẼ: KTS. NGUYỄN ĐOÀN		
TÊN CÔNG TRÌNH: HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI		
ĐỊA ĐIỂM: Địa chỉ: Lô H3, Đường Đ4, Khu Công Nghiệp Minh III, Phường Minh Hưng, Thành phố Đồng Nai,		
HẠNG MỤC: CYCLON KT6		
TÊN BẢN VẼ: SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ		
MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH: THIẾT KẾ SƠ PHÁC ☐ THAM KHẢO ☐ THIẾT KẾ SƠ BỘ ☐ THI CÔNG ☐ XIN PHÉP ☐ HOÀN CÔNG ☒		
KÝ HIỆU BẢN VẼ:		
MÃ SỐ HS /...../.....	SỐ BẢN VẼ	
TỈ LỆ /	(TK:1A) 44	
PHÁT HÀNH		
GHI CHÚ:		



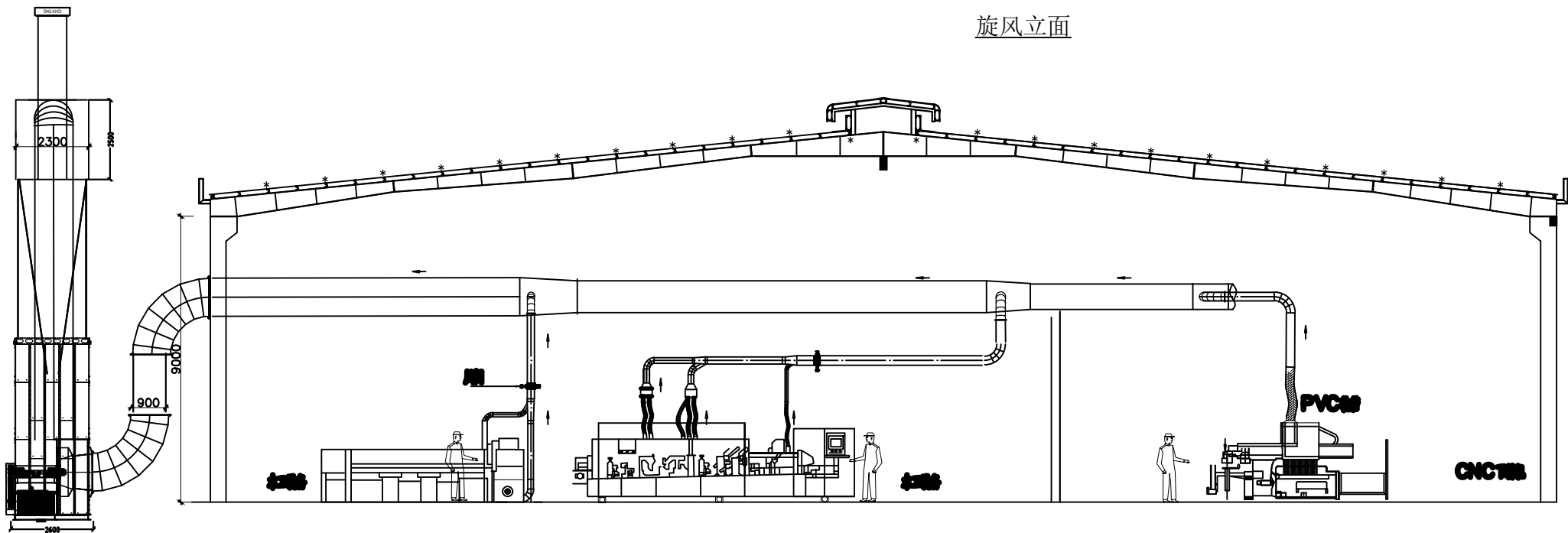
MẶT BẰNG CYCLON

旋风式平面图



MẶT ĐỨNG CYCLON

旋风立面



MẶT ĐỨNG THU GOM KHÍ THẢI ĐIỂN HÌNH

典型排放收集立面

STT	KÝ HIỆU 象征	TÊN CHI TIẾT 详细信息名称	Công suất功 率 (HP马力)	Công suất能力 (m3/giờ小时)	ĐƠN VỊ 单元	SỐ LƯỢNG 数量	Tổng công suất总处 理能力 (m3/giờ小时)
01	KT6	Hệ thống thu bụi Cyclon 型旋风除尘系统		56.817	Bộ 集	01	56.817
02	KT6	Quạt hút ly tâm 离心式排气扇	55kw 55千瓦	56.817	Bộ 集	01	56.817

CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY TNHH
TỬ BẾP BLOOM

Địa chỉ: Lô H3, Đường Đ4, Khu Công Nghiệp Minh
III, Phường Minh Hưng, Thành phố Đồng Nai,

GIÁM ĐỐC:

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG
& XÂY DỰNG VIỆT XANH

Địa chỉ: 37, đường DX040, tổ 23, khu 5
P. Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh

GIÁM ĐỐC:

HOÀNG THỊ HIẾU

QUẢN LÝ KỸ THUẬT:
KS. NGUYỄN HẠNH

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ :

KTS. KIM HOÀNG

THIẾT KẾ - VẼ:

KTS. NGUYỄN ĐOÀN

TÊN CÔNG TRÌNH:

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI

ĐỊA ĐIỂM:

Địa chỉ: Lô H3, Đường Đ4, Khu Công Nghiệp Minh
III, Phường Minh Hưng, Thành phố Đồng Nai,

HẠNG MỤC:

CYCLON KT6

TÊN BẢN VẼ:

CHI TIẾT CYCLON

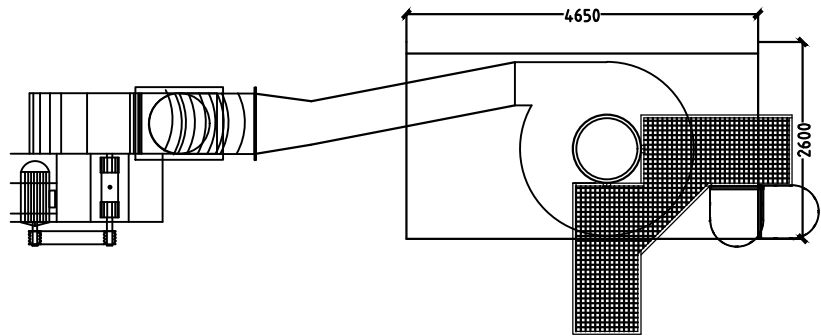
MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH:

THIẾT KẾ SƠ PHÁC ☐ THAM KHẢO ☐
THIẾT KẾ SƠ BỘ ☐ THI CÔNG ☐
XIN PHÉP ☐ HOÀN CÔNG ☒

KÝ HIỆU BẢN VẼ:

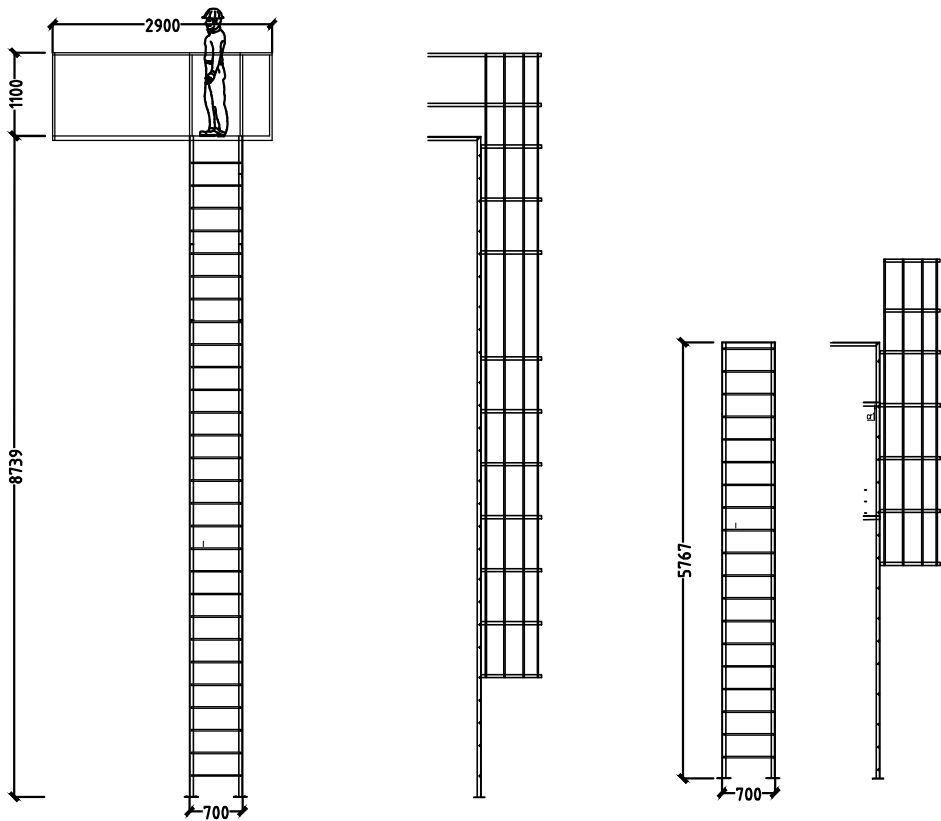
MÃ SỐ HS	/...../.....	SỐ BẢN VẼ
TỈ LỆ	/	(TK:13) 44
PHÁT HÀNH		

GHI CHÚ:



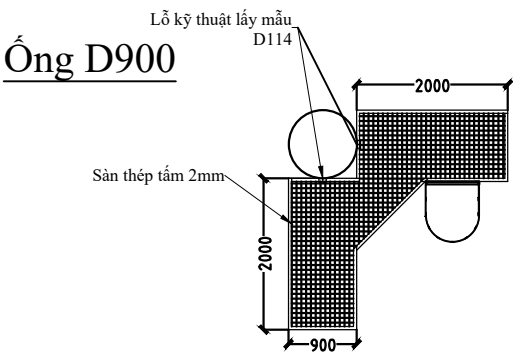
MẶT BẰNG CYCLON

旋风式平面图



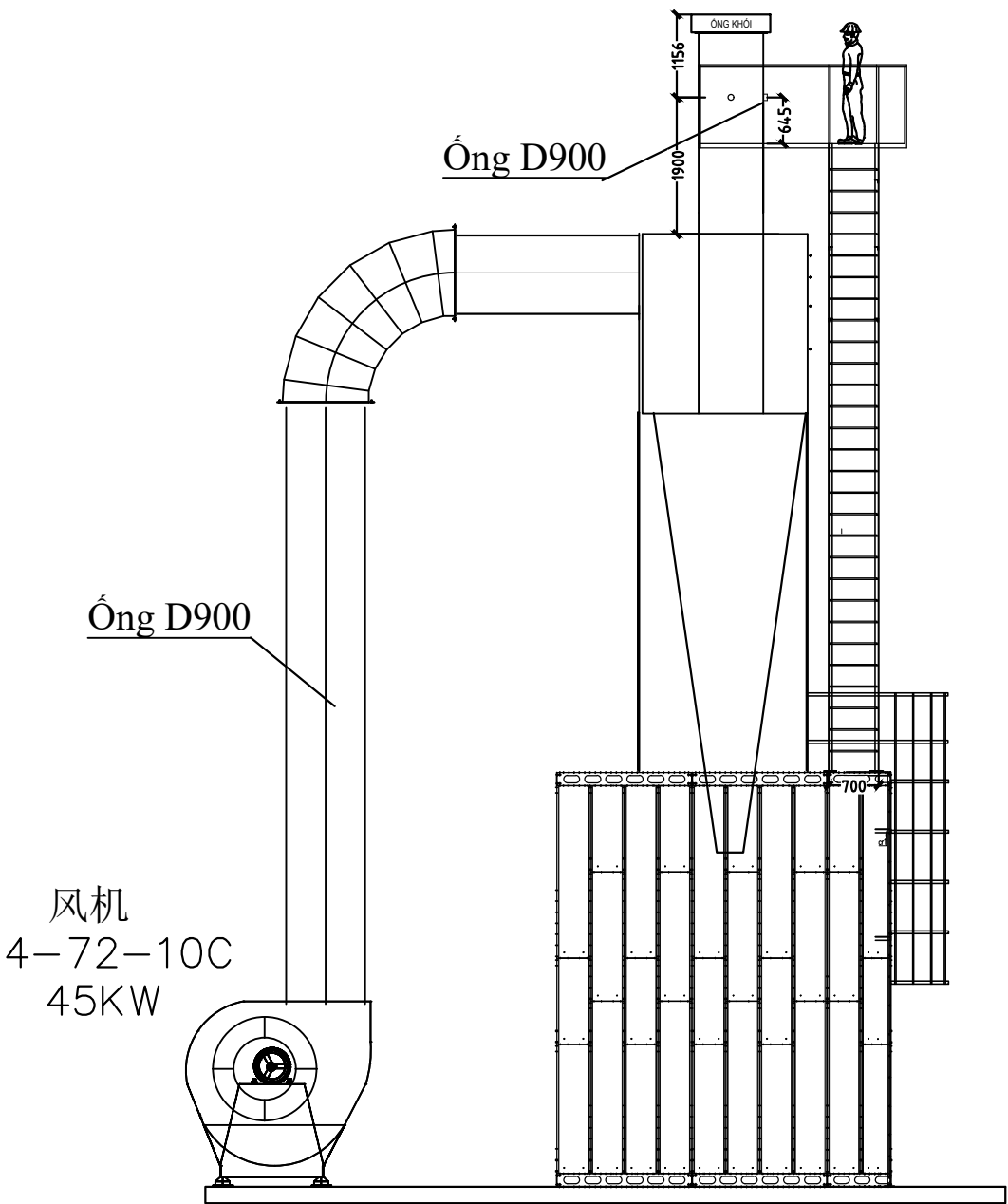
Mặt bằng sàn thang kỹ thuật

技术电梯楼层平面图



MẶT ĐỨNG THANG

楼梯立面图



MẶT ĐỨNG CYCLON

旋风立面

CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY TNHH
TỦ BẾP BLOOM

Địa chỉ: Lô H3, Đường Đ4, Khu Công Nghiệp Minh
III, Phường Minh Hưng, Thành phố Đồng Nai,

GIÁM ĐỐC:

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG
& XÂY DỰNG VIỆT XANH

Địa chỉ: 37, đường DX040, tổ 23, khu 5
P. Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh

GIÁM ĐỐC:

HOÀNG THỊ HIẾU

QUẢN LÝ KỸ THUẬT:
KS. NGUYỄN HẠNH

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ :

KTS. KIM HOÀNG

THIẾT KẾ - VẼ:

KTS. NGUYỄN ĐOÀN

TÊN CÔNG TRÌNH:

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI

ĐỊA ĐIỂM:

Địa chỉ: Lô H3, Đường Đ4, Khu Công Nghiệp Minh
III, Phường Minh Hưng, Thành phố Đồng Nai,

HẠNG MỤC:

CYCLON KT6

TÊN BẢN VẼ:

CHI TIẾT THANG KỸ THUẬT

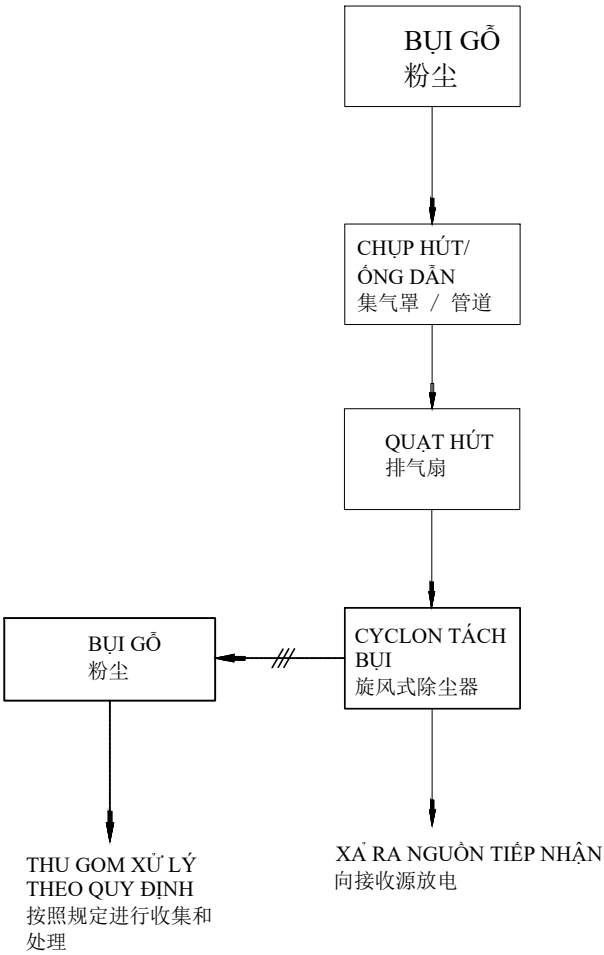
MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH:

THIẾT KẾ SƠ PHÁC ☐ THAM KHẢO ☐
THIẾT KẾ SƠ BỘ ☐ THI CÔNG ☐
XIN PHÉP ☐ HOÀN CÔNG ☒

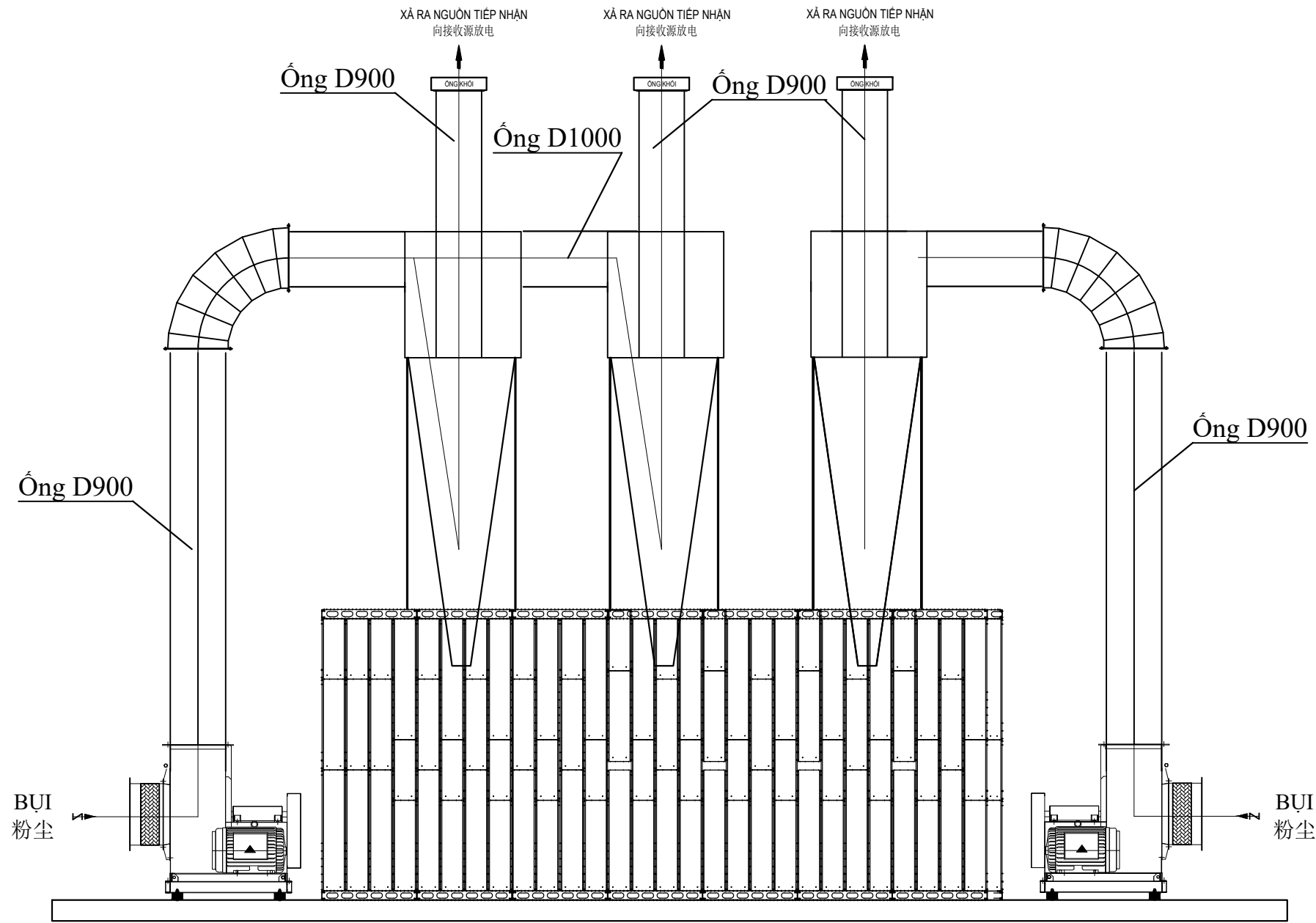
KÝ HIỆU BẢN VẼ:

MÃ SỐ HS	/...../.....	SỐ BẢN VẼ
TỈ LỆ	/	(TK:16)
PHÁT HÀNH		(44)

GHI CHÚ:



SƠ ĐỒ KHỐI
框图



SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ
技术图

CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY TNHH
TỬ BẾP BLOOM

Địa chỉ: Lô H3, Đường Đ4, Khu Công Nghiệp Minh
III, Phường Minh Hưng, Thành phố Đồng Nai,

GIÁM ĐỐC:

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG
& XÂY DỰNG VIỆT XANH

Địa chỉ: 37, đường DX040, tổ 23, khu 5
P. Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh

GIÁM ĐỐC:

HOÀNG THỊ HIỆU

QUẢN LÝ KỸ THUẬT:
KS. NGUYỄN HẠNH

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ :

KTS. KIM HOÀNG

THIẾT KẾ - VẼ:

KTS. NGUYỄN ĐOÀN

TÊN CÔNG TRÌNH:

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI

ĐỊA ĐIỂM:

Địa chỉ: Lô H3, Đường Đ4, Khu Công Nghiệp Minh
III, Phường Minh Hưng, Thành phố Đồng Nai,

HẠNG MỤC:

CYCLON KT9

TÊN BẢN VẼ:

SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ

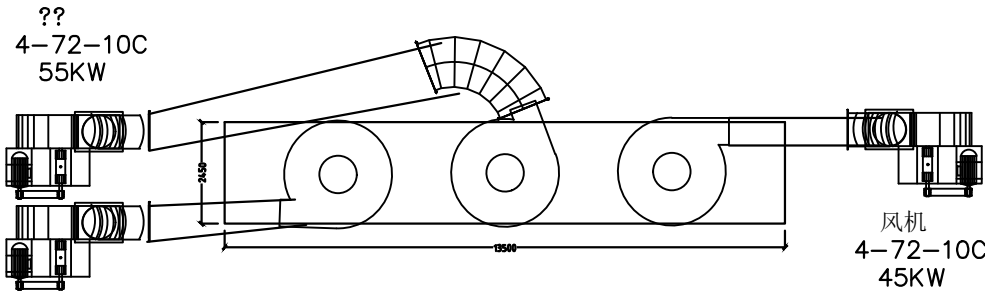
MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH:

THIẾT KẾ SƠ PHÁC ☐ THAM KHẢO ☐
THIẾT KẾ SƠ BỘ ☐ THI CÔNG ☐
XIN PHÉP ☐ HOÀN CÔNG ☒

KÝ HIỆU BẢN VẼ:

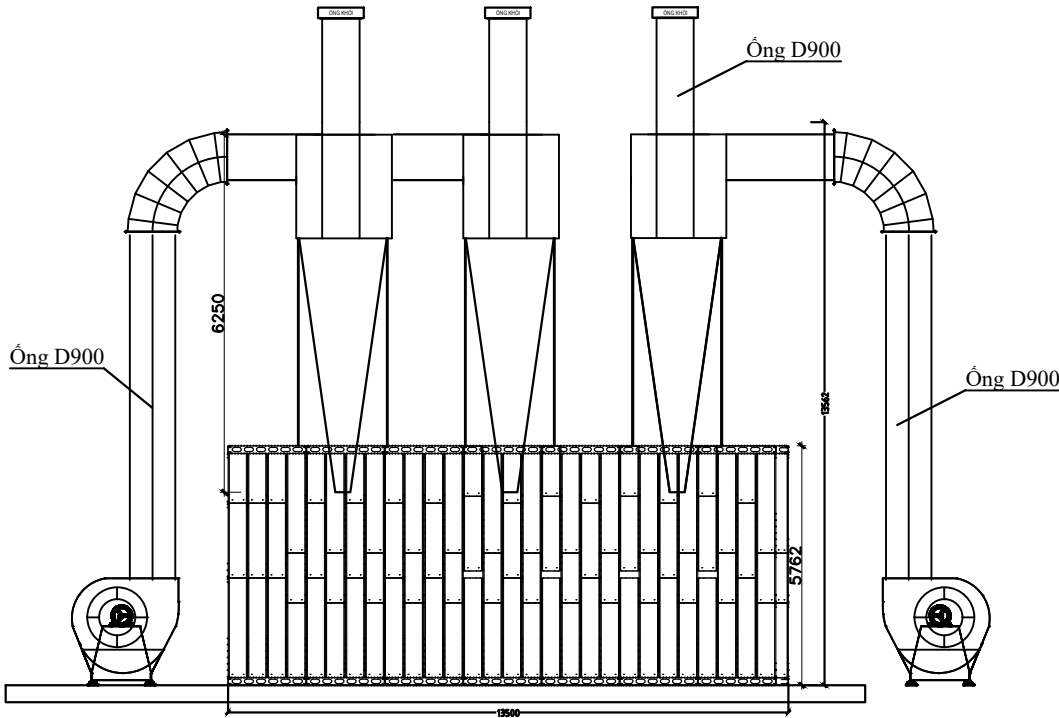
MÃ SỐ HS	/...../.....	SỐ BẢN VẼ
TỈ LỆ	/	(TK:17)
PHÁT HÀNH		(44)

GHI CHÚ:



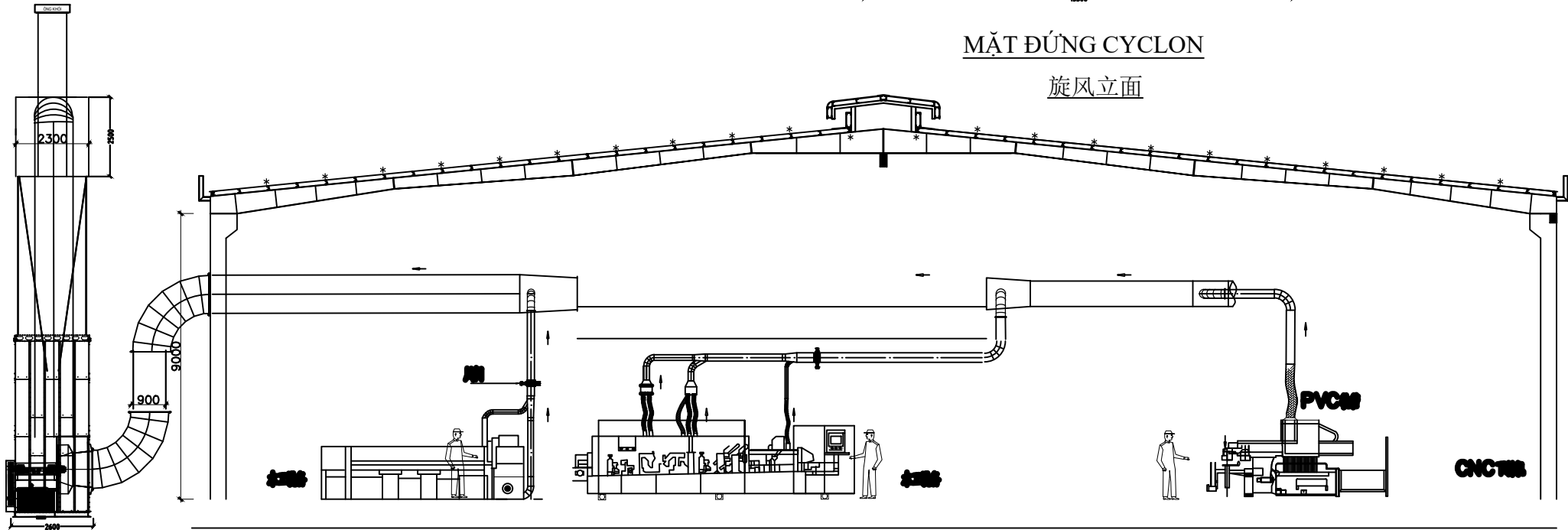
MẶT BẰNG CYCLON

旋风式平面图



MẶT ĐÚNG CYCLON

旋风立面



MẶT ĐÚNG THU GOM KHÍ THẢI ĐIỂN HÌNH

典型排放收集立面

STT	KÝ HIỆU 象征	TÊN CHI TIẾT 详细信息名称	Công suất功 率 (HP马力)	Công suất能力 (m3/giờ小时)	ĐƠN VỊ 单元	SỐ LƯỢNG 数量	Tổng công suất总处 理能力 (m3/giờ小时)
01	KT9	Hệ thống thu bụi Cyclon 型旋风除尘系统			Bộ 集	03	171.559
02	KT9	Quạt hút ly tâm 离心式排气扇	45kw 45千瓦	50.533	Bộ 集	01	171.559
03	KT9	Quạt hút ly tâm 离心式排气扇	55kw 55千瓦	50.533	Bộ 集	01	
04	KT9	Quạt hút ly tâm 离心式排气扇	75kw 75千瓦	70.533	Bộ 集	01	

CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY TNHH
TỬ BẾP BLOOM

Địa chỉ: Lô H3, Đường Đ4, Khu Công Nghiệp Minh
III, Phường Minh Hưng, Thành phố Đồng Nai,

GIÁM ĐỐC:

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG
& XÂY DỰNG VIỆT XANH

Địa chỉ: 37, đường DX040, tổ 23, khu 5
P. Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh

GIÁM ĐỐC:

HOÀNG THỊ HIẾU

QUẢN LÝ KỸ THUẬT:
KS. NGUYỄN HẠNH

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ :

KTS. KIM HOÀNG

THIẾT KẾ - VẼ:

KTS. NGUYỄN ĐOÀN

TÊN CÔNG TRÌNH:

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI

ĐỊA ĐIỂM:

Địa chỉ: Lô H3, Đường Đ4, Khu Công Nghiệp Minh
III, Phường Minh Hưng, Thành phố Đồng Nai,

HẠNG MỤC:

CYCLON KT9

TÊN BẢN VẼ:

CHI TIẾT CYCLON

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH:

THIẾT KẾ SƠ PHÁC ☐ THAM KHẢO ☐
THIẾT KẾ SƠ BỘ ☐ THI CÔNG ☐
XIN PHÉP ☐ HOÀN CÔNG ☒

KÝ HIỆU BẢN VẼ:

MÃ SỐ HS/...../.....

SỐ BẢN VẼ

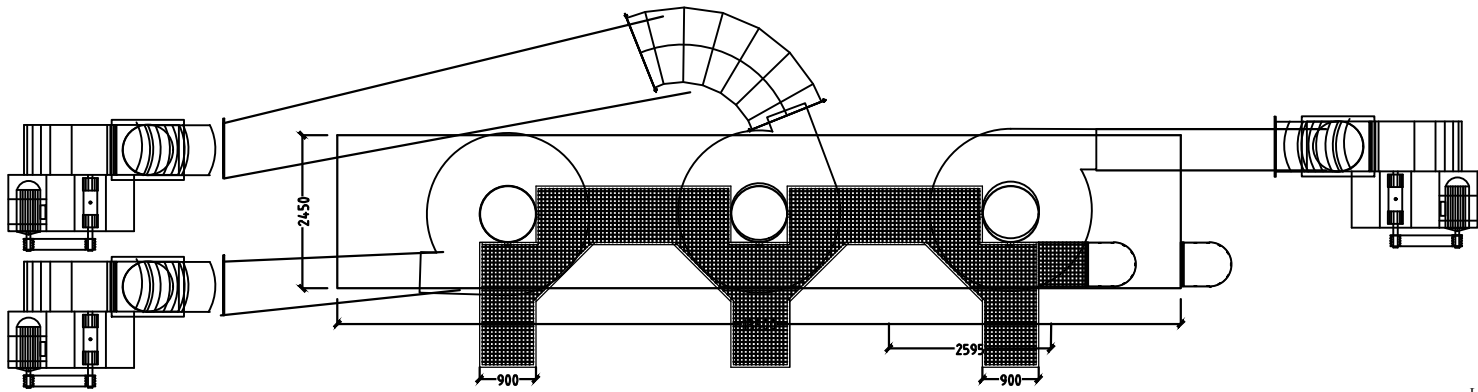
TỈ LỆ /

(TK:18)

PHÁT HÀNH

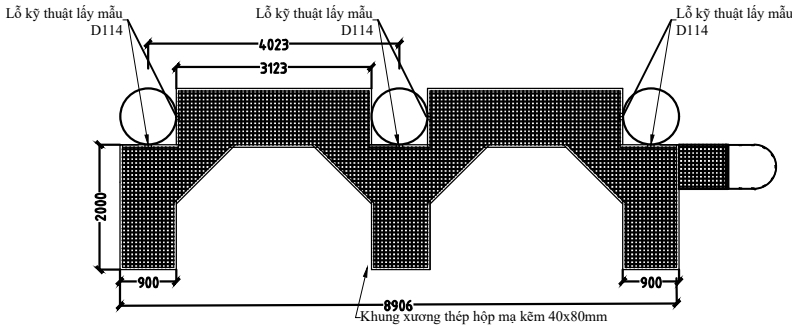
44

GHI CHÚ:



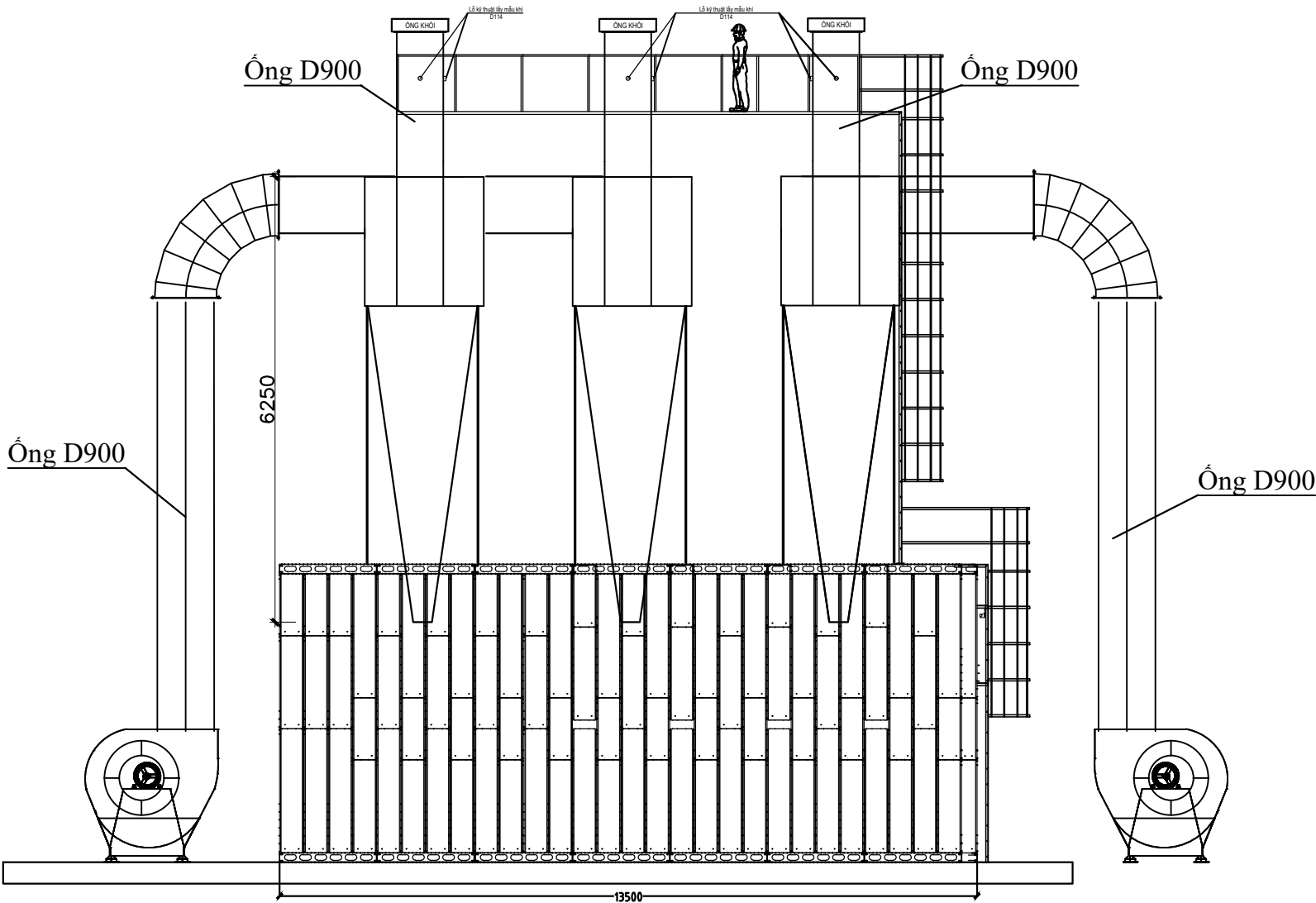
MẶT BẰNG CYCLON

旋风式平面图



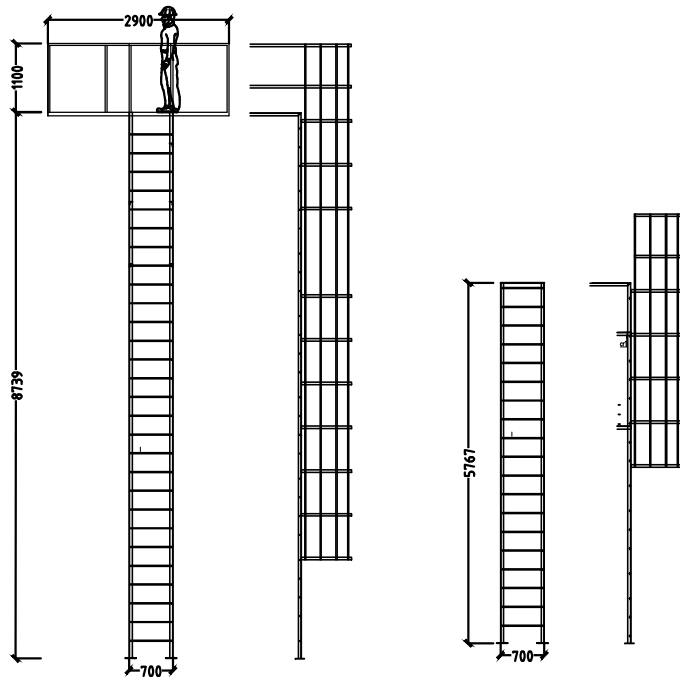
Mặt bằng sàn thang kỹ thuật

技术电梯楼层平面图



MẶT ĐỨNG CYCLON

旋风立面



MẶT ĐỨNG THANG

楼梯立面图

CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY TNHH
TỦ BẾP BLOOM

Địa chỉ: Lô H3, Đường Đ4, Khu Công Nghiệp Minh
III, Phường Minh Hưng, Thành phố Đồng Nai,

GIÁM ĐỐC:

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG
& XÂY DỰNG VIỆT XANH

Địa chỉ: 37, đường DX040, tổ 23, khu 5
P. Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh

GIÁM ĐỐC:

HOÀNG THỊ HIẾU

QUẢN LÝ KỸ THUẬT:

KS. NGUYỄN HẠNH

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ :

KTS. KIM HOÀNG

THIẾT KẾ - VẼ:

KTS. NGUYỄN ĐOÀN

TÊN CÔNG TRÌNH:

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI

ĐỊA ĐIỂM:

Địa chỉ: Lô H3, Đường Đ4, Khu Công Nghiệp Minh
III, Phường Minh Hưng, Thành phố Đồng Nai,

HẠNG MỤC:

CYCLON KT9

TÊN BẢN VẼ:

CHI TIẾT THANG KỸ THUẬT

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH:

THIẾT KẾ SƠ PHÁC ☐ THAM KHẢO ☐
THIẾT KẾ SƠ BỘ ☐ THI CÔNG ☐
XIN PHÉP ☐ HOÀN CÔNG ☒

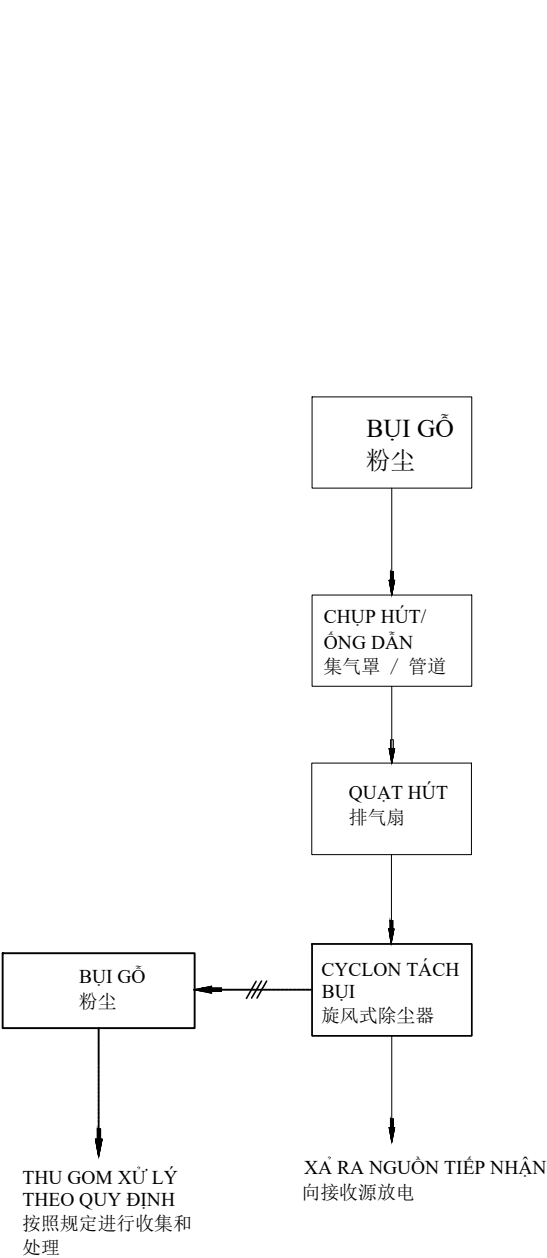
KÝ HIỆU BẢN VẼ:

MÃ SỐ HS / SỐ BẢN VẼ

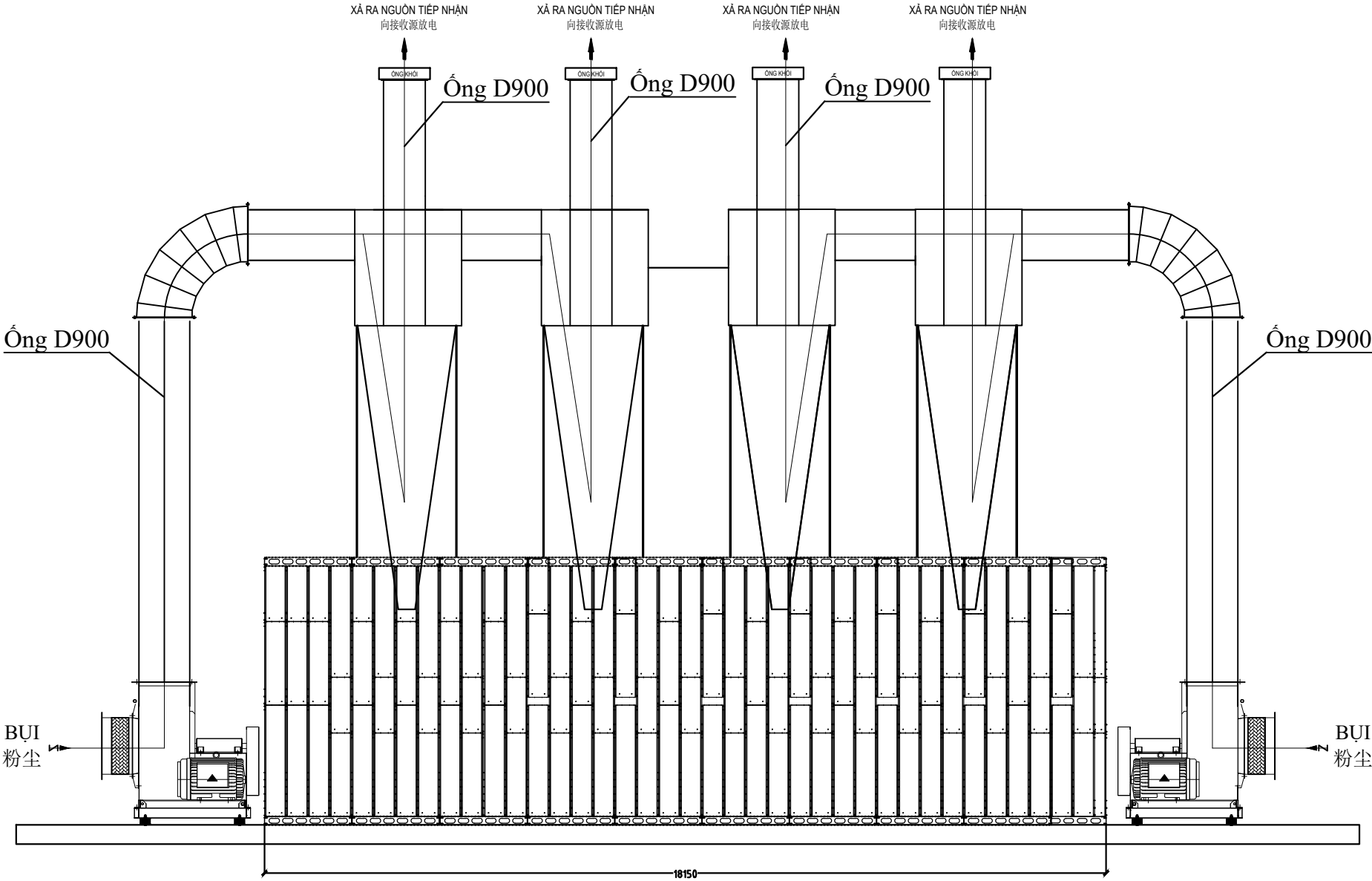
TỈ LỆ / (TK:19)

PHÁT HÀNH / 44

GHI CHÚ:

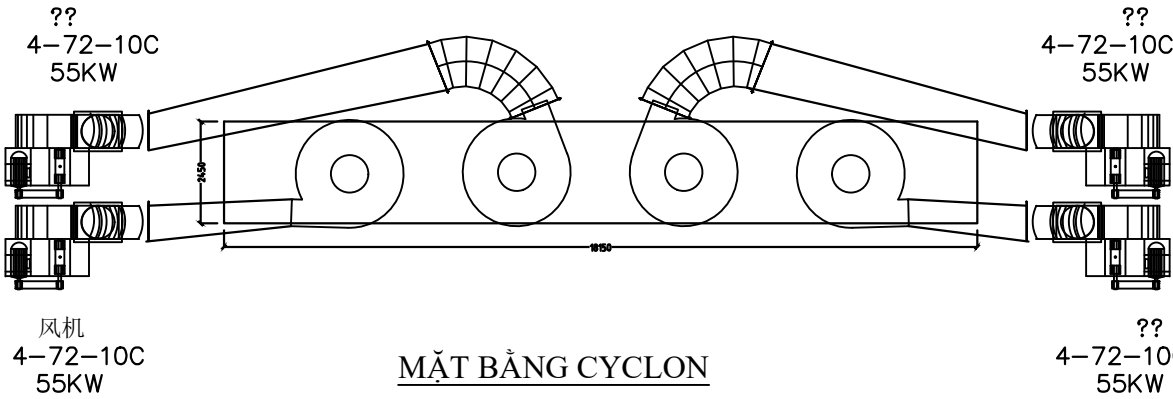


SƠ ĐỒ KHỐI
框图

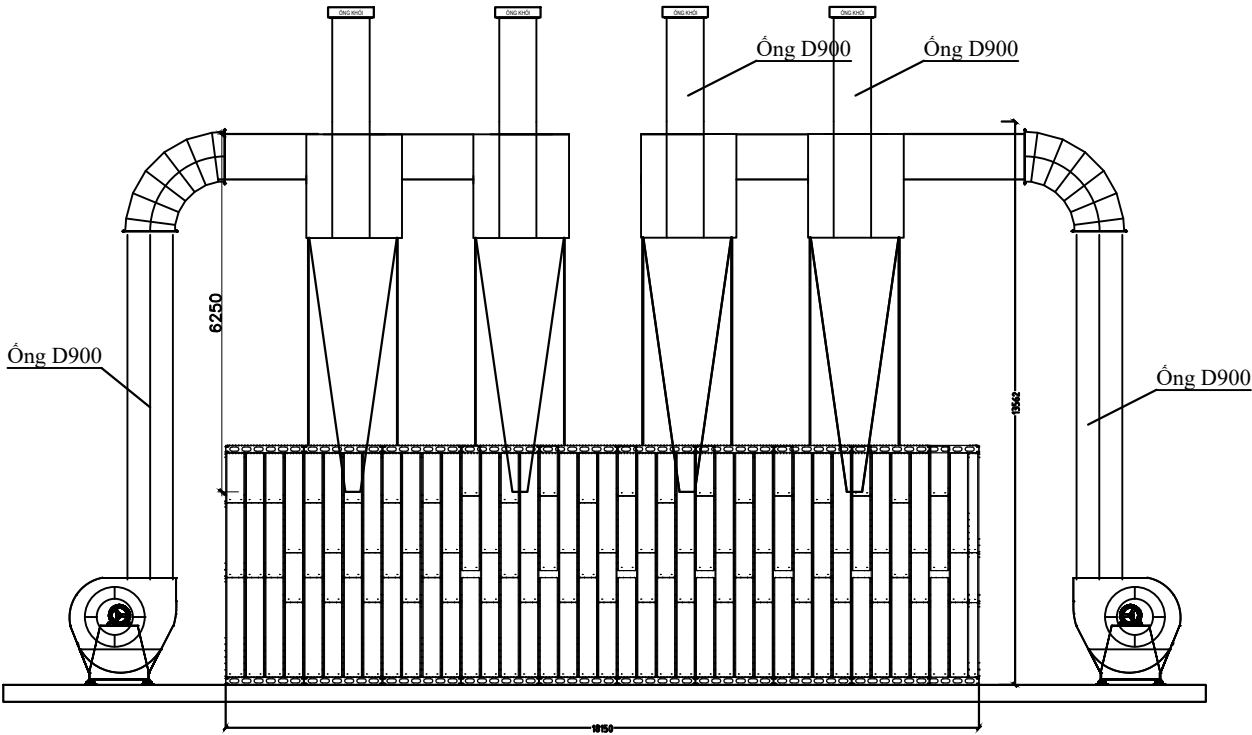


SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ
技术图

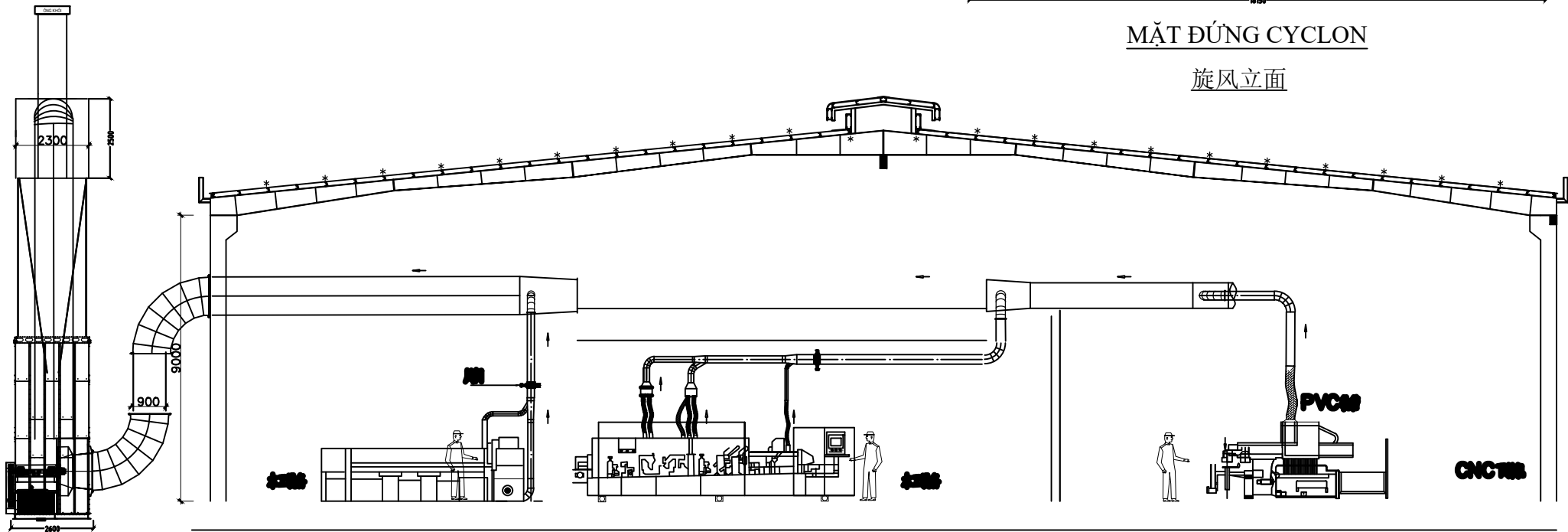
CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH TỬ BẾP BLOOM Địa chỉ: Lô H3, Đường Đ4, Khu Công Nghiệp Minh III, Phường Minh Hưng, Thành phố Đồng Nai, GIÁM ĐỐC: ĐƠN VỊ THIẾT KẾ: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG & XÂY DỰNG VIỆT XANH Địa chỉ: 37, đường DX040, tổ 23, khu 5 P. Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh GIÁM ĐỐC: HOÀNG THỊ HIẾU QUẢN LÝ KỸ THUẬT: KS. NGUYỄN HẠNH CHỦ TRÌ THIẾT KẾ : KTS. KIM HOÀNG THIẾT KẾ - VẼ: KTS. NGUYỄN ĐOÀN TÊN CÔNG TRÌNH: HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI ĐỊA ĐIỂM: Địa chỉ: Lô H3, Đường Đ4, Khu Công Nghiệp Minh III, Phường Minh Hưng, Thành phố Đồng Nai, HẠNG MỤC: CYCLON KT7 TÊN BẢN VẼ: SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH: THIẾT KẾ SƠ PHÁC ☐ THAM KHẢO ☐ THIẾT KẾ SƠ BỘ ☐ THI CÔNG ☐ XIN PHÉP ☐ HOÀN CÔNG ☒ KÝ HIỆU BẢN VẼ: MÃ SỐ HS/...../..... SỐ BẢN VẼ TỈ LỆ / PHÁT HÀNH (TK:20) 44 GHI CHÚ:		
--	--	--



MẶT BẰNG CYCLON
旋风式平面图



MẶT ĐỨNG CYCLON
旋风立面



MẶT ĐỨNG THU GOM KHÍ THẢI ĐIỀN HÌNH
典型排放收集立面

STT	KY HIỆU 象征	TÊN CHI TIẾT 详细信息名称	Công suất功 率 (HP马力)	Công suất能力 (m3/giờ小时)	ĐƠN VỊ 单元	SỐ LƯỢNG 数量	Tổng công suất总处 理能力 (m3/giờ小时)
01	KT7	Hệ thống thu bụi Cyclon 型旋风除尘系统		56.817	Bộ 集	04	227.268
02	KT7	Quạt hút ly tâm 离心式排气扇	55kw 55千瓦	56.817	Bộ 集	04	227.268

CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY TNHH
TỬ BẾP BLOOM

Địa chỉ: Lô H3, Đường Đ4, Khu Công Nghiệp Minh
III, Phường Minh Hưng, Thành phố Đồng Nai,

GIÁM ĐỐC:

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG
& XÂY DỰNG VIỆT XANH

Địa chỉ: 37, đường DX040, tổ 23, khu 5
P. Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh

GIÁM ĐỐC:

HOÀNG THỊ HIỆU

QUẢN LÝ KỸ THUẬT:
KS. NGUYỄN HẠNH

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ :

KTS. KIM HOÀNG

THIẾT KẾ - VẼ:

KTS. NGUYỄN ĐOÀN

TÊN CÔNG TRÌNH:

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI

ĐỊA ĐIỂM:

Địa chỉ: Lô H3, Đường Đ4, Khu Công Nghiệp Minh
III, Phường Minh Hưng, Thành phố Đồng Nai,

HẠNG MỤC:

CYCLON KT7

TÊN BẢN VẼ:

CHI TIẾT CYCLON

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH:

THIẾT KẾ SƠ PHÁC ☐ THAM KHẢO ☐
THIẾT KẾ SƠ BỘ ☐ THI CÔNG ☐
XIN PHÉP ☐ HOÀN CÔNG ☒

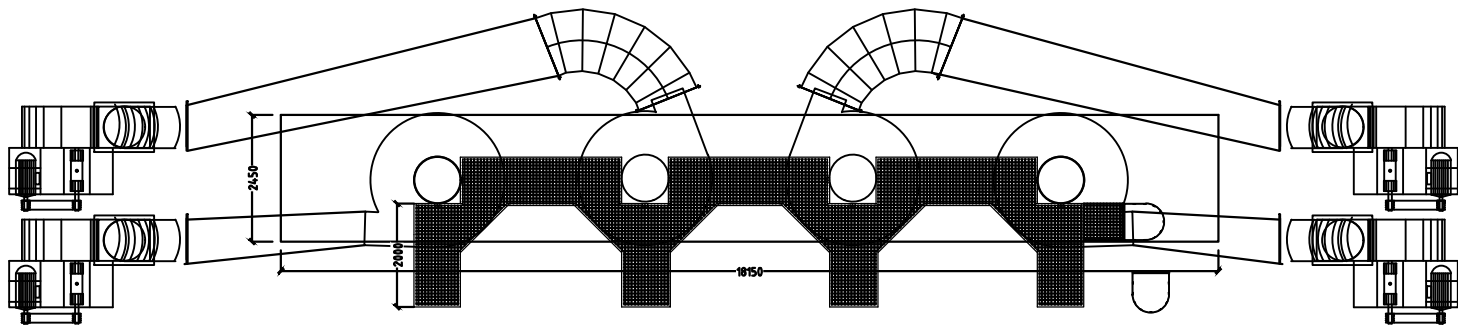
KÝ HIỆU BẢN VẼ:

MÃ SỐ HS/...../..... SỐ BẢN VẼ

TỈ LỆ / (TK:21)

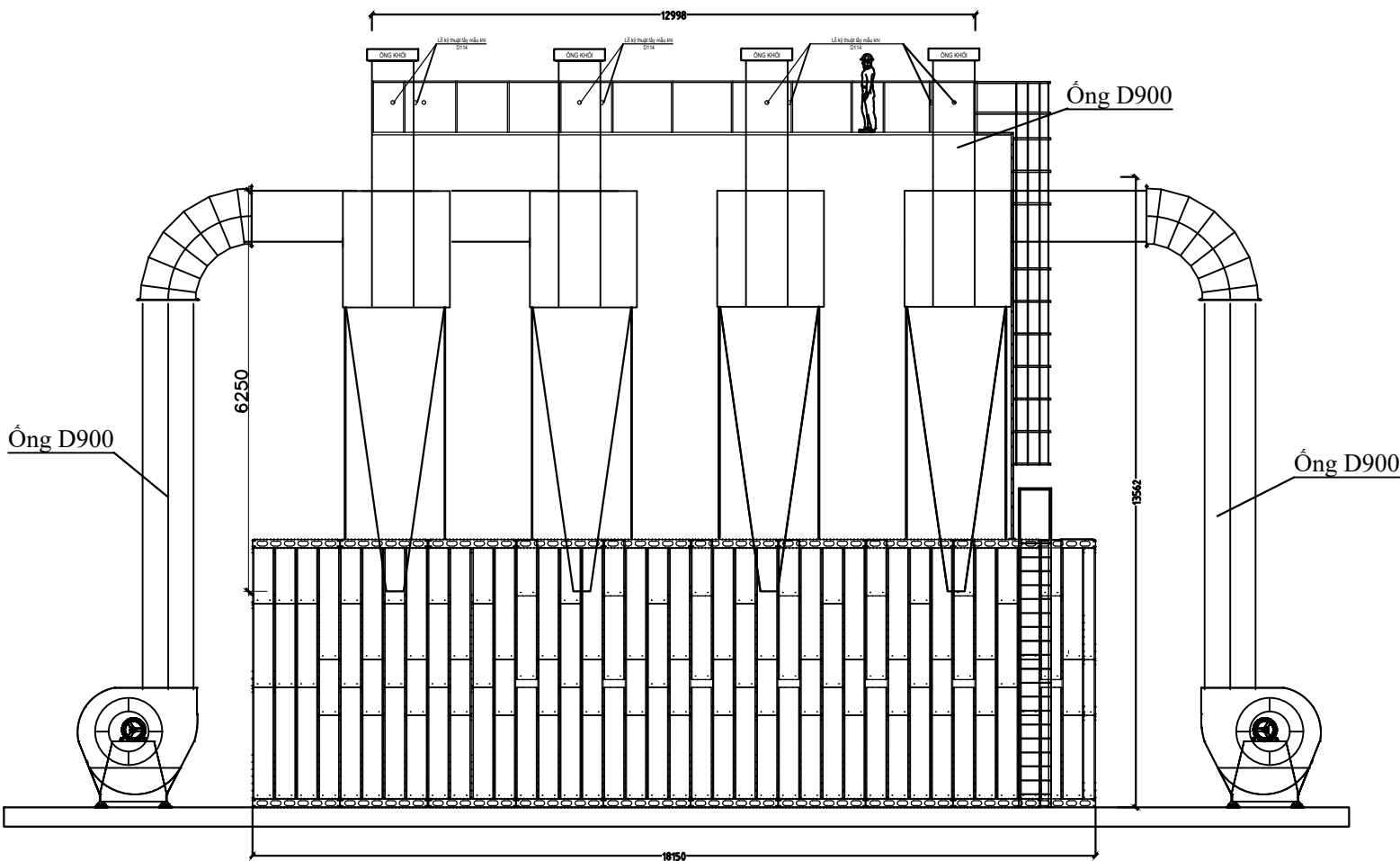
PHÁT HÀNH 44

GHI CHÚ:



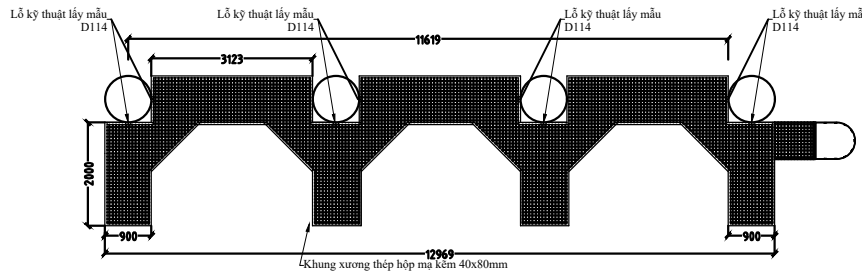
MẶT BẰNG CYCLON

旋风式平面图



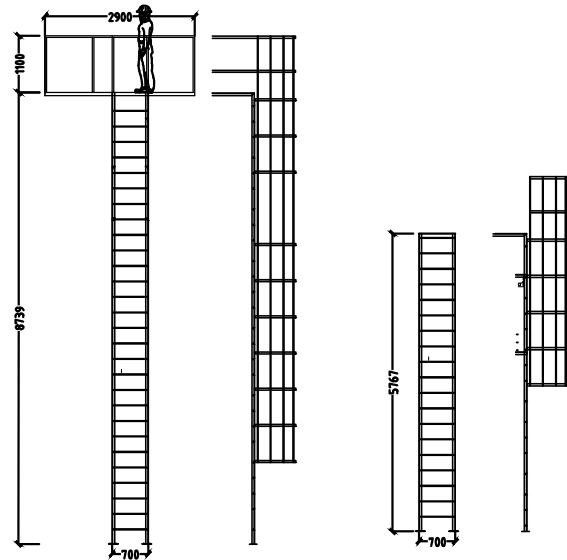
MẶT ĐỨNG CYCLON

旋风立面



Mặt bằng sân thang kỹ thuật

技术电梯楼层平面图



MẶT ĐỨNG THANG

楼梯立面图

CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY TNHH
TỦ BẾP BLOOM

Địa chỉ: Lô H3, Đường Đ4, Khu Công Nghiệp Minh
III, Phường Minh Hưng, Thành phố Đồng Nai,

GIÁM ĐỐC:

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG
& XÂY DỰNG VIỆT XANH

Địa chỉ: 37, đường DX040, tổ 23, khu 5
P. Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh

GIÁM ĐỐC:

HOÀNG THỊ HIẾU

QUẢN LÝ KỸ THUẬT:
KS. NGUYỄN HẠNH

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ :

KTS. KIM HOÀNG

THIẾT KẾ - VẼ:

KTS. NGUYỄN ĐOÀN

TÊN CÔNG TRÌNH:

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI

ĐỊA ĐIỂM:

Địa chỉ: Lô H3, Đường Đ4, Khu Công Nghiệp Minh
III, Phường Minh Hưng, Thành phố Đồng Nai,

HẠNG MỤC:

CYCLON KT7

TÊN BẢN VẼ:

CHI TIẾT THANG KỸ THUẬT

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH:

THIẾT KẾ SƠ PHÁC ☐ THAM KHẢO ☐
THIẾT KẾ SƠ BỘ ☐ THI CÔNG ☐
XIN PHÉP ☐ HOÀN CÔNG ☒

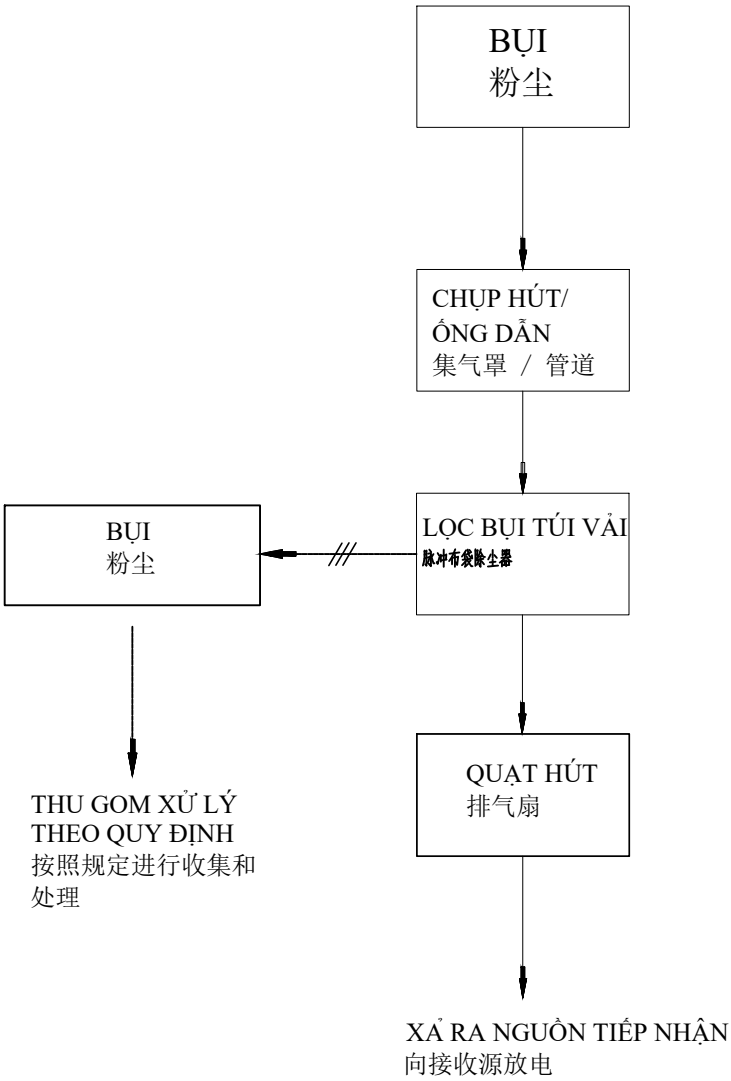
KÝ HIỆU BẢN VẼ:

MÃ SỐ HS SỐ BẢN VẼ

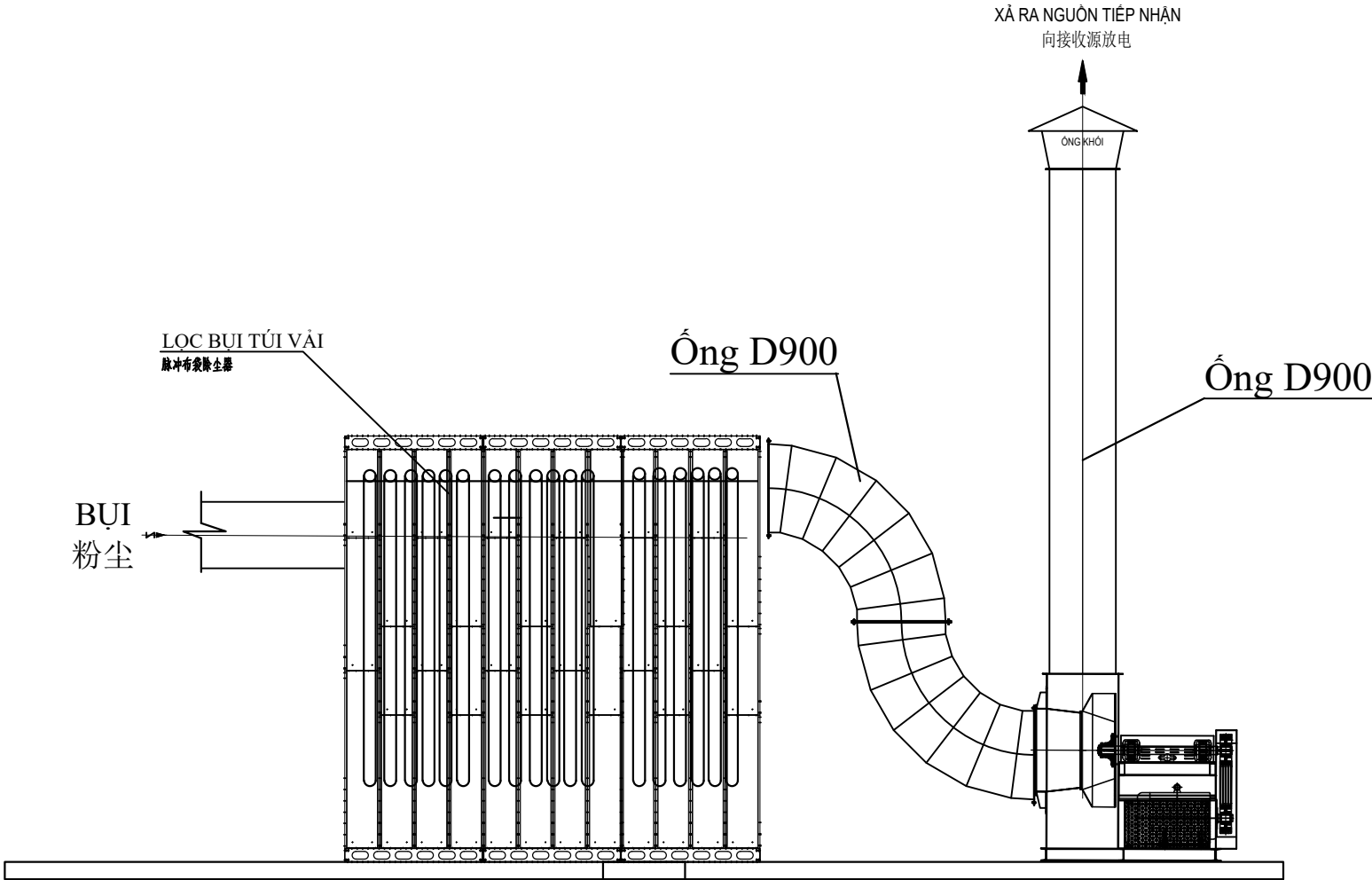
TỈ LỆ /

PHÁT HÀNH

GHI CHÚ:



SƠ ĐỒ KHỐI
框图



SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ
技术图

CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY TNHH
TỬ BẾP BLOOM

Địa chỉ: Lô H3, Đường Đ4, Khu Công Nghiệp Minh
III, Phường Minh Hưng, Thành phố Đồng Nai,

GIÁM ĐỐC:

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG
& XÂY DỰNG VIỆT XANH

Địa chỉ: 37, đường DX040, tổ 23, khu 5
P. Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh

GIÁM ĐỐC:

HOÀNG THỊ HIẾU

QUẢN LÝ KỸ THUẬT:

KS. NGUYỄN HẠNH

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ :

KTS. KIM HOÀNG

THIẾT KẾ - VẼ:

KTS. NGUYỄN ĐOÀN

TÊN CÔNG TRÌNH:

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI

ĐỊA ĐIỂM:

Địa chỉ: Lô H3, Đường Đ4, Khu Công Nghiệp Minh
III, Phường Minh Hưng, Thành phố Đồng Nai,

HẠNG MỤC:

LỌC BỤI TÚI VẢI KT5
BỤI SƠN UV1 +UV3

TÊN BẢN VẼ:

SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ

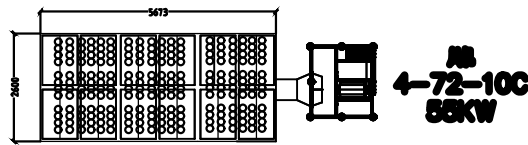
MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH:

THIẾT KẾ SƠ PHÁC ☐ THAM KHẢO ☐
THIẾT KẾ SƠ BỘ ☐ THI CÔNG ☐
XIN PHÉP ☐ HOÀN CÔNG ☒

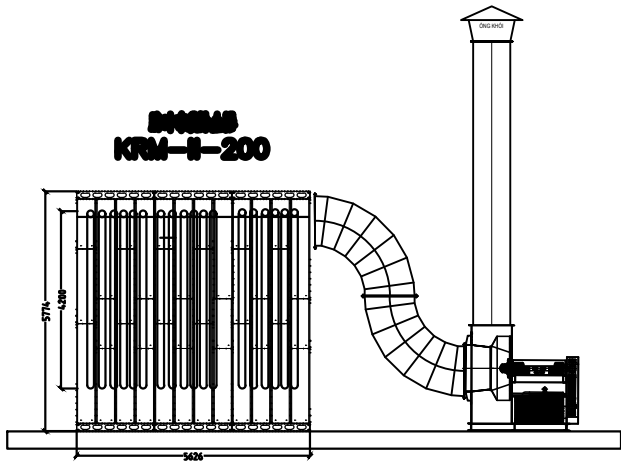
KÝ HIỆU BẢN VẼ:

MÃ SỐ HS	/...../.....	SỐ BẢN VẼ
TỈ LỆ	/	(TK:23) 44
PHÁT HÀNH		

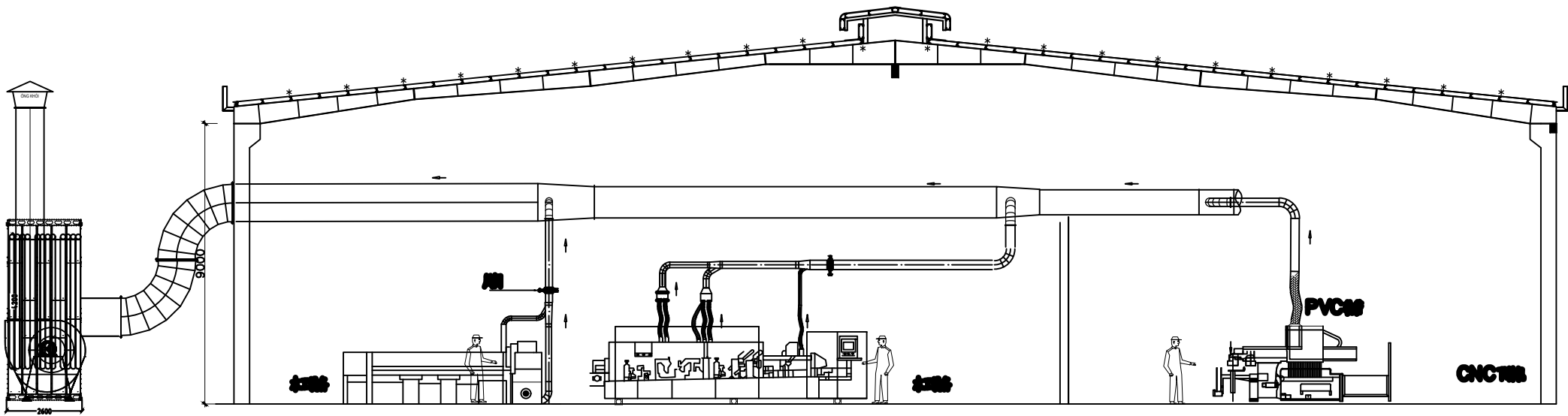
GHI CHÚ:



MẶT BẰNG THIẾT BỊ
设备布局



MẶT ĐÚNG THIẾT BỊ
设备正面图



MẶT ĐÚNG THU GOM KHÍ THẢI ĐIỂN HÌNH
典型排放收集立面

STT	KY HIỆU 象征	TÊN CHI TIẾT 详细信息名称	Công suất功 率 (HP马力)	Công suất能力 (m3/giờ小时)	ĐƠN VỊ 单元	SỐ LƯỢNG 数量	Tổng công suất总处 理能力 (m3/giờ小时)
01	KT5	Hệ thống thu bụi túi vải 脉冲布袋除尘器		50.533	Bộ 集	01	50.533
02	KT5	Quạt hút ly tâm 离心式排气扇	55kw 55千瓦	50.533	Bộ 集	01	50.533
03	KT5	Túi vải DxH=155x4.200mm 布袋（直径x高）=155x4200毫米			Bộ 集	216	

CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY TNHH
TỦ BẾP BLOOM

Địa chỉ: Lô H3, Đường Đ4, Khu Công Nghiệp Minh
III, Phường Minh Hưng, Thành phố Đồng Nai,

GIÁM ĐỐC:

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG
& XÂY DỰNG VIỆT XANH

Địa chỉ: 37, đường DX040, tổ 23, khu 5
P. Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh

GIÁM ĐỐC:

HOÀNG THỊ HIẾU

QUẢN LÝ KỸ THUẬT:
KS. NGUYỄN HẠNH

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ :

KTS. KIM HOÀNG

THIẾT KẾ - VẼ:

KTS. NGUYỄN ĐOÀN

TÊN CÔNG TRÌNH:

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI

ĐỊA ĐIỂM:

Địa chỉ: Lô H3, Đường Đ4, Khu Công Nghiệp Minh
III, Phường Minh Hưng, Thành phố Đồng Nai,

HẠNG MỤC:

LỌC BỤI TÚI VẢI KT5
BỤI SƠN UV1 +UV3

TÊN BẢN VẼ:

CHI TIẾT LỌC BỤI TÚI VẢI

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH:

THIẾT KẾ SƠ PHÁC ☐ THAM KHẢO ☐
THIẾT KẾ SƠ BỘ ☐ THI CÔNG ☐
XIN PHÉP ☐ HOÀN CÔNG ☒

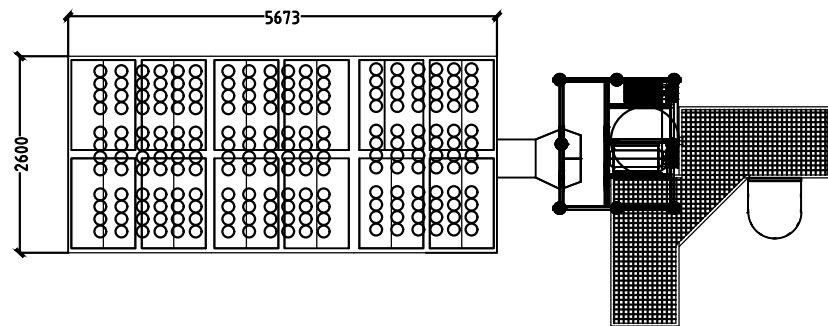
KÝ HIỆU BẢN VẼ:

MÃ SỐ HS/...../..... SỐ BẢN VẼ

TỈ LỆ /

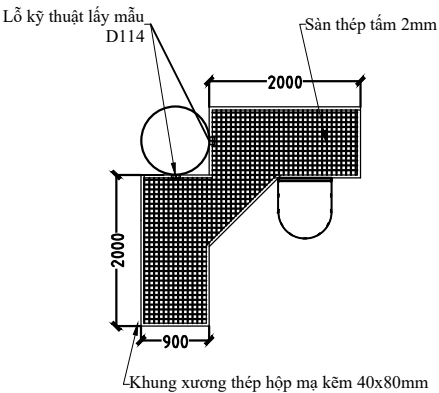
PHÁT HÀNH

GHI CHÚ:



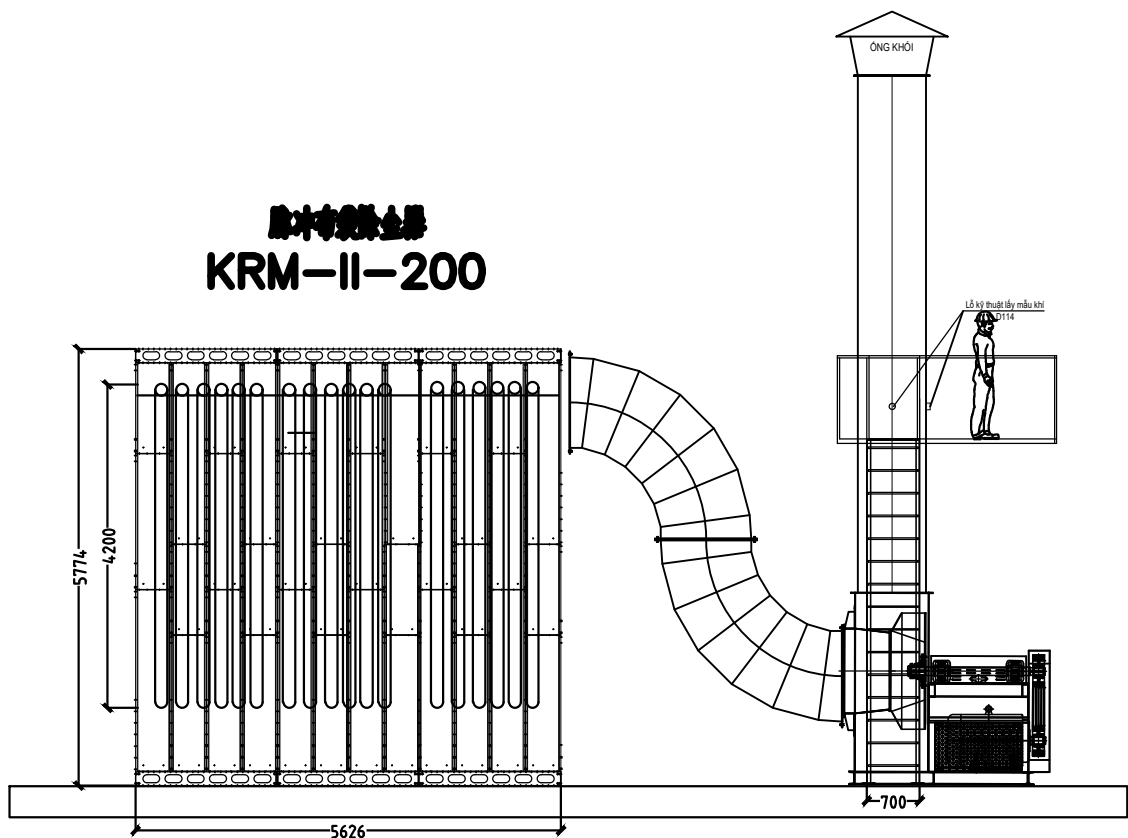
MẶT BẰNG THIẾT BỊ

设备布局



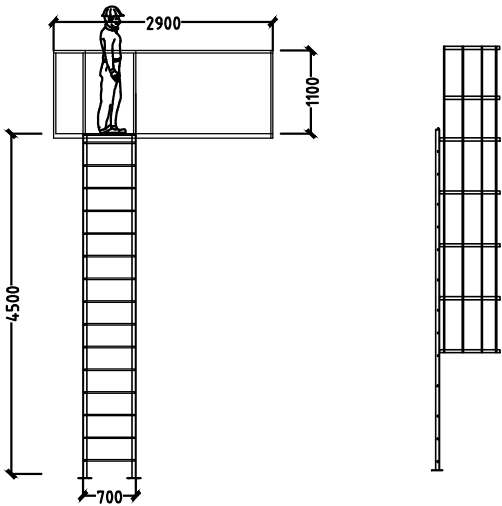
Mặt bằng sàn thang kỹ thuật

技术电梯楼层平面图



MẶT ĐỨNG THIẾT BỊ

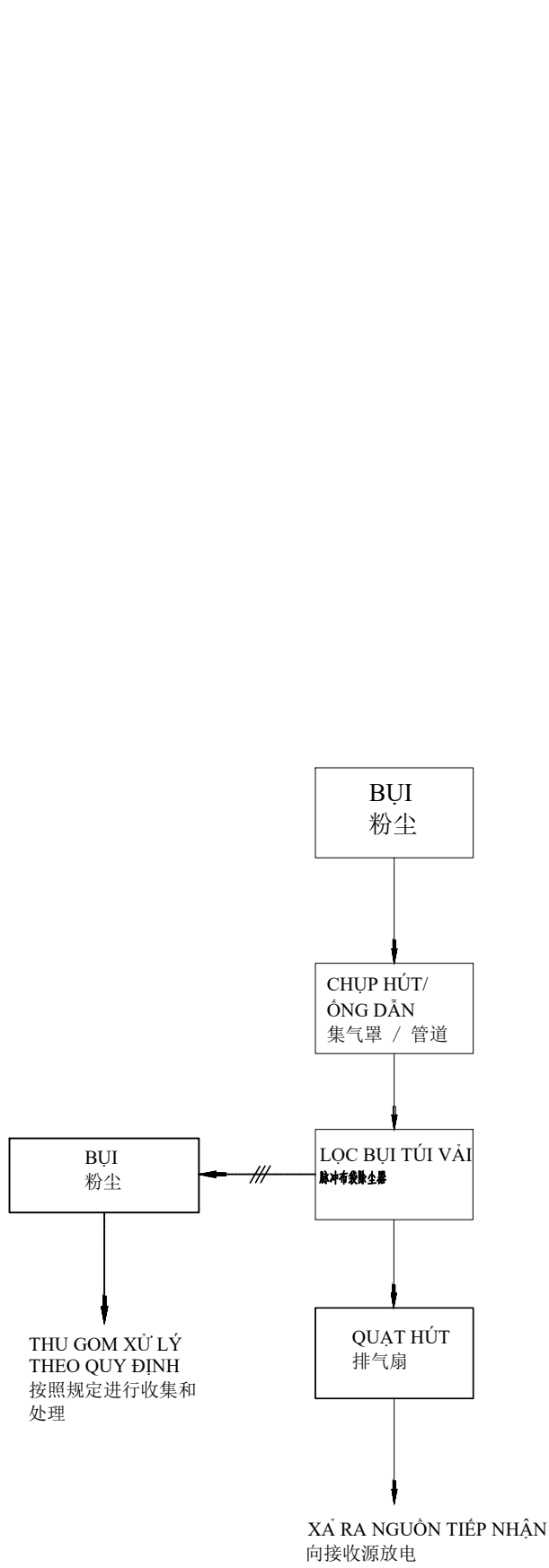
设备正面图



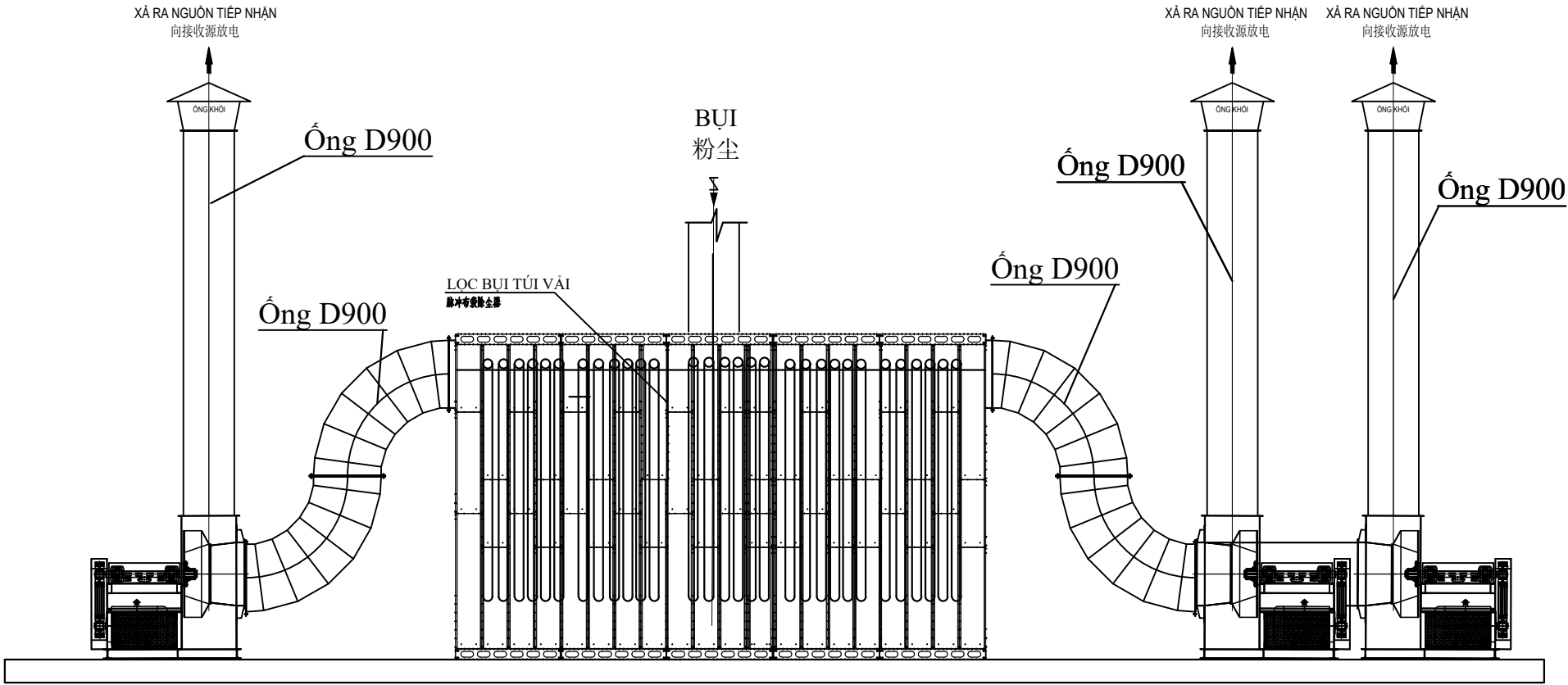
MẶT ĐỨNG THANG

楼梯立面图

CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH TỦ BẾP BLOOM Địa chỉ: Lô H3, Đường Đ4, Khu Công Nghiệp Minh III, Phường Minh Hưng, Thành phố Đồng Nai,			
GIÁM ĐỐC:			
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG & XÂY DỰNG VIỆT XANH Địa chỉ: 37, đường DX040, tổ 23, khu 5 P. Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh			
GIÁM ĐỐC: HOÀNG THỊ HIẾU			
QUẢN LÝ KỸ THUẬT: KS. NGUYỄN HẠNH			
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ : KTS. KIM HOÀNG			
THIẾT KẾ - VẼ: KTS. NGUYỄN ĐOÀN			
TÊN CÔNG TRÌNH: HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI			
ĐỊA ĐIỂM: Địa chỉ: Lô H3, Đường Đ4, Khu Công Nghiệp Minh III, Phường Minh Hưng, Thành phố Đồng Nai,			
HẠNG MỤC: LỌC BỤI TÚI VẢI KT5 BỤI SƠN UV1 +UV3			
TÊN BẢN VẼ: CHI TIẾT THANG KỸ THUẬT			
MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH: THIẾT KẾ SƠ PHÁC ☐ THAM KHẢO ☐ THIẾT KẾ SƠ BỘ ☐ THI CÔNG ☐ XIN PHÉP ☐ HOÀN CÔNG ☒			
KÝ HIỆU BẢN VẼ:			
MÃ SỐ HS /...../.....			SỐ BẢN VẼ TK25 (44)
TỈ LỆ /			
PHÁT HÀNH			
GHI CHÚ:			



SƠ ĐỒ KHỐI
框图



SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ
技术图

CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY TNHH
TỬ BẾP BLOOM

Địa chỉ: Lô H3, Đường Đ4, Khu Công Nghiệp Minh
III, Phường Minh Hưng, Thành phố Đồng Nai,

GIÁM ĐỐC:

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG
& XÂY DỰNG VIỆT XANH

Địa chỉ: 37, đường DX040, tổ 23, khu 5
P. Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh

GIÁM ĐỐC:

HOÀNG THỊ HIẾU

QUẢN LÝ KỸ THUẬT:
KS. NGUYỄN HẠNH

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ :

KTS. KIM HOÀNG

THIẾT KẾ - VẼ:

KTS. NGUYỄN ĐOÀN

TÊN CÔNG TRÌNH:

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI

ĐỊA ĐIỂM:

Địa chỉ: Lô H3, Đường Đ4, Khu Công Nghiệp Minh
III, Phường Minh Hưng, Thành phố Đồng Nai,

HẠNG MỤC:

LỌC BỤI TÚI VẢI KT10

TÊN BẢN VẼ:

SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH:

THIẾT KẾ SƠ PHÁC ☐ THAM KHẢO ☐
THIẾT KẾ SƠ BỘ ☐ THI CÔNG ☐
XIN PHÉP ☐ HOÀN CÔNG ☒

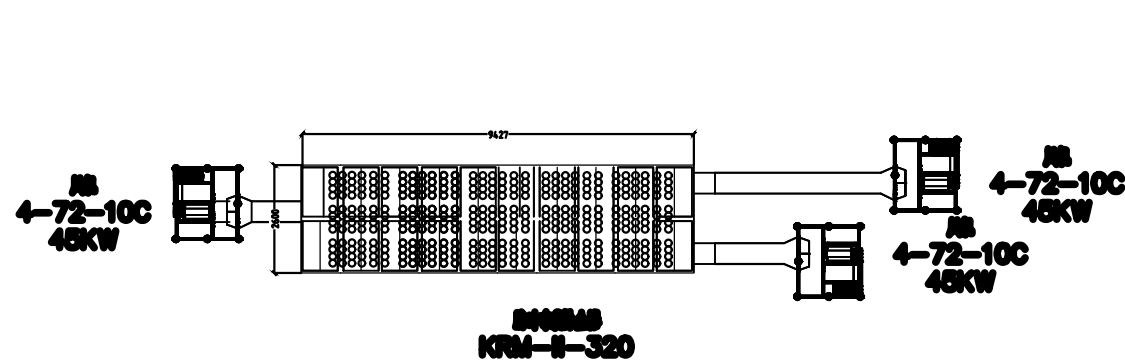
KÝ HIỆU BẢN VẼ:

MÃ SỐ HS/...../..... SỐ BẢN VẼ

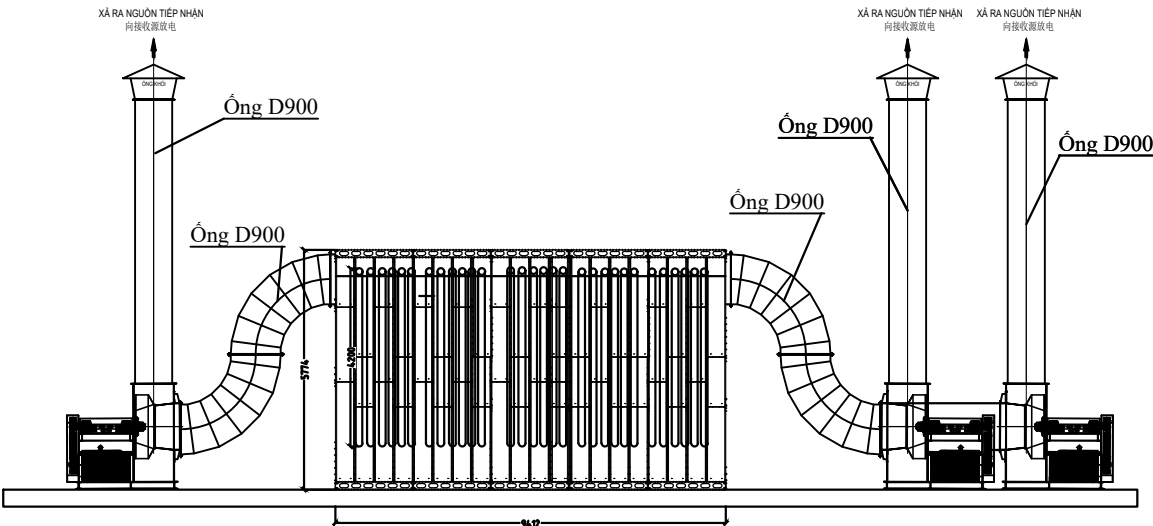
TỈ LỆ /

PHÁT HÀNH

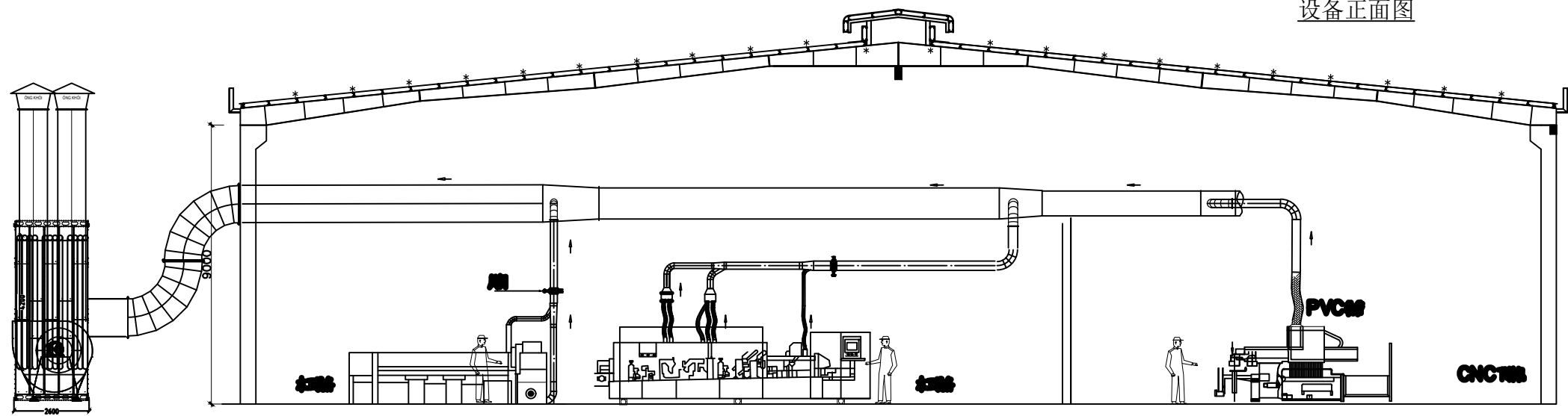
GHI CHÚ:



MẶT BẰNG THIẾT BỊ
设备布局



MẶT ĐỨNG THIẾT BỊ
设备正面图



MẶT ĐỨNG THU GOM KHÍ THẢI ĐIỂN HÌNH
典型排放收集立面

STT	KÝ HIỆU 象征	TÊN CHI TIẾT 详细信息名称	Công suất功 率 (HP马力)	Công suất能力 (m3/giờ小时)	ĐƠN VỊ 单元	SỐ LƯỢNG 数量	Tổng công suất总处 理能力 (m3/giờ小时)
01	KT10	Hệ thống thu bụi túi vải 脉冲布袋除尘器		145.000	Bộ 集	01	145.000
02	KT10	Quạt hút ly tâm 离心式排气扇	45kw 45千瓦	48.333	Bộ 集	03	145.000
03	KT10	Túi vải DxH=155x4.200mm 布袋（直径x高）=155x4200毫米			Bộ 集	360	

CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY TNHH
TỬ BẾP BLOOM

Địa chỉ: Lô H3, Đường Đ4, Khu Công Nghiệp Minh
III, Phường Minh Hưng, Thành phố Đồng Nai,

GIÁM ĐỐC:

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG
& XÂY DỰNG VIỆT XANH

Địa chỉ: 37, đường DX040, tổ 23, khu 5
P. Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh

GIÁM ĐỐC:

HOÀNG THỊ HIẾU

QUẢN LÝ KỸ THUẬT:
KS. NGUYỄN HẠNH

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ :

KTS. KIM HOÀNG

THIẾT KẾ - VẼ:

KTS. NGUYỄN ĐOÀN

TÊN CÔNG TRÌNH:

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI

ĐỊA ĐIỂM:

Địa chỉ: Lô H3, Đường Đ4, Khu Công Nghiệp Minh
III, Phường Minh Hưng, Thành phố Đồng Nai,

HẠNG MỤC:

LỌC BỤI TÚI VẢI KT10

TÊN BẢN VẼ:

CHI TIẾT LỌC BỤI TÚI VẢI

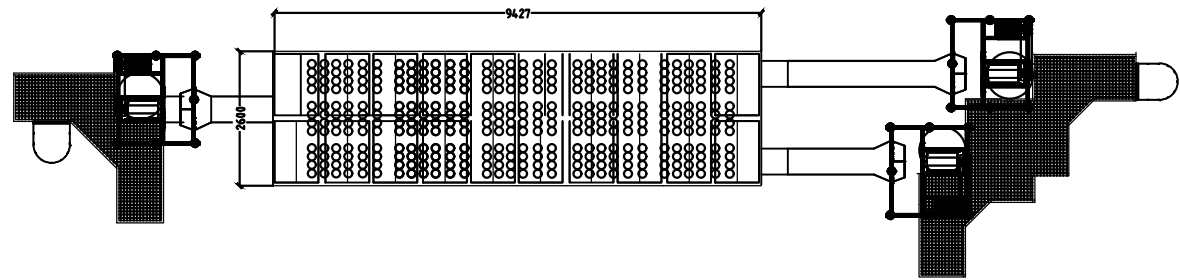
MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH:

THIẾT KẾ SƠ PHÁC ☐ THAM KHẢO ☐
THIẾT KẾ SƠ BỘ ☐ THI CÔNG ☐
XIN PHÉP ☐ HOÀN CÔNG ☒

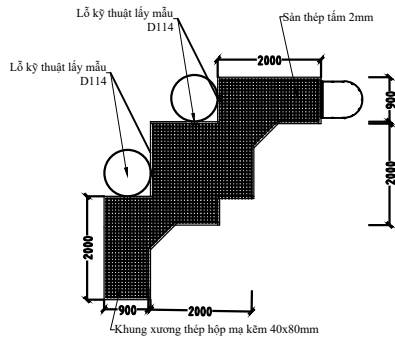
KÝ HIỆU BẢN VẼ:

MÃ SỐ HS	/...../.....	SỐ BẢN VẼ
TỈ LỆ	/	(TK:27) 44
PHÁT HÀNH		

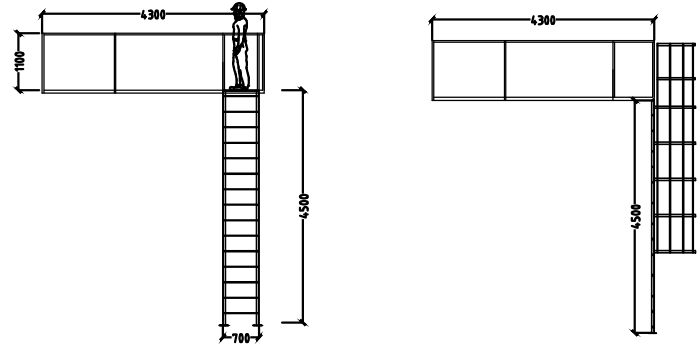
GHI CHÚ:



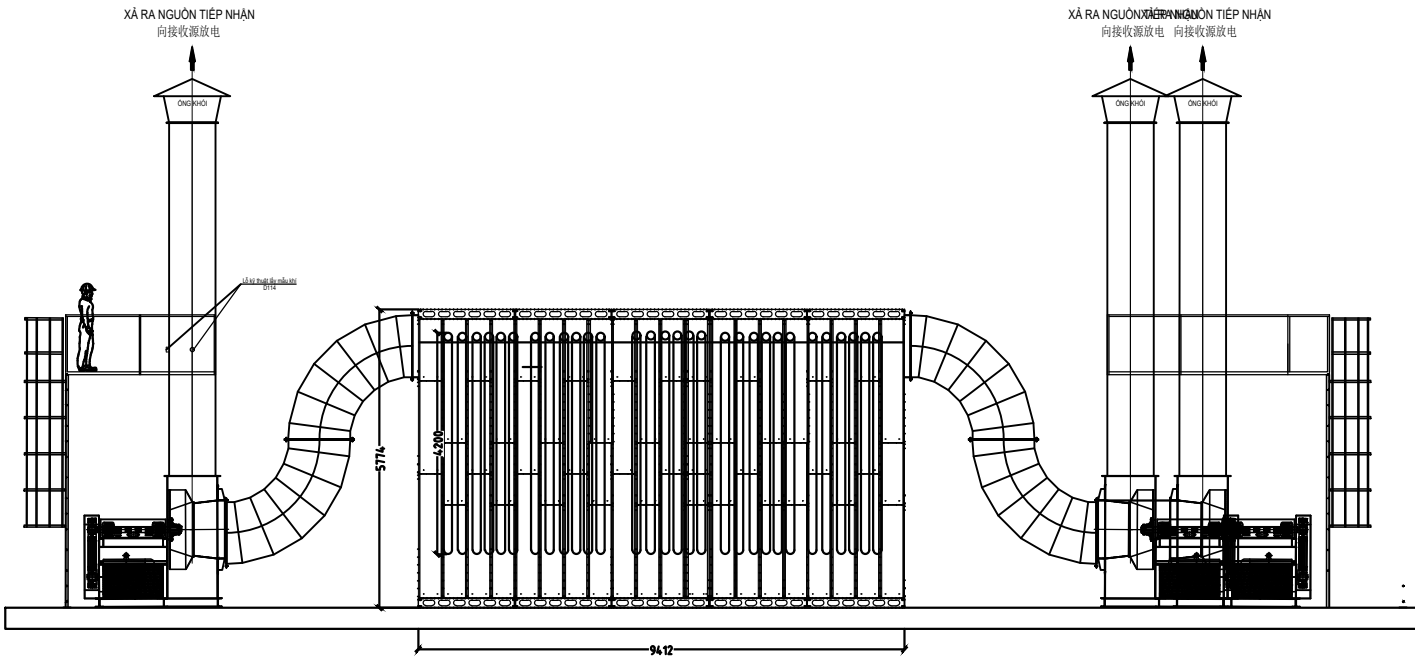
MẶT BẰNG THIẾT BỊ
设备布局



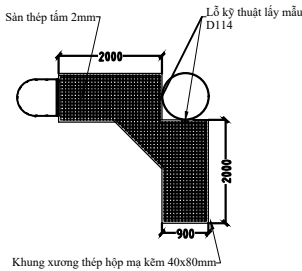
Mặt bằng sàn thang kỹ thuật 2 ống khói
技术电梯的平面图，带两个烟囱



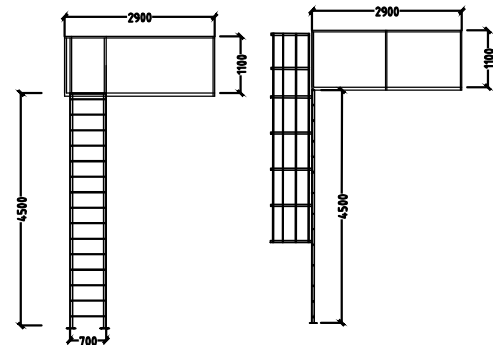
Mặt đứng thang kỹ thuật 2 ống khói
从电梯看到的带有两个烟囱的技术楼梯



MẶT ĐỨNG THIẾT BỊ
设备正面图



Mặt bằng sàn thang kỹ thuật 1 ống khói
技术电梯的平面图，带1个烟囱



Mặt đứng thang kỹ thuật 1 ống khói
从电梯看到的带有 1 个烟囱的技术楼梯。

CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY TNHH
TỦ BẾP BLOOM

Địa chỉ: Lô H3, Đường Đ4, Khu Công Nghiệp Minh
III, Phường Minh Hưng, Thành phố Đồng Nai,

GIÁM ĐỐC:

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG
& XÂY DỰNG VIỆT XANH

Địa chỉ: 37, đường DX040, tổ 23, khu 5
P. Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh

GIÁM ĐỐC:

HOÀNG THỊ HIẾU

QUẢN LÝ KỸ THUẬT:
KS. NGUYỄN HẠNH

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ :

KTS. KIM HOÀNG

THIẾT KẾ - VẼ:

KTS. NGUYỄN ĐOÀN

TÊN CÔNG TRÌNH:

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI

ĐỊA ĐIỂM:

Địa chỉ: Lô H3, Đường Đ4, Khu Công Nghiệp Minh
III, Phường Minh Hưng, Thành phố Đồng Nai,

HẠNG MỤC:

LỌC BỤI TÚI VẢI KT10

TÊN BẢN VẼ:

CHI TIẾT THANG KỸ THUẬT

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH:

THIẾT KẾ SƠ PHÁC ☐ THAM KHẢO ☐
THIẾT KẾ SƠ BỘ ☐ THI CÔNG ☐
XIN PHÉP ☐ HOÀN CÔNG ☒

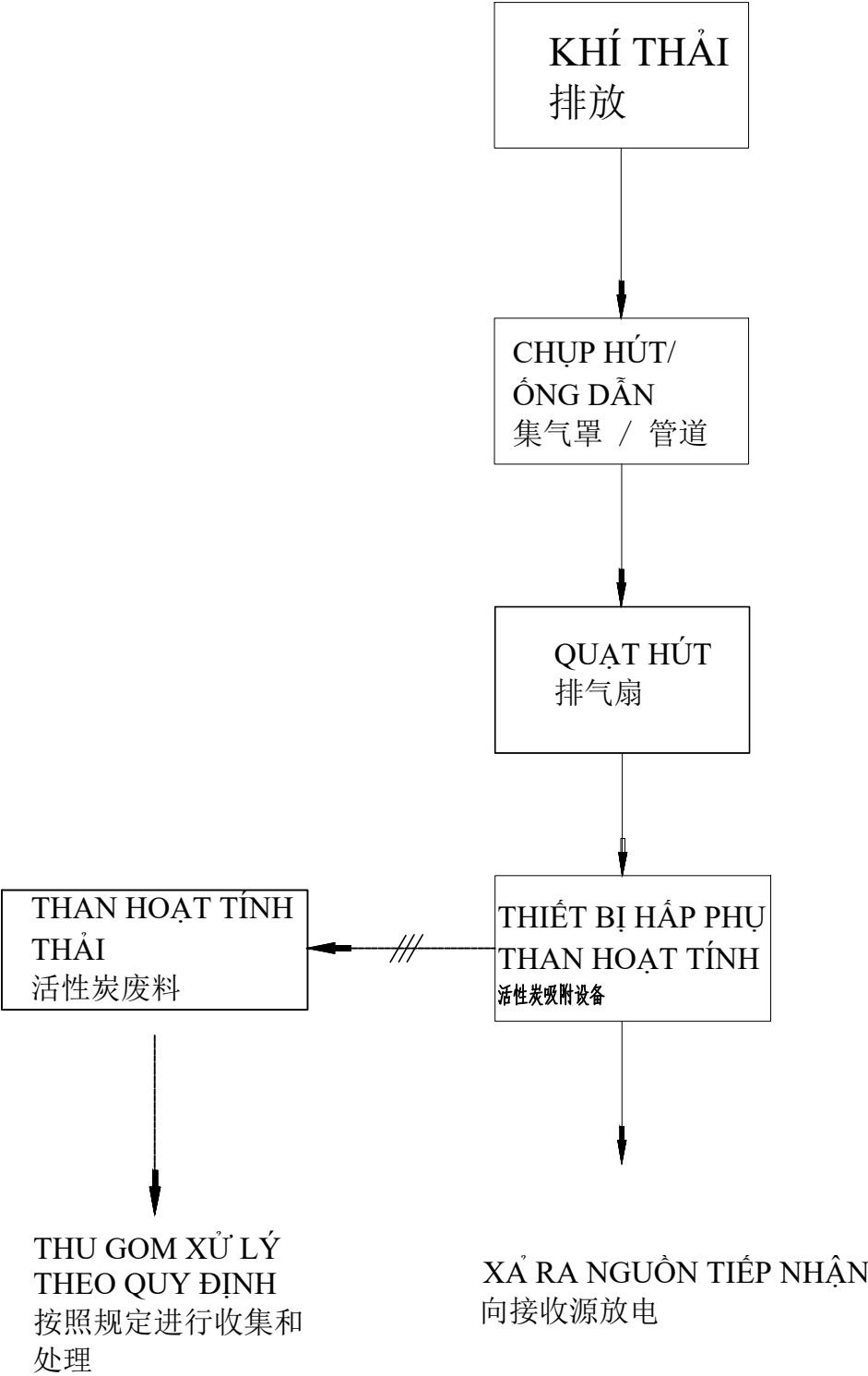
KÝ HIỆU BẢN VẼ:

MÃ SỐ HS/...../..... SÓ BẢN VẼ

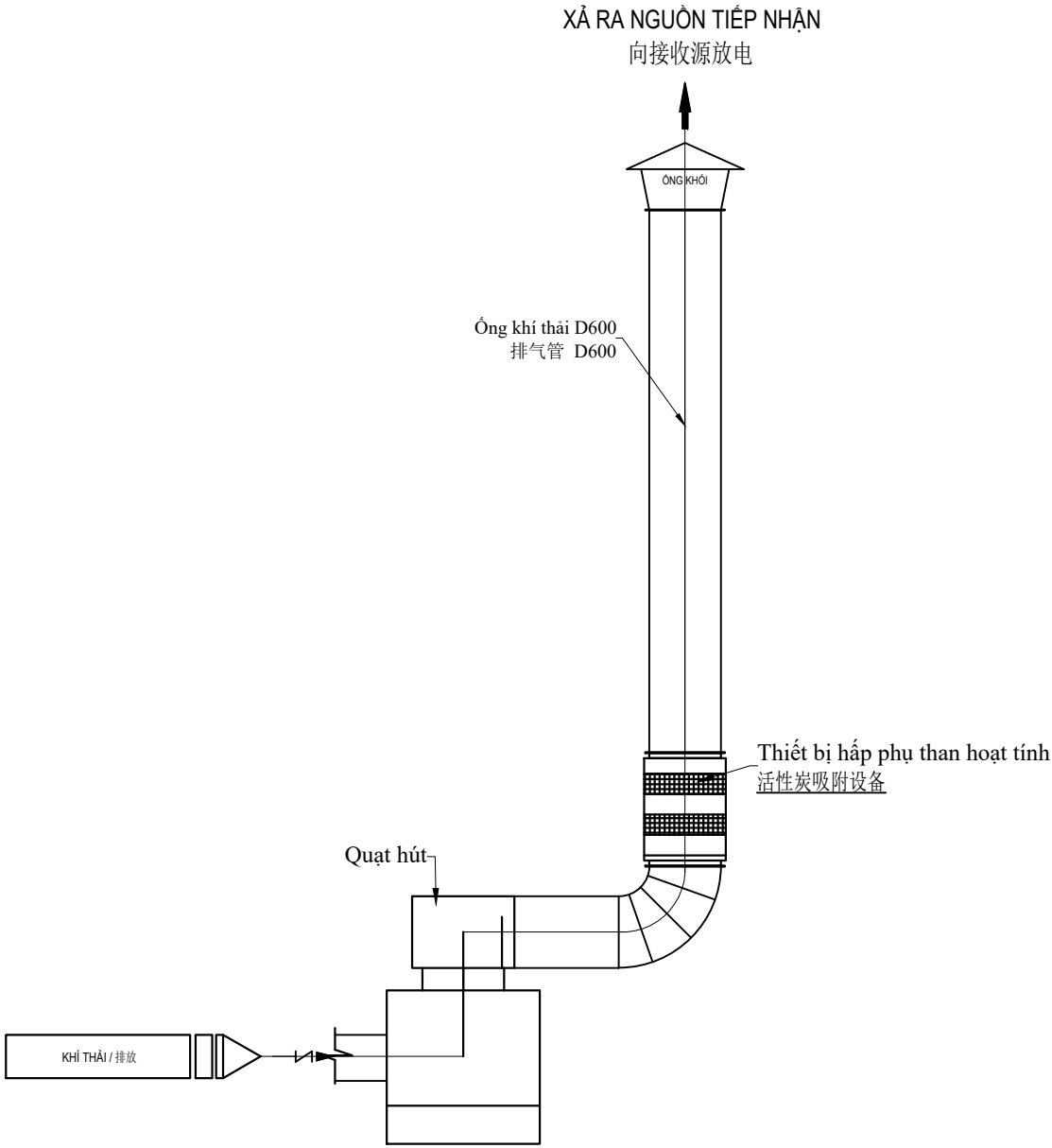
TỈ LỆ / (TK:28)

PHÁT HÀNH 44

GHI CHÚ:

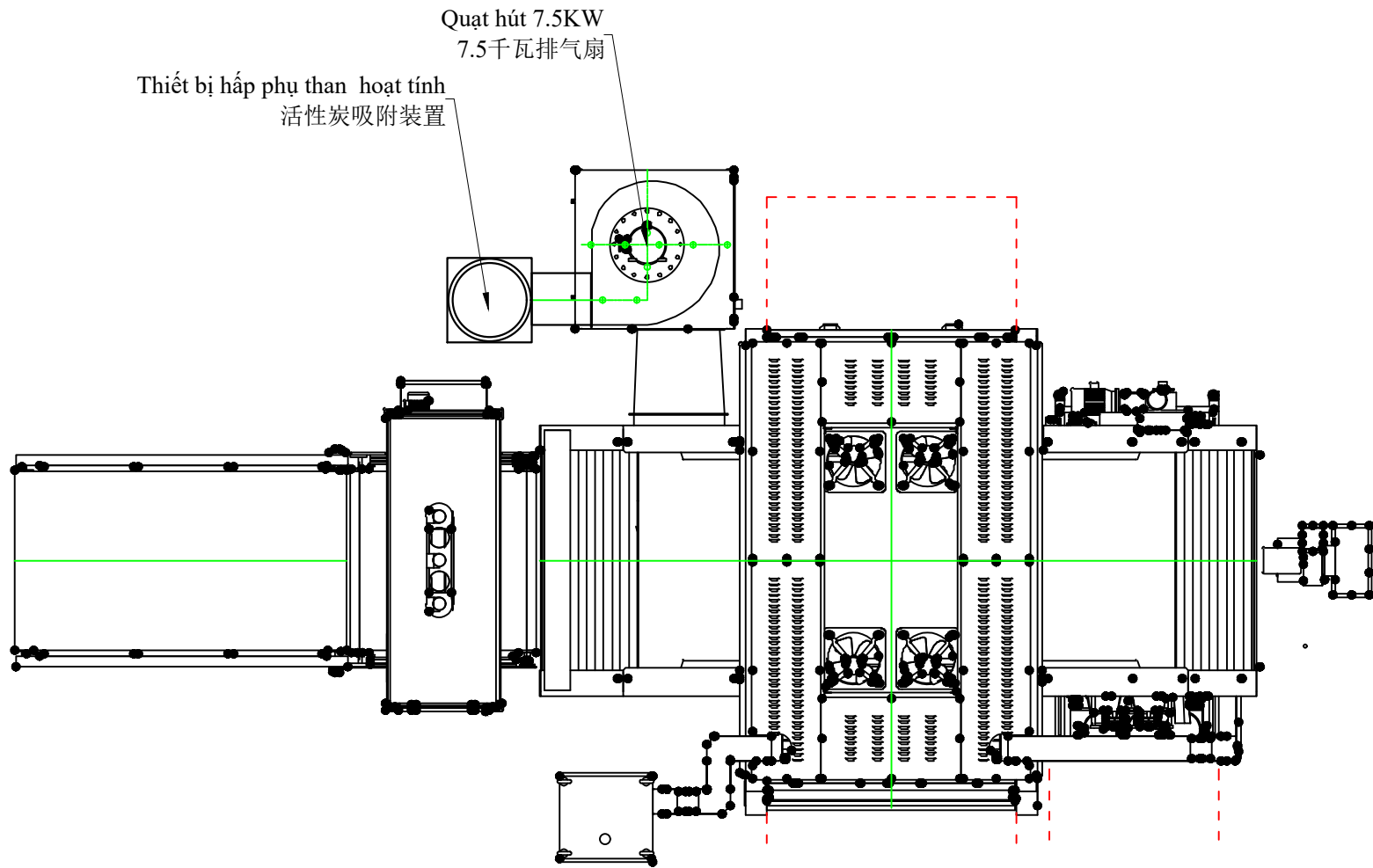


SƠ ĐỒ KHỐI
框图

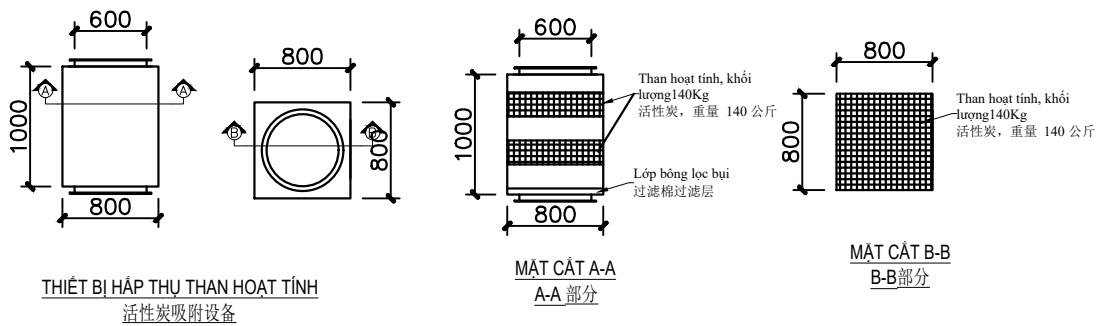


SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ
技术图

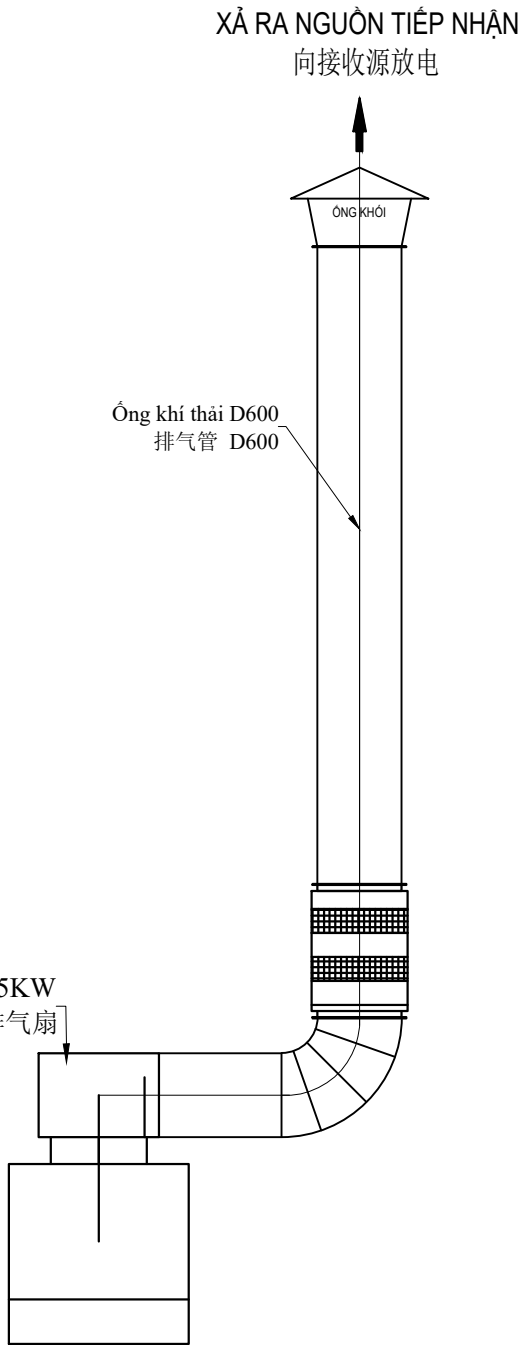
CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH TỬ BẾP BLOOM		
Địa chỉ: Lô H3, Đường Đ4, Khu Công Nghiệp Minh III, Phường Minh Hưng, Thành phố Đồng Nai,		
GIÁM ĐỐC:		
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG & XÂY DỰNG VIỆT XANH		
Địa chỉ: 37, đường DX040, tổ 23, khu 5 P. Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh		
GIÁM ĐỐC: HOÀNG THỊ HIẾU		
QUẢN LÝ KỸ THUẬT: KS. NGUYỄN HẠNH		
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ : KTS. KIM HOÀNG		
THIẾT KẾ - VẼ: KTS. NGUYỄN ĐOÀN		
TÊN CÔNG TRÌNH: HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI		
ĐỊA ĐIỂM: Địa chỉ: Lô H3, Đường Đ4, Khu Công Nghiệp Minh III, Phường Minh Hưng, Thành phố Đồng Nai,		
HẠNG MỤC: THÁP HẤP PHỤ THAN HOẠT TÍNH CHUYÊN SƠN UV: KT13		
TÊN BẢN VẼ: SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ		
MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH: THIẾT KẾ SƠ PHÁC ☐ THAM KHẢO ☐ THIẾT KẾ SƠ BỘ ☐ THI CÔNG ☐ XIN PHÉP ☐ HOÀN CÔNG ☒		
KÝ HIỆU BẢN VẼ:		
MÃ SỐ HS /...../.....	SỐ BẢN VẼ	
TỈ LỆ /	TK:29 44	
PHÁT HÀNH		
GHI CHÚ:		



MẶT BẰNG THIẾT BỊ
设备布局



STT	KY HIỆU 象征	TÊN CHI TIẾT 详细信息名称	Công suất 功率 (HP/马力)	Công suất 能力 (m3/giờ/小时)	ĐƠN VỊ 单元	SỐ LƯỢNG 数量	Tổng công suất 总处理能力 (m3/giờ/小时)
01	KT13	Hệ thống hấp phụ than hoạt tính chuyên phun sơn UV(sửa màu), 03 buồng phun sơn 活性炭吸附喷涂系统 紫外线（色彩校正），3个喷漆房		10.000	Bộ 集	03	30.000
02	KT13	Quạt hút ly tâm 离心式排气扇	7.5kw 7.5千瓦	10.000	Bộ 集	03	30.000



CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY TNHH
TỬ BẾP BLOOM

Địa chỉ: Lô H3, Đường Đ4, Khu Công Nghiệp Minh
III, Phường Minh Hưng, Thành phố Đồng Nai,

GIÁM ĐỐC:

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG
& XÂY DỰNG VIỆT XANH

Địa chỉ: 37, đường DX040, tổ 23, khu 5
P. Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh

GIÁM ĐỐC:

HOÀNG THỊ HIẾU

QUẢN LÝ KỸ THUẬT:
KS. NGUYỄN HẠNH

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ :

KTS. KIM HOÀNG

THIẾT KẾ - VẼ:

KTS. NGUYỄN ĐOÀN

TÊN CÔNG TRÌNH:

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI

ĐỊA ĐIỂM:

Địa chỉ: Lô H3, Đường Đ4, Khu Công Nghiệp Minh
III, Phường Minh Hưng, Thành phố Đồng Nai,

HẠNG MỤC:

THÁP HẤP PHỤ THAN HOẠT
TÍNH CHUYÊN SƠN UV: KT13

TÊN BẢN VẼ:

CHI TIẾT THÁP HẤP PHỤ

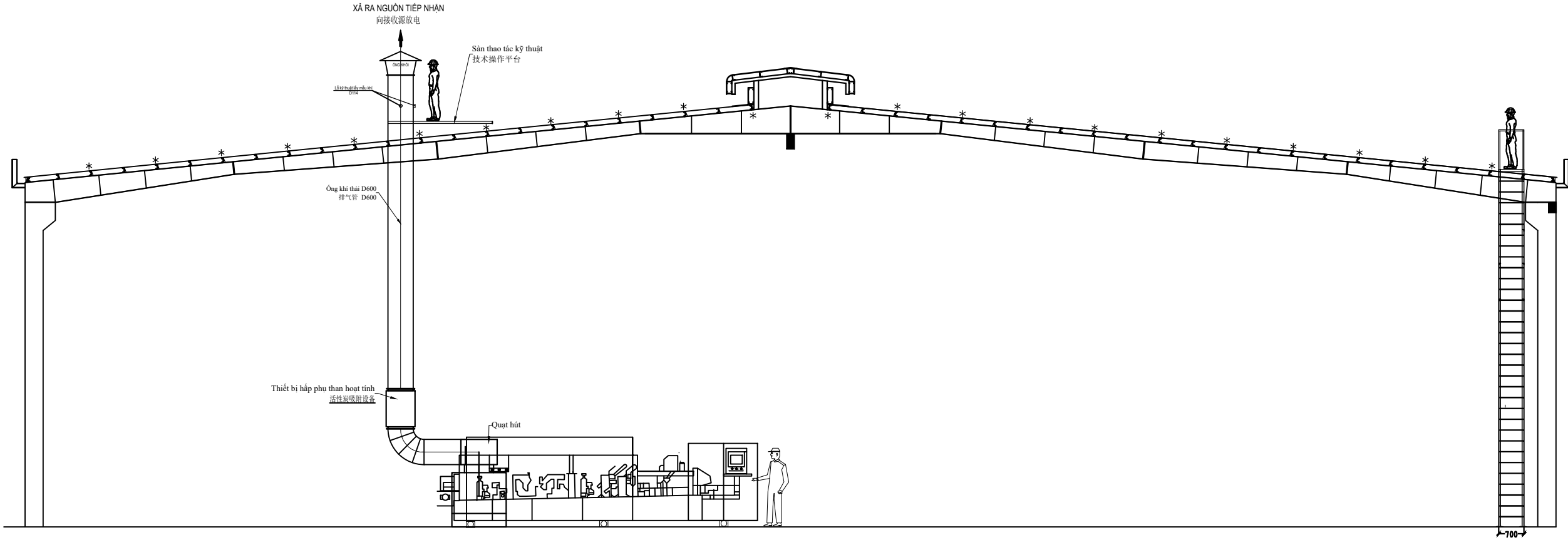
MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH:

THIẾT KẾ SƠ PHÁC ☐ THAM KHẢO ☐
THIẾT KẾ SƠ BỘ ☐ THI CÔNG ☐
XIN PHÉP ☐ HOÀN CÔNG ☒

KÝ HIỆU BẢN VẼ:

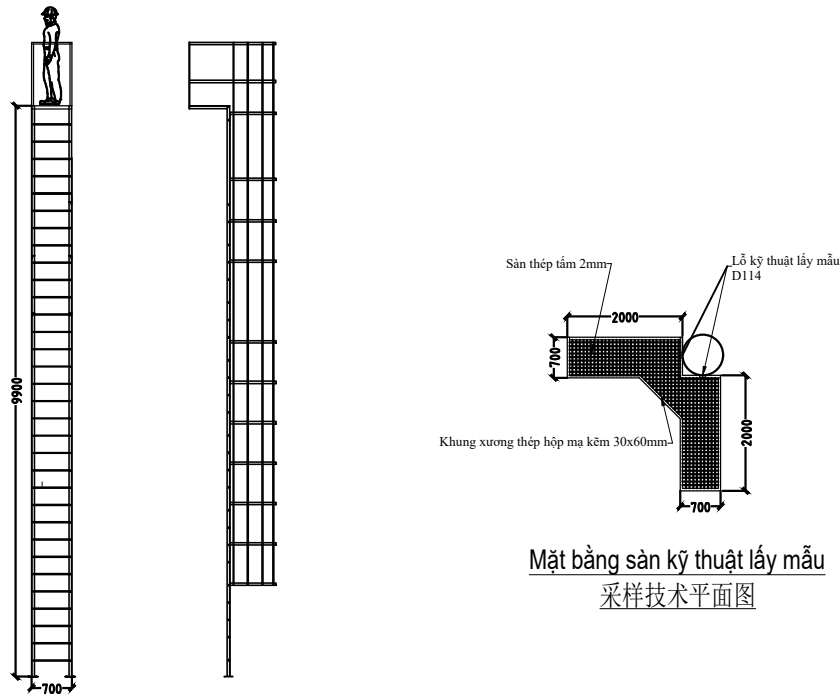
MÃ SỐ HS	/...../.....	SỐ BẢN VẼ
TỈ LỆ	/	TK:30 44
PHÁT HÀNH		

GHI CHÚ:



MẶT ĐỪNG THU GOM KHÍ THẢI ĐIỀN HÌNH

典型排放收集立面



Chi tiết thang lên mái xưởng

通往工厂屋顶的梯子细节。

Mặt bằng sàn kỹ thuật lấy mẫu

采样技术平面图

CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY TNHH
TỬ BẾP BLOOM

Địa chỉ: Lô H3, Đường Đ4, Khu Công Nghiệp Minh
III, Phường Minh Hưng, Thành phố Đồng Nai,

GIÁM ĐỐC:

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG
& XÂY DỰNG VIỆT XANH

Địa chỉ: 37, đường DX040, tổ 23, khu 5
P. Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh

GIÁM ĐỐC:

HOÀNG THỊ HIẾU

QUẢN LÝ KỸ THUẬT:
KS. NGUYỄN HẠNH

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ :

KTS. KIM HOÀNG

THIẾT KẾ - VẼ:

KTS. NGUYỄN ĐOÀN

TÊN CÔNG TRÌNH:

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI

ĐỊA ĐIỂM:

Địa chỉ: Lô H3, Đường Đ4, Khu Công Nghiệp Minh
III, Phường Minh Hưng, Thành phố Đồng Nai,

HẠNG MỤC:

THÁP HẤP PHỤ THAN HOẠT
TÍNH CHUYÊN SƠN UV: KT13

TÊN BẢN VẼ:

CHI TIẾT THANG KỸ THUẬT

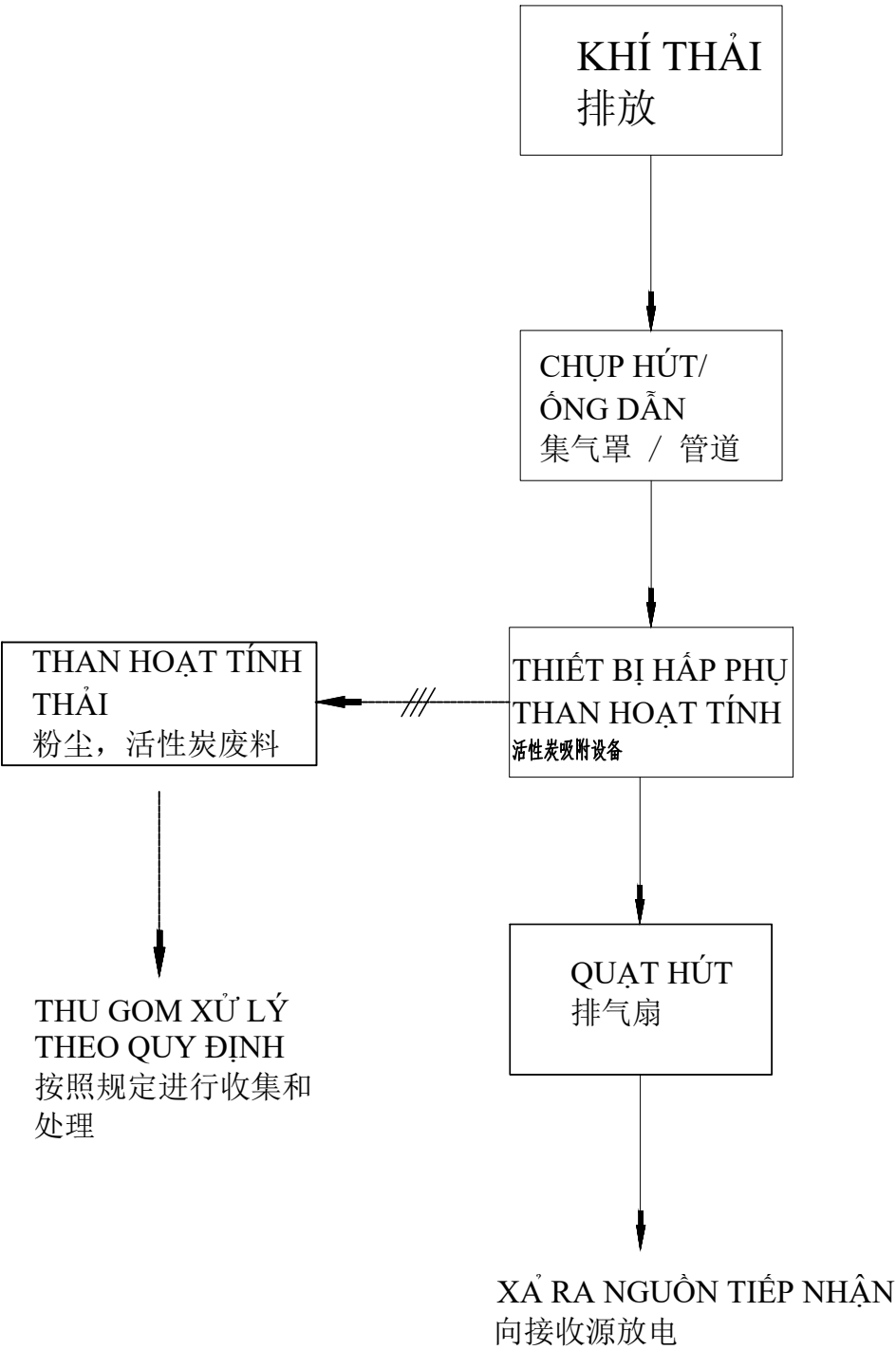
MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH:

THIẾT KẾ SƠ PHÁC ☐ THAM KHẢO ☐
THIẾT KẾ SƠ BỘ ☐ THI CÔNG ☐
XIN PHÉP ☐ HOÀN CÔNG ☒

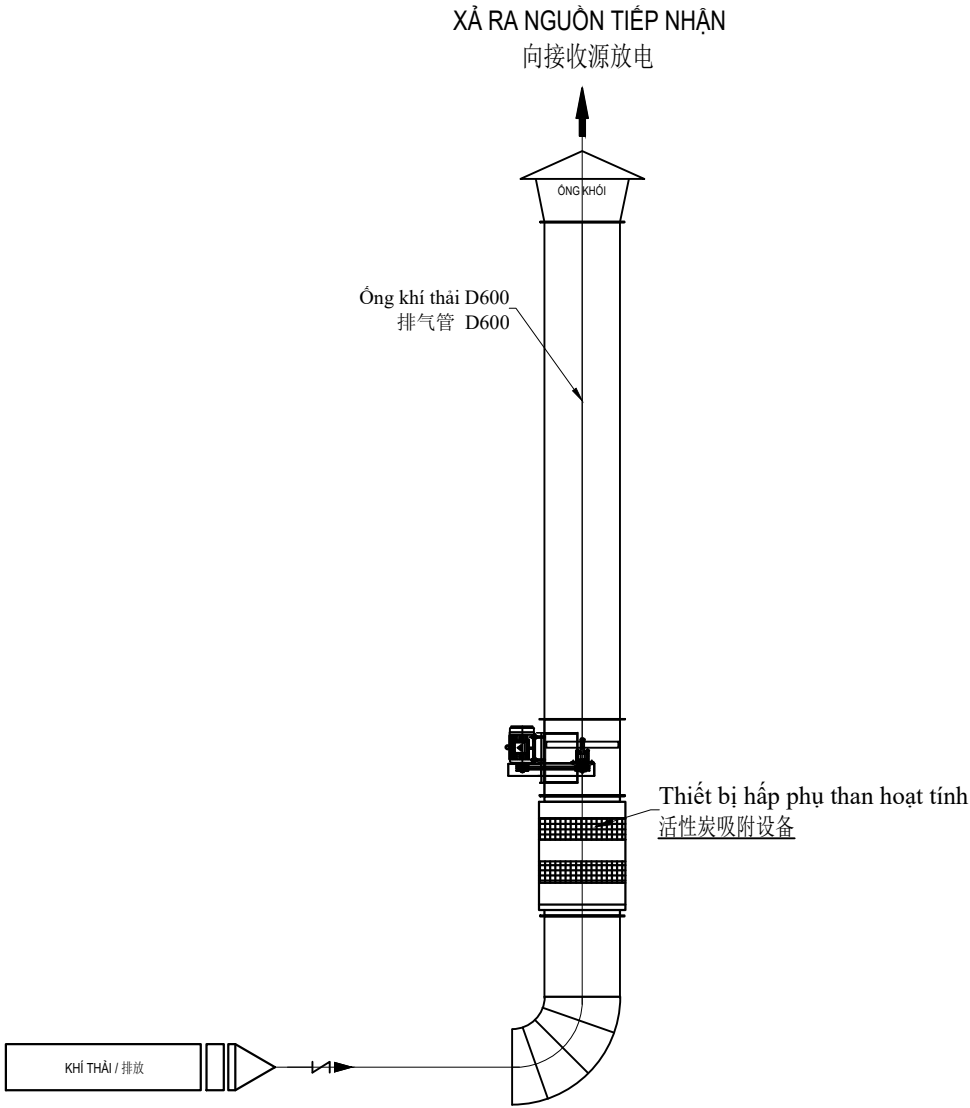
KÝ HIỆU BẢN VẼ:

MÃ SỐ HS	/...../.....	SỐ BẢN VẼ
TỈ LỆ	/	(TK:31) 44
PHÁT HÀNH		

GHI CHÚ:

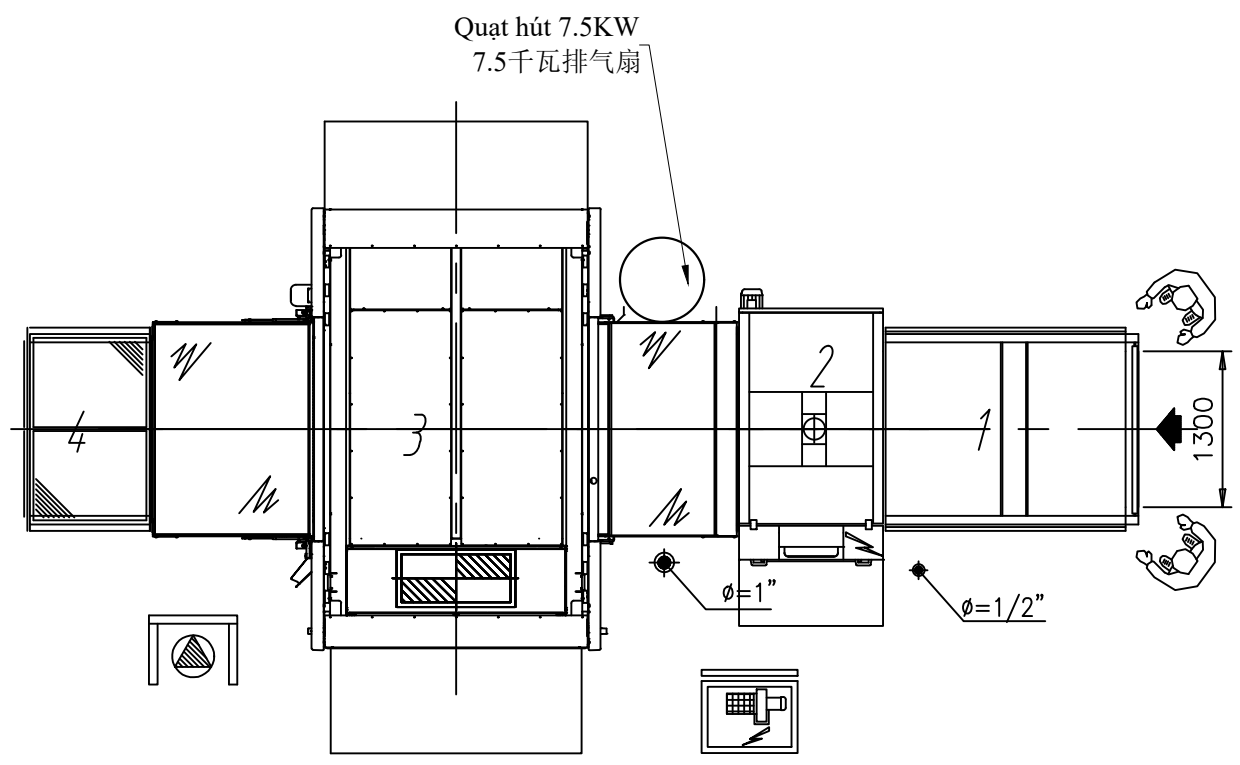


SƠ ĐỒ KHỐI
框图

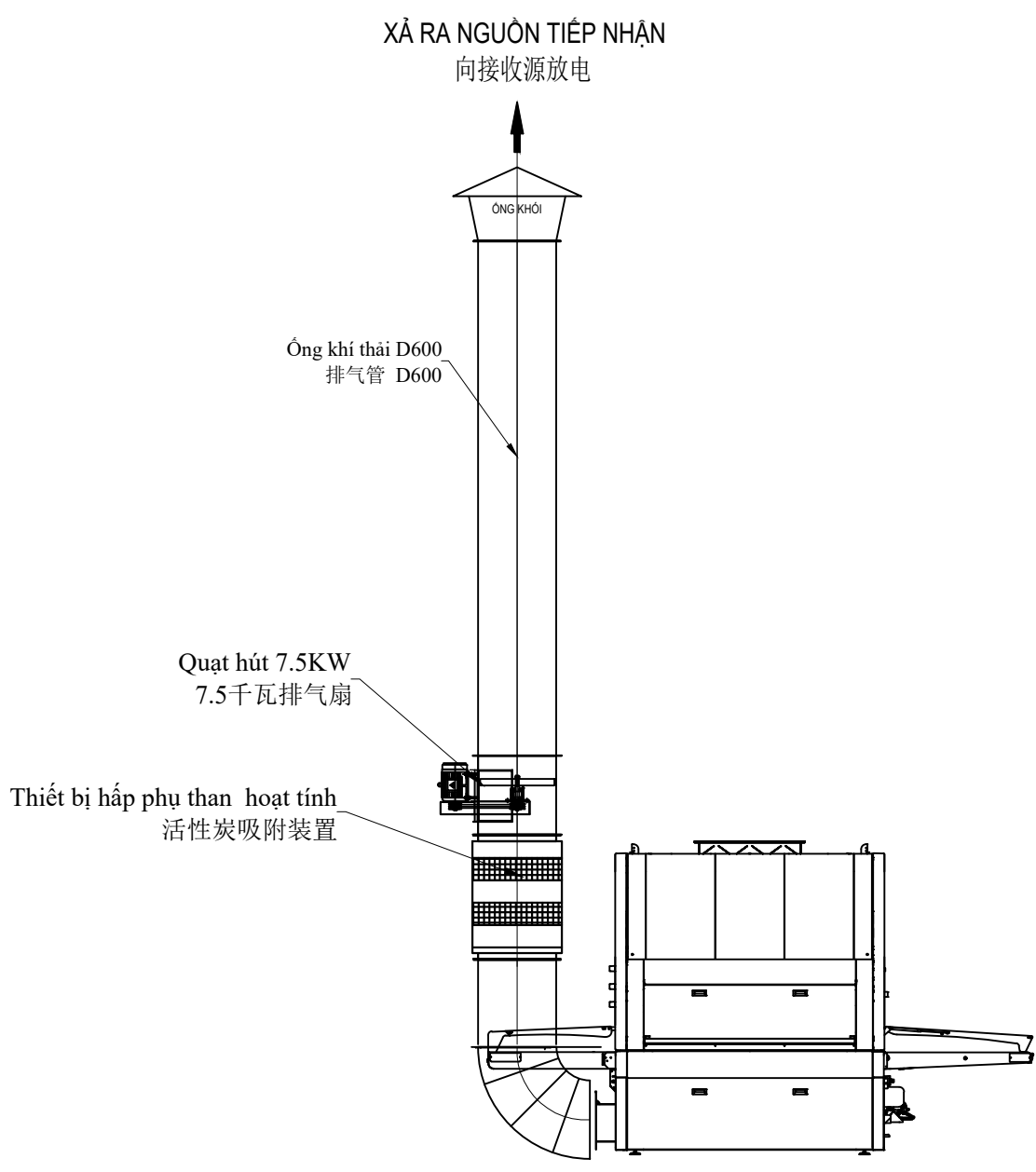
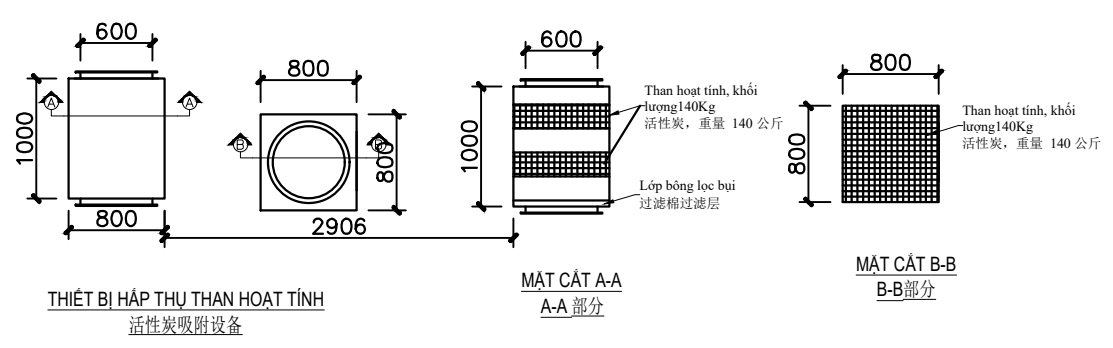


SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ
技术图

CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH TỬ BẾP BLOOM Địa chỉ: Lô H3, Đường Đ4, Khu Công Nghiệp Minh III, Phường Minh Hưng, Thành phố Đồng Nai,		
GIÁM ĐỐC:		
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG & XÂY DỰNG VIỆT XANH Địa chỉ: 37, đường DX040, tổ 23, khu 5 P. Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh		
GIÁM ĐỐC: HOÀNG THỊ HIẾU		
QUẢN LÝ KỸ THUẬT: KS. NGUYỄN HẠNH		
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ : KTS. KIM HOÀNG		
THIẾT KẾ - VẼ: KTS. NGUYỄN ĐOÀN		
TÊN CÔNG TRÌNH: HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI		
ĐỊA ĐIỂM: Địa chỉ: Lô H3, Đường Đ4, Khu Công Nghiệp Minh III, Phường Minh Hưng, Thành phố Đồng Nai,		
HẠNG MỤC: THÁP HẤP PHỤ THAN HOẠT TÍNH CHUYÊN SƠN AC: KT14, KT15, KT16		
TÊN BẢN VẼ: SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ		
MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH: THIẾT KẾ SƠ PHÁC ☐ THAM KHẢO ☐ THIẾT KẾ SƠ BỘ ☐ THI CÔNG ☐ XIN PHÉP ☐ HOÀN CÔNG ☒		
KÝ HIỆU BẢN VẼ:		
MÃ SỐ HS /...../.....	SỐ BẢN VẼ	
TỈ LỆ /	TK32 44	
PHÁT HÀNH		
GHI CHÚ:		

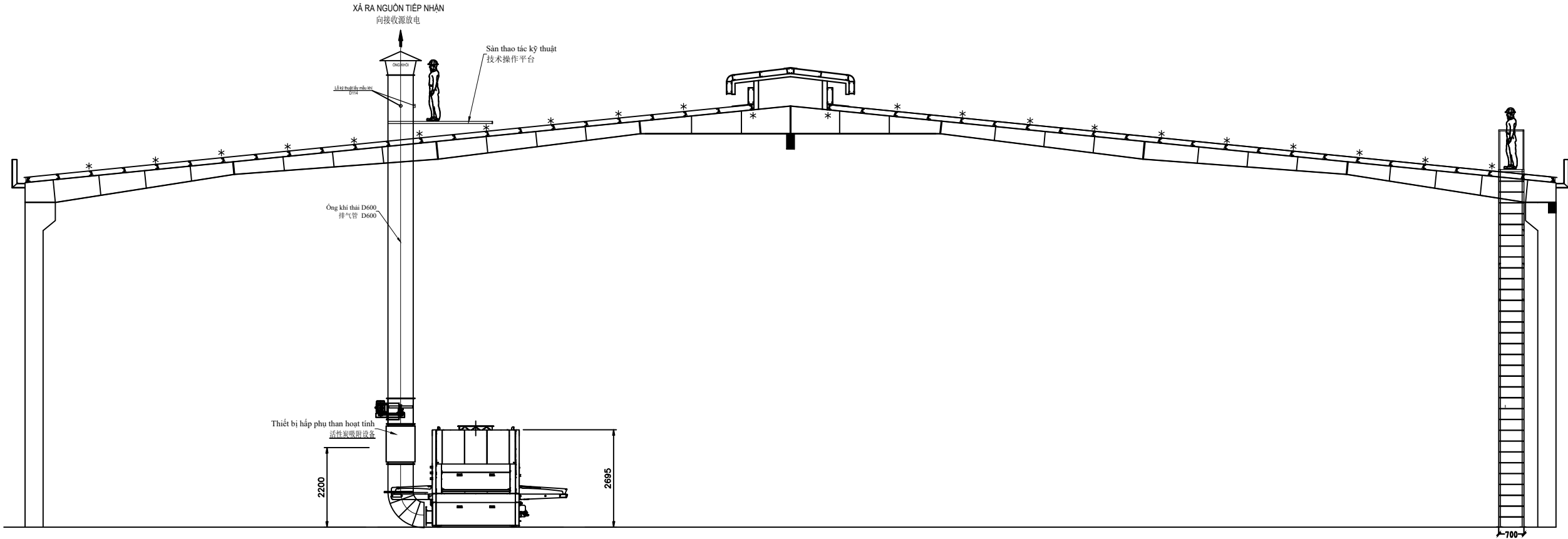


MẶT BẰNG THIẾT BỊ
设备布局



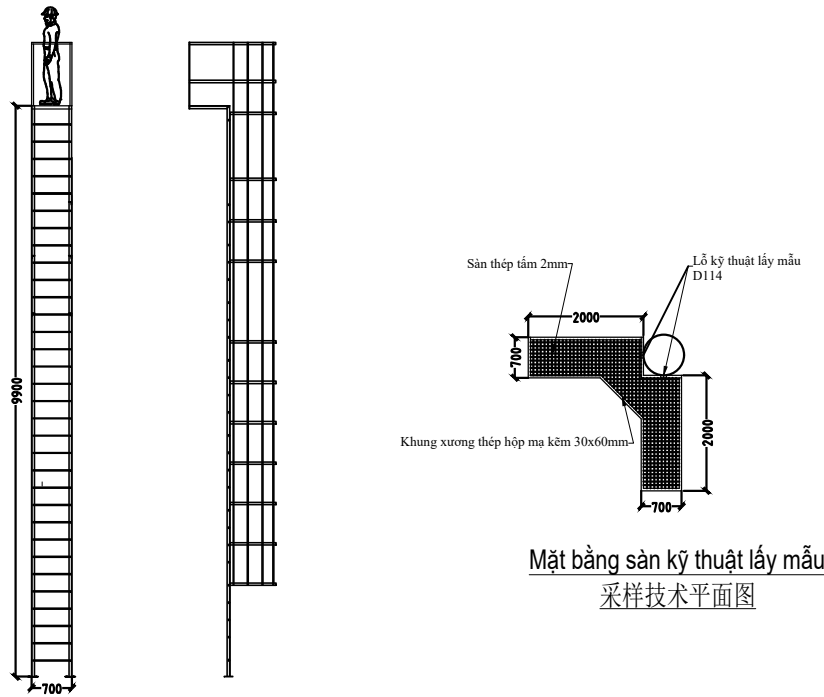
STT	KY HIỆU 象征						Tổng công suất 处理能力 (m3/giờ小时)
01	KT14, KT15, KT16	Hệ thống hấp phụ than hoạt tính chuyển phun son UV(sửa màu), 03 buồng phun son 活性炭吸附喷涂系统 紫外线（色彩校正），3个喷漆房		10.000	Bộ 集		30.000
02	KT14, KT15, KT16	Quạt hút ly tâm 离心式排气扇	7.5kw 7.5千瓦	10.000	Bộ 集	03	30.000

CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH TỬ BẾP BLOOM Địa chỉ: Lô H3, Đường Đ4, Khu Công Nghiệp Minh III, Phường Minh Hưng, Thành phố Đồng Nai, GIÁM ĐỐC: ĐƠN VỊ THIẾT KẾ: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG & XÂY DỰNG VIỆT XANH Địa chỉ: 37, đường DX040, tổ 23, khu 5 P. Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh GIÁM ĐỐC: HOÀNG THỊ HIỆU QUẢN LÝ KỸ THUẬT: KS. NGUYỄN HẠNH <table><tr><td>CHỦ TRÌ THIẾT KẾ :</td><td rowspan="2"></td></tr><tr><td>KTS. KIM HOÀNG</td></tr><tr><td>THIẾT KẾ - VẼ:</td><td rowspan="2"></td></tr><tr><td>KTS. NGUYỄN ĐOÀN</td></tr></table> TÊN CÔNG TRÌNH: HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI ĐỊA ĐIỂM: Địa chỉ: Lô H3, Đường Đ4, Khu Công Nghiệp Minh III, Phường Minh Hưng, Thành phố Đồng Nai, HẠNG MỤC: THÁP HẤP PHỤ THAN HOẠT TÍNH CHUYỂN SƠN UV: KT14, KT15, KT16 TÊN BẢN VẼ: CHI TIẾT THÁP HẤP PHỤ MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH: <table><tr><td>THIẾT KẾ SƠ PHÁC</td><td>☐</td><td>THAM KHẢO</td><td>☐</td></tr><tr><td>THIẾT KẾ SƠ BỘ</td><td>☐</td><td>THI CÔNG</td><td>☐</td></tr><tr><td>XIN PHÉP</td><td>☐</td><td>HOÀN CÔNG</td><td>☒</td></tr></table> KÝ HIỆU BẢN VẼ: <table><tr><td>MÃ SỐ HS</td><td>...../...../.....</td><td>SỐ BẢN VẼ</td></tr><tr><td>TỈ LỆ</td><td>/</td><td> TK33 44 </td></tr><tr><td>PHÁT HÀNH</td><td></td><td></td></tr></table> GHI CHÚ:			CHỦ TRÌ THIẾT KẾ :		KTS. KIM HOÀNG	THIẾT KẾ - VẼ:		KTS. NGUYỄN ĐOÀN	THIẾT KẾ SƠ PHÁC	☐	THAM KHẢO	☐	THIẾT KẾ SƠ BỘ	☐	THI CÔNG	☐	XIN PHÉP	☐	HOÀN CÔNG	☒	MÃ SỐ HS	/...../.....	SỐ BẢN VẼ	TỈ LỆ	/	TK33 44	PHÁT HÀNH		
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ :																													
KTS. KIM HOÀNG																													
THIẾT KẾ - VẼ:																													
KTS. NGUYỄN ĐOÀN																													
THIẾT KẾ SƠ PHÁC	☐	THAM KHẢO	☐																										
THIẾT KẾ SƠ BỘ	☐	THI CÔNG	☐																										
XIN PHÉP	☐	HOÀN CÔNG	☒																										
MÃ SỐ HS	/...../.....	SỐ BẢN VẼ																											
TỈ LỆ	/	TK33 44																											
PHÁT HÀNH																													



MẶT ĐỪNG THU GOM KHÍ THẢI ĐIỀN HÌNH

典型排放收集立面



Chi tiết thang lên mái xưởng

通往工厂屋顶的梯子细节。

CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY TNHH
TỬ BẾP BLOOM

Địa chỉ: Lô H3, Đường Đ4, Khu Công Nghiệp Minh
III, Phường Minh Hưng, Thành phố Đồng Nai,

GIÁM ĐỐC:

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG
& XÂY DỰNG VIỆT XANH

Địa chỉ: 37, đường DX040, tổ 23, khu 5
P. Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh

GIÁM ĐỐC:

HOÀNG THỊ HIẾU

QUẢN LÝ KỸ THUẬT:
KS. NGUYỄN HẠNH

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ :

KTS. KIM HOÀNG

THIẾT KẾ - VẼ:

KTS. NGUYỄN ĐOÀN

TÊN CÔNG TRÌNH:

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI

ĐỊA ĐIỂM:

Địa chỉ: Lô H3, Đường Đ4, Khu Công Nghiệp Minh
III, Phường Minh Hưng, Thành phố Đồng Nai,

HẠNG MỤC:

THÁP HẤP PHỤ THAN HOẠT
TÍNH CHUYỂN SƠN AC:
KT14, KT15, KT16

TÊN BẢN VẼ:

CHI TIẾT THANG KỸ THUẬT

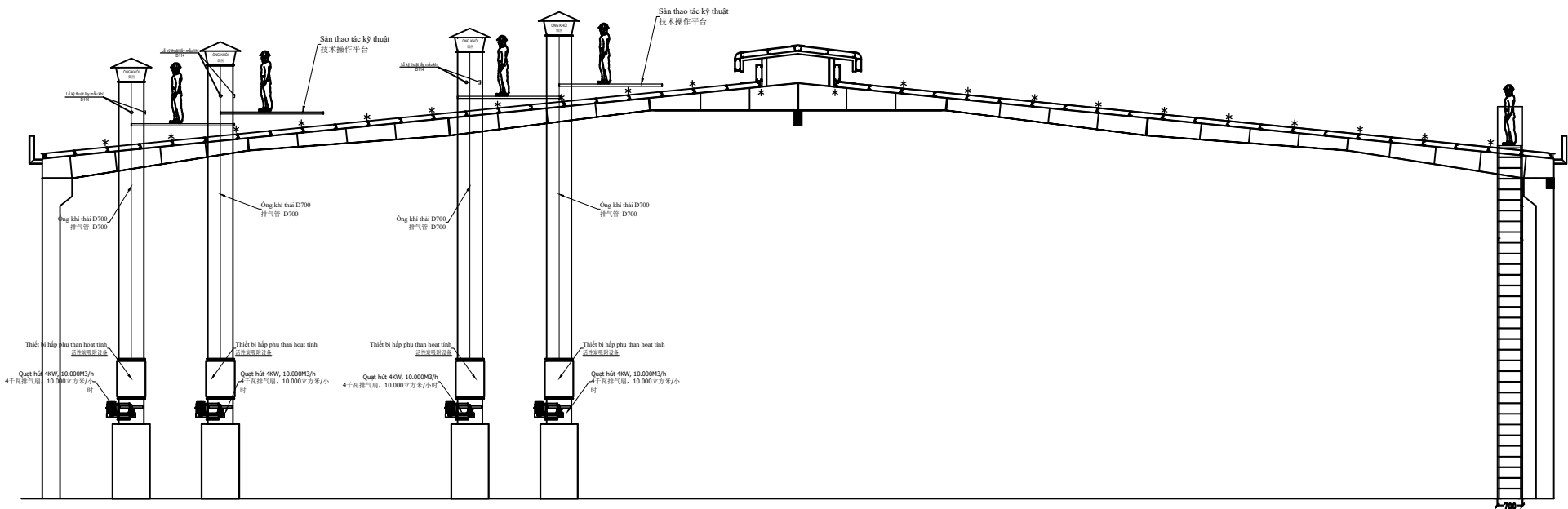
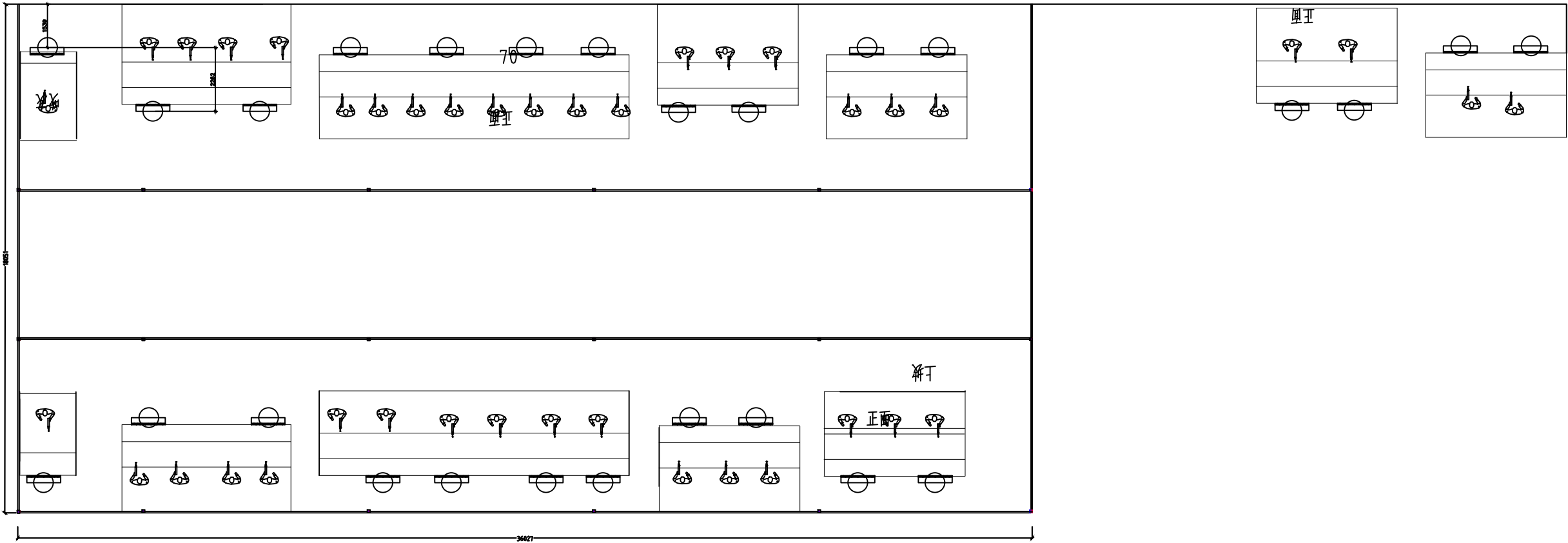
MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH:

THIẾT KẾ SƠ PHÁC ☐ THAM KHẢO ☐
THIẾT KẾ SƠ BỘ ☐ THI CÔNG ☐
XIN PHÉP ☐ HOÀN CÔNG ☒

KÝ HIỆU BẢN VẼ:

MÃ SỐ HS	/...../.....	SỐ BẢN VẼ
TỈ LỆ	/	(TK:34) 44
PHÁT HÀNH		

GHI CHÚ:



CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY TNHH
TỦ BẾP BLOOM

Địa chỉ: Lô H3, Đường Đ4, Khu Công Nghiệp Minh
III, Phường Minh Hưng, Thành phố Đồng Nai,

GIÁM ĐỐC:

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG
& XÂY DỰNG VIỆT XANH

Địa chỉ: 37, đường DX040, tổ 23, khu 5
P. Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh

GIÁM ĐỐC:

HOÀNG THỊ HIẾU

QUẢN LÝ KỸ THUẬT:
KS. NGUYỄN HẠNH

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ :

KTS. KIM HOÀNG

THIẾT KẾ - VẼ:

KTS. NGUYỄN ĐOÀN

TÊN CÔNG TRÌNH:

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI

ĐỊA ĐIỂM:

Địa chỉ: Lô H3, Đường Đ4, Khu Công Nghiệp Minh
III, Phường Minh Hưng, Thành phố Đồng Nai,

HẠNG MỤC:

BUỒNG PHUN SƠN
MÀNG NƯỚC: KT17

TÊN BẢN VẼ:

MẶT BẰNG BỐ TRÍ

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH:

THIẾT KẾ SƠ PHÁC ☐ THAM KHẢO ☐
THIẾT KẾ SƠ BỘ ☐ THI CÔNG ☐
XIN PHÉP ☐ HOÀN CÔNG ☒

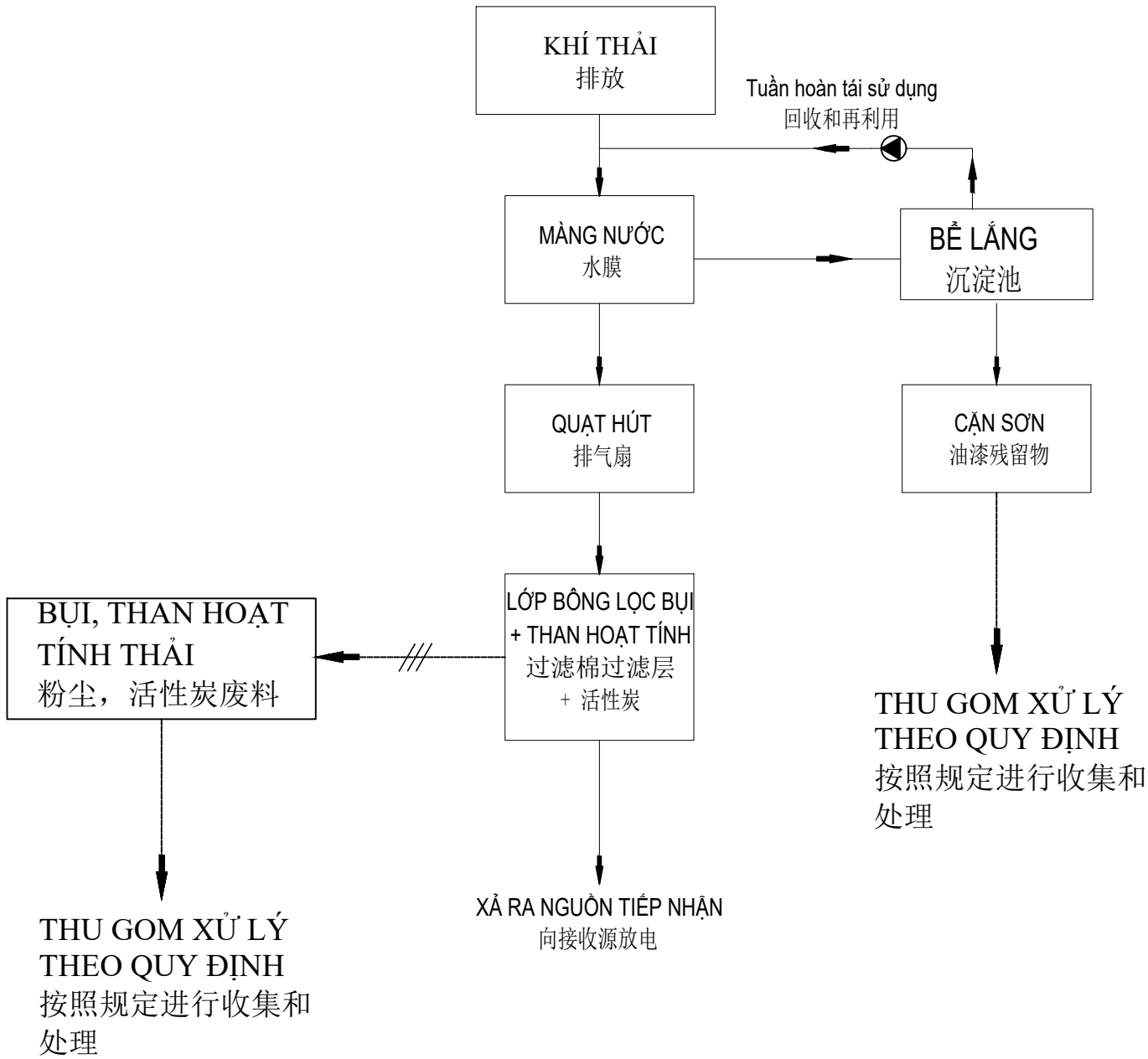
KÝ HIỆU BẢN VẼ:

MÃ SỐ HS/...../..... SÓ BẢN VẼ

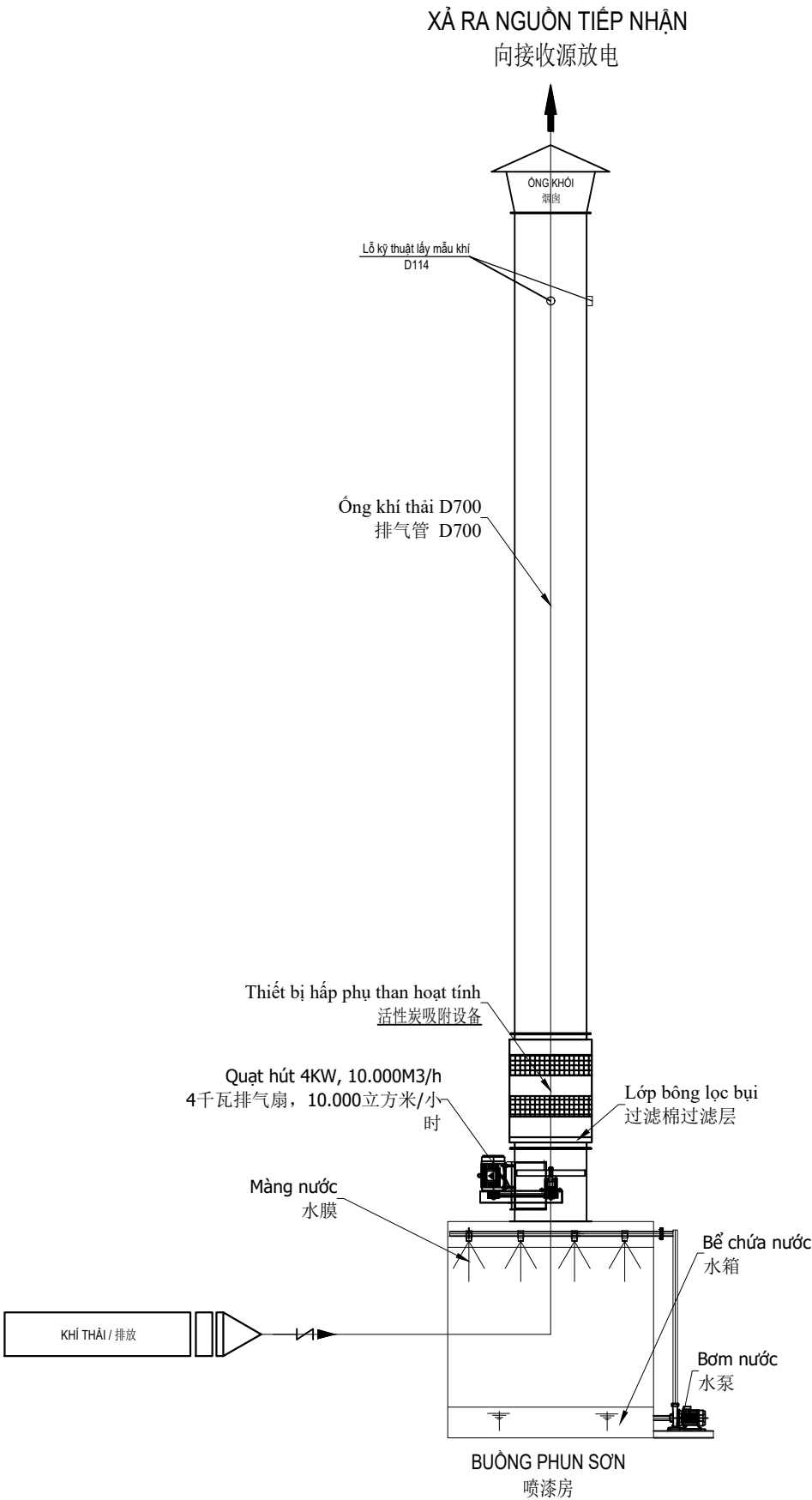
TỈ LỆ /

PHÁT HÀNH

GHI CHÚ:



SƠ ĐỒ KHỐI
框图



SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ
技术图

CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY TNHH
TỬ BẾP BLOOM

Địa chỉ: Lô H3, Đường Đ4, Khu Công Nghiệp Minh
III, Phường Minh Hưng, Thành phố Đồng Nai,

GIÁM ĐỐC:

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG
& XÂY DỰNG VIỆT XANH

Địa chỉ: 37, đường DX040, tổ 23, khu 5
P. Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh

GIÁM ĐỐC:

HOÀNG THỊ HIẾU

QUẢN LÝ KỸ THUẬT:
KS. NGUYỄN HẠNH

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ :

KTS. KIM HOÀNG

THIẾT KẾ - VẼ:

KTS. NGUYỄN ĐOÀN

TÊN CÔNG TRÌNH:

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI

ĐỊA ĐIỂM:

Địa chỉ: Lô H3, Đường Đ4, Khu Công Nghiệp Minh
III, Phường Minh Hưng, Thành phố Đồng Nai,

HẠNG MỤC:

BUÔNG PHUN SƠN MÀNG
NƯỚC 1 QUẠT: KT17

TÊN BẢN VẼ:

SƠ CÔNG NGHỆ

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH:

THIẾT KẾ SƠ PHÁC ☐ THAM KHẢO ☐
THIẾT KẾ SƠ BỘ ☐ THI CÔNG ☐
XIN PHÉP ☐ HOÀN CÔNG ☒

KÝ HIỆU BẢN VẼ:

MÃ SỐ HS SỐ BẢN VẼ

TỈ LỆ /

PHÁT HÀNH

GHI CHÚ:

CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY TNHH
TỦ BẾP BLOOM

Địa chỉ: Lô H3, Đường Đ4, Khu Công Nghiệp Minh
III, Phường Minh Hưng, Thành phố Đồng Nai,

GIÁM ĐỐC:

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG
& XÂY DỰNG VIỆT XANH

Địa chỉ: 37, đường DX040, tổ 23, khu 5
P. Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh

GIÁM ĐỐC:

HOÀNG THỊ HIẾU

QUẢN LÝ KỸ THUẬT:
KS. NGUYỄN HẠNH

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ :

KTS. KIM HOÀNG

THIẾT KẾ - VẼ:

KTS. NGUYỄN ĐOÀN

TÊN CÔNG TRÌNH:

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI

ĐỊA ĐIỂM:

Địa chỉ: Lô H3, Đường Đ4, Khu Công Nghiệp Minh
III, Phường Minh Hưng, Thành phố Đồng Nai,

HẠNG MỤC:

BUỒNG PHUN SƠN MÀNG
NƯỚC 1 QUẠT: KT17

TÊN BẢN VẼ:

CHI TIẾT BUỒNG PHUN SƠN

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH:

THIẾT KẾ SƠ PHÁC ☐ THAM KHẢO ☐
THIẾT KẾ SƠ BỘ ☐ THI CÔNG ☐
XIN PHÉP ☐ HOÀN CÔNG ☒

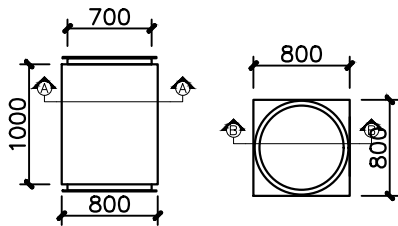
KÝ HIỆU BẢN VẼ:

MÃ SỐ HS SỐ BẢN VẼ

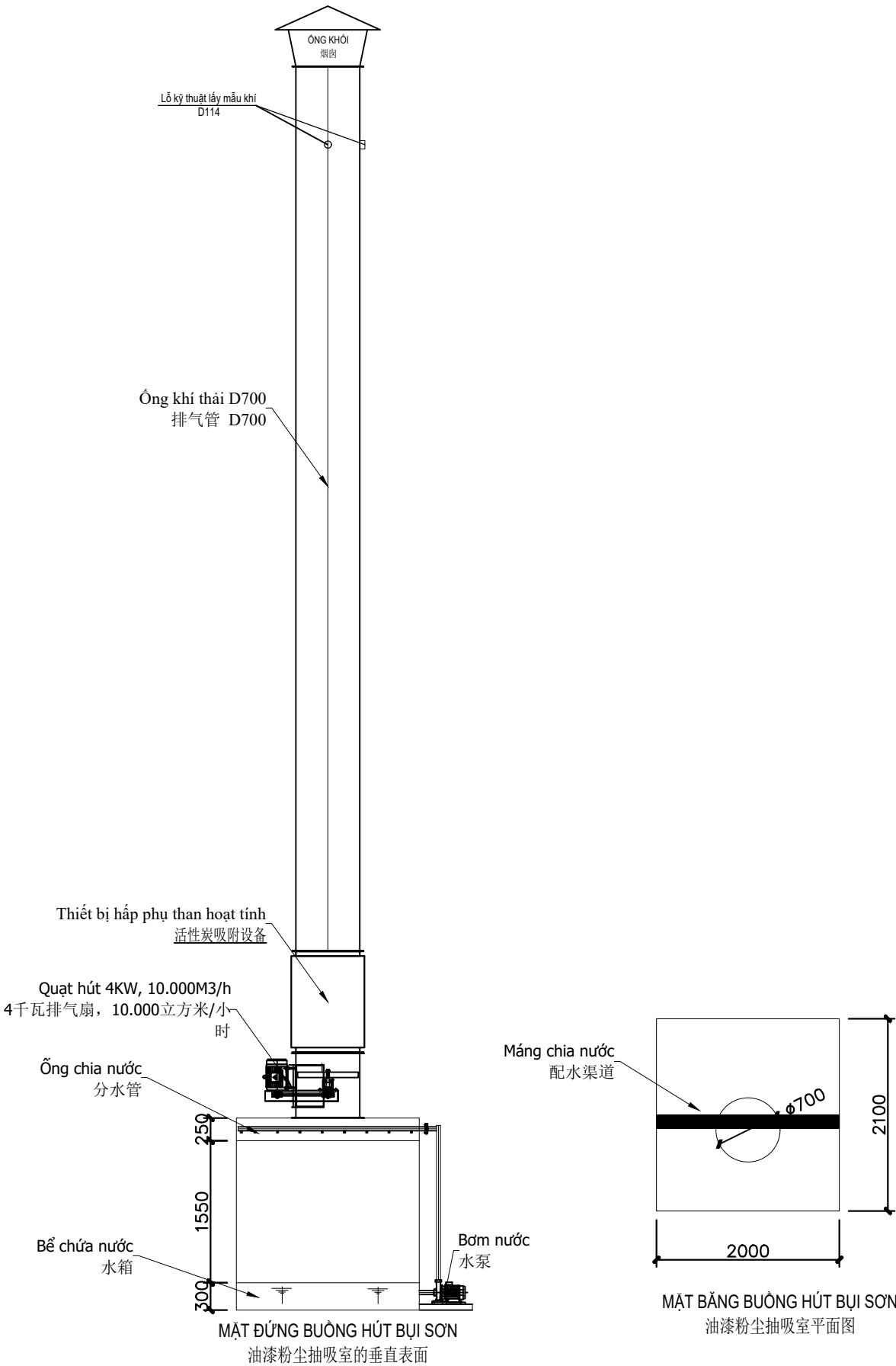
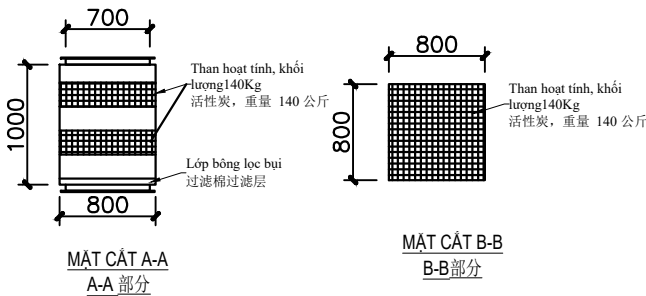
TỈ LỆ /

PHÁT HÀNH

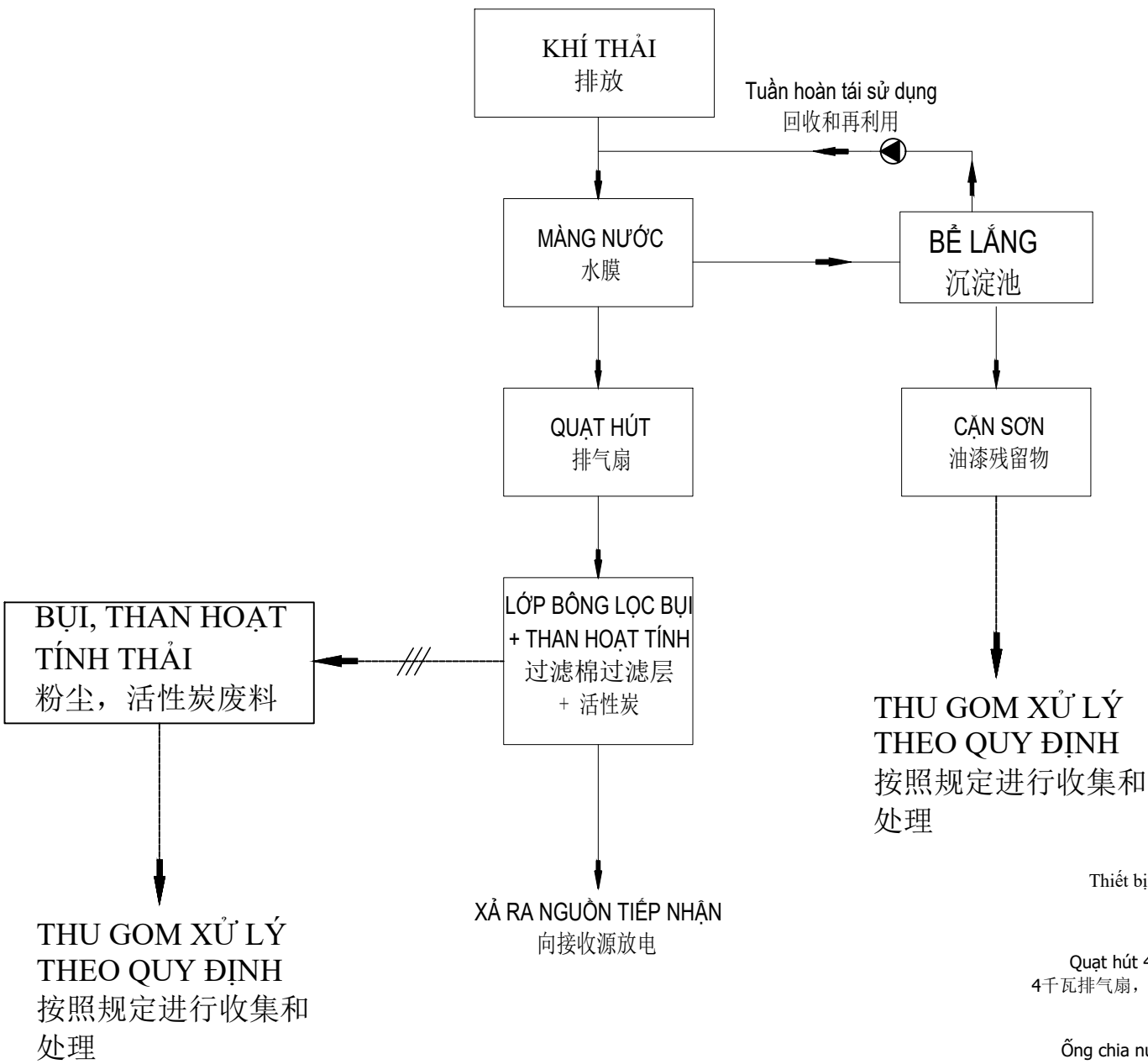
GHI CHÚ:



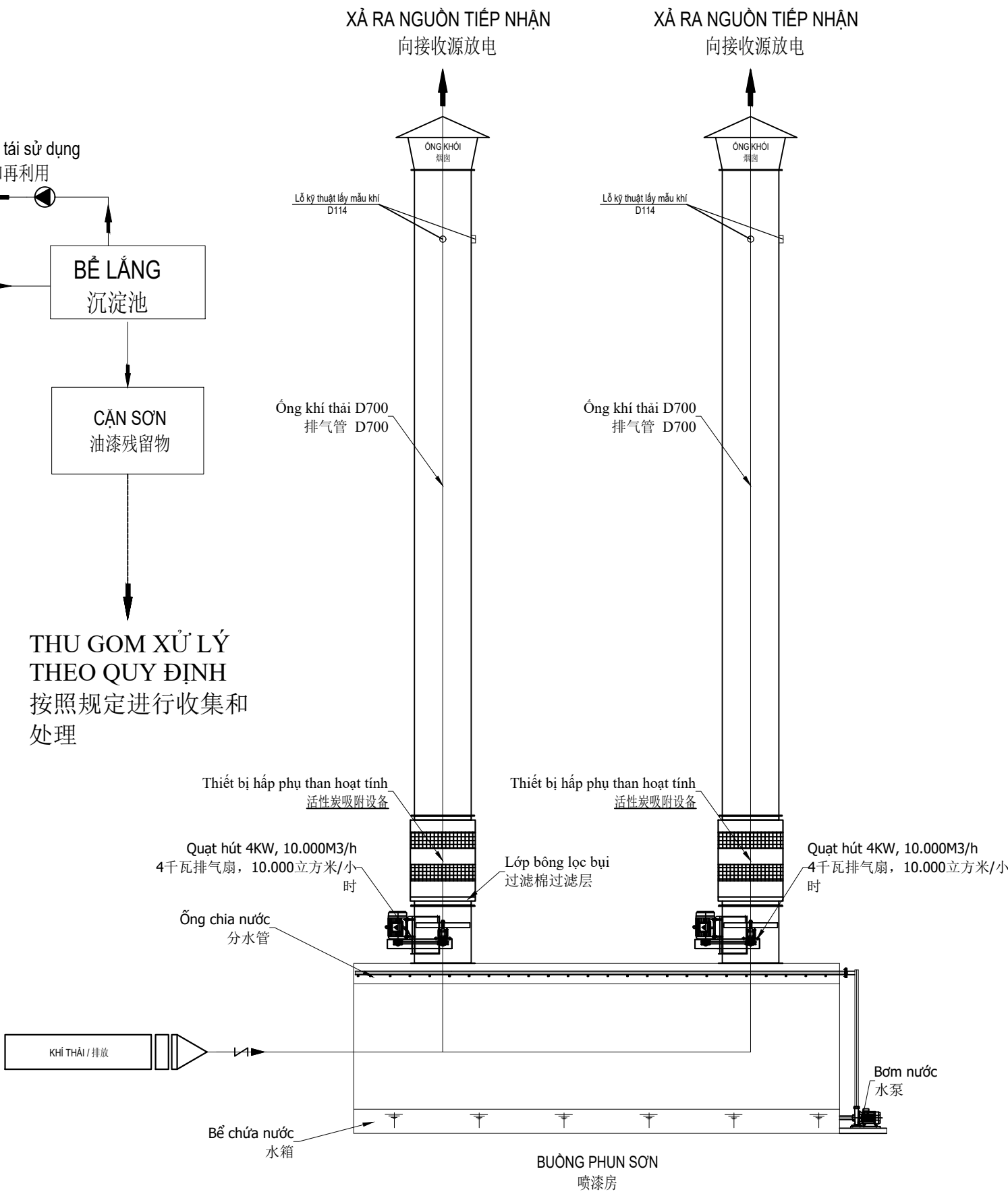
THIẾT BỊ HẤP THỤ THAN HOẠT TÍNH
活性炭吸附设备



STT	KY HIỆU 象征	TÊN CHI TIẾT 详细信息名称	Công suất功 率 (HP马力)	Công suất能力 (m3/giờ小时)	ĐƠN VỊ 单元	SỐ LƯỢNG 数量	Tổng công suất总处 理能力 (m3/giờ小时)
01	KT17	Buồng phun sơn màng nước 水帘喷漆房		10.000	Bộ 集	01	10.000
02	KT17	Quạt hút hướng trục 轴流式排气扇	4kw 4千瓦	10.000	Bộ 集	01	10.000



SƠ ĐỒ KHỐI
框图



SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ
技术图

CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY TNHH
TỬ BẾP BLOOM

Địa chỉ: Lô H3, Đường Đ4, Khu Công Nghiệp Minh
III, Phường Minh Hưng, Thành phố Đồng Nai,

GIÁM ĐỐC:

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG
& XÂY DỰNG VIỆT XANH

Địa chỉ: 37, đường DX040, tổ 23, khu 5
P. Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh

GIÁM ĐỐC:

HOÀNG THỊ HIẾU

QUẢN LÝ KỸ THUẬT:
KS. NGUYỄN HẠNH

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ :

KTS. KIM HOÀNG

THIẾT KẾ - VẼ:

KTS. NGUYỄN ĐOÀN

TÊN CÔNG TRÌNH:

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI

ĐỊA ĐIỂM:

Địa chỉ: Lô H3, Đường Đ4, Khu Công Nghiệp Minh
III, Phường Minh Hưng, Thành phố Đồng Nai,

HẠNG MỤC:

BUỒNG PHUN SƠN MÀNG
NƯỚC 2 QUẠT: KT17

TÊN BẢN VẼ:

SƠ CÔNG NGHỆ

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH:

THIẾT KẾ SƠ PHÁC ☐ THAM KHẢO ☐
THIẾT KẾ SƠ BỘ ☐ THI CÔNG ☐
XIN PHÉP ☐ HOÀN CÔNG ☒

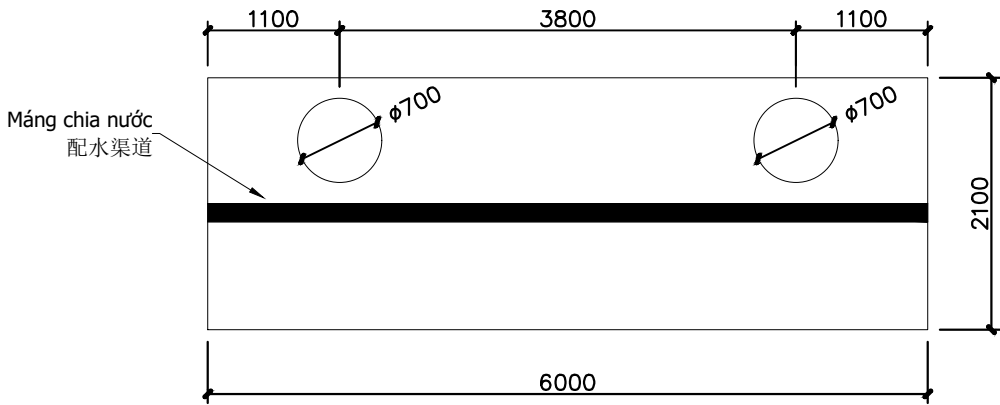
KÝ HIỆU BẢN VẼ:

MÃ SỐ HS SỐ BẢN VẼ

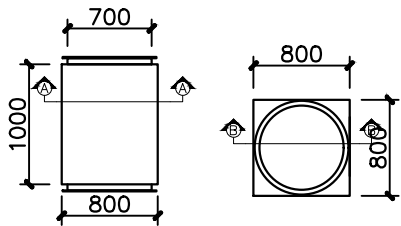
TỈ LỆ /

PHÁT HÀNH

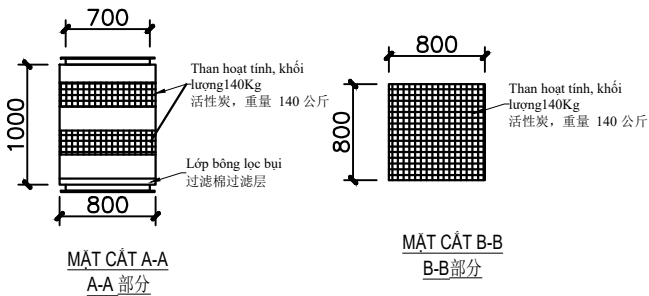
GHI CHÚ:



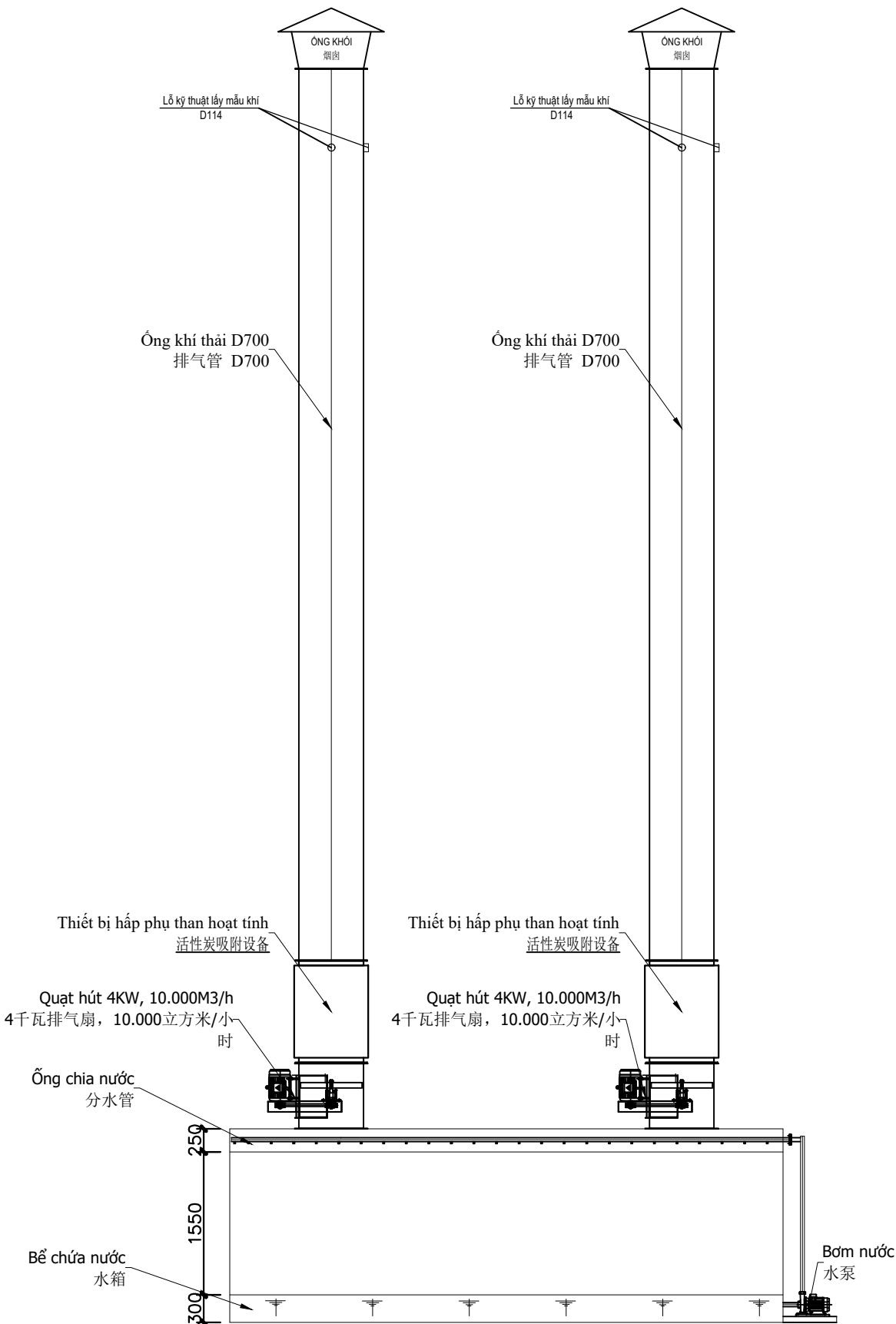
MẶT BẰNG BUỒNG HÚT BỤI SƠN
油漆粉尘抽吸室平面图



THIẾT BỊ HẤP THỤ THAN HOẠT TÍNH
活性炭吸附设备



STT	KY HIỆU 象征	TÊN CHI TIẾT 详细信息名称	Công suất功 率 (HP马力)	Công suất能力 (m3/giờ小时)	ĐƠN VỊ 单元	SỐ LƯỢNG 数量	Tổng công suất总处 理能力 (m3/giờ小时)
01	KT17	Buồng phun sơn màng nước 水帘喷漆房		20.000	Bộ 集	01	20.000
02	KT17	Quạt hút hướng trục 轴流式排气扇	4kw 4千瓦	12.000	Bộ 集	02	20.000



MẶT ĐỨNG BUỒNG HÚT BỤI SƠN
油漆粉尘抽吸室的垂直表面

CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY TNHH
TỬ BẾP BLOOM

Địa chỉ: Lô H3, Đường Đ4, Khu Công Nghiệp Minh
III, Phường Minh Hưng, Thành phố Đồng Nai,

GIÁM ĐỐC:

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG
& XÂY DỰNG VIỆT XANH

Địa chỉ: 37, đường DX040, tổ 23, khu 5
P. Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh

GIÁM ĐỐC:

HOÀNG THỊ HIẾU

QUẢN LÝ KỸ THUẬT:
KS. NGUYỄN HẠNH

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ :

KTS. KIM HOÀNG

THIẾT KẾ - VẼ:

KTS. NGUYỄN ĐOÀN

TÊN CÔNG TRÌNH:

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI

ĐỊA ĐIỂM:

Địa chỉ: Lô H3, Đường Đ4, Khu Công Nghiệp Minh
III, Phường Minh Hưng, Thành phố Đồng Nai,

HẠNG MỤC:

BUỒNG PHUN SƠN MÀNG
NƯỚC 2 QUẠT: KT17

TÊN BẢN VẼ:

CHI TIẾT BUỒNG PHUN SƠN

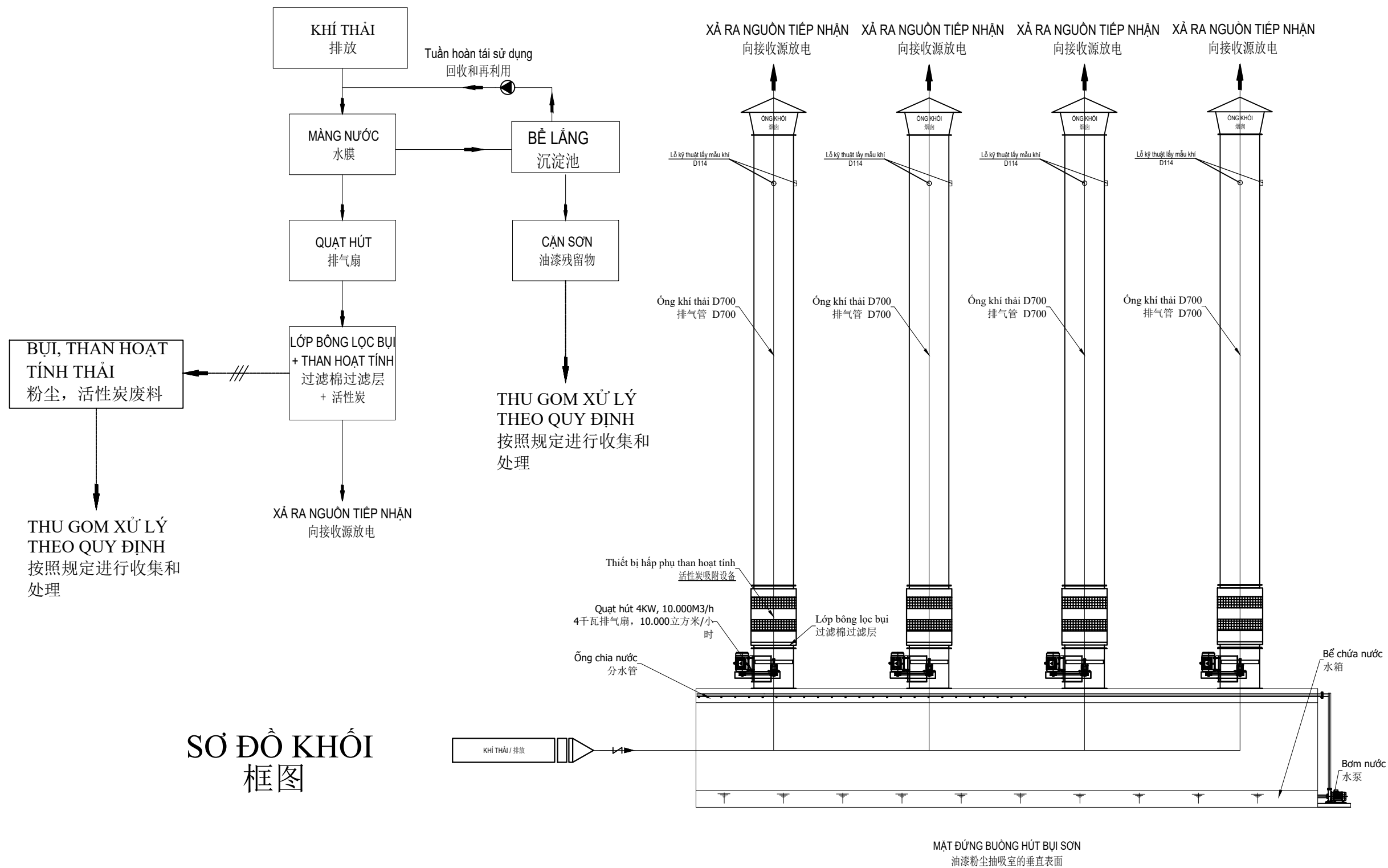
MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH:

THIẾT KẾ SƠ PHÁC ☐ THAM KHẢO ☐
THIẾT KẾ SƠ BỘ ☐ THI CÔNG ☐
XIN PHÉP ☐ HOÀN CÔNG ☒

KÝ HIỆU BẢN VẼ:

MÃ SỐ HS	/...../.....	SỐ BẢN VẼ
TỈ LỆ	/	TK:39 44
PHÁT HÀNH		

GHI CHÚ:



SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ
技术图

CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY TNHH
TỦ BẾP BLOOM

Địa chỉ: Lô H3, Đường Đ4, Khu Công Nghiệp Minh
III, Phường Minh Hưng, Thành phố Đồng Nai,

GIÁM ĐỐC:

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG
& XÂY DỰNG VIỆT XANH

Địa chỉ: 37, đường ĐX040, tổ 23, khu 5
P. Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh

GIÁM ĐỐC:

HOÀNG THỊ HIẾU

QUẢN LÝ KỸ THUẬT:

KS. NGUYỄN HẠNH

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ :

KTS. KIM HOÀNG

THIẾT KẾ - VẼ:
KTS. NGUYỄN ĐOÀN

TÊN CÔNG TRÌNH:

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI

ĐỊA ĐIỂM:

Địa chỉ: Lô H3, Đường Đ4, Khu Công Nghiệp Minh
III, Phường Minh Hưng, Thành phố Đồng Nai,

HẠNG MỤC:

BƯỜNG PHUN SƠN MÀNG
NƯỚC 4 QUAT: KT17

TÊN BẢN VẼ:

SƠ CÔNG NGHỆ

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH:

THIẾT KẾ SƠ PHÁC ☐ THAM KHẢO ☐
 THIẾT KẾ SƠ BỘ ☐ THI CÔNG ☐
 XIN PHÉP ☐ HOÀN CÔNG ☒

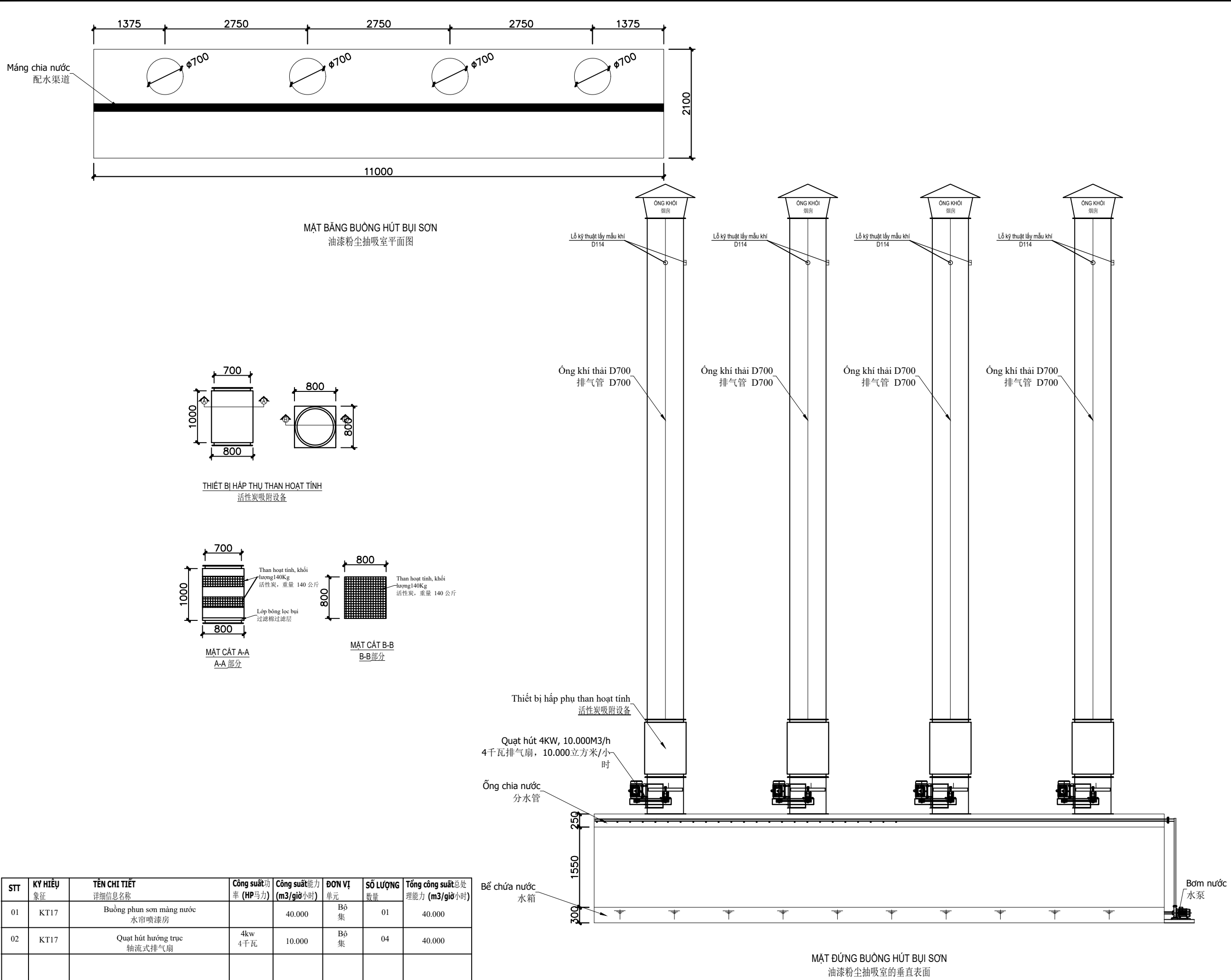
KÝ HIỆU BẢN VẼ:

MÃ SỐ HS	/...../.....	SỐ BẢN VẼ
----------	-------------------	-----------

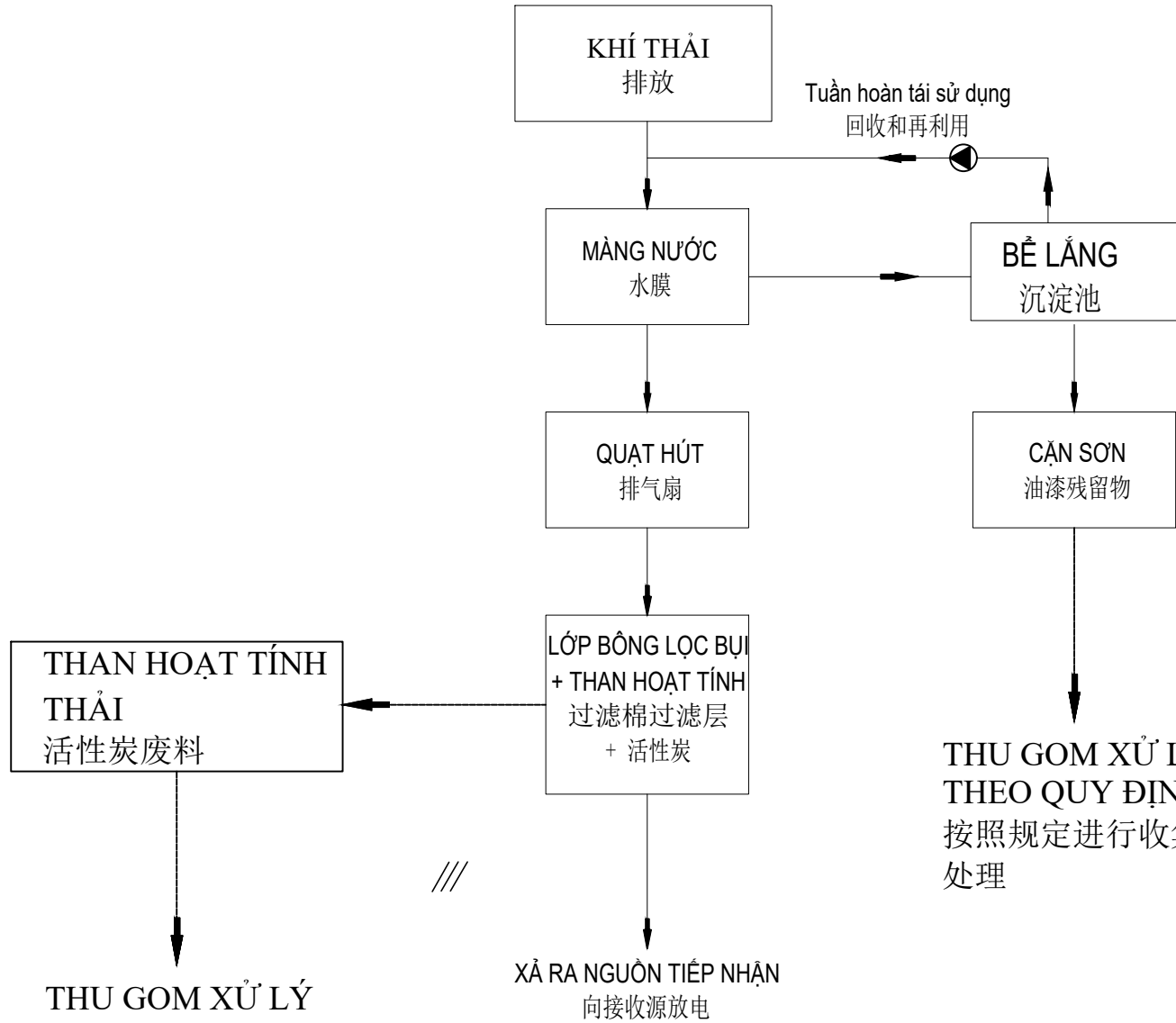
TỈ LỆ	/	TK-40
-------	---	-------

PHÁT HÀNH 44

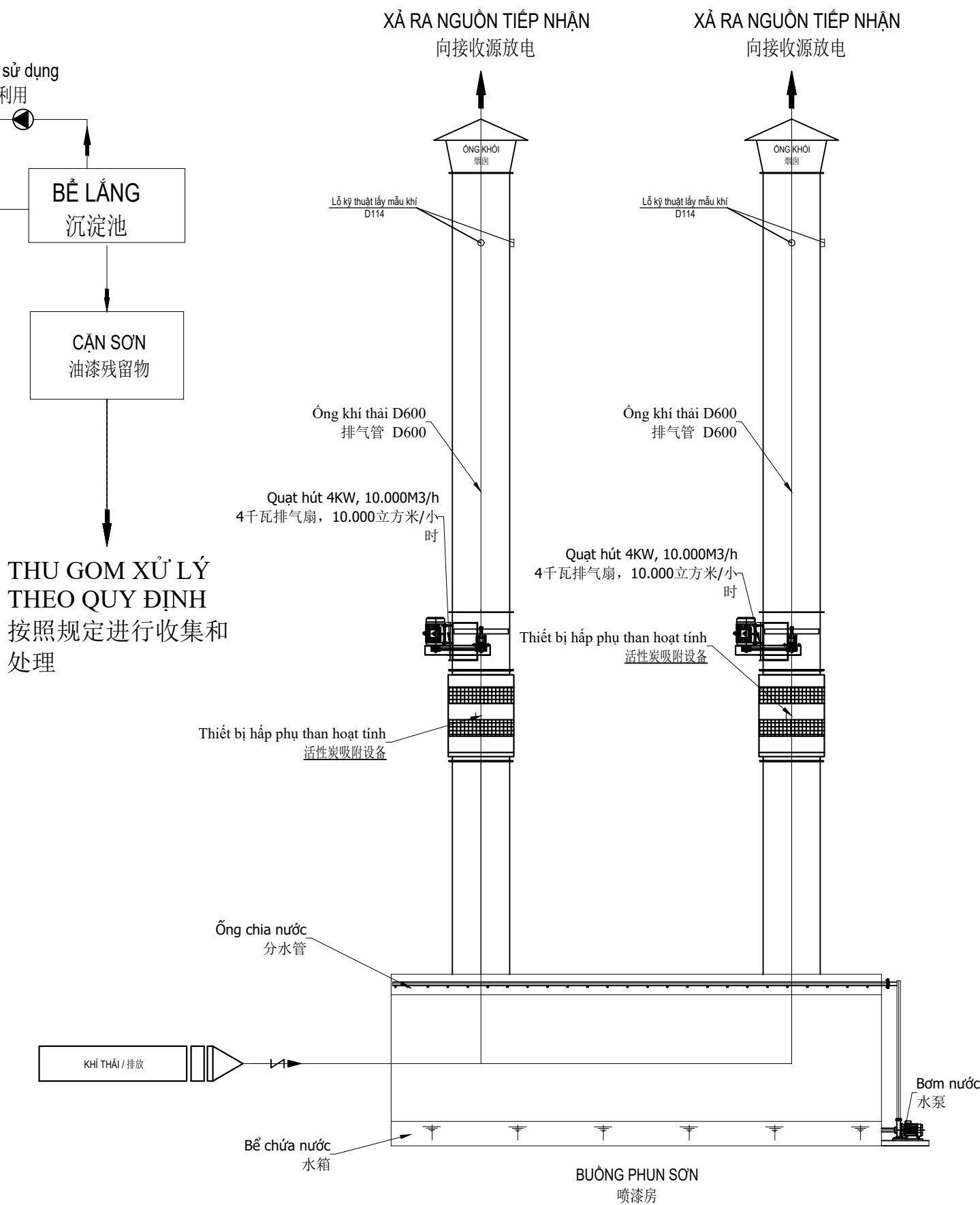
GHI CHÚ:



CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH TỦ BẾP BLOOM Địa chỉ: Lô H3, Đường Đ4, Khu Công Nghiệp Minh III, Phường Minh Hưng, Thành phố Đồng Nai,		
GIÁM ĐỐC:		
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG & XÂY DỰNG VIỆT XANH Địa chỉ: 37, đường DX040, tổ 23, khu 5 P. Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh		
GIÁM ĐỐC: HOÀNG THỊ HIẾU		
QUẢN LÝ KỸ THUẬT: KS. NGUYỄN HẠNH		
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ : KTS. KIM HOÀNG		
THIẾT KẾ - VẼ: KTS. NGUYỄN ĐOÀN		
TÊN CÔNG TRÌNH: HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI		
ĐỊA ĐIỂM: Địa chỉ: Lô H3, Đường Đ4, Khu Công Nghiệp Minh III, Phường Minh Hưng, Thành phố Đồng Nai,		
HẠNG MỤC: BUỒNG PHUN SƠN MÀNG NƯỚC 4 QUẠT: KT17		
TÊN BẢN VẼ: CHI TIẾT BUỒNG PHUN SƠN		
MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH: THIẾT KẾ SƠ PHÁC ☐ THAM KHẢO ☐ THIẾT KẾ SƠ BỘ ☐ THI CÔNG ☐ XIN PHÉP ☐ HOÀN CÔNG ☒		
KÝ HIỆU BẢN VẼ:		
MÃ SỐ HS /...../.....	SỐ BẢN VẼ	
TỈ LỆ /	(TK:41) 44	
PHÁT HÀNH		
GHI CHÚ:		



SƠ ĐỒ KHỐI
框图



SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ
技术图

CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY TNHH
TỦ BẾP BLOOM

Địa chỉ: Lô H3, Đường Đ4, Khu Công Nghiệp Minh
III, Phường Minh Hưng, Thành phố Đồng Nai,

GIÁM ĐỐC:

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG
& XÂY DỰNG VIỆT XANH

Địa chỉ: 37, đường DX040, tổ 23, khu 5
P. Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh

GIÁM ĐỐC:

HOÀNG THỊ HIẾU

QUẢN LÝ KỸ THUẬT:
KS. NGUYỄN HẠNH

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ :

KTS. KIM HOÀNG

THIẾT KẾ - VẼ:

KTS. NGUYỄN ĐOÀN

TÊN CÔNG TRÌNH:

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI

ĐỊA ĐIỂM:

Địa chỉ: Lô H3, Đường Đ4, Khu Công Nghiệp Minh
III, Phường Minh Hưng, Thành phố Đồng Nai,

HẠNG MỤC:

BUỒNG PHUN SƠN MÀNG NƯỚC
KHU VỰC SƠN SỬA MÀU: KT18

TÊN BẢN VẼ:

SƠ CÔNG NGHỆ

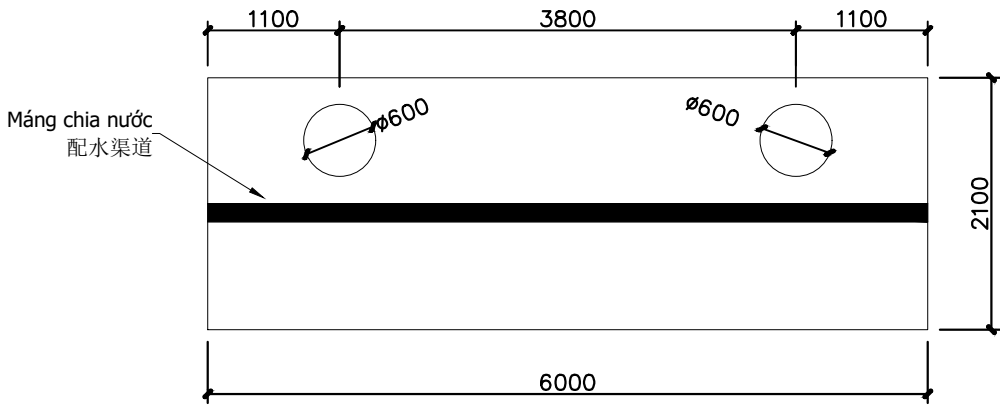
MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH:

THIẾT KẾ SƠ PHÁC ☐ THAM KHẢO ☐
THIẾT KẾ SƠ BỘ ☐ THI CÔNG ☐
XIN PHÉP ☐ HOÀN CÔNG ☒

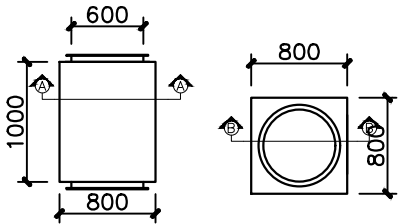
KÝ HIỆU BẢN VẼ:

MÃ SỐ HS	/...../.....	SỐ BẢN VẼ
TỈ LỆ	/	(TK42)
PHÁT HÀNH		(44)

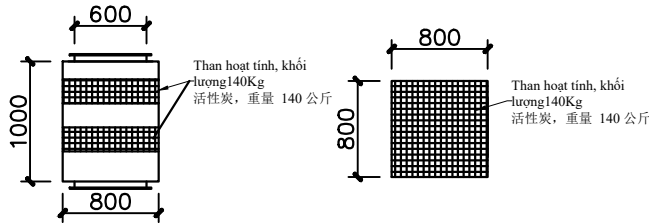
GHI CHÚ:



MẶT BẰNG BUỒNG HÚT BỤI SƠN
油漆粉尘抽吸室平面图



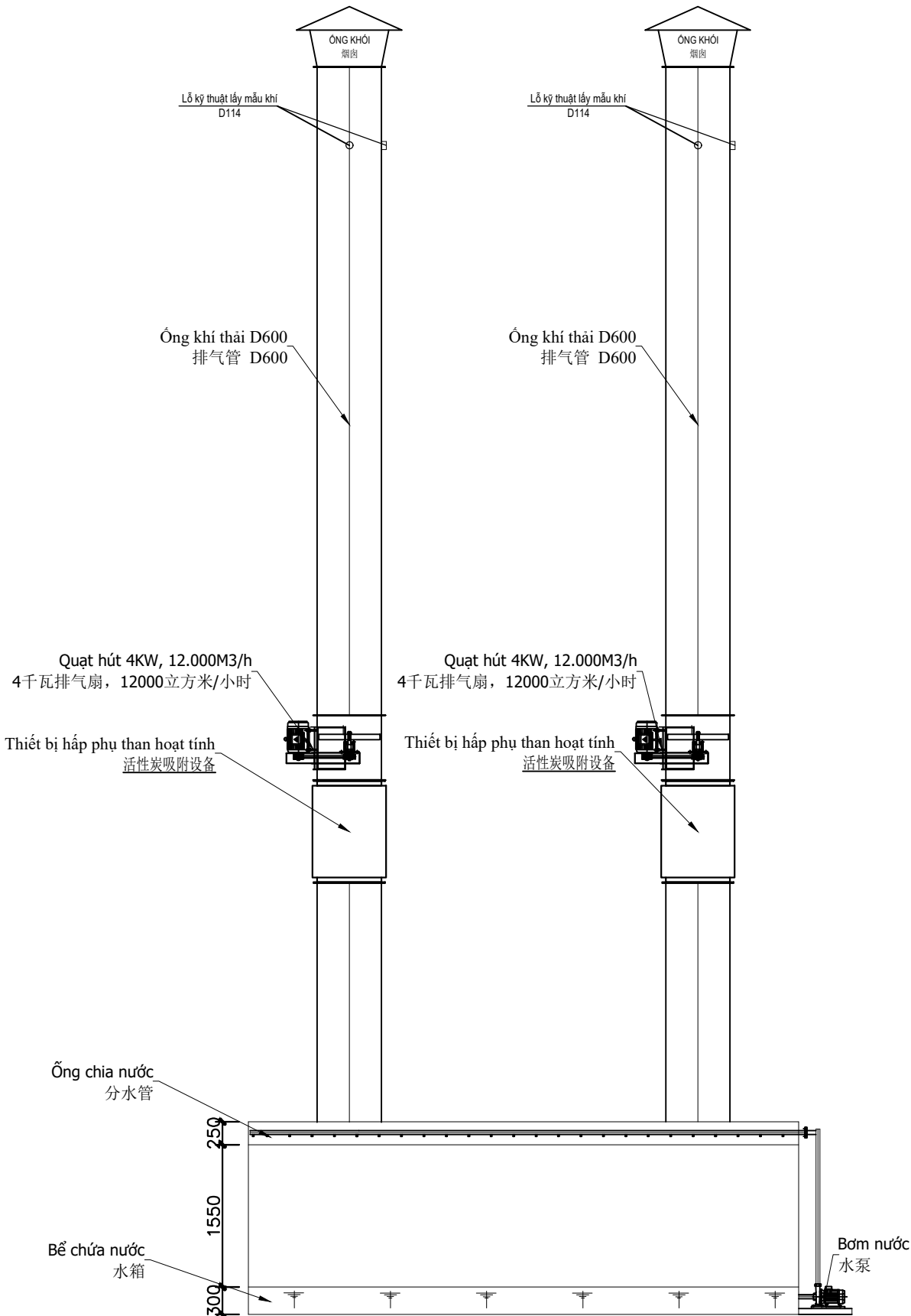
THIẾT BỊ HẤP THỤ THAN HOẠT TÍNH
活性炭吸附设备



MẶT CẮT A-A
A-A 部分

MẶT CẮT B-B
B-B 部分

STT	KY HIỆU 象征	TÊN CHI TIẾT 详细信息名称	Công suất功 率 (HP马力)	Công suất能力 (m3/giờ小时)	ĐƠN VỊ 单元	SỐ LƯỢNG 数量	Tổng công suất总处 理能力 (m3/giờ小时)
01	KT17	Buồng phun sơn màng nước 水帘喷漆房		20.000	Bộ 集	01	20.000
02	KT17	Quạt hút hướng trục 轴流式排气扇	4kw 4千瓦	10.000	Bộ 集	02	20.000



MẶT ĐỨNG BUỒNG HÚT BỤI SƠN
油漆粉尘抽吸室的垂直表面

CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY TNHH
TỬ BẾP BLOOM

Địa chỉ: Lô H3, Đường Đ4, Khu Công Nghiệp Minh
III, Phường Minh Hưng, Thành phố Đồng Nai,

GIÁM ĐỐC:

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG
& XÂY DỰNG VIỆT XANH

Địa chỉ: 37, đường DX040, tổ 23, khu 5
P. Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh

GIÁM ĐỐC:

HOÀNG THỊ HIẾU

QUẢN LÝ KỸ THUẬT:
KS. NGUYỄN HẠNH

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ :

KTS. KIM HOÀNG

THIẾT KẾ - VẼ:

KTS. NGUYỄN ĐOÀN

TÊN CÔNG TRÌNH:

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI

ĐỊA ĐIỂM:

Địa chỉ: Lô H3, Đường Đ4, Khu Công Nghiệp Minh
III, Phường Minh Hưng, Thành phố Đồng Nai,

HẠNG MỤC:

BUỒNG PHUN SƠN MÀNG NƯỚC
KHU VỰC SƠN SỬA MÀU: KT18

TÊN BẢN VẼ:

CHI TIẾT BUỒNG PHUN SƠN

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH:

THIẾT KẾ SƠ PHÁC ☐ THAM KHẢO ☐
THIẾT KẾ SƠ BỘ ☐ THI CÔNG ☐
XIN PHÉP ☐ HOÀN CÔNG ☒

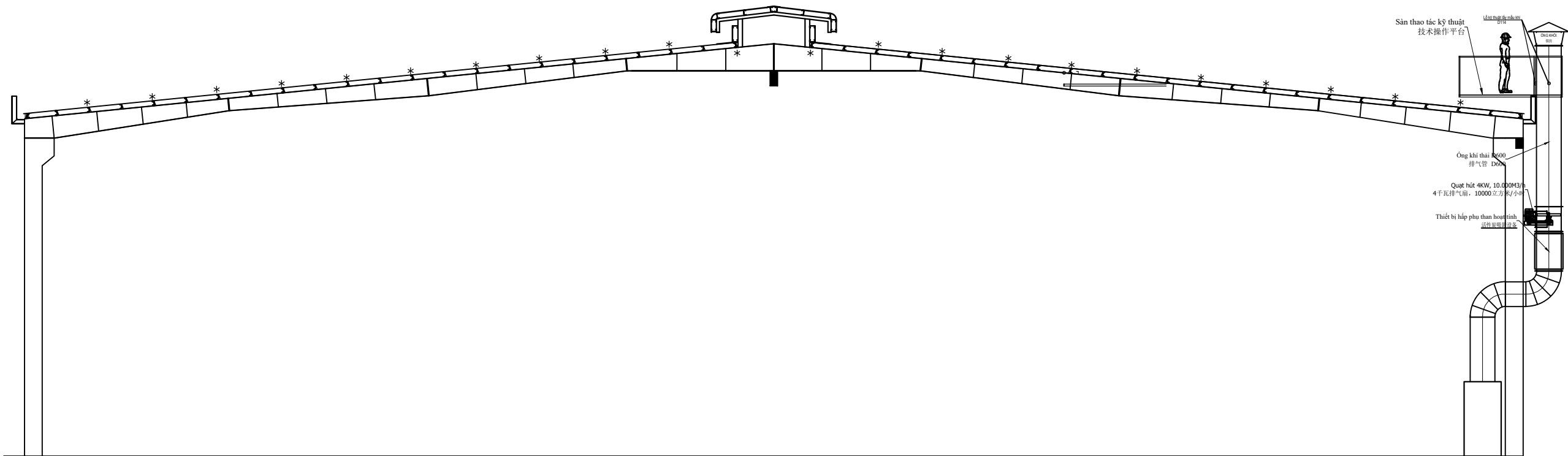
KÝ HIỆU BẢN VẼ:

MÃ SỐ HS SỐ BẢN VẼ

TỈ LỆ /

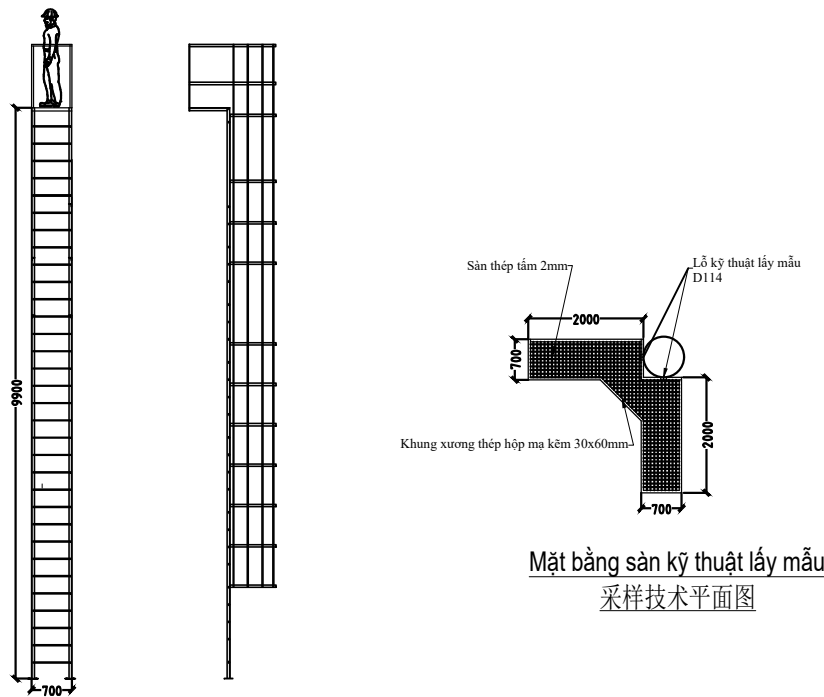
PHÁT HÀNH

GHI CHÚ:



MẶT ĐỪNG THU GOM KHÍ THẢI ĐIỀN HÌNH

典型排放收集立面



Chi tiết thang lên mái xưởng

通往工厂屋顶的梯子细节。

Mặt bằng sàn kỹ thuật lấy mẫu

采样技术平面图

CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY TNHH
TỬ BẾP BLOOM

Địa chỉ: Lô H3, Đường Đ4, Khu Công Nghiệp Minh
III, Phường Minh Hưng, Thành phố Đồng Nai,

GIÁM ĐỐC:

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG
& XÂY DỰNG VIỆT XANH

Địa chỉ: 37, đường DX040, tổ 23, khu 5
P. Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh

GIÁM ĐỐC:

HOÀNG THỊ HIẾU

QUẢN LÝ KỸ THUẬT:
KS. NGUYỄN HẠNH

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ :

KTS. KIM HOÀNG

THIẾT KẾ - VẼ:

KTS. NGUYỄN ĐOÀN

TÊN CÔNG TRÌNH:

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI

ĐỊA ĐIỂM:

Địa chỉ: Lô H3, Đường Đ4, Khu Công Nghiệp Minh
III, Phường Minh Hưng, Thành phố Đồng Nai,

HẠNG MỤC:

BUỒNG PHUN SƠN MÀNG NƯỚC
KHU VỰC SƠN SỬA MÀU: KT18

TÊN BẢN VẼ:

CHI TIẾT THANG KỸ THUẬT

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH:

THIẾT KẾ SƠ PHÁC ☐ THAM KHẢO ☐
THIẾT KẾ SƠ BỘ ☐ THI CÔNG ☐
XIN PHÉP ☐ HOÀN CÔNG ☒

KÝ HIỆU BẢN VẼ:

MÃ SỐ HS	/...../.....	SỐ BẢN VẼ
TỈ LỆ	/	(TK:44)
PHÁT HÀNH		44

GHI CHÚ: